NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK

Số: 3368./2026/CV-VB
No.: 3368./2026/CV-VB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP. Cần Thơ, ngày 07 tháng 10 năm 2026
Can Tho City, Day 07 Month 10 Year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
DISCLOSURE OF UNUSUAL INFORMATION

Kính gửi/ *To*:

- **Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ State Securities Commission**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/ *Name of organization:* Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín/ *Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank:*
   - Mã chứng khoán/Mã thành viên/ *Stock code/ Broker code:* VBB
   - Địa chỉ/Address: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ / *47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City*
   - Điện thoại liên hệ/Tel.: (0299) 3621454 Fax: (0299) 3621858 E-mail:
2. Nội dung thông tin công bố/ *Contents of disclosure:*
   - Nghị quyết số 202/2026/NQ-HĐQT ngày 07/10/2026 của Hội đồng quản trị về việc Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2026 và một số nội dung liên quan khác / *Resolution No. 202/2026/NQ-HDQT dated 07/10/2026 of the Board of Directors regarding the approval of the record date for determining the list of shareholders entitled to exercise their pre-emptive rights in the 2026 public offering of additional shares and other related matters.*
   - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 467/GCN-UBCK ngày 01/10/2026/ *Certificate of Registration for Public Offering of Additional Shares No. 467/GCN-UBCK dated October 01st, 2026.*
   - Bản Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng/Notice of Public Offering of Shares.
   - Bản cáo bạch/ *Prospectus.*
   - Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua chứng khoán/ *Notice of Record Date for Rights Offering.*

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/10/2026/This information is published on the Company's website 07/10/2026: *https://www.vietbank.com.vn/nha-dau-tu/cong-bo-thong-tin.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- *Nghị quyết số 202/2026/NQ-HĐQT ngày 07/10/2026 của Hội đồng quản trị v/v Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2026 và một số nội dung liên quan khác /Resolution No. 202/2026/NQ-HDQT dated 07/10/2026 of the Board of Directors regarding the approval of the record date for determining the list of shareholders entitled to exercise their pre-emptive rights in the 2026 public offering of additional shares and other related matters.*
- *Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 467/GCN-UBCK ngày 01/10/2026/ Certificate of Registration for Public Offering of Additional Shares No.467/GCN-UBCK dated October 01st 2026.*
- *Bản Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng/ Notice of Public Offering of Shares.*
- *Bản cáo bạch/ Prospectus.*
- *Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua chứng khoán/ Notice of Record Date for Rights Offering.*

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/
LEGAL REPRESENTATIVE
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 2200269805-C.T.C.P NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Digitally signed by NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
DN: C=VN, L=CẦN THƠ, CN=NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:2200269805, E=VIETBANK@VIETBANK.COM.VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-10-07 19:41:25
Foxit Reader Version: 9.7.0

THE STATE SECURITIES COMMISSION ISSUING THE CERTIFICATE OF REGISTRATION OF THE PUBLIC OFFERING OF SECURITIES ONLY MEANS THAT THE REGISTRATION OF THE OFFERING OF SECURITIES HAS BEEN PERFORMED IN ACCORDANCE WITH THE REGULATIONS OF RELEVANT LAWS WITHOUT IMPLICATION GUARANTEEING THE VALUE OF THE COMPANY AND THE VALUE OF THE SECURITIES. ANY STATEMENTS TO THE CONTRARY HEREIN ARE ILLEGAL.

PROSPECTUS

VIETBANK

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

(Business registration certificate No. 2200269805 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now Can Tho City Department of Finance) issued for the first time on January 12, 2007, 28th change registration dated August 28, 2023)

OFFERING ADDITIONAL SHARES TO THE PUBLIC

(Offering registration certificate No. 467/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on October 1, 2026)

CONSULTING ORGANIZATION

MB SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

MBS

This prospectus and its appendices will be made available from 01 month 10. 2026 at the following locations:

1. Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VIETBANK)

Address	:	47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City
Phone	:	(84-29) 9362 1454
Fax	:	(84-29) 9362 1858
Website	:	https://www.vietbank.com.vn/

2. MB Securities Joint Stock Company (MBS)

Address	:	Area 1, Floor 7-8, MB Building, 21 Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi City
Phone	:	(84-24) 7304 5688
Fax	:	(84-24) 3726 2601
Website	:	https://mbs.com.vn/

In charge of information disclosure:

Full name	:	**Ms. Tran Thi Ngoc Ly**
Position	:	Deputy General Director
Phone number	:	(84-29) 9362 1454

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Business registration certificate No. 2200269805 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now the Department of Finance of Can Tho City) for the first time on January 12, 2007, registered for the 28th change on August 28, 2023; License for establishment and operation No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK, Decision No. 1691/QD-NHNN dated July 22, 2026 of the State Bank of Vietnam on amending the content of Charter Capital in the License for establishment and operation of VIETBANK, Decision No. 57/QD-QLGS5 dated June 26, 2026 of the State Bank of Vietnam on adding operational content to the Establishment and Operation License of VIETBANK.

OFFERING ADDITIONAL SHARES TO THE PUBLIC

Stock name: Shares of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Type of shares: Common shares

Par value: 10,000 VND/Share (Ten thousand VND/share)

Offering price: 10,000 VND/Share (Ten thousand VND/share)

Total number of shares offered: 296,146,651 shares

Total value of shares offered at par value: 2,961,466,510,000 VND

AUDIT ORGANIZATION:

Financial statements for 2024, 2025 and semi-annual financial statements for 2026 are audited/reviewed by:
Ernst & Young Vietnam Company Limited

Head office address	:	Floor 28, Bitexco Financial Center, No. 2, Hai Trieu Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
Phone number	:	(84-28) 3824 5252
Fax number	:	(84-28) 3824 5250
Website	:	https://www.ey.com/

CONSULTING ORGANIZATION:

MB Securities Joint Stock Company

Head office address	:	Area 1, Floor 7-8, MB Building, No. 21 Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi City
Phone number	:	(84-24) 7304 5688
Fax number	:	(84-24) 3726 2601
Website	:	https://mbs.com.vn/

TABLE OF CONTENTS

I. PEOPLE PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THE PROSPECTUS 7

1. Issuer 7
2. Consulting organization 7

II. RISK FACTORS 8

1. Economic risks 8
2. Legal risks 11
3. Specific risks 12
4. Offering-related risks 15
5. Dilution risk 16
6. Corporate governance risks 19
7. Other risks 19

III. DEFINITIONS 20

IV. SITUATION AND CHARACTERISTICS OF THE ISSUER 22

1. General information about the Issuer 22
2. Summary of formation and development process 24
3. Organizational structure of the Issuing Organization 31
4. Administrative structure and management apparatus of the Issuing Organization 40
5. Information on parent company, subsidiaries of the Issuer, companies that hold controlling stakes or controlling shares of the Issuer, and companies in which the Issuer holds controlling stakes or controlling shares 66
6. Information about the process of increasing and decreasing the Charter Capital of the Issuer 67
7. Information on large capital contributions and divestments of the Issuer in other enterprises 82
8. Information about outstanding securities 82
9. Information on foreign ownership ratio 85
10. Business activities 85
11. Policies for employees 135
12. Dividend policy 137
13. Information on the use of capital obtained from the most recent offering 137
14. Information about the Issuer's unfulfilled commitments 142
15. Information on potential debt obligations, litigation disputes related to the Issuer that may affect the business operations, financial situation of the Issuer, the offering, and projects using capital obtained from the offering 142
16. Information about the commitment of the Issuer not being prosecuted for criminal liability or having been convicted of one of the crimes of violating the economic management order without having his criminal record erased 143

V. BUSINESS RESULTS, FINANCIAL STATUS AND EXPECTED PLAN 144

1. Business performance results 144
2. Financial situation 147
3. Opinion of the Auditing Organization on the Financial Statements of the Issuing Organization 159
4. Revenue, profit, dividend plan 160

VI. INFORMATION ABOUT FOUNDING SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS, MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, INSPECTOR, GENERAL DIRECTOR, DEPUTY GENERAL DIRECTOR, CHIEF ACCOUNTANT. 162
1. Information about founding shareholders 162
2. Information about major shareholders 162
3. Information about members of the Board of Directors, Controllers, General Director, Deputy General Director, Chief Accountant 162

VII. INFORMATION ON THE OFFERING 184
1. Share type 184
2. Par value of shares: VND 10,000/share. 184
3. Total number of shares offered 184
4. Total value of shares offered at par value 184
5. Expected offering price 184
6. Pricing method 184
7. Distribution method 184
8. Share purchase registration 186
9. Estimated schedule for share distribution 187
10. Method of exercising rights (in case of offering preferential shares): 188
11. Restrictions related to the transfer of shares 189
12. Blocked account for receiving subscription payments for shares 189
13. Opinions of competent authorities on the increase in Charter Capital of the Issuer 189
14. Cancellation of the offering 190
15. Measures to ensure compliance with foreign ownership regulations 190
16. Relevant taxes 190
17. Information about commitments 191
18. Information about other securities offered and issued in the same offering 191

VIII. PURPOSE OF OFFERING 192
IX. PLAN FOR USING THE PROCEEDS FROM THE OFFERING 192
X. Partners involved in the offering 194
1. Partners involved in the offering 194
2. Opinion of the advisory organization on the public offering 194
3. Opinions of experts on the offering 194

XI. OTHER IMPORTANT INFORMATION THAT MAY INFLUENCE INVESTORS' DECISIONS 194

XII. DATE, SIGNATURE AND SEALS OF THE REPRESENTATIVES OF THE ISSUER (CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS, CHIEF EXECUTIVE OFFICER, CHIEF ACCOUNTANT) AND OF THE ADVISORY ORGANIZATION 195
XIII. APPENDIX 197

LIST OF TABLES

Table 1: Information about VIETBANK's Charter Capital increase process 68
Table 2: Information on outstanding shares of the Issuer as of July 31, 2026 82
Table 3: List of issued and outstanding bonds at VIETBANK 83
Table 4: Proportion of products and services in total revenue (consolidated) 85
Table 5: Proportion of products and services in total revenue (separated) 86
Table 6: Proportion of products and services in net profit (consolidated) 88
Table 7: Proportion of products and services in net profit (separated) 89
Table 8: Capital mobilization structure of VIETBANK (consolidated) 90
Table 9: Capital mobilization structure of VIETBANK (separated) 91
Table 10: Structure of VIETBANK's customer deposits (Consolidated) 91
Table 11: Structure of VIETBANK's customer deposits (separated) 92
Table 12: Loan balance by term (consolidated) 93
Table 13: Loan balance by term (separated) 93
Table 14: Loan balance by economic sector (Consolidated) 94
Table 15: Loan balance by economic sector (separated) 95
Table 16: Outstanding loans by customer and type of business (Consolidated) 97
Table 17: Outstanding loans by customer and type of business (separated) 98
Table 18: Classification of VIETBANK credit quality 99
Table 19: Operational safety ratio and overdue debt ratio at VIETBANK 100
Table 20: VIETBANK's provisioning situation 101
Table 21: Income and net profit from foreign exchange and payment business activities (Consolidated) 101
Table 22: Income and net profit from foreign exchange and payment business activities (Separated) 102
Table 23: Investment securities and trading securities at VIETBANK (consolidated) 105
Table 24: Investment securities and trading securities at VIETBANK (separated) 105
Table 25: Tangible fixed assets (consolidated) 107
Table 26: Tangible fixed assets (separated) 108
Table 27: Intangible fixed assets (consolidated) 109
Table 28: Intangible fixed assets (separated) 110
Table 29: Some major assets of VIETBANK as of June 30, 2026 111
Table 30: Size of equity and outstanding loans of VIETBANK 130
Table 31: Comparison of the scale of VIETBANK and some other banks 131
Table 32: Business development projects 131
Table 33: Number and structure of VIETBANK's employees 135
Table 34: Dividend payment ratio in recent years 137
Table 35: Use of capital obtained from the stock offering to existing shareholders in 2024 138
Table 36: Use of capital obtained from the stock offering to existing shareholders in 2025 140
Table 37: Potential obligations and other commitments of VIETBANK 143
Table 38: Some indicators of VIETBANK's business activities in 2024, 2025 and the first 6 months of 2026 - Consolidated 144
Table 39: Some indicators of business activities in 2024, 2025 and the first 6 months of 2026 – Separated 144
Table 40: Report on Charter Capital of VIETBANK (consolidated) 147
Table 41: Report on Charter Capital of VIETBANK (separated) 147

Table 42: Report on business capital of VIETBANK (consolidated) 148
Table 43: Report on business capital sources of VIETBANK (separated) 148
Table 44: Status of using Charter Capital and business capital of VIETBANK (consolidated) . 149
Table 45: Situation of using Charter Capital and business capital of VIETBANK (separated) . 149
Table 46: Average income of VIETBANK 151
Table 47: Average income of other banks in the last 2 years 152
Table 48: Debt situation - Consolidation 152
Table 49: Debt situation – Separated 153
Table 50: Details of statutory payables – Consolidated 155
Table 51: Details of statutory payables – Separated 155
Table 52: Appropriation of funds of the Bank - Consolidated 156
Table 53: Appropriation of funds of the Bank - Separated 156
Table 54: Some key financial indicators – Consolidation 156
Table 55: Some key financial indicators – Separated 158
Table 56: Revenue and profit plan for 2026 160
Table 57: List of members of the Board of Directors of VIETBANK 162
Table 58: List of members of VIETBANK Supervisory Board 171
Table 59: List of members of VIETBANK's Board of General Directors 175

LIST OF FIGURES

Figure 1: Vietnam GDP growth rate over the years 9
Figure 2: Inflation rate over the years 11
Figure 3: Organizational structure of the Issuing Organization 31
Figure 4: Governance structure of the Issuing Organization 40
Figure 5: Total assets of commercial banks listed/registered for trading at June 30, 2026 129

PROSPECTUS CONTENT

I. PEOPLE PRIMARILY RESPONSIBLE FOR THE CONTENT OF THE PROSPECTUS

1. Issuer

(Mr.) **Duong Nhat Nguyen**	Position: Chairman of the Board of Directors
(Mr.) **Pham Linh**	Position: Deputy General Director in charge of operations[1]
(Mrs.) **Nguyen Thi Thuy Minh**	Position: Chief Accountant

We ensure that the information and data in this Prospectus are accurate and truthful and commit to take responsibility for the truthfulness and accuracy of this information and data. Within the scope of our responsibilities and knowledge, we ensure that there are no erroneous information or data that could affect the information in the Prospectus.

2. Consulting organization

MB Securities Joint Stock Company

Authorized representative: (Mrs.) Le Thi Thu Hien

Position: Acting Director of Investment Banking Services

(According to Power of Attorney No. 22/2026/MBS-UQ dated April 16, 2026 of the Legal Representative of MB Securities Joint Stock Company).

This prospectus is part of the registration dossier for additional public offering of shares prepared by MB Securities Joint Stock Company on the basis of Consulting Services Contract No. 196-026/HDMS-VB/HCQT/CKMB dated June 2, 2026 with Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank. Within the scope of our responsibilities and knowledge, we ensure that the analysis, evaluation and choice of language in this Prospectus have been carried out in a reasonable and careful manner based on the information and data provided by Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

[The rest of the page is intentionally left blank]

[1]On July 11, 2026, the Board of Directors of VIETBANK issued Decision No. 133/2026/QD-HĐQT on assigning the position of Deputy General Director in charge of operating VIETBANK to Mr. Pham Linh.

II. RISK FACTORS

1. Economic risks

I.1. Risks in the business environment

The business environment and economic growth rate are one of the important factors, directly affecting the growth rate of most industries and sectors of the economy. Economic growth in general will increase social consumption demand, increase the number of jobs, increase per capita income, promote the increase of industrial output and help businesses expand product consumption markets. When the business environment is favorable, with little change and the economy grows, business opportunities for businesses also increase and vice versa.

The world economic and political situation continues to evolve in a complicated and unpredictable manner due to the intertwined impacts of geopolitical conflicts in many regions, including the Middle East; Trade tensions between major economies and the trend of increasing trade protection measures. Global economic growth and trade have recovered slowly, affected by supply chain fragmentation, energy price fluctuations and risks from climate change. Although inflationary pressures in many countries have gradually been controlled, central banks still maintain cautious monetary policies, while the USD exchange rate, international interest rates and basic commodity prices are still highly volatile, creating pressure on production and business activities and the global financial market.

In 2025, Vietnam's economy continues to maintain a positive recovery momentum in a volatile world economic context. According to data published by the Department of Statistics (Ministry of Finance), GDP in 2025 grew with an estimated increase of 8.02% compared to the previous year, only lower than the growth rate of 2022 in the period 2011-2025. The main driving force of growth comes from the agriculture, forestry and fishery sector (up 3.78%, contributing 5.30%), the industry and construction sector (up 8.95%, contributing 43.62%) and the service sector (up 8.62%, contributing 51.08%). The scale of the economy reached about 514 billion USD, an increase of 38 billion USD compared to 2024. Average income per capita at current prices in 2025 is estimated to reach about 5.9 million VND/person/month, an increase of 9.3% compared to the previous year.[2]

Entering 2026, Vietnam's economy continues to show signs of stable and sustainable recovery. According to the Department of Statistics, GDP in the first 6 months of 2026 is estimated to increase by 8.18% over the same period last year (the first 6 months of 2025 increased by 7.63%), a positive result in the context of a still volatile global economy. In particular, the industry and construction sector continues to play the main growth driver role with an increase of 9.81%, contributing 47.20% and continuing to lead growth of the entire economy. The service sector increased by 8.09% thanks to the recovery of trade, transportation, tourism and consumer activities; while the agriculture, forestry and fisheries sector maintained a stable growth rate of 3.87%. The trade balance of goods is estimated to have a trade deficit of 16.65 billion USD, thanks to an estimated import turnover of goods in the first 6 months of 2026

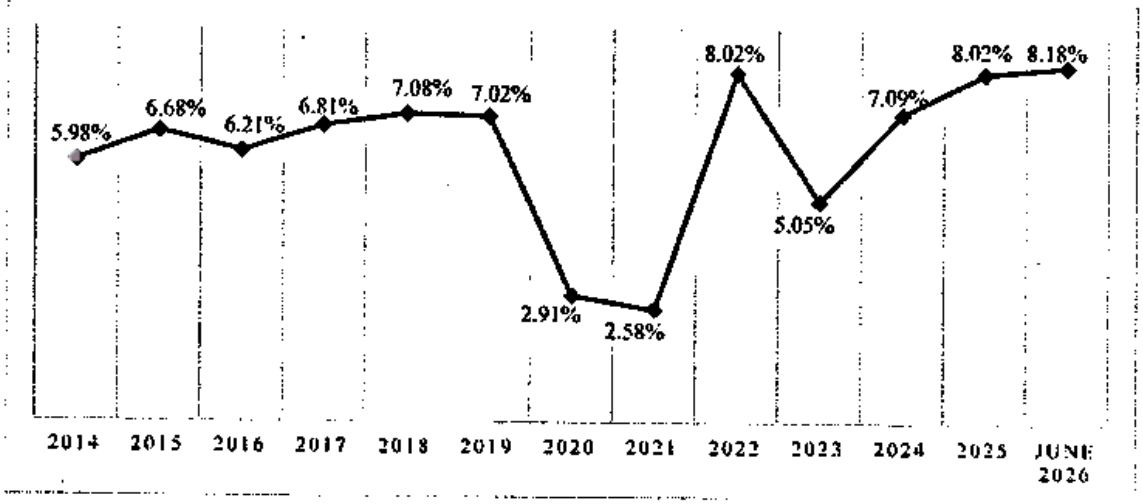
[2]Source: Department of Statistics at: https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-Kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/

reaching 283.17 billion USD and an export turnover of goods reaching 266.52 billion USD. [3]

In general, Vietnam's economy in the first half of 2026 continues to record many positive signs. However, the economic outlook still faces many uncertain factors from the external environment, including pressure from global trade protection trends, exchange rate fluctuation risks, dependence on a number of main export markets along with developments in monetary policy of the US Federal Reserve (FED). These factors can affect the production and business activities of enterprises, people's income and the ability to create cash flow to fulfill customers' debt repayment obligations, thereby affecting credit demand, asset quality and Vietbank's operational efficiency. In that context, VIETBANK needs to continue to maintain a prudent risk management policy, improve operating capacity and proactively build scenarios to respond to market fluctuations to ensure safe operations, efficiency and sustainable development.

The Issuer cannot make any guarantees regarding the future development of the Vietnamese economy. A downturn in the Vietnamese economy could adversely affect VIETBANK's business, financial situation, operating results and prospects.

Figure 1: Vietnam's GDP growth rate over the years1



Source: Department of Statistics

1.2. Inflation risks

Inflation is one of the macroeconomic factors that directly affects the operations of the financial and banking system through impacts on interest rates, exchange rates, capital costs, credit demand and customers' ability to repay debt. Inflation fluctuations can affect asset quality, capital mobilization costs and business performance of credit institutions.

In 2025, inflationary pressure mainly came from escalating military conflicts, trade competition between major countries, extreme weather phenomena, changes in US tariff policy... According to the Department of Statistics, Vietnam's average CPI in 2025 increased by 3.31% compared to 2024, reaching the target set by the National Assembly. The main reason comes from product groups such as Housing, electricity and water, fuel and construction

[3]Source: Department of Statistics at: https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/07/bao-cao-tinh-hinh- Kinh-te-xa-hoi-quy-ii-va-sau-thang-dau-nam-2026/

materials increasing by 6.08%, Medicines and medical services increasing by 13.07% and Other goods and services increasing by 4.78%. On the contrary, two factors contributing to curbing the CPI growth rate in 2025 include the Transport group index decreasing by 2.14% and the Information and Communications group decreasing by 0.45%.[4]

Entering 2026, inflationary pressure tends to increase compared to the previous year. According to the Department of Statistics, the average CPI in the first 6 months of 2026 increased by 4.38% over the same period while core inflation increased by 4.12%. Severely escalating geopolitical conflicts in the Middle East have directly disrupted global energy supplies. This development reflects the impact of the continued increase in input costs, especially the prices of fuel, energy, construction materials and logistics costs, in the context of complicated geopolitical conflicts in the Middle East region, increasing the risk of disruption to the global energy supply and putting pressure on the price level of goods and services. In the CPI structure, the Housing, electricity, water, fuel and construction materials group increased by 6.72%; Transportation group increased by 5.23%, of which fuel prices increased by 8.90%; and the Food and beverage services group increased by 4.79%, thereby contributing significantly to the overall CPI increase in the period. Inflation developments in recent times are generally still within the Government's operating goals, contributing to macroeconomic stability.[5]

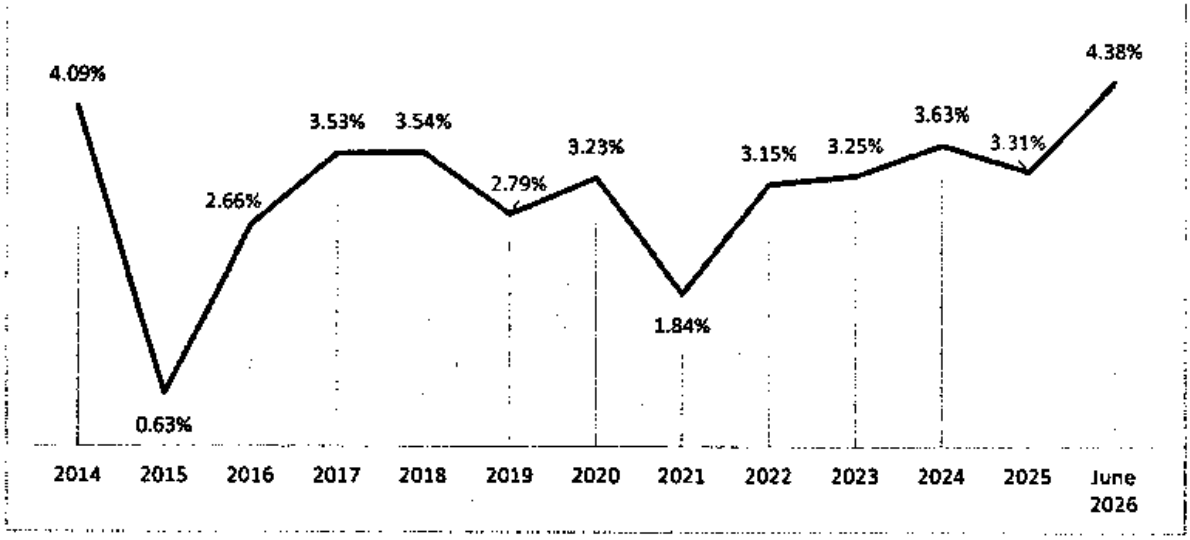
Although inflationary pressure is increasing, the price level is still generally controlled thanks to proactive and flexible management solutions of the Government and the State Bank of Vietnam. This contributes to maintaining macroeconomic stability, creating a favorable environment for production and business activities of enterprises and supporting the development of the financial market.

Although inflation has been controlled at an appropriate level in recent years, the Issuer cannot guarantee that inflationary pressures will not increase in the future. High inflation can increase capital mobilization costs, affect interest rates and narrow net interest margin (NIM) if lending interest rates are not adjusted accordingly. At the same time, high inflation can also affect customers' ability to repay debt, increasing credit risk and provision costs of the Bank. These factors may adversely affect the Issuer's financial condition, results of operations and ability to implement its business plans.

[4]Source: Department of Statistics at: https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-Kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/

[5]Source: Department of Statistics at: https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/07/chi-so-gia-tieu-dung-chi-so-gia-vang-va-chi-so-gia-do-la-my-thang-sau-quy-ii-va-6-thang-dau-nam-2026/

Figure 2: Inflation rate over the years2



Source: Department of Statistics

2. Legal risks

The Issuer's activities, in the banking and financial services sector, are monitored by strict regulations in Vietnam, including those of the State Bank of Vietnam. The legal and regulatory framework has been and will continue to evolve in accordance with the rapid development of the financial services industry in Vietnam. In addition, it should be noted that State agencies in Vietnam, including the State Bank of Vietnam ("SBV"), are increasingly introducing higher standards, along with guidelines and management requirements to better control the natural changes of the banking system, especially in the field of risk management.

VIETBANK is a large-scale public joint stock commercial bank, registered to list shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange. VIETBANK's operations are directly and indirectly regulated by many different legal documents, including but not limited to: Law on Credit Institutions, Law on Enterprises, Law on Securities, Law on Investment, Law on Land, Law on Housing, Law on Real Estate Business,... Each of these laws has a system of documents. Implementation instructions include many decrees and circulars, in which the stability of the circulars is not high and changes frequently. Therefore, it can be said that the current legal system in the financial and banking sectors of Vietnam is quite intertwined, intertwined and complicated, causing the operations of joint stock commercial banks like VIETBANK to potentially pose some basic legal risks as follows:

- The instability of the legal system: The frequent promulgation, amendment, and supplementation of legal regulations (especially subordinate legal documents) shows that Vietnam's competent agencies have closely followed developments in the economy, reacting quickly to changes thereby to adjust legal policies accordingly. However, besides the positive impact, some newly issued legal documents may have a negative impact on the operations of credit institutions and foreign bank branches in the short term. At the same time, frequent amendments and supplements show some of the lack of stability and permanence of legal policies, which can make it difficult for businesses to plan medium and long-term business strategies and plans. This is also a sign of typical risks of the legal

systems of developing economies like Vietnam.

- Inconsistency between legal regulations: the fact that many state agencies are assigned the authority to promulgate mechanisms, policies, and laws to regulate an issue sometimes leads to cases where the guidance content of one agency is not consistent with the guidance content of another agency, leading to difficulties for individuals and businesses in choosing the law to apply to ensure compliance with legal regulations and prevent arising legal risks.
- Inconsistency in the interpretation and application of laws by competent authorities: The interpretation and guidance of state management agencies, inspection and auditing agencies or the application of judicial agencies (courts, procuracy) to some issues sometimes leads to cases where the content of guidance on legal issues is not clear and specific, in some cases it may not be consistent, which can cause disadvantages and risks forindividuals and businesses in the process of complying with the law.
- Currently, the finance and banking sector is one of the economic sectors that the Vietnamese Government pays special attention to. Legal regulations on finance and banking are constantly being improved and perfected to create a strict and progressive legal framework in accordance with international practices and standards, contributing to promoting and stabilizing the operations of credit institutions and the economy in general. However, currently, legal policies in this field are still in the process of being completed, and it is not possible to predict exactly when they will achieve stability and certainty like the legal systems of countries with developed economies.
- The effects of future changes in policies and laws are unpredictable and beyond VIETBANK's control.

Besides, VIETBANK must comply with separate regulations on accounting, preparation and presentation of financial reports and information disclosure. VIETBANK prepares consolidated financial statements in accordance with Vietnamese accounting standards (VAS), the accounting system of Vietnamese credit institutions and legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements. Regulations on accounting, information disclosure and management may be amended and supplemented from time to time, requiring VIETBANK to adjust related policies, systems and processes, and may incur compliance costs and affect the preparation, presentation and disclosure of VIETBANK's financial information.

There is no guarantee that the above changes in regulations and policies will not adversely affect the business, financial situation and results of operations of the Issuer.

3. Specific risks

3.1. Credit risk

Credit risk can occur when the Customer fails to perform or improperly performs the obligation to fully and on time pay principal and interest on loans granted credit or guaranteed by the Bank. When credit risk occurs, it will lead to the possibility of not collecting the Customer's debt, causing the Bank's business situation to decline and be at risk.

3.2. Market risks

Market risk is the risk caused by adverse fluctuations in interest rates, exchange rates, gold prices, stock prices and commodity prices on the market. Market risk arises from adverse changes in the value of asset positions or portfolios due to changes in market prices, interest rates or exchange rates. Within the scope of VIETBANK's proprietary trading activities, VIETBANK only incurs interest rate and exchange rate risks. VIETBANK currently does not incur risks in gold prices, stock prices and commodity prices due to no self-trading activities in gold, stocks and commodities.

Interest rate risk arises due to adverse fluctuations in market interest rates for VIETBANK's trading Book portfolio.

Foreign exchange risk arises due to adverse fluctuations in exchange rates on the market when VIETBANK has foreign currency positions.

3.3. Interest rate risk on the banking book

Interest rate risk on the banking book is the risk of adverse fluctuations in interest rates on VIETBANK's income, asset value, liability value and off-balance sheet commitment value arising due to: (i) Differences in the time of setting new interest rates or interest rate redetermination period; (ii) Changing the relationship between interest rates of different financial instruments but with the same maturity date; (iii) Changing the relationship between interest rates at different terms; (iv) Impact from interest rate option products and products with interest rate option elements.

VIETBANK manages interest rate risk on the banking book according to the principle of prudence. The interest rate risk status on the Bank's banking book is measured through modern tools and models and managed by setting limits and implementing daily and weekly monitoring and supervision mechanisms. Implementing interest rate risk management on the banking book ensures a management process with solid methodologies, helping to measure and monitor base interest rate risk to meet international practices such as Basel II and aim to meet Basel III as well as comply with the regulations of the State Bank of Vietnam.

3.4. Operational risks

Operational risk is the risk due to inadequate or erroneous internal regulations, human factors, errors, system failures or external factors that cause financial loss and non-financial negative impacts on VIETBANK (including legal risks). Operational Risk does not include Reputation Risk and Strategic Risk.

3.5. Liquidity risk

Liquidity risk mainly arises from the tendency of banks to use short-term mobilized capital for medium and long-term loans. In addition, frequent or unexpected withdrawals by depositors in large volumes also create liquidity risks for VIETBANK's ability to ensure cash when meeting customers' withdrawal needs. Liquidity is an important issue in VIETBANK's business operations, referring to VIETBANK's ability to pay and fulfill its financial obligations. Therefore, liquidity risk is of special concern to VIETBANK.

3.6. Concentration risk

Concentration risk is the risk that arises when VIETBANK's business activities focus on one customer (including related persons), one partner, product, transaction, currency at a level that has a significant impact on income and risk status according to VIETBANK's internal regulations.

3.7. Risks from off-balance sheet activities

During business operations, the Bank implements financial instruments related to off-balance sheet items. Off-balance sheet indicators in the Bank's financial statements are exchange transaction commitments and contingent debt obligations. These financial instruments also create credit risks for the Bank in addition to the credit risks recorded in the balance sheet. That is the possibility of bringing credit risk to the Bank when one of the parties involved in those financial instruments does not fulfill the terms of the contract.

Foreign exchange transaction commitments are mainly derivative transactions/contracts (buying/selling foreign currency with forward or swap transactions), so they have a low level of risk. Potential debt obligations include loan guarantee commitments, letter of credit (L/C) commitments and other guarantee commitments.

Risks arising from off-balance sheet activities occur when the customer is unable to pay the beneficiary (such as losing the ability to pay L/C, not performing guaranteed obligations,...). At that time, VIETBANK will have to fulfill the obligation to pay the beneficiary on behalf of the customer. These obligations are accounted for on the balance sheet as mandatory credits.

3.8. VIETBANK is a commercial bank operating in an increasingly competitive economy

VIETBANK is a joint stock commercial bank operating under the multi-function banking model, with a diverse ownership structure and independent capital operations, not dependent on Government capital. Since July 2019, VIETBANK's shares have been registered for trading on the UPCoM market with the stock code VBB. On July 14, 2026, VBB shares were officially listed and traded on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE), marking a new development in the process of improving the Bank's management capacity, transparency and position in the capital market.

VIETBANK's activities take place in the context of Vietnam's banking industry with an increasingly high level of competition. Banks must compete with domestic credit institutions, including commercial banks with state capital, joint stock commercial banks, as well as banks with 100% foreign capital, foreign bank branches and other financial institutions operating in Vietnam. In addition, the process of international economic integration, the implementation of commitments in free trade agreements and the trend of expanding the participation of foreign investors in the financial and banking sector can increase the level of competition in the market.

In that context, if VIETBANK does not promptly improve its financial capacity, product and service quality, technological capacity, risk management and ability to attract and maintain customers, the Bank may have an adverse impact on its ability to expand market share, business performance and financial results.

3.9. Other specific risks

- **Risks related to money laundering, terrorist financing and financing the proliferation**

of weapons of mass destruction

Pursuant to the provisions of the Law on Prevention of Money Laundering No. 14/2022/QH15 of the National Assembly signed on November 15, 2022: Money laundering is an act of organizations and individuals to legalize the origin of assets obtained from crime. VIETBANK is a credit institution, so VIETBANK will face risks related to money laundering and terrorist financing of the proliferation of weapons of mass destruction.

In the context of globalization, risks related to money laundering/terrorist financing and financing of the proliferation of weapons of mass destruction are a challenge to the banking system in general and VIETBANK in particular. In order to limit the above risks, VIETBANK ensures full and effective compliance with the regulations and requirements of the law and the State Bank of Vietnam on preventing money laundering, terrorist financing, financing the proliferation of weapons of mass destruction to fight financial crimes and complying with reporting under the FATCA Act.

VIETBANK's internal regulations on money laundering/terrorist financing/financing of the proliferation of weapons of mass destruction are always regularly updated, closely following the direction, guidance, and warning documents from the State Bank of Vietnam and are a "guideline" for all employees to follow.

❖ **Industry risks**

The development of the economy leads to the inevitable development of the banking industry. The development of optimal financial products contributes to increasing the speed of capital flow in the economy. At the same time, customers also have the opportunity to use the most modern and appropriate financial services. Along with the development of the banking industry is fierce and comprehensive competition between commercial banks in terms of deposit interest rates, lending interest rates, incentives to attract new customers and take care of old customers such as reduced or free transaction fees...

❖ **Information technology system risks**

Information technology systems can potentially pose certain risks to banking business activities. Risks can come from other causes such as: VIETBANK must use software, technology support, transmission lines, and supply systems from many different suppliers; from users not strictly complying with operating, administration, control, security, system safety procedures or from risks caused by natural disasters and fires; risks from cyber attacks,... In addition, the process of digitizing and modernizing core technology also poses risks: system integration capabilities, data security risks, legal compliance; The investment cost is large but the effectiveness is not guaranteed immediately,...

4. Offering-related risks

4.1. Risks associated with the offering

This stock offering is carried out by the method of offering to existing shareholders of VIETBANK without an underwriting organization. Therefore, in case existing shareholders do not exercise their right to buy all the allocated shares, and no investors register to buy the remaining shares, the offering may not be fully distributed as planned, leading to the risk of

not mobilizing enough expected capital.

This may affect the progress of implementing plans to use capital from the offering and slow down the process of implementing the Bank's proposed strategic goals.

4.2. Risks regarding the use of proceeds obtained from the offering

The entire capital increase from issuing shares to existing shareholders in 2026 of VND 2,961,466,510,000 is expected to be used for the purpose of supplementing business capital to increase the scale of the Bank's operating capital to meet the business growth target in 2026 and the following years, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions.

However, using this capital source still has some potential risks, including:

- **Risk of not achieving expected results:** In case the business environment fluctuates unfavorably, credit activities grow slowly or asset quality declines, the efficiency of capital use may not be as expected, affecting the interests of shareholders.
- **Operating and supervision risks:** The allocation and use of capital needs to strictly comply with internal processes, legal regulations and strict control from the Executive Board and the Board of Directors. If supervision is not adequately implemented, governance and compliance risks may arise.

5. Dilution risk

5.1. Diluted net income per share – EPS

The difference in the growth rate of the Bank's profit and equity will affect the EPS index as well as the Bank's book value, specifically as follows:

- Calculation formula:	EPS (basic) = $\frac{\text{Profit after corporate income tax}}{\text{Number of outstanding shares}}$		
- Number of outstanding shares (as of July 30, 2026):		(1)	1,184,586,604
- Number of shares offered this time:		(2)	296,146,651
- Expected circulating shares after offering:		(3) = (1)+(2)	1,480,733,255
- Profit after tax in 2025 (million VND):		(4)	1,209,590
- Average number of shares in circulation in 2025		(5)	761,227,781
- EPS in 2025 (VND/share):		(6) = (4)/(5)	1,589

Basic earnings per share (EPS): may decline as after-tax profits are divided among a larger number of shares. However, the level of net income per share dilution will depend on the number of shares that VBB successfully offers in this round.

Calculation formula:

$$EPS = \frac{\text{Profit after corporate income tax}}{\text{Average number of outstanding shares during the period}}$$

In which:

$$\text{Average number of outstanding shares during the period} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- ✓ X: Volume of outstanding shares before issuance
- ✓ Y: Volume of additional shares issued
- ✓ T: Actual circulation time during the year of additional shares issued (months)

It is expected that this issuance will be completed in the fourth quarter of 2026, EPS in 2026 may be diluted due to the increase in the average number of outstanding shares during the period.

However, the risk of diluting net income per share - EPS will be limited if VIETBANK optimally uses mobilized capital and maintains good business operations after the offering.

5.2. *Dilution of book value per share*

The calculation formula is as follows:

$$\text{Book value per share} = \frac{\text{Equity}}{\text{Volume of shares issued - Treasury shares}}$$

Item	Unit	At December 31, 2025	At June 30, 2026
Equity	million VND	12,431,567	13,154,026
Number of shares in circulation	CP	1,076,897,384	1,076,897,384
- Treasury shares	*CP*	*0*	*0*

Book value per share	VND	11,544	12,215

As of December 31, 2025, the book value according to the audited 2025 Consolidated Financial Statements **is 11,544 VND/share. As of June 30, 2026,** the book value according to the reviewed Consolidated Financial Statements June 30, 2026 **is 12,215 VND/share.**

At the end of the issuance, if the growth rate of equity is lower than the growth rate of the number of shares after the issuance (assuming no treasury shares are purchased), the book value of the shares will decrease.

The risk of diluting book value per share will be limited if VIETBANK optimally uses mobilized capital and maintains good business operations after the offering.

5.3. Dilution of holding and voting rights

The public offering through the issuance of purchasing rights targets existing shareholders of VIETBANK. The holding rate as well as voting rights of shareholders will be reduced by a proportion corresponding to the rate at which the shareholder refuses the right to buy in this issuance (compared to the time before the closing date of the list to exercise the right to buy additional issued shares that the shareholder has).

Therefore, after the offering, the holding rate as well as voting rights of shareholders may be reduced compared to the time before the offering if shareholders do not exercise the right to buy or do not exercise all the number of buying rights allocated in this issuance.

Giving up the right to buy or hold shares on the current market always carries much lower risks and does not directly involve the business. However, these risks are more or less comparable to direct or indirect risks to the interests of investors who own VBB shares, so investors need to make careful assessments on this issue.

5.4. Diluting stock market prices

VBB stock price will be subject to technical adjustment when issuing shares to offer additional shares to existing shareholders by exercising buying rights (ratio 100: 25). The market price of the shares after dilution at the ex-dividend date is calculated according to the following formula:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

In which:

- P_{tc}: is the reference price of VBB shares on the ex-dividend date.
- P_{t-1}: is the VBB stock price in the session before the ex-rights session.
- I: is the capital increase ratio.
- I_R: is the capital increase ratio related to the stock offering to existing shareholders.
- P_R: is the price of shares sold to people with the right to buy shares.

For example:

Suppose VBB stock price on the day immediately before the ex-dividend date is 11,000 VND/share (Pt-1). The capital increase ratio for existing shareholders in this issuance is 100: 25 or 25%. The offering price of additional shares issued to existing shareholders is 10,000 VND/share.

Thus, the reference price of VBB shares at the ex-dividend date is:

$$P_{tc} = \frac{11{,}000 + (25\% \times 10{,}000)}{1 + 25\%} = \textbf{10,800 VND/share}$$

6. Corporate governance risks

Corporate governance risks are risks that may arise during the process of organizing operations, coordination procedures between departments within the organization and control structure of the enterprise or risks arising from conflicts of interest of related parties and lack of transparency, unfair and inadequate treatment and unresolved conflicts in ensuring respect for the legitimate rights and interests of related parties as well as the Bank's shareholders.

7. Other risks

In addition to the above risks, other risks of force majeure can also affect VIETBANK's operations such as: natural disasters, enemy sabotage, dangerous epidemics, war, terrorism, etc. These risks create insecurity, cause damage, and affect the income of individuals and organizations that are customers of VIETBANK.

THE LIST OF RISK FACTORS SET FORTH ABOVE IS NOT A COMPLETE LISTING OR EXPLANATION OF ALL THE RISKS ASSOCIATED WITH INVESTING IN STOCKS.

[The rest of the page is intentionally left blank]

III. DEFINITIONS

The words or groups of abbreviations in this Prospectus have the following content:

Prospectus:	The Bank's information disclosure on financial situation and business operations is intended to provide investors with evaluation and investment decisions.
Shareholders:	Organization or individual that owns issued shares of the Bank.
Stock:	Charter Capital is divided into many equal parts.
Stocks:	Securities confirming the owner's legal rights and interests over a portion of equity capital.
Dividends:	Net profit is paid for each share in cash or other assets from the Bank's remaining profits after fulfilling financial obligations.
Charter:	The Bank's Charter was approved by the General Meeting of Shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank. The Charter is drafted in accordance with relevant legal provisions in Vietnam.
Charter Capital:	The capital contributed by all shareholders is recorded in the Charter of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank and is changed from time to time.
Issuing organization:	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
Audit organization:	ERNST & YOUNG Vietnam Co., Ltd. - is an independent auditing organization that audits the 2024 and 2025 financial statements and reviews the 2026 semi-annual financial statements of VIETBANK.

Abbreviated words or groups of words

VIETBANK, Issuer , Bank:	VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
VBB	Stock code of VIETBANK
MBS :	MB Securities Joint Stock Company
SSC:	State Securities Commission
GMS:	General Meeting of Shareholders
BOD:	Board of Directors
CEO:	General Director
BOS:	Supervisory Board
IT:	Information Technology

ISO:	Certificate of quality management system
ATM:	Automated teller machine
JSC:	Joint stock company
CB:	Commercial Bank
SBV:	State Bank of Vietnam
JSC:	Joint Stock Commercial
LTD:	Limited liability
CI:	Credit institutions
EO:	Economic organization
SE:	Stock Exchange
PC:	People's Committee
USD:	US Dollar
VND:	Vietnam Dong
RO:	Representative office
ALCO:	Asset and Liability Management Council
CC:	Credit Council .
L/C:	Letter Of Credit (Letter Of Credit)
RM:	Risk management
BC:	Business Center
VP:	Valuable papers
IC:	Individual Customers
BC:	Business Customers
PAB:	Production and Business
FA:	Fixed assets
FS:	Financial reports
KPI:	Key Performance Indicator (work performance index)

IV. SITUATION AND CHARACTERISTICS OF THE ISSUER

1. General information about the Issuer

Full name: NGAN HANG THUONG MAI CO PHAN VIET NAM THUONG TIN

English name: VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Abbreviation: VIETBANK

Abbreviated name in foreign language: VIETBANK

Stock code: VBB

Trading floor: Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE)

Head office: No. 47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City

Phone: (0299) 362 1454

Fax: (0299) 362 1858

Website: www.Vietbank.com.vn

Icon (logo):

VIETBANK
NGÂN HÀNG VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Charter Capital: 11,845,866,040,000 VND (according to Decision No. 1691/QD-NHNN dated July 22, 2026 of the State Bank of Vietnam on amending the content of Charter Capital in Vietbank's Establishment and Operation License).

Legal representative: Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the Board of Directors.

Business registration certificate number: Business registration certificate No. 2200269805 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now the Department of Finance of Can Tho City) for the first time on January 12, 2007, registered for the 28th change, on August 28, 2023.

Operating license: License for establishment and operation of VIETBANK Joint Stock Commercial Bank No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023; Decision No. 1691/QD-NHNN dated July 22, 2026 of the State Bank of Vietnam on amending the content of Charter Capital in the Establishment and Operation License of VIETBANK, Decision No. 57/QD-QLGS5 dated June 26, 2026 of the State Bank of Vietnam on adding operational content to the Establishment and Operation License of VIETBANK.

Main business lines: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is allowed to carry out commercial banking activities according to the provisions of law and the State Bank of Vietnam, including the following activities:

1. Receiving demand deposits, term deposits, savings deposits and other types of deposits.
2. Granting credit in the following forms:

a) Loan;

b) Discount, rediscount of negotiable instruments and other valuable papers;

c) Bank guarantee;

d) Issuing credit cards;

e) Domestic factoring.

3. Opening payment accounts for customers.

4. Providing domestic payment services:

a) Providing payment facilities;

b) Providing check payment services, payment orders, collections, collection orders, letters of credit, bank cards, collection and payment services.

5. Opening accounts:

a) Opening accounts at the State Bank of Vietnam;

b) Opening accounts at another credit institution or foreign bank branch.

6. Organizing internal payments, participate in the national interbank payment system.

7. Cash management services, banking and financial consulting; Asset management and preservation services, cabinet rental, safe deposit boxes.

8. Corporate financial consulting, consulting on buying, selling, consolidating, merging businesses and investment consulting.

9. Participating in bidding, buying and selling Treasury bills, negotiable instruments, Government bonds, State Bank of Vietnam bills and other valuable papers on the currency market.

10. Buying and selling Government bonds and corporate bonds.

11. Currency brokerage service.

12. Issuing certificates of deposit, promissory notes, bills, bonds to mobilize capital in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions, the Law on Securities, the Government's regulations and the guidance of the State Bank of Vietnam.

13. Borrowing capital from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing according to the provisions of the Law on the State Bank of Vietnam and the guidance of the State Bank of Vietnam.

14. Borrowing, lending, depositing, receiving capital deposits from credit institutions, foreign bank branches, domestic and foreign financial institutions in accordance with the provisions of law and instructions of the State Bank of Vietnam.

15. Contributing capital and buy shares according to the provisions of law and instructions of the State Bank of Vietnam.

16. Entrusting, taking entrustment, and acting as an agency in fields related to banking activities, insurance business, asset management according to the provisions of law and instructions of the State Bank of Vietnam.

17. Trading and providing foreign exchange services on the domestic market and on the international market within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam.

18. Buying and selling gold bars.

19. Investing in Government bond forward contracts.

20. Treasury services for credit institutions and foreign bank branches

21. Trading and supplying interest rate derivative products

22. Participating in the international payment system:

a) Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunications (SWIFT) System.

b) International card payment system of the international card organization Visa.

c) International card payment system of the international card organization MasterCard.

23. Other activities (after approval by the State Bank of Vietnam).

2. Summary of formation and development process

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is a joint stock commercial bank established in the Socialist Republic of Vietnam.

The Bank is allowed to operate under Operation License No. 2399/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on December 15, 2006. This license has been replaced by the License for establishment and operation of VIETBANK Joint Stock Commercial Bank No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023. The Bank operates under Business Registration Certificate No. 2200269805, 28th amendment, dated August 28, 2023 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now the Department of Finance of Can Tho City). The operating term under the license is 50 years from December 15, 2006.

The Bank's main activities in the current year include receiving demand deposits, term deposits, savings deposits and other types of deposits; granting credit in the form of loans, discounts, rediscounts of negotiable instruments and other valuable papers, bank guarantees, credit card issuance, domestic factoring; open payment accounts for customers; Providing domestic payment services (providing payment instruments, performing check payment services, payment orders, payment orders, collections, authorized collection, letters of credit, bank cards, collection and payment services); Open an account at the State Bank of Vietnam, at other credit institutions and foreign bank branches; Organize internal payments, participate in the national interbank payment system; cash management services, banking and financial consulting; Asset management and preservation services, cabinet and safe box rental; corporate finance consulting, consulting on buying, selling, consolidating, merging businesses and investment consulting; Participate in bidding, buying and selling Treasury bills, negotiable instruments, Government bonds, State Bank of Vietnam bills and other valuable papers on the monetary

market; buy and sell Government bonds and corporate bonds; currency brokerage services; issue certificates of deposit, promissory notes, bills, and bonds to mobilize capital in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions, the Law on Securities, the Government's regulations and the guidance of the State Bank of Vietnam; borrowing capital from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing according to the provisions of the Law on the State Bank of Vietnam and the guidance of the State Bank of Vietnam; borrow, lend, deposit, receive capital deposits from credit institutions, foreign bank branches, domestic and foreign financial institutions according to the provisions of law and instructions of the State Bank of Vietnam; contribute capital and buy shares according to the provisions of law and instructions of the State Bank of Vietnam; entrust, receive entrustment, and act as an agent in fields related to banking activities, insurance business, and asset management according to the provisions of law and instructions of the State Bank of Vietnam; trading and providing foreign exchange services on the domestic market and on the international market within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam; business of buying and selling gold bars; investing in Government bond futures contracts; Treasury services for credit institutions and foreign bank branches according to regulations; trading and providing interest rate derivative products; participating in international payment systems including the system of the Society for Worldwide Interbank Financial Telecommunications (SWIFT), the international card payment system of the international card organization Visa and the international card payment system of the international card organization MasterCard; Other activities (after approval by the State Bank of Vietnam).

Important milestones in VIETBANK's operations:

2006	- Established with Charter Capital of 200 billion VND.
2007	- VIETBANK was officially established, headquartered at 35 Tran Hung Dao, Soc Trang city, Soc Trang Province, creating a premise for network development nationwide; At the same time, VIETBANK also opened Soc Trang branch - the first branch of VIETBANK; - Increase Charter Capital to 500 billion VND.
Year 2008	- Increase Charter Capital to 1,000 billion VND.
2009	- Opening of City branch. Ho Chi Minh - VIETBANK's first branch in the City market. Ho Chi Minh.
2010	- Increase Charter Capital to 3,000 billion VND.
2015	- Continuously recognized with prestigious awards: ✓ Prestigious Brand ✓ Sustainable Development Enterprise 2015 - Network system of nearly 100 transaction points in 11 provinces and cities nationwide.
2016	- Increase Charter Capital to 3,249 billion VND;

	- Honored to receive the award "Vietnam Strong Brand"
2017	- Celebrating 10 years of establishment; - Converting Savings Funds into Transaction Offices; - Implementing the Corebanking project.
2018	- Increase Charter Capital to 4,105 billion VND, implement many projects to develop VIETBANK towards Digital Banking.
2019	- Increase Charter Capital to 4,190 billion VND; - Successfully transformed the core banking system; - Opened 18 new Business Centers in key provinces and cities across the country; - VBB shares are officially registered for trading on the stock trading market of unlisted public companies (UPCOM)
2020	- Successfully opened 5 new branches under difficult conditions of the Covid-19 epidemic. - Continuously receiving prestigious domestic and international awards: Bank implementing best core banking technology in 2020, Top 500 fastest growing enterprises in Vietnam, Top 500 largest enterprises in Vietnam 2020, Top 100 Trusted and Used Products - Services in Vietnam
2021	- Increase Charter Capital to 4,777 billion VND.
2022	- Total assets over 110,000 billion VND; - Professional and enthusiastic human resources 2,600 employees; - Operating network of 118 Business Centers nationwide; - Hundreds of products and services serving individual and business customers; - Top 50 Best Enterprises in Vietnam 2022, Top 100 Top Employers in Vietnam 2022, Top 10 Impressive Growth Brands 2022; Top 50 Best Growth Enterprises in Vietnam 2022
2023	VIETBANK was honored by prestigious organizations: Excellent Enterprise in Asia, Strong Brand - Sustainable Development, Top 50 largest enterprises in Vietnam, Top 100 employers in Vietnam & Top 10 Best Places to Work in Vietnam, Top 50 Best Growth Enterprises in Vietnam, Typical Bank for the community, Top 10 golden quality services for consumer rights, Top 10 Brands Vietnam Competition 2023, Excellence in Innovation... These awards continue to demonstrate the trust of customers, partners, and shareholders for VIETBANK

2024	- Total assets 162,859 billion VND - Charter Capital 7,139 billion VND - Human resources of nearly 3,000 employees - Opened 14 new transaction points, bringing the total banking network to 132 business centers nationwide.
2025	- Total assets 196,771 billion VND - Charter Capital 10,769 billion VND - Human resources 3,060 employees - Fitch Ratings international credit rating at B+ with stable outlook, Top 100 Best Places to Work in Vietnam in 2025, Top 10 Innovative and Effective Business Banks, Top 20 Largest Budget Paying Private Banks in Vietnam. - Asia-Pacific Enterprise Awards (APEA) 2025 in the Corporate Excellence Award category, Asian Technology Excellence Awards 2025 in the Digital Banking category and the Platinum Correspondent Award - Platinum Title for Correspondent banking.
2026	- Total assets as of June 30, 2026: 204,825 billion VND; - Charter Capital as of June 30, 2026: 10,769 billion VND;[6] - VIETBANK's VBB shares have changed from being registered for trading on the UPCoM trading system to being listed and traded at the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE)

During its operation since its establishment, VIETBANK has achieved the following awards, titles and typical achievements:

Year	Awards	Issuing agency
2015	Prestigious brand - Sustainable development enterprise 2015	Vietnam Enterprise Institute
2016	Strong Vietnamese brand	Vietnam Economic Times
2018	VIETBANK ranked 399/500 VNR 500 largest private enterprises in Vietnam in 2017, ranked 209/500 VNR 500 largest private enterprises in	Vietnamnet

[6]On July 22, 2026, the State Bank of Vietnam issued Decision No. 1691/QD-NHNN on amending the content of Charter Capital in Vietbank's Establishment and Operation License. Accordingly, after completing the issuance of shares from equity capital in 2026, the Bank's Charter Capital is determined to be VND 11,846 billion.

Year	Awards	Issuing agency
	Vietnam in 2018.	
2018	TOP 100 Trusted and Used Products and Services in Vietnam in 2018.	Vietnam Economic Times
2019	TOP 100 Products - Services to Trust and Use in Vietnam in 2019.	Vietnam Economic Times
2020	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam (FAST500)	Vietnam Report and VietnamNet Newspaper
	Top 500 most profitable enterprises in Vietnam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 largest enterprises in Vietnam 2020 (VNR500)	
	Top 100 Trusted and Used Products and Services in Vietnam 2020 - "Reputable retail banks"	Vietnam Economic Times
2022	Top 50 Best Enterprises in Vietnam 2022	Vietnam Report and VietnamNet Newspaper
	Top 100 leading employers in Vietnam 2022	Viet Research and Investment Newspaper
	Top 10 Brands with impressive growth in 2022	Vietnam Economic Magazine – VnEconomy – Vietnam Economic Times
	Top 50 Best Growth Enterprises in Vietnam 2022	Vietnam Report and VietnamNet Newspaper
2023	Top 50 Best Growth Enterprises in Vietnam 2023	Vietnam Report and VietNamNet newspaper voted
	Top 10 Gold quality services for consumer rights 2023	Voted by the Institute of Science for Economic and Cultural Human Resource Development in conjunction with the Vietnam Center for Research and Application of Consumer Protection

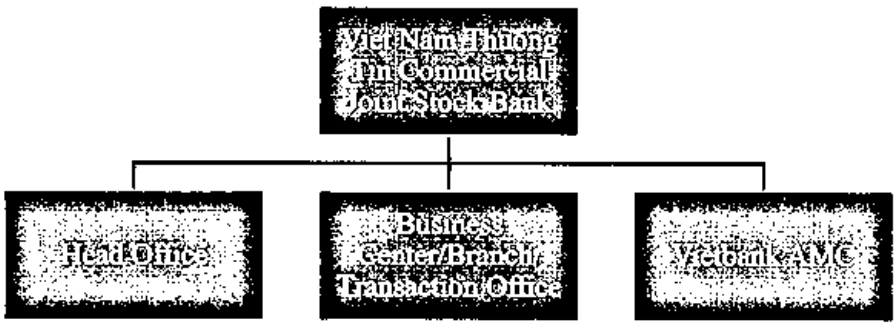
Year	Awards	Issuing agency
		Technology
	Top 10 Competitive Brands in Vietnam 2023	Vietnam Intellectual Property Association organizes the voting
	Typical bank for the community in 2023	Voted by Vietnam Banks Association (VNBA) and IDG Vietnam
	Outstanding Asian Enterprise in 2023	Awarded by Enterprise Asia
	Strong brand - Sustainable development in 2023	Voted by Vietnam Economic Magazine - VnEconomy
	Excellence in Innovation	Awarded by the international card organization Mastercard
	Top 100 Top Employers in Vietnam 2023 (VBE500) & Top 10 best places to work in Vietnam 2023	Viet Research and Investment Newspaper voted
	Top 50 Best Enterprises in 2023 & Top 50 Most Profitable Enterprises in Vietnam 2023 (VNR500)	Vietnam Report and VietNamNet newspaper voted
2024	Top 10 strong brands with sustainable development 2024	Vietnam Economic Magazine
	Top 10 creative and effective businesses in Vietnam	Viet Research cooperates with Investment Newspaper
	Top 10 Best Places to Work in Vietnam	
	Top 500 Leading Employers in Vietnam	Viet Research
	Vietnam Technology Excellence Award for Cyber Security Asian Technology Excellence Awards 2024	Asian Business Review Magazine
	Private 100 Awards for Vietnamese businesses paying the largest budget in Vietnam in 2024	CafeF
	Top 50 Best Growth Enterprises in Vietnam in 2024	Vietnamnet Newspaper and Vietnam Assessment Report Organization (Vietnam

Year	Awards	Issuing agency
		Report)
2025	International Platinum Correspondent Award – Platinum Title for Correspondent Banking	Habib American Bank (HAB Bank)
	Asia-Pacific Enterprise Awards (APEA) 2025 Asian Corporate Excellence Award category	Awarded by Enterprise Asia
	Asian Technology Excellence Awards 2025, Digital Banking category	Awarded by Asian Business Review Magazine
	Fitch Ratings international credit rating is at B+ with a stable outlook	Fitch Ratings
	Top 100 Best Places to Work in Vietnam in 2025	Awarded by Anphabe
	Top 10 innovative and effective banks	Viet Research and Investment Newspaper
	Top 20 Private Banks with the largest budget contributions in Vietnam	CafeF List 2025
2026	Top 500 Fastest Growing Enterprises in Vietnam (FAST500)	Vietnamnet Newspaper and Vietnam Assessment Report Organization (Vietnam Report)
	Top 50 Excellent Growth Enterprises	Vietnamnet Newspaper and Vietnam Assessment Report Organization (Vietnam Report)

[The rest of the page is intentionally left blank]

3. Organizational structure of the Issuing Organization

Figure 3: Organizational structure of the Issuing Organization3



Source: VIETBANK

Up to now, VIETBANK's organizational structure includes:

- Head office located at: 47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City;
- Operational network includes: 1 (one) headquarters, 30 (thirty) branches and 102 (one hundred and two) transaction offices nationwide. The specific list is as follows:

No.	Name	Addre
	Head office: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	**47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City**
1	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Soc Trang Branch**	47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, City. Can Tho
2	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Soc Trang Branch – Mac Dinh Chi	50 Mac Dinh Chi, Phu Loi Ward, Can Tho City
3	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Soc Trang Branch - Ke Sach Transaction Office	35 Phan Van Hung, An Ninh 1 hamlet, Ke Sach commune, Can Tho City
4	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Soc Trang Branch - My Tu Transaction Office	84D Hung Vuong, Cau Don hamlet, My Tu commune, Can Tho City
5	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch**	Part of basement B1, part of ground floor and part of mezzanine of building No. 62A CMT8, Xuan Hoa ward, Ho Chi Minh City.
6	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Cao Thang Transaction Office	90 Cao Thang, Ban Co Ward, Ho Chi Minh City
7	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Tran Quang Khai Transaction Office	188C Tran Quang Khai, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City.
8	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Khanh Hoi Transaction Office	225 Khanh Hoi, Vinh Hoi Ward, Ho Chi Minh City

No.	Name	Address
9	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Binh Dang Transaction Office	279 - 281 Interprovince 5, Binh Dong Ward, Ho Chi Minh City
10	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Transaction Office Nguyen Thi Thap	360A/5 Nguyen Thi Thap, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City
11	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Phu My Hung Transaction Office	001 My Hoang Quarter – H5, Area A, TT-DTM-NTP, Tan Hung Ward, Ho Chi Minh City
12	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Transaction Office Nguyen Tri Phuong	335 - 337 Nguyen Tri Phuong, Dien Hong Ward, Ho Chi Minh City
13	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Ly Thuong Kiet Transaction Office	428 - 430 Ly Thuong Kiet, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City
14	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Transaction Office Nguyen Thai Son	107 Nguyen Thai Son, Hanh Thong Ward, Ho Chi Minh City
15	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Nguyen Son Transaction Office	304 Nguyen Son, Phu Tho Hoa Ward, Ho Chi Minh City
16	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Binh Chanh Transaction Office	A11/5 - A11/6 Highway 1A, Hamlet 1, Binh Chanh Commune, Ho Chi Minh City
17	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Transaction Office Nguyen Duy Trinh	538 Nguyen Duy Trinh, Binh Trung Ward, Ho Chi Minh City
18	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Tran Nao Transaction Office	129 Tran Nao, An Khanh Ward, Ho Chi Minh City
19	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Transaction Office Nguyen Tat Thanh	11A Hoang Dieu, Xom Chieu Ward, Ho Chi Minh City
20	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Huynh Tan Phat Transaction Office	698 Huynh Tan Phat, Tan My Ward, Ho Chi Minh City
21	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Vo Van Ngan Transaction Office	118 Vo Van Ngan, Thu Duc Ward, Ho Chi Minh City
22	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Hang Xanh Transaction Office	171 Nguyen Gia Tri, Thanh My Tay Ward, Ho Chi Minh City
23	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Quang Trung Transaction Office	635 Quang Trung, Thong Tay Hoi Ward, Ho Chi Minh City
24	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Transaction Office Le Trong Tan	143 - 145 Le Trong Tan and No. 78 Son Ky, Tan Son Nhi Ward, Ho Chi Minh City

No.	Name	Address
25	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Cu Chi Transaction Office	226 Provincial Road 8, Quarter 2, Tan An Hoi Commune, Ho Chi Minh City
26	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Pho Quang Transaction Office	GM Area – No. 119K Golden Mansion Project, No. 119 Pho Quang Street, Duc Nhuan Ward, Ho Chi Minh City
27	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Cong Hoa Transaction Office	101D Cong Hoa, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City
28	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - No Trang Long Transaction Office	151 No Trang Long, Binh Thanh Ward, Ho Chi Minh City
29	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Tan Phu Transaction Office	414 Luy Ban Bich, Tan Phu Ward, Ho Chi Minh City
30	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ho Chi Minh City Branch - Dien Bien Phu Transaction Office	406 Dien Bien Phu, Gia Dinh Ward, Ho Chi Minh City
31	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch**	Part of the 1st Floor and part of the Mezzanine floor, part of the 2nd Floor of Building No. 51 Nguyen Cu Trinh, Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City
32	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch - Binh Tan Transaction Office	70 - 72 Street 17A, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
33	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch - Tran Hung Dao Transaction Office	874 - 876 Tran Hung Dao, An Dong Ward, Ho Chi Minh City
34	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch - Tan Quy Transaction Office	Part of the 1st Floor and part of the 2nd Floor of House No. 143A Go Dau, Phu Tho Hoa Ward, Ho Chi Minh City
35	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch - Bau Cat Transaction Office	96 - 98 - 100 Bau Cat, Tan Binh Ward, Ho Chi Minh City
36	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch - Luy Ban Bich Transaction Office	Part of the front of the house at 883 Luy Ban Bich, Phu Tho Hoa Ward, Ho Chi Minh City
37	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Cho Lon Branch**	36 - 38 Hau Giang, Binh Tay Ward, Ho Chi Minh City.
38	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Cho Lon Branch - Binh Tri Dong Transaction Office	153 Street 7, An Lac Ward, Ho Chi Minh City
39	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Cho Lon Branch - Chanh Hung Transaction Office	318 Bis Pham Hung, Binh Dong Ward, Ho Chi Minh City
40	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Cho Lon Branch - Le Dai Hanh Transaction Office	109 - 111 Le Dai Hanh, Minh Phung Ward, Ho Chi Minh City

No.	Name	Address
41	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Cho Lon Branch - Ly Thai To Transaction Office	11A - 11B Hung Vuong, Cho Quan Ward, Ho Chi Minh City
42	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Cho Lon Branch - Hoc Mon Transaction Office	324 Le Thi Ha Street, Chanh 1 Hamlet, Hoc Mon Commune, Ho Chi Minh City
43	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - West Saigon Branch**	Part of the 1st floor and part of the 2nd floor at 346-348-350 Hoang Van Thu, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City
44	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - West Saigon Branch - Transaction Office Nguyen Anh Thu	Part of the front of 10C/A Nguyen Anh Thu, Trung My Tay Ward, Ho Chi Minh City
45	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - West Saigon Branch - Transaction Office Le Van Khuong	72 Le Van Khuong, Thoi An Ward, Ho Chi Minh City
46	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - North Saigon Branch**	299 Nguyen Van Troi, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City
47	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - North Saigon Branch - Le Van Viet Transaction Office	197 Le Van Viet, Quarter 4, Tang Nhon Phu Ward, Ho Chi Minh City
48	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - North Saigon Branch - Dinh Tien Hoang Transaction Office	Ground floor, mezzanine and 1st floor, 96 Le Van Duyet, Gia Dinh ward, Ho Chi Minh City
49	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - North Saigon Branch - Do Xuan Hop Transaction Office	519 Do Xuan Hop, Quarter 6, Phuoc Long Ward, Ho Chi Minh City
50	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch**	70 - 72 Ba Trieu, Cua Nam Ward, Hanoi City
51	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Gia Lam Transaction Office	01SH15 building L26M (S2-18), Plot B2-CT04 Gia Lam urban area project - Vinhomes Ocean Park, Gia Lam commune, Hanoi City
52	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - My Dinh Transaction Office	No. B1-08A Green City Urban Functional Area, Tu Liem Ward, Hanoi City
53	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Doi Can Transaction Office	279B - 279C Doi Can, Ngoc Ha Ward, Hanoi City
54	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Quan Thanh Transaction Office	62 Quan Thanh, Ba Dinh Ward, Hanoi City
55	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Bac Tu Liem Transaction Office	39 Cau Dien, Xuan Phuong Ward, Hanoi City
56	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Thanh Xuan Transaction Office	No. 160 Le Trong Tan, Phuong Liet Ward, Hanoi City

No.	Name	Address
57	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Lang Ha Transaction Office	35 Yen Lang Street, Dong Da Ward, Hanoi City
58	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Kham Thien Transaction Office	280 Kham Thien, Van Mieu - Quoc Tu Giam Ward, Hanoi City
59	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Transaction Office Le Thanh Nghi	56 Le Thanh Nghi, Bach Mai Ward, Hanoi City
60	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Lo Duc Transaction Office	103 -105 Lo Duc, Hai Ba Trung Ward, Hanoi City
61	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Lac Trung Transaction Office	53 Lac Trung, Vinh Tuy Ward, Hanoi City
62	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - To Huu Transaction Office	Part of the 1st floor, CT2 building, Bac Ha Building C14, To Huu Street, Dai Mo Ward, Hanoi City.
63	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi - Cau Giay Branch	43 Nguyen Thi Dinh, Yen Hoa Ward, Hanoi City
64	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Thang Long Transaction Office	85 - 87 Hoang Quoc Viet, Nghia Do Ward, Hanoi City
65	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Tay Ho Transaction Office	No. LKC08, Low-rise housing project A1TT1, Xuan Dinh ward, Hanoi City
66	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Ha Thanh Transaction Office	654 Tan Mai, Hoang Mai Ward, Hanoi City
67	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Hoang Mai Transaction Office	Plot No. 11 Row B, Lot TT3, Southwest Ho Linh Dam New Urban Area Project, Hoang Liet Ward, Hanoi City
68	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Transaction Office Nguyen Van Cu	97 Hong Tien, Bo De Ward, Hanoi City
69	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hanoi Branch - Ha Dong Transaction Office	SH-16, SH-19, SH-20 belong to high-class apartment complex H-CT2, land plot H-CT2, apartment area at Hi Brand, Van Phu new urban area, Kien Hung ward, Hanoi City
70	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch**	05 Lot 22B Le Hong Phong Street, Gia Vien Ward, Hai Phong City
71	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch - Tran Nguyen Han Transaction Office	268B Tran Nguyen Han, An Bien Ward, Hai Phong City
72	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch - Bach Dang Transaction Office	199 Bach Dang, Hong Bang Ward, Hai Phong City

No	Name	Address
73	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch - Ngo Quyen Transaction Office	25 Da Nang, Ngo Quyen Ward, Hai Phong City
74	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch - Lach Tray Transaction Office	Part of the 1st Floor of SHP Plaza Building, No. 12 Lach Tray, Gia Vien Ward, Hai Phong City
75	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Hai Phong Branch - Le Chan Transaction Office	309 - 311 To Hieu, Le Chan Ward, Hai Phong City.
76	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Nghe An Branch**	Trung Duc Building, No. 2 Le Loi Street, Thanh Vinh Ward, Nghe An Province
77	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Nghe An Branch - Nguyen Du Transaction Office	176 Nguyen Du, Truong Vinh ward, Nghe An province
78	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Nghe An Branch - Lenin Transaction Office	1st floor of apartment building A4, belonging to the apartment project east of V.I Lenin Avenue, Vinh Phu ward, Nghe An province.
79	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Nghe An Branch - Cho Vinh Transaction Office	95 Thai Phien, Block 3, Truong Vinh ward, Nghe An province
80	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Nghe An Branch - Hung Dung Transaction Office	85 Nguyen Phong Sac, Truong Vinh ward, Nghe An province
81	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Ngai Branch**	473 - 475 Quang Trung, Cam Thanh ward, Quang Ngai province
82	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Ngai Branch - Tu Nghia Transaction Office	Residential group 3, Tu Nghia commune, Quang Ngai province
83	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Ngai Branch - Mo Duc Transaction Office	Residential area 15, Trach Tru Tay village, Lan Phong commune, Quang Ngai province.
84	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Ngai Branch - Binh Son Transaction Office	450 Pham Van Dong, Binh Son commune, Quang Ngai province.
85	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch**	119 - 121 Nguyen Van Linh, Hai Chau Ward, Da Nang City
86	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Thanh Khe Transaction Office	265 Dien Bien Phu, Thanh Khe Ward, Da Nang City
87	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Tan Chinh Transaction Office	346 Le Duan, Thanh Khe Ward, Da Nang City
88	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Hung Vuong Transaction Office	158 Hung Vuong, Hai Chau Ward, Da Nang City
89	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Cho Moi Transaction Office	482 Hoang Dieu, Hoa Cuong Ward, Da Nang City.

No.	Name	Address
90	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Dong Da Transaction Office	265 Dong Da, Hai Chau Ward, Da Nang City
91	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Son Tra Transaction Office	885 Ngo Quyen, An Hai Ward, Da Nang City
92	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Da Nang Branch - Cam Le Transaction Office	221 Ong Ich Duong, Cam Le Ward, Da Nang City
93	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Khanh Hoa Branch**	1st floor, 2nd floor, 3rd floor, house number 55A + 55/2 Ly Thanh Ton, Nha Trang ward, Khanh Hoa province
94	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Khanh Hoa Branch - Vinh Phuoc Transaction Office	No. 530 April 2 Street, North Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province
95	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Khanh Hoa Branch - Ninh Hoa Transaction Office	274 Tran Quy Cap, Ninh Hoa ward, Khanh Hoa province
96	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Khanh Hoa Branch - Van Ninh Transaction Office	18 Nguyen Hue, Van Ninh commune, Khanh Hoa province.
97	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ba Ria Vung Tau Branch**	93 Nguyen Thai Hoc, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City
98	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ba Ria Vung Tau Branch - Dong Xuyen Transaction Office	383 30/4 Street, Rach Dua Ward, Ho Chi Minh City
99	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ba Ria Vung Tau Branch - Ba Ria Transaction Office	42 Bach Dang, Ba Ria Ward, Ho Chi Minh City
100	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ba Ria Vung Tau Branch - Chau Duc Transaction Office	214 Hung Vuong, Ngai Giao Commune, Ho Chi Minh City
101	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Can Tho Branch**	26 - 28 Hoa Binh, Ninh Kieu Ward, Can Tho City
102	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Can Tho Branch - An Hoa Transaction Office	181 Nguyen Van Cu, Cai Khe Ward, Can Tho City
103	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Can Tho Branch - Ninh Kieu Transaction Office	84 3/2 Street, Ninh Kieu Ward, Can Tho City
104	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Can Tho Branch - Binh Thuy Transaction Office	189AA Nguyen Van Cu, Area 2, An Binh Ward, Can Tho City
105	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Long An Branch**	292 - 294-296 Hung Vuong, Long An ward, Tay Ninh province
106	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Long An Branch - Ben Luc Transaction Office	54A Nguyen Huu Tho, Ben Luc commune, Tay Ninh province

No.	Name	Address
107	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Long An Branch - Can Giuoc Transaction Office	101 National Highway 50, Can Giuoc commune, Tay Ninh province
108	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Long An Branch - Duc Hoa Transaction Office	735 Provincial Road 825, Duc Hoa Commune, Tay Ninh Province
109	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Dak Lak Branch**	160 - 162 - 164 Le Hong Phong, Buon Ma Thuot ward, Dak Lak province
110	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Dak Lak Branch - Buon Ho Transaction Office	446 - 448 Hung Vuong, Buon Ho ward, Dak Lak province
111	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Dong Nai Branch**	381 Pham Van Thuan, Tam Hiep Ward, Dong Nai City.
112	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Duong Branch**	303A Binh Duong Avenue, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City.
113	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Duong Branch - Thuan An Transaction Office	Box 7, Lot A2, Phu Hong Loc commercial area, December 22 street, Thuan Giao ward, Ho Chi Minh City.
114	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Duong Branch - Ben Cat Transaction Office	No. 249, CDT.03 Axis Street, Ben Cat Ward, Ho Chi Minh City
115	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - An Giang Branch**	95 Nguyen Trai, Long Xuyen ward, An Giang province.
116	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - An Giang Branch - Chau Doc Transaction Office	79 – 81 Nguyen Huu Canh, Chau Doc ward, An Giang province
117	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Vinh Phuc Branch**	289 Me Linh, Vinh Phuc ward, Phu Tho province.
118	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Dong Thap Branch**	12 Au Co, Sa Dec ward, Dong Thap province
119	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Dong Thap Branch - Hong Ngu Transaction Office	56 – 58 Le Hong Phong, Hong Ngu ward, Dong Thap province
120	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Ninh Branch**	131 25/4 Street, Hong Gai Ward, Quang Ninh Province
121	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Ninh Branch - Bai Chay Transaction Office	595 Ha Long, Bai Chay ward, Quang Ninh province
122	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Quang Nam Branch**	592 Hai Ba Trung, Hoi An Ward, Da Nang City
123	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Kien Giang Branch**	164 – 166 - 168 Tran Phu, Rach Gia Ward, An Giang Province
124	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Kien Giang Branch - Kien Luong Transaction Office	Ground 19 – 20 Lot L2, Street 6, Ba Hon Quarter, Kien Luong Commune, An Giang Province
125	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Kien Giang Branch - Ha Tien Transaction Office	01 Tran Hau, Ha Tien ward, An Giang province.

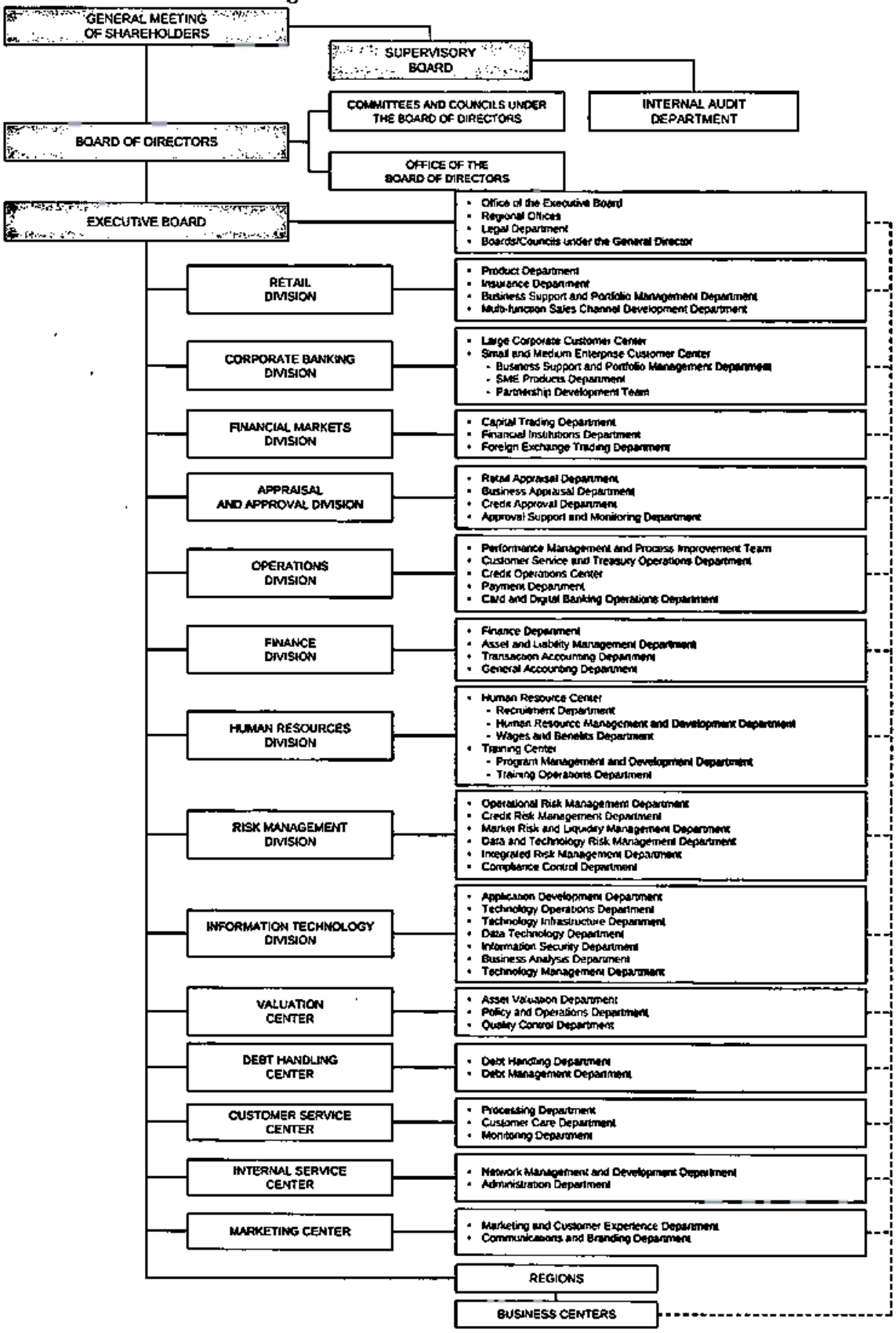
No.	Name	Address
126	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Dinh Branch**	112 Tran Phu, Quy Nhon ward, Gia Lai province
127	Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Dinh Branch - Tam Quan Transaction Office	381 Quang Trung, Tam Quan ward, Gia Lai province
128	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Bac Ninh Branch**	314 Tran Hung Dao, Vo Cuong ward, Bac Ninh province
129	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Thanh Hoa Branch**	46 - 48 Tran Phu, Hac Thanh ward, Thanh Hoa province
130	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Lam Dong Branch**	121 Phu Dong Thien Vuong, Lam Vien ward - Da Lat, Lam Dong province
131	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Ca Mau Branch**	295 - 297 Nguyen Tat Thanh, Ly Van Lam ward, Ca Mau province
132	**Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank - Binh Phuoc Branch**	20 An Duong Vuong, Binh Phuoc Ward, Dong Nai City.

The Bank has one (01) directly owned subsidiary: Vietnam Thuong Tin Bank Debt Management and Asset Exploitation Company Limited (VIETBANK AMC).

[The rest of this page is intentionally left blank]

4. Administrative structure and management apparatus of the Issuing Organization

Figure 4: Governance structure of the Issuer4



4.1. General Meeting of Shareholders

The General Meeting of Shareholders (AGM) includes all shareholders with voting rights, is the highest competent body of VIETBANK, has the right to decide on issues within its duties and powers through the Bank's development orientation; amend and supplement the Bank's Charter; Approve regulations on the organization and operations of the Board of Directors and Supervisory Board; Decide the number of members of the Board of Directors and Supervisory Board for each term; elect, dismiss, additionally elect and replace members of the Board of Directors and members of the Supervisory Board; Decide on the Bank's organizational and management structure; Other issues as prescribed by law and VIETBANK's Charter.

4.2. Board of Directors

The Board of Directors (BOD) is the management body of the Bank, with full authority on behalf of VIETBANK to decide and exercise rights and obligations related to the purposes and interests of the bank, except for issues under the authority of the General Meeting of Shareholders.

The Board of Directors is responsible for ensuring that the Bank's operations comply with the provisions of law, the Charter and internal regulations of the Bank, equal treatment of all shareholders and respect for the interests of those with interests related to VIETBANK.

4.3. Supervisory Board

The Supervisory Board is elected by the General Meeting of Shareholders, and supervises and evaluates the compliance with the law, internal regulations, Charter and resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

The agency that advises and assists the Supervisory Board is the Internal Audit Committee, with the following functions:

- Working for the safety and efficiency of the Bank.
- Independently and objectively review and evaluate the adequacy, appropriateness, effectiveness and efficiency of the internal control system to improve and perfect VIETBANK's internal control system.
- Detect and prevent violations of the law; Improve the efficiency of management, administration and operations of the Bank.
- Ensure information security and continuous operation of business information systems.
- Make recommendations to improve the effectiveness of systems, regulations, and processes, contributing to ensuring that VIETBANK operates safely, effectively, and in accordance with the law.
- Maintain regular consultation and exchange with the independent audit organization and the State Bank of Vietnam to ensure effective cooperation; Is the coordinating unit and coordinates with external agencies for work related to the functions and tasks of internal audit.

4.4. Executive Committee

The Board of Management is the body that manages the Bank's operations, responsible to the Board of Directors and to the law for the management of the Bank's operations.

According to the assignment of the Board of Directors, the Bank's operating activities are carried out by a Deputy General Director in charge of operations. Deputy General Directors are assigned and decentralized in the management and operation of Business Centers and Operational Blocks at the Bank's Head Office.

The Bank's Chief Accountant performs financial and accounting management throughout VIETBANK's system.

At the time of preparing the Prospectus, VIETBANK's Executive Board consisted of 03 (three) Deputy General Directors and 01 (one) Chief Accountant, all of whom are experts with in-depth knowledge and experience in the fields of finance, banking, accounting, legal, and business.

Units under the Executive Board include:

i. Office of the Executive Board: Has the following functions:

- Focal point for receiving and processing information between the Board of Management and the Board of Directors/Standing Board of Directors, Councils (Boards) - Committees (UBs) under the Board of Directors, Board of Supervisors, member(s) of the Executive Board, Blocks/Centers/Departments, Operational Departments/Professional Centers, Offices, Business Center, state management agencies and Vietbank's external partners;
- Plan and supervise work implementation, supervise institutional activities in the activities of the Board of Management, Councils/Boards under the Board of Management and in relationships with the Board of Directors and internal units of Vietbank;
- Clerical work, storage and management of Vietbank seal;
- Summary and reporting.

ii. Regional offices: Have the following functions:

- The focal point for receiving and processing information between the Regional Board of Directors and the Board of Directors/Standing Board of Directors (through the Office of the Board of Directors), the General Director (through the Office of the Board of Management) and member(s) of the Board of General Directors, Blocks/Centers/Departments, Divisions, Offices, state management agencies and external partners of VIETBANK.
- Monitor the implementation of instructions from the Board of Directors/Standing Board of Directors, Board of General Directors to the Regional Board of Directors.
- Work planning, reminders; Support the Regional Board of Directors to monitor the implementation of targets in the Regions and Business Centers.

- Receptionist and secretarial work for the Regional Board of Directors.
- Focal point to synthesize periodic and extraordinary reports on the Regional activities.
- Coordinate mobile work to support Business Centers during times when the unit lacks management levels (Director, Deputy Director in charge) or carry out topics to evaluate and improve operations at the unit under the direction of the Board of General Directors.
- Coordinate and support the Resourcing Director personnel throughout the system.
- Supervise the Regional Directorate in implementing operational institutions.

iii. Legal Department: Has the following functions:

- Manage the list of regulatory documents system.
- Appraise Vietbank's internal document system to ensure compliance with legal regulations and consistency in internal documents.
- Organize and deploy the drafting, appraisal and management of documents sent to competent state agencies; Drafting authorization documents and appraising authorization documents throughout the system according to regulations.
- Manage and organize the implementation and enforcement of Vietbank's internal regulations according to the provisions of law.
- Carrying out legal information and training work.
- Provide comments on legal documents at the request of the Banking Association, State Bank of Vietnam and competent state agencies.
- Advise and provide legal consultancy on business activities.
- Appraise the system of sample contracts related to Vietbank's business activities and contracts/written agreements not according to Vietbank's sample signed by Vietbank with partners upon request.
- Developing a Legal Handbook.
- Participate/support proceedings in court, arbitration or competent agencies for disputes arising in Vietbank's operations related to non-credit and credit cases at Vietbank as a defendant or person with related rights and obligations, except for proceedings related to debt collection.

iv. Boards/Councils under the General Director: ALCO Council, Risk Council, Capital Management Council and other Boards/Boards under the General Director.

- ALCO Council:

  Advise and make suggestions to the General Director in managing VIETBANK's Credit assets and Debt assets, including:

  + Manage assets and liabilities effectively, in accordance with VIETBANK's risk management policy;
  + Liquidity management and liquidity risk, interest rate risk on the banking book;
  + Review, advise, propose time and progress of plan implementation (capital mobilization plan, capital use plan, ...), principles for building internal capital

transfer prices, short-term and medium-term financial models related to VIETBANK's Credit - Debt asset structure in accordance with VIETBANK's business strategy;

+ Advise and propose processes and methods for managing assets, liabilities and assets of VIETBANK (Regulating liquidity risk management methods, Management processes and daily liquidity terms; Regulating methods for managing interest rate risks on bank books; Methods for regulating internal capital (FTP));

+ Manage the system of measuring and regularly evaluatingliquidity risk, thereby devising strategies and policies on interest rates, products and internal capital regulation mechanisms in accordance with the strategy and business situation of VIETBANK in each period.

+ Build interest rate framework and price framework for products to manage assets and liabilities.

+ Control business activities to ensure compliance with interest rate risk in the banking booktotal assets calculated according to bank account limits, according to regulations of the State Bank of Vietnam (SBV) and VIETBANK. Determine the risk index limits that VIETBANK can accept for RRR, LRR, then decide or submit to the Board of Directors plans and measures to limit/prevent the above types of risks.

- Risk Council:

Advise and propose to the General Director on:

+ Develop, implement, evaluate, and propose adjustments to risk management policies to submit to the Board of Directors for decision;

+ Implement risk management policy and evaluate risk management policy according to the provisions of Circular 13/2018/TT-NHNN dated May 18, 2018 and documents amending, supplementing and replacing each period;

+ Develop and implement risk limits, propose allocation of risk limits according to each business activity and professional activity; Implement remedial measures when risk limits are not met;

+ Self-inspect and evaluate risk management and propose solutions to the Board of Directors.

+ Supervise the implementation of the conclusions and advisory opinions of the Risk Management Committee that have been recorded/approved by the Board of Directors;

+ Other functions prescribed/required by the Board of Directors/General Director from time to time.

- Capital Management Council:

Advise and propose to the General Director on:

+ Carry out an internal assessment of capital adequacy based on the Business Plan approved by the Board of Directors for at least 03 years but no more than the next 05 years according to Decision No. 33/2025/QD-HĐQT dated February 28, 2025 on the Regulations on internal assessment of capital adequacy and documents amending, supplementing and replacing each period;

+ Monitor the roadmap for implementing the approved capital plan and advise the General Director on the orientation plan;

+ Implement the direction of the Board of Directors on handling and overcoming shortcomings and limitations in the internal assessment of capital adequacy according to the requirements and recommendations of the State Bank of Vietnam, independent audit organizations and other authorities.

4.5. Office of the Board of Directors

The Office of the Board of Directors is an agency under the Board of Directors with the function of advising and assisting the Board of Directors/Standing Board of Directors, Committees and Councils under the Board of Directors (except the Credit Council) in performing the management function of VIETBANK and its subsidiaries.

The personnel composition of the Office of the Board of Directors includes:

- Chief of Office of the Board of Directors;
- Deputy Chief(s) of Office;
- Person in charge of corporate governance of the Bank;
- Secretary of the Board of Directors;
- Department Heads, Assistants/Secretaries of the Board of Directors (Board of Directors/Permanent Board of Directors level);
- Senior Experts, Experts, Senior Experts, Specialists;
- The staff.

4.6. Committees and Councils under the Board of Directors

4.6.1. Risk Management Committee

Functions of the Risk Management Committee:

- Advise the Board of Directors in: promulgating internal regulations within its authority related to risk management in Banking operations in accordance with the provisions of law and VIETBANK's Charter; Organize and implement risk management policies.
- Analyze and provide warnings about VIETBANK's safety level against threats and risks that may affect them and preventative measures for these risks in the short and long term.

- Review and evaluate the appropriateness and effectiveness of VIETBANK's current risk management processes and policies to make recommendations and proposals to the Board of Directors on requirements to change processes, policy regulations, and operational strategies.

- Advise the Board of Directors on investment decisions, related contracts and transactions; Decide on management policies and supervise the implementation of risk prevention measures of VIETBANK within the scope of functions and tasks assigned by the Board of Directors.

- Advise the Board of Directors in handling and overcoming shortcomings and limitations in risk management according to the requirements and recommendations of the State Bank of Vietnam, independent audit organizations and other authorities.

4.6.2. Personnel Committee

Functions of the Human Resources Committee:

- Advise the Board of Directors on organizational structure, personnel and personnel policies in accordance with the scale of operations and development strategy of VIETBANK.

- Decide on behalf of the Board of Directors issues regarding organizational structure, personnel and personnel policies within the scope authorized by the Board of Directors.

- Assist the Board of Directors in appraising, evaluating, and approving the bank's human resource training strategies, orientations, and plans: advising and advising the Board of Directors on professional issues regarding human resource training within the functions and tasks of the Board of Directors.

4.6.3. Risk Resolution Council

Functions of the ResolutionCouncil:

- Approve a system-wide summary report on debt recovery results using provisions to handle risks, including results of handling collateral assets and clearly identify the basis for approval.

- Decide or approve debt classification, provisioning, and use of provisions to handle risks throughout the system for debts using provisions to handle risks.

- Decide or approve debt collection measures that have been used as provisions to handle risks throughout the system, including the handling of collateral assets:

  + Exemption, reduction of loan interest, debt freezing (temporary suspension of principal collection, temporary suspension of interest calculation), partial or complete cancellation of principal debt according to the process of exemption and reduction of interest and fees at VIETBANK and relevant regulations;

  + Receive security assets to replace debt repayment obligations and resell received security assets to individuals and organizations in need, except in cases under the

authority of the General Meeting of Shareholders;

+ Other measures to handle secured assets to recover debt (including in cases where principal debt cannot be collected in full);

+ Use debt collection services;

+ Other debt collection measures according to VIETBANK's policies from time to time.

- Direct the Debt Management Board to perform tasks to assist the Risk ResolutionCouncil according to the regulations and assignments of the Risk Resolution Council.

4.7. Functional Divisions at the Head Office

For professional divisions at Head Office: including 09 Divisions and 05 Centers as follows:

4.7.1. Retail Division

Units under the Retail Division include:

❖ **Product Department**

- Build a retail customer product portfolio, meeting the competitiveness, diverse needs of the market and the Bank's business orientation.
- Product portfolio management ensures efficiency and safety.
- Deploy and operate KHBL products and be responsible for the quality of customer product experience.

❖ **Insurance Department**

- Advise on building strategies and organizing the collection of insurance premiums, including life and non-life, directly or in coordination with partners, to build products and sales policies to develop scale, market share, and increase insurance business efficiency.
- Develop models/policies, deploy insurance cooperation at the Bank (Bancasurance model).
- Coaching and training on product knowledge and skills related to implementing insurance product consulting ("SPBH").
- Handle customer information and feedback about products, service quality, compensation, and after-sales care.
- Coordinate or directly deploy sales programs and campaigns to promote business activities and attract customers to participate in insurance throughout the system.
- Build a reporting system to monitor business results and evaluate business productivity.

❖ **Business Support and Category Management Department**

- Develop plans and manage KPIs of the Retail Division, units under the Retail Division, Regions and business centers related to the retail segment.
- Building a productivity management framework. Monitor and promote productivity and sales channel efficiency.
- Comprehensive management of the customer portfolio of the Retail Sector; Coordinate with relevant units in monitoring, evaluating and proposing solutions to improve the portfolio quality and debt quality of the Division.
- Carrying out business support work, acting as a focal point to resolve bottlenecks in business work..

❖ **Multi-function Sales Channel Development Department**

- Developing affiliate partners includes business-oriented affiliate partners of the Bank and its partners.
- Coordinate with the Product Department/Department to build products/services specifically for each affiliated partner.
- Manage sales implementation and be responsible for business efficiency of sales channels.

4.7.2. Business Division

Units under the Enterprise Division include:

❖ **Large Enterprise Customer Center**

- Develop strategies and orientations related to large business customer development and management activities.
- Implementing large corporate customer business development and exploitation activities.
- Operational and operational support in implementing solutions and transactions with large corporate customers.
- Develop, manage and optimize exploitation activities of the large Business Customer Ecosystem.
- Analyze, build and deploy specialized financial solutions for each large corporate customer/group of large corporate customers.
- Performance management with large corporate customer business units and forces.
- Portfolio management and control thresholds related to large corporate customers.
- Manage/warn credit quality with portfolios within scope of responsibility.

❖ **Small and Medium Enterprise Customer Center**

- Develop strategies and orientations related to development and management of small

and medium-sized enterprise customers (SME customers).

- Developing new and improving products and services for SME customers and implementing product business activities in sales channels.
- Effective and risk management of product portfolio within scope of responsibility.
- Plan, organize and implement partner linkage activities within the framework of the goal of increasing the SME customer base & expanding the sales channel network, introducing SME customers.
- Promote business activities.
- Performance management with SME business units and business forces.
- Administration and business operations support.
- Portfolio management and control thresholds related to SME customers.
- Manage/warn credit quality with portfolios within scope of responsibility.

4.7.3. Financial Markets Division

Units under the Financial Markets Division include:

❖ **Capital Business Department**

- Self-trading capital on the interbank market.
- Coordinate and support the Finance Division to regulate actual liquidity during the day.
- Self-trading and buying/selling (including related derivative products) Government bonds/Government-guaranteed bonds/Local government bonds and other highly liquid valuable papers (excluding corporate bonds) on the secondary market .
- Self-trading and buying/selling valuable papers of credit institutions and financial companies on thesecondary market .
- Self-trading and buying and selling derivative products related to products under the functions of the Capital Trading Department in thesecondary market .
- Implement and manage capital contribution and share purchase activities according to the provisions of law.
- Providing all services in the Investment Banking Service segment according to the provisions of law (Investment Banking Service).

❖ **Financial Institutions Department**

- Exploit, develop business and maintain cooperative relationships with domestic and foreign financial institutions.
- Evaluation, analysis, granting and management of transaction limits in the market 2.

- Relationship work with VIETBANK's Correspondent Bank.
- Enhance VIETBANK's image and brand in domestic and foreign markets.
- Planning and implementing financial market research.
- Independently control all transactions of the Division related to identified risks (Partner risk, credit risk); Identify, control and minimize risks in the construction of financial products, including but not limited to types of financial products within the financial market sector's professional functions.
- Calculate and allocate counterparty risk limits and other related risk limits for business operations in the Division, ensure that the total limit is maintained within the allocated allowable limit, and coordinate with Head Office Operational Blocks/Divisions/Departments (including operational departments under the Finance Division, Risk Management Division, Appraisal and Approval Division,...) to ensure the maintenance of the CAR coefficient for all goods periodically as prescribed.

❖ **Foreign Exchange Trading Department**

- Self-trading foreign exchange and derivative products on the financial market.
- Manage foreign exchange trading activities and derivative products with customers of the business center.
- Deploying foreign exchange trading and derivative products with customers of the business center.
- Deploying Gold business activities according to the regulations of the State Bank of Vietnam in general and Vietbank in particular.
- Identifying, controlling and minimizing risks in business activities falls within the functions of the Department.

4.7.4. Appraisal and Approval Division

Units under the Appraisal and Approval Division include:

❖ **Retail Appraisal Department**

- Retail credit appraisal.
- Building and improving processes.

❖ **Business Appraisal Department**

- Enterprise credit appraisal.
- Building and improving processes.

❖ **Credit Approval Department**

- Approve credit within the assigned judgment level, advise higher levels of credit approval.

- Building and improving processes.

❖ **Support and Supervision Department approved**

- Manage and delegate judgment authority to credit approval levels.
- Manage and classify documents, organize meetings for credit approval levels.
- Monitor approval activities.
- Building and improving processes.
- Performance management and capacity building.

4.7.5. Operation Division

Units under the Operations Division include:

❖ **Performance Management and Process Improvement Team**

- Service quality management (SLA, TAT, FTR, CSAT, NPS, CES).
- Build a system to measure operational efficiency and service quality.
- Process evaluation and redesign.
- Implement projects to improve, digitize, and automate operations.
- Reduce costs and improve productivity.

❖ **Customer Service and Treasury Operations Department**

- Vertical industry management and control of customer service activities at distribution channels throughout the system.
- Vertical industry management and control of treasury activities at distribution channels throughout the system.
- Organize the implementation and operation of general policies of the Department.

❖ **Credit Operations Center**

- Vertical management of credit operations at distribution channels.
- Control credit operations throughout the system.
- Organize and implement centralized loan security procedures.
- Organize the management and storage of collateral documents at a centralized warehouse.
- Organize and implement centralized credit operations.
- Organize the implementation and operation of the Center's general policies.

❖ **Payment Department**

- Centralized management and operation of domestic and international payment activities.
- Manage and operate payment operations through payment systems (Citad, NAPAS, SWIFT, VCB Money and other payment gateways from time to time).
- Manage Vietbank accounts opened at SBV, Vietbank's Nostro accounts at domestic financial institutions.
- Organize, deploy, manage and operate foreign exchange transactions and financial markets on the interbank market.
- Control of foreign exchange and financial market transactions on the interbank market.
- Organize the implementation and operation of general policies of the Department.

❖ **Card Operations and Digital Banking Department**

- Centralized management and operation of production, issuance and delivery of Cards and PINs.
- Operational operations focus on card settlement; ATM; POS and Digital Banking (NHS).
- Manage and operate transactions on cards, ATMs, POS and NHS.
- Manage and operate ATM and POS machines.
- Risk management and monitoring and prevention of card, ATM, POS and NHS transaction fraud.
- Optimize digital channel user experience.
- Organize the implementation and operation of general policies of the Department.

4.7.6. Finance Division

Units under the Finance Division include:

❖ **Finance Department**

- Establish, monitor and control the Bank's budget usage activities.
- Effective management of the Bank's cost use.
- Develop a business plan and evaluate the implementation of the plan towards the Bank's overall results.
- Management finance.
- Data management related to financial operations and statistical reporting system management according to regulations of the State Bank of Vietnam.

❖ **Asset and Liability Management Department**

- Operating Liquidity Status and Capital Planning: Operate and regulate daily liquidity status, plan capital strategy to meet financial obligations and optimize capital costs.
- Implementing Interest Rate Risk Management (IRRBB): Recommendations and proposals to implement measures to manage the Asset - Capital structure to proactively manage the impact of interest rate fluctuations and optimize net interest income.
- Plan and Optimize Balance Sheet Structure: Coordinate business activities across the entire line through asset and capital structure planning and FTP tools to optimize Net Interest Margin (NIM).
- Advise on Operations and Strategy Development for the ALCO Council and the Capital Management Council: Act as a permanent focal point, providing analysis, operational reports and advising on operating and strategic decisions for the ALCO Council and the Capital Management Council.

❖ **Professional Accounting Department**

- Develop regulations, procedures, and instructions for internal accounting and expenditure operations.
- Carry out payment and accounting of internal expenses of the Bank.
- Control receivables and payables related to internal spending.

❖ **General Accounting Department**

- Develop policies, regulations, procedures, and instructions to manage the Bank's financial and accounting work.
- Prepare financial reports, tax reports, and accounting reports according to regulations.
- Monitor compliance with system-wide accounting policies and standards.
- Perform post-verification of expenditure accounting, instructions, and storage of accounting documents.

4.7.7. Human Resources Division

Units under the Human Resources Division include:

a) Human Resource Center

❖ **Recruitment Department**

- Develop a recruitment marketing plan and implement it (Directly & Online).
- Develop recruitment plans, attract & select personnel to meet the needs of the Units.
- Build and operate the Recruitment Process to ensure the candidate data system is analyzed and optimized effectively.

❖ **Human Resource Management and Development Department**

- Develop human resource plans and human resource management.

- Operate human resources services.
- Performance management and talent development.
- Human Resources Partners (HRBP).
- Data management & human resource analysis.

❖ **Wages and Benefits Department**

- Coordinate the construction, administration and operation of a comprehensive salary, bonus and welfare system.
- Building, allocating and controlling salary funds associated with business efficiency and labor productivity.
- Develop and control compliance with labor and salary policies according to legal and internal regulations.

b) Training Center

❖ **Program Management and Development Department**

- Design training programs to meet practical/business needs.
- Improving and digitizing training programs.
- Evaluate training effectiveness.
- Promoting Corporate Culture.

❖ **Training Operations Department**

- Operate, organize and deploy training effectively.
- Evaluate training effectiveness.

4.7.8. Risk Management Division

Units under the Risk Management Division include:

❖ **Operational Risk Management Department**

- Research, develop, implement and monitor an operational risk management framework including policies, regulations, processes, methods and measurement tools.
- Develop, implement and monitor policies, procedures and systems for fraud prevention, money laundering, terrorist financing, illicit finance and FATCA compliance.
- Develop and update scenarios to ensure business continuity (Business Continuity Planning - BCP) in case of interruptions and unusual risks. Supervise and control the implementation of continuous plans for departments and units throughout the system.
- Focal point for monitoring the updating and legal compliance of the regulatory document system at Vietbank.
- Collect and store operational risk information, incidents following internal and SBV

audits. Coordinate implementation and monitor and overcome risks and operational errors according to the conclusions of inspection and audit teams.

- Deploying personal data protection activities at Vietbank according to legal regulations.

❖ **Credit Risk Management Department**

- Develop and deploy a credit risk management framework (CLR) including a system of policies, processes, documents related to credit risk management activities and new models, tools, and methods to identify and measure credit risks in the market.
- Implement monitoring, evaluation and warning of the credit risk status of the entire system, including the risks of overdue debt, bad debt, capital loss and revenue loss.
- Control debt classification and provisioning for the entire credit portfolio; Implement reports and operate the CIC reporting system.
- Focal point for implementing credit-related reports for management agencies.
- Develop and deploy a set of internal credit rating criteria and risk monitoring indicators for each credit portfolio.

❖ **Market Risk and Liquidity Management Department**

- Develop, implement and monitor a market and concentration risk management framework for proprietary trading.
- Develop, implement and monitor a liquidity risk management framework and recommend balance sheet optimization practices.
- Develop, deploy and monitor an interest rate risk management framework on the banking book and recommend methods to optimize interest income.
- Monitor the implementation of currency, foreign exchange, investment... business processes according to limits, warn of discrepancies or arising risks. Measure liquidity, analyze market fluctuations affecting the bank's cash flow.

❖ **Data and Technology Risk Management Department**

- Research, develop, deploy and monitor data governance framework and data-related risks.
- Build and implement a model risk management framework and be responsible for monitoring the use of quantitative models in risk decision-making activities at Vietbank.
- Carry out testing of key risk quantitative models before approval according to Vietbank's internal regulations.
- Develop, implement and monitor a comprehensive technology risk management framework that includes both integration and third-party risks.

❖ **Integrated Risk Management Department**

- Develop, deploy and monitor work related to risk appetite and operational safety indicators of Vietbank.
- Research, propose and implement work related to risk management operations according to Basel standards.
- Implementation and focal point to improve Vietbank's credit rating.
- Identify, evaluate, manage emerging risks and integrate them into the entire risk management framework.
- Focal point for receiving, implementing, monitoring and reporting the directions of the Risk Management Committee (Risk Management Committee)/Risk Council (Risk Council).

❖ **Compliance Control Department**

- Develop and deploy regulations, tools and work related to inspection of compliance with regulations, internal business processes and relevant legal regulations in operations throughout the system.
- Establish and operate a continuous remote monitoring system and mechanism to detect violations promptly and issue compliance warnings, recommendations, and suggest preventive and corrective measures.
- Carry out periodic and unscheduled direct inspections of compliance with laws, internal regulations and instructions for units in the system.
- Focal point for developing and implementing regulations, processes and work related to the prevention of corruption, negativity and crime.
- Focal point for organizing and implementing the review, remediation and preparation for inspections/inspections by State Banks at all levels for Vietbank's operations.
- Reporting focal point, coordinating with relevant parties in reporting on the bank's internal control system.

4.7.9. Information Technology Division

Units under the Information Technology Division include:

❖ **Application Development Department**

- Core banking development:
  + Research, design, develop and upgrade functions, products and services on the Core Banking system to meet the Bank's business requirements and development strategy.
  + Develop APIs, shared services and business connections from Core Banking to other application systems inside and outside the Bank.
  + **Manage software development lifecycle, in-depth technical support and operational transfer to ensure the Core Banking system operates stably, safely**

and is ready to expand.

- Digital banking development:
  + Develop digital banking applications, products and services on Internet Banking, Mobile Banking, cards and other digital transaction platforms.
  + Research, deploy and integrate digital payment technologies, card solutions, e-wallets and digital financial services to expand the digital banking ecosystem.
  + Digital banking software development lifecycle management; Coordinate deployment with partners, provide technical support, transfer operations and ensure safety and security for digital banking systems.
- Integrated application development:
  + Build, develop and manage integration platforms, intermediary services and connection solutions between systems inside and outside the Bank.
  + Build, manage and develop API Gateway, Open Banking, Banking as a Service (BaaS) platforms and data sharing services with partners. Develop technical standards, API standards, integration models, Microservices architecture and security solutions to ensure scalability, reuse and centralized governance.
  + Internal application development:
  + Develop applications to serve operational management, resource management, credit, risk management and internal operations of the Bank.
  + Research, build and deploy BPM, Workflow, RPA solutions and applications that support digital transformation and improve operational efficiency.
  + UI/UX design, software development lifecycle management, technical support and operational transition to ensure internal applications operate stably, efficiently and user-friendly.

❖ **Technology Operations Department**

- Core banking operations:
  + Manage, operate and ensure the Core Banking system operates continuously.
  + Set parameters, decentralize and provide business support, support investigation and troubleshooting of system.
  + Support, train and coordinate to analyze business requirements and develop new features related to the Core Banking system.
- Digital Bank Operations:
  + Card Core Operation: Manage, monitor and operate the Card Core system, support daily business processing (issuance, personalization, payment, reconciliation, investigation), coordinate with partners and card organizations (Visa, MasterCard, Napas...) to ensure PCI-DSS compliance, safety and smooth transactions.
  + Digital Banking Operations: Administration, operation and coordination of units to upgrade Mobile Banking, Internet Banking, Open Banking, eKYC, e-wallet and payment services; Business support, troubleshooting, feature improvements,

ensuring a stable online customer experience.

- Operating internal applications:
  + Manage and operate internal administration applications to ensure continuous system operation.
  + Parameter setup, user support, system troubleshooting support.
  + **Collaborate in analyzing business requirements to develop new features.**
- Integrated Application Operation:
  + Administer and operate the Middleware platform and integration gateway.
  + Security, redundancy and system optimization.
  + Operate integration gateway & connection services.
- Database operation:
  + Manage, operate and secure the database system.
  + Build database, synchronize and allocate data.
  + Develop database operating procedures and coordinate troubleshooting support.
  + Security, redundancy and system optimization.
- Operational monitoring:
  + Comprehensive monitoring of application systems and technology services that operate 24/7 stably.
  + Manage incident detection, classification, activation, and incident response coordination.
  + Monitor system performance and analyze and detect problems early.
  + Manage and implement EOD/BOD & Batch job for IT systems.
- Technology Services:
  + Manage and operate, allocate, change, revoke accounts, and access rights to IT systems.
  + IT service delivery and management (ITSM).
  + Monitor and improve service quality.
  + Hardware and terminal support.

❖ **Technology Infrastructure Department**

- Server management:
  + Administration and operation of the server system.
  + **Cloud infrastructure administration and operation.**
  + Administer and operate Microsoft services and shared infrastructure services.

- Storage management:
  - + Manage and operate centralized data storage system.
  - + Manage and operate data backup and recovery systems.
- Network management
  - + Manage and operate network infrastructure.
  - + Maintain, backup and manage network devices.
- Data Center Management and Infrastructure Monitoring
  - + Data Center Management.
  - + Infrastructure monitoring.

❖ **Data Technology Department**

- Data services:
  - + Synthesize and exploit data to serve the needs of building operational reports, risk control - compliance and reporting to the State Bank of Vietnam and competent authorities.
  - + Implement construction of Dashboard for executive management reports.
- Data integration:
  - + Building, designing data architecture and strategy for the Bank.
  - + Deploy data platform.
  - + Perform extraction, connection, and synthesis of data from multiple sources.
  - + Aggregate and share data.
- Data management:
  - + Build a data management technology platform and deploy and apply the entire data framework.
  - + Deploy data quality management tools across the entire store.
  - + Deploy tools to manage Metadata, reference data, and master data.
- Artificial Intelligence:
  - + Deploying AI/ML in-depth data analysis tools.
  - + Analyze data to serve business development needs.

❖ **Information Security Department**

- Security system management:
  - + Manage categories and operational status of the security system.
  - + Configure, change and optimize the security system.

+ Troubleshooting technical issues of the security platform.
+ Log data management and integration for monitoring and evaluation.
+ Supports the implementation of corrective measures and technical controls.

- Information Security Assessment and Testing:
  + Evaluate and test information system security.
  + Analyze and handle security vulnerabilities.
  + Evaluate application security, source code, and data flows.
  + Report and recommendations for improvement.
- Information security monitoring:
  + Set up monitoring scope and data source
  + Information security monitoring, detection and warning
  + Analyze, verify and classify cases
  + Respond, coordinate handling and restore after incidents
  + Monitor user behavior and data, handle signs of data breaches
  + Collect, preserve and provide technical evidence
  + Manage scenarios, processes, drills and reports
- Security solutions:
  + Research and update security solution trends.
  + Market survey and solutions being used by similar organizations.
  + Compare and evaluate the effectiveness of existing solutions.
  + Propose solutions, test and transfer.

❖ **Business Analysis Department:**

- Professional consulting:
  + Solution consulting.
  + Process improvement consulting.
  + Compliance consulting.
- Business analysis
  + Analyze core banking operations.
  + Analyzing digital banking operations.
  + Analyze internal application business.
- Application testing
  + Learn testing methods.

+ Participate in evaluating requirements and finding errors that arise.
+ Organization that performs application testing.

❖ **Technology Management Department:**

- Technology architecture
  + Learn about technology trends and technology management in general, development trends of financial markets operating on technology and artificial intelligence platforms, and new business models on technology platforms.
  + Review, evaluate, propose, and monitor the implementation of general technology architecture, including application architecture, data architecture, infrastructure architecture, open banking architecture and other architectures.
  + Monitor and evaluate the implementation of technology strategy projects to ensure compliance with the enterprise architecture, technical standards, technology roadmap and approved architectural governance principles; Recommend adjustments when necessary.
- Technology Policy and Compliance
  + Manage information system security policies according to regulations of the Bank, the State Bank of Vietnam and relevant agencies.
  + Manage international standards and certificates on ensuring information system safety and security in the banking sector.
  + Organize review activities to ensure compliance in the internal operations of the IT Division.
- Technology project management
  + Manage portfolio and coordinate projects/programs with technology elements.
  + Technology partner management.
  + Technology partner assessment.
- Improving the quality of technology services.

4.7.10. Pricing Center

Units under the Valuation Center include:

❖ **Asset Valuation Department**

- Carry out asset valuation work.
- Collect information to build a market price framework.

❖ **Policy and Operations Department**

- Develop, manage and update policies, regulations and instructions related to collateral valuation operations (including real estate, movable property, and other specialized assets) throughout the Vietbank system.

- Organize and deploy training on valuation skills and instructions on how to use valuation software.
- Process quality management
- Price database administration.
- Administration and operation of pricing software.

❖ **Quality Control Department**

- Carry out review of valuation documents according to classification.
- Perform quality control Notify Valuation Results.
- Carry out control after Notifying Valuation Results/Valuation Documents.
- Perform price review by stream.
- The focal point recommends external partners to perform the asset valuation function.

4.7.11. Debt Handling Center

Units under the Debt Handling Center include:

❖ **Debt Handling Department**

- Carry out the work of urging, proposing and implementing appropriate solutions to handle and collect debt.
- Carrying out the work of initiating lawsuits, coordinating judgment enforcement to handle and collect debts.
- Carry out the work of handling Collateral to recover debt.
- Focal point for receiving proposals, submitting for approval and implementing debt settlement support activities.

❖ **Debt Management Department**

- Manage portfolio of overdue debt and bad debt.
- Manage and promote debt collection progress.
- Develop and guide the implementation of internal documents in debt settlement operations.
- Early debt management and collection.
- Operate integrated multi-channel debt reminder and overdue debt collection.

4.7.12. Customer Service Center

Units under the Customer Service Center include:

❖ **Processing Department**

- Organize communication and customer support through the switchboard.
- Processing operations through the switchboard.

❖ **Customer Care Department**

- Implement customer care, support and sales activities as required by the Unit.

❖ **Monitoring Department**

- Manage and operate multi-channel switchboard.

4.7.13. Internal Service Center

❖ **Network Management and Development Department**

- Planning and implementing, monitoring the budget for renting the headquarters, renovating, repairing, maintaining the headquarters and the budget for protection and fire prevention (fire protection) of the entire system.
- Basic construction work: Implement design, estimate, supervise, and accept new construction, renovation, and repair of headquarters. Apply for construction permits, evaluate fire prevention and fighting, and complete projects. Supervise maintenance of light electrical systems throughout the system. Inspect facilities and perform minor repairs at business centers in Ho Chi Minh City and Hanoi.
- Network Development Work: Develop and implement network development plans (new opening, relocation, renting premises, negotiating extension of head office lease contracts) throughout the system, criteria for selecting business center headquarters, sample terms of lease contracts.
- Security and safety work: Managing safety and security work, checking/supervising security services, proposing criteria to evaluate the quality of security services, training, and communicating fire safety at the Head Office and business centers. Operate and extract camera data according to regulations.

❖ **Administration Department**

- Develop annual administrative budget plans; Investment budget for fixed assets, tools and equipment, entire system.
- Develop and implement policies related to the department's functions, ensuring compliance with the Bank's strategy and development plan.
- Deploying and supervising the inauguration reception work, logistics work for domestic, foreign affairs and Bank-level events.
- Implement and supervise administrative work at the Head Office and guide and supervise administrative work throughout the system.
- Asset Management: Implement and supervise the allocation, transfer, inventory, and liquidation of assets/tools. Manage and exploit real estate assets owned by the Bank.

- Procurement - Contract Management: Deploy and supervise the procurement of goods, services and basic construction and contract management, manage and make contract payments according to regulations.

4.7.14. Marketing Center

a) Marketing and Customer Experience Department

- Deploy the assessment of customer satisfaction regarding banking product and service experience.
- Consulting on marketing solutions targeting target customers for Business Divisions to build policies, products, and services suitable for target customers.
- Develop a marketing strategy to market banking products and services to target customers.
- Coordinate with Business Divisions to develop customer loyalty policies and programs.
- Organize digital marketing activities throughout the system.
- Building, implementing and managing a system for evaluating the effectiveness of Marketing activities.
- Develop marketing policies, standards, and processes.

b) Communications and Branding Department

- Develop regulations, organize and manage Vietbank's official spokesperson work.
- Manage and develop relationships with news agencies, television, radio,...
- Develop and update regulations on handling information crises and participate throughout the process of handling information crises.
- Build, manage and organize all external communication and public relations activities.
- Build, manage and organize all internal communication activities and participate in the process of building corporate culture for Vietbank.
- Build, manage and organize the implementation of all Vietbank advertising campaigns on all interactive channels.
- Build, manage and organize all banking-level events of Vietbank.
- Develop and deploy communication content, control and handle information/communication incidents/crisis.
- Building, managing and developing Vietbank's brand.
- Manage Vietbank's image and brand throughout the system and at every customer contact point.
- Vietbank brand and image design.

5. Information on parent company, subsidiaries of the Issuer, companies that hold controlling stakes or controlling shares of the Issuer, and companies in which the Issuer holds controlling stakes or controlling shares

5.1. List of VIETBANK's parent companies, companies that hold controlling stakes or controlling shares of VIETBANK for 02 consecutive years immediately preceding the year of registration for offering and up to the time of registration for offering

None.

5.2. List of VIETBANK's subsidiaries, companies in which VIETBANK holds controlling stakes or controlling shares for 02 consecutive years immediately preceding the year of registration for offering and up to the time of registration for offering

❖ **Vietnam Thuong Tin Bank Debt Management and Asset Exploitation Company Limited**

Full name:	Vietnam Thuong Tin Bank Debt Management and Asset Exploitation Company Limited
Established date:	06/06/2011
Business registration certificate:	Business registration certificate No. 0310898270 issued by the City Department of Finance. First issued by Ho Chi Minh City on June 6, 2011, registered for the 7th change on April 3, 2025.
Address:	90 Cao Thang, Ban Co Ward, City. Ho Chi Minh, Vietnam
Registered Charter Capital:	200,000,000,000 VND
Actual contributed Charter Capital:	200,000,000,000 VND
Ownership and voting percentage of the Issuer at this company:	As at December 31, 2024: 100% As at December 31, 2025: 100% As at June 30, 2026: 100%
Ownership and voting percentage of this company at the Issuer:	As of December 31, 2024: 0% As of December 31, 2025: 0% As of June 30, 2026: 0%
Main business activities:	Receive and manage outstanding debts and loan security assets related to debts to process and recover capital; Restructure outstanding debt through measures: debt rescheduling, interest rate exemption, additional investment, conversion of debt into contributed capital; Complete documents related to debts according to the

provisions of law; Handling loan security assets; Buy and sell outstanding debt of other credit institutions, debt management companies and asset exploitation of other commercial banks according to the provisions of law.

6. Information about the process of increasing and decreasing the Charter Capital of the Issuer

The Bank has not yet reduced its Charter Capital. During operations, to meet capital needs for business activities, the Bank has implemented the capital increase process as follows:

[The rest of the page is intentionally left blank]

Table 1: Information about VIETBANK's Charter Capital increase process1

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
1	12/2006	0	200,000,000,000	200,000,000,000	Form of capital increase: Private placement to a number of outside investors - Issued quantity: 200,000 shares - Issue price: 1,000,000 VND/share	Decision No. 2391/QD-NHNN dated December 14, 2006 on restoring the operation of Phu Tam Rural Commercial Joint Stock Bank and Decision No. 2399/QD-NHNN dated December 15, 2006 on granting an operating license to Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank	None
2	24/04/2007	200,000,000,000	500,000,000,000	300,000,000,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders - Issued quantity: 300,000 shares - Issue price: 1,000,000 VND/share	Approval document No. 46/NHNN-STR2 dated March 20, 2007 of the State Bank of Vietnam of Soc Trang Province Branch.	None
3	30/12/2008	500,000,000,000	1,000,000,000,000	500,000,000,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders and some investors who are not shareholders	Approval document No. 317/NHNN-STR2 dated December 29, 2008 of the State Bank of Vietnam of Soc Trang Province Branch.	None

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
					- Issued quantity: 500,000 shares - Issue price: 1,000,000 VND/share		
4	30/12/2010	1,000,000,000,000	3,000,000,000,000	2,000,000,000,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders and some investors who are not shareholders - Issued quantity: 2,000,000 shares - Issue price: 1,000,000 VND/share	Approval document No. 7135/NHNN-TTGSNH dated September 21, 2010 of the State Bank of Vietnam.	None
5	31/12/2016	3,000,000,000,000	3,249,000,000,000	249,000,000,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders - Issued quantity: 249,000 shares - Issue price: 1,000,000 VND/share	Approval document No. 9938/NHNN-TTGSNH dated December 28, 2016 of the State Bank of Vietnam.	None
6	2018-2019	3,249,000,000,000	4,190,199,040,000	941,199,040,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders and VIETBANK employees under the employee	- Official Dispatch No. 6487/NHNN-TTGSNH dated August 28, 2018; - Offering registration certificate No. 61/GCN-UBCK dated October 25,	None

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
					selection program (ESOP). In particular, VIETBANK issued to a total of 225 shareholders, of which 52 existing shareholders, 173 ESOP shareholders. - Number of issues: 94,119,904 shares - Issue price: 10,000 VND/share	2018 of the State Securities Commission issued to VB for registration of public offering of shares. - Official Dispatch No. 8460/UBCK – QLCB dated December 26, 2018 of the State Securities Commission on reporting the results of the public offering of shares. - Official Dispatch No. 1406/NHNN-TTGSNH dated March 7, 2019. - Official Dispatch No. 1760/UBCK - QLCB dated March 20, 2019 of the State Securities Commission regarding the handling of all distributed shares in the public offering of shares.	
7	2021	4,190,199,040,000	4,776,826,690,000	586,627,650,000	Form of capital increase: Issuing shares to distribute dividends to existing shareholders - Number of issues: 58,662,765 shares	- Official Dispatch No. 2074/NHNN-TTGSNH dated March 30, 2021 on approving the increase in Charter Capital by 586,627,856,600 VND of VIETBANK;	None

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						- Official Dispatch No. 2339/UBCK-CLCB dated May 26, 2021 announcing receipt of full documents reporting on VIETBANK's 2019 stock issuance report. - Official Dispatch No. 3138/UBCK – QLCB dated June 25, 2021 on Reporting the results of the share issuance to pay dividends in 2019. - Decision 1495/QD- NHNN on amending the content of Charter Capital in the Operation License of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.	
8	2024	4,776,826,690,000	5,711,532,700,000	934,706,010,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders - Number of issues: 93,470,601 shares - Issue price: 10,000 VND/share	- Document No. 4592/NHNN-TTGSNH dated July 5, 2022 approving the increase in Charter Capital of VIETBANK in 2022. - Certificate of registration for additional stock offering No. 437-GCN-UBCK dated December 19, 2023 of the State Securities Commission.	Detailed content is presented in the Notes section below Table 1 (Part a)

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						- Decision approving the extension of securities offering certificate No. 229/2024 dated February 26, 2024 of the State Securities Commission. - Official Dispatch No. 2478/UBCK-CLCB dated April 19, 2024 on the SSC receiving the document Report on results of public offering of shares according to Result Report No. 1561/2024/BC-VB dated April 16, 2024 of VIETBANK. - Securities registration certificate No. 34/2018/GCNCP-VSD-04 dated May 3, 2024. - Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK, Decision No. 1900/QD-NHNN dated September 12, 2024 on amending the content of Charter Capital in VIETBANK's Establishment and Operation License.	

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
9	2024	5,711,532,700,000	7,139,413,290,000	1,427,880,590,000	Form of capital increase: Issuing shares to distribute dividends to existing shareholders - Number of issues: 142,788,059 shares	- Document No. 8520/NHNN-TTGSNH dated October 17, 2024 of the State Bank of Vietnam regarding increasing Charter Capital of VIETBANK. - Document No. 7695/UBCK-QLCB dated November 14, 2024 of the State Securities Commission regarding the document reporting on the issuance of shares to pay dividends of VIETBANK. - Document No. 8403/UBCK-QLCB dated December 11, 2024 of the State Securities Commission reporting the results of VIETBANK's share issuance to pay dividends. - License for establishment and operation No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK, Decision No. 2758/QD-NHNN dated December 25, 2024 of the State Bank of Vietnam on amending the content of Charter Capital in the License for	None

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						establishment and operation of VIETBANK.	
10	2025	7,139,413,290,000	8,210,319,700,000	1,070,906,410,000	Form of capital increase: Issuing shares from equity to increase Charter Capital - Issued quantity: 107,090,641 shares	- Official Dispatch No. 4425/NHNN-QLGS dated June 3, 2025 of the State Bank of Vietnam, the Governor of the State Bank of Vietnam approved VIETBANK's increase in maximum Charter Capital by 3,780,319,330,000 VND. - Document No. 2481/UBCK-QLCB dated June 16, 2025 of the State Securities Commission regarding the report document on stock issuance to increase share capital from VIETBANK's equity capital. - Document No. 1233/TB-CN VSDC dated June 18, 2025 etc. last registration date and confirmation of list of securities owners. - Document No. 3273/UBCK-QLCB dated July 9, 2025 of the State Securities Commission regarding documents reporting the results of	None

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						stock issuance to increase share capital from VBB's equity source. - License for establishment and operation No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK, Decision No. 2778/QD-NHNN dated July 17, 2025 of the State Bank of Vietnam on amending the content of Charter Capital in the License for establishment and operation of VIETBANK.	
11	2025	8,210,319,700,000	10,768,973,840,000	2,558,654,140,000	Form of capital increase: Issued to existing shareholders - Number of issues: 255,865,414 shares - Issue price: 10,000 VND/share	- Resolution No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 of the Vietbank General Meeting of Shareholders at the 2025 annual meeting. - Resolution No. 65/2025/NQ-HĐQT of the Board of Directors on implementing the plan to offer additional shares to existing shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.	Detailed content is presented in the Notes section below Table 1 (Part b)

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						- Resolution No. 107/2025/NQ-HĐQT dated July 10, 2025 of the Board of Directors on approving the implementation of the plan to offer additional shares to existing shareholders of Vietbank. - Document No. 4425/NHNN-QLGS dated June 3, 2025 approving the increase in Charter Capital of VIETBANK. - Certificate of registration for additional public offering of shares No. 331/GCN-UBCK dated September 30, 2025 of the State Securities Commission. - Resolution No. 203/2025/NQ-HĐQT dated December 25, 2025 of the Board of Directors on approving the results of registration and payment to buy shares of existing shareholders in the public offering of additional shares, plan to handle the number of undistributed shares, results of offering additional shares to the	

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						public through purchasing rights to existing shareholders. - Report No. 113/2025/BC-VB of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank dated December 25, 2025 reporting the results of the public offering of shares. - Official Dispatch No. 9314/UBCK-QLCB dated December 26, 2025 on the SSC receiving the document Report on results of public offering of shares according to Result Report No. 113/2025/BC-VB dated December 25, 2025 of VIETBANK. - Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK, Decision No. 179/QD-NHNN dated February 5, 2026 on amending the content of Charter Capital in VIETBANK's Establishment and Operation License. - Decision No. 93/QD-SGDHN dated February 6, 2026 of the Hanoi Stock	

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						Exchange on approving changes in VIETBANK's stock trading registration.	
12	2026	10,768,973,840,000	11,845,866,040,000	1,076,892,200,000	Form of capital increase: Issuing shares from equity to increase Charter Capital - Number of issues: 107,689,220 shares - Share par value: 10,000 VND/share	- Resolution No. 01/2026/NQ-DHĐCD dated April 24, 2026 of the General Meeting of Shareholders at the 2026 annual meeting approving the Plan to increase VIETBANK's Charter Capital. - Resolution No. 86/2026/NQ-HĐQT dated May 13, 2026 of the Board of Directors of VIETBANK on implementing the Plan to increase Charter Capital in 2026 according to Resolution 01/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026. - Resolution No. 100/2026/NQ-HĐQT dated June 5, 2026 of the Board of Directors of VIETBANK on approving the plan for handling fractional shares and approving documents submitted to the State Securities Commission.	None

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						- Official Dispatch No. 4677/NHNN-QLGS dated June 2, 2026 of the State Bank of Vietnam, the Governor of the State Bank of Vietnam approved VIETBANK's increase in maximum Charter Capital by 4,778,732,130,000 VND. - Document No. 5311/UBCK-QLCB dated June 11, 2026 of the State Securities Commission regarding the report document on share issuance to increase share capital from VIETBANK's equity capital. - Document No. 1240/TB-CNVSDC dated June 16, 2026 etc. last registration date and confirmation of list of securities owners. - Document No. 6331/UBCK-QLCB dated July 8, 2026 of the State Securities Commission regarding documents reporting the results of stock issuance to increase share capital from VBB's equity source.	

No	Time	Charter Capital before issuance	Charter Capital after issuance	Capital value increases	Form of capital increase	Legal documents	Opinion of the auditing unit (if any)
						- License for establishment and operation No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK, Decision No. 1691/QD-NHNN dated July 22, 2026 of the State Bank of Vietnam on amending the content of Charter Capital in the License for establishment and operation of VIETBANK.	

Source: VIETBANK

Notes:

a, Opinions of the auditing unit on the capital increase through public share issuance to existing shareholders in 2024:

- Opinions of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on the Report on the situation of increasing Charter Capital and surplus capital: The report on the situation of increasing Charter Capital and surplus capital has reflected honestly and reasonably in all material aspects, the stock capital situation of the Bank for the period from January 1, 2024 to June 5, 2024.
- Opinions of UHY Auditing and Consulting Company Limited on the Report on the use of capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023 for the period from April 23, 2024 to December 31, 2024: Status report The model of using capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023 for the period from April 23, 2024 to December 31, 2024 of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank has reflected honestly and

reasonably in key aspects the situation of using capital collected. received from the offering of shares to existing shareholders of the Bank in accordance with the basis of accounting for actual receipts and actual expenditures as described in the Notes to the Report on Capital Use.

b, Opinion of the auditing unit of UHY Auditing and Consulting Co., Ltd. regarding the capital increase through issuing shares to the public to existing shareholders in 2025:

- Opinions of UHY Auditing and Consulting Company Limited on the Report on the situation of increasing share capital and surplus capital from the public issuance of shares to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHĐCD dated April 26, 2025 for the period from October 1, 2025 to December 30, 2025: In our opinion, the financial information presented in the Report on the increase in share capital and surplus capital from the public issuance of shares to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 for the period from October 1, 2025 to December 30, 2025 of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank has reflected honestly and reasonably on material aspects, complied with and in accordance with the current Accounting Standards and Regime of Vietnamese credit institutions and legal regulations related to the preparation and presentation of the Report on the situation of increasing share capital and surplus capital.
- Opinions of UHY Auditing and Consulting Company Limited on the Report on the use of capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 for the period from December 31, 2025 to March 31, 2026: According to In our opinion, the Report on the use of proceeds from the public offering of additional shares to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 for the period from December 31, 2025 to March 31, 2026 of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank has reflected honestly and appropriately. Reasonably, in all material aspects, the use of proceeds from the offering of additional shares to existing shareholders of the Bank is consistent with the basis of accounting for actual receipts and actual expenditures as described in the Notes to the Report on the use of proceeds from the offering of additional shares.

[The rest of the page is intentionally left blank]

7. Information on large capital contributions and divestments of the Issuer in other enterprises

None

8. Information about outstanding securities

8.1. Common stock

Table 2: Information on outstanding shares of the Issuer as of July 31, 2026 2

TT	Shareholders	Number of shareholders	Number of shares	Rate (%)
I	**Domestic shareholders**	**2,068**	**1,184,341,461**	**99.98**
1	Institutional shareholders	22	754,283,576	63.68
2	Individual shareholders	2,046	430,057,885	36.30
II	**Foreign shareholders**	**24**	**245,143**	**0.02**
1	Institutional shareholders	2	4,972	0
2	Individual shareholders	22	240,171	0.02
3	Economic organizations with foreign investors holding more than 50% of Charter Capital	0	0	0
	Total	**2,092**	**1,184,586,604**	**100.00**

Source: VIETBANK

8.2. Preferred shares

None.

8.3. Other types of securities

In addition to the above outstanding common shares, VIETBANK also has other types of outstanding securities.

- As of July 31, 2026, the volume of outstanding public bonds is: 83,550,000,000 VND
- As of July 31, 2026, the volume of privately placed bonds outstanding is: 4,229,300,000,000 VND

Detailed information on outstanding bonds at VIETBANK is as follows:

Table 3: List of issued and outstanding bonds at VIETBANK3

Bond Code	Bond Type	Value (million VND)	Interest rate	Release date	Term	Other important terms
VBBL2128002	Private	125,300	First 5 years: 7.8% Last 2 years: 8.83%	29/9/2021	7 years	The Reference Interest Rate used to determine the interest rate for each Interest Period is the average interest rate on personal savings deposits in Vietnam Dong, paid in arrears, with a 12-month term (or the interest rate of an equivalent term) announced at the Interest Rate Determination Date on the official websites of 04 commercial banks including: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade (VietinBank), Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank), Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
VBBL2128003	Private	100,200	First 5 years: reference interest rate + 2.5%/year Last 2 years: reference interest rate + 3.5%/year	29/10/2021	7 years	
VBBL2128005	Private	3,500	First 5 years: reference interest rate + 2.5%/year Last 2 years: reference interest rate + 3.5%/year	26/11/2021	7 years	
VBBL2128010	Private	300	First 5 years: reference interest rate + 2.5%/year Last 2 years: reference interest rate + 3.5%/year	28/12/2021	7 years	
VBB124001	Public	83,550	First 5 years: reference interest rate +	27/03/2024	7 years	

Bond Code	Bond Type	Value (million VND)	Interest rate	Release date	Term	Other important terms
			2.5%/year Last 2 years: reference interest rate + 3.5%/year			(BIDV) and Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank).The Reference Interest Rate is rounded to 2 decimal places.
VBB12501	Private	1,000,000	First interest period: interest rate: 7.4%/year Next interest period: reference interest rate + 2.7%/year	30/12/2025	7 years	
VBB12502	Private	1,500,000	Floating bond interest rate: Reference interest rate + 3%/year	30/12/2025	7 years	
VBB12601	Private	1,100,000	Floating bond interest rate: Reference interest rate + 3.8%/year	25/06/2026	7 years	
VBB12602	Private	400,000	Floating bond interest rate: Reference interest rate + 3.8%/year	30/06/2026	7 years	

Source: VIETBANK

9. Information on foreign ownership ratio

- The Government issued Decree 69/2025/ND-CP dated March 18, 2025 amending Decree 01/2014/ND-CP on foreign investors purchasing shares of Vietnamese credit institutions. This Decree takes effect from May 19, 2025. Accordingly, based on Clause 5 and Clause 7, Article 1 of Decree 69/2025/ND-CP amending and supplementing Article 7 of Decree 01/2014/ND-CP stipulating the share ownership ratio for foreign investors, the total share ownership of foreign investors does not exceed 30% of the Charter Capital of a Vietnamese commercial bank, except in cases prescribed by law. specified in (6) and (7) or during the implementation period specified in Clause 9, Article 14 of Decree 01/2014/ND-CP (amended by Decree 69/2025/ND-CP). Decree 69/2025/ND-CPDecree 01/2014/ND-CP Decree 69/2025/ND-CPDecree 01/2014/ND-CPDecree 01/2014/ND-CPDecree 69/2025/ND-CP
- Pursuant to Official Dispatch No. 2294/UBCK-PTTT of the State Securities Commission dated May 25, 2021, maximum foreign ownership ratio at the Issuing Organization according to legal regulations: maximum 30% of Charter Capital.
- Maximum foreign ownership ratio at the Issuing Organization according to the decision of the General Meeting of Shareholders and regulations in the Bank's Charter (if any): Not specified.
- Foreign ownership ratio at the Issuing Organization as of July 31, 2026: 0.02%

10. Business activities

10.1. Characteristics of business activities

10.1.1.Type of products and services

VIETBANK is a commercial bank according to the provisions of law and is under the direct management of the State Bank of Vietnam. Like other commercial banks, VIETBANK has been providing capital mobilization operations, lending services, investment activities and other services based on modern and effective technology platforms.

❖ **Proportion of products and services in total revenue and net income**

Table 4: Proportion of products and services in total revenue (consolidated)4

Target	Year 2024		Year 2025		First 6 months of 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Interest income and similar income	9,721,857	91.56	11,980,393	95.74	6,974,526	93.23
Income from service activities	231,629	2.18	262,118	2.09	89,000	1.19

Target	Year 2024		Year 2025		First 6 months of 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Income from foreign exchange trading activities	179,588	1.69	204,421	1.63	308,484	4.12
Income from buying and selling investment securities	21,212	0.20	60,085	0.48	102,313	1.37
Income from other activities	463,620	4.37	6,520	0.05	6,351	0.08
Total	**10,617,906**	**100.00**	**12,513,537**	**100.00**	**7,480,674**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

In general, VIETBANK's business activities in 2025 continued to develop stably according to the 2025 consolidated financial statements. The Bank's income structure still focuses mainly on Interest income and similar income, with a proportion reaching 95.74%, up from 91.56% in 2024. This shows that credit activities continue to be the main source of income for the bank. Bank. In addition, the proportion of income from investment securities increased from 0.20% to 0.48%. On the contrary, the proportion of income from service activities and income from foreign exchange trading activities decreased slightly compared to the previous year, from 2.18% and 1.69% in 2024 to 2.09% and 1.63% in 2025, respectively. In addition, the proportion of income from other activities decreased significantly from 4.37% in 2024 to 0.05% in 2025.

At the end of the first 6 months of 2026, according to the semi-annual reviewed consolidated financial statements, the bank's total income reached VND 7,481 billion, an increase of 29.11% over the same period last year, business activities continued to maintain positive results. Interest income and similar income are still the main source of income with 6,975 billion VND, accounting for 93.23% of total income. Income from foreign exchange trading activities reached 308 billion VND, accounting for 4.12% of total income, a sharp increase in both value and proportion compared to 2025 (1.63%). Income from trading investment securities reached 102 billion VND, accounting for 1.37% of total income, significantly higher than the proportion of 0.48% in 2025. In general, VIETBANK's business activities continue to maintain stable growth.

Table 5: Proportion of products and services in total revenue (separated)5

Target	Year 2024		Year 2025		First 6 months of 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Interest income and similar income	9,721,857	91.56	11,980,393	95.73	6,974,526	93.23

Target	Year 2024		Year 2025		First 6 months of 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Income from service activities	231,629	2.18	262,118	2.09	89,018	1.19
Income from foreign exchange trading activities	179,588	1.69	204,421	1.63	308,484	4.12
Income from buying and selling investment securities	21,212	0.20	60,085	0.48	102,313	1.37
Income from other activities	463,620	4.37	7,395	0.06	6,351	0.08
Total	**10,617,906**	**100.00**	**12,514,412**	**100.00**	**7,480,692**	**100.00**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

VIETBANK's 2025 business activities according to the separate audited 2025 financial statements continue to develop stably. Income indicators that tend to increase in proportion are Interest income and similar income (95.73% in 2025) and Income from trading investment securities (0.48% in 2025) both increasing compared to 2024 (91.56% and 0.2%). This shows that credit activities continue to be the Bank's main source of income generation. On the contrary, the proportion of income from service activities and income from foreign exchange trading activities decreased slightly compared to the previous year, from 2.18% and 1.69% in 2024 to 2.09% and 1.63% in 2025, respectively. In addition, the proportion of income from other activities decreased significantly from 4.37% in 2024 to 0.06% in 2025.

According to the 2026 semi-annual reviewed separate financial statements, the bank's total income reached VND 7,481 billion, an increase of 29.11% over the same period last year, business activities continued to maintain positive results. Interest income and similar income are still the main source of income with 6,975 billion VND, accounting for 93.23% of total income. Income from foreign exchange trading activities reached 308 billion VND, accounting for 4.12% of total income, a sharp increase in both value and proportion compared to 2025 (1.63%). Income from trading investment securities reached 102 billion VND, accounting for 1.37% of total income, significantly higher than the proportion of 0.48% in 2025. In general, VIETBANK's business activities continue to maintain stable growth.

Table 6: Proportion of products and services in net profit (consolidated)6

Target	Year 2024		Year 2025		First 6 months of 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Net interest income	2,811,573	80.30	3,326,580	91.83	1,761,680	89.82
Net profit from service activities	136,726	3.90	160,433	4.43	46,622	2.38
Net profit from foreign exchange trading activities	80,215	2.29	89,745	2.48	50,351	2.57
Net profit from buying and selling investment securities	19,009	0.54	51,029	1.41	98,786	5.04
Net profit from other activities	453,840	12.96	-5,235	-0.14	3,929	0.20
Total	**3,501,363**	**100.00**	**3,622,552**	**100.00**	**1,961,368**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

According to the audited Consolidated Financial Statements of 2025, in general, the proportion of each activity on profit from VIETBANK's business activities fluctuates as follows:

- Net interest income proportion reached 91.83%, increased compared to 2024 (80.30%). The proportion of net profit from service activities in 2025 is 4.43%, increased compared to the proportion in 2024 (3.90%). The proportion of Net profit from foreign exchange trading activities and Net profit from investment securities trading activities increases from 2.29% and 0.54% in 2024 to 2.48% and 1.41% in 2025.
- Although the proportion decreased, profits from these activities in 2025 are higher than in 2024, showing that total profits in 2025 have had positive growth. Specifically, VIETBANK's profit from business activities in 2025 increases by 3.46% compared to 2024.
- Only the proportion of Net profit from other activities decreased to (-0.14%) in 2025 from 12.96% in 2024.

According to VIETBANK's 2026 semi-annual reviewed consolidated financial statements, net profit from business activities reached 1,961 billion VND, an increase of 28.36% over the same period in 2025. The profit structure shows that net profit from credit activities is still the main source of contribution, while non-interest activities show signs of improvement. Specifically:

- Net interest income reached 1,762 billion VND, accounting for 89.82% of total net profit, an increase of 26.75% over the same period last year. Although the proportion decreased slightly compared to 2025 (91.83%), it still remained at a very high level, credit granting activities continued to be the main driver of profit for the bank.
- Net profit from trading investment securities reached 99 billion VND, accounting for

5.04% of total net profit, an increase of 324.61% over the same period last year thanks to favorable developments in market interest rates for the bank's securities portfolio held at the time of selling the securities portfolio.

Table 7: Proportion of products and services in net profit (separated)7

Target	Year 2024		Year 2025		First 6 months of 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Net interest income	2,811,510	80.43	3,319,419	92.00	1,756,824	90.99
Net profit from service activities	130,955	3.75	152,116	4.22	20,796	1.08
Net profit from foreign exchange trading activities	80,215	2.29	89,745	2.49	50,351	2.61
Net profit from buying and selling investment securities	19,009	0.54	51,029	1.41	98,786	5.12
Net profit from other activities	453,840	12.98	-4,360	-0.12	3,929	0.20
Total	**3,495,529**	**100.00**	**3,607,949**	**100**	**1,930,686**	**100.00**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

The ratio of products and services in net profit according to VIETBANK's audited separate financial statements for 2024 and 2025 has similar data to the consolidated financial statements. Therefore, it can be seen that, in the period 2024-2025, VIETBANK's net operating profit grew steadily.

According to VIETBANK's 2026 semi-annual reviewed separate financial statements, net profit from business activities reached 1,931 billion VND, an increase of 26.43% over the same period in 2025. The profit structure shows that net profit from credit activities is still the main source of contribution, while non-interest activities show signs of improvement. Specifically:

- Net interest income reached 1,757 billion VND, accounting for 90.99% of total net profit, an increase of 26.43% over the same period last year. Although the proportion decreased slightly compared to 2025 (92.00%), it still remained at a very high level, credit granting activities continued to be the main driver of profit for the bank.
- Net profit from trading investment securities reached 99 billion VND, accounting for 5.12% of total net profit, an increase of 324.61% over the same period last year thanks to favorable developments in market interest rates for the bank's securities portfolio

held at the time of selling the securities portfolio.

10.1.2.Mobilizing capital

Capital mobilization is the Bank's operation of mobilizing temporarily idle capital resources of customers who are organizations and individuals on the principle of returning principal and interest to form mobilized capital to meet the Bank's business activities.

VIETBANK's capital mobilization activities have grown over the years. VIETBANK's total consolidated mobilized capital as of December 31, 2025 reached 181 trillion VND, an increase of 19.84% compared to 2024. Although customer deposits are still VIETBANK's main source of capital, in 2025 VIETBANK has increased the proportion of other sources of capital mobilization. Specifically, the proportion of capital mobilized from deposits and loans from other credit institutions in 2025 increases to 28.50% from 25.41% in 2024 and the proportion of capital from issuing valuable papers increases to 13.05% from 11.7% in 2024.

The capital mobilization structure is diverse, flexible and balanced, ensuring liquidity safety and business efficiency of the entire system of VIETBANK while still complying with the regulations of the State Bank of Vietnam from time to time. In terms of capital mobilization structure as of December 31, 2025, customer deposits, deposits and loans to other credit institutions, and issuance of valuable papers account for 56.01% respectively; 28.5% and 13.05%.

VIETBANK is proactive in capital resources, exploiting abundant capital sources in both VND and foreign currencies at reasonable costs. Mobilizing capital in VND always accounts for a large proportion in VIETBANK's mobilization structure.

Table 8: Capital mobilization structure of VIETBANK (consolidated)8

Target	At December 31, 2024		At December 31, 2025		At June 30, 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
I. Type of capital mobilized						
Government and State Bank of Vietnam debts	222,891	0.15	4,415,355	2.44	5,224,151	2.78
Deposits and loans from other credit institutions	38,416,167	25.41	51,633,361	28.50	50,298,957	26.80
Customer deposits	94,841,470	62.74	101,449,573	56.01	103,892,733	55.36
Issuing valuable papers	17,678,260	11.7	23,645,110	13.05	28,254,940	15.06
Total	**151,158,788**	**100.00**	**181,143,399**	**100.00**	**187,670,781**	**100.00**
II, Domestic/abroad						

Domestic customers	151,097,289	99.96	181,110,327	99.98	187,639,523	99.98
Foreign customers	61,499	0.04	33,072	0.02	31,258	0.02
Total	**151,158,788**	**100.00**	**181,143,399**	**100.00**	**187,670,781**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 9: Capital mobilization structure of VIETBANK (separated)9

Target	At December 31, 2024		At December 31, 2025		At June 30, 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
I. Type of capital mobilized						
Government and State Bank of Vietnam debts	222,891	0.15	4,415,355	2.43	5,224,151	2.78
Deposits and loans from other credit institutions	38,416,167	25.41	51,633,361	28.47	50,298,957	26.77
Customer deposits	94,845,677	62.74	101,645,857	56.05	104,114,529	55.41
Issuing valuable papers	17,678,260	11.69	23,645,110	13.04	28,254,940	15.04
Total	**151,162,995**	**100.00**	**181,339,683**	**100.00**	**187,892,577**	**100.00**
II. Domestic/abroad						
Domestic customers	151,101,496	99.96	181,306,611	99.98	187,861,319	99.98
Foreign customers	61,499	0.04	33,072	0.02	31,258	0.02
Total	**151,162,995**	**100.00**	**181,339,683**	**100.00**	**187,892,577**	**100.00**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

Table 10: Structure of VIETBANK's customer deposits (Consolidated)10

No	Item	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
1	**Sort by customer**						
	Economic organization	7,757,034	8.18	9,000,873	8.87	9,885,293	9.51
	Personal	87,084,436	91.82	92,448,700	91.13	94,007,440	90.49
Total customer deposits		**94,841,470**	**100.00**	**101,449,573**	**100.00**	**103,892,733**	**100.00**

No	Item	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
2	**Sort by term**						
	Demand deposits	4,596,959	4.85	4,444,077	4.38	7,918,796	7.62
	Term deposits	7,974,942	8.41	8,760,617	8.64	8,756,277	8.43
	Savings deposits	82,167,416	86.64	88,146,362	86.89	87,108,185	83.84
	Margin deposit	95,918	0.10	97,955	0.10	108,913	0.10
	Specialized capital deposits	6,235	0.01	562	0.00	562	0.01
Total customer deposits		**94,841,470**	**100.00**	**101,449,573**	**100.00**	**103,892,733**	**100.00**
3	**Sort by currency type**						
	VND	94,246,496	99.37	99,899,736	98.47	103,069,885	99.21
	Foreign currency	594,974	0.63	1,549,837	1.53	822,848	0.79
Total customer deposits		**94,841,470**	**100.00**	**101,449,573**	**100.00**	**103,892,733**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 11: Structure of VIETBANK's customer deposits (separated)11

No	Item	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
1	**Sort by customer**						
	Economic organization	7,761,241	8.18	9,197,157	9.05	10,107,089	9,71
	Personal	87,084,436	91.82	92,448,700	90.95	94,007,440	90,29
Total customer deposits		**94,845,677**	**100.00**	**101,645,857**	**100.00**	**104,114,529**	**100.00**
2	**Sort by term**						
	Demand deposits	4,599,655	4.85	4,452,793	4.38	7,947,592	7,63
	Term deposits	7,976,453	8.41	8,948,185	8.80	8,949,277	8,60
	Savings deposits	82,167,416	86.63	88,146,362	86.72	87,108,185	83,66
	Margin deposit	95,918	0.10	97,955	0.10	108,913	0,10
	Specialized capital deposits	6,235	0.01	562	0.001	562	0,01
Total customer deposits		**94,845,677**	**100.00**	**101,645,857**	**100.00**	**104,114,529**	**100.00**

No	Item	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
3	**Sort by currency type**						
	VND	94,250,703	99.37	100,096,020	98.48	103,291,681	99.21
	Foreign currency	594,974	0.63	1,549,837	1.52	822,848	0.79
Total customer deposits		**94,845,677**	**100.00**	**101,645,857**	**100.00**	**104,114,529**	**100.00**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

10.1.3.Credit activities

❖ **Total outstanding loans**

VIETBANK provides adequate and timely capital for the economy, supporting customers to promote production and business activities, encourage consumption, and support sustainable economic growth. Credit quality is always strictly controlled by VIETBANK and complies with the regulations of the State Bank of Vietnam.

Overall, in recent years, VIETBANK's lending activities have grown strongly, with the total outstanding debt of each year always higher than the previous year. By December 31, 2025, total outstanding loans (not yet provisioned) reached 105.2 trillion VND, corresponding to an increase of 12.39% compared to 2024.

Table 12: Loan balance by term (consolidated)12

Target	At December 31, 2024		At December 31, 2025		At June 30, 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Short-term debt	58,480,666	62.45	69,445,756	65.99	79,160,145	66.00
Medium-term debt	17,826,226	19.04	15,437,067	14,67	20,875,933	17.40
Long-term debt	17,330,144	18.51	20,352,240	19.34	19,913,170	16.60
Total outstanding loans	**93,637,036**	**100.00**	**105,235,063**	**100.00**	**119,949,248**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 13: Loan balance by term (separated)13

Target	At December 31, 2024		At December 31, 2025		At June 30, 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Short-term debt	58,480,666	62.45	69,445,756	65,99	79,160,145	66.00
Medium-term debt	17,826,226	19.04	15,437,067	14.67	20,875,933	17.40
Long-term debt	17,330,144	18.51	20,352,240	19.34	19,913,170	16.60
Total outstanding loans	**93,637,036**	**100.00**	**105,235,063**	**100.00**	**119,949,248**	**100.00**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

VIETBANK's short-term loan growth rate at all terms in the last 2 years is generally relatively uniform. Meanwhile, medium and long-term loan balances have certain fluctuations, with the proportion of total revenue fluctuating between 14% - 19%. In terms of value, except for medium-term loan balance, which recorded a decrease in 2025 compared to 2024, short-term and long-term loan balance both increased, showing that the Bank continues to expand credit granting activities.

As of December 31, 2025, VIETBANK's short, medium and long-term loans account for 65.99%, 14.67% and 19.34% of total outstanding loans, respectively.

As of June 30, 2026, VIETBANK's short, medium and long-term loans account for 66.00%, 17.40% and 16.60% of total outstanding loans, respectively. VIETBANK's outstanding debt portfolio focuses mainly on short-term loans (accounting for more than 66.00%) ensuring the bank can use capital flexibly, minimizing risks arising in the process of using long-term capital, meeting the safety ratio of the State Bank of Vietnam.

VIETBANK grows credit on a basis consistent with the orientation of the Government, the State Bank of Vietnam and core business values. VIETBANK's business strategy ensures that the quality of credit operations is given top priority and is the basis for creating a stable, long-term development customer base.

Table 14: Loan balance by economic sector (Consolidated)14

Target	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)

Hired work activities in households, production of physical products and consumer goods services of households	44,006,464	47	53,775,933	51.10	63,889,831	53.26
Real estate business activities	17,228,200	18.4	19,131,504	18.18	23,032,506	19.20
Financial, banking and insurance activities	7,075,900	7.56	7,496,502	7.12	9,986,366	8.33
Wholesale and retail; Repair cars, motorbikes,and other motor vehicles	8,177,995	8.73	6,503,882	6.18	5,586,809	4.66
Processing and manufacturing industry	2,763,520	2.95	2,787,912	2.65	2,167,535	1.81
Construction	6,680,198	7.13	6,541,813	6.22	7,244,217	6.04
Accommodation and food services	1,831,769	1.96	2,594,587	2.47	2,231,907	1.86
Health and social assistance activities	1,511,411	1.61	1,114,567	1.06	1,087,440	0.91
Other occupations	4,361,579	4.66	5,288,363	5.02	4,722,637	3.93
Total	**93,637,036**	**100**	**105,235,063**	**100**	**119,949,248**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 15: Loan balance by economic sector (separated)15

Target	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Hired work activities in households, production of physical products and consumer goods services of households	44,006,464	47	53,775,933	51.1	63,889,831	53.26
Real estate business activities	17,228,200	18.4	19,131,504	18.18	23,032,506	19.20
Financial, banking and insurance activities	7,075,900	7.56	7,496,502	7.12	9,986,366	8.33

Wholesale and retail; Repair cars, motorbikes, motorbikes and other motor vehicles	8,177,995	8.73	6,503,882	6.18	5,586,809	4.66
Processing and manufacturing industry	2,763,520	2.95	2,787,912	2.65	2,167,535	1.81
Construction	6,680,198	7.13	6,541,813	6.22	7,244,217	6.04
Accommodation and food services	1,831,769	1.96	2,594,587	2.47	2,231,907	1.86
Health and social assistance activities	1,511,411	1.61	1,114,567	1.06	1,087,440	0.91
Other occupations	4,361,579	4.66	5,288,363	5.02	4,722,637	3.93
Total	**93,637,036**	**100**	**105,235,063**	**100**	**119,949,248**	**100**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

By economic sector, operational loans serving households always account for the largest proportion of VIETBANK's total outstanding loans. This shows that VIETBANK is still prioritizing capital for personal loans and household services.

As a retail bank, VIETBANK's borrowers are relatively diverse, including individuals and legal entities of all economic types.

For individual customer groups: Identified as the target customer group, VIETBANK has made efforts to expand and develop this customer network. Loan product lines for individuals are very diverse and rich with preferential interest rates, suitable to customer needs while still ensuring safety for VIETBANK. Typical products include:

- Loans to serve life needs: VIETBANK provides a variety of loan products to meet customers' life needs, including: loans to buy houses, build and repair houses and receive land use rights; Project housing loans; loans to buy social housing; car loans; study abroad loan product package; Loans to serve the life needs of employees; Loans are fully secured by highly liquid assets,...
- Production and Business Loans: A financial solution for individual customers to serve business activities with diverse needs, such as loans for investment in resort real estate and serviced apartments; Loans for small production and business; Overdraft loans for production and business; Mortgage loans are fully secured by deposit balances, savings card numbers, valuable papers for production and business purposes, etc.

For Corporate Customers: Following the orientation of diversifying products and targeting target customers, VIETBANK constantly develops new products. Products for businesses are always designed to be flexible and appropriate, based on a modern, safe and highly secure technology platform. Typical products include:

- Short-term loans: supplementing working capital, domestic trade financing, domestic output contract financing, import-export financing, overdraft of payment deposit accounts, discounting export documents, comprehensive financing for affiliated partners,...
- Medium and long-term loans: investment in fixed assets, factories, machinery and equipment, means of transport, investment in new projects,...
- Domestic guarantees: issuing guarantees that provide a solid financial foundation for businesses to optimize capital costs, improve the business's reputation with partners when conducting sales transactions, bidding, etc., increasing opportunities to develop production and business activities in the most effective way, including the following types of guarantees:
    - Bid guarantee.
    - Contract performance guarantee.
    - Payment guarantee.
    - Advance payment guarantee/refund of advance payment.
    - Warranty guarantee/product quality assurance.
    - Guarantee for joint venture contractors.

Table 16: Outstanding loans by customer and type of business (Consolidated)16

No	Item	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
I	**Sort by customer**						
1	Economic organization	49,630,572	53.00	51,459,130	48.90	56,059,417	46.74
	Company Limited	30,861,771	32.96	36,614,984	34.79	38,700,380	32.26
	Joint stock company	17,817,151	19.03	14,007,746	13.31	16,598,911	13.84
	Enterprises with foreign investment	767,020	0.82	705,212	0.67	651,543	0.54
	One-member LLC with 100% Charter Capital owned by the state	124,128	0.13	80,189	0.08	59,455	0.05
	Other economic organizations	60,502	0.06	50,999	0.05	49,128	0.05
2	Personal	44,006,464	47	53,775,933	51.1	63,889,831	53.26

	Individuals and individual business households	44,006,464	47.00	53,775,933	51.10	63,889,831	53.26
Total loans to customers		**93,637,036**	**100**	**105,235,063**	**100**	**119,949,248**	**100**
II	**Sort by currency type**						
1	VND	93,267,210	99.61	105,197,605	99.96	119,885,588	99.95
2	Foreign currency	369,826	0.39	37,458	0.04	63,660	0.05
Total loans to customers		**93,637,036**	**100**	**105,235,063**	**100**	**119,949,248**	**100**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 17: Outstanding loans by customer and type of business (separated)17

No	Item	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
I	**Sort by customer**						
1	Economic organization	**49,630,572**	**53.00**	**51,459,130**	**48.90**	**56,059,417**	**46.74**
	Company Limited	30,861,771	32.96	36,614,984	34.79	38,700,380	32.26
	Joint stock company	17,817,151	19.03	14,007,746	13.31	16,598,911	13.84
	Enterprises with foreign investment	767,020	0.82	705,212	0.67	651,543	0.54
	One-member LLC with 100% Charter Capital owned by the state	124,128	0.13	80,189	0.08	59,455	0.05
	Other economic organizations	60,502	0.06	50,999	0.05	49,128	0.05
2	Personal	**44,006,464**	**47.00**	**53,775,933**	**51.10**	**63,889,831**	**53.26**
	Individuals and individual business households	44,006,464	47.00	53,775,933	51.10	63,889,831	53.26
Total loans to customers		**93,637,036**	**100**	**105,235,063**	**100**	**119,949,248**	**100**
II	**Sort by currency type**						
1	VND	93,267,210	99.61	105,197,605	99.96	119,885,588	99.95

2	Foreign currency	369,826	0.39	37,458	0.04	63,660	0.05
Total loans to customers		**93,637,036**	**100**	**105,235,063**	**100**	**119,949,248**	**100**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

❖ **Credit portfolio quality and bad debt ratio (bad debt)**

VIETBANK performs debt classification and credit risk provisioning according to Article 11 of Circular No. 31/2024/TT-NHNN dated June 30, 2024 "Regulations on asset classification in the activities of commercial banks, non-bank credit institutions, and foreign bank branches"

- As of December 31, 2025, VIETBANK's loss loan ratio is controlled at 2.04% of total outstanding loans. Provision for customer loan risks at this time is VND 1,463 billion.
- As of June 30, 2026, VIETBANK's total outstanding loans reached 119,949 billion VND, an increase of 14,714 billion VND, equivalent to 13.98% compared to December 31, 2025. The outstanding debt structure continues to focus mainly on the qualified debt group, reaching 115,338 billion VND, accounting for 96.16% of the total outstanding debt, an increase of 14,260 billion VND compared to the end of 2025.

  Besides, some debt groups have significant fluctuations. Debt requiring attention increases from VND 1,087 billion on December 31, 2025 to VND 2,371 billion on June 30, 2026, equivalent to an increase of 118.1%, causing the proportion of debt requiring attention on total outstanding debt to increase from 1.03% to 1.98%. Doubtful debt also increased from 330 billion VND to 648 billion VND, equivalent to an increase of 96.3%, the proportion increased from 0.31% to 0.54%.

  On the contrary, debt with the possibility of losing capital decreased from 2,151 billion VND to 1,108 billion VND, equivalent to a decrease of 48.5%, the proportion decreased from 2.04% to 0.92%. The fact that debt with the possibility of capital loss decreased significantly while total outstanding debt increased, showing that the quality of the debt group with the highest risk level improved during the period. VIETBANK continues to implement measures to control, collect and handle debt to maintain credit portfolio quality and control credit risks.

Table 18: Classification of VIETBANK credit quality 18

Target	At December 31, 2024		At December 31, 2025		At June 30, 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Standard debt	90,288,767	96.43	101,077,955	96.05	115,337,970	96.16
Debt needs attention	769,999	0.82	1,086,555	1.03	2,370,807	1.98
Substandard debt	583,717	0.62	589,361	0.56	485,078	0.40

Target	At December 31, 2024		At December 31, 2025		At June 30, 2026	
	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)	Value (million VND)	Proportion (%)
Doubtful debt	496,483	0.53	329,790	0.31	647,683	0.54
Loss debt	1,498,070	1.60	2,151,402	2.04	1,107,710	0.92
Total outstanding debt	**93,637,036**	**100.00**	**105,235,063**	**100.00**	**119,949,248**	**100.00**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

❖ **Capital adequacy ratio**

Table 19: Operational safety ratio and overdue debt ratio at VIETBANK 19

Item	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Total outstanding credit balance (million VND)	93,637,036	105,235,063	119,949,248
Bad debt ratio	1.86%	1.76%	1.22%
Overdue debt rate	2.42%	2.38%	2.52%
Capital adequacy ratio CAR	11.73%	13.42%	11.85%

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

In the period 2024–June 30, 2026, VIETBANK's total outstanding credit balance tends to grow, from VND 93,637 billion on December 31, 2024 to VND 105,235 billion on December 31, 2025 and reaching VND 119,949 billion on June 30, 2026, respectively increase 12.39% in 2025 and increase 13.98% in the first 6 months of 2026.

The bad debt ratio tends to decrease, from 1.86% on December 31, 2024 to 1.76% on December 31, 2025 and continues to decrease to 1.22% on June 30, 2026. Meanwhile, the overdue debt rate decreases slightly from 2.42% on December 31, 2024 to 2.38% on December 31, 2025, before increasing to 2.52% on June 30, 2026.

VIETBANK's capital adequacy ratio (CAR) increases from 11.73% on December 31, 2024 to 13.42% on December 31, 2025, then decreases to 11.85% on June 30, 2026. Although CAR fluctuated during the period, this ratio at the above mentioned times all met current regulations of the State Bank of Vietnam.

❖ **Interest rate risk and debt classification and credit risk provisioning**

Interest rate risk is controlled by VIETBANK through determining lending interest rates

according to the principle of ensuring compensation for capital costs, management costs and on the basis of considering risk factors and market interest rates to ensure the Bank's competitiveness and business efficiency. To minimize possible interest rate risks, the Bank applies synchronous measures such as: regulating floating interest rate policies for medium and long-term loans; regulate interest rate risk prevention provisions in credit contracts to ensure that the Bank is always proactive in responding to market fluctuations.

The provisioning for credit risks, including general provisions and specific provisions, is carried out in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam, including excluding the value of collateral deduction at the rate prescribed by the State Bank of Vietnam.

VIETBANK always meets the standards of risk management principles, and is the 14th member approved by the State Bank of Vietnam to apply Circular 41 ahead of schedule according to Basel II standards.

Table 20: VIETBANK's provisioning situation20

Unit: Million VND

Item	At December 31, 2024	At December 31, 2025	At June 30, 2026
General provisioning	691,042	773,127	891,312
Specific fallback	452,920	689,518	657,237
Total reserve fund	**1,143,962**	**1,462,645**	**1,548,549**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

As of June 30, 2026, VIETBANK's total credit risk reserve fund reached VND 1,548.5 billion, an increase of 5.8% compared to the end of 2025 and an increase of 35.4% compared to the end of 2024. Of which, general provisions increased by 15.3% compared to the end of 2025, while specific provisions decreased by 4.7%. VIETBANK continues to maintain credit risk provisions according to regulations of the State Bank of Vietnam to proactively prevent and compensate for credit losses that may arise.

10.1.4.Foreign currency trading and payment activities

Table 21: Income and net profit from foreign exchange and payment business activities (Consolidated)21

Unit: Million VND

Item	Year 2024	Year 2025	First 6 months of 2026
Income from foreign exchange trading activities	179,588	204,421	308,484

Expenses for foreign exchange trading activities	99,373	114,676	258,133
Net profit from foreign exchange trading	**80,215**	**89,745**	**50,351**
Income from payment and card activities	188,697	131,909	41,323
Expenses from payment and card activities	80,553	67,425	33,903
Net profit from payment and card activities	**108,144**	**64,484**	**7,420**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 22: Income and net profit from foreign exchange and payment business activities (Separated)22

Unit: Million VND

Item	Year 2024	Year 2025	First 6 months of 2026
Income from foreign exchange trading activities	179,588	204,421	308,484
Expenses for foreign exchange trading activities	99,373	114,676	258,133
Net profit from foreign exchange trading	**80,215**	**89,745**	**50,351**
Income from payment and card activities	188,697	131,909	41,323
Expenses from payment and card activities	80,554	67,425	33,903
Net profit from payment and card activities	**108,143**	**64,484**	**7,420**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

VIETBANK's foreign exchange business and domestic and foreign payment services have developed clearly in recent years:

❖ **Foreign exchange trading activities:**

Foreign currency and derivative product trading activities: VIETBANK quickly and promptly responds to businesses' foreign currency needs at competitive prices, consulting to support businesses in proactively controlling risks arising from exchange rate fluctuations.

- Spot foreign currency trading:

  Serving customers' needs in: Buying and selling foreign currencies for payment for import and export of goods, services, freight, and insurance; Transactions of buying, selling, transferring, and bringing foreign currency abroad for the purpose of studying abroad, traveling, working...

- Foreign currency futures trading:

  Meet customers' needs in: Import-export payment; Transfer money abroad or invest; Preventing the risk of exchange rate fluctuations affecting future income and expenses.

- Foreign currency swap transactions:

  Support customers in: Effective cash flow management, taking advantage of available foreign currency resources; Use foreign currency resources that will be available in the future immediately; Look for profit opportunities from interest rate differences between currencies; Preventing the risk of exchange rate fluctuations negatively affecting future income and expenses.

VIETBANK's net profit from foreign exchange trading in 2025 reached 89.7 billion VND, an increase of 11.88% compared to 2024 thanks to a focus on customer development, product diversification, and foreign currencies to maximize the exploitation of existing customers and new customer growth in all segments. In the first 6 months of 2026, VIETBANK's net profit from foreign exchange trading reached 50.4 billion VND.

❖ **Payment operations:**

VIETBANK provides fast and accurate domestic and international payment and money transfer services, convenient transactions at any transaction point or modern payment channels of VIETBANK (Internet banking, Mobile banking, ...).

VIETBANK always develops international payment and trade finance products, cooperates with international banks, exploits maximum strengths to bring the most optimal solutions to customers, ensures safe and effective transactions, supports market expansion, and promotes import and export activities. Some specific products include:

Trade Finance Products:

- Export L/C financing: Short-term working capital financing for Enterprises with export activities, meeting the need for loans to purchase, produce, and process export goods by L/C payment method.

- Pre-delivery export financing: Financing working capital for purchasing goods, raw materials, production and processing costs, packaging, transportation, warehousing and other costs to serve Customers in completing the Export Contract signed with the Importer. Form of financing: export contract financing with payment methods L/C, D/P, D/A, T/T.

- Import financing: Providing credit to meet the capital needs of enterprises that are established and operating in accordance with the law and have production and trade

activities of imported goods. Form of financing: import contract financing with payment methods L/C, D/P, D/A, T/T.

- Discount Bills of Exchange and export documents: Meet the working capital needs of businesses after delivery in export business activities. Form of financing: purchase with recourse to a bill of exchange with a set of export documents before payment is due.
- UPAS L/C: Deferred L/C has an immediate payment clause, allowing the beneficiary to receive money immediately upon presenting a set of documents in accordance with the terms and conditions of the L/C. Simultaneously meeting the need for banks to ensure immediate payment of exporters and importers for deferred payment of customers.

International Payment Products:

- Regulations on transferring money from Vietnam to foreign countries for customers: regulations on subjects, purposes, documents, foreign currency transfer limits for individual customers when making transactions at VIETBANK
- Regulations for online international money transfer via VIETBANK Digital App for individual customers: catching up with the trend of digitalization of operations; Improve the quality of VIETBANK's international payment services, diversify VIETBANK's transaction channels, and increase competition in the market with other banks.
- Regulations on current remittance abroad for organizations: to meet the needs of current remittance abroad of organizations related to export and import activities of goods/services
- Regulations on transferring money abroad related to capital transactions: to meet the needs of transferring capital, profits, legal revenue from capital transactions, repayment of principal, interest & loans abroad of individual and institutional customers
- Current money transfer linked product: creating a sales tool between VIETBANK & organizations providing products related to current transactions to increase cross-selling/package selling of products and services, better meeting the needs of individual customers

In 2025, net profit from payment and card activities reached 64.5 billion VND, down 40.37% compared to 2024. In the first 6 months of 2026, net profit from payment and card activities reached 7.4 billion VND.

VIETBANK strives to promote the development of many new products in International Payment and trade finance such as improving, designing, providing specialized products (Upas L/C, foreign currency transfer...) for each customer, at the same time, enhancing the digitization of operating processes and payment service products to improve operational quality and serve a variety of customer needs.

10.1.5. Correspondent banking activities

VIETBANK has established a worldwide Correspondent banking network, meeting essential transaction needs with international banks, mainly money transfer and trade financing for customers with markets around the world quickly, safely, and effectively.

As of June 30, 2026, VIETBANK has agent relationships with 171 banks in 36 countries and territories around the world.

In the coming time, VIETBANK will focus on maintaining, expanding and upgrading agency relationships with traditional partners, focusing on potential markets with the goal of increasing capital mobilization with good interest rates, offering VIETBANK's products and services to increase service fees, and connecting business to expand the customer base.

10.1.6. Other business activities

❖ **Financial investment activities**

Investment services grew well, focusing on developing quantity and quality of operations to bring high revenue to VIETBANK and fully meet customer needs. Investment activities at VIETBANK include: Government bonds, valuable papers issued by other credit institutions, and corporate bonds.

Table 23: Investment securities and trading securities at VIETBANK (consolidated)23

Unit: Million VND

Item	At December 31, 2024	At December 31, 2025	At June 30, 2026
Trading securities	**340,337**	**-**	**-**
Debt securities	340,337	-	-
Investment securities	**22,417,404**	**29,155,432**	**27,151,294**
Securities available for sale	2,729,322	7,211,597	2,591,041
Investment securities held to maturity	19,688,082	21,943,835	24,560,253

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 24: Investment securities and trading securities at VIETBANK (separated)24

Unit: Million VND

Item	At December 31, 2024	At December 31, 2025	At June 30, 2026
Trading securities	**340,337**	**-**	**-**
Debt securities	340,337	-	-
Investment securities	**22,417,404**	**29,155,432**	**27,151,294**

Securities available for sale	2,729,322	7,211,597	2,591,041
Investment securities held to maturity	19,688,082	21,943,835	24,560,253

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

(The rest of this page is intentionally left blank)

10.2. Assets

10.2.1.Tangible fixed assets

Table 25: Tangible fixed assets (consolidated)25

Unit: Million VND

Category	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Residual value	Remaining value/ Original price
Houses and architectural objects	624,193	367,166	58.82%	1,000,337	738,870	73.86%	1,000,246	725,392	72.52%
Management equipment and tools	304,056	142,066	46.72%	325,123	128,980	39.67%	364,111	148,189	40.70%
Means of transport	166,706	30,269	18.16%	176,645	35,412	20.05%	175,653	32,225	18.35%
Other tangible fixed assets	31,042	3,932	12.67%	34,418	6,792	19.73%	34,418	6,456	18.76%
Total	**1,125,997**	**543,433**	**48.26%**	**1,536,523**	**910,054**	**59.23%**	**1,574,428**	**912,262**	**57.94%**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

[The rest of this page is intentionally left blank]

Table 26: Tangible fixed assets (separated)26

Unit: Million VND

Category	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Residual value	Remaining value/ Original price
Houses and architectural objects	624,193	367,166	58.82%	1,000,337	738,870	73.86%	1,000,246	725,392	72.52%
Management equipment and tools	304,056	142,066	46.72%	325,123	128,980	39.67%	364,111	148,189	40.70%
Means of transport	166,706	30,269	18.16%	176,645	35,412	20.05%	175,653	32,225	18.35%
Other tangible fixed assets	31,042	3,932	12.67%	34,418	6,792	19.73%	34,418	6,456	18.76%
Total	**1,125,997**	**543,433**	**48.26%**	**1,536,523**	**910,054**	**59.23%**	**1,574,428**	**912,262**	**57.94%**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

[The rest of this page is intentionally left blank]

10.2.2.Intangible fixed assets

Table 27: Intangible fixed assets (consolidated)27

Unit: Million VND

Category	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Residual value	Remaining value/ Original price
Land use rights	43,131	43,131	100.00%	2,915,187	2,914,795	99.99%	2,915,187	2,878,277	98.73%
Computer software	341,969	112,310	32.84%	346,318	78,540	22.68%	346,318	60,115	17.36%
Total	**385,100**	**155,441**	**40.36%**	**3,261,505**	**2,993,335**	**91.78%**	**3,261,505**	**2,938,392**	**90.09%**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

[The rest of this page is intentionally left blank]

Table 28: Intangible fixed assets (separated)28

Unit: Million VND

Category	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Remaining value	Remaining value/ Original price	Original price	Residual value	Remaining value/ Original price
Land use rights	43,131	43,131	100.00%	2,915,187	2,914,795	99.99%	2,915,187	2,878,277	98.73%
Computer software	341,969	112,310	32.84%	346,318	78,540	22.68%	346,318	60,115	17.36%
Total	**385,100**	**155,441**	**40.36%**	**3,261,505**	**2,993,335**	**91.78%**	**3,261,505**	**2,938,392**	**90.09%**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

[The rest of this page is intentionally left blank]

Table 29: Some major assets of VIETBANK as of June 30, 202629

Unit: VND

No	Property name	Original price	Remaining value	Percentage
1	Land use rights at 62A Cach Mang Thang 8, Ho Chi Minh City (Lim II)	2,629,360	2,592,448	98.60%
2	House 62A Cach Mang Thang 8, Ho Chi Minh City (Lim II)	371,213	366,002	98.60%
3	House 70-72 Ba Trieu, Hanoi	363,441	265,198	72.97%
4	Land use rights at 90 Cao Thang, Ho Chi Minh City	75,797	75,797	100.00%

(Source: VIETBANK)

10.3. Risk management and capital preservation

10.3.1.Risk management policies are being applied

Risk is always inherent in the operations of the Bank and its subsidiaries, but is managed through regular detection, assessment and control processes depending on risk limits and other controls. The risk management process is critical to the profitability of the Bank and its subsidiaries and each individual within the Bank and its subsidiaries is responsible for preventing risks related to their job duties. The Bank and its subsidiaries face various types of risks such as: credit risk, liquidity risk, market risk, interest rate risk on the bank book, concentration risk, operational risk.

The Bank and its subsidiaries establish and regulate the organization and operation of the Risk Management Committee ("Risk Management Committee") as follows:

- Risk Management Committee is responsible for:
- Advise the Board of Directors in promulgating processes and policies within its authority related to risk management in banking operations in accordance with the law and charter of the Bank and its subsidiaries;
- Analyze and provide warnings about the level of safety of the Bank and its subsidiaries against potential risks that may affect and preventative measures for these risks in the short term as well as in the long term;
- Review and evaluate the appropriateness and effectiveness of the current risk management policy processes of the Bank and its subsidiaries to make recommendations and proposals to the Board of Directors on requirements to change current processes, policies, and operating strategies;
- Advise the Board of Directors in deciding to approve investments, related transactions, management policies and risk handling plans within the scope of assigned functions and tasks;

- Advise the Board of Directors in handling and overcoming shortcomings and limitations in risk management according to the requirements and recommendations of the State Bank of Vietnam, independent audit organizations and other authorities.
- The Risk Management Committee reports its work to the Board of Directors and can hold regular or extraordinary meetings but at least once a quarter.

❖ **Credit risk management**

- Credit risk is the possibility of loss when customers do not perform or are unable to perform their obligations to fully and on time pay principal and interest of loans granted credit or guaranteed by the Bank.
- In the process of credit risk management, the Bank has issued credit policies as well as implementation instructions to standardize the Bank's credit activities.
- The Bank controls and manages credit risk by setting credit limits corresponding to the level of risk that the Bank can accept for each customer and for each geographical area and industry.

❖ **Managing interest rate risk on bank books**

- Interest rate risk on the banking book arises due to the difference between the maturity date or interest rate re-determination date of assets and liabilities and off-balance sheet instruments in a certain period.
- To manage interest rate risk on the banking book, VIETBANK and its subsidiaries analyze assets and liabilities according to the actual interest rate repricing period.
- The actual interest rate repricing term is the remaining term from the end of the accounting period to the nearest interest rate re-pricing term or the remaining maturity term of the assets and liabilities, whichever comes sooner.
- In addition, VIETBANK sets internal risk limits, periodically monitors, and in case of necessity, uses interest rate risk prevention tools such as interest rate swaps, to ensure stable interest income and capital value in volatile market conditions.
- The following assumptions and conditions are applied in the analysis of the actual interest rate repricing term of assets and liabilities of VIETBANK and its subsidiaries:
  - ✓ Cash; Deposits at the State Bank of Vietnam; Capital contribution and long-term investment; Derivative financial instruments and other financial assets; Other assets (including fixed assets, receivables and other assets) and other debts are classified as non-interest bearing items.
  - ✓ The actual interest rate repricing term of investment securities is calculated based on the actual maturity date from the end of the accounting period of each type of security.
  - ✓ Actual interest rate re-pricing term of Government and SBV debts; Deposits and loans to other credit institutions; Loans to customers; Receivables from debt sales; Deposits and loans from other credit institutions; Customer deposits and valuable

papers issued are determined as follows:

- Items with fixed interest rates throughout the contract period: the actual interest rate repricing period is based on the maturity date calculated from the end of the accounting period.
- Items with floating interest rates: the actual interest rate repricing period is based on the latest interest rate repricing period from the end of the accounting period or the remaining maturity of the items, whichever is earlier.

❖ **Currency risk management**

- Currency risk is the risk that the value of financial instruments will change due to changes in exchange rates.
- VIETBANK and its subsidiaries are established and operating in Vietnam with the reporting currency being VND, the main transaction currency of VIETBANK and its subsidiaries is also VND. Financial assets and financial liabilities of VIETBANK and its subsidiaries are mainly in VND, partly in USD and EUR. However, some other financial assets and financial liabilities of VIETBANK and its subsidiaries are denominated in currencies other than VND, USD and EUR. VIETBANK has launched a limit system to manage the status of currencies. Currency status is managed on a daily basis and hedging strategies are used by VIETBANK and its subsidiaries to ensure that the currency status is maintained within established limits.

❖ **Liquidity risk management**

- Liquidity risk is the risk that VIETBANK and its subsidiaries are unable to fulfill obligations at the time financial obligations arise or are able to fulfill financial obligations when due but must bear costs higher than the average cost of the market according to VIETBANK's internal regulations. To minimize liquidity risk, VIETBANK must mobilize from many diverse sources other than the basic capital of VIETBANK and its subsidiaries, reserve a reasonable amount of highly liquid assets, and at the same time, VIETBANK has a flexible liquidity risk management policy. VIETBANK daily monitors compliance with liquidity safety ratios and at the same time forecasts cash flow fluctuations that impact VIETBANK's liquidity in the future, to ensure at all times to maintain good liquidity, fully comply with the regulations of the State Bank of Vietnam and VIETBANK's internal regulations.
- Liquidity risk is managed through holding large amounts of cash and cash equivalents in the form of Nostro accounts; Deposits at the State Bank of Vietnam; Deposits, loans to other credit institutions and valuable papers. Safety ratios that take into account risk factors are also used to manage liquidity risk.
- Remaining maturity of assets and liabilities represents the remaining time of assets and liabilities from the end of the accounting period until payment according to the provisions of the contract or issuance terms.
- The following assumptions and conditions are applied in the analysis of the maturity of

assets and liabilities of VIETBANK and its subsidiaries:

- ✓ Cash and deposits at the State Bank of Vietnam are classified into a maturity scale of up to 1 month, which includes mandatory reserve deposits.
- ✓ The maturity of investment securities is calculated based on the maturity date of each type of security.
- ✓ The maturity date of debts to the Government and the State Bank of Vietnam, deposits and loans to other credit institutions and loans to customers are determined based on the due date of the specified contract. Actual maturity dates may vary due to loan contracts being extended.
- ✓ The maturity period of capital contributions and long-term investments is considered to be more than five years because these investments do not have a definite maturity date.
- ✓ Deposits and loans from other credit institutions; Derivative financial instruments and other financial assets; Customer deposits; Issuance of valuable papers and other debts are determined based on the nature of these amounts or the maturity date on the contract. Vostro accounts and current deposits are processed at the request of the customer and are therefore classified as non-term. Maturity for loans and term deposits is determined based on the contractual maturity date. In practice, these can be rolled over and thus maintained for longer periods than the original maturity.
- ✓ Maturity of fixed assets and other assets is determined based on the estimated recovery period of the assets.

❖ **Off-balance sheet commitment management**

- Risks from off-balance sheet activities (accounting balance) arise mainly from guarantee commitments and commercial letters of credit (L/C).
- Risks arising from off-balance sheet activities are credit risks in the event that VIETBANK must pay on behalf of customers arising when customers fail to perform or improperly perform their committed obligations.
- To minimize risks in this activity, VIETBANK has issued business processes and conducted careful customer appraisal.
- When being issued a L/C, customers must meet the following factors:
  - ✓ Have financial capacity, experience, management qualifications and reputation in the industry, and have a stable domestic consumption market
  - ✓ Feasible business plan;
  - ✓ Safe margin rate;
- Issuing Organization's activities in the banking and financial sector are governed by the legal system and regulations of the State Bank of Vietnam. Along with the development of the financial market, the legal framework and risk management requirements

continue to be improved. The fact that regulatory agencies, especially the State Bank of Vietnam, promulgate increasingly strict regulations and management standards may increase VIETBANK's compliance and risk management requirements.

❖ **Legal risk management**

- To prevent legal risks, VIETBANK proactively analyzes the market, researches and regularly updates current legal regulations to promptly adapt to changes in the legal framework. At the same time, VIETBANK established a Legal Department with the function of advising, managing and organizing compliance work according to the provisions of law and internal regulations of VIETBANK; Regularly monitor and update legal regulations and advise the Board of Management during the implementation of the Bank's operations to limit legal risks that may arise.

- The SBV issued new Circular No. 02/2025/TT-NHNN dated April 29, 2025 on regulations on issuance of domestic deposit certificates by credit institutions and foreign bank branches ("Circular 02") effective June 16, 2025, replacing Circular No. 01/2021/TT-NHNN dated March 31, 2021 on regulations on the issuance of promissory notes, bills, certificates of deposit, and domestic bonds of credit institutions and foreign bank branches. Accordingly, Circular 02 specifically stipulates that certificates of deposit are a form of deposit in the form of valuable papers, and at the same time more clearly stipulates regulations on issuing certificates of deposit by credit institutions such as clearer regulations on subjects who can buy certificates of deposit, adding measures for buyers to look up information of valuable papers, regulations on methods of receiving transfer of ownership of valuable papers from non-residents (organizations, individuals) and residents. resident as a foreign individual, ... as well as removing some restrictions of previous documents, aiming to help depositors have more confidence and legal basis when depositing money at credit institutions through certificates of deposit, helping to develop the valuable paper market of credit institutions in particular as well as the bond market and valuable paper market in Vietnam in general.

- Regarding the interest rate of certificates of deposit, according to Circular 02, it is stipulated that the interest rate of certificates of deposit is determined by the Issuing Organization and must be "in accordance with the regulations on interest rates announced by the State Bank of Vietnam from time to time". At this time, interest rates on deposits in Vietnamese Dong of organizations and individuals at credit institutions comply with Circular 48/2024/TT-NHNN dated September 30, 2024, accordingly, credit institutions apply interest rates of organizations and individuals that do not exceed the maximum interest rate for demand deposits, deposits with terms of less than 1 month, deposits with terms from 1 month to 6 months decided by the Governor of the State Bank of Vietnam. in each period for each type of credit institution; Interest rates for deposits with terms of 6 months or more from organizations and individuals are based on market capital supply and demand. Regulations on maximum interest rates for deposits in Vietnamese Dong of organizations and individuals at credit institutions and foreign bank branches as prescribed in Circular No. 48/2024/TT-NHNN dated September 30, 2024 are being regulated in Decision 2411/QD-NHNN dated November

1, 2024.

- By 2026, the Government has been issued Decree 200/2026/ND-CP to replace Decree 153/2020/ND-CP and related amendments, establishing a new legal framework for private offering and trading of corporate bonds. The Decree continues to orient market development towards transparency, sustainability and stricter risk management, through strengthening the responsibility of issuing businesses and applying investor screening standards based on the risk level of bonds. These changes reflect the trend of improving the legal framework to protect investors and improve the quality of capital flows in the Vietnamese corporate bond market.
- However, there is no guarantee that the above regulations and policies will not develop in a manner that will adversely affect the business, financial situation and results of operations of the Issuer.

❖ **Operational risk management**

- Is the risk due to inadequate or erroneous internal regulations, human factors, errors, system failures or external factors that cause financial loss and non-financial negative impacts on VIETBANK (including legal risks). Operational Risk does not include Reputation Risk and Strategic Risk.
- On January 30, 2019, the Board of Directors issued the Risk Management Policy (including the operational risk management policy). Periodically every year, VIETBANK organizes a review of the Risk Management Policy, and adjusts the Policy to suit VIETBANK's reality.
- VIETBANK has issued a risk management policy that includes operational risk appetite: on a monthly basis, incidents with losses will be monitored and recoveries will be urged to ensure compliance with operational risk appetite.
- Measuring, monitoring, and controlling operational risks: VIETBANK continues to implement measurement, monitoring, and control of operational risks, specifically:
  - ✓ Collect incidents on a monthly basis across the entire store;
  - ✓ Use the results of Internal Audit and remote monitoring to analyze frequently occurring risk points, thereby analyzing control points and making recommendations to relevant units to limit similar risks that may occur in the future. At the same time, VIETBANK also issued warning and reminder documents to the whole bank ;
  - ✓ For high-risk incidents or serious losses, VIETBANK has a unit to investigate, clarify the cause, have reports, have solutions and discipline related individuals to send to the Board of Directors;
  - ✓ All regulations, processes, and products at VIETBANK must be assessed for operational and legal risks before promulgation. For inappropriate content or without appropriate control barriers, appropriate amendments will be made.

- Transferring risks by purchasing insurance: To transfer risks for some force majeure cases, risks with external causes such as theft, fire, explosion..., VIETBANK has purchased insurance for all property risks throughout the system (cars, tangible fixed assets, labor tools, treasury, money transported on the road, building fire and explosion insurance according to the provisions of the Fire Prevention and Fighting Law).

- Business continuity plan:

  ✓ To ensure backup measures to minimize risks and respond to disasters, VIETBANK has issued regulations, rules and procedures related to business continuity in crisis conditions such as building a plan to ensure continuity of IT systems, regulations on backup and recovery of applications and databases; develop scenarios and plans for cases of theft and fire and explosion incidents; communication crisis; liquidity crisis.

- Calculating capital for operational risks: VIETBANK calculates capital for operational risks according to the provisions of Circular 41/2016/TT-NHNN dated December 30, 2016 - regulating capital adequacy ratio for banks and foreign bank branches.

❖ **Market risk management**

- VIETBANK's market risk management strategy includes: Market risk management goals in each period; the level of market risk status of the business book that must be hedged against market risks; principles of market risk management under normal conditions, conditions of strong fluctuations in stock prices, commodity prices, exchange rates, gold prices, and interest rates according to VIETBANK's internal regulations; principles for applying market risk prevention measures (which clearly state market risk prevention tools and authority to approve market risk prevention measures).

- Market risk management principles are detailed in documents issued by the Board of Directors and CEO from time to time. Market risk limits are specified in documents issued by the General Director including: Interest rate risk limits; Foreign exchange risk limit; Commodity price risk limit.

- The implementation of measuring, monitoring and controlling market risks always ensures: There are individuals and departments that measure, monitor and control market risks independently of the proprietary trading unit; Have information technology infrastructure and database to measure, monitor and control market risks; Decentralize specific authority to approve and implement market risk prevention measures.

- Methods and models for measuring and monitoring market risks meet the requirements for measuring and monitoring market risk status associated with each type of financial asset, financial liabilities and off-balance sheet items; Parameters and assumptions must be tested and adjusted based on comparison of actual developments and results obtained from these methods and models.

- Market risk control always ensures: Early warning of possible violation of market risk limits; At the end of each trading day, VIETBANK evaluates the ability to comply with

the market risk limit on the basis of the actual market risk status (including market risk hedging transactions) and adjusts the market risk limit (if necessary).

- Periodically at least every 6 months or irregularly, the Risk Management Department has internal reports on market risks.

❖ **Risk management for preventing money laundering, terrorist financing, financing the proliferation of weapons of mass destruction**

- VIETBANK complies with the policy on Prevention and combat of money laundering and terrorist financing of weapons of mass destruction of Vietnam, the United Nations, the United States, the European Union, the United Kingdom and other countries involved in the transaction.

- VIETBANK always ensures compliance and effective implementation of the provisions of the Law on preventing money laundering, terrorist financing, financing the proliferation of weapons of mass destruction. The system of internal policies and regulations on AML/CFT is periodically reviewed and promptly adjusted to ensure compliance with legal regulations and the actual operating situation of the banking industry in general and of VIETBANK in particular.

- VIETBANK builds a model of preventing money laundering, terrorist financing, financing the proliferation of weapons of mass destruction according to the structure of 03 defense layers, including: Money laundering preventing teams operate directly at each Branch and Transaction Office with the support, management and supervision of the Money laundering preventing Department at the Head Office and direction and direction from the Money laundering preventing Committee representing the Executive Board.

- VIETBANK always seriously deploys monthly and yearly training courses on knowledge of preventing money laundering and terrorist financing through the online training platform (E-learning) for employees who are required to participate in training according to money laundering preventing regulations. In addition, when the State Bank of Vietnam/Department of Money laundering prevention organizes direct anti-corruption knowledge training classes, VIETBANK always sends employees at the Head Office and Branches and Transaction Offices to participate in updating/supplementing knowledge to improve awareness, understanding and compliance of employees in preventing money laundering, terrorist financing, financing the proliferation of weapons of mass destruction.

- VIETBANK uses the FircoSoft system to screen customers, screen money transfer transactions and compare them with warning lists and sanctions lists according to regulations, thereby supporting the detection, prevention and control of transactions showing signs of risk, contributing to ensuring compliance with VIETBANK's customer acceptance policy and regulations on preventing and combating money laundering and terrorist financing, financing the proliferation of weapons of mass destruction.

❖ **Managing professional standards and internal fraud risks**

- With the desire to build a culture of control, professional ethical standards, and prevent internal fraud, VIETBANK has built professional ethical standards. This standard is based on basic ethical principles to guide employees and management levels to apply in daily communications, contributing to creating unique cultural values of VIETBANK. This standard requires compliance with professional ethics of employees and responsibility for reporting violations that may affect the brand, reputation, and interests of VIETBANK and customers through the bank's hotline channels.
- VIETBANK develops and promulgates appropriate labor regulations, reward and discipline mechanisms publicly throughout the system
- VIETBANK issues a set of risk criteria in operations, recording risk assessments for employees to apply in cases of transfer, reappointment, or job advancement.

❖ **IT system risk management**

VIETBANK has cooperated with Finastra to build a completely new Core banking system and other specialized banking systems (also known as The Transformer - VIETBANK Prime) with full functions. Finastra is a world-leading technology company that has successfully deployed Core projects for many large banks in the world. On September 16, 2019, VIETBANK announced the official operation of the Core banking system and modern systems such as international payment and capital resources. VIETBANK always proactively evaluates security risks, system safety and at the same time deploys many risk control solutions as follows:

- Investing in developing information technology infrastructure, ensuring security and confidentiality of all customer information and transactions, preventing risks when providing electronic banking products and services to customers;
- Enhance capacity building for specialized staff, through courses organized by the State Bank of Vietnam, the Department of Information Technology or partners;
- Regularly monitor and update information security events worldwide and domestically to take timely actions;
- Regularly update patches as recommended by hardware and software solution providers;
- Build and standardize a security event monitoring system in the VIETBANK IT system to centrally monitor individual security systems to detect risks early for timely prevention;
- Evaluate the security of all electronic banking systems, services and key systems before providing them to customers;
- Implement solutions to ensure the readiness of the IT system, and rehearse transferring the main system at the main data center to the backup system at the backup data center to ensure the system is ready to operate in the event of a disaster at the main data center;
- Implement, comply and apply customer security program (CSP) standards for the

SWIFT system; Annually renew payment card data security standards (PCIDSS) certificates for the card system;

- Providing customers with safe and modern electronic transaction authentication solutions;
- Research and test solutions to proactively detect transactions with signs of fraud;
- Propaganda and training to raise information security awareness for the entire Bank;
- Regularly warn customers about security risks in the Bank's services.

❖ **Capital preservation situation**

To complete risk management items according to Basel II international standards, VIETBANK has actively deployed risk management; Improve regulations and processes related to business activities, improve data quality, enhance information technology systems... to bring practical benefits to customers.

Up to now, VIETBANK has basically completed implementing the 3 Basel II pillars as prescribed in Circular 13/2018/TT-NHNN and Circular 41/2016/TT-NHNN:

✓ From November 2019, VIETBANK is one of 14 banks approved by the State Bank of Vietnam to apply capital adequacy ratio management according to Circular 41/2016/TT-NHNN ahead of schedule.

✓ From 2021, VIETBANK has implemented Capital Adequacy Assessment (ICAAP) according to regulations in Circular 13/2018/TT-NHNN.

✓ In June 2021, VIETBANK and conducted an independent audit to assess the level of compliance with the implementation of the 3 pillars of Basel II and the assessment result was "Fully compliant".

Compliance with Basel II standards has helped VIETBANK improve its risk management capacity according to international standards, meaning that VIETBANK has met strict regulations on governance and technology.

To complete risk management items according to Basel II international standards, VIETBANK has actively deployed risk management; Improve regulations and processes related to business activities, improve data quality, enhance information technology systems... to bring practical benefits to customers.

10.3.2.Assessing the implementation situation and solutions to overcome problems and limitations at VIETBANK

Aware that risk management plays an essential role in the operations of a commercial bank, VIETBANK has built a risk management policy and system based on the following principles:

- Comply with the provisions of law and internal regulations during the Bank's operations.
- Ensure harmony of risk management goals with medium and long-term business

development goals.

- Implement risk management in a centralized manner (focused on the Head Office) and in a unified manner (throughout the system, including at the Head Office and business units).
- Spreading risks, diversifying resource allocation, investing in risky assets.
- Moving towards the goal that all types of risks must be measured through models and assessment tools, verifying their suitability and authenticity.
- Risk provisions are fully set aside in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam and VIETBANK's risk management policy.

Corresponding to the above principles, the Bank's risk management system has been organized with three lines of defense and risk control:

- The first line of defense is risk-generating units such as business units (Business Centers, Financial Markets Division, Operations Division), individuals who are Customer Specialists whose tasks are to identify, evaluate, prevent, report and monitor risks arising in business activities and other operational processes.
- The second line is the units in charge of risk management under the Risk Management Division including: credit risk management, market and liquidity risk management, operational risk management, data and technology risk management, integrated risk management.
- The third line of defense is the Board of Supervisors, the Internal Audit Board operates independently of the Board of Management.

From here, the Bank's organizational structure and risk management personnel have been structured and clearly and transparently assigned functions and tasks with the supervision of the Bank's senior management agency including the Board of Directors and the Risk Management Committee assisting the Board of Directors, the General Director and the Risk Council, the ALCO Council, and the Capital Management Council assisting the General Director.

On the other hand, to meet the above risk management requirements, the Bank has established risk appetite and risk control limits, expressed by specific indicators and limits, for each type of risk (including but not limited to credit risk, market risk, liquidity risk, operational risk); each type of business activity; each Business Unit; as well as for each individual participating in transactions that may incur risks. Risk management policies, risk appetite and risk limits are reviewed periodically, at least once a year or in unexpected cases when necessary.

In addition, the Bank has also built an internal document system and management information system on risk management, aiming to provide complete and timely information internally, best meeting the requirements related to the Bank's risk management work.

10.4. Operating market

10.4.1. Network of branches, transaction offices, and representative offices of VIETBANK

After nearly 20 years of construction and development, VIETBANK has now developed according to a multi-function banking model with business terrain and operational network distributed throughout the country. Specifically as of June 30, 2026, the Bank has:

- 01 Head office: 47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City, Vietnam.
- VIETBANK currently has a network of 132 Business Centers spread across the country, including 30 Branches and 102 Transaction Offices, distributed by region: 36 Business Centers in the North, 22 Business Centers in the Central Region and 74 Business Centers in the South (Details in section IV.3 of this Prospectus).
- 01 Subsidiary.

❖ **Network of member companies**

Vietnam Thuong Tin Bank Debt Management & Asset Exploitation One Member Company Limited: includes 1 Head office at 90 Cao Thang, Ban Co Ward, City. Ho Chi Minh.

10.4.2. Customer network and types of services for customers

Customer network

VIETBANK has a diverse customer network from Corporate to Individual Customers. Along with the strong development of new products and services for Individual and Business Customers, the number of VIETBANK Customers increased rapidly. The Bank's current main customer portfolio includes individuals with very good financial potential and organizations that are large corporations.

With the goal of becoming a multi-functional bank for key customer groups in Vietnam's economically developed regions, VIETBANK identifies target markets including:

- Individuals and families: People with stable income in urban areas and economically developed regions.
- Enterprises: Are small and medium enterprises with effective operations and financial transparency.
- Institutional Customers: financial institutions across the country.

Services for individual customers

i. Digital Bank

VIETBANK's digital banking service helps customers save time and easily conduct transactions 24/24 at any location with an Internet connection device.

- **Mobile VIETBANK Digital:** Mobile banking application for individual customers. The application is used on devices using iOS and Android operating systems with Mobile VIETBANK Digital allowing customers to perform banking and financial

transactions quickly, safely, and securely such as: Account/Card information; Transfer money inside and outside the system; Fast transfer 24/7; International money transfer, Credit card payment, prepaid card top-up; Deposit and withdraw savings online; QR code payment (QRPay); Pay service bills (electricity, water, ADSL, television, tuition, ...); Top up your phone (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Traffic recharge; Book air tickets, trains, taxis, hotels, movie tickets, flowers, delivery orders, golf courses, sports entertainment, VNSHOP shopping;.

- **SMS Banking:** Notify account balance changes via SMS, instant updates, support customers in managing accounts anytime, anywhere.
- **Applying technology to online Customer identification (eKYC):** VIETBANK promotes the application of information technology (OCR, Face matching, Liveness detection) to online Customer identification to replace procedures at the transaction counter; Open an account online; Collect biometrics in compliance with SBV regulations...

ii. Deposits

VIETBANK's deposit products include:

- **"Traditional savings" product:** There are many terms and interest periods (monthly interest, quarterly interest, end-of-term interest, advance interest) for customers to choose according to their appropriate needs.
- **"Online Savings" product:** Solution to increase convenience to help busy customers who do not have time to make direct transactions at the Bank to withdraw and deposit anytime, anywhere, conveniently according to need. In addition, when participating in Online savings, Customers can also participate in promotional programs, with many attractive gifts and receive preferential interest rates higher than traditional savings channels.
- **"Saving options" product:** A solution to help customers with business needs maximize benefits by choosing the actual deposit time in accordance with capital needs, customers proactively choose the exact due date they desire and enjoy term interest rates.
- **"Phat Loc Savings" product:** Diverse products with many terms from short to medium to long term with many benefits and incentives. Customers can flexibly withdraw part of the principal in advance and the remaining capital will still enjoy term interest when due.
- **Certificate of deposit:** Long-term product with extremely attractive preferential interest rates, meeting customers' long-term investment needs, bringing superior returns compared to regular savings but still ensuring safety.
- Besides, VIETBANK also deploys products such as Multi-Utility Savings, Future Accumulated Savings,... serving customers who need to accumulate money periodically.

iii. Cards

Currently, VIETBANK has provided a variety of domestic and international card products for individual customers, including:

- **Visa/Mastercard international credit cards:** VIETBANK Visa My Style/VIETBANK Mastercard Happy (Standard Class), VIETBANK Visa Luxury/VIETBANK Mastercard Lifecare (Platinum Class) with flexible credit limits for customers to choose from 5 million VND to 1 billion, with credit limit forms including secured assets or no secured assets. VIETBANK Visa/Mastercard VIETBANK credit card is a tool to support customers in making payments, withdrawing money, and making online payments (E-com) on the global Visa/Mastercard network with many discounts, refunds, and convenient installment transactions.
- **Napas domestic credit card:** A domestic credit card with a flexible credit limit for customers to choose from 5 million VND to 1 billion VND. The card allows users to make payment transactions for goods and services at card acceptance points and withdraw cash at ATMs in the NAPAS system within Vietnam and countries including Korea, Thailand, and Malaysia with many discounts, refunds, and convenient installment payments.
- **VIETBANK domestic payment card:** Is a domestic debit card that allows customers to use their payment account at VIETBANK, through the Card to make money withdrawals, payments, balance inquiries, account statements at VIETBANK ATM/POS network and all banks in NAPAS.
- **Visa international prepaid card:** VIETBANK issues Visa international prepaid cards without the need for customers to open a payment account at VIETBANK. Customers add money to the card (Top-up) and make payments and withdrawals on the prepaid card balance in a convenient way.
- VIETBANK's card payment acceptance network currently has 34 ATMs, 261 POS machines and is being rapidly expanded nationwide.
- Investment in information safety and security is also focused on by VIETBANK. VIETBANK is currently one of the first banks in Vietnam to meet smart payment standards through Contactless Chip technology (Contactless Chip) both issuing cards (100% of VIETBANK cards issued have used Contactless Chip technology) and accepting card payments (ATM/POS) of the Visa/Mastercard International Card Organization. For domestic cards, VIETBANK issues VCCS domestic Chip cards to ensure high security and compatibility with NAPAS payment systems. VIETBANK has been certified by Control Case Organization to ensure safety in card payments at PCI - DSS Level 1 (3.2.1) at the highest level.

iv. Loan

Loan products are diverse and abundant with preferential interest rates, especially for individual customers.

- **Loans to serve life needs:** VIETBANK provides a variety of loan products to meet customers' life needs, including: loans to buy houses, build and repair houses and

receive land use rights; Project housing loans; loans to buy social housing; car loans; Loans to serve the life needs of employees; Loans are fully secured by highly liquid assets,...

- **Loans for Production and Business:** A financial solution for individual customers to serve business activities with diverse needs: Loans to invest in fixed assets to serve business activities; Loans to supplement working capital; Overdraft loans for production and business; Mortgage loans are fully secured by deposit balances, savings card numbers, and valuable papers for production and business purposes.

VIETBANK promotes lending to key areas according to the direction of the State Bank of Vietnam and the Government such as lending to the fields of agriculture, forestry, fisheries, lending for rice production and trading, etc. VIETBANK implements many preferential loan interest rate programs for young customers buying houses to live in.

v. Insurance

- Regarding the insurance segment, VIETBANK is currently implementing agency activities for two types of insurance: Life Insurance and Non-Life Insurance.
- **Non-life insurance:** VIETBANK is collaborating with 3 non-life insurance companies: Military Insurance Joint Stock Company (MIC), Bao Long Insurance Company, and Petrolimex Insurance Company (Pjico) to provide attractive and diverse insurance products, meeting all needs of customers and technology with products such as: health insurance, personal accident insurance, motor vehicle insurance, civil liability insurance Compulsory car ownership, property risk insurance, apartment insurance...
- **Life insurance:** Hanwha Life - Steadfast Companion, Hanwha Life - Satisfying Living Companion, Hanwha Life - Companion, Hanwha Life - Lifetime Security, in the near future VIETBANK will deploy new product lines with very diverse and flexible product categories, suitable to the needs of all customers to build financial plans from the beginning of work until retirement such as: Investment linked products help customers build assets and invest effectively, Education insurance products help accumulate to ensure their children's educational future, Protection products help customers feel secure against risks in life, along with attached products that provide medical support and advanced health care for customers and their families.

Services for corporate customers

i. Deposits

VIETBANK provides a variety of deposit services to serve the needs of corporate customers:

- **Traditional Deposit Products:** There are many terms and interest periods for customers to choose according to their appropriate needs.
- **"Flexible Deposit" product:** helps customers flexibly use capital when the need to use capital arises. The portion withdrawn before maturity earns non-term interest, the remaining capital still earns term interest.

- **Online Term Deposit Product:** Flexible deposit term, transactions anytime, anywhere 24/7 Customers do not have to go to the transaction counter, do not worry about losing or misplacing the Deposit Contract. Making transactions is simple, safe and secure with the Soft OTP smart authentication method.
- **Margin deposit account:** Meets the need to fulfill the Enterprise's financial obligations to VIETBANK or related parties or quickly complete documents and procedures to supplement business lines.
- **Salary payment products:** Customers make salary payments at VIETBANK with many attractive incentives, helping customers save costs, time, and management personnel.
- **Payment authorization service:** Organizations and individuals who need to transact the sale/transfer of assets, goods, services, etc. Ensure benefits in the sale/transfer transaction: The seller/transfer receives full money, the Buyer/transfer receives all assets, goods, and services as agreed in the contract.
- **Email transaction service:** Enterprises register to use Email transaction service with VIETBANK. With a maximum transaction limit per document of 10 billion VND and a maximum daily transaction limit of 50 billion VND. Simple procedure: Customers only need to scan original documents and email them to VIETBANK to perform the transaction with the registered email address.

ii. Credits

VIETBANK is committed to providing diverse and flexible financial solutions, optimally meeting short-term, medium and long-term capital needs as well as issuing domestic guarantees of businesses such as:

- **Short-term loans:** supplementing working capital, domestic trade financing, domestic output contract financing, import-export financing, overdraft of payment deposit accounts, export document discount, comprehensive financing for affiliated partners, ...
- **Medium and long-term loans:** investment in fixed assets, factories, machinery and equipment, means of transport, investment in new projects, ...
- **Domestic guarantees:** issuing guarantees that provide a solid financial foundation for businesses to optimize capital costs, enhance the business's reputation with partners when conducting sales and bidding transactions, and increase opportunities to develop production and business activities in the most effective way, including the following types of guarantees:
    - Bid guarantee.
    - Contract performance guarantee.
    - Payment guarantee.
    - Advance payment guarantee/refund of advance payment.

- Warranty guarantee/product quality assurance.
- Guarantee for joint venture contractors.

- In addition, to support corporate customers, VIETBANK also proactively has products to support corporate customers/preferential loan packages such as short-term & medium-long-term preferential packages for corporate customers in 2025, loan interest rate program for the agricultural, forestry and fishery sectors under the credit package of VND 100,000 billion of the State Bank of Vietnam, loan products for corporate customers with guarantees by guarantee deed from the credit guarantee fund. SME application, Short-term loan interest rate incentive package program for corporate customers 2026, ... At the same time, for customers in industry groups prioritized for credit-oriented development, VIETBANK has also developed separate policies to attract and expand this customer file as well as to better serve the needs of customers such as Policies for corporate customers in the construction industry, Policies for corporate customers in the medical pharmaceutical industry...

iii. Payment service

VIETBANK provides fast and accurate domestic and international payment and money transfer services, convenient transactions at any transaction point or modern payment channels of VIETBANK (Internet banking, Mobile banking, ...).

iv. International Payments and Trade Finance

VIETBANK always develops international payment and trade finance products, cooperates with international banks, exploits maximum strengths to bring the most optimal solutions to customers, ensures safe and effective transactions, supports market expansion, and promotes import and export activities. Some specific products include:

- **Export L/C financing:** Short-term working capital financing for Enterprises with export activities, meeting the need for loans to purchase, produce, and process export goods by L/C payment method.
- **Pre-delivery export financing:** Financing working capital for purchasing goods, raw materials, production and processing costs, packaging, transportation, warehousing and other costs to serve Customers in completing the Export Contract signed with the Importer. Form of financing: export contract financing with payment methods L/C, D/P, D/A, T/T.
- **Import financing:** Providing credit to meet the capital needs of enterprises established and operating in accordance with the law and with production and trade activities of imported goods. Form of financing: import contract financing with payment methods L/C, D/P, D/A, T/T.
- **UPAS L/C:** Deferred L/C has an immediate payment clause, allowing the beneficiary to receive money immediately upon presenting a set of documents in accordance with the terms and conditions of the L/C. Simultaneously meeting the need for banks to ensure immediate payment of exporters and importers for deferred payment of

customers.

v. Foreign currency and derivatives trading

Foreign currency and derivative product trading activities: VIETBANK quickly and promptly responds to businesses' foreign currency needs at competitive prices, consulting to support businesses in proactively controlling risks arising from exchange rate fluctuations.

- **Spot foreign currency transactions:** Serving customers' needs in buying and selling foreign currencies for payment for import and export of goods, services, freight, and insurance; Transactions of buying, selling, transferring, and bringing foreign currency abroad for the purpose of studying abroad, traveling, working...
- **Forward foreign currency trading:** Meet customers' needs in import and export payments; Transfer money abroad or invest; Preventing the risk of exchange rate fluctuations affecting future income and expenses.
- **Foreign currency swap transactions:** support customers in effectively managing cash flow, taking advantage of available foreign currency resources; Use foreign currency resources that will be available in the future immediately; Look for profit opportunities from interest rate differences between currencies; Preventing the risk of exchange rate fluctuations negatively affecting future income and expenses.

vi. Electronic banking services

Electronic banking services provided by VIETBANK aim to support businesses in performing financial transactions and managing accounts anytime, anywhere via Internet connection such as: Account information; Statement, transaction history; Transfer money inside and outside the system; 24/7 quick transfer; Deposit and withdraw savings online; Pay service bills (Electricity, water, ADSL, television, tuition, ...).

vii. Insurance

Life insurance: VIETBANK provides suitable and optimal solutions for employees of businesses.

Non-life insurance: Insurance products for corporate customers with reasonable costs such as: property insurance, fire and explosion insurance and special risks; Insurance of goods transported by road, sea, river, rail, and air; Property and damage insurance; Technical insurance; Contractor's machinery and equipment insurance; Construction and installation insurance...

10.4.3. *Position of the Issuer in the industry*

Vietbank conducted a survey of financial reports up to June 30, 2026 of 27 banks out of a total of 31 Commercial Banks in Vietnam published on the banks' electronic information pages or Vietnam's Stock Exchange. Accordingly, Vietbank's position compared to other businesses in the industry is as follows:

- **Regarding scale of operations:** As of June 30, 2026, the scale of Total Assets, Loans,

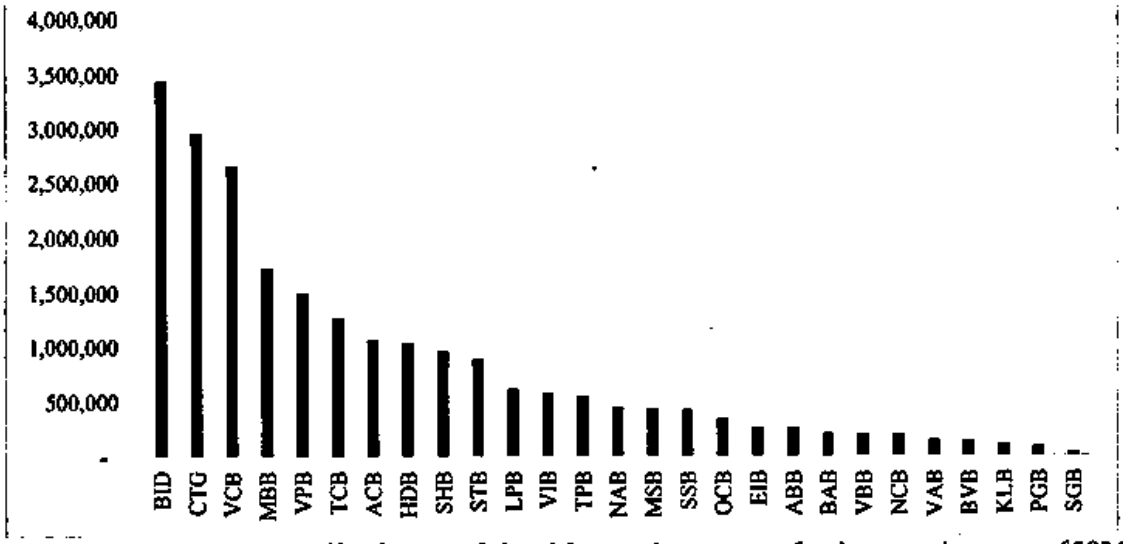
Customer Mobilization, Equity, and Charter Capital of Vietbank are as follows:

+ Total assets reached 204,825 billion VND.
+ Credit balance reached 119,949 billion VND.
+ Equity reached 13,154 billion VND.
+ Charter Capital reached 10,769 billion VND.

- **Regarding financial capacity:** Vietbank's equity is in the group with low financial capacity, but still meets capital safety criteria according to regulations.
- **Regarding business results:** Accumulated profit before tax has gradually improved over the years, currently ranked 20/27 in the second quarter of 2026 (in the second quarter of 2025, Vietbank's PBT ranked 23/27 credit institutions). Vietbank pre-tax profit growth in the first half of 2026 reached 83.45%. In addition to income from core business activities, the proportion of income from other activities of Vietbank has also improved over the years thanks to diverse revenue sources.
- **Regarding business scale per branch and per transaction point:** While Vietbank is in the group of banks with the lowest number of branches, with only 30 branches, but has 102 transaction points. Therefore, the scale of business (mobilization and lending) on a branch of Vietbank is relatively large. However, if calculated based on the total number of transaction points, the business scale of each transaction point is low.
- **Regarding network and number of employees:** Vietbank is in the group of banks with relatively few transaction points and a low number of employees compared to the whole industry. As of June 30, 2026, Vietbank has 3,027 employees.
- **Regarding asset quality:** Vietbank manages asset quality in a careful manner, proactively promoting the roadmap for handling bad debts and outstanding debts, setting up enough provisions and managing the bad debt ratio at the planned level.

Detailed information on total assets of commercial banks listed/registered for trading as of June 30, 2026 is as follows:

Figure 5: Total assets of commercial banks listed/registered for trading as of June 30, 20265



Source: Summary of banks' consolidated financial statements for the second quarter of 2026

Vietbank is making efforts to promote building and developing its brand image in a professional, modern and approachable direction, in order to increase brand recognition and strengthen customer trust. Through synchronous communication activities and enhanced service quality improvement, Vietbank gradually enhances its position in the market.

Based on financial and non-financial indicators, Vietbank's operational network and staff are organized in a streamlined and efficient manner. In recent years, the Bank's business performance has continuously improved over the years, showing stable and sustainable growth. Expanding scale and improving operational capacity is creating momentum for Vietbank to seize opportunities, promote potential and move closer to its goal of strong development in the coming time.

❖ **Market share and competitiveness**

Table 30: Size of equity and outstanding loans of VIETBANK30

Indicators (consolidated as of June 30, 2026)	Total of 27 banks (million VND)	VBB (million VND)	Proportion (%)
Total equity	1,534,409,238	13,154,026	0.86%
Loan balance	15,417,983,535	119,949,248	0.78%

Source: Consolidated financial statements for the second quarter of 2026 of 27 listed/registered banks for trading

As of June 30, 2026, the proportion of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VIETBANK) in the total equity and outstanding loans in 27 banks currently trading and listed on the Stock Exchange (including: BID, CTG, VCB, MBB, VPB, TCB, ACB, SHB, STB, HDB, LPB, VIB, TPB, SSB, MSB, OCB, NAB, EIB, ABB, BAB, VBB, NCB, VAB, BVB, KLB, PGB, SGB) are 0.86% and 0.78% respectively. However, there is currently no

officially published data on VIETBANK's market share compared to other credit institutions in the industry.

Based on the Consolidated Financial Statements of the Second Quarter of 2026 of a number of banks with similar scale to VIETBANK, VIETBANK can be compared with these banks as follows:

Table 31: Comparison of the scale of VIETBANK and some other banks31

Unit: million VND

Bank	Charter Capital	Equity	Total assets	Loans to customers
Ban Viet Commercial Joint Stock Bank	6,408,200	6,407,704	141,974,435	83,385,077
Viet A Commercial Joint Stock Bank	8,163,607	10,809,684	149,129,595	96,199,429
Bac A Commercial Joint Stock Bank	10,721,402	13,739,390	214,351,093	136,219,642
Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VIETBANK)	10,768,974	13,154,026	204,824,910	119,949,248

Source: Semi-annual reviewed consolidated financial statements of BVB, VAB, BAB and VIETBANK banks

10.5. Business development projects

- To realize the set strategic goals, VIETBANK is implementing many projects to develop business activities and enhance competitiveness. improve operational efficiency in many areas such as digital banking, risk management, IT, human resource management.

Table 32: Business development projects 32

Project Name	Assess the impact of projects on VIETBANK's business activities	Project implementation time
Deploy Mastercard	The Mastercard card line development project is a strategic link in the process of: (1) Promoting digital transformation, improving customer experience and engagement; (2) Enhance competitiveness in the retail market; (3) Positioning the brand in a modern and international direction; (4) Expanding service fee revenue - non-interest income growth, supporting product cross-selling strategy. In particular, in December 2023, the project was honored by the Mastercard International Card Organization in the "Excellence in Innovation" category, affirming the bank's ability to deploy innovative and effective digital products.	Year 2023
Developing Salary and Bonus	Building a salary and bonus policy linked to work performance and business results is not only an essential	From 2022 to 2024

Policy	human resource requirement, but also a strategic lever to promote organizational performance. The project makes an important contribution to the following aspects: 1. Work performance management: creating motivation and linking personal goals with unit goals. 2. Promoting productivity: through salary - bonus personal KPI and unit efficiency, promoting a culture of performance and sense of responsibility. 3. Resource planning: supports strategic human resource assessment, planning and development. 4. Promote fairness: increase transparency and internal fairness, improve satisfaction and retention of key personnel.	
Build and deploy Omni Channel solutions for Institutional Customers	Project to expand multi-point transaction channels, unifying corporate customer experience through digital platforms. Contributes to: (1) improving service capacity, (2) increasing seamless and effective experience, (3) enhancing market competitiveness. This is a strong support platform for multi-channel sales strategy and centralized management of organizational customers	From 2024 to 2026
Design, build and operate the conversion office	The project plays a key role in promoting transformation management and improving the effectiveness of implementing strategic programs. The transformation office is the center for coordinating - monitoring - ensuring the progress and quality of priority initiatives, ensuring (1) effective management, (2) streamlining the organizational model, (3) increasing service quality, and (4) enhancing the transformation value brought to customers and the organization.	Year 2025
Refactor the entire row	The project plays a fundamental role in improving the business capacity of the entire system, optimizing operations throughout from the Head Office to the Business Centers. The project focuses on centralizing the operating model and digitizing and automating operations throughout the bank.	Year 2026
Piloting AI in internal operations	The project demonstrates a vision towards applying advanced technology in operations, keeping up with domestic and world technology trends.	Year 2026
Loyalty program.	The project aims to increase engagement and build long-term relationships between customers and Vietbank, from which customers increase their use of the bank's products and services.	Year 2026
Deploy CRM customer management system	The project is implemented to modernize the management of individual and corporate customers, increasing customer understanding according to a customer-centric business orientation.	Year 2026
Bilateral payment connection	The project aims to connect with the platform of state management agencies, increase the ability to serve customers' financial obligations, thereby improving Vietbank's customer experience	Year 2026
Upgrade Vietbank Digital application	The project aims to upgrade Vietbank's ability to serve individual customers on digital channels, through upgrading service quality and customer experience.	Year 2026

Transforming the solution for initiating and managing credit proposals for corporate customers (CLOS)	The project aims to improve efficiency in serving customers with credit needs through automation and process optimization, reducing processing time.	Year 2026

Source: VIETBANK

10.6. Business strategy

10.6.1. Overview of strategies

a. Vision: VIETBANK aims to become one of the leading joint stock commercial banks in safe growth, efficiency, and innovation in the retail and digital banking sectors.

b. General goals:

- Safe and sustainable scale growth: Ensuring high asset, mobilization and lending growth rates but coupled with strict risk control.
- Strong shift to digital and retail banking: Increasing technology application, optimizing customer experience and increasing the proportion of income from services. Thoroughly apply digital banking utilities to enhance competitiveness in the Bank's operations.
- Enhancing comprehensive competitiveness: Completing the governance model, optimizing operations, and developing high-quality human resources.
- Ensuring sufficient capital and operational safety: Strictly comply with the State Bank of Vietnam's regulations on capital safety and liquidity, especially effective implementation of ICAAP and complete implementation of Basel III.

10.6.2. Estimated time of implementation

- VIETBANK's business strategy and orientation are implemented according to the medium and long-term roadmap, in accordance with the Development Strategy and business plan approved by competent authorities, while closely following market developments and conditions in each period.
- VIETBANK regularly reviews, evaluates and adjusts business strategies and orientations in accordance with the Bank's operational situation, capacity and resources, market developments and relevant legal regulations.
- The goals of scale growth, digital and retail banking development, improving competitiveness, strengthening financial capacity and ensuring operational safety are implemented according to a medium and long-term roadmap, in accordance with business plans and decisions of competent authorities from time to time.
- By 2030, VIETBANK aims to make important strides in the process of modernization and improving competitiveness, aiming to become a leading modern bank in Vietnam. At the same time, the Bank strives to perfect management standards according to Basel III, improve management capacity and capital safety, strengthen risk management and

strengthen the financial foundation, thereby ensuring safe, effective and sustainable growth.

10.6.3. Expected capital and resources

Aiming for sustainable growth, optimizing operational efficiency and enhancing value for shareholders, VIETBANK focuses on implementing key strategic directions on governance, mobilization and allocation of resources as follows:

a. Management and operation strategy:

The Bank advocates building a modern, transparent management and operation model, both ensuring centralized risk management and cost control capabilities, and giving necessary autonomy to business units to promote flexibility and efficiency.

- Operating Model Optimization:

✓ Review and clearly define roles and responsibilities between Head Office and Business Units. Critical functions that require system-wide consistency and centralized risk control (such as credit policy issuance, risk management, liquidity management, internal audit) will be standardized and strictly managed at the Head Office.

✓ Give autonomy to Business Units within a clearly defined scope, based on the Authority Hierarchy Matrix. The level of autonomy is associated with the operational performance and risk management capacity of each unit, thereby promoting accountability for business results (P&L).

- Improve management efficiency by function:

✓ Restructuring the management system along the vertical axis, converting the roles of functional Blocks/Departments at the Head Office from simple supervision to Centers of Excellence (CoE). These centers are responsible for providing timely direction, tools and professional support for Business Units to achieve their goals.

✓ Establish and apply a Performance Management Framework with a transparent, weighted system of KPIs, directly linked to the bank's strategic financial indicators (for example: Net interest Margin- NIM, Cost to Income Ratio - CIR, Bad Debt Ratio - NPL, Return on Equity Ratio - ROE).

b. Capital and Resource Allocation Strategy:

- Capital Mobilization and Management Strategy:

✓ Mobilization growth from residential markets and economic organizations: Maintaining an optimal capital mobilization structure, in which customer deposits play the fundamental and leading role.

✓ Proactively mobilize medium and long-term capital: Proactively issue debt instruments such as bonds and certificates of deposit in the capital market to optimize mobilization costs and strictly comply with the State Bank of Vietnam's regulations on the ratio of using short-term capital for medium and long-term loans.

- Strategy to Strengthen Equity Capacity:

- ✓ Increasing Charter Capital: The Bank has developed a plan to increase Charter Capital through issuing shares and/or distributing stock dividends from retained profits, depending on market conditions and approval from competent authorities according to the expected roadmap as follows:
  - ➢ 2026: maximum VND 15,548 billion.
  - ➢ 2027: maximum 20,000 billion VND.
  - ➢ 2028: maximum 25,000 billion VND.
- ✓ Supplementing tier 2 capital: When necessary, the Bank will consider issuing subordinated bonds to maintain and improve the Capital Adequacy Ratio (CAR) according to regulations.
- ✓ Effective use of retained profits: Optimize the use of generated profits for reinvestment, continuously strengthening the equity base.

11. Policies for employees

11.1. Number and structure of employees

Table 33: Number and structure of VIETBANK's employees33

No	Classification	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Quantity (people)	Proportion (%)	Quantity (people)	Proportion (%)	Quantity (people)	Proportion (%)
I	**By gender**	**2,864**	**100.0**	**3,060**	**100.0**	**3,027**	**100.0**
1	Male	1,224	42.7	1,287	42.1	1,285	42.5
2	Female	1,640	57.3	1,773	57.9	1,742	57.5
II	**By education level**	**2,864**	**100.0**	**3,060**	**100.0**	**3,027**	**100.0**
1	Postgraduate	103	3.6	142	4.6	141	4.7
2	Bachelor	2,403	83.9	2,567	83.9	2536	83.8
3	College	229	8.0	231	7.5	235	7.8
4	Other	129	4.5	120	3.9	115	3.8
III	**By contract type**	**2,864**	**100.0**	**3,060**	**100.0**	**3,027**	**100.0**
1	Pernanentemployee	2,864	100.0	3,060	100.0	3,027	100.0
2	Seasonal employee	0	0.0	0	0.0	0	0.0

Source: VIETBANK

11.2. Training, salary, bonus and allowance policies

❖ **Training policy:**

- VIETBANK always encourages and creates the best conditions for all employees to develop comprehensively, both in terms of professional qualifications and soft skills suitable for each job position and level through highly applicable training programs. Digitalization of training activities is promoted with important improvements to enhance the experience of employees, thereby promoting the spirit of self-learning. Training programs are deployed through a variety of forms, including: face-to-face classes, classes through online platforms and E-learning to create convenience and flexibility in learning time and location for employees.

- The training program is built on the basis of the Bank's business strategy, short-term and long-term goals combined with the career progress of employees. Training content focuses on practicality, is designed and provided on the basis of necessary competency requirements for the job. Training and development opportunities are equal for all employees based on the employee's development potential, business needs and the Bank's development orientation.

- Bank employees actively study and train to achieve professional standards for their current job and for jobs with higher responsibility in their career progression. The Bank encourages and will create conditions for employees to self-improve their education, skills, and knowledge and actively participate in training activities to improve and share knowledge and experience with colleagues.

- Training must be timely; according to capacity and title standards; according to actual business requirements at the unit and the Bank's human resource development strategy. Training must take efficiency and quality as the motto, meeting the Bank's development needs on the basis of saving time and money.

❖ **Salary, bonus, welfare, allowance and promotion policy:**

- Regarding allowances and social insurance: All official employees of VIETBANK are entitled to allowances, social insurance, health insurance, and unemployment insurance according to the provisions of the Labor Law;

- Welfare regime: VIETBANK's official employees enjoy annual health check-up programs, health and accident insurance, and vacation benefits;

- Salary, bonus and promotion regime:

  ➢ Maintain and ensure income for employees;

  ➢ Maintain a bonus regime based on business performance results at the unit and periodic individual ranking results, implement and implement periodic salary adjustment policies, and incentive mechanisms for exceeding target bonuses for employees of the business force (Individual Customers/Corporate Customers).

  ➢ Career advancement roadmap: The Bank has built a career advancement roadmap for each position at each unit, through which each employee can self-orient and build a career development roadmap for themselves.

- Other regimes: Preferential loan policy for VIETBANK employees: Employees can borrow at VIETBANK with preferential loan interest rates. Loan interest rates are adjusted according to work completion results which are evaluated periodically. The better an employee completes their work, the lower the loan interest rate will be adjusted compared to normal lending interest rates.

11.3. Regulations on issuing shares to employees

The bank does not have regulations on issuing shares to employees that apply to the entire operating process. VIETBANK's General Meeting of Shareholders and Board of Directors

will decide on specific regulations for each issuance.

12. Dividend policy

According to VIETBANK's Charter, dividends are distributed according to the decision of the Annual General Meeting of Shareholders based on the proposal of the Board of Directors. VIETBANK is only allowed to pay dividends to shareholders when its business is profitable, it has fulfilled its tax payment obligations and other financial obligations according to the provisions of Law, appropriated VIETBANK funds and compensated for previous losses in accordance with the provisions of the Charter and Law; Immediately after paying all scheduled dividends, VIETBANK still ensures to fully pay all due debts and other property obligations (if any).

Table 34: Dividend payment ratio in recent years34

Target	Year 2024	Year 2025	Year 2026
Dividend payment ratio (% of Charter Capital)	25% Pay dividends in shares to increase Charter Capital	15% Issuing shares from equity capital to increase Charter Capital	10% Issuing shares from equity capital to increase Charter Capital

Source: VIETBANK

13. Information on the use of capital obtained from the most recent offering

13.1. Information about the Public Offering of additional shares

In the last 02 years up to the time of offering registration, VIETBANK had 02 (two) public stock offerings to existing shareholders in 2024 and 2025, specifically as follows:

❖ **Public offering of shares to existing shareholders in 2024:**

a. Information about the offering:

- Resolution No. 01/2022/NQ-DHDCD dated April 26, 2022 on approving the plan to increase Charter Capital;
- Resolution No. 35/2022/NQ-HĐQT dated June 1, 2022 and Resolution No. 40/2022/NQ-HĐQT dated June 14, 2022 on supplementing, amending and implementing the plan to increase Charter Capital;
- Resolution No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023 on approving the continued implementation of each plan approved by the 2022 General Meeting of Shareholders;
- Resolution No. 66/2023/NQ-HĐQT dated June 28, 2023 on implementing documents to increase Charter Capital in 2023 according to Resolution No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023;
- Official Dispatch No. 5872/NHNN-TTGSNH dated July 25, 2023 of the State Bank of Vietnam on approving the Bank's increase in Charter Capital from VND 1,003,133,600,000 through issuing shares to existing shareholders according to the

Charter Capital increase plan approved by the General Meeting of Shareholders in Resolution No. 01/2022/NQ-DHĐCD and Resolution No. 01/2023/NQ-DHĐCD;

- Resolution No. 97/2023/NQ-HĐQT dated August 8, 2023 on approving the continued implementation of the public stock offering plan, the plan for using capital obtained from the offering, the plan to ensure the stock offering meets regulations on the ownership ratio of the state and employees, and the plan to offer shares to strategic investors;
- Certificate No. 437/GCN-UBCK dated December 19, 2023 on issuance of certificate of registration for public offering of shares;
- Decision No. 229/QD-UBCK dated February 26, 2024 on approving the extension of certificate No. 437/GCN-UBCK;
- Resolution No. 40/2024/NQ-HĐQT dated April 4, 2024 on approving the results of stock purchase registration of member grounds Trade Unions - Plan for handling the remaining shares of the public offering;
- Resolution No. 50/2024/NQ-HĐQT dated April 16, 2024 on adjusting the results of public stock offerings;
- Report No. 1561/2024/BC-VB dated April 16, 2024 on the results of the public offering of shares sent by the Bank to the State Securities Commission;
- Official Dispatch No. 1563/2024/CV-VB dated April 16, 2024 on the implementation of information disclosure on stock offering results and decisions on current regulations;
- Official Dispatch No. 2478/UBCK-QLCB dated April 19, 2024 on receiving the results of offering additional shares to the public;
- Official Dispatch No. 1862/CQ-UBTVQH2B dated May 2, 2024 of the Bank to the State Bank of Vietnam on reporting the results of capital increase and requesting to amend the Charter Capital level in the Bank's operating license.
- Form of capital increase: Issued to existing shareholders
- Number of issues: 93,470,601 shares
- Issue price: 10,000 VND/share

b. Results of the stock offering:

- The date of completion of the offering is April 8, 2024
- Total shares distributed: 93,470,601 shares
- Total proceeds from the offering: 934,706,010,000 VND

c. The situation of using capital obtained from the offering is as follows:

Table 35: Use of capital obtained from the stock offering to existing shareholders in 202435

Unit: VND

Purpose of using stock capital according to the issuance plan	Amount according to usage plan	Use capital according to reality		
		Actual usage plan	Amount used	Difference
Bonds	350,000,000,000	350,000,000,000	350,000,000,000	0
Loans for production and business activities	653,133,600,000	584,706,010,000	584,706,010,000	0
Total	**1,003,133,600,000**	**934,706,010,000**	**934,706,010,000**	**0**

Source: Report on the use of capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to the resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023 for the period from April 23, 2024 to December 31, 2024

d. Opinions of UHY Auditing and Consulting Co., Ltd. on the Report on the use of capital obtained from the issuance of shares to the public to existing shareholders according to the resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023 for the period from April 23, 2024 to December 31, 2024:

Report on the use of capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2023/NQ-DHDCD dated April 26, 2023 for the period from April 23, 2024 to December 31, 2024 of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank has reflected honestly and reasonably above. The material aspects of the use of capital obtained from the offering of shares to existing shareholders of the Bank are consistent with the basis of accounting for actual receipts and actual expenditures as described in the Notes to the Report on the use of capital.

❖ **Public offering of shares to existing shareholders in 2025:**

a. Information about the offering:

- Resolution No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 of the Vietbank General Meeting of Shareholders at the 2025 annual meeting;
- Resolution No. 65/2025/NQ-HĐQT of the Board of Directors on implementing the plan to offer additional shares to existing shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank;
- Document No. 4425/NHNN-QLGS dated June 3, 2025 of the State Bank of Vietnam on increasing Charter Capital of Vietbank;
- Resolution No. 107/2025/NQ-HĐQT dated July 10, 2025 of the Board of Directors on approving the implementation of the plan to offer additional shares to existing shareholders of Vietbank;
- Certificate of registration for public offering of shares No. 331/GCN-UBCK issued by the Chairman of the State Securities Commission on September 30, 2025;
- Resolution No. 203/2025/NQ-HĐQT dated December 25, 2025 of the Board of Directors on approving the results of registration and payment of shares purchased by

existing shareholders in the public offering of additional shares, plan to handle the number of undistributed shares, results of offering additional shares to the public through purchasing rights to existing shareholders;

- Report No. 113/2025/BC-VB of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank dated December 25, 2025 reporting the results of the public offering of shares;
- Document No. 9314/UBCK-QLCB dated December 26, 2025 of the State Securities Commission regarding the document reporting the results of VBB's public offering of additional shares;
- Decision No. 179/QD-NHNN dated February 5, 2026 on amending the content of Charter Capital in Vietbank's Establishment and Operation License;
- Decision No. 93/QD-SGDHN dated February 6, 2026 of the Hanoi Stock Exchange on approving changes in VIETBANK's stock trading registration.
- Form of capital increase: Issued to existing shareholders
- Number of issues: 255,865,414 shares
- Issue price: 10,000 VND/share

b. Results of the stock offering:

- The completion date of the offering is December 19, 2025
- Total shares distributed: 255,865,414 shares
- Total proceeds from the offering: 2,558,654,140,000 VND

c. The situation of using capital obtained from the offering is as follows:

Table 36: Use of capital obtained from the stock offering to existing shareholders in 202536

Unit: VND

Purpose of using stock capital according to the issuance plan	Amount according to usage plan	Use capital according to reality		
		Actual usage plan	Amount used	Difference
Supplementing business capital	2,709,405,500,000	2,558,654,140,000	2,558,654,140,000	0
Total	**2,709,405,500,000**	**2,558,654,140,000**	**2,558,654,140,000**	0

Source: Report on the use of capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to the resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 for the period from December 31, 2025 to March 31, 2026

d. Opinions of UHY Auditing and Consulting Company Limited on the Report on the use of capital obtained from the issuance of shares to the public to existing shareholders in 2025 according to the resolution of the General Meeting of Shareholders No.

01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 for the period from December 31, 2025 to March 31, 2026:

In our opinion, Report on the use of proceeds from the public offering of additional shares to existing shareholders according to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHĐCD dated April 26, 2025 for the period from December 31, 2025 to March 31, 2026 of Vietnam Thuong Tin Joint Stock Commercial Bank has honestly and reasonably reflected, in all material aspects, the use of proceeds from the offering of additional shares to existing shareholders of the Bank in accordance with the basis of accounting for actual receipts and actual expenditures as described in the Notes to the Report on the use of funds from the offering of additional shares.

13.2. Information about the public bond offering

Within the last 02 years, VIETBANK has carried out 01 (one) public bond issuance with bond code VBB124001 issued on March 27, 2024, the total issuance value reached 1,000 billion VND. Specific information is as follows:

a. Offering information

- Bond code: VBB124001
- Release date: March 27, 2024
- Total issued par value: 1,000 billion VND
- Term: 07 years.
- Interest rate: First five years: Reference interest rate +2.50%/year; Last two years: Reference interest rate +3.50%/year.
- Purpose of use: Increase the scale of the Bank's tier 2 capital, create additional medium and long-term capital sources to meet the loan needs of individual and institutional customers, and ensure operational safety ratios according to regulations of the State Bank of Vietnam.

b. Results of the offering

Successful offering value: 1,000 billion VND[7]

c. Capital obtained from the offering has been used according to the issuance purpose of increasing the size of the Bank's tier 2 capital and providing medium and long-term loans.

d. Opinions of UHY Auditing and Consulting Co., Ltd. on the Audit Report on the use of proceeds from the third public bond issuance in 2022:

Report on the use of proceeds from the third public bond issuance in 2022 of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank has been prepared and

[7]The bank has repurchased part of the bond code VBB124007 (VBB124001) ahead of schedule. As of July 31, 2026, the value of the bond code VBB124007 (VBB124001) still outstanding is 83,550,000,000 VND.

presented, in all material aspects, in compliance with Note No. 2 - "Basis for presentation of Report on the use of proceeds from the public bond issuance" of the Notes to the Report on the use of proceeds from the public bond issuance 3rd batch of 2022.

14. Information about the Issuer's unfulfilled commitments

❖ **Information about bonds that have been issued but have not yet matured by the Issuer**

As of July 31, 2026, the Issuer has bonds that have been issued but have not yet matured, details are as follows:

Total outstanding bond debt (according to par value): 4,312,850,000,000 VND, of which:

- Privately placed bonds : 4,229,300,000,000 VND
- Bonds offered to the public: 83,550,000,000 VND

(Detailed list of outstanding bonds according to table 3, article 8.3. section IV)

For these unmature bonds, VIETBANK has been complying with its commitments and obligations to investors regarding bond issuance conditions, ensuring full, accurate and on-time payment of bond principal, interest and other amounts related to bonds (if any) to investors according to the terms and conditions of bonds, ensuring the legitimate rights and interests of investors and other conditions, in accordance with the terms and conditions of the bond. in accordance with the provisions of law.

15. Information on potential debt obligations, litigation disputes related to the Issuer that may affect the business operations, financial situation of the Issuer, the offering, and projects using capital obtained from the offering

Potential obligations and other commitments of VIETBANK in the previous 2 years are presented in the following table:

[The rest of this page is intentionally left blank]

Table 37: Potential obligations and other commitments of VIETBANK37

Unit: Million VND

Item	Merge			Individually		
	Year 2024	Year 2025	First 6 months of 2026	Year 2024	Year 2025	First 6 months of 2026
Loan guarantee	**50**	**50**	**-**	**50**	**50**	**-**
Commitment to foreign exchange transactions	**35,401,945**	**53,420,837**	**135,305,439**	**35,401,945**	**53,420,837**	**135,305,439**
Commitment to buying foreign currency	3,330,715	3,084,594	5,269,435	3,330,715	3,084,594	5,269,435
Commitment to selling foreign currency	83,194	927,886	3,108,615	83,194	927,886	3,108,615
Swap Commitment	31,988,036	49,408,357	126,927,389	31,988,036	49,408,357	126,927,389
Commitment in letter of credit operations	21,773	14,254	45,771	21,773	14,254	45,771
Other guarantees	825,609	787,617	772,320	825,609	787,617	772,320
Other commits	8,804,949	15,081,702	9,511,058	8,804,949	15,081,702	9,511,058
Total	**45,054,326**	**69,304,460**	**145,634,588**	**45,054,326**	**69,304,460**	**145,634,588**

Source: Audited financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed financial statements for 2026

(merge and separate)

As of the date of issuance of this Prospectus, the Issuer has no litigation disputes related to the Issuer that may affect the business operations, financial situation of the Issuer, the Offerings, and the use of capital obtained from the offering.

16. Information about the commitment of the Issuer not being prosecuted for criminal liability or having been convicted of one of the crimes of violating the economic management order without having his criminal record erased.

As of the date of this Prospectus, the Issuing Organization commits that it is not under criminal prosecution or has been convicted of one of the crimes of violating the economic management order that has not had its criminal record erased.

V. BUSINESS RESULTS, FINANCIAL STATUS AND EXPECTED PLAN

1. Business performance results

1.1. Summary of some indicators of business activities of the Issuer in the last 2 years and accumulated to the most recent quarter

Table 38: Some indicators of VIETBANK's business activities in 2024, 2025 and the first 6 months of 2026 - Consolidated38

Unit: Million VND

Target	Year 2024	Year 2025	% increase/decrease 2024/2025	First 6 months of 2026
Total asset value	162,855,332	196,771,033	20.83%	204,824,910
Net interest income	2,811,573	3,326,580	18.32%	1,761,680
Total operating income	3,501,363	3,622,552	3.46%	1,961,368
Net profit from operating activities before credit risk provisions	1,936,137	1,893,771	-2.19%	1,029,453
Profit before tax	1,131,298	1,531,509	35.38%	943,549
Profit after tax	900,925	1,209,590	34.26%	750,757
Dividend rate of profit	27%	119%	N/a	N/a
Dividend payout ratio	25%	15%	N/a	N/a

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 39: Some indicators of business activities in 2024, 2025 and the first 6 months of 2026 – Separated39

Unit: Million VND

Target	Year 2024	Year 2025	% increase/decrease 2024/2025	First 6 months of 2026
Total asset value	162,859,431	196,962,024	20.94%	205,017,680
Net interest income	2,811,510	3,319,419	18.07%	1,756,824
Total operating income	3,495,529	3,607,949	3.22%	1,930,686
Net profit from operating activities before credit risk provisions	1,936,137	1,887,165	-2.53%	1,007,238
Profit before tax	1,131,298	1,524,903	34.79%	921,334
Profit after tax	900,925	1,204,342	33.68%	731,975
Dividend rate of profit	27%	119%	N/a	
Dividend payout ratio	25%	15%	N/a	

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

According to the 2025 audited consolidated financial statements, VIETBANK has had positive growth in 2025. VIETBANK's total operating income reached 3,622.6 billion VND, an

increase of 3.46% compared to 2024. Of which, net interest income reached 3,326.6 billion VND, an increase of 18.32% compared to 2024. Profit Consolidated pre-tax profit in 2025 reached 1,531.5 billion VND, reaching 87.5% of the 2025 plan.

According to the 2026 semi-annual reviewed consolidated financial report, pre-tax profit continues to maintain high growth momentum. VIETBANK's total operating income reached 1,961.4 billion VND, an increase of 28.36% over the same period last year. Of which, net interest income reached 1,761.7 billion VND, an increase of 26.75% over the same period last year. Consolidated pre-tax profit in the first 6 months of 2026 reached 943.5 billion VND, reaching 44.93% of the 2026 plan.

❖ Opinion of the independent auditing organization on financial indicators: None.

1.2. Factors affecting the business activities of the Issuer

❖ **Main factors affecting the business performance of the Issuer**

Economic growth and macro monetary policy

Vietnam's macroeconomic situation, including GDP growth rate, inflation, exchange rate, interest rate and monetary policy of the State Bank of Vietnam have a direct impact on credit demand, capital costs and profitability of the banking system in general and VIETBANK in particular. Policies to support economic growth, stabilize interest rates and control inflation will create favorable conditions for credit activities and banking services.

Operating policies and legal regulations for banking activities

As a credit institution under the strict management of the State Bank of Vietnam, VIETBANK's operations are directly affected by legal regulations on credit limits, capital adequacy ratio, debt classification and risk provisioning, stock ownership limits, industry development orientation... Changes in policies or regulations may affect the strategic orientation, financial structure and operational efficiency of the Bank.

Level of competition in the banking industry

Vietnam's banking industry has an increasingly high level of competition with the participation of many large-scale commercial banks and foreign banks, along with the development of digital banks, financial technology companies (fintech) and electronic payment platforms. Competitive pressure on interest rates, service quality and technology may affect VIETBANK's ability to grow credit, mobilize capital and profit margin.

Risk management ability and asset quality

Asset quality, especially the loan portfolio, is a core factor affecting the financial health of the Bank. The ability to control bad debt, make appropriate provisions and effectively classify credit risks is a prerequisite to ensure stability and sustainable development of VIETBANK, in a context where the economy still has many potential uncertainties, especially in some areas such as real estate and commodity export.

Development strategy and executive management capacity

VIETBANK's medium-long-term development strategy, including directions on network

expansion, product diversification, technology application and digital transformation, will greatly affect growth and improve competitiveness. At the same time, the leadership team and internal management system play a decisive role in effective strategy implementation and comprehensive risk management.

Brand reputation and market trust

Brand reputation, service quality and customer satisfaction are key factors affecting the ability to expand the customer base and maintain a stable source of mobilization. At the same time, VIETBANK's credibility in the eyes of investors, credit rating agencies and financial partners will also affect the ability to access capital and the cost of capital use.

❖ **Major fluctuations that may affect the business results of the Issuer since the end of the most recent fiscal year**

Interest rate developments and monetary policy

The State Bank of Vietnam continues to operate flexible monetary policy to support economic growth, however, deposit interest rates still fluctuate depending on liquidity cycles and competitive pressures. Changes in market interest rates will affect the Bank's interest margin (NIM) and asset structure - capital resources.

Impact from exchange rate fluctuations and the global economy

The geopolitical situation and monetary policy developments of major central banks can put pressure on exchange rates and international capital flows, affecting international payment activities, foreign exchange services and credit demand from the import-export business sector - one of VIETBANK's potential customer segments.

Fluctuations in market liquidity

Fluctuations in liquidity in the monetary and financial markets, along with changes in the State Bank of Vietnam's monetary policy management and the structure of mobilized capital, may affect the cost of capital, liquidity balance and operational efficiency of the Bank.

Bad debt developments and debt recovery ability

In a context where the economy is still affected by fluctuations in the domestic and foreign economic environment, the ability to generate cash flow and debt repayment capacity of some customers may be affected. This may increase pressure on provisioning and affect the Bank's profit after tax in the current financial year.

Fluctuations of the real estate market

The real estate market is closely related to the Bank's credit granting activities and the value of collateral assets. These market fluctuations can affect the value of collateral assets, debt recovery ability, asset quality and credit risk provisioning requirements, thereby affecting the Bank's business results.

2. Financial situation

2.1. Basic criteria

2.1.1.Report on Charter Capital, business capital and situation of using Charter Capital and business capital

❖ **Report on Charter Capital**

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank was established under Operation License No. 2399/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on December 15, 2006 and Business Registration Certificate No. 2200269805 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now the Department of Finance of Can Tho City) for the first time on January 12, 2007, revised 28th on August 28, 2023.

The Bank's Operation License No. 2399/QD-NHNN is additionally replaced by the Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on February 24, 2023. The Bank's operating term is 50 years from December 15, 2006. The Bank's Charter Capital as of June 30, 2026 is 10,768,974 million VND.

Table 40: Report on Charter Capital of VIETBANK (consolidated)40

Unit: Million VND

Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Charter Capital	7,139,413	10,768,974	10,768,974

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026 of VIETBANK

Table 41: Report on Charter Capital of VIETBANK (separated)41

Unit: Million VND

Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Charter Capital	7,139,413	10,768,974	10,768,974

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026 of VIETBANK

By July 2026, VIETBANK has completed increasing capital from equity sources, thereby increasing Charter Capital to 11,845,866,040,000 VND. Specifically:

- On June 2, 2026, the State Bank of Vietnam issued document No. 4677/NHNN-QLGS approving VIETBANK's increase in maximum Charter Capital by 4,778,732,130,000 VND.
- On June 11, 2026, the State Securities Commission issued document 5311/UBCK-QLCB regarding report documents on share issuance to increase share capital from VIETBANK's equity capital.
- June 29, 2026 is the last registration date to finalize the list of stock owners enjoying the right to buy and issue shares to increase share capital from the Bank's equity capital.
- On July 8, 2026, the State Securities Commission issued a document regarding the document reporting the results of stock issuance to increase share capital from VBB's equity source.

- On July 22, 2026, the State Bank of Vietnam issued Decision No. 1691/QD-NHNN on amending the content of Charter Capital in the Establishment and Operation License of VIETBANK.

❖ **Report on business capital sources**

Table 42: Report on business capital of VIETBANK (consolidated)42

Unit: Million VND

No	Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Equity**	**8,701,053**	**12,431,567**	**13,154,026**
1	Charter Capital	7,139,413	10,768,974	10,768,974
2	Funds	675,985	657,816	657,816
3	Undistributed profits	885,892	1,005,550	1,731,307
4	Share premium	-237	-773	-973
5	Exchange rate difference	-	-	-3,098
II	**Liabilities**	**154,154,279**	**184,339,466**	**191,670,884**
1	Government and SBV debts	222,891	4,415,355	5,224,151
2	Deposits and loans from other credit institutions	38,416,167	51,633,361	50,298,957
3	Customer deposits	94,841,470	101,449,573	103,892,733
4	Issuing valuable papers	17,678,260	23,645,110	28,254,940
5	Other debts	2,995,491	3,196,067	4,000,103
Total business capital		**162,855,332**	**196,771,033**	**204,824,910**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 43: Report on business capital sources of VIETBANK (separated)43

Unit: Million VND

No	Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	**Equity**	**8,701,053**	**12,426,319**	13,129,996
1	Charter Capital	7,139,413	10,768,974	10,768,974
2	Funds	675,985	657,816	657,816
3	Undistributed profits	885,892	1,000,302	1,707,277
4	Share premium	-237	-773	- 973

5	Exchange rate difference	-	-	-3,098
II	**Liabilities**	**154,158,378**	**184,535,705**	**191,887,684**
1	Government and SBV debts	222,891	4,415,355	5,224,151
2	Deposits and loans from other credit institutions	38,416,167	51,633,361	50,298,957
3	Customer deposits	94,845,677	101,645,857	104,114,529
4	Issuing valuable papers	17,678,260	23,645,110	28,254,940
5	Other debts	2,995,383	3,196,022	3,995,107
Total business capital		**162,859,431**	**196,962,024**	**205,017,680**

Source: Separate audited financial statements for 2024, 2025 and separate semi-annual reviewed financial statements for 2026

❖ **Report on the use of Charter Capital and business capital**

Table 44: Status of using Charter Capital and business capital of VIETBANK (consolidated)44

Unit: Million VND

No	Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Cash	548,602	752,782	670,321
2	Deposits at the State Bank of Vietnam	7,024,700	3,932,930	2,875,851
3	Deposits and loans to other credit institutions	35,921,200	51,514,898	46,766,724
4	Trading securities	340,337	-	
5	Derivative financial instruments and other financial assets	89,061	328,330	333,948
6	Loans to customers	92,493,074	103,772,418	118,400,699
7	Investment securities	22,417,404	29,131,152	27,148,707
8	Fixed assets	698,874	3,903,389	3,850,654
9	Other assets	3,322,080	3,435,134	4,778,006
Total		**162,855,332**	**196,771,033**	**204,824,910**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 45: Situation of using Charter Capital and business capital of VIETBANK (separated)45

Unit: Million VND

No	Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Cash	548,602	752,782	670,321

No	Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
2	Deposits at the State Bank of Vietnam	7,024,700	3,932,930	2,875,851
3	Deposits and loans to other credit institutions	35,921,200	51,514,898	46,766,724
4	Trading securities	340,337	-	
5	Derivative financial instruments and other financial assets	89,061	328,330	333,948
6	Loans to customers	92,493,074	103,772,418	118,400,699
7	Investment securities	22,417,404	29,131,152	27,148,707
8	Capital contribution, long-term investment	4,126	200,000	200,000
9	Fixed assets	698,874	3,903,389	3,850,654
10	Other assets	3,322,053	3,426,125	4,770,776
Total		**162,859,431**	**196,962,024**	**205,017,680**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

Capital usage situation: The Bank commits to using capital effectively, serving the Bank's business activities in accordance with the offering purpose approved by the General Meeting of Shareholders in each issuance.

2.1.2.Depreciation of fixed assets

❖ **Tangible fixed assets**

Tangible fixed assets are expressed at cost less accumulated depreciation.

The historical cost of a tangible fixed asset is all the costs that the Bank has to spend to acquire the tangible fixed asset up to the time the tangible fixed asset is put into a ready-to-use state.

Costs of purchasing, upgrading and renewing tangible fixed assets are recorded as an increase in the historical cost of tangible fixed assets; Maintenance and repair costs are accounted for in the income statement when incurred.

When tangible fixed assets are sold or liquidated, the gain or loss arising from the disposal of the asset (the difference between the proceeds from the sale of the asset and the residual value of the asset) is accounted for in the income statement.

Depreciation of tangible fixed assets is calculated using the straight-line depreciation method throughout the estimated useful life of the fixed asset as follows:

Houses, architectural objects	5 – 50 years
Management equipment and tools	3 – 8 years

Means of transport	6 – 10 years
Other tangible fixed assets	4 – 15 years

❖ **Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are recorded at cost less accumulated depreciation.

The historical cost of an intangible fixed asset is all the costs that the Bank must spend to acquire the intangible fixed asset up to the time the intangible fixed asset is put into use as planned.

The costs of upgrading and renewing intangible fixed assets are recorded as an increase in the historical cost of the intangible fixed assets and other costs are accounted for in the income statement when incurred.

When intangible fixed assets are sold or liquidated, the gain or loss arising from the disposal of the asset (the difference between the net proceeds from the sale of the asset and the carrying amount of the asset) is accounted for in the income statement.

Depreciation of intangible fixed assets is calculated using the straight-line depreciation method over the estimated useful life of the fixed asset as follows:

Computer software	3 – 15 years

Land use rights of the Bank that are allocated by the State for an indefinite period are not depreciated. Land use rights with a limited term are depreciated over the period of use.

❖ **Changes in depreciation policy: None.**

2.1.3.Average salary

The average income of VIETBANK employees in the period of 2024 - the first 6 months of 2026 is specifically as follows:

Table 46: Average income of VIETBANK 46

	2024	2025	June 2026
Average income (million VND/person/month)	21.76	22.74	23.30

Source: Consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026 of VIETBANK

As of June 30, 2026, the average income of VIETBANK employees reached about 23.30 million VND/person/month. The average salary of VIETBANK's employees is relatively competitive compared to the average salary of other businesses in the same industry and in the same area. This income level reflects a reasonable personnel cost policy, consistent with the Bank's current scale of operations. VIETBANK focuses on work efficiency, streamlining the apparatus and optimizing resources in the context of the banking industry's strong shift toward digitalization and risk management. With a focus on digitalization, process improvement and operational network restructuring, VIETBANK expects to significantly improve labor productivity and average income in the next stages.

The average income of some banks of the same scale in the last two years is listed in the table

below:

Table 47: Average income of other banks in the last 2 years47

Bank	Charter Capital until December 31, 2025 (billion VND)	2024 (million VND/person/month)	2025 (million VND/person/month)
Ban Viet Commercial Joint Stock Bank	6,408	21.9	24.7
Viet A Commercial Joint Stock Bank	8,163	20.2	22.9
Bac A Commercial Joint Stock Bank	10,032	25.2	23.6

Source: Audited separate financial statements for 2024 and 2025 of banks

2.1.4.Debt situation

VIETBANK makes full and timely payments of receivables and payables and ensures compliance with legal regulations. Details of accounts receivable and payable are as follows:

Table 48: Debt situation - Consolidation48

Unit: Million VND

Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Total Receivables	**131,736,354**	**158,722,450**	**169,945,429**
Deposits at other credit institutions	34,021,200	50,914,898	46,516,724
Loans to other credit institutions	1,900,000	600,000	250,000
Loans to customers	93,637,036	105,235,063	119,949,248
Provision for customer loan losses	-1,143,962	-1,462,645	-1,548,549
Accounts receivable	617,707	474,713	607,403
Interest and fees receivable	2,560,595	2,738,336	3,880,337
Other assets	157,326	236,086	306,532
Risk provisions for assets	-13,548	-14,001	-16,266
Total liabilities	**154,154,279**	**184,339,466**	**191,670,884**
Government and SBV debts	222,891	4,415,355	5,224,151
Deposits and loans from other credit institutions	38,416,167	51,633,361	50,298,957
Customer deposits	94,841,470	101,449,573	103,892,733
Issuing valuable papers	17,678,260	23,645,110	28,254,940
Other debts	2,995,491	3,196,067	4,000,103

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

According to the Consolidated Financial Statements, Total receivables as of December 31, 2025 is VND 158,722 billion, an increase of 20.48% compared to 2024, of which:

- Accounting for the highest proportion is Customer loans (including Provisions) as of December 31, 2025, which is 103,772 billion VND, accounting for 65.38% of total receivables, an increase of 12.19% compared to 2024.
- Deposits and loans to other credit institutions account for 32.46% of VIETBANK's total receivables as of December 31, 2025, accounting for the second highest proportion, growing by 43.41% compared to 2024.
- The remaining receivables account for a low proportion, accounting for 2.16% of total receivables.

Total liabilities as of December 31, 2025 are VND 184,339 billion, an increase of 19.58% compared to 2024, of which:

- Customer deposits reached VND 101,449 billion, accounting for 55.03% of liabilities, an increase of 6.97% compared to 2024.
- Deposits and loans from other credit institutions are at VND 51,633 billion, accounting for 28.01% of total liabilities, an increase of 34.41% compared to 2024.
- Issuing valuable papers reached VND 23,645 billion, accounting for 12.83% of total liabilities, an increase of 33.75% compared to 2024.
- Other debts and debts to the Government and the State Bank of Vietnam only account for 4.13% of total liabilities.

As of June 30, 2026, total receivables reached 169,945 billion VND, an increase of 7.07% compared to the end of 2025, mainly due to customer loans reaching 119,949 billion VND (+13.98%), accounting for 70.58% of total receivables. Provisions for customer loan losses continued to be set aside at an appropriate level, with the provision to loan balance ratio slightly reduced to 1.29%. Regarding liabilities, customer deposits increased by 2.41%, valuable papers issued increased by 19.50%, contributing to meeting the need for credit expansion. Total liabilities reached VND 191,671 billion, an increase of 3.98% compared to the end of 2025, reflecting the trend of expanding the scale of operations.

VIETBANK always pays the interest and principal of due debts in full and on time. Up to now, VIETBANK has no overdue debt.

Table 49: Debt situation – Separated49

Unit: Million VND

Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Total Receivables	**131,736,327**	**158,713,441**	**169,938,199**
Deposits at other credit institutions	34,021,200	50,914,898	46,516,724
Loans to other credit institutions	1,900,000	600,000	250,000
Loans to customers	93,637,036	105,235,063	119,949,248
Provision for customer loan risks	-1,143,962	-1,462,645	-1,548,549

Target	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Accounts receivable	617,690	465,557	597,793
Interest and fees receivable	2,560,595	2,738,336	3,880,337
Other Assets	157,316	235,780	306,194
Other risk provisions	-13,548	-13,548	-13,548
Total liabilities	**154,158,378**	**184,535,705**	**191,887,684**
Government and SBV debts	222,891	4,415,355	5,224,151
Deposits and loans from other credit institutions	38,416,167	51,633,361	50,298,957
Customer deposits	94,845,677	101,645,857	104,114,529
Issuing valuable papers	17,678,260	23,645,110	28,254,940
Other debts	2,995,383	3,196,022	3,995,107

Source: Separate audited financial statements for 2024, 2025 and separate semi-annual reviewed financial statements for 2026

According to individual financial statements, total receivables as of December 31, 2025 is VND 158,713 billion, an increase of 20.48% compared to 2024, of which:

- Accounting for the highest proportion is Customer loans (including Provisions) as of December 31, 2025, which is 103,772 billion VND, accounting for 65.38% of total receivables, an increase of 12.19% compared to 2024.
- Deposits and loans to other credit institutions account for 32.46% of VIETBANK's receivables as of December 31, 2025, accounting for the second highest proportion, growing by 43.41% compared to 2024.
- The remaining receivables account for a low proportion, accounting for 2.16% of total receivables.

Total liabilities as of December 31, 2025 are VND 184,536 billion, an increase of 19.71% compared to 2024, of which:

- Customer deposits reached 101,646 billion VND, accounting for 55.08% of total liabilities, an increase of 7.17% compared to 2024.
- Deposits and loans from other credit institutions are at VND 51,633 billion, accounting for 27.98% of total liabilities, an increase of 34.41% compared to 2024.
- Issuing valuable papers reached VND 23,645 billion, accounting for 12.81% of total liabilities, an increase of 33.75% compared to 2024.
- Other debts and debts to the Government and SBV only account for 4.12% of total liabilities

As of June 30, 2026, the data in the separate financial statements did not differ significantly from the consolidated report. As of June 30, 2026, total receivables according to the 2026 semi-annual reviewed separate financial report reached 169,938 billion VND, an increase of 7.07%

compared to the end of 2025. Outstanding customer loans reached 119,949 billion VND, an increase of 13.98%, reflecting continued credit growth momentum. Provision for customer loan losses was set aside at VND 1,549 billion, equivalent to 1.29% of total outstanding loans, down from the end of the previous year (1.39%). Deposits at credit institutions and loans to other credit institutions reached VND 46,767 billion and VND 250 billion, respectively, continuing to contribute to the scale of profitable assets. Total liabilities reached 191,888 billion VND, an increase of 3.98%, mainly due to increased customer deposits (+2.43%) and issuance of valuable papers (+19.50%). Other indicators such as interest, fees receivable and accounts receivable also recorded increases, showing the expansion of business activities and increased income accumulation.

VIETBANK always pays the interest and principal of due debts in full and on time. Up to now, VIETBANK has no overdue debt.

2.1.5.Amounts payable according to law

VIETBANK strictly implements the State's tax policies as well as policies related to employees and always fully fulfills all obligations to pay to the state budget. Details of statutory payables on December 31, 2024, December 31, 2025 and June 30, 2026 are as follows:

Table 50: Details of statutory payables – Consolidated50

Unit: Million VND

No	Taxes	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Corporate income tax	60,661	209,458	161,927
2	Value added tax	1,448	2,251	4,781
3	Personal income tax	7,946	10,028	10,354
Total		**70,055**	**221,737**	**177,062**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 51: Details of statutory payables – Separated51

Unit: Million VND

No	Taxes	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Corporate income tax	60,661	208,411	158,338
2	Value added tax	1,136	1,983	2,238
3	Personal income tax	7,708	9,724	10,199
Total		**69,505**	**220,118**	**170,775**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

2.1.6.Appropriation of funds according to law

The Issuer always makes appropriations for funds in accordance with current legal regulations

and the Bank's Charter. Reserve funds are used by VIETBANK for specific purposes and are deducted from the Bank's after-tax profits based on the prescribed ratios in the following order:

- Reserve fund to supplement Charter Capital: 10% of profit after tax (According to Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15), maximum not exceeding VIETBANK's Charter Capital.
- Financial reserve fund: 10% of profit after tax.
- Bonus fund and welfare fund are deducted according to the decision of the General Meeting of Shareholders;
- Other reserve funds: deducted according to current regulations and decisions of the General Meeting of Shareholders.

Table 52: Appropriation of funds of the Bank - Consolidated52

Unit: Million VND

No	Types of funds	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Financial reserve fund	419,427	527,818	527,818
2	Reserve fund to supplement Charter Capital	256,558	129,998	129,998
Total		**675,985**	**657,816**	**657,816**

Source: Audited consolidated financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed consolidated financial statements for 2026

Table 53: Appropriation of funds of the Bank - Separated53

Unit: Million VND

TT	Types of funds	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Financial reserve fund	419,427	527,818	527.818
2	Reserve fund to supplement Charter Capital	256,558	129,998	129.998
Total		**675,985**	**657,816**	**657,816**

Source: Audited separate financial statements for 2024, 2025 and semi-annual reviewed separate financial statements for 2026

2.1.7.Major fluctuations may affect the financial situation of the Issuer from the end of the most recent fiscal year (December 31, 2025)

The Issuer has not experienced major changes that could affect its financial situation since the end of the most recent fiscal year.

2.2. Main financial indicators

Table 54: Some key financial indicators – Consolidation54

Unit: Million VND

Content	Unit of calculation	Year 2024	Year 2025
1. Capital criteria			
Charter Capital	million VND	7,139,413	10,768,974
Own capital	million VND	13,600,279	17,744,187
Capital adequacy ratio (*)	%	11.73%	13.42%
2. Asset quality criteria			
Overdue debt ratio (*)	%	2.42%	2.38%
Bad debt ratio (*)	%	1.86%	1.76%
(Balance of loans and advances to customers + loans to other credit institutions)/Total assets	%	58.66%	53.79%
Earning assets/Total assets on balance sheet	%	97.63%	96.48%
3. Liquidity criteria			
Ratio of average highly liquid assets/Average total assets	%	14.47%	15.21%
Ratio of short-term capital used for medium and long-term loans (*)	%	18.24%	18.54%
Outstanding loans/Total deposits ratio (LDR)	%	64.29%	57.81%
4. Targets on business performance results			
Profit before tax/Average equity ratio	%	14.51%	14.49%
Ratio Profit before tax/Average total assets	%	0.75%	0.85%
Net Interest Margin (NIM)	%	1.92%	1.91%
ROA coefficient	%	0.60%	0.67%
ROE ratio	%	11.55%	11.45%
Earnings per share (EPS)	VND/share	1.381	1.589
Service income/Total income	%	6.62%	7.24%
Net income from service activities/Profit before tax	%	12.09%	10.48%

Source: VIETBANK

Table 55: Some key financial indicators – Separated55

Content	Unit of calculation	Year 2024	Year 2025
1. Capital criteria			
Charter Capital	million VND	7,139,413	10,768,974
Own capital	million VND	13,600,279	17,738,939
Capital adequacy ratio (*)	%	11.74%	13.39%
2. Asset quality criteria			
Overdue debt ratio (*)	%	2.42%	2.38%
Bad debt ratio (*)	%	1.86%	1.76%
(Balance of loans and advances to customers + loans to other credit institutions)/Total assets	%	58.66%	53.73%
Earning assets/Total assets on balance sheet	%	97.63%	96.38%
3. Solvency criteria			
Ratio of average highly liquid assets/Average total assets	%	14.47%	15.21%
Ratio of short-term capital used for medium and long-term loans (*)	%	18.25%	18.54%
Ratio of outstanding loans/Total deposits	%	64.29%	57.81%
4. Targets on business performance results			
Profit before tax/Average equity ratio	%	14.51%	14.44%
Ratio Profit before tax/Average total assets	%	0.75%	0.85%
Net Interest Margin (NIM)	%	1.92%	1.90%
ROA coefficient	%	0.60%	0.67%
ROE ratio	%	11.55%	11.40%
Earnings per share (EPS)	VND/share	1,381	1,582
Service income/Total income	%	6.63%	7.27%
Net income from service activities/Profit before tax	%	11.58%	9.98%

Source: VIETBANK

(*) Note:

1. Capital adequacy ratio (CAR) target is applied by Vietbank according to the provisions of Circular No. 41/2016/TT_NHNN regulating capital adequacy ratio for banks, foreign bank branches and amending and supplementing documents.

2. Overdue debt ratio and bad debt ratio criteria are applied by Vietbank according to the provisions of Circular No. 31/2024/TT-NHNN dated June 30, 2024 regulating the classification of assets in the activities of commercial banks, non-bank credit institutions, foreign bank branches and amending and supplementing documents.

3. Target Ratio of short-term capital used for medium and long-term loans is applied by Vietbank according to the provisions of Circular No. 22/2019/TT-NHNN dated November 15, 2019 stipulating limits and ratios to ensure safety in the operations of banks and foreign bank branches and amending and supplementing documents.

VIETBANK's capital adequacy level is maintained at a level that meets the regulations of the State Bank of Vietnam. The minimum capital adequacy ratio (CAR) at the end of 2024 and 2025 is 11.73% and 13.42%, respectively.

VIETBANK's asset quality and bad debt ratio are controlled. As of December 31, 2024 and December 31, 2025, VIETBANK's bad debt ratio is 1.86% and 1.76%, respectively. The ratio of profitable assets reaches 96.38% of total assets on the balance sheet as of December 31, 2025.

The average ratio of highly liquid assets to the average total assets of VIETBANK at the end of 2024 and 2025 is 14.47% and 15.21%, respectively, showing that the Bank maintains the proportion of highly liquid assets at a relatively good level. The ratio of short-term capital for medium and long-term loans is controlled by VIETBANK below 30% according to regulations (as of December 31, 2025, it is 18.54%). In general, the Bank's liquidity is maintained within the limits prescribed by the State Bank of Vietnam.

VIETBANK's profitability is still quite modest, ROA in 2024 and 2025 reached 0.60% and 0.67%, respectively. In 2025, VIETBANK's ROE reached 11.45%, down slightly compared to 11.55% in 2024.

- ❖ Other indicators (to clarify the financial situation of the Issuer in the last two years): None.
- ❖ Opinion of independent audit organization: None

3. Opinion of the Auditing Organization on the Financial Statements of the Issuing Organization

❖ **Opinion of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on VIETBANK's 2024 separate financial statements**

In our opinion, the separate financial statements present fairly, in all material respects, the separate financial position of the Bank as at December 31, 2024, as well as the separate results of operations and separate cash flows for the fiscal year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Credit Institutions Accounting System and legal regulations related to the preparation and present separate financial statements.

❖ **Opinion of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on VIETBANK's 2024 Consolidated Financial Statements**

In our opinion, the consolidated financial statements fairly and honestly reflect, in all material respects, the consolidated financial position of the Bank and its subsidiaries as at December 31, 2024, as well as the consolidated results of operations and consolidated cash flows for the fiscal year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Credit Institutions Accounting System and regulations legal aspects related to the preparation and presentation of consolidated financial statements.

❖ **Opinion of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on Vietbank's separate 2025 financial statements**

In our opinion, the separate financial statements present fairly, in all material respects, the

separate financial position of the Bank as at December 31, 2025, as well as the separate results of operations and separate cash flows for the fiscal year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Credit Institutions Accounting System and legal regulations related to the preparation and present separate financial statements.

❖ **Opinion of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on Vietbank's consolidated 2025 financial statements**

In our opinion, the consolidated financial statements fairly and honestly reflect, in all material respects, the consolidated financial position of the Bank and its subsidiaries as at December 31, 2025, as well as the consolidated results of operations and consolidated cash flows for the fiscal year ended on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Credit Institutions Accounting System and applicable regulations. legal regulations related to the preparation and presentation of consolidated financial statements.

❖ **Opinion of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on Vietbank's separate 2026 semi-annual financial report**

Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying interim separate financial statements do not present fairly, in all material respects, the interim separate financial position of the Bank as at June 30, 2026, and the interim separate results of operations and interim separate cash flows for the six-month accounting period then ended, in accordance with the results of our review. in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Accounting System of Vietnamese credit institutions and legal regulations related to the preparation and presentation of interim separate financial statements.

❖ **Opinion of Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. on Vietbank's consolidated 2026 semi-annual financial report**

Based on our review, we have found nothing that causes us to believe that the accompanying interim consolidated financial statements do not present fairly, in all material respects, the consolidated financial position of the Bank and its subsidiaries as at June 30, 2026, as well as the consolidated results of operations and consolidated cash flows for the accounting period. six months ending on the same date, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Credit Institutions Accounting System and legal regulations related to the preparation and presentation of interim consolidated financial statements.

4. Revenue, profit, dividend plan

Table 56: Revenue and profit plan for 202656

Target	Year 2025	Year 2026	
	Implementation	Plan	% increase/decrease compared to 2025
Total operating income (Million VND)	3,622,552	4,965,756	37.08%
Profit after tax (Million VND)	1,209,590	1,680,000	38.89%

Target	Year 2025	Year 2026	
	Implementation	Plan	% increase/decrease compared to 2025
Profit after tax/Total operating income ratio (NST/TOI)	33.39%	33.83%	1.32%
Profit after tax/Average equity ratio	11.45%	>=13.5%	>=17.9%
Dividend rate	15.00% (*)	10.00% (**)	-

Source: VIETBANK

Notes:

(*) Issuing shares to increase share capital from equity capital of the fiscal year 2024 from equity sources and implemented in 2025.

(**) Issuing shares to increase share capital from equity capital of the fiscal year 2025 from equity sources and implemented in 2026.

❖ **The competent authority approves the 2026 revenue, profit and dividend plan**

The 2026 Annual General Meeting of Shareholders approved the 2026 business plan in resolution No. 01/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026.

❖ **Basis for achieving the above revenue, profit and dividend plans**

- VIETBANK continues to operate in a sustainable safety direction and ensure safety indicators according to regulations;
- Continue to complete organizational restructuring, business model, retail-oriented mobilization and lending portfolio structure, strict cost management and improved efficiency;
- VIETBANK focuses on developing and expanding the digital banking ecosystem, improving and enhancing financial indicators;
- VIETBANK focuses on increasing capital and growing business according to the Restructuring Project roadmap;
- VIETBANK strengthens control of asset quality and balance sheet profitability; promote debt handling and collection; Improve and enhance the quality of operating processes and business support processes;
- Strengthen risk control and cybersecurity in business and management activities, ensuring compliance with Basel II regulations; Develop a management team and build a professional working environment;
- Strictly comply with the State Bank of Vietnam's guiding decisions on monetary, credit and foreign exchange policy solutions.

❖ **Evaluation of the consulting organization on revenue, profit and dividend plans**

As a financial consulting organization, MB Securities Joint Stock Company has collected information, researched, analyzed and evaluated the business activities of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank as well as the business field in which the Issuer is operating.

We see that the business activities of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank are

stable and have development potential. The Issuer's revenue and profit plan is made on the basis of forecasts about the macro economy, the banking industry in general and forecasts of potential risks, as well as the current status and business prospects of the Issuer in particular. Based on the positive business results that the Issuer has achieved as well as the current positive financial situation, it can be said that the business plan, revenue/income and profit that VIETBANK has proposed in the coming years are feasible if there are no unusual fluctuations affecting the bank's operations.

We would also like to note that the above comments are made from the perspective of an assessment by a professional consulting organization, based on information selectively provided by the Issuer and based on theory of securities finance without implying a guarantee of the value of the securities or the certainty of the Bank's forecast figures. This comment is for investors' reference only. Potential investors need to consider carefully when making their own decisions to invest in VIETBANK shares.

VI. INFORMATION ABOUT FOUNDING SHAREHOLDERS, MAJOR SHAREHOLDERS, MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, INSPECTOR, GENERAL DIRECTOR, DEPUTY GENERAL DIRECTOR, CHIEF ACCOUNTANT

1. Information about founding shareholders

According to the provisions of Clause 3, Article 120 of Enterprise Law No. 59/2020/QH14:

"Within 03 years from the date the company is granted the Business Registration Certificate, common shares of founding shareholders are freely transferable to other founding shareholders and can only be transferred to people who are not founding shareholders if approved by the General Meeting of Shareholders."

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank was granted Business Registration Certificate No. 2200269805 by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now the Department of Finance of Can Tho City) for the first time on January 12, 2007. Up to now, all shares of VIETBANK's founding shareholders have expired.

2. Information about major shareholders

As of June 30, 2026, VIETBANK has no major shareholders.

3. Information about members of the Board of Directors, Controllers, General Director, Deputy General Director, Chief Accountant

3.1. Board of Directors

Table 57: List of members of the Board of Directors of VIETBANK57

No	Name	Position
1	Mr. Duong Nhat Nguyen	Chairman of the Board of Directors
2	Mr. Nguyen Huu Trung	Vice Chairman of the Board of Directors and independent

		member of the Board of Directors
3	Ms. Luong Thi Huong Giang	Member of the Board of Directors
4	Ms. Quach To Dung	Member of the Board of Directors
5	Ms. Le Thi Xuan Lan	Member of the Board of Directors

Source: VIETBANK

3.1.1. Mr. Duong Nhat Nguyen – Chairman of the Board of Directors

Full name: **Duong Nhat Nguyen**

Year of birth: 1983

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Master of Business Administration

Work process:

Time	Place of work – Position
10/2008 - 08/2009	Investment Director - Hoa Lam Investment and Development Joint Stock Company
09/2009 - 10/2011	MBA Student, Devry University and Keller Graduate, San Jose, CA, USA
11/2011 - 01/2013	Chairman of the Board of Members and Director, Hoa Lam Pharmaceutical Company Limited
02/2013 - 05/2016	Deputy General Director of VIETBANK
05/2016 - 05/2016	Member of the Board of Directors and Deputy General Director of VIETBANK
05/2016 - 08/2017	Vice Chairman of the Board of Directors and Deputy General Director of VIETBANK
08/2017 – 04/2021	Vice Chairman of the Board of Directors of VIETBANK
04/2021 – present	Chairman of the Board of Directors for the term 2021 - 2025 of VIETBANK

Positions held and held at the Issuing Organization: Chairman of the Board of Directors

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026):

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 56,821,517 shares, 4.8% of Charter Capital
- Number and ownership ratio of related people 117,942,577 shares, 9.95% Charter Capital

Information, quantity, share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK as of July 31, 2026:

No	Full name	Relationship	Position held at VIETBANK	Number of shares	Holding rate
1	DUONG NGOC HOA	Father	No	34,379,664	2.90
2	TRAN THI LAM	Mom	No	20,086,349	1.70
3	DUONG BAO ANH	You	No	12,846,226	1.08
4	DUONG MAI ANH	You	No	15,920,784	1.34
5	DUONG NHAT KHOI	Child	No	34,709,554	2.93

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Mr. Duong Nhat Nguyen and related people as of June 30, 2026:
None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Mr. Duong Nhat Nguyen's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	13,500	13,556	6,889
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 309,703,060 VND.

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.1.2. Mr. Nguyen Huu Trung - Vice Chairman of the Board of Directors and independent member

Full name: **Nguyen Huu Trung**

Year of birth: 1951

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Master of Business Administration

Work process:

Time	Place of work – Position
08/1975 - 01/1984	Branch Manager, CEO Bank of Montreal, Canada
02/1984 - 08/2008	Executive Vice President Caisse Centrale Desjardin, Canada
09/2008 - 01/2009	Retirement according to regime
02/2009 - 04/2015	Advisor to the Board of Directors of Mekong Delta Housing Development Trading Joint Stock Company
06/2011 - 04/2013	Financial Advisor, Company of the Canadian International Development Agency (CIDA)
05/2016 - 06/2020	Managing Director of Consulting Division of IDG International Data Group
15/10/2021 – 13/08/2023	Vice Chairman of the Board of Directors and independent member of the Board of Directors at VIETBANK and Acting General Director at VIETBANK
26/04/2021 - present	Vice Chairman of the Board of Directors and independent member of the Board of Directors at VIETBANK

Positions held and held at the Issuing Organization: Vice Chairman of the Board of Directors and independent member of the Board of Directors

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Mr. Nguyen Huu Trung and related persons as of June 30, 2026:

None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Mr. Nguyen Huu Trung's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	4,083	8,222	5,889
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 54,937,874 VND

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.1.3. Ms. Luong Thi Huong Giang – Member of the Board of Directors

Full name: **Luong Thi Huong Giang**

Year of birth: 1976

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Work process:

Time	Place of work – Position
09/1998 - 01/2016	Head of Accounting Department, Branch Director of Hoa Lam Investment and Development Joint Stock Company
02/2016 - 08/2016	Chief representative of Berjaya Gia Thinh Technical Investment Joint Stock Company

09/2016 - 04/2021	Deputy Director of Marketing Communications, Deputy Northern Regional Office of VIETBANK
04/2021 – 30/8/2023	Member of the Board of Directors of VIETBANK concurrently holds the position of Deputy Head of the Northern Regional Office of VIETBANK.
01/9/2023 - present	Member of the Board of Directors of VIETBANK

Positions held and held at the Issuing Organization: Member of the Board of Directors of VIETBANK

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 10,815,750 shares, 0.91% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 10,815,750 shares, 0.91% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Ms. Luong Thi Huong Giang and related people as of June 30, 2026: None.
+ Remuneration, salary and other benefits: Ms. Luong Thi Huong Giang's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	842	849	460
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: None

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.1.4. Ms. Quach To Dung – Member of the Board of Directors

Full name:	**Quach To Dung**
Year of birth:	1957
Nationality:	Vietnam
Education level:	12/12
Professional qualifications:	Bachelor of Economic and Financial Management; Bachelor of Business Administration; Bachelor of Politics

Work process:

Time	Place of work – Position
05/1975 - 05/1978	Officer - Women's Union District 11, Ho Chi Minh City
06/1978 - 05/1988	Vice Chairman, Chairman, Secretary of Ward 4 - People's Committee of Ward 4, District 11, Ho Chi Minh City
06/1988 - 05/1994	Member of Standing Committee of District 11 Party Committee - People's Committee of Ward 6, District 11, Ho Chi Minh City
06/1994 - 12/1999	Member of the Standing Committee of the District Party Committee, Vice Chairman of the People's Committee of District 11 - People's Committee 11, Ho Chi Minh City
01/2000 - 12/2012	Standing Deputy Director - Department of Industry, later Ho Chi Minh City Department of Industry and Trade
01/2013 - 03/2018	Retirement according to regime
02/2020 - 04/2020	Chairman of Board of Members - Nguyen Khang Real Estate Company Limited
04/2018 – 06/2025	Chairman of the Board of Members - City International Hospital Company Limited
01/2020-05/2024	Chairman of the Board of Members - Vu Quang Dung Company Limited
01/2020 – 17/06/2026	Chairman of the Board of Members - Sy Phat Company Limited

05/2020 - present	Member of the Board of Directors – Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Positions held and held at the Issuing Organization: Member of the Board of Directors of VIETBANK

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank related persons and Ms. Quach To Dung and related persons as of June 30, 2026: None.
+ Remuneration, salary and other benefits: Ms. Quach To Dung's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	911	933	533
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 31,079,852 VND

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.1.5. Ms. Le Thi Xuan Lan

Full name: **Le Thi Xuan Lan**

Year of birth: 1961

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Work process:

Time	Place of work – Position
03/1979 - 06/1983	Accounting of Jackie Chan Production Team
07/1983 - 11/1987	Chairman of Thanh Long Cooperative
12/1987 - 01/1996	Chief Accountant of Dai Hong Phat Company
02/1996 - 12/1999	Chief Accountant of Dai Dong Nguyen Company
01/2000 - 12/2010	Chief Accountant of Hoa Lam Investment and Development Joint Stock Company
01/2011 - 07/2014	Financial Management of Bar Lacing Production Facility
08/2014 - 06/2015	Chief Accountant of Cho Dui Trading Service Company Limited
06/2015 - 10/2015	Member of VIETBANK Supervisory Board
10/2015 - 04/2021	Head of VIETBANK Supervisory Board
04/2021 - present	Member of the Board of Directors for the term 2021 - 2025 of Vietbank

Positions held and held at the Issuing Organization: Member of the Board of Directors

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank related persons and Ms. Le Thi Xuan Lan and related persons as of June 30, 2026: None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Ms. Le Thi Xuan Lan's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	744	778	444
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 1,116,800 VND.

- Relevant interests at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None

3.2. Supervisory Board

Table 58: List of members of VIETBANK Supervisory Board58

No	Name	Position
1	Mr. Hua Ngoc Nghia	Head of the Supervisory Board
2	Ms. Nguyen Do Xuan Dung	Full-time member
3	Mr. Mac Huu Danh	Full-time member

Source: VIETBANK

3.2.1. Mr. Hua Ngoc Nghia – Head of the Supervisory Board

Full name: **Hua Ngoc Nghia**

Year of birth: 1980

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Work process:

Time	Place of work – Position
11/2002 - 01/2008	Staff, specialists - Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

02/2008 – 11/2009	Deputy Head of Internal Control Inspection Department of Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
12/2009 - 04/2011	Deputy Internal Auditor of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
04/2011 - 06/2012	Deputy Internal Auditor of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
06/2012 - 06/2018	Deputy Internal Auditor of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
07/2018 - 04/2020	Quit your job
05/2020 – 04/2021	Member of the Supervisory Board - Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
04/2021 – present	Head of Supervisory Board - Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Positions held and held at the Issuing Organization: Head of the Supervisory Board

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between persons related to Vietbank and Mr. Hua Ngoc Nghia and related persons as of June 30, 2026:

None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Mr. Hua Ngoc Nghia's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	743	930	569

Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: None

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.2.2. Ms. Nguyen Do Xuan Dung – Member of the Supervisory Board

Full name: **Nguyen Do Xuan Dung**

Year of birth: 1987

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Bachelor of Economics

Work process:

Time	Place of work – Position
2011 - 2015	Internal Auditor - Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
2015 – present	Member of the Supervisory Board - Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Positions held and held at the Issuing Organization: Member of the Supervisory Board

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Related benefits for the Bank:

  + Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Persons related to Vietbank and Ms. Nguyen Do Xuan Dung and related persons as of June 30, 2026: None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Ms. Nguyen Do Xuan Dung's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	381	404	236
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 506,535,077 VND

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.2.3. Mr. Mac Huu Danh – Member of the Supervisory Board

Full name:	**Mac Huu Danh**
Year of birth:	1969
Nationality:	Vietnam
Education level:	12/12
Professional qualifications:	Bachelor of Banking University

Work process:

Time	Place of work – Position
1991 - 1995	Deputy Department of Foreign Affairs - Bank for Investment and Development of Vietnam, Ho Chi Minh Branch
1995 - 2005	Head of Payment & Transfer Department – Deutsche Bank, Ho Chi Minh Branch
2005 - 2006	Deputy General Director – Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
2006 - 2013	Deputy General Director – Saigon Thuong Tin Bank Securities Joint Stock Company
2013 - 2017	Member of the Supervisory Board - Hong Leong Bank Vietnam Limited
2019 - 2020	Deputy of Internal Audit Department - Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

05/2020 - present	Member of the Supervisory Board - Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Positions held and held at the Issuing Organization: Member of the Supervisory Board

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between persons related to Vietbank and Mr. Mac Huu Danh and related persons as of June 30, 2026:

  None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Mr. Mac Huu Danh's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	937	987	569
Salary (million VND):	0	0	0
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: None.

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.3. Board of General Directors

Table 59: List of members of VIETBANK's Board of General Directors59

No	Name	Position
1	Mr. Pham Linh	Deputy General Director in charge of operations

No	Name	Position
2	Ms. Tran Thi Ngoc Ly	Deputy General Director
3	Mr. Gorski JR Chester Edward	Deputy General Director
4	Ms. Nguyen Thi Thuy Minh	Chief Accountant

Source: VIETBANK

3.3.1.Mr. Pham Linh - Deputy General Director in charge of operations

Full name: **Pham Linh**

Year of birth: 1974

Nationality: Vietnam

Education level: 12/12

Professional qualifications: Doctor of Business Administration

Work process:

Time	Place of work – Position
03/1996 - 02/2003	Head of Credit Management - United Overseas Bank (Vietnam)
03/2003 – 07/2007	Sales Director – Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
08/2007 – 12/2008	Deputy General Director - Vietnam International Securities Joint Stock Company
12/2008 – 02/2011	General Director - Vietnam International Securities Joint Stock Company
03/2011- 05/2014	Deputy General Director – Orient Commercial Joint Stock Bank
06/2014 – 01/2025	Deputy General Director – Viet A Commercial Joint Stock Bank
01/2025 – 6/2026	Deputy General Director – Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
7/2026 - present	Deputy General Director in charge of operations – Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Positions held and held at the Issuing Organization: Deputy General Director in charge of operations

Positions held and held at other organizations:	None
Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026):	0 shares, 0% Charter Capital
- Owner representative:	0 shares, 0% Charter Capital
- Individual owns:	0 shares, 0% Charter Capital
Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK:	None

- Related benefits for the Bank:

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Mr. Pham Linh and related people as of June 30, 2026: None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Mr. Pham Linh's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	0	0	0
Salary (million VND):	0	7,955	2,425
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 19,006,381 VND

- Relevant interests at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None

3.3.2.Ms. Tran Thi Ngoc Ly - Deputy General Director

Full name:	**Tran Thi Ngoc Ly**
Year of birth:	1971
Nationality:	Vietnam
Education level:	12/12
Professional qualifications:	Master of Economics
Work process:	

Time	Place of work – Position
02/2026 - present	Deputy General Director – Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank)
01/2026 - 02/2026	Director of Human Resources Department, Vietbank
03/2025 - 12/2025	Director of Human Resources Division, Vietbank
05/2024 - 02/2025	Director of Wealth Management Department - ShinhanBank Vietnam
02/2020 - 04/2024	Human Resources Director of SmartCredit Division - ShinhanBank Vietnam
01/2018 - 01/2020	Head of Human Resources Department, Mass Customer Division - OCB
10/2015 - 12/2017	Deputy Director of Human Resources - HDBank
01/2013 - 01/2015	Head of Human Resources Department - MHB
01/2006 - 12/2012	Deputy Head, Head of Industrial Management & Technology Development Department - MHB
01/1998 - 12/2005	Auditor, Advance Fund Control, Deputy Head of Accounting Department, Director of Transaction Office, Director of Branch - MHB

Positions held and held at the Issuing Organization: Deputy General Director

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: None

- Related benefits for the Bank:
  + Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Ms. Tran Thi Ngoc Ly and related people as of June 30, 2026:

None.

+ Remuneration, salary and other benefits: Ms. Tran Thi Ngoc Ly's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026
Remuneration (million VND):	0	0	0
Salary (million VND):	0	0	1,087
Other benefits (million VND):	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 4,111,895 VND

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

3.3.3. Mr. Gorski JR Chester Edward

Full name:	**Gorski JR Chester Edward**
Year of birth:	1965
Nationality:	United States
Education level:	12/12
Professional qualifications:	Master
Work process:	

Time	Place of work – Position
18/09/2026 - present	Deputy General Director – Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank)
11/2024 – 08/2026	Independent consultant
02/2016 – 12/2023	Techcombank (Vietnam) with the position of Senior Advisor - Transformation Director, Managing Director - Chief Technology and Operations Officer (CTOO).
09/2010 – 02/2016	Vice President – Financial Operations, Operational Excellence - ANTHEM (USA).
04/2008 – 09/2010	WELLS FARGO – Consumer Lending Education Finance (USA) with the position of Senior Vice President – Corporate Officer, Senior Vice President – Chief Operating Officer (Senior Vice President – Chief Operating Officer)
12/2006 – 04/2008	Vice President – Strategy, AON CORPORATION (USA).
03/2003 – 04/2006	Vice President – Technology, SALLIE MAE (USA).
08/2000 – 12/2002	Associate Principal, MCKINSEY & COMPANY (USA).
09/1996 – 08/2000	Implementation Project Leader in strategy, operations and technology, A.T. KEARNEY (USA).
1991 – 09/1996	Management Consulting Services, PRICE WA-TERHOUSE (USA).

Positions held and held at the Issuing Organization: Deputy General Director

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: None

- Related benefits for the Bank: None

  + Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Mr. Gorski JR Chester Edward and related people as of June 30, 2026: None.
  + Remuneration, salary and other benefits: Remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 of Mr. Gorski JR Chester Edward are as follows: None.

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: None.

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

(*) Mr. Gorski JR Chester Edward was appointed as Deputy General Director from September 18, 2026 according to Decision No. 207/2026/QD-HĐQT dated September 18, 2026 of the Board of Directors.

3.3.4.Ms. Nguyen Thi Thuy Minh Chief Accountant

Full name:	**Nguyen Thi Thuy Minh**
Year of birth:	1979
Nationality:	Vietnam
Education level:	12/12
Professional qualifications:	University of Accounting

Work process:

Time	Place of work – Position
10/2002 – 05/2019	Working at OCB, positions: + September 2014 – May 2019: Chief Accountant – Head Office + June 2012 - September 2014: Head of Accounting Department - Head Office + July 2008 - June 2012: Deputy Finance and Accounting Department - Head Office + December 2007 - June 2008: Deputy Head Office Accounting Department - Head Office + September 2007 – December 2007: Accounting Specialist - Head Office + 07/2006 – 09/2007: Controller - Head office

	+ August 2005 - June 2006: Head of Accounting Department - Khanh Hoa Branch + October 2004 – July 2005: Head of Accounting Department – Bac Lieu Branch + October 2003 - September 2004: Deputy Accounting Department - Tay Do Branch + October 2002 – September 2003: Credit Officer, Accounting Officer - Head Office
06/2020 – 04/2025	Head of Supervisory Board - OCB
03/6/2025 – 27/6/2025	Head of Accounting Department - VIETBANK Finance Division
28/6/2025 – 01/2026	Chief Accountant and Head of Accounting Department - VIETBANK Finance Division
01/2026 – present	Chief Accountant and Director of General Accounting Department - Finance Division of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Positions held and held at the Issuing Organization: Chief Accountant

Positions held and held at other organizations: None

Number and ratio of stock ownership at VIETBANK (as of July 31, 2026): 0 shares, 0.00% Charter Capital

- Owner representative: 0 shares, 0.00% Charter Capital
- Individual owns: 0 shares, 0.00% Charter Capital

Number and share ownership ratio of related people who are also shareholders and insiders of VIETBANK: None

- Related benefits for the Bank: None

+ Information on ongoing or signed and unrealized contracts and transactions between Vietbank and Ms. Nguyen Thi Thuy Minh and related people as of June 30, 2026: None.
+ Remuneration, salary and other benefits: Ms. Nguyen Thi Thuy Minh's remuneration, salary and other benefits from 2024 to 6 months 2026 are as follows:

	2024	2025	June 2026

Remuneration (million VND)	0	0	0
Salary (million VND)	0	867	955
Other benefits (million VND)	0	0	0

- Debts to the Bank as of June 30, 2026: 9,896,436 VND

- Relevant benefits at other businesses operating in the same field as VIETBANK or being major customers/suppliers of VIETBANK: None.

[The rest of this page is intentionally left blank]

VII. INFORMATION ON THE OFFERING

1. Share type

Ordinary shares.

2. Par value of shares: VND 10,000/share.

The par value of the offered shares is 10,000 VND/share.

3. Total number of shares offered

The total number of shares offered is 296,146,651 shares.

4. Total value of shares offered at par value

Total value of shares offered at par value is 2,961,466,510,000 VND.

5. Expected offering price

Offering additional shares to existing shareholders by way of exercising rights: 10,000 VND/share.

6. Pricing method

❖ **Pricing method**

- Book value as of December 31, 2025 (based on the audited 2025 consolidated financial statements): 11,544 VND/share.
- The average stock trading price in the session on August 10, 2026 is 13,145 VND/share

❖ **Determine the asking price**

Based on VIETBANK's development strategy and capital needs, and to encourage shareholders to stick with and contribute to VIETBANK's development, the Board of Directors submitted and received the 2026 Annual General Meeting of Shareholders' approval of the offering price for existing shareholders of 10,000 VND/share.

7. Distribution method

- Additional shares are offered to existing shareholders by exercising rights with a ratio of 100:25 (shareholders owning 1 share corresponds to 1 right, 100 rights can buy 25 new shares). The offering is not underwritten.
- The specific time for closing the list of shareholders with the right to buy additional shares will be announced by VIETBANK to all shareholders within 07 working days from the effective date of the Certificate of registration for additional public offering.
- Rounding principle: For fractional shares (if any) arising when shareholders exercise their rights, to ensure that the number of shares issued does not exceed the number offered, the number of shares purchased by shareholders will be rounded down to the unit.

  The number of shares issued is calculated as an integer, the decimal part will not be rounded to 01 share.

Example: Shareholder A owns 279 shares on the listing closing date. Shareholder A will receive: 279 rights to buy new shares. When exercising the right to buy at the ratio of 100:25, shareholder A will be able to buy 69.75 new shares. However, according to the rounding principle, shareholders are only entitled to buy 69 new shares.

- Method for handling remaining undistributed shares:
  - The remaining undistributed shares ("Remaining Shares") include:
    + Number of shares that the shareholder did not exercise the right to buy in full or only partially exercised the right to buy or did not pay the purchase price within the prescribed time limit;
    + The number of odd shares arises due to rounding down when calculating shares purchased by existing shareholders.
    + The difference in number of shares arising between the total number of shares expected to be issued and the total number of shares actually issued with the exercise ratio of 100:25 (if any);
  - Based on the authorization of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors will consider and decide to end the offering or continue to offer the remaining Shares to other investors at an offering price of 10,000 VND/share, equal to the offering price to existing shareholders.
  - In case of further offering of the remaining Shares to other investors, the selection of investors, distribution and disposal of the remaining undistributed Shares shall be carried out according to the decision of the Board of Directors and relevant legal regulations, specifically as follows:
    + The Board of Directors approved the criteria for selecting investors to offer the remaining undistributed shares as follows:
      - Domestic organizations and individuals expressed interest, desire and financial capacity to invest in VBB shares;
      - Investors have the ability to contribute to the development of VIETBANK;
      - Investors do not have business activities that affect the interests of VIETBANK.
    + The remaining Shares mentioned above when offered for sale to other subjects according to the decision of the Board of Directors will be restricted from transfer within 01 year from the date of completion of the offering.
    + The distribution of the remaining Shares to other investors must meet the conditions under the Enterprise Law 2020, Securities Law 2019, Decree No. 155/2020/ND-CP and related legal regulations, including but not limited to the following conditions:
      - Comply with the provisions of Clause 2, Article 195 of the Law on Enterprises 2020: "Subsidiary companies are not allowed to invest in buying shares or contribute capital to the parent company. Subsidiaries of the same parent company are not allowed to simultaneously contribute capital or buy shares to

cross-own each other.".

- Ensuring the offering conditions specified in Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP issued by the Government on December 31, 2020 on detailed regulations and implementation of a number of articles of the Securities Law.

8. Share purchase registration

- Deadline for registering to buy shares:

  The time to register to buy shares will depend on the time of stock distribution. VIETBANK will announce the specific registration time in the Issuance Notice and ensure the registration period for investors to buy securities is at least 20 (twenty) days in accordance with regulations.

- Number of shares registered to buy:

  Is the number of shares that existing shareholders are entitled to buy according to the ratio or/and the number of shares from receiving transfer of purchase rights or/and the number of unsold shares that the Board of Directors decides to further distribute.

- Registration method:

  - For registered shareholders: Shareholders carry out procedures to register to buy shares through the securities company where the shareholder opens a securities trading account.

  - For non-custodial shareholders: Shareholders carry out procedures to register to buy shares at Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank during office hours from Monday to Friday.

  - Address: VIETBANK Board of Directors Office, 11th Floor, Lim II Building, No. 62A Cach Mang Thang 8, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
  - Phone: 0862 918 100 (5511)

- Payment and stock transfer methods:

  Payment method

  Within at least 20 days from the effective date of the purchase right, shareholders on the List of purchase right owners will register to exercise the right to purchase shares and pay money according to the prescribed purchase rate. Shareholders deposit/transfer money to buy shares into the blocked account (details of the blocked account are in section VII.12 below).

  Transfer of shares:

  After VIETBANK completes the offering and completes the securities registration change; Additional issued shares will be allocated by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation to the securities accounts of shareholders who have deposited securities; Shareholders who have not yet deposited securities will receive a certificate of ownership of additional shares issued at VIETBANK Headquarters, or information about the number of new shares will be added to the issued Share Ownership Certificate.

- Benefits of stock buyers:

  Additional shares issued to existing shareholders are common shares, with no transfer restrictions.

- Minimum number of shares to order:

  There is no limit to the minimum number of shares ordered.

- Handling method in case the number of shares registered to buy does not reach the minimum level (if any):

  None.

- Rounding principle: For fractional shares (if any) arising when shareholders exercise their rights, to ensure that the number of shares issued does not exceed the number offered, the number of shares purchased by shareholders will be rounded down to the unit.

- Time limit and method of returning stock subscription money in case the number of shares registered to buy does not reach the minimum level:

  The minimum successful offering rate of the offering is: Not applicable because the issuer offers to existing shareholders according to ownership ratio. Therefore, there is no case where the number of registered shares does not reach the minimum level, VIETBANK does not have to return money to investors who have exercised the right to buy according to the list of allocation of rights to buy VBB shares issued on the last registration date to exercise the right to buy additional shares issued to existing shareholders provided by VSDC.

  In case the investor pays more than the amount to exercise the right to buy according to the list of allocation of rights to buy additional shares issued to existing shareholders provided by VSDC, VIETBANK will return the excess payment after the end of the offering, VIETBANK reports the issuance results to the State Securities Commission and the State Securities Commission notifies in writing of having received the Report on the results of the offering of VIETBANK.

9. Estimated schedule for share distribution

- The distribution of additional shares is expected to be conducted within 90 days from the effective date of the Certificate of registration for additional public offering. The expected issuance time is in 2026. The stock distribution schedule is as follows:

TT	Job content	Time
1	Effective date of the Certificate of registration for additional public offering of shares issued by the State Securities Commission	D
2	Announce the release notice on 01 electronic newspaper or print newspaper in 03 consecutive issues as prescribed in Clause 3, Article 25 of the Securities Law and disclose information on the	D to D+7

TT	Job content	Time
	electronic information pages of VIETBANK, HOSE, and State Securities Commission. Announcing the official Prospectus on MBS's website.	
3	Announcing information about the final registration date to close the list to exercise the right to buy additional shares issued on the website of the issuing organization, HOSE; Send dossier Notifying the final registration date to finalize the list to exercise the right to buy additional issued shares to Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation	D+1 to D+3
4	Ex-rights date	D+12
5	Last registration date to close the list to exercise the right to buy additional issued shares	D+13
6	Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation provides a List of allocation of rights to buy additional issued shares	D+13 to D+15
7	Existing shareholders transfer the right to buy	D+19 to D+34
8	Existing shareholders register to exercise their right to buy and pay money to buy additional shares	D+19 to D+39
9	Summary of the exercise of purchasing rights of existing shareholders Prepare a report to submit to the Board of Directors so that the Board of Directors can decide how to handle the remaining undistributed shares.	D+39 to D+49
10	Handling remaining undistributed shares after existing shareholders exercise their right to buy	D+49 to D+62
11	Report the results of the offering to the State Securities Commission	D+64 to D+74
12	Carrying out additional securities registration at VSDC, additional listing registration at HOSE, transferring shares to investors	D+72 to D+92

10. Method of exercising rights (in case of offering preferential shares):

- VIETBANK's offering is a common stock offering and not a preferred stock offering.

11. Restrictions related to the transfer of shares

- Shareholders have the right to transfer the right to buy their shares but can only transfer it once.
- The number of shares issued to existing shareholders are common shares with no transfer restrictions from the date of distribution.
- The remaining undistributed shares after offering to existing shareholders include:
  - Number of shares that the shareholder did not exercise the right to buy in full or only partially exercised the right to buy or did not pay the purchase price within the prescribed time limit;
  - The number of odd shares arises due to rounding down when calculating shares purchased by existing shareholders.
  - The difference in number of shares arising between the total number of shares expected to be issued and the total number of shares actually issued with the exercise ratio of 100:25 (if any);
- The remaining undistributed shares mentioned above when offered for sale to other subjects according to the decision of the Board of Directors will be restricted from transfer within 01 year from the date of completion of the offering.

12. Blocked account for receiving subscription payments for shares

All proceeds from the issuance will be transferred to the blocked account as follows:

- Bank Name: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh Branch
- Account No: 134000000959
- Account holder: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

13. Opinions of competent authorities on the increase in Charter Capital of the Issuer

- Document No. 4677/NHNN-QLGS dated June 2, 2026 of the State Bank of Vietnam, accordingly, the Governor of the State Bank of Vietnam approved VIETBANK to increase its maximum Charter Capital by 4,778,732,130,000 VND, of which the capital increase was through the form of up to VND 2,961,467,800,000 through issuance to existing shareholders according to the Plan to increase Charter Capital approved by the General Meeting of Shareholders of VIETBANK in Resolution No. 01/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026 and the Board of Directors of VIETBANK in Resolution No. 86/2026/NQ-HĐQT dated May 13, 2026.

14. Cancellation of the offering

The proceeds from the offering are not used to implement the project and are offered to existing shareholders, so they are not subject to cancellation of the offering when the minimum offering success rate of 70% is not guaranteed.

15. Measures to ensure compliance with foreign ownership regulations

The Board of Directors has approved a plan to ensure that the issuance of shares meets the regulations on foreign ownership ratio as prescribed in Clause 2, Article 12 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law as follows:

Pursuant to Official Dispatch No. 2294/UBCK-PTTT dated May 25, 2021 of the State Securities Commission, the maximum foreign ownership ratio at Vietbank is 30%.

- Based on the List of shareholders dated July 31, 2026 provided by VSDC to VIETBANK, the foreign ownership ratio at VIETBANK is 0.02%. To ensure the issuance of shares meets regulations on foreign ownership ratio, accordingly:
- Existing shareholders are only allowed to transfer their right to buy shares to domestic organizations and individuals.
- The remaining shares, if further distributed, will only be distributed to domestic organizations and individuals.

16. Relevant taxes

For individual investors

- Income from securities transfer:

The tax rate on income from securities transfer is 0.1% on the selling price of securities each time as prescribed in Clause 10, Article 2 of Decree No. 12/2015/ND-CP dated February 12, 2015 of the Government detailing the implementation of the law amending and supplementing a number of articles of Tax Laws and amending and supplementing a number of articles of Tax Decrees (which have been amended and supplemented). each period).

- Dividend income:

Also according to Circular No. 111/2013/TT-BTC (amended and supplemented from time to time), personal income from dividends is also considered taxable income with a full tax rate of 5%. In case the investor receives dividends in cash, personal income tax is calculated by multiplying each dividend payment by the tax rate of 5%. In case of receiving dividends in shares or bonus shares, the investor does not have to pay tax when receiving the shares, but when transferring these shares, the investor must pay personal income tax on income from capital investment and income from securities transfer according to the provisions of Point d, Clause 2, Article 11 of Circular 111/2013/TT-BTC.

For institutional investors

- Income from securities transfer:

Income from capital transfer and securities transfer is other income subject to the Corporate Income tax rate of 20%.

17. Information about commitments

VIETBANK commits to registering additional securities at VSDC, registering additional listing of shares on HOSE, ensuring compliance with the regulations that the Issuer must complete the additional listing registration documents within 30 days from the end of the public offering of additional shares.

18. Information about other securities offered and issued in the same offering

None.

[The rest of this page is intentionally left blank]

VIII. PURPOSE OF OFFERING

In Resolution No. 01/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026, VIETBANK's 2026 Annual General Meeting of Shareholders approved the policy of increasing Charter Capital to:

- Invest in fixed assets, information technology systems;
- Supplement business capital, developing and expanding the Bank's operational network;
- Ensure compliance with safety ratios in operations and profitability for the Bank's business activities.

The above purpose of using capital is to be used from the total expected increase in Charter Capital of 4,778,732.13 million VND, including: 1,076,897.38 million VND from the issuance of shares from equity sources; 2,961,467.8 million VND from the public offering of shares to existing shareholders; and VND 740,366.95 million from the issuance of shares under the employee selection program in 2026.

The General Meeting of Shareholders also authorized the Board of Directors to adjust and supplement the plan for using capital obtained from the offering to ensure compliance with legal regulations, in accordance with the actual situation and optimize the efficiency of capital use. Based on the above authorization content, in Resolution No. 165/2026/NQ-HĐQT dated August 12, 2026, the Board of Directors approved a plan to use the proceeds from the public offering of shares to supplement business capital, serving the credit granting needs to increase the scale of the Bank's operating capital to meet the business growth target in 2026 and the following years. Other goals according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders (such as investing in fixed assets, developing information technology systems, expanding operating networks) will be implemented from other available capital sources of the Bank, without directly using the proceeds from the stock offering to existing shareholders.

Therefore, all proceeds from the public offering of shares to existing shareholders are expected to be used for the purpose of supplementing business capital, serving the credit granting needs to increase the scale of the Bank's operating capital to meet the business growth target in 2026 and the following years, in accordance with the law on credit institutions.

IX. PLAN FOR USING THE PROCEEDS FROM THE OFFERING

The Board of Directors approved the plan to use the proceeds from the public offering of shares in Resolution No. 165/2026/NQ-HĐQT dated August 12, 2026.

The entire capital increase from issuing shares to existing shareholders in 2026 of VND 2,961,466,510,000 is expected to be used for the purpose of supplementing business capital, serving credit granting needs to increase the scale of the Bank's operating capital to meet the business growth target in 2026 and the following years, in accordance with the legal regulations on credit institutions.

The expected proceeds from the offering will be used for the following purposes:

TT	Content	Value (VND)	Expected disbursement time
	Supplementing business capital		Quarter IV/2026 to 2027
1	Lending to individual customers	1,011,466,510,000	
2	Lending to SME corporate customers	850,000,000,000	
3	Lending to large corporate customers	1,100,000,000,000	
	Total	**2,961,466,510,000**	

In case the amount of money collected from the plan to offer additional shares to existing shareholders is not enough to use for all of the above purposes, the order of purposes will be in the descending order of priority mentioned above, specifically as follows:

Priority 1: Lending to individual customers;

Priority 2: Lending to SME corporate customers;

Priority 3: Lending to large corporate customers.

In the event that at the end of the stock offering period to existing shareholders according to regulations, VIETBANK does not offer all the shares as registered, the proceeds from the offering are not enough as expected, depending on the actual situation, the Board of Directors implements the following solutions:

- Apply for the extension of the offering period to continue offering all remaining shares to ensure compliance with the provisions of law;
- In addition, if the expected mobilization amount of the offering is not collected, VIETBANK will use other capital sources in accordance with the provisions of law and VIETBANK's internal regulations to implement the set plans.

The General Meeting of Shareholders has authorized the Board of Directors to completely amend and supplement the Offering Plan, according to which the Board of Directors decides to adjust the allocation of proceeds from the offering for the purposes of using approved capital and/or change the purpose of using capital obtained from the offering to suit the actual situation, ensuring compliance with the law and will report to the nearest General Meeting of Shareholders on related adjustments. to the plan for using this capital.

[The rest of this page is intentionally left blank]

X. Partners involved in the offering

1. Partners involved in the offering

Consulting organization

MB Securities Joint Stock Company
Address: Area 1, Floor 7-8, MB Building, No. 21 Cat Linh, O Cho Dua Ward, Hanoi City
Phone: 024 7304 5688
Website: www.mbs.com.vn

Audit organization

The 2024 and 2025 financial statements and the 2026 semi-annual financial statements are audited/reviewed by:
Ernst & Young Vietnam Company Limited
Address: 28th Floor, Bitexco Financial Center, No. 2, Hai Trieu Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City
Phone: (028) 3824 5252 Fax: (028) 3824 5250
Website: https://www.ey.com/

2. Opinion of the advisory organization on the public offering

As the Consulting Organization, We have participated in preparing this Prospectus together with the Issuer. Accordingly, We would like to note that the content presented includes and is not limited to data, information, images, statistics... within the scope of this document provided by the Issuer itself and We do not conduct any inventory, assessment, review, verification, or traceability procedures, nor have we verified the accuracy, truthfulness, comprehensiveness, completeness, or certainty of such information and data.

The contents presented in this Prospectus are for general information only for investors to know and read for reference. We recommend that investors learn, evaluate, and analyze investment opportunities and risks on their own and make investment decisions in accordance with each investor's investment risk appetite, investment strategy, and financial plan at each time.

This Prospectus and other documents of the offering of the Issuer and the opinions of the Consulting Organization are not analytical documents and investment recommendations and do not imply, in one way or another, or in one form or another, to provide guidance or imply investment recommendations and also do not guarantee the value of securities at any time.

Investors need to analyze, evaluate, learn and make their own investment decisions in accordance with their purposes, risk appetite, and investment strategy.

3. Opinions of experts on the offering

None.

XI. OTHER IMPORTANT INFORMATION THAT MAY INFLUENCE INVESTORS' DECISIONS

None.

XII. DATE, SIGNATURE AND SEALS OF THE REPRESENTATIVES OF THE ISSUER (CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS, CHIEF EXECUTIVE OFFICER, CHIEF ACCOUNTANT) AND OF THE ADVISORY ORGANIZATION

Can Tho City, September 24, 2026

REPRESENTATIVE OF THE ISSUER
VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Signed and sealed)

Duong Nhat Nguyen

DEPUTY GENERAL DIRECTOR IN CHARGE OF OPERATIONS	**CHIEF ACCOUNTANT**
(Signed)	(Signed)
Pham Linh	**Nguyen Thi Thuy Minh**

Hanoi, September 24, 2026

REPRESENTATIVE OF THE CONSULTING ORGANIZATION
MB Securities Joint Stock Company
ACTING DIRECTOR OF INVESTMENT BANKING SERVICES DIVISION

(Signed and sealed)

Le Thi Thu Hien

XIII.APPENDIX

1. Enterprise Registration Certificate No. 2200269805 of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province (now the Department of Finance of Can Tho City), initially issued on January 12, 2007, changed for the 28th time on August 28, 2023.
2. Establishment and operation license No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to VIETBANK; Decision No. 1691/QD-NHNN dated July 22, 2026 amending the content of Charter Capital; Decision No. 57/QD-QLGS5 dated June 26, 2026 supplementing operational content.
3. Charter of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank in 2026.
4. Resolution No. 01/2026/NQ-DHĐCD dated April 24, 2026 of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders approving the plan to increase Vietbank's Charter Capital in 2026 (attached to the Proposal to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders dated April 21, 2026 on approving the plan to increase Vietbank's Charter Capital in 2026 2026 and Minutes of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2026/BBH-DHĐCD dated April 24, 2026).
5. Resolution No. 86/2026/NQ-HĐQT dated May 13, 2026 of the Board of Directors on implementing the plan to increase Vietbank's Charter Capital in 2026.
6. Resolution No. 87/2026/NQ-HĐQT dated May 13, 2026 of the Board of Directors on approving the proposal of the Office of the Board of Directors on the plan to increase Vietbank's Charter Capital in 2026.
7. Resolution No. 165/2026/NQ-HĐQT dated August 12, 2026 of the Board of Directors on approving the implementation of the plan for the public offering of shares.
8. Consolidated and separate audited financial statements for 2024 and 2025; Semi-annual reviewed consolidated and separate financial statements for 2026.
9. Report on the use of capital obtained from issuing shares to the public to existing shareholders according to Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2025/NQ-DHDCD dated April 26, 2025 for the period from December 31, 2025 to March 31, 2026.
10. Report on the use of capital obtained from the third public bond issuance in 2022.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH SÓC TRĂNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 2200269805

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 28, ngày 28 tháng 08 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên công ty viết tắt: VIETBANK

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam

Điện thoại: *(0299) 3621454* Fax: *(0299) 3621858*

Email: *vietbank@vietbank.com.vn* Website: *www.vietbank.com.vn*

3. Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 477.682.669

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN TUẤN ANH Giới tính: *Nữ*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *27/03/1976* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038176004794*

Ngày cấp: *26/12/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *D35 Nam Long, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *D35 Nam Long, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Thanh Liêm

DEPARTMENT OF PLANNING AND INVESTMENT SOC TRANG PROVINCE

Division of Business Registration

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

o0o

CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION OF JOINT STOCK COMPANY

Business Code: 2200269805

The first registration on Jan 12, 2007

The 28th change on Aug 28, 2023

1. **Company's name:**

   Name in Vietnamese: NGAN HANG THUONG MAI CO PHAN VIET NAM THUONG TIN

   Name in foreign language: VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

   Abb. Name:

2. **Head Office: No 47, Tran Hung Dao, Ward 3, Soc Trang City, Soc Trang Province, Vietnam**

   Tel: (0299) 3621454 Fax: (0299) 3621858

   Email: vietbank@vietbank.com.vn Website: www.vietbank.com.vn

3. **Chartered capital: 4,776,826,690,000 VND**

   In words: Four thousand seven hundred seventy six billion eight hundred twenty six million six hundred ninety thousand VND

   Nominal value of share: 10,000 VND

   Total shares: 477,682,669

4. **The Company's Representative according to law:**

   Full name: **TRAN TUAN ANH** Sex: Female

   Position: General Director

   Date of birth: Mar 27, 1976 Race: Kinh Nationality: Vietnamese

   Personal Identity paper: ID Card

   No 038176004794 issued on Dec 26, 2021 by Police Department for Administrative Management of Social Order

   Permanent residence: D35 Nam Long, Phu Thuan Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam

   Current address: D35 Nam Long, Phu Thuan Ward, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam

FOR HEAD OF DIVISION

DEPUTY HEAD

Signed and stamped

Tran Thi Thanh Liem

Lời chứng chứng thực chữ ký người dịch / *Certification of Translator's Signature*

I, Dao Thi Nha Khuyen, ID Card No. 079189002364, hereby undertake that I have accurately translated the content of this document from Vietnamese into English

Tôi, ĐÀO THỊ NHÃ KHUYÊN, Căn cước công dân số 079189002364, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Người dịch

Đào Thị Nhã Khuyên

Date: Mar 09, 2026

(In words: The ninth day of Mar in year of two thousand twenty six)

At Public Administration Service Center of the People's Committee of Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

I, Do Thi Thuy Nga, am the Deputy Director of the Public Administration Service Center of the People's Committee of Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Hereby Certifies

Mr./Ms. DAO THI NHA KHUYEN is the person who signed every page of this translation. The Certifier has compared the signature of the translator on the translation and found it consistent with the specimen signature of the translation collaborator registered at the People's Committee of Cau Ong Lanh Ward.

This is made into ..... original copies (each original copy consists of ..... sheets, ... pages), with 01 (one) original copy retained at People's Committee of Cau Ong Lanh Ward

Cert. No: .....Book No 03/2026-SCT/CKND

Ngày 09 tháng 03 năm 2026

(Bằng chữ: Ngày chín tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tôi, Đỗ Thị Thúy Nga, là Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Chứng thực

Ông/bà ĐÀO THỊ NHÃ KHUYÊN là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh.

Văn bản chứng thực này được lập thành ...6..... bản gốc (mỗi bản gốc gồm ....3.. tờ, ...3. trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh.

Số chứng thực: 010283 quyển số 03/2026-SCT/CKND

TUQ. CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH

Đỗ Thị Thúy Nga

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2023*

GIẤY PHÉP

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 40/2011/TT-NHNN ngày 15 tháng 12 năm 2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cấp Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam (đã được sửa đổi, bổ sung);

Xét Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép hoạt động số 91/2022/CV-HĐQT ngày 07/12/2022 và hồ sơ kèm theo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đổi Giấy phép thành lập và hoạt động cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietbank.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 Tòa nhà số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là 4.776.826.690.000 đồng (Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là 50 năm kể từ ngày 15/12/2006.

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước.

3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.

5. Mở tài khoản:

a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.

8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.

10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.

11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.

12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

19. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

20. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần nông thôn Phú Tâm; Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2441/QĐ-NHNN ngày 28/10/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận đề nghị mở rộng nội dung và địa bàn hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2499/QĐ-NHNN ngày 18/11/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2699/QĐ-NHNN ngày 22/12/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2126/QĐ-NHNN ngày 10/10/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2283/QĐ-NHNN ngày 30/10/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung

Giấy phép của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 2114/QĐ-NHNN ngày 10/10/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; Quyết định số 1495/QĐ-NHNN ngày 20/9/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng số 55/GP-NHNN ngày 01/9/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Điều 7. Giấy phép cấp đổi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín; một (01) bản để đăng ký kinh doanh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng, một bản lưu tại hồ sơ cấp đổi Giấy phép Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín)./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Ban Lãnh đạo NHNN (để b/c);
- UBND tỉnh Sóc Trăng (để p/h);
- Sở Giao dịch (để p/h);
- Bộ Công an (để p/h);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để p/h);
- Lưu: VP, TTGSNH2.

BĐVINH (03b).

KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

STATE BANK OF VIETNAM	SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
No.: 05/GP-NHNN	Independence – Freedom – Happiness.

Hanoi, February 24, 2023

ESTABLISHMENT AND OPERATION LICENSE OF COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

THE GOVERNOR OF THE STATE BANK OF VIETNAM

Pursuant to the Law on the State Bank of Vietnam dated June 16, 2010;

Pursuant to the Law on Credit Institutions dated June 16, 2010 and the Law amending and supplementing certain provisions of the Law on Credit Institutions dated November 20, 2017;

Pursuant to Decree No. 102/2022/ND-CP dated December 12, 2022 of the Government defining the functions, tasks, powers, and organizational structure of the State Bank of Vietnam;

Pursuant to Circular No. 40/2011/TT-NHNN dated December 15, 2011 of the Governor of the State Bank of Vietnam regulating the licensing of commercial banks, foreign bank branches, representative offices of foreign credit institutions and other foreign organizations engaged in banking activities in Vietnam (as amended and supplemented);

Considering the request for reissuance of the Operation License No. 91/2022/CV-HDQT dated December 07, 2022 and the accompanying dossier of Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank;

At the proposal of the Chief Banking Inspector.

HEREBY DECIDES:

Article 1. To reissue the Establishment and Operation License to Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank as follows:

1. Bank names:

- Full name in Vietnamese: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.
- Abbreviated name in Vietnamese: Ngân hàng Việt Nam Thương Tín.
- Full name in English: Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
- Abbreviated name in English: Vietbank.

2. Head office address: 2nd Floor, Building No. 47 Tran Hung Dao, Ward 3, Soc Trang City, Soc Trang Province.

Article 2. The charter capital of Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is 4,776,826,690,000 VND (Four trillion, seven hundred seventy-six billion, eight hundred twenty-six million, six hundred ninety thousand Vietnamese Dong).

Article 3. The operation term of Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is 50 years starting from Dec 15, 2006.

Article 4. Operational activities:

Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is permitted to perform the activities of a commercial joint stock bank in accordance with the provisions of law and of the State Bank of Vietnam, including the following activities:

1. Receiving demand deposits, term deposits, savings deposits, and other types of deposits.

2. Granting credit in the following forms:

a) Loans;

b) Discount and rediscount of negotiable instruments and other valuable papers;

c) Bank guarantees;

d) Credit card issuance;

e) Domestic factoring.

3. Opening payment accounts for customers.

4. Providing domestic payment services:

a) Providing payment instruments;

b) Performing payment services: payment orders, payment warrants, direct debit, collection, letters of credit, authorized payment, and other collection and payment services.

5. Opening accounts:

a) Opening accounts at the State Bank of Vietnam;

b) Opening accounts at other credit institutions and foreign bank branches.

6. Internal settlement, participating in the national interbank payment system.

7. Cash management services, banking and financial consultancy; services for management, safekeeping of assets, and rental of safe deposit boxes and safes.

8. Corporate finance consultancy, M&A (merger and acquisition) consultancy, and investment consultancy.

9. Participating in bidding, buying and selling Treasury bills, negotiable instruments, Government bonds, State Bank bills, and other valuable papers on the money market.

10. Buying and selling Government bonds and corporate bonds.

11. Money brokerage services.

12. Issuing certificates of deposit, bills, notes, and bonds to mobilize capital in accordance with the Law on Credit Institutions, the Law on Securities, Government regulations, and guidance of the State Bank of Vietnam.

13. Borrowing capital from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing in accordance with the Law on the State Bank of Vietnam and guidance of the State Bank of Vietnam.

14. Borrowing, lending, depositing, and receiving deposits from credit institutions and foreign bank branches in accordance with law and guidance of the State Bank of Vietnam.

15. Capital contribution and share purchase in accordance with law and guidance of the State Bank of Vietnam.

16. Entrustment and acting as an agent in fields related to banking activities, insurance business, and asset management in accordance with law and guidance of the State Bank of Vietnam.

17. Trading and providing foreign exchange services in the domestic and international markets within the scope prescribed by the State Bank of Vietnam.

18. Trading gold bullion.

19. Investing in Government bond futures.

20. Other activities after obtaining approval from the State Bank of Vietnam.

Article 5. During its operations, Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank must comply with the laws of Vietnam.

Article 6. This License shall take effect since the signing date and in replace of the Decision No. 2391/QD-NHNN dated Dec 14, 2006 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the restoration of the operation of Phu Tam Rural Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2399/QD-NHNN dated Dec 15, 2006 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding issuing the Operational License to the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2441/QD-NHNN dated Oct 28, 2008 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the expansion of operational contents and areas of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2499/QD-NHNN dated Nov 18, 2011 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the amendment of the head office address of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2699/QD-NHNN dated Dec 22, 2011 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the supplementation of operational activities of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2126/QD-NHNN dated Oct 10, 2017 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the amendment of Establishment and Operation License of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2283/QD-NHNN dated Oct 30, 2017 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the amendment of the License of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 2114/QD-NHNN dated Oct 10, 2019 by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding the amendment of operational activities of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; Decision No. 1495/QD-NHNN dated Sep 20, 2021 by the

Governor of the State Bank of Vietnam regarding the amendment of charter capital basin on the Operational License of the Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

The License for gold bullion trading No. 55/GP-NHNN dated Sep 01, 2017 by the Governor of the State Bank of Vietnam issued to Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank shall continue to be valid.

Article 7. This License is granted in five (05) original copies: one (01) copy to Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank; one (01) copy for the business registration dossier; three (03) copies archived at the State Bank of Vietnam (one at the Banking Inspectorate and Supervision Agency, one at the State Bank of Vietnam - Soc Trang Branch, and one at the original dossier archive)./.

Recipient:
As specified in Article 7;
SBV Board of Management (for reporting);
People's Committee of Soc Trang Province (for coordination);
Operation Center (for coordination);
Ministry of Public Security (for coordination);
Ministry of Planning and Investment (for coordination);
Archives: VP, TTGSNH2.
BĐVINH (03b).

FOR THE GOVERNOR
DEPUTY GOVERNOR
(Signed and sealed)
Doan Thai Son

Lời chứng chứng thực chữ ký người dịch / *Certification of Translator's Signature*

I, Dao Thi Nha Khuyen, ID Card No. 079189002364, hereby undertake that I have accurately translated the content of this document from Vietnamese into English

Tôi, ĐÀO THỊ NHÃ KHUYÊN, Căn cước công dân số 079189002364, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Người dịch

Đào Thị Nhã Khuyên

Date: Mar 09, 2026

(In words: The ninth day of Mar in year of two thousand twenty six)

At Public Administration Service Center of the People's Committee of Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

I, Do Thi Thuy Nga, am the Deputy Director of the Public Administration Service Center of the People's Committee of Cau Ong Lanh Ward, Ho Chi Minh City

Hereby Certifies

Mr./Ms. DAO THI NHA KHUYEN is the person who signed every page of this translation. The Certifier has compared the signature of the translator on the translation and found it consistent with the specimen signature of the translation collaborator registered at the People's Committee of Cau Ong Lanh Ward.

This is made into ..... original copies (each original copy consists of ..... sheets, ... pages), with 01 (one) original copy retained at People's Committee of Cau Ong Lanh Ward

Cert. No: .....Book No 03/2026-SCT/CKND

Ngày 09 tháng 03 năm 2026

(Bằng chữ: Ngày chín tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm)

Tại Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tôi, Đỗ Thị Thúy Nga, là Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh, Tp. Hồ Chí Minh

Chứng thực

Ông/bà ĐÀO THỊ NHÃ KHUYÊN là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh.

Văn bản chứng thực này được lập thành ....6.... bản gốc (mỗi bản gốc gồm ..7.... tờ, ..9.... trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Ông Lãnh.

Số chứng thực: 0..1..0..2..8..7.... quyển số 03/2026-SCT/CKND

TUQ. CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG PHƯỜNG CẦU ÔNG LÃNH

Đỗ Thị Thúy Nga

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1691 /QĐ-NHNN	*Hà Nội, ngày 22 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín

NH TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 2925 ngày 23/7/2026
Giờ nhận: 11:45

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 50/2025/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2026/TT-NHNN;

Xét đề nghị của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại Văn bản số 2251/2026/CV-VB ngày 10 tháng 7 năm 2026 và hồ sơ, tài liệu kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi Điều 2 Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín như sau:

"**Điều 2.** Vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là 11.845.866.040.000 đồng (*Mười một nghìn tám trăm bốn mươi lăm tỷ tám trăm sáu mươi sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*)".

Điều 2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 và các quy định pháp luật có liên quan đối với nội dung sửa đổi nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Phạm Quang Dũng;
- Các đơn vị, Vụ, Cục: TTNH, ATHT, CSTT, TCKT, TD, SGD, DBTK;
- NHNN chi nhánh Khu vực 14;
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;
- Sở Tài chính thành phố Cần Thơ;
- Lưu: VP, QLGS5. NTD.LINH.

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Phạm Quang Dũng

STATE BANK OF VIETNAM

No.: 1691/QD-NHNN

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
Hanoi,22 July 2026

DECISION
On the Amendment to the Charter Capital Stated in the Establishment and Operation License of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

THE GOVERNOR OF THE STATE BANK OF VIETNAM

Pursuant to the Law on the State Bank of Vietnam No. 46/2010/QH12;

Pursuant to the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, as amended and supplemented by Law No. 96/2025/QH15;

Pursuant to Government Decree No. 26/2025/ND-CP defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the State Bank of Vietnam, as amended and supplemented by Decree No. 198/2026/ND-CP;

Pursuant to Circular No. 50/2025/TT-NHNN of the Governor of the State Bank of Vietnam prescribing the applications and procedures for approval of certain changes by commercial banks and foreign bank branches, as amended and supplemented by Circular No. 11/2026/TT-NHNN;

Having considered the proposal of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank in Official Letter No. 2251/2026/CV-VB dated July 10, 2026 and the enclosed application and supporting documents;

At the proposal of the Director General of the Department for Management and Supervision of Credit Institutions.

HEREBY DECIDES:

Article 1. Article 2 of Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam to Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank, is hereby amended as follows:

"**Article 2.** The charter capital of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is VND 11,845,866,040,000 (in words: Eleven trillion eight hundred forty-five billion eight hundred sixty-six million forty thousand Vietnamese dong)."

Article 2. Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank shall complete the procedures prescribed in Clause 4, Article 37 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, as amended and supplemented by Law No.

96/2025/QH15, and other relevant laws and regulations in respect of the amendment specified in Article 1 of this Decision.

Article 3. This Decision shall take effect from the date of signing and shall constitute an integral part of Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam to Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

Decision No. 179/QD-NHNN dated February 5, 2026 of the Governor of the State Bank of Vietnam on the amendment to the charter capital stated in the Establishment and Operation License of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank shall cease to be effective from the effective date of this Decision.

Article 4. The Chief of Office, the Director General of the Department for Management and Supervision of Credit Institutions, the Chairperson and members of the Board of Directors, the Head and members of the Supervisory Board, and the Chief Executive Officer of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank shall be responsible for the implementation of this Decision./.

Recipients:
- As stated in Article 4;
- Governor (for reporting);
- Deputy Governor Pham Quang Dung;
- Departments and Agencies: TTNH, ATHT, CSTT, TCKT, TD, SGD, DBTK;
- SBV Regional Branch No. 14;
- Deposit Insurance of Vietnam;
- Can Tho City Department of Finance;
- Filed at: Office, QLGS5. NTD.LINH.

FOR THE GOVERNOR
DEPUTY GOVERNOR
(Signed)

Pham Quang Dung

BẢN SAO

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
**CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

Số: 57 /QĐ-QLGS5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 34/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 66/2025/TT-NHNN và Thông tư số 11/2026/TT-NHNN;

Căn cứ Quyết định số 276/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng;

Xét đề nghị của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín tại Văn bản số 1223/2026/CV-VB ngày 28 tháng 4 năm 2026, số 1901/2026/CV-VB ngày 19 tháng 6 năm 2026, số 1960/2026/CV-VB ngày 24 tháng 6 năm 2026 và hồ sơ, tài liệu kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý, giám sát ngân hàng thương mại cổ phần 2.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung khoản 23 vào Điều 4 Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín như sau:

"23. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế:

a) Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT).

b) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

c) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard."

Điều 2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15 và các quy định pháp luật có liên quan đối với nội dung hoạt động được bổ sung nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24 tháng 02 năm 2023 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

Điều 4. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Quang Dũng (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Các đơn vị, Vụ, Cục: VP, TTNH, SGD, TT, CNTT, HTQT, QLNH, PCRT (để ph/h);
- NHNN chi nhánh Khu vực 14 (để ph/h);
- Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (để ph/h);
- Sở Tài chính TP. Cần Thơ (để ph/h);
- Lưu: VT, QLGS5. NTD.LDH.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Võ Duy Tín

CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT TỔ CHỨC TÍN DỤNG

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 026169 Quyển số: SCT/BS
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04-09-2026
CÔNG CHỨNG VIÊN

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRUNG TÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Thành Đạt

STATE BANK OF VIETNAM
DEPARTMENT OF CREDIT INSTITUTIONS MANAGEMENT AND SUPERVISION
No.: 57/QD-QLGS5

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hanoi, June 26, 2026

DECISION

Regarding the addition of business activities to the Establishment and Operation License of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

DIRECTOR OF THE DEPARTMENT OF CREDIT INSTITUTION MANAGEMENT AND SUPERVISION

Based on the Law on the State Bank of Vietnam No. 46/2010/QH12;

Based on the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, amended and supplemented by Law No. 96/2025/QH15;

Based on Government Decree No. 26/2025/ND-CP stipulating the functions, tasks, powers and organizational structure of the State Bank of Vietnam;

Based on Circular No. 34/2024/TT-NHNN of the Governor of the State Bank of Vietnam regulating the issuance of license renewals, the addition of business activities to licenses, and the organization and operation of commercial banks, branches of foreign banks, representative offices in Vietnam of foreign credit institutions, and other foreign organizations engaged in banking activities, as amended and supplemented by Circular No. 66/2025/TT-NHNN and Circular No. 11/2026/TT-NHNN;

Based on Decision No. 276/QD-NHNN dated February 24, 2025, of the Governor of the State Bank of Vietnam, stipulating the functions, tasks, powers, and organizational structure of the Department of Credit Institution Management and Supervision;

Considering the proposals of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank in Document No. 1223/2026/CV-VB dated April 28, 2026, No. 1901/2026/CV-VB dated June 19, 2026, No. 1960/2026/CV-VB dated June 24, 2026, and the accompanying documents;

As requested by the Head of the Department of Commercial Bank Management and Supervision 2.

HEREBY DECIDES:

Article 1. To supplement Clause 23 to Article 4 of the Establishment and Operation License No.05/GP-NHNN dated February 24, 2023, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam to Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank as follows:

"23. Participation in international payment systems:

a) The system of the Global Interbank Financial Telecommunication Association (SWIFT).
b) The international card payment system of the international card organization Visa.
c) The international card payment system of the international card organization MasterCard.

Article 2. Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is responsible for carrying out the procedures as prescribed in Clause 4, Article 37 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, amended and supplemented by Law No.96/2025/QH15 and the other relevant legal regulations regarding the additional activities mentioned in Article 1 of this Decision.

Article 3. This Decision shall take effect from the date of signing and is an integral part of the Establishment and Operation License No.05/GP-NHNN dated February 24, 2023, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam to Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

Article 4. The Chairman and members of the Board of Directors, the Head and members of the Supervisory Board, and the Chief of Executive Officer of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank shall be responsible for the implementation of this Decision.

Recipients:

- As per Article 4;
- Governor of the State Bank of Vietnam (for reporting);
- Deputy Governor Pham Quang Dung (for reporting);
- Director General (for reporting);
- Units, Departments, Bureaus: Office, Banking Center, Exchange, Information Technology, International Cooperation, Banking Management, Anti- Corruption Department (for coordination);
- State Bank of Vietnam Branch 14 (for coordination);
- Vietnam Deposit Insurance Corporation (for coordination);
- Can Tho City Department of Finance (for coordination);
Copies to: Documentary, QLGS5.NTD.LINH.

P.P DIRECTOR

VICE DIRECTOR

(Signed and sealed)

Vu Duy Tin

VIETBANK

VIETNAM COMMERCIAL BANK OF TRUST

CHARTER

OF THE VIETNAM COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

YEAR 2026

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION 5
CHAPTER I DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER 6
Article 1. Definitions 6
CHAPTER II BANK INFORMATION 8
Article 2. Name, address, operating period and information on founding shareholders of the Bank 8
CHAPTER III OBJECTIVES AND CONTENT OF ACTIVITIES 10
Article 3. Objectives, scope of business and activities of the Bank 10
Article 4. General regulations on the operation of the Bank 10
Article 5. Main activities 11
Article 6. Borrowing, depositing, buying and selling securities 11
Article 7. Opening Bank accounts 12
Article 8. Organizing and participating in the payment system 12
Article 9. Capital contribution and share purchase 12
Article 10. Foreign exchange trading, provision of foreign exchange services and derivative products 13
Article 11. Trust and agency operations, agency services 13
Article 12. Other business activities 13
Article 13. Real estate business 14
Article 14. Safety ratio 14
CHAPTER IV CHARTER CAPITAL AND OPERATING CAPITAL 14
Article 15. Charter Capital 14
Article 16. Changes to Charter Capital 15
Article 17. Operating Capital of the Bank 15
CHAPTER V SHARES, STOCK, SHAREHOLDERS 16
Article 18. Shares, Shareholders 16
Article 19. Share Ownership Limits 17
Article 20. Stock 17
Article 21. Offering and Transfer of Shares 18
Article 22. Repurchase of Shares 20
CHAPTER VI ORGANIZATIONAL STRUCTURE 21
Article 23. Organizational Structure 21
SECTION I SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 21
Article 24. Shareholder Register 21
Article 25. Rights of Shareholders 22

Article 26. Obligations of Shareholders 24
Article 27. General Meeting of Shareholders 25
Article 28. Extraordinary General Meeting of Shareholders 26
Article 29. Powers and Duties of the General Meeting of Shareholders 27
Article 30. Right to Attend the General Meeting of Shareholders 29
Article 31. Authorization to Attend the General Meeting of Shareholders 30
Article 32. Convening the General Meeting of Shareholders, Meeting Agenda and Notices 30
Article 33. Conditions, Procedures for Conducting Meetings, Voting at the Meeting and Minutes of the General Meeting of Shareholders 32
Article 34. Adoption of Decisions of the General Meeting of Shareholders through Written Opinions 35
Article 35. Annulment of Decisions of the General Meeting of Shareholders 37
SECTION II PROVISIONS GENERAL RULES OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, AND GENERAL MANAGER 37
Article 36. General Duties 37
Article 37. Cases where individuals are not allowed to hold a position 38
Article 38. Cases where individuals cannot simultaneously hold a position 38
Article 39. Automatic loss of membership in the Board of Directors, Supervisory Board, and General Manager 38
Article 40. Dismissal, removal from office, and resignation 38
Article 41. Suspension and temporary suspension of the position of the Board of Directors, Supervisory Board, and General Manager 38
SECTION III OBLIGATIONS OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, GENERAL MANAGER, AND OTHER EXECUTIVES 39
Article 42. Duty of Prudence of Members of the Board of Directors, Members of the Supervisory Board, the General Director and Other Executives 39
Article 43. Duty of Loyalty and Avoidance of Conflicts of Interest 39
Article 44. Duty of Disclosure of Related Interests 40
Article 45. Liability for Damages and Compensation 41
SECTION IV BOARD OF DIRECTORS 42
Article 46. Composition and Term of Office 42
Article 47. Powers and Duties of the Board of Directors 43
Article 48. Powers and Duties of the Chairman and Members of the Board of Directors 45
Article 49. Remuneration, Bonuses and Other Benefits of Members of the Board of Directors 46
Article 50. Replacement of Members of the Board of Directors 47

Article 51. Meetings of the Board of Directors 48
Article 52. Support Staff of the Board of Directors 49
Article 53. Person in charge of corporate governance, Secretary of the Board of Directors 49
SECTION V GENERAL DIRECTOR 49
Article 54. General Director 49
Article 55. Appointment, dismissal, and removal of the General Director 50
Article 56. Powers and duties of the General Director 51
Article 57. Remuneration, salary, and other benefits of the General Director 52
SECTION VI SUPERVISORY BOARD 52
Article 58. Composition and term of office 52
Article 59. Powers and duties of the Supervisory Board 53
Article 60. Rights and obligations of the Chairman and members of the Supervisory Board 55
Article 61. Remuneration and other benefits of members of the Supervisory Board 57
Article 62. Replacement of members of the Supervisory Board 57
Article 63. Meetings of the Supervisory Board 58
CHAPTER VII ORGANIZATIONAL STRUCTURE OF THE BANK 59
Article 64. Organizational Structure of the Bank 59
Article 65. Support Staff of the General Director 59
CHAPTER VIII RIGHT TO ACCESS BANK BOOKS AND RECORDS 59
Article 66. Right to access Bank books and records 59
CHAPTER IX LABOR AND TRADE UNIONS 60
Article 67. Employees and Trade Unions 60
CHAPTER X PROFIT DISTRIBUTION 60
Article 68. Dividends 60
CHAPTER XI INTERNAL CONTROL AND AUDIT SYSTEM INTERNAL ACCOUNTING 61
Article 69. Internal Control System 61
Article 70. Internal Audit 62
Article 71. Internal Auditor 63
Article 72. Responsibilities, Powers and Duties of the Internal Audit Committee 63
CHAPTER XII RESERVE FUND, FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING SYSTEM 64
Article 73. Financial Year 64
Article 74. Capital and Capital Utilization 64
Article 75. Establishment and Maintenance of Funds 65
Article 76. Financial Autonomy of the Bank 65

Article 77. Accounting System 65
CHAPTER XIII ANNUAL REPORTING, INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES, PUBLIC NOTIFICATIONS 65
Article 78. Reporting 65
Article 79. Annual Report, Bank Governance Report 66
CHAPTER XIV BANK AUDIT 66
Article 80. Auditing 66
CHAPTER XV EARLY INTERVENTION, SPECIAL CONTROL, TERMINATION OF OPERATIONS AND LIQUIDATION 67
Article 81. Application of early intervention 67
Article 82. Reporting and special control 68
Article 83. Dissolution, termination of operations of the Bank 69
Article 84. Bank liquidation 69
CHAPTER XVI INTERNAL DISPUTE RESOLUTION 70
Article 85. Internal Dispute Resolution 70
CHAPTER XVII AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER 70
Article 86. Amendments and Supplements to the CHARTER 70
CHAPTER XVIII IMPLEMENTATION PROVISIONS 71
Article 87. Implementation Provisions 71

INTRODUCTION

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK is a commercial joint stock bank that conducts banking activities and other related business activities in accordance with the law for profit, contributing to the achievement of the State's economic objectives. The organization and operation of the Bank are carried out in accordance with this Charter, current regulations of the State Bank of Vietnam, and other relevant current legal regulations.

This Charter is promulgated to consolidate all amendments and supplements approved by the General Meeting of Shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank, Decision No. 1691/QĐ-NHNN dated 22 July 2026 issued by the State Bank of Vietnam regarding the amendment to the Bank's Charter Capital as stated in the Establishment and Operation License of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank, and supersedes all previous versions of the Charter. The Appendices hereto and any amendments to this Charter (if any) shall constitute an integral and inseparable part of this Charter.

CHAPTER I

DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Definitions

1. In these Charters, the following terms shall have the following meanings:

a. Vietbank or Bank: Vietnam Commercial Trust Joint Stock Bank.

b. Shareholder: An organization or individual owning at least one share of the Bank.

c. Founding shareholder: A shareholder owning at least one common share and signing the list of founding shareholders of the Bank.

d. Major shareholder: A shareholder directly or indirectly owning 5% (five percent) or more of the voting share capital of the Bank.

e. Share: Charter capital divided into equal parts.

f. Stock: A certificate issued by the Bank, a book entry, or electronic data confirming ownership of one or more shares of the Bank.

g. Dividend: The net profit paid to each share in cash or other assets.

h. Controlling company: A company that directly or indirectly owns more than 20% (twenty percent) of the charter capital of a commercial bank, or a company that controls a commercial bank, or a commercial bank with a subsidiary or affiliated company.

i. Affiliated company of the Bank: A company in which the Bank or the Bank and its related parties own more than 11% (eleven percent) of the charter capital or more than 11% (eleven percent) of the voting shares, but is not a subsidiary of the Bank.

j. Subsidiary of a Bank: A company that falls under one of the following cases:

i. The Bank or the Bank and its related parties own more than 50% (fifty percent) of the charter capital or more than 50% (fifty percent) of the voting shares of that company;

ii. The Bank has the right to appoint the majority or all members of the Board of Directors, members of the Board of Members, and the General Director (Director) of that company;

iii. The Bank has the right to amend or supplement the Articles of Association of that company;

iv. The Bank or the Bank and its related parties directly or indirectly control the adoption of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the Board of Members of that company.

k. Early intervention: This refers to the application of requirements and restrictive measures by the State Bank of Vietnam (hereinafter referred to as the State Bank) to credit institutions and branches of foreign banks, and requiring those credit institutions and branches of foreign banks to implement corrective

measures under the supervision of the State Bank to remedy the situation as stipulated in Clause 1, Article 156 of the Law on Credit Institutions.

l. Contact address: This is the registered head office address for an organization; the permanent residence or workplace address or other address of an individual that the individual registers with the Bank as a contact address.

m. License: This is the establishment and operation license issued by the State Bank of Vietnam to the Bank, including any documents from the State Bank of Vietnam regarding amendments and supplements to the license.

n. Legal documents of the individual: This is one of the following types of documents: Identity Card, Citizen Identification Card, Passport, or other legally valid personal identification documents.

o. Legal documents of the organization: One of the following documents: Establishment decision, Business registration certificate, or other equivalent documents.

p. Law on Credit Institutions: Law No. 32/2024/QH15 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, passed on January 18, 2024.

q. Law on Enterprises: Law on Enterprises, passed by the 14th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, 9th session, on June 17, 2020.

r. Law on Securities: Law No. 54/2019/QH14 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, passed on November 26, 2019.

s. State Bank of Vietnam: The State Bank of Vietnam.

t. Date of establishment: The date on which the State Bank of Vietnam signed the decision to grant the initial establishment and operation license to the Bank.

u. Managers: Including the Chairman of the Board of Directors, other members of the Board of Directors, the General Director, and other management positions as stipulated in this Charter.

v. Executives: Including the General Director, Deputy General Director, Chief Accountant, Branch Manager, and other positions as decided by the Board of Directors.

w. Related parties: Individuals and organizations as defined in Clause 24, Article 4 of the Law on Credit Institutions, Clause 46, Article 4 of the Law on Securities, and Clause 23, Article 4 of the Law on Enterprises.

x. Laws: Regulations in legal documents including the Constitution, codes, laws, ordinances, decrees, regulations, circulars, decisions, and other legal documents issued by Vietnamese State agencies and competent authorities as prescribed by law in each period related to banking activities.

y. Shareholder Register: This may be a document or electronic data set recording information about the share ownership of the Bank's shareholders. The shareholder register must contain the essential contents as prescribed by law.

z. Operating Period: This is the period during which the Bank is permitted to conduct business activities as prescribed by law, starting from the date the State Bank of Vietnam (SBV) first grants the establishment and operation license. The Bank may be granted an extension of its operating period based on a decision of the General Meeting of Shareholders and subject to the approval of the SBV.

å. Charter Capital: This is the total par value of the Bank's shares sold to shareholders.

ä. Legal Capital: This is the minimum capital required by law to establish the Bank.

ö. Vietnam: This refers to the Socialist Republic of Vietnam.

2. In these Charters, any reference to any regulation or legal document shall include any amendments or replacements to the existing legal documents.

3. The headings (chapters, articles of these Charters) are included for ease of reference only and do not affect the content of these Charters.

4. Words or terms already defined in the Enterprise Law, the Law on Credit Institutions, and the Securities Law (if not in conflict with the subject matter or context) will have similar meanings in these Charters.

CHAPTER II

BANK INFORMATION

Article 2. Name, address, operating period and information on founding shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is permitted to operate under the Commercial Bank Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on February 24, 2023 (reissued from Operating License No. 2399/QD-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on December 15, 2006) and has:

1. Legal entity as prescribed by Vietnamese law.

2. Full name in Vietnamese: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Abbreviated name in Vietnamese: Vietnam Thuong Tin Bank

Full name in English: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Abbreviated name in English: Vietbank

3. Head office located at: 47 Tran Huong Dao Street, Phu Loi Ward, Can Tho City.

Telephone: (0299) 3621454 Fax: (0299) 3621858

Email: callcenter@vietbank.com.vn Website: www.vietbank.com.vn

4. The Bank may establish branches, transaction offices, representative offices, business units and subsidiaries to carry out the Bank's operational objectives in accordance with the decisions and resolutions of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors and within the scope permitted by law. Addresses, names, and some information about branches, transaction offices, representative offices, business units, and subsidiaries are published on Vietbank's website when changes occur.

5. Charter of organization and operation, management and executive bodies.

6. Separate seal and separate accounts opened at the State Bank of Vietnam and domestic and foreign banks In accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam. The number, form, content, and design of the Bank's seal are decided by the Board of Directors. The management, safekeeping, and use of the seal are carried out according to the Regulations issued by the Board of Directors in each period.

7. Balance sheet and funds in accordance with the law.

8. Operating term is 50 (fifty) years.

9. Legal representative of the Bank:

a. The legal representative of the Bank is:

i. General Director; or

ii. The Chairman of the Board of Directors during the period when the position of General Director is vacant and a replacement has not yet been appointed.

b. The legal representative is an individual who represents the Bank in exercising the rights and obligations arising from the Bank's transactions, representing the Bank as a party requesting the resolution of civil matters, plaintiff, defendant, or party with related rights and obligations before Arbitration, Courts, and other rights and obligations as prescribed by law.

c. The legal representative of the Bank must reside in Vietnam and must authorize In writing a Manager or Executive of the Bank residing in Vietnam to exercise the rights and obligations of the legal representative when absent from Vietnam. In this case, the legal representative remains responsible for the exercise of the delegated rights and obligations.

d. If, upon the expiration of the authorization period as stipulated in point c of this clause, the legal representative of the Bank has not returned to Vietnam and no other authorization has been granted, the following provisions shall apply: The authorized person shall continue to exercise the rights and obligations of the legal representative within the scope of the authorization until the legal representative of the Bank returns to work at the Bank or until the Board of Directors decides to appoint another person as the legal representative of the Bank.

e. In the event that the legal representative is absent from Vietnam for more than 30 (thirty) days without authorizing another person to exercise the rights and obligations of the legal representative of the enterprise, or dies, goes missing, is under criminal investigation, is detained, is serving a prison sentence, is undergoing administrative measures at a compulsory rehabilitation center or compulsory education center, is restricted or incapacitated, has difficulties in understanding or controlling their behavior, or is prohibited by the Court from holding a position, practicing a profession, or performing a certain job, the Board of Directors shall appoint another person to act as the legal representative of the Bank.

f. The Bank must notify the State Bank of Vietnam about the Bank's legal representative within 10 (ten) days from the date of election or appointment of the position of legal representative as stipulated in this Charter or any change of legal representative.

10. Full name, address, and nationality of the founding shareholders of the Bank:

No.	Name of Founding Shareholder	Address	Nationality
1	Duong Ngoc Hoa	598 B Nguyen Dinh Chieu Street, Ward 3, District 3, Ho Chi Minh City	Vietnamese
2	Dang Ngoc Lan	104 To Hien Thanh Street, Hai Ba Trung District, Hanoi	Vietnamese
3	Cao Van Duc	149, Group 13, Lieu Giai, Cong Vi Ward, Ba Dinh District, Hanoi	Vietnamese
4	Asia Commercial Joint Stock Bank	442 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 3, Ho Chi Minh City	Vietnamese

CHAPTER III

OBJECTIVES AND CONTENT OF ACTIVITIES

Article 3. Objectives, scope of business and operations of the Bank

1. The Bank's business field is: Monetary business activities, providing banking services including receiving deposits and using deposits to grant credit, providing payment services, treasury services and other activities in accordance with the provisions of the law.

2. The Bank's objectives are:

a. Profit;

b. Providing customers with high-quality products and services;

c. Creating conditions for employee development;

d. Contributing to the socio-economic development of the country.

3. Scope of business and operations:

a. The Bank is permitted to plan and conduct all business activities in accordance with the Establishment and Operation License issued to the Bank by the State Bank of Vietnam, the Business Registration Certificate, and this Charter, in compliance with applicable laws and regulations, and to take appropriate measures to achieve the Bank's objectives.

b. The Bank may conduct business activities in other areas as prescribed by the State Bank of Vietnam, the provisions of law, and with the approval of the Board of Directors.

c. The Bank is not allowed to conduct any business activities other than banking activities and other business activities specified in the License issued to the Bank by the State Bank of Vietnam.

Article 4. General Regulations on the Operation of the Bank

1. The content of banking activities and other business activities of the Bank is specified in the License issued to the Bank.

2. The Bank's banking activities are regulated by the Law on Credit Institutions and implemented according to the regulations of the Governor of the State Bank of Vietnam.

3. Internal regulations on the Bank's operational activities; regulations on interest rates and fees in the Bank's business activities; regulations on credit approval, inspection of loan utilization, and financial lease assets; Regulations on credit termination, debt handling, interest waivers and reductions, and record keeping of the Bank shall comply with the provisions of the Law on Credit Institutions, regulations of the State Bank of Vietnam, and relevant legal regulations.

Article 5. Main Activities

1. Receiving demand deposits, time deposits, savings deposits, and other types of deposits.

2. Issuing certificates of deposit.

3. Granting credit in the following forms:

a. Loans;

b. Discounting and rediscounting;

c. Bank guarantees;

d. Issuing credit cards;

e. Domestic factoring; international factoring in cases where the Bank is permitted to conduct international payments;

f. Letters of credit;

g. Other forms of credit granting as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

4. Opening payment accounts for customers.

5. Providing payment instruments.

6. Providing the following account-based payment services:

a. Performing domestic payment services including checks, payment orders, payment authorizations, collection orders, collection authorizations, money transfers, bank cards, collection and disbursement services;

b. Performing international payment services after obtaining written approval from the State Bank of Vietnam; other payment services as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

Article 6. Borrowing, Depositing, Buying and Selling Securities

1. Banks may borrow from the State Bank of Vietnam in the form of refinancing as prescribed by the Law on the State Bank of Vietnam.

2. Banks may buy and sell securities with the State Bank of Vietnam as prescribed by the Law on the State Bank of Vietnam.

3. Banks may lend, borrow, deposit, receive deposits, buy, and sell securities with a maturity date with credit institutions and branches of foreign banks as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

4. Banks are permitted to borrow from foreign sources in accordance with the law.

Article 7. Opening Bank Accounts

1. Banks must open payment accounts at the State Bank of Vietnam and maintain mandatory reserve requirements in these accounts.

2. Banks may open payment accounts at credit institutions that provide payment services through accounts.

3. Banks may open payment accounts abroad in accordance with the law on foreign exchange.

Article 8. Organizing and Participating in Payment Systems

1. Banks may organize internal payment systems and participate in the national interbank payment system.

2. Banks may participate in international payment systems when they meet the conditions stipulated by the Government and receive written approval from the State Bank of Vietnam.

Article 9. Capital Contribution and Share Purchase

1. Banks may only use their charter capital and reserve funds to contribute capital or purchase shares in accordance with Clauses 2, 3, 4, and 7 of this Article.

2. Banks must establish or acquire subsidiaries and affiliated companies when conducting the following business activities:

a. Underwriting securities, securities brokerage; managing and distributing securities investment fund certificates; managing securities investment portfolios and buying and selling shares;

b. Financial leasing;

c. Insurance.

3. Banks may establish or acquire subsidiaries and affiliated companies operating in the fields of debt management and asset exploitation, remittances, gold, factoring, credit card issuance, consumer credit, payment intermediary services, and credit information.

4. Banks may contribute capital to or acquire shares of enterprises operating in the following fields:

a. Insurance, securities, remittances, gold, factoring, credit card issuance, consumer credit, payment intermediary services, and credit information;

b. Other areas not specified in point a of this clause after obtaining written approval from the State Bank of Vietnam.

5. The Bank establishes or acquires subsidiaries and affiliated companies as prescribed in clauses 2 and 3 of this Article after obtaining written approval from the State Bank of Vietnam.

6. The Bank establishes subsidiaries and affiliated companies in accordance with the Law on Credit Institutions, this Charter, and other relevant legal provisions.

7. The Bank and its subsidiaries may purchase and hold shares of other credit institutions under the conditions and within the limits prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

Article 10. Foreign exchange business, provision of foreign exchange services and derivative products

1. The Bank may conduct business and provide the following services and products to domestic and foreign customers after obtaining written approval from the State Bank of Vietnam:

a. Foreign exchange;

b. Derivatives on interest rates, foreign exchange, currencies, and other financial assets.

2. The Bank's foreign exchange business and provision of foreign exchange services to customers shall be conducted in accordance with the law on foreign exchange.

Article 11. Trust and Agency Operations

1. The Bank has the right to trust, receive trust, act as an agent in banking operations, and act as an agent for payment transactions as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

2. The Bank may conduct insurance agency activities in accordance with the law on insurance business, consistent with the scope of insurance agency activities as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

Article 12. Other Business Activities

1. The Bank may conduct the following other business activities as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam:

a. Cash management services; treasury services for credit institutions and branches of foreign banks; asset safekeeping services, safe deposit box rental;

b. Providing money transfer, collection, disbursement, and other payment services not through accounts;

c. Buying and selling State Bank of Vietnam bills, corporate bonds; buying and selling other securities, except for buying and selling securities specified in point a, clause 2 of this Article;

d. Currency brokerage services;

e. Gold trading;

f. Other services related to factoring and letters of credit;

g. Consulting on banking operations and other business activities as stipulated in the License.

2. The Bank is permitted to conduct the following other business activities as prescribed by relevant laws:

a. Buying and selling government debt instruments, government-guaranteed bonds, and local government bonds;

b. Issuing bonds;

c. Securities custody;

d. Supervisory banking operations;

e. The bank acts as an agent managing collateral for the lender, which includes international financial institutions, foreign credit institutions, credit institutions, and branches of foreign banks.

3. Investing in government bond futures contracts.

4. The bank may conduct other business activities related to banking operations in addition to those specified in Clauses 1, 2, and 3 of this Article, as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam and other relevant laws.

Article 13. Real Estate Business

The bank is not allowed to engage in real estate business, except in the following cases:

1. Purchasing, investing in, or owning real estate for use as a business headquarters, workplace, or warehouse directly serving the bank's operational activities;

2. Leasing a portion of the bank's unused business headquarters;

3. Holding real estate resulting from debt restructuring. Within 05 (five) years from the date of the decision to dispose of real estate collateral, the Bank must sell, transfer, or repurchase this real estate. In the case of repurchasing real estate, it must ensure the purpose of use as stipulated in Clause 1 of this Article and the ratio of investment in fixed assets must comply with legal regulations.

Article 14. Safety Ratio

During its operation, the Bank must comply with the regulations on ensuring safety as stipulated in Chapter VII of the Law on Credit Institutions and as prescribed by the State Bank of Vietnam; classify assets and make provisions for risk to handle risks in banking operations in accordance with current laws.

CHAPTER IV

CHANNEL CAPITAL AND OPERATING CAPITAL

Article 15. Charter Capital

1. Charter Capital: VND **11,845,866,040,000** *(Eleven trillion eight hundred forty-five billion eight hundred sixty-six million forty thousand Vietnamese dong)*, divided into 1,184,586,604 *(One billion one hundred eighty-four million five hundred eighty-six thousand six hundred four)* shares, each having a par value of VND 10,000 (ten thousand Vietnamese dong).

The above charter capital may change in accordance with the provisions of law and the regulations of the State Bank of Vietnam in each period. In the event that the Bank needs to increase its charter capital, at the time the Bank receives the approval, amendment, or supplement to the State Bank of Vietnam's

license regarding Vietbank's charter capital, the charter capital provision in this clause will be automatically updated according to that approval. 2. Charter capital is accounted for in Vietnamese Dong (VND).

3. The bank must ensure that its actual charter capital is not lower than the statutory capital level as prescribed by law.

4. The bank is not allowed to contribute capital to or purchase shares of the following enterprises or credit institutions:

a. Other enterprises or credit institutions that are shareholders of the bank;

b. Other enterprises or credit institutions that are related parties of the bank's major shareholders.

5. Charter capital may be used for the following purposes:

a. Purchasing and investing in the bank's fixed assets not exceeding the ratio prescribed by the State Bank of Vietnam;

b. Contributing capital or purchasing shares as prescribed by the State Bank of Vietnam;

c. Purchasing investment fund certificates, establishing subsidiary companies as prescribed by law;

d. Lending;

e. Conducting other business services as prescribed by law.

Article 16. Changes to Charter Capital

1. Changes to charter capital must be approved by the General Meeting of Shareholders and registered and approved by the competent State agency in accordance with current laws.

2. After changing the charter capital according to the written approval of the competent State agency, the Bank must register the new charter capital with the competent State agency and disclose information in accordance with the law.

Article 17. Operating Capital of the Bank

The operating capital of the Bank comprises the following sources:

1. Equity capital:

a. The Bank's charter capital;

b. Differences arising from asset revaluation and exchange rate differences;

c. Share premium;

d. Funds: Capital reserve fund, development investment fund, financial reserve fund;

e. Undistributed accumulated profits and unhandled accumulated losses;

f. Other capital owned by the Bank.

2. Capital raised through the forms stipulated in this Charter.

3. Other types of capital as prescribed by law.

CHAPTER V

SHAREHOLDERS, SHARES, AND COLLECTORS

Article 18. Shares and Shareholders

1. The Bank must have a number and structure of shareholders, and the shareholding ratio of shareholders must comply with legal regulations. Foreign organizations and individuals may purchase shares of the Bank in accordance with the laws on banking, securities, the securities market, and other legal regulations.

2. Types of shares and shareholders: The Bank has common shares; those who own common shares are called common shareholders.

3. Shares of the Bank may be purchased with Vietnamese Dong, freely convertible foreign currency, gold, the value of land use rights, and other assets as stipulated in this Charter and according to legal regulations.

4. In the case of capital contribution in the form of land use rights and other assets other than Vietnamese currency, freely convertible foreign currency, or gold, these assets must be necessary to directly serve the Bank's operations and must be approved by the General Meeting of Shareholders. The valuation and transfer of land use rights and ownership of these assets shall be carried out in accordance with the provisions of Articles 35 and 36 of the Enterprise Law and other relevant legal provisions.

5. The Board of Directors shall decide the offering price of shares. The offering price of shares shall not be lower than the market price at the time of offering or the book value of the shares at the most recent time, except in the following cases:

a. Shares offered for the first time to persons who are not founding shareholders;

b. Shares offered to all shareholders in proportion to their existing shareholdings in the Bank;

c. Shares offered to brokers or underwriters. In this case, the specific discount amount or discount rate must be approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise stipulated in the Bank's Charter;

d. Other cases and the discount rate in those cases are stipulated in the Bank's Charter or resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders.

6. Any new common shares planned for issuance will be offered first to existing shareholders in proportion to their existing common shareholding in the Bank. The offering will be made by notice specifying the number of shares offered and the deadline (not less than 20 days) for subscription. If the subscription form is not sent to the Bank within the deadline as stated in the notice, the relevant

shareholder will be considered to have forfeited their pre-emptive rights. If the number of shares intended to be issued is not fully subscribed by shareholders and those receiving the pre-emptive rights, the remaining shares intended to be issued will be managed by the Board of Directors. The Board of Directors may distribute such shares to shareholders of the Bank or other parties under conditions and in a manner that the Board of Directors deems appropriate, provided that such shares are not offered under more favorable terms than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders or the shares are sold through a stock exchange by auction.

7. The Bank may repurchase shares issued by itself in the manner prescribed in this Charter and applicable law. Shares repurchased by the Bank are treasury shares, and the Board of Directors may offer them for sale in manner consistent with the provisions of this Charter, the Securities Law, relevant laws and guiding documents.

8. The Bank may issue other types of securities when approved by the General Meeting of Shareholders and in accordance with the provisions of law.

Article 19. Share Ownership Limits

1. An individual shareholder may not own more than 5% (five percent) of the Bank's charter capital.

2. An institutional shareholder may not own more than 10% (ten percent) of the Bank's charter capital.

3. Shareholders and their related parties may not own more than 15% (fifteen percent) of the Bank's charter capital. 3. Major shareholders of the Bank and their related parties are not allowed to own 5% (five percent) or more of the charter capital of another credit institution.

4. The provisions in Clauses 2 and 3 of this Article do not apply to the following cases:

a. Owning shares in subsidiaries and affiliated companies that are credit institutions as stipulated in Clauses 2 and 3 of Article 111 of the Law on Credit Institutions;

b. Owning state-owned shares in privatized credit institutions;

c. Owning shares by foreign investors as stipulated in Clause 6 of this Article.

5. The shareholding ratios stipulated in Clauses 1 and 2 of this Article include indirectly owned shares. The shareholding ratio stipulated in Clause 3 of this Article includes shares entrusted by shareholders to other organizations or individuals for purchase, and excludes shareholding by related parties that are subsidiaries of that shareholder as stipulated in Point a, Clause 9, Article 4 of the Law on Credit Institutions.

6. Foreign investors may purchase shares of the Bank in accordance with the law.

7. In the case of organizations or individuals holding convertible bonds, after converting the bonds into shares, they must comply with the shareholding limit in this Article.

Article 20. Shares

1. Shares of the Bank must contain the following essential information:

a. Name, business registration number, and head office address of the Bank;

b. Number of shares and type of shares;

c. Par value of each share and total par value of shares recorded on the share certificate;

d. Full name, contact address, nationality, and legal document number of the individual shareholder; name, business registration number or legal document number of the organization, and head office address of the organization shareholder;

e. Signature of the legal representative and signature of the Chairman of the Board of Directors;

f. Registration number in the Bank's shareholder register and date of share issuance.

2. In case of errors in the content and form of shares issued by the Bank, the rights and interests of the shareholder shall not be affected. The Bank's legal representative is responsible for damages caused by such errors.

3. In the event that a share certificate is lost, destroyed, or otherwise damaged, the shareholder will be reissued a share certificate by the Bank upon the shareholder's request. The shareholder's request must include the following:

a. The share certificate has been lost, destroyed, or otherwise damaged; in case of loss, the shareholder must certify that they have made every effort to find it and, if found, will return it to the Bank for destruction;

b. Responsibility for any disputes arising from the reissue of the new share certificate.

4. Each shareholder will be issued a share certificate by the Bank corresponding to the number and type of shares they own.

5. In accordance with the provisions of these Charters, any person whose name is listed in the Shareholder Register relating to any type of share shall be issued a certificate free of charge upon purchase or receipt of transferred shares within 30 (thirty) days (or a longer period as stipulated in the terms of issuance or by the Board of Directors regarding the transfer).

6. In the case of transferring only a number of shares in the stock, the old stock shall be canceled and the Bank shall issue new stock recording the number of transferred shares and the remaining shares.

7. The Bank may manage shares on behalf of shareholders or issue shares upon the request of shareholders. For shares with a nominal value exceeding 100 (one hundred) million Vietnamese Dong, before accepting a request for new shares, the Bank's legal representative may request the shareholder to publish a notice regarding the loss, burning, or destruction of the shares in any other form, and after 15 (fifteen) days from the date of publication of the notice, request the Bank to issue new shares.

8. Bank shares may not be used as collateral for credit facilities at the Bank itself.

9. In the case of shares issued in certificate form, the Bank must issue the shares to shareholders within 30 (thirty) days from the date the shareholder pays the full amount of shares committed to purchase for the Bank's capital increase.

Article 21. Offering and Transfer of Shares

1. Offering shares:

a. A share offering is when a bank increases the number of shares it is authorized to offer and sells those shares during its operations to increase its charter capital. A share offering can be carried out in one of the following forms:

i. Offering shares to existing shareholders;

ii. Public offering of shares;

iii. Private placement of shares.

b. The offering of shares shall be conducted in accordance with the provisions of the law on securities.

c. The Bank shall register the change in charter capital within 10 (ten) days from the date of completion of the share sale.

2. Shares held by shareholders shall be considered transferred when the information stipulated in Article 24 of these Charters is fully recorded in the Shareholder Register.

3. The time when the rights and obligations of shareholders arise is the time when the shareholder's securities custody account opened at a custodian member has a balance of Bank shares. For uncustodian shares, the time when the rights and obligations of shareholders arise is the time when the shareholder's name and information are recorded in the Bank's Shareholder Register.

4. The Bank's shareholder register and the list of shareholders provided to the Bank by the Securities Depository Center are the sole basis for determining the rights and obligations of shareholders.

5. Unless otherwise stipulated by law, the transfer of shares resulting in becoming a major shareholder must be approved in writing by the State Bank of Vietnam before implementation.

6. The transfer of shares is carried out in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions, the Law on Enterprises, the Law on Securities, and their implementing regulations. The transfer is carried out by contract or transaction on the securities market. In the case of a contract transfer, the form of transfer is established in writing as specifically stipulated by the Board of Directors; the transfer document is signed by the transferor, the transferee, or their legally authorized representatives. In the case of a transaction on the securities market, the procedures for transfer are carried out in accordance with the provisions of the law on securities. Shares are considered transferred when the information specified in point d, clause 1, Article 24 of these Charters is correctly and fully recorded in the Shareholder Register for shares that are not yet deposited or have a deposit balance at a depository member; from that time, the transferee is recognized as a shareholder of the Bank. The transferor remains the owner of the

relevant shares until the name of the transferee is registered in the shareholder register. The Bank must register the change of shareholder in the shareholder register at the request of the relevant shareholder within 24 (twenty-four) hours from the time of receiving the request as stipulated in the Bank's Charter.

7. In the event of the death of an individual shareholder, the settlement of the shareholder's rights and responsibilities shall be carried out in accordance with the provisions of the law on inheritance. 7. In the event that a shareholder is an individual who dies without heirs, or the heirs refuse to accept the inheritance, or are disinherited, the shares of that shareholder shall be settled according to the provisions of civil law.

8. The procedure for transferring shares of foreign shareholders shall be carried out in accordance with the provisions of law.

9. Individual shareholders and institutional shareholders whose representatives holding capital contributions in the Bank are members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, or the General Director of the Bank are not allowed to transfer their shares during their tenure in office.

10. During the period of handling the consequences of personal responsibility according to resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders or decisions of the State Bank of Vietnam, members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, and the General Director are not allowed to transfer shares, except in one of the following cases:

a. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, and the General Director are authorized representatives of shareholders that are organizations being merged, consolidated, divided, separated, dissolved, or declared bankrupt according to the provisions of law;

b. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, and the General Director are compelled to transfer shares according to a legally effective judgment or decision of the Court;

c. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, and the General Director transfer shares to other investors to implement a recovery plan, a plan for transferring the entire capital contribution, or a mandatory transfer plan that has been approved.

Article 22. Share Repurchase

1. In the event that a shareholder fails to pay the full amount due for the purchase of shares on time, the Board of Directors shall notify and has the right to demand that the shareholder pay the remaining amount along with interest on that amount and any costs incurred by the Bank due to the failure to pay in full.

2. The aforementioned payment notice must clearly state the new payment deadline (at least 07 (seven) days from the date of sending the notice), the payment location, and the notice must clearly state that in case of failure to pay as required, the unpaid shares will be repurchased.

3. The Board of Directors has the right to repurchase shares that have not been paid in full and on time if the requirements in the aforementioned notice are not met.

4. Repurchased shares shall be considered as shares entitled to be offered for sale. The Board of Directors may directly or authorize the sale, redistribution, or settlement of the repossessed shares to the current owners or other parties under conditions and in a manner deemed appropriate by the Board of Directors.

5. Shareholders holding repossessed shares must relinquish their shareholder status with respect to those shares, but must still pay all related amounts plus interest at a rate determined by the Board of Directors from the date of repossession until the date of payment at the time of repossession. The Board of Directors has the full right to enforce payment of the full value of the shares at the time of repossession.

6. The repossession notice shall be sent to the holders of the repossessed shares before the date of repossession. The repossession remains valid even in the event of errors or negligence in sending the notice.

CHAPTER VI

ORGANIZATIONAL STRUCTURE

Article 23. Organizational Structure

The organizational structure of the Bank includes:

1. General Meeting of Shareholders;

2. Board of Directors;

3. Supervisory Board;

4. General Director.

SECTION I

SHAREHOLDERS AND SHAREHOLDER MEETING

Article 24. Shareholder Register

1. The Bank must establish and maintain a Shareholder Register from the date of issuance of its Establishment and Operation License. The Shareholder Register may be in written form, an electronic data set, or both. The Shareholder Register must contain the following main contents:

a. Name and head office address of the Bank;

b. Total number of shares authorized for sale, types of shares authorized for sale, and the number of shares authorized for sale of each type;

c. The total number of shares sold of each type and the value of contributed capital;

d. Full name, contact address, nationality, and legal document number of individual shareholders; name, business registration number or legal document number of organizations, and head office address of organizations;

e. The shareholder register must include the number of shares of each type held by each shareholder, the total number of shares held by each shareholder, and the share registration date.

2. The shareholder register must be kept at the Bank's head office or other organizations authorized to maintain shareholder registers. Shareholders have the right to check, search, extract, and copy the names and contact addresses of Bank shareholders in the shareholder register.

3. If a shareholder changes their contact address, they must promptly notify the Bank to update the shareholder register. The Bank is not responsible for the inability to contact a shareholder due to failure to notify them of the change in contact address.

4. The Bank will promptly update changes to shareholders in the shareholder register upon the request of the relevant shareholder as stipulated in the Articles of Association.

Article 25. Rights of Shareholders

1. Shareholders are the owners of the Bank and have corresponding rights and obligations according to the number and type of shares they own.

2. Shareholders owning common shares have the following rights:

a. To attend and speak at General Meetings of Shareholders and exercise their voting rights directly or through authorized representatives. Each common share has one voting right;

b. To receive dividends at the rate stipulated in the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders;

c. To have priority in purchasing newly offered shares in proportion to the percentage of common shares each shareholder owns in the Bank; to transfer the priority right to purchase shares to others;

d. To transfer shares and share purchase rights to other shareholders of the Bank or other organizations or individuals as stipulated in this Charter, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions, the Law on Enterprises, the Law on Securities and other relevant laws;

e. To receive information on the Bank's operations as stipulated in this Charter; to view, search and extract information on names and contact addresses in the List of Shareholders with Voting Rights and request correction of inaccurate information; to view, search, extract or copy the Bank's Charter, the minutes of the General Meeting of Shareholders and the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders;

f. To authorize another person in writing to exercise their rights and obligations (including authorizing another person in writing to directly attend the General Meeting of Shareholders) in accordance with

these Charters; the authorized person may not re-authorize and may not run for election in their own capacity;

g. When the Bank is dissolved or goes bankrupt, to receive a portion of the remaining assets corresponding to the number of shares contributed to the Bank in accordance with the law on dissolution and bankruptcy;

h. To nominate and propose candidates for the Board of Directors and the Supervisory Board in accordance with the Bank's Charters or in accordance with the law if the Charters do not specify. The list of candidates must be submitted to the Board of Directors within the time limit stipulated by the Board of Directors;

i. The right to equal treatment. Each share of the same class gives the shareholder equal rights, obligations, and benefits. In the case of preferred shares, the rights and obligations associated with these preferred shares shall be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

j. The right to full access to periodic and extraordinary information published by the Bank in accordance with the law;

k. Shareholders have the right to protect their legitimate interests. In the event that a Resolution of the General Meeting of Shareholders violates the law or the Bank's Charter, or a decision of the Board of Directors is contrary to the law or the Bank's Charter and causes damage to the Bank, shareholders have the right to request the annulment or suspension of that Resolution or decision in accordance with the Law on Enterprises;

l. Other rights as prescribed by law and this Charter.

3. Shareholders or groups of shareholders owning 05% (five percent) or more of the total number of common shares, in addition to the rights stipulated in Clause 2 of this Article, also have the following rights:

a. Review, search, and extract minutes and resolutions, decisions of the Board of Directors, interim and annual financial reports, reports of the Supervisory Board, contracts, transactions requiring approval from the Board of Directors, and other documents, except for documents related to the Bank's trade secrets and business secrets.

b. Request the Supervisory Board to examine specific issues related to the management and operation of the Bank when deemed necessary. The request must be in writing and must include the following information: Full name, contact address, nationality, and legal document number of individual shareholders; name, business registration number or legal document number of organizations, and head office address of organizations; number of shares and registration date of each shareholder, total number

of shares of the entire group of shareholders, and ownership percentage in the total number of shares of the Bank; the issue to be examined, and the purpose of the examination.

c. Nomination of candidates for the Board of Directors and the Supervisory Board. The nomination process is as follows:

i. Ordinary shareholders forming a group to nominate candidates for the Board of Directors and the Supervisory Board must notify the attending shareholders of the group meeting before the opening of the General Meeting of Shareholders;

ii. Based on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board, the shareholder or group of shareholders specified in this clause has the right to nominate one or more individuals as decided by the General Meeting of Shareholders as candidates for the Board of Directors and the Supervisory Board. If the number of candidates nominated by the shareholder or group of shareholders is less than the number of candidates they are entitled to nominate according to the decision of the General Meeting of Shareholders, the remaining candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Supervisory Board, and other shareholders.

d. Other rights as prescribed by law and this Charter.

Article 26. Obligations of Shareholders

1. Shareholders have the following obligations:

a. a. Pay the full amount of shares committed to purchase within the timeframe stipulated by the Bank and be legally responsible for the legality of the capital contributed, purchased, or transferred in the Bank; do not use capital provided by credit institutions, branches of foreign banks, or capital from corporate bond issuance to purchase or transfer shares of the Bank; do not contribute capital or purchase shares of the Bank under the name of another individual or legal entity in any form, except in cases of entrustment as prescribed by law.

b. Comply with the Bank's Charter and internal regulations on corporate governance.

c. Abide by the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

d. Be responsible for the Bank's debts and other financial obligations to the extent of the contributed capital.

e. Do not withdraw contributed capital from the Bank in any form that would reduce the Bank's charter capital, except in cases where the Bank or another party repurchases the shares. In the event that a shareholder withdraws part or all of their contributed capital in violation of this clause, that shareholder and any related parties with an interest in the Bank shall be jointly and severally liable for the Bank's debts and other financial obligations to the extent of the value of the withdrawn shares and any resulting damages.

f. Ordinary shareholders shall be held personally liable when acting on behalf of the Bank in any form to perform any of the following acts:

i. Violating the law;

ii. Conducting business and other transactions for personal gain or to serve the interests of other organizations or individuals;

iii. Paying debts before they are due in anticipation of potential financial risks to the Bank.

g. Major shareholders shall not abuse their advantage to influence the rights and interests of the Bank and other shareholders as stipulated by law and the Bank's Charter.

h. Major shareholders have the obligation to disclose information as required by law.

i. Shareholders who receive investment mandates from other organizations or individuals must provide the Bank with information about the true owners of the shares they are entrusting to the Bank. The Bank has the right to suspend the shareholder rights of shareholders who receive investment mandates if they fail to provide information or provide incomplete or inaccurate information about the true owners of the shares.

j. Maintain the confidentiality of information provided by the Bank in accordance with the Charter and laws; only use the provided information to exercise and protect their legitimate rights and interests; strictly prohibit the dissemination, copying, or sending of information provided by the Bank to other organizations or individuals.

k. Fulfill other obligations as prescribed by law and this Charter.

2. Shareholders owning 1% (one percent) or more of the Bank's charter capital must provide the Bank with the following information:

a. Full name; personal identification number; nationality, passport number, date of issue, and place of issue of foreign shareholders; business registration certificate number or equivalent legal document of organizational shareholders; date of issue and place of issue of this document;

b. Information about related persons as stipulated in points c and d of Clause 1, Article 44 of this Charter;

c. The number and percentage of shares they own in the Bank;

d. The number and percentage of shares owned by their related parties in the Bank.

The information in this clause must be provided to the Bank in writing within 07 (seven) working days from the date of occurrence or change of information. For the information in points c and d of this clause, shareholders are only required to provide information to the Bank when there is a change in their shareholding percentage, or the shareholding percentage of themselves and their related parties, of 01% (one percent) or more of the Bank's charter capital compared to the previous provision.

The Bank must post and maintain the information stipulated in this clause at its head office and submit a written report to the State Bank of Vietnam within 07 (seven) working days from the date the Bank

receives the provided information. Annually, the Bank shall disclose the information stipulated in points a, c, and d of this clause to the General Meeting of Shareholders.

The Bank must publicly disclose information about the full names of individuals and organizations that are shareholders owning 1% (one percent) or more of the Bank's charter capital, and the information specified in points c and d of this clause, on the Bank's website within 7 (seven) working days from the date the Bank receives the information.

Shareholders must ensure that the information provided is truthful, accurate, complete, and timely, and are responsible for the information provided.

Article 27. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders, comprising all shareholders with voting rights, is the highest authority of the Bank. The General Meeting of Shareholders shall hold its annual meeting within 4 (four) months from the end of the financial year. The Board of Directors has the right to decide to extend the annual General Meeting of Shareholders if necessary, but not exceeding 6 months from the end of the financial year. 1. The Annual General Meeting of Shareholders shall not be held in the form of obtaining shareholder opinions in writing. In addition to the annual meeting, the General Meeting of Shareholders may hold extraordinary meetings.

2. The General Meeting of Shareholders shall be convened by the Board of Directors, with the specific location decided by the Board of Directors based on the actual situation. The location of the General Meeting of Shareholders shall be determined by where the chairperson attends the meeting and must be within the territory of Vietnam. The Annual General Meeting of Shareholders shall decide on matters within its duties and powers as stipulated by law and this Charter.

Article 28. Extraordinary General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors must convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

a. The Board of Directors deems it necessary for the benefit of the Bank;

b. When the remaining number of Board of Directors members is less than the minimum number stipulated in this Charter;

c. When the remaining number of Supervisory Board members is less than the minimum number stipulated in this Charter;

d. At the request of a shareholder or group of shareholders owning more than 10% (ten percent) of the common shares when the cases specified in Clause 2 of this Article occur;

e. At the request of the Supervisory Board;

f. To decide on matters as requested by the State Bank of Vietnam when an event occurs that affects the safety of the Bank's operations;

g. Other cases as stipulated in this Charter and the provisions of law.

2. Shareholders or groups of shareholders specified in point d, Clause 1 of this Article have the right to request the convening of a General Meeting of Shareholders in the following cases:

a. The Board of Directors seriously violates the rights of shareholders, the obligations of managers, or makes decisions exceeding the authority granted;

b. Other cases as stipulated in this Charter.

The request to convene a General Meeting of Shareholders as stipulated in this clause must be made in writing and must include the following information: Full name, contact address, nationality, and legal document number of the individual shareholder; name, business registration number or legal document number of the organization, and head office address of the organization shareholder; the number of shares and the registration date of each shareholder, the total number of shares of the entire group of shareholders, and the ownership percentage in the total shares of the Bank; the basis and reason for requesting the convening of the General Meeting of Shareholders. The request must be accompanied by documents and evidence regarding violations by the Board of Directors, the extent of the violations, or decisions exceeding their authority. Shareholders or groups of shareholders are fully responsible before the law for the accuracy and truthfulness of the documents and evidence provided to the competent authority when requesting the convening of the General Meeting of Shareholders.

3. The Board of Directors must convene a meeting of shareholders within 30 (thirty) days from the date of receiving one of the requests or the date of occurrence of one of the events mentioned in Clause 1 of this Article.

4. If the Board of Directors fails to convene a General Meeting of Shareholders as prescribed, the Chairman of the Board of Directors and the members of the Board of Directors shall be liable before the law and shall compensate for any damages incurred by the Bank. Within the next 30 (thirty) days, the Supervisory Board shall replace the Board of Directors in convening the General Meeting of Shareholders as prescribed by law.

5. If the Supervisory Board fails to convene a General Meeting of Shareholders as prescribed, the Supervisory Board shall be liable before the law and shall compensate for any damages incurred by the Bank; and shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 3, Article 25 of this Charter have the right to replace the Board of Directors and the Supervisory Board in convening the General Meeting of Shareholders in accordance with the law. In this case, the shareholder or group of shareholders convening the General Meeting of Shareholders may request the business registration authority to supervise the convening and conduct of the meeting if deemed necessary.

6. All necessary expenses for convening and conducting a meeting of shareholders will be paid by the Bank. For the sake of clarity, these expenses will not include expenses incurred by shareholders to attend the General Meeting of Shareholders, such as accommodation, travel, and other related expenses.

Article 29. Powers and duties of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders has the duties and powers:

a. To approve the development direction of the Bank;

b. To approve the Charter, amendments, and supplements to the Charter of the Bank;

c. To approve internal regulations on corporate governance; regulations on the organization and operation of the Board of Directors and the Supervisory Board;

d. To decide on the number of members of the Board of Directors and the Supervisory Board for each term; to elect, dismiss, remove, elect additional, and replace members of the Board of Directors and the Supervisory Board in accordance with the standards and conditions prescribed by law and the Charter of the Bank;

e. To decide on the remuneration, bonuses, and other benefits for members of the Board of Directors and the Supervisory Board, and the operating budget of the Board of Directors and the Supervisory Board;

f. To review and handle, within its authority, violations by the Board of Directors and the Supervisory Board that cause damage to the Bank and its shareholders;

g. To decide on the organizational structure of the Bank's management;

h. To approve the plan for changing the charter capital;

i. Approving the share offering plan, including the type and number of new shares to be offered; deciding on the annual dividend rate for each type of share;

j. Approving the plan to repurchase sold shares;

k. Approving the plan to issue convertible bonds;

l. Approving the proposed remediation plan in case of early intervention;

m. Approving the annual financial statements; the plan for profit distribution after fulfilling the Bank's tax obligations and other financial obligations;

n. Approving the reports of the Board of Directors and the Supervisory Board on the performance of their assigned duties and powers;

o. Deciding on the establishment or conversion of legal forms of commercial presence abroad and subsidiaries;

p. Through capital contribution, purchase, or sale of shares or equity stakes of the Bank in other enterprises or credit institutions where the value of the capital contribution, the expected purchase price, or the book value in the case of selling shares or equity stakes is 20% (twenty percent) or more of the Bank's charter capital as stated in the most recent audited financial statements;

q. Through investment decisions, purchase, or sale of fixed assets of the Bank where the investment level, the expected purchase price, or the original cost in the case of selling fixed assets is 20% (twenty percent) or more of the Bank's charter capital as stated in the most recent audited financial statements;

r. Through other contracts or transactions with a value of 20% (twenty percent) or more of the Bank's charter capital as stated in the most recent audited financial statements between the Bank and members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, or major shareholders; Related parties of the Bank's managers, members of the Supervisory Board, and major shareholders; subsidiaries and affiliated companies of the Bank, except in cases where the Bank is implementing a mandatory transfer plan;

s. Deciding on the division, separation, merger, acquisition, conversion of legal form, dissolution, or requesting the Court to initiate bankruptcy proceedings for the Bank;

t. Deciding on solutions to remedy significant financial fluctuations of the Bank;

u. Approving the list of independent auditing firms; deciding on the independent auditing firm to conduct the Bank's operations, and dismissing independent auditors when deemed necessary;

v. Other matters as prescribed by law, this Charter, and resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders.

2. Shareholders are not allowed to participate in voting on decisions of the General Meeting of Shareholders regarding:

a. Any contract stipulated in point q, clause 1 of this Article and in Article 43 of this Charter in which that shareholder or a related party of that shareholder is a party to the contract; or

b. Any repurchase of shares from that shareholder or any related party of that shareholder, except in cases where the repurchase of shares is carried out in proportion to the ownership of all shareholders or the repurchase is carried out through order matching or a public tender offer on the Stock Exchange.

3. The General Meeting of Shareholders must discuss and vote on decisions on matters included in the meeting agenda.

Article 30. Right to Attend the General Meeting of Shareholders

1. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be compiled based on the Bank's Shareholder Register. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be compiled upon the decision to convene the meeting and shall be compiled no more than 10 (ten) days before the date of sending the invitation to the General Meeting of Shareholders.

2. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders must include the full name, contact address, nationality, and legal document number of the individual shareholder; the name, enterprise code or legal document number of the organization, and the head office address of the

organization shareholder; the number of shares of each type, the number and date of registration of each shareholder.

3. Each shareholder has the right to check, search, extract, and copy the name and contact address of the shareholder in the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders; Shareholders are entitled to have their information recorded in the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders.

4. Shareholders have the right to request the convener of the General Meeting of Shareholders to correct inaccurate information or add necessary information about themselves in the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders.

5. Bank managers must promptly provide information from the shareholder register, correct or supplement inaccurate information as requested by shareholders; and are responsible for compensating damages arising from the failure to provide or the untimely or inaccurate provision of information from the shareholder register as requested.

Article 31. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

1. Shareholders who are individuals, or authorized representatives of shareholders who are organizations, may directly or authorize one or more other individuals or organizations in writing to attend the General Meeting of Shareholders. 1. An authorized representative attending the General Meeting of Shareholders may not re-authorize another person to attend the General Meeting of Shareholders and may not run for election in their personal capacity. If more than one authorized representative is appointed, the number of shares and votes of each representative must be specifically determined.

2. The authorization for a representative to attend the General Meeting of Shareholders must be in writing. The authorization document must be prepared in accordance with the provisions of civil law and must clearly state the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized representative, the number of shares authorized, the content, scope of authorization, and the duration of authorization. If the authorizing shareholder is an organization, the authorization document must be signed by the authorized representative, the legal representative of the organization or individual shareholder, and the legal representative of the organization authorized to attend the meeting. In other cases, the authorization document must be signed by the legal representative of the shareholder and the authorized representative. Authorized representatives attending the General Shareholders' Meeting must submit the authorization document when registering to attend the meeting before entering the meeting room.

3. The voting ballot of an authorized representative attending the meeting within the scope of their authorization remains valid in the following cases:

a. The authorizing person has died, is restricted in civil capacity, or has lost civil capacity;

b. The authorizing person has revoked the authorization;

c. The authorizing person has revoked the authority of the person performing the authorization.

This clause shall not apply if the Bank receives notification of one of the above events 24 (twenty-four) hours before the opening of the General Meeting of Shareholders or before the meeting is reconvened.

Article 32. Convening the General Meeting of Shareholders, meeting agenda and notification

1. The person convening the General Meeting of Shareholders must perform the following tasks:

a. 1. Prepare a list of shareholders entitled to attend and vote as stipulated in Article 30 of these Charters, prepare the agenda, content of the meeting, documents in accordance with the law and the Bank's regulations, and draft resolutions for each item on the agenda;

b. Determine the time and place of the General Meeting;

c. Send notices inviting shareholders to the General Meeting to all shareholders on the list of shareholders entitled to attend the General Meeting. The notices and documents must be sent no later than 21 (twenty-one) days before the opening date of the General Meeting. The notices must include the name, address, head office, business registration number; the name and contact address of the shareholder, the time and place of the meeting, and other requirements for attendees.

2. The notices inviting shareholders to the General Meeting must be accompanied by the meeting agenda and relevant documents and information on the issues to be discussed and voted on at the General Meeting. 3. Notices of meetings and documents for the General Meeting of Shareholders may be sent to shareholders by hand delivery or by registered mail to the registered address of the shareholder, or to an address provided by the shareholder. In the case of Bank employees, the notice may be sent to each individual in sealed envelopes to be kept at their workplace.

3. Notices of meetings for the General Meeting of Shareholders will be posted on the Bank's website simultaneously with the notices sent to shareholders. The agenda for the General Meeting of Shareholders and documents related to the issues to be voted on at the meeting will be sent to shareholders and/or posted on the Bank's website. In cases where the agenda for the General Meeting of Shareholders and related documents are not included with the meeting invitation, the meeting invitation must clearly state the website address and how to download the documents for shareholders to access.

4. Shareholders or groups of shareholders as stipulated in Clause 3, Article 25 of these Charters have the right to propose matters to be included in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Proposals must be in writing and sent to the Bank no later than 03 (three) working days before the opening date. The proposal must clearly state the shareholder's name, the number of each type of share held by the shareholder, the shareholder's registration number and date at the Bank, and the proposed issue to be included in the agenda.

The person convening the General Meeting of Shareholders must approve and include the proposal in the proposed agenda and content of the meeting, except as stipulated in Clause 5 of this Article; the

proposal will be officially added to the agenda and content of the meeting if approved by the General Meeting of Shareholders.

5. If the person convening the General Meeting of Shareholders refuses a proposal, they must respond in writing and state the reasons no later than 2 (two) working days before the opening date of the General Meeting of Shareholders. The person convening the General Meeting of Shareholders only has the right to refuse a proposal as stipulated in Clause 4 of this Article in the following cases:

a. The proposal is submitted incorrectly according to Clause 4 of this Article;

b. The issue in the proposal does not fall within the decision-making authority of the General Meeting of Shareholders;

c. Issues that are inconsistent with the provisions of this Charter and inconsistent with the provisions of the law.

6. Only the General Meeting of Shareholders has the right to change the meeting agenda attached to the notice convening the General Meeting of Shareholders.

Article 33. Conditions, procedures for conducting meetings, voting at the meeting, and minutes of the General Meeting of Shareholders

1. A General Meeting of Shareholders shall be conducted when the number of shareholders attending represents at least 65% (sixty-five percent) of the voting shares. If the required percentage of voting shares is not present within 60 (sixty) minutes from the scheduled meeting time, a second meeting of the General Meeting of Shareholders shall be convened within 30 (thirty) days from the date the first meeting was scheduled to commence. The second meeting of the General Meeting of Shareholders shall be conducted when the number of shareholders attending represents at least 51% (fifty-one percent) of the voting shares. If the second General Meeting of Shareholders does not meet the required quorum of shareholders with voting rights present within 60 (sixty) minutes from the scheduled meeting time, then the third General Meeting of Shareholders shall be convened within 20 (twenty) days from the scheduled opening date of the second meeting. The third General Meeting of Shareholders shall proceed regardless of the number of shareholders present, the quorum of shareholders with voting rights, and shall have the right to decide on all matters that the first General Meeting of Shareholders could have validly decided.

2. Before the opening of the meeting, the Bank must carry out the shareholder registration procedure and must continue registration until all shareholders entitled to attend the meeting have registered in the following order:

a. When registering shareholders, the Bank issues each shareholder or authorized representative a voting card, which includes the registration number, the shareholder's full name, the authorized representative's full name, and the number of votes cast. Voting is conducted by vote in favor, against, or abstention. At the General Meeting, the cards for favoring the resolution are collected first, followed by

those for opposing the resolution. Finally, the total number of votes in favor or against is counted to make a decision.

b. Shareholders or authorized representatives who arrive after the meeting has commenced have the right to register immediately and subsequently participate in and vote at the General Meeting. However, the chairperson is not obligated to stop the meeting to allow these shareholders to register, and the validity of any voting already conducted will not be affected.

3. The election of the chairman, secretary, and vote counting committee for the General Meeting of Shareholders is regulated as follows:

a. The Chairman of the Board of Directors shall preside over or authorize another member of the Board of Directors to preside over the General Meeting of Shareholders convened by the Board of Directors. In the event that the Chairman is absent or temporarily incapacitated, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of them to preside over the meeting by majority vote. If no chairman can be elected, the Head of the Supervisory Board shall conduct the General Meeting of Shareholders to elect a chairman from among those present, and the person with the highest number of votes shall preside over the meeting;

b. Except as stipulated in point a of this clause, the person who signed the summons to the General Meeting of Shareholders shall preside over the General Meeting of Shareholders to elect a chairman, and the person with the highest number of votes shall preside over the meeting;

c. The chairman shall appoint one or more secretaries to prepare the minutes of the General Meeting of Shareholders;

d. The General Meeting of Shareholders shall elect the vote counting committee upon the proposal of the meeting chairman.

4. The agenda and content of the meeting must be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda must specify the time allocated for each item on the agenda.

5. The person convening the meeting or the chairman of the General Meeting of Shareholders has the right to:

a. Require all attendees to undergo security checks or other lawful and reasonable security measures;

b. Request the competent authority to maintain order at the meeting; expel those who do not comply with the chairman's authority, intentionally disrupt order, hinder the normal progress of the meeting, or fail to comply with security checks from the General Meeting of Shareholders.

6. The chairperson has the right to postpone a General Meeting of Shareholders with a maximum registered attendance of no more than 3 (three) working days from the date the meeting was scheduled to commence, and may only postpone or change the meeting location in the following cases:

a. The meeting location does not have enough convenient seating for all attendees;

b. The communication facilities at the meeting location do not ensure that shareholders can participate, discuss, and vote;

c. An attendee engages in obstructive or disruptive behavior that threatens to prevent the meeting from being conducted fairly and legally.

7. If the chairperson postpones or suspends the General Meeting of Shareholders contrary to the provisions of Clause 6 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person from among the attendees to replace the chairperson in conducting the meeting until its conclusion, and all resolutions passed at that meeting shall be effective and enforceable.

8. The General Meeting of Shareholders adopts decisions within its authority by voting at the meeting. The General Meeting of Shareholders discusses and votes on each item on the agenda. Issues stipulated in points a, d, f, and s of Clause 1, Article 29 of these Charters must be adopted by voting at the General Meeting of Shareholders. A decision of the General Meeting of Shareholders is adopted when:

a. Except as stipulated in point b of this Clause, a decision of the General Meeting of Shareholders is adopted at the meeting when it is approved by shareholders representing more than 50% (fifty percent) of the total voting rights of all shareholders present at the meeting;

b. For decisions to approve the plan to change the charter capital; to approve the plan to offer shares, including the type of shares and the number of new shares to be offered; Decisions on investing in, buying, or selling fixed assets of the Bank where the investment level, expected purchase price, or original cost in the case of selling fixed assets has a value of 20% (twenty percent) or more of the Bank's charter capital as recorded in the most recent audited financial statement; decisions on the division, separation, merger, acquisition, conversion of legal form, dissolution, or request for bankruptcy proceedings of the Bank must be approved by shareholders representing more than 65% (sixty-five percent) of the total voting shares of all shareholders present at the meeting.

c. Voting for members of the Board of Directors and the Supervisory Board must be conducted using cumulative voting, whereby each shareholder has a total number of votes corresponding to the total number of shares owned multiplied by the number of members to be elected to the Board of Directors or the Supervisory Board. Shareholders have the right to allocate all or part of their total votes to one or more candidates. The elected members of the Board of Directors or the Supervisory Board are determined by the number of votes received, from highest to lowest, starting with the candidate with the highest number of votes until the required number of members is reached. In the event that two or more candidates receive the same number of votes for the last member of the Board of Directors or the Supervisory Board, a re-election will be held among the candidates with the equal number of votes, or a selection will be made according to the criteria stipulated in the election regulations.

d. Resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders take effect from the date of their adoption or from the effective date stated in the resolution or decision.

e. Resolutions and decisions adopted at the General Meeting of Shareholders with shareholders attending in person and by proxy representing 100% (one hundred percent) of the total voting shares are legal and effective even if the procedures for convening the meeting and adopting the resolution or decision are not carried out in accordance with the Bank's Charter and legal regulations.

9. The General Meeting of Shareholders must be recorded in minutes and may be audio-recorded or recorded and stored in other electronic forms. The minutes must be prepared in Vietnamese; the addition of a foreign language version is also legally valid. In case of discrepancies between the Vietnamese and foreign language versions of the minutes, the Vietnamese version shall prevail. The minutes shall include the following main contents:

a. Name, address of the head office, enterprise code;

b. Time and place of the General Meeting of Shareholders;

c. Agenda and content of the meeting;

d. Full names of the chairperson and secretary;

e. Summary of the meeting proceedings and opinions expressed at the General Meeting of Shareholders on each item on the agenda;

f. Number of shareholders and total number of votes cast by shareholders attending the meeting, appendix listing registered shareholders, shareholder representatives attending the meeting with their respective shareholdings and votes;

g. Total number of votes cast for each voting item, specifying the voting method, total number of valid, invalid, affirmative, disapproving, and abstention votes; corresponding percentage of the total number of votes cast by shareholders attending the meeting;

h. Issues discussed and decisions approved by the General Meeting of Shareholders, the corresponding percentage of votes in favor, and outstanding issues;

i. Names and signatures of the chairperson and secretary. In the event that the chairperson or secretary refuses to sign the meeting minutes, these minutes shall be valid if signed by all other members of the Board of Directors present at the meeting and contain all the content as stipulated in this clause. The meeting minutes shall clearly state the refusal of the chairperson or secretary to sign the minutes.

10. The minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the end of the meeting and must be sent to all shareholders within 15 (fifteen) days from the end of the meeting; sending the vote counting minutes may be replaced by posting them on the Bank's website. The minutes will serve as evidence of the work performed at the General Meeting of Shareholders.

11. Resolutions, minutes of the General Meeting of Shareholders, appendices listing registered shareholders with their signatures, proxies, all documents attached to the minutes (if any), and related documents accompanying the meeting invitation notice must be kept at the Bank's head office. Within 15 (fifteen) days from the date of the conclusion of the General Meeting of Shareholders or from the date of the conclusion of the vote counting in the case of written consultation, the Bank must send to the State Bank of Vietnam all resolutions and decisions approved by the General Meeting of Shareholders.

Article 34. Adoption of Shareholders' General Meeting Decisions by Written Opinion

1. Except for matters stipulated in points a, d, f, and s of Clause 1, Article 29 of this Charter, which must be adopted by voting at the Shareholders' General Meeting, decisions of the Shareholders' General Meeting may be adopted by written opinion provided that they receive the written consent of shareholders representing more than 50% (fifty percent) of the Bank's voting shares.

2. To ensure that decisions are unanimously adopted by shareholders by written opinion, the Board of Directors is responsible for:

a. Deciding on the issues to be submitted for shareholder consultation, the method and content of the voting in accordance with this Charter and the law;

b. Prepare opinion ballots and related documents concerning the issue requiring a vote, specifying the date by which these documents must be returned ("Return Date"), along with a written statement of the shareholders' voting opinions to the Bank, and send them to all shareholders entitled to vote no later than 10 (ten) days before the Return Date. The list of shareholders to whom opinion ballots are sent shall be compiled in accordance with Clauses 1 and 2 of Article 30 of these Charters. The requirements and methods for sending opinion ballots and accompanying documents shall comply with Article 32 of these Charters. The opinion ballot must contain the main contents as prescribed by law;

c. Summarize the voting opinions to determine the decision of the General Meeting of Shareholders, and within 15 (fifteen) days from the Return Date, the Board of Directors shall send a written notification of the voting results and the decision of the General Meeting of Shareholders to the Provincial/City Branch of the State Bank of Vietnam where the Bank is headquartered. 3. Shareholders may submit their completed opinion ballots to the Bank in one of the following ways:

a. By mail. Completed opinion ballots must be signed by the individual shareholder, the authorized representative, or the legal representative of the corporate shareholder. Opinion ballots sent to the Bank must be enclosed in a sealed envelope, and no one is allowed to open them before the vote count;

b. By fax or email. Opinion ballots sent to the Bank via fax or email must be kept confidential until the vote count.

Opinion ballots sent to the Bank after the deadline specified in the ballot content, or that have been opened in the case of mail or disclosed in the case of fax or email, are invalid. Unsubmitted ballots will be considered as not participating in the vote.

c. In the event that a shareholder simultaneously submits the Opinion Poll Form by mail and by fax/email, if there is a difference between the voting results on these forms, the result on the paper Opinion Poll Form submitted by mail will take precedence.

4. The Board of Directors shall organize the vote counting and prepare a vote counting report in the presence of the Supervisory Board or a shareholder who does not hold a management position in the Bank.

5. The vote counting report must include the following main contents:

a. Name, head office address, and business registration number;

b. Purpose and issues requiring opinion gathering for the resolution or decision;

c. Number of shareholders and total number of votes cast, distinguishing between valid and invalid votes, method of sending ballots, and an appendix listing participating shareholders;

d. Total number of votes in favor, against, and abstentions for each issue;

e. Decisions passed and the corresponding voting percentages;

f. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors, the vote counting supervisor, and the vote counter.

The members of the Board of Directors, the vote counter, and the vote counting supervisor shall be jointly responsible for the honesty and accuracy of the vote counting minutes; and jointly responsible for any damages arising from decisions passed due to dishonest or inaccurate vote counting.

6. The vote counting results minutes and resolutions/decisions must be sent to shareholders within 15 (fifteen) days from the date of completion of vote counting, or may be replaced by posting them on the Bank's website.

7. The completed ballots, vote counting minutes, the full text of the passed resolutions, and related documents attached to the ballots must all be kept at the Bank's head office.

8. Resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders adopted through written consultation have the same value as resolutions and decisions adopted directly by the General Meeting of Shareholders through voting at the meeting. Resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders adopted by 100% of the total voting shares are legal and effective even if the procedures for obtaining written opinions and adopting the resolution or decision were not carried out in accordance with the law and the provisions of this Charter.

Article 35. Annulment of Shareholders' Meeting Decisions

Within 90 (ninety) days from the date of receipt of the Resolution or minutes of the Shareholders' Meeting or the minutes of the vote count results of the Shareholders' Meeting, a shareholder or group of shareholders as stipulated in Clause 3, Article 25 of this Charter has the right to request the Court or Arbitration to review and annul the decision of the Shareholders' Meeting in the following cases:

1. The procedures for convening the meeting or obtaining shareholder opinions in writing and issuing decisions of the Shareholders' Meeting seriously violate the provisions of current law and this Charter, except as stipulated in point e, Clause 8, Article 33 and Clause 8, Article 34 of this Charter.

2. The content of the decision violates the provisions of law or this Charter.

SECTION II

GENERAL PROVISIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, AND GENERAL MANAGER

Article 36. General Duties

1. The Board of Directors is the governing body of the Bank, having full authority to act on behalf of the Bank to decide and exercise the rights and obligations of the Bank, and to decide on matters related to the purpose and interests of the Bank, except for matters within the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. The Supervisory Board supervises and evaluates compliance with the provisions of the law, internal regulations, the Charter, and resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

3. The General Manager is the highest-ranking executive of the Bank, responsible to the Board of Directors for the exercise of his/her rights and obligations.

Article 37. Cases where Individuals are not permitted to hold a position

Details are specified in the Bank's internal regulations on corporate governance.

Article 38. Cases where individuals cannot simultaneously hold a position

Details are specified in the Bank's internal regulations on corporate governance.

Article 39. Automatic loss of membership in the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director status

Details are specified in the Bank's internal regulations on corporate governance.

Article 40. Dismissal, removal from office, and resignation

Details are specified in the Bank's internal regulations on corporate governance.

Article 41. Suspension and Temporary Suspension of the Board of Directors, Supervisory Board, and General Director

1. The Chairman, other members of the Board of Directors, the Head and other members of the Supervisory Board, and the Bank's executives may be suspended or temporarily suspended from

exercising their rights and obligations by decision of the State Bank of Vietnam in case of violations of the provisions of Article 43, Clause 10 of Article 48 of the Law on Credit Institutions, other relevant legal provisions in the process of exercising their assigned rights and obligations, or failure to meet the standards and conditions stipulated in Article 41 of the Law on Credit Institutions; the State Bank of Vietnam has the right to request the competent authority to dismiss, remove, elect, appoint a replacement, or designate a replacement if deemed necessary.

2. In case the Bank is placed under special supervision, the Special Supervisory Board at the Bank has the right to suspend or temporarily suspend the exercise of the rights and obligations of the Chairman and other members of the Board of Directors; 2. The head and other members of the Supervisory Board; the executive if deemed necessary.

3. Individuals whose rights and obligations are suspended or temporarily suspended as stipulated in Clauses 1 and 2 of this Article shall be responsible for participating in addressing outstanding issues and violations related to their personal responsibility when requested by the State Bank of Vietnam, the Board of Directors, the Supervisory Board of the Bank, or a special Supervisory Board.

SECTION III

OBLIGATIONS OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, SUPERVISORY BOARD, GENERAL MANAGER AND OTHER EXECUTIVES

Article 42. Duty of Prudence of Members of the Board of Directors, Supervisory Board, General Manager and Other Executives

Members of the Board of Directors, Supervisory Board, General Manager and other Executives are obligated to perform their duties honestly and in a manner which they deem beneficial to the Bank in accordance with the law and this Charter, with the same degree of prudence that a prudent person would normally exercise under similar conditions and circumstances.

Article 43. Obligation of Loyalty and Avoidance of Conflicts of Interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other Executives entrusted with responsibility shall not use for themselves business opportunities that the Bank may use to its own advantage, and shall not use information obtained through their positions to gain personal profit or to serve the interests of any other organization or individual.

2. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other Executives are obligated to promptly, fully, and accurately inform the Board of Directors of any interests that may conflict with the Bank's interests that they may have in other organizations, transactions with other organizations or individuals, and may only use such opportunities after the Board of Directors (comprising members of the Board of Directors who do not have related interests) has reviewed and approved them.

3. Contracts and transactions of the Bank that are not subject to prohibitions or restrictions under the Law on Credit Institutions with members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, major shareholders; related parties of managers, members of the Supervisory Board, major shareholders of the Bank; subsidiaries, affiliated companies of the Bank, and the entities specified in Article 44 of this Charter may only be signed if they ensure compliance with the following regulations:

a. For contracts and transactions with a value of 20% (twenty percent) or more of the Bank's charter capital as stated in the most recent audited financial statement, approval by the General Meeting of Shareholders is required before signing. In this case, the Bank's representative signing the contract must notify the Board of Directors and the Supervisory Board of the related parties involved in that contract or transaction; and simultaneously include a draft contract or notification of the main contents of the transaction. The Board of Directors shall present the draft contract or explanation of the main contents of the transaction at the General Meeting of Shareholders or obtain shareholder opinions in writing. Shareholders with an vested interest do not have the right to vote; the contract or transaction is approved when 65% (sixty-five percent) of the remaining voting shares of the shareholders are in favor, unless the contract or transaction is subject to a higher voting ratio stipulated in these Articles of Association. Shareholders who are the signatories of the contract or shareholders related to the signatories of the contract are not permitted to participate in voting.

b. For contracts and transactions with a value of less than 20% (twenty percent) of the Bank's charter capital as stated in the most recent audited financial statement, approval by the Board of Directors is required before signing. In this case, the Bank's representative signing the contract must notify the members of the Board of Directors and the Supervisory Board of the parties involved in that contract or transaction; and simultaneously include a draft contract or the main contents of the transaction. The Board of Directors shall decide on the approval of the contract or transaction within 15 (fifteen) days from the date of receiving the notification. Members of the Board of Directors who are the signatories of the contract or members of the Board of Directors related to the signatories of the contract are not allowed to participate in voting.

4. If a contract is signed without the approval of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors as stipulated in Clause 3 of this Article, the contract shall be invalid and shall be handled according to the provisions of the law. Those who cause damage to the Bank shall be liable for compensation.

5. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other Executives are not allowed to buy, sell, or trade shares of the Bank or its subsidiaries when they possess information that could affect the price of these shares while other shareholders do not have that information.

Article 44. Obligation to disclose related interests

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, Deputy General Directors, and equivalent positions of the Bank must provide the Bank with the following information:

a. Name, business registration number, and head office address of the enterprise or economic organization in which they or they and related parties own capital contributions or shares of 05% (five percent) or more of the charter capital, including capital contributions or shares authorized or entrusted to other organizations or individuals;

b. Name, business registration number, and head office address of the enterprise or other economic organization in which the individual and related persons are members of the Board of Directors, Board of Members, auditor, Supervisory Board, or General Director (Director);

c. Information about related persons who are individuals, including: Full name; personal identification number; nationality, passport number, date of issue, and place of issue for foreigners; relationship with the information provider;

d. Information about related persons who are organizations, including: Name, business registration number, head office address, business registration certificate number or equivalent legal document; legal representative, and relationship with the information provider.

2. The provision of information as stipulated in Clause 1 of this Article and any changes to related information must be made in writing within 07 (seven) working days from the date of occurrence or change of information.

3. The Bank must disclose the information stipulated in points a, b, and d of Clause 1 of this Article periodically every year to the General Meeting of Shareholders and post and maintain the information stipulated in Clause 1 of this Article at the Bank's head office.

4. The Bank must notify the State Bank of Vietnam in writing of the information stipulated in Clause 1 of this Article within 07 (seven) working days from the date the Bank receives the public disclosure information as stipulated in Clause 2 of this Article.

Article 45. Liability for Damages and Compensation

1. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other Executives who fail to perform their duties honestly and diligently, or who fail to fulfill their duties with conscientiousness and professional competence, shall be liable for damages caused by their breach of duty. The liability for damages and compensation of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and other Executives shall be stipulated in the Bank's internal regulations on corporate governance.

2. The Bank will reimburse any incurred costs (including attorney fees), judgment fees, fines, and payments arising from or deemed reasonable in the settlement of these cases within the framework of the law for individuals who have been, are, or may become involved in complaints, lawsuits, or prosecutions (including civil and administrative cases that are not litigation initiated by the Bank) if they perform their duties as members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, General Director, and other Executives, officers, or employees of the Bank in which they are required to participate or represent the Bank as authorized by the Bank, provided that these individuals have acted in accordance with the law, this Charter, and the Bank's regulations honestly, carefully, diligently, and to the best of their professional ability for the benefit of or against the benefit of the Bank. The bank may purchase and maintain insurance for these individuals to avoid the aforementioned compensation liabilities.

SECTION IV
BOARD OF DIRECTORS

Article 46. Composition and Term

1. The General Meeting of Shareholders shall elect members of the Board of Directors by cumulative voting.

2. The General Meeting of Shareholders shall dismiss or remove members of the Board of Directors with a majority vote of more than 50% (fifty percent) of the total votes of all shareholders present at the meeting. The Board of Directors shall elect, dismiss, or remove the Chairman and Vice-Chairman of the Board of Directors.

3. The Board of Directors shall consist of at least 05 (five) members and at most 11 (eleven) members, including at least 02 (two) independent members. The number of members for each term shall be decided by the General Meeting of Shareholders.

The Board of Directors must have at least 2/3 (two-thirds) of its total members being independent members and members who are not executives of the Bank.

Individuals and their related persons, or representatives of the capital contribution of an institutional shareholder and their related persons, may participate in the Board of Directors, but not more than 02 (two) members of the Bank's Board of Directors, except in the case of representatives of the State's capital contribution or the compulsory transferee.

4. The Board of Directors has a term of 5 (five) years. The term of office for each member of the Board of Directors is 5 years and they may be re-elected for an unlimited number of terms.

The Board of Directors whose term has just ended shall continue to operate until a new Board of Directors is elected and takes over. In the event that a member is elected to fill in or replace a member

who has been dismissed or removed from office within the term of office, the term of office of that member shall be the remaining term of the Board of Directors.

5. The nomination, candidacy, election, dismissal, removal, and resignation of the Chairman of the Board of Directors and other members of the Board of Directors must be carried out in accordance with current laws, this Charter, and the Internal Regulations on Corporate Governance at the Bank. The procedures, documentation, and notification of the election, appointment, dismissal, and removal of the Chairman and other members of the Board of Directors shall be carried out in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam. The results of the election, appointment, dismissal, and removal of the Chairman of the Board of Directors and other members of the Board of Directors of the Bank must be notified to the State Bank of Vietnam as prescribed.

6. The Chairman of the Board of Directors must reside in Vietnam during his/her term of office.

7. In the case of foreign shareholders (including Vietnamese citizens residing abroad) participating in the Board of Directors, the following additional conditions must be met:

a. The proportion of members participating in the Board of Directors must correspond to the proportion of capital contributed by all foreign shareholders in the Bank;

b. Not being a member of the Board of Directors of another credit institution in Vietnam.

Article 47. Powers and duties of the Board of Directors

1. To be responsible for ensuring that the Bank's operations comply with the provisions of the law, the Charter and internal regulations of the Bank, to treat all shareholders equally, and to respect the interests of those with vested interests in the Bank.

2. Be accountable to the General Meeting of Shareholders for the performance of assigned duties and powers. Submit to the General Meeting of Shareholders for decision and approval matters within the duties and powers of the General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 1, Article 29 of this Charter.

3. Decide on the establishment of branches, representative offices, and business units of the Bank.

4. Elect, dismiss, and remove the Chairman of the Board of Directors.

5. Appoint, dismiss, discipline, suspend, and determine the salary, bonuses, and other benefits for the General Director, Deputy General Directors, and other executives within the authority as stipulated by the Board of Directors and the Bank's internal regulations on corporate governance. Sign and terminate contracts with the General Director.

6. Through capital contribution, purchase, and sale plans of shares or capital contributions of the Bank in other enterprises or credit institutions where the value of the capital contribution, the expected purchase price, or the book value in the case of selling shares or capital contributions is less than 20% (twenty percent) of the Bank's charter capital as recorded in the most recent audited financial statement.

7. Appoint representatives of the Bank's capital contributions in other enterprises or credit institutions and determine the remuneration and other benefits of these representatives.

8. Approving investment decisions, purchases, and sales of fixed assets of the Bank where the investment amount, expected purchase price, or original cost in the case of selling fixed assets has a value of 10% (ten percent) or more of the Bank's charter capital as recorded in the most recent audited financial statement, except for investments, purchases, and sales of fixed assets under the authority of the General Meeting of Shareholders as stipulated in point q, clause 1, Article 29 of this Charter.

9. Approving credit granting decisions as stipulated in clause 7, Article 136 of the Law on Credit Institutions, except for other contracts and transactions under the authority of the General Meeting of Shareholders.

10. Approving other contracts and transactions with a value of less than 20% (twenty percent) of the Bank's charter capital as recorded in the most recent audited financial statement between the Bank and members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director, and major shareholders of the Bank; 10. Approve contracts and other transactions with a value of 10% (ten percent) or more of the Bank's charter capital as stated in the most recent audited financial statements.

12. Approve the Bank's operational restructuring plan for each period as directed by the State Bank of Vietnam and report it to the General Meeting of Shareholders at the next General Meeting of Shareholders.

13. Inspect, supervise, and direct the General Director in performing assigned tasks and other managers in the daily operation of the Bank; periodically evaluate the General Director's performance annually.

14 Promulgate internal regulations relating to the organization, governance, operations, and professional ethical standards of the Bank in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions and relevant laws, except for matters within the authority of the Supervisory Board (including ethical standards for members of the Supervisory Board and internal auditors) or the General Meeting of Shareholders.

15. Decide on risk management policies and supervise the implementation of risk prevention measures of the Bank.

16. Supervise and direct the General Director in internal control and risk management activities, ensuring that members of the Board of Directors do not participate in reviewing or approving risky decisions within the functions and duties of the General Director. If a member of the Board of Directors is also the General Director, the Bank must apply control measures to ensure that there is no conflict of interest and to maintain independent supervision. The detailed content is stipulated in the Regulations on the Organization and Operation of the Board of Directors.

17. Review and approve the annual report.

18. Decide on the offering of new shares within the scope of the number of shares authorized for offering.

19. Decide on the offering price of shares and convertible bonds of the Bank.

20. Decide on the repurchase of Bank shares according to the approved plan.

21. Propose a plan for profit distribution, the level of dividends to be paid; decide on the time and procedures for paying dividends or handling losses incurred during business operations.

22. Prepare relevant content and documents for submission to the General Meeting of Shareholders for decision and approval of matters within the authority of the General Meeting of Shareholders, except for matters within the duties and powers of the Supervisory Board.

23. Approve the program and work plan of the Board of Directors, the program, content, and documents for the General Meeting of Shareholders; convene the General Meeting of Shareholders or obtain shareholder opinions in writing to approve resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders.

24. Organize, inspect, and supervise the implementation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

25. Promptly notify the State Bank of Vietnam of information negatively affecting the status of members of the Board of Directors, the Supervisory Board, and the General Director.

26. Other duties and powers as prescribed by law.

Article 48. Powers and Obligations of the Chairman and Members of the Board of Directors

1. The Chairman of the Board of Directors has the following rights and obligations:

a. To prepare the program and plan of activities of the Board of Directors; to be responsible for the exercise of his/her rights and obligations.

b. To convene and preside over meetings of the Board of Directors.

c. To sign documents within the authority of the Board of Directors on behalf of the Board of Directors.

d. To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors.

e. To supervise and organize the supervision of the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors.

f. To preside over the General Meeting of Shareholders.

g. To ensure that members of the Board of Directors receive complete, objective, and accurate information and have sufficient time to discuss issues that the Board of Directors must consider.

h. To assign specific tasks to each member of the Board of Directors.

i. Supervising Board members in the exercise of their assigned rights, obligations, and duties.

j. Only authorizing another member of the Board of Directors to exercise the rights and obligations of the Chairman of the Board of Directors during the Chairman's absence or inability to perform his duties.

k. Annually evaluating the performance of each member of the Board of Directors and its Committees, and reporting the results of this evaluation to the General Meeting of Shareholders.

l. Other rights and obligations as stipulated in Clause 2 of this Article and applicable laws.

2. Members of the Board of Directors have the following rights and obligations:

a. To exercise the rights and obligations of a member of the Board of Directors in accordance with the internal regulations of the Board of Directors and the assignments of the Chairman of the Board of Directors in an honest, careful manner, for the benefit of the Bank and shareholders; to promote the independence of independent members of the Board of Directors in exercising their rights and obligations; responsible for the exercise of their rights and obligations.

b. Review the audit report on financial statements prepared by independent auditors, provide opinions or request the Bank's executives, independent auditors, and internal auditors to explain or clarify issues related to the report.

c. Propose to the Chairman of the Board of Directors to convene an extraordinary meeting of the Board of Directors.

d. Attend meetings of the Board of Directors, discuss and vote on matters within the duties and powers of the Board of Directors as stipulated in this Charter, except in cases where voting is prohibited due to a conflict of interest with that member. Be accountable to the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors for their decisions.

e. Implement resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

f. Explain to the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors the performance of assigned duties when requested.

g. Members of the Board of Directors are responsible for disclosing to the Bank the remuneration they receive from subsidiaries, affiliated companies, and other organizations in which they represent the Bank's capital contributions.

h. Members of the Board of Directors and related parties, when conducting share transactions of the Bank, must report to the State Securities Commission and disclose information about such transactions in accordance with the law.

i. Members of the Board of Directors may not authorize others to attend Board meetings to decide on matters stipulated in Clauses 2, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 14, 15, 17, and 21 of Article 47 of this Charter.

j. Other rights and obligations as prescribed by law and this Charter.

Article 49. Remuneration, Bonuses, and Other Benefits of Members of the Board of Directors

1. The Bank has the right to pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business results and efficiency.

2. Members of the Board of Directors are entitled to work-related remuneration and bonuses. 2. Remuneration is calculated based on the number of working days required to complete the tasks of a

Board member and the daily rate. The Board of Directors determines the remuneration for each member by mutual agreement. The total remuneration and bonuses of the Board of Directors are decided by the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

3. The remuneration of each Board member is included in the Bank's business expenses in accordance with the law on corporate income tax, is presented as a separate item in the Bank's annual financial statements, and must be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

4. Board members holding executive positions or Board members working in subcommittees of the Board of Directors or performing other tasks outside the normal scope of a Board member's duties may receive additional remuneration in the form of a lump sum payment, salary, commission, percentage of profits, or other forms as decided by the Board of Directors.

5. Members of the Board of Directors are entitled to reimbursement for all travel, accommodation, meals, and other reasonable expenses incurred in performing their duties as members of the Board of Directors, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or subcommittees of the Board of Directors.

6. Members of the Board of Directors may have liability insurance purchased by the Bank after approval by the General Meeting of Shareholders. This insurance does not cover the liability of Board members related to violations of the law and the Articles of Association.

Article 50. Replacement of Board Members

1. Within no more than 15 (fifteen) days from the date the Chairman of the Board of Directors automatically loses his/her status as a member of the Board of Directors, the members of the Board of Directors shall be responsible for organizing a meeting of the Board of Directors to elect a member of the Board of Directors (meeting the qualifications and conditions as prescribed by current regulations) as Chairman of the Board of Directors.

2. If the Chairman of the Board of Directors wishes to resign, he/she must submit a letter to the Board of Directors. Within 60 (sixty) days from the date of receiving the letter, the Board of Directors must hold a meeting to consider and decide on the matter and carry out the procedures for dismissal, removal, and election of the Chairman of the Board of Directors in accordance with current regulations.

3. If a member of the Board of Directors wishes to resign, he/she must submit a letter or document to the Board of Directors for submission to the General Meeting of Shareholders for decision.

4. If the number of Board of Directors members is less than the minimum number of Board of Directors members stipulated in this Charter, then within 90 (ninety) days from the date the minimum number of Board of Directors members is not met, the Bank must elect additional members to ensure the minimum number is met, except as stipulated in Clause 5, Article 166 of the Law on Credit Institutions.

5. In other cases, the next meeting of the General Meeting of Shareholders will elect new Board of Directors members to replace dismissed or removed members, or to fill any vacancies.

6. After the first General Meeting of Shareholders, those elected to the positions of Chairman, Vice Chairman, and members of the Board of Directors are legally responsible for the implementation and completion of the Bank's establishment.

7. Those elected to the positions of Chairman, Vice Chairman, and members of the Board of Directors, upon election, are responsible for immediately assuming and performing the duties of their elected positions. The Chairman, Vice Chairman, and members of the Board of Directors who are dismissed or removed from office are responsible for handing over their duties to the newly elected Chairman, Vice Chairman, and members of the Board of Directors for resolution and continued handling, they remain personally responsible for their decisions during their tenure in those positions.

Article 51. Meetings of the Board of Directors

1. In the case where the Board of Directors elects a Chairman, the first meeting of the Board of Directors' term to elect the Chairman and make other decisions within its authority must be held within 07 (seven) working days from the date of the conclusion of the election of the Board of Directors for that term. This meeting shall be convened by the member with the highest number of votes. 1. In the event that more than one member receives the highest and equal number of votes, the members who voted by majority will have one of them convene a meeting of the Board of Directors.

2. The Board of Directors shall meet at least once every quarter and may hold extraordinary meetings. The Chairman of the Board of Directors must convene regular or extraordinary meetings of the Board of Directors. The procedures for convening meetings, setting the agenda, and the time and place of meetings are specified in detail in the Bank's internal regulations on corporate governance.

3. Meeting location: Board of Directors meetings shall be held at the Bank's registered address or other locations designated by the Board of Directors.

4. Required attendance: The first Board of Directors meeting can only be held when at least 3/4 (three-quarters) of the Board members are present in person or through their representatives (authorized persons).

For subsequent Board of Directors meetings, the procedures, formalities, and attendance ratios shall be based on the regulations in the Bank's internal corporate governance rules.

5. Voting principles:

a. Each Board member attending the Board meeting shall have one vote.

b. A Board decision shall be adopted if approved by a majority of the Board members entitled to vote present at the meeting. In case of a tie, the final decision shall rest with the side whose opinion is

supported by the Chairman of the Board of Directors or the Board member authorized by the Chairman to preside over the meeting (in the absence of the Chairman of the Board of Directors).

c. Matters concerning voting, non-voting, conflicts of interest, declarations of rights, etc., are specified in detail in the Bank's internal regulations on corporate governance.

6. Minutes: Minutes of Board of Directors meetings must be recorded. Minutes of Board of Directors meetings shall be prepared in Vietnamese and may also be prepared in a foreign language with equal legal validity. In case of discrepancies in content between the Vietnamese and foreign language minutes, the Vietnamese minutes shall prevail. The chairperson, secretary, and members of the Board of Directors attending the meeting shall be jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the Board of Directors meeting minutes.

7. Forms of Board of Directors Meetings:

In addition to in-person meetings, Board of Directors meetings may be held in various forms such as telephone, online conferences (video conferencing), etc.

8. Notification of Board of Directors Resolutions: Board of Directors resolutions are sent to Board members, the Supervisory Board, and relevant departments/individuals for implementation.

Details regarding the procedures, authorization to attend meetings, contents of meeting minutes, and other contents of Board of Directors meetings are specifically stipulated in the Internal Regulations on Corporate Governance at the Bank and the Regulations on the Organization and Operation of the Board of Directors of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

Article 52. Support Unit of the Board of Directors

1. The Board of Directors is permitted to use the support unit and the Bank's seal to perform its duties and powers.

2. The Board of Directors will have dedicated support staff and will specify the number and duties of each support member.

3. The Board of Directors must establish Committees to assist the Board of Directors in performing its duties and powers, including a Risk Management Committee and a Human Resources Committee. The Board of Directors shall decide on the duties and powers of these two Committees in accordance with the regulations of the Governor of the State Bank of Vietnam.

Article 53. Person in charge of corporate governance, Secretary of the Board of Directors

1. The Board of Directors of the Bank shall appoint at least one person to perform the duties of the Person in charge of corporate governance of the Bank. The Person in charge of corporate governance may be the Chief of the Office of the Board of Directors and/or the Secretary of the Board of Directors The standards, functions, powers, and duties of the Person in charge of corporate governance shall be implemented in accordance with the Internal Regulations on corporate governance at the Bank.

2. The Board of Directors appoints a Board Secretary to assist the Board of Directors. The functions and duties of the Board Secretary are determined by the Board of Directors.

SECTION V

GENERAL DIRECTOR

Article 54. General Director

1. The General Director manages the Bank's operations, assisted by several Deputy General Directors, a Chief Accountant, and a professional and technical staff.

2. The Board of Directors appoints a member of the Board of Directors or another person as General Director and will sign an employment contract specifying the salary, bonuses, compensation, benefits, and other terms for the General Director. Information on the salary, bonuses, allowances, compensation, and benefits of the General Director must be reported to the Annual General Meeting of Shareholders, presented as a separate section in the Annual Financial Statements, and included in the Bank's Annual Report.

3. The General Director is responsible to the Board of Directors and to the law for the exercise of his/her rights and obligations in the daily operation of the Bank.

4. Unless otherwise stipulated by the Board of Directors, the term of office of the General Director is 5 (five) years; the General Director may be reappointed for an unlimited number of terms. The appointment, dismissal, removal, and resignation of the General Director shall be carried out in accordance with the Law on Credit Institutions and the regulations of the State Bank of Vietnam.

In the event of a vacancy in the position of General Director, the Board of Directors must appoint a new General Director within 90 (ninety) days from the date of the vacancy.

If, at the end of the term, a new General Director has not yet been appointed, the General Director of the term that just ended shall continue to exercise the rights and obligations until a new General Director is appointed and assumes the duties.

5. The Deputy General Director assists the General Director in managing and operating one or more areas of the Bank's activities as assigned by the General Director. The Deputy General Director reports to and is responsible to the General Director and to the law for the performance of the tasks assigned by the General Director.

6. The Chief Accountant assists the General Director in directing the accounting and statistical work of the Bank, and has the rights and duties as prescribed by law.

Article 55. Appointment, Dismissal, and Removal of the General Director

1. The Board of Directors may only make a decision to appoint the General Director after the State Bank of Vietnam has issued a written approval of the proposed list of appointments. The procedures,

formalities, and documents for approving the proposed list of appointments of the General Director shall be carried out in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam.

2. Upon appointment, the General Director shall immediately assume the duties of the newly appointed position; The former CEO is responsible for handing over the duties to the new CEO and is personally accountable for any decisions made during their tenure in that position.

3. In the event that the General Director is automatically dismissed, the Board of Directors must immediately appoint a Deputy General Director who meets the conditions stipulated by the State Bank of Vietnam and is not subject to the provisions of Article 37 of this Charter to assume the duties of the General Director and submit a written report to the State Bank of Vietnam branch in the province or city where the Bank's head office is located, as prescribed.

4. Within a maximum of 90 (ninety) days from the date the General Director is automatically dismissed or the Board of Directors receives the General Director's resignation letter, the Board of Directors must find a replacement and proceed with the procedures for appointing a new General Director in accordance with the provisions of the State Bank of Vietnam.

5. In the event that the General Director seriously violates the regulations of the law, the State Bank of Vietnam, and this Charter, the Board of Directors has the right to temporarily suspend the General Director's executive authority and immediately appoint a Deputy General Director who meets the conditions stipulated by the State Bank of Vietnam and is not subject to the provisions of Article 37 of this Charter to assume the duties of the General Director. A written report and proposal for handling the violations, as well as the General Director's position, must be immediately submitted to the State Bank of Vietnam branch in the province or city where the Bank's head office is located for resolution in accordance with current regulations.

Article 56. Powers and Duties of the General Director

The General Director has the following powers and duties:

1. To organize the implementation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

2. To decide on matters within his/her authority related to the Bank's daily business operations.

3. To establish and maintain an effective internal control system. 4. Prepare and submit financial statements to the Board of Directors for approval or report to the competent authority for approval. Be responsible for the accuracy and truthfulness of financial statements, statistical reports, settlement figures, and other financial information.

5. Issue, within their authority, internal regulations and rules; operational procedures and processes for operating the business management system and management information system (hereinafter referred to

as internal regulations), except for matters within the authority of the General Meeting of Shareholders, the owner, the Board of Directors, and the Supervisory Board.

6. Report to the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Meeting of Shareholders, and competent state agencies on the Bank's operations and business results.

7. Decide on the application of measures exceeding their authority in cases of natural disasters, war, fire, or accidents, and be responsible for such decisions and promptly report to the Board of Directors.

8. Propose and recommend the organizational structure of the Bank's management to the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders for decision within their authority.

9. Request the Board of Directors to hold extraordinary meetings in accordance with the law and this Charter.

10. Appoint, dismiss, and remove management and executive positions of the Bank, except for positions under the authority of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors.

11. Sign contracts and other transactions on behalf of the Bank in accordance with the Charter and the Bank's internal regulations.

12. Decide on all matters (except those requiring resolutions or decisions of the Board of Directors as stipulated in this Charter and relevant regulations), including signing financial and commercial contracts on behalf of the Bank, and organizing and managing the Bank's daily business operations in accordance with best management practices.

13. Proposing plans for the use of profits and handling of losses in the Bank's business.

14. Recruiting employees; deciding on salaries and bonuses for employees within its authority.

15. Other rights and duties as prescribed by law, this Charter, and decisions of the Board of Directors.

Article 57. Remuneration, Salary, and Other Benefits of the General Director

The Board of Directors shall decide on the salary, bonuses, and other benefits of the General Director based on business results and efficiency. The salary and operating expenses of the General Director shall be included in the Bank's business expenses in accordance with the law on corporate income tax, shall be presented as a separate item in the Bank's annual financial statements, and shall be reported to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting.

SECTION VI

SUPERVISORY BOARD

Article 58. Composition and Term of the Supervisory Board

1. The General Meeting of Shareholders shall elect members of the Supervisory Board by cumulative voting.

2. The General Meeting of Shareholders shall dismiss or remove members of the Supervisory Board with a majority vote of more than 50% (fifty percent) of the total votes of all shareholders present at the meeting. The Supervisory Board shall elect, dismiss, or remove the Head of the Supervisory Board.

3. The Supervisory Board shall have at least 05 (five) members.

4. The Supervisory Board shall have a support department and an internal audit department to perform its duties.

5. The term of the Supervisory Board shall not exceed 05 (five) years. The term of a member of the Supervisory Board shall be the same as the term of the Supervisory Board. Members of the Supervisory Board may be re-elected or re-appointed for an unlimited number of terms. The term of a member who is added or replaced shall be the remaining term of their term. The Supervisory Board of the term that has just ended will continue to operate until the Supervisory Board of the new term takes over.

6. Those elected to the position of Chairman and members of the Supervisory Board are responsible for receiving the handover and assuming the duties of the elected position. Those who are dismissed or removed from office are responsible for handing over their duties to the newly elected persons; at the same time, they must bear personal responsibility for their decisions during the time they held that position.

7. The nomination, candidacy, election, dismissal, removal, and resignation of members of the Supervisory Board shall be carried out in accordance with current laws, this Charter, and the Internal Regulations on Corporate Governance at the Bank.

Article 59. Powers and duties of the Supervisory Board

1. To supervise the management and operation of the Bank in compliance with the law, internal regulations, the Charter, and resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors; Responsible to the General Meeting of Shareholders for the performance of assigned duties and powers.

2. Issue internal regulations of the Supervisory Board; periodically review the internal regulations of the Supervisory Board and the Bank's internal regulations on accounting and reporting annually.

3. Organize and conduct internal audits; have access to and be provided with complete, accurate, and timely information and documents related to the Bank's management and operation; have the right to use the Bank's resources to perform assigned tasks and powers; may hire independent experts, consultants, and external organizations to perform tasks, but remain responsible for the performance of the Supervisory Board's duties.

4. Duties for internal audit include:

a. Directly directing and managing the activities of internal audit.

b. Supervising and evaluating the implementation of professional ethical standards by members of the Supervisory Board and internal auditors;

c. Supervising and evaluating the internal audit department and the Head of Internal Audit in performing their functions and duties. d. Coordinate with the Board of Directors to propose and recommend the approval of an independent auditing firm to audit the Bank's financial statements, dismiss independent auditors when deemed necessary; allow the approved auditing firm to conduct inspections of the Bank's operations when deemed necessary; supervise the process of hiring independent auditors; supervise the performance of independent auditors; review Vietbank's periodic financial statements prepared by independent auditing firms.

e. Approve and adjust the annual internal audit plan as proposed by the Head of the Internal Audit Department after consulting with the Board of Directors and the General Director.

f. Decide on the organizational structure, duties, and powers of the Internal Audit Department in accordance with legal regulations.

5. Monitor the financial status, appraise the financial statements for the first six months and annually of the Bank; report to the General Meeting of Shareholders on the results of the financial statement appraisal; 5. Assess the reasonableness, legality, honesty, and level of prudence in accounting, statistics, and financial reporting. The Supervisory Board may consult with the Board of Directors before submitting reports and recommendations to the General Meeting of Shareholders.

6. Inspect accounting books, other documents, and the management and operation of the Bank when deemed necessary or in the following cases:

a. According to resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders;

b. At the request of the State Bank of Vietnam or a major shareholder or group of major shareholders in accordance with the provisions of the law. The inspection shall be carried out within 07 (seven) working days from the date of receipt of the request. Within 15 (fifteen) days from the date of completion of the inspection, the Supervisory Board must report and explain the issues requested for inspection to the requesting organization or individual. The Supervisory Board's inspection as stipulated in this clause shall not hinder the normal functioning of the Board of Directors or disrupt the Bank's business operations.

7. Review contracts and transactions with related parties within the approval authority of the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders and make recommendations on contracts and transactions requiring approval from the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.

8. Promptly notify the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors when discovering any violations of the law, the Bank's charter, internal regulations, resolutions, or decisions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors by the Bank's managers or executives; require the violators to immediately cease the violations and take remedial measures (if any).

9. Compile a list of founding shareholders within 05 (five) years from the date of becoming a founding shareholder, a shareholder owning 01% (one percent) or more of the charter capital, and related parties of members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director of the Bank, and shareholders owning 01% (one percent) or more of the charter capital; maintain and update changes to this list.

10. Propose to the Board of Directors an extraordinary meeting or propose to the Board of Directors to convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in accordance with the law and the Bank's Charter.

11. Convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in cases where the Board of Directors makes a decision that seriously violates the provisions of the Law on Credit Institutions or exceeds its assigned authority.

12. Propose to the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders measures to amend, supplement, and improve the organizational structure for managing, supervising, and operating the Bank's business activities.

13. Appointing, dismissing, disciplining, suspending, and determining salaries and other benefits for positions within the internal audit department.

14. Proposing and recommending to the General Meeting of Shareholders the approval of an independent audit firm to audit the Bank's financial statements.

15. Monitoring the Bank's financial situation, the legality of the activities of members of the Board of Directors, the General Director, other managers, and the coordination of activities between the Supervisory Board and the Board of Directors, the General Director, and shareholders.

16. In case of discovering violations of the law or the Bank's Charter by members of the Board of Directors, the General Director, and other executives, the Supervisory Board must be notified in writing within 48 (forty-eight) hours, requiring the violator to cease the violation and take measures to remedy the consequences.

17. The Supervisory Board has the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of independent auditing firms to attend and answer questions of concern to the Supervisors;

18. Supervise the approval and implementation of investment projects, purchase and sale of fixed assets, contracts, and other transactions of the Bank within the authority of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors. Periodically, annually, prepare and submit a report on the results of supervision to the General Meeting of Shareholders, the owner, and the Board of Directors.

19. Supervise compliance with the regulations in Chapter VII of the Law on Credit Institutions regarding restrictions to ensure safety in the Bank's operations.

20. Promptly report to the State Bank of Vietnam on violations of the regulations in Clauses 8, 11, and 19 of this Article and violations regarding shareholding ratios and related parties as stipulated in the Law on Credit Institutions.

21. Other duties and powers as prescribed by law, this Charter, and the Regulations on the organization and operation of the Supervisory Board.

Article 60. Rights and obligations of the Head and members of the Supervisory Board

1. The Head of the Supervisory Board has the following rights and obligations:

a. To organize and implement the duties and powers of the Supervisory Board as stipulated in Article 52 of the Law on Credit Institutions and to be responsible for the exercise of his/her rights and obligations.

b. To convene and preside over meetings of the Supervisory Board.

c. To sign documents within the authority of the Supervisory Board on behalf of the Supervisory Board.

d. To convene an extraordinary General Meeting of Shareholders as stipulated in Clause 11, Article 59 of this Charter, or to propose an extraordinary meeting of the Board of Directors.

e. Attending Board of Directors meetings grants the right to express opinions but not the right to vote.

f. Requesting that opinions be recorded in the minutes of the Board of Directors meeting if those opinions differ from the resolutions and decisions of the Board of Directors, and reporting this to the General Meeting of Shareholders.

g. Preparing the work plan of the Supervisory Board and assigning specific tasks to each member of the Supervisory Board.

h. Ensuring that members of the Supervisory Board receive complete, objective, and accurate information and have sufficient time to discuss the issues that the Supervisory Board must consider.

i. Supervising and directing the performance of assigned tasks and the rights and obligations of members of the Supervisory Board.

j. Only authorizing another member of the Supervisory Board to exercise the rights and obligations of the Head of the Supervisory Board during the period of absence or inability to perform duties.

k. Other rights and obligations as prescribed by law.

2. Members of the Supervisory Board have the following rights and obligations:

a. To comply with the law, the Bank's Charter, the internal regulations of the Supervisory Board, and to perform their duties as assigned by the Head of the Supervisory Board in order to carry out the duties and powers of the Supervisory Board honestly, carefully, and in the best interests of the Bank and its shareholders, and to fulfill their own rights and obligations.

b. To elect a member of the Supervisory Board as the Head of the Supervisory Board.

c. To request the Head of the Supervisory Board to convene an extraordinary meeting of the Supervisory Board.

d. To supervise business operations, accounting records, assets, financial statements, and to propose corrective measures.

e. To request managers, executives, and employees of the Bank to provide data and explanations of business activities to fulfill their assigned duties.

f. To report to the Head of the Supervisory Board on any unusual financial activities of the Bank and to be responsible for their assessments and conclusions.

g. Attending meetings of the Supervisory Board, discussing and voting on matters within the duties and powers of the Supervisory Board, except for matters that conflict of interest with that member.

h. Requesting managers to report and explain the financial status and business results of the subsidiary, plans, projects, investment and development programs, and other decisions in the management and operation of the Bank.

i. Other rights and obligations as prescribed by law.

Article 61. Remuneration and Other Benefits of Supervisory Board Members

1. Members of the Supervisory Board shall be paid remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall decide on the total amount of remuneration, bonuses, other benefits, and the annual operating budget of the Supervisory Board.

2. Members of the Supervisory Board shall be reimbursed for reasonable expenses for food, accommodation, travel, and the use of independent consulting services. 3. The total amount of remuneration and expenses shall not exceed the total annual operating budget of the Supervisory Board approved by the General Meeting of Shareholders, unless the General Meeting of Shareholders decides otherwise.

3. The remuneration and operating expenses of the Supervisory Board shall be included in the business expenses of the Bank in accordance with the law on corporate income tax, other relevant laws, and must be presented as a separate item in the Bank's annual financial statements.

Article 62. Replacement of Supervisory Board Members

1. Members of the Supervisory Board shall automatically lose their status or be dismissed or removed from their positions in accordance with Articles 39 and 40 of this Charter. The procedures for electing, appointing, dismissing, and removing the Head of the Supervisory Board and its members shall be carried out in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam.

2. Within no more than 15 (fifteen) days from the date the Head of the Supervisory Board automatically loses their status as a member of the Supervisory Board, the members of the Supervisory Board shall be responsible for organizing a meeting of the Supervisory Board to elect a member of the Supervisory Board (meeting the standards and conditions as prescribed by current regulations) as the Head of the

Supervisory Board. The Head of the Supervisory Board wishing to resign must submit a resignation letter to the Board of Directors and the Supervisory Board. Within 60 (sixty) days from the date of receiving the resignation letter, the Supervisory Board must hold a meeting to consider and decide on the dismissal, removal, and election procedures for the Head of the Supervisory Board in accordance with current regulations.

3. Members of the Supervisory Board wishing to resign must submit a resignation letter to the Board of Directors and the Supervisory Board for presentation to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting for decision.

4. If the number of members of the Supervisory Board is less than the minimum number of members as prescribed, within 90 (ninety) days from the date the minimum number of members is not met, the Bank must elect additional members to ensure the minimum number of members of the Supervisory Board is met, except in cases stipulated in Clause 5, Article 166 of the Law on Credit Institutions.

5. In other cases, the nearest meeting of the General Meeting of Shareholders will elect new members of the Supervisory Board to replace the dismissed or removed members or to fill any missing members.

Article 63. Meetings of the Supervisory Board

1. Regular Meetings: The first meeting of the Supervisory Board must be held within 30 (thirty) days after the date of establishment. The Head of the Supervisory Board must convene the first meeting of the Supervisory Board, and plan the agenda, time, and location of the meeting at least 7 (seven) days before the scheduled meeting date.

The Supervisory Board shall hold regular meetings at least once every quarter and may be convened for extraordinary meetings to promptly address unforeseen matters.

2. Extraordinary meetings of the Supervisory Board are regulated in the Regulations on the Organization and Operation of the Supervisory Board.

3. Meeting Location: Supervisory Board meetings shall be held at the registered address of the Bank.

4. Required Attendance: A meeting of the Supervisory Board shall be held when at least 2/3 (two-thirds) of the Supervisory Board members are present in person or through a substitute who is an authorized member of the Supervisory Board.

In the event of convening a Supervisory Board meeting for the second time or more, the procedures, formalities, and attendance ratio shall be based on the regulations on the organization and operation of the Supervisory Board.

5. Voting principles:

a. Each member attending the Supervisory Board meeting shall have one vote at the meeting.

b. Decisions of the Supervisory Board are adopted if approved by a majority of the Supervisory Board members entitled to vote at the meeting. In case of a tie, the final decision rests with the side whose

opinion is supported by the Head of the Supervisory Board or the Supervisory Board member authorized by the Head of the Supervisory Board to preside over the meeting (in the absence of the Head of the Supervisory Board).

c. Details regarding voting, non-voting, conflicts of interest, declarations of rights, etc., are specified in the Regulations on the Organization and Operation of the Supervisory Board.

6. Minutes: Minutes must be recorded for Supervisory Board meetings. Minutes of Supervisory Board meetings must be written in Vietnamese and signed by all Supervisory Board members present at the meeting. All members of the Supervisory Board attending the meeting are jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the minutes.

Details regarding the procedures, authorization to attend meetings, and other contents of Supervisory Board meetings are specified in the Regulations on the Organization and Operation of the Supervisory Board.

CHAPTER VII

ORGANIZATIONAL STRUCTURE OF THE BANK

Article 64. Organizational Structure of the Bank

1. The organizational structure of the Bank mainly includes:

a. Head Office;

b. Branches, transaction offices, representative offices, and business units in Vietnam, including the provinces and centrally-administered cities where the head office is located;

c. Branches, representative offices, and other forms of commercial presence abroad.

d. Subsidiaries;

2. The Bank is permitted to open branches, representative offices, and business units in Vietnam, including the provinces and centrally-administered cities where the head office is located, and branches, representative offices, and other forms of commercial presence abroad when needed, in accordance with the regulations of the State Bank of Vietnam. The organizational structure of these units will be determined by the Board of Directors in accordance with the provisions of the law.

Article 65. Support Staff of the General Director

1. Deputy General Directors;

2. Chief Accountant;

3. Divisions, Centers, Departments, Offices.

CHAPTER VIII

RIGHT TO EXAMINE BANK RECORDS AND FILES

Article 66. Right to Examin Bank Records and Files

1. Major shareholders have the right, directly or through an authorized representative, by written request, to examine the list of shareholders of the Bank and the minutes of the General Meeting of Shareholders during working hours at the Bank's head office and to make copies or extracts of those records. 1. A request from an authorized person must be accompanied by a power of attorney from the shareholder that person represents or a notarized copy of such power of attorney.

2. Members of the Board of Directors, members of the Supervisory Board, the General Director and other executives of the Bank have the right to access the Bank's shareholder register, shareholder list, books and other records of the Bank for purposes related to their positions, provided that such information is kept confidential.

3. The Bank must keep these Charters and any amendments to them, the Establishment and Operation License, the Business Registration Certificate, regulations, documents proving ownership of assets, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Supervisory Board, annual financial statements, accounting books, and other documents as prescribed by law at its head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are notified of the location where these documents are stored.

4. The Bank's Charters will be published on the Bank's official website.

CHAPTER IX

LABOR AND TRADE UNIONS

Article 67. Employees and Trade Unions

The Bank shall establish regulations relating to the recruitment, employment, dismissal, wages, social insurance, benefits, rewards and disciplinary actions for its employees, as well as the Bank's relationship with the Trade Union organization.

CHAPTER X

PROFIT DISTRIBUTION

Article 68. Dividends

1. Dividends paid to common shares shall be determined based on the net profit realized and the dividend payment shall be deducted from the Bank's retained earnings. The Bank may only pay dividends on common shares when the following conditions are met:

a. The Bank has fulfilled its tax obligations and other financial obligations as prescribed by law;

b. It has established funds and fully compensated for previous losses as prescribed by law and the Bank's Charter; 1. Immediately after paying the agreed-upon dividends, the Bank shall ensure that all debts and other financial obligations due are fully paid.

2. Based on the dividend payment plan and amount approved by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors may decide to pay an interim dividend if it deems this payment appropriate to the Bank's profitability.

3. Dividends may be paid in cash, in shares of the Bank, or in other assets as prescribed by law. If paid in cash, it must be in Vietnamese Dong and according to the payment methods prescribed by law. Dividends may be paid by bank transfer when the Bank has been provided with complete and detailed information about the Shareholders' bank accounts so that the Bank can directly transfer the funds to the Shareholders' bank accounts. If the Bank has transferred funds according to the bank account details provided by the Shareholder, the Bank shall not be liable for any losses arising from that transfer.

4. Dividends must be paid in full within 06 (six) months from the date of the conclusion of the Annual General Meeting of Shareholders. The Board of Directors shall compile a list of shareholders entitled to receive dividends, determine the dividend amount to be paid for each share, the payment deadline and method of payment no later than 30 (thirty) days before each dividend payment. The dividend payment notice shall be sent by registered mail to shareholders at the address registered in the shareholder register no later than 15 (fifteen) days before the dividend payment. The notice must contain the following information:

a. Name and registered office address of the Bank;

b. Full name, contact address, nationality, and legal document number of individual shareholders;

c. Name, business registration number or legal document number of organizational shareholders, and registered office address;

d. Number of shares of each type held by the shareholder; dividend rate for each share and total dividends received by that shareholder;

e. Time and method of dividend payment;

f. Full name and signature of the Chairman of the Board of Directors and the legal representative of the Bank.

5. In the case of dividend payment in shares, the Bank is not required to conduct a share offering procedure as stipulated in Article 21 of this Charter. The Bank must register an increase in charter capital corresponding to the total par value of the shares used to pay dividends within 10 (ten) days from the date of completion of dividend payment.

6. The Bank does not pay interest on any dividends or any other payments that may be made in connection with a share.

7. The Board of Directors shall pass a resolution specifying a particular record date for shareholders. Based on that date, registered shareholders or holders of other securities are entitled to receive dividends, interest, profit distributions, shares, notices, or other documents.

8. If a shareholder transfers their shares between the record date for dividend entitlement and the dividend payment date, the transferor is the recipient of the dividend from the Bank.

CHAPTER XI

INTERNAL CONTROL AND INTERNAL AUDIT SYSTEM

Article 69. Internal Control System

1. The internal control system is a set of internal mechanisms, policies, procedures, regulations, and organizational structures of the Bank built in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions, the guidance of the State Bank of Vietnam, and other relevant legal regulations, and organized for implementation to ensure the prevention, detection, and timely handling of risks and the achievement of set requirements. The internal control system performs senior management supervision, internal control, risk management, internal assessment of capital adequacy, and internal audit.

2. The Bank must build an internal control system to ensure the following requirements:

a. Efficiency and safety in operations; 1. Protecting, managing, and using assets and resources safely and effectively;

2. Financial and management information systems must be truthful, reasonable, complete, and timely;

3. Complying with laws and internal regulations, procedures, and rules.

3. The Bank's internal control system must be periodically evaluated by internal auditors and independent auditing organizations.

4. The Bank shall develop an internal control system and implement technology applications in internal control activities in accordance with the regulations of the Governor of the State Bank of Vietnam.

Article 70. Internal Audit

1. Organization of Internal Audit: The Bank shall establish an Internal Audit Department under the Supervisory Board to conduct internal audits of the Bank.

2. Objectives and basic functions of Internal Audit:

a. To operate for the safety and efficiency of the Bank.

b. To independently and objectively review and evaluate the adequacy, appropriateness, effectiveness, and efficiency of the internal control system in order to improve and perfect the Bank's internal control system.

c. To detect and prevent violations of the law; to improve the efficiency of management, operation, and activities of the Bank.

d. To ensure the security and confidentiality of information and the continuous operation of the operational information system.

e. To make recommendations to improve the effectiveness of systems, regulations, and procedures, contributing to ensuring the Bank operates safely, efficiently, and in accordance with the law.

f. Review and self-assess the effectiveness of internal audit.

3. The results of the internal audit must be reported to the Supervisory Board and submitted to the Board of Directors and the General Director of the Bank.

Detailed information on the organization, operational objectives, and functions of internal audit is specifically stipulated in the Regulations on Internal Audit of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank issued in each period.

Article 71. Internal Auditors

1. Internal auditors must meet the standards and conditions according to the Regulations on Internal Audit of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank issued in each period.

2. Code of Professional Ethics:

Internal auditors must ensure compliance with the code of professional ethics during the performance of internal audit and consulting work. The basic codes of professional ethics include:

a. Integrity: Performing assigned tasks in a straightforward and honest manner;

b. Objectivity: Performing assigned tasks objectively, evaluating fairly without personal gain or the benefit of others;

c. Confidentiality: Complying with information security regulations as prescribed by law and the internal regulations of the commercial bank;

d. Responsibility: Performing assigned tasks ensuring timeliness and quality;

e. Prudence: Performing assigned tasks cautiously based on an assessment of the following factors:

(i) The complexity and importance of the content being audited;

(ii) The likelihood of serious errors occurring during the internal audit process.

The detailed content of the professional code of ethics is stipulated in the Regulations on Internal Audit of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank, issued periodically. 3. For the Head of Internal Audit, in addition to ensuring compliance with the professional ethical rules stipulated above and the Regulations on Internal Audit of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank Issued in each period, measures must also be taken to monitor, evaluate, and manage to ensure that internal auditors comply with the professional ethical rules.

4. For Technology Auditors, in addition to the standards stated in the Regulations on Internal Audit of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank issued in each period, they must also have at least 2 (two) years of experience working in the Information technology industry.

Article 72. Responsibilities, Powers and Duties of the Internal Audit Committee

1. Responsibilities of the Internal Audit Committee:

a. Maintain confidentiality of documents and information in accordance with the law and the Bank's internal regulations.

b. Be accountable to the Supervisory Board for the performance of assigned tasks;

c. Internal auditors are accountable to the law and to the Head of Internal Audit for assigned audit tasks.

2. Powers of the Internal Audit Committee:

a. Be fully equipped with necessary resources (human resources, finances, assets and other means);

b. Be provided with necessary information, documents, and records for internal audit work, including documents and meeting minutes of the Board of Directors and the General Director;

c. Attend internal meetings as prescribed by law, or as stipulated in this Charter and the Bank's internal regulations;

d. To interview individuals regarding matters related to internal audit; to recommend to competent authorities, in accordance with the Bank's internal regulations, to handle uncooperative behavior by individuals or departments during the internal audit process.

e. Other powers as stipulated in the internal regulations of the Supervisory Board.

3. Duties of the Internal Audit Board:

a. To conduct internal audits of the Head Office, branches, and other subsidiaries of the Bank;

b. To develop, review, and submit to the Supervisory Board for promulgation, amendment, and supplementation: (i) Professional ethical standards for members of the Supervisory Board and internal auditors as prescribed by the State Bank of Vietnam; (ii) Internal regulations of the Supervisory Board; (iii) Internal audit plan;

c. To monitor and evaluate the implementation of the Supervisory Board's recommendations to the Board of Directors, the General Director, and individuals and departments under the Bank;

d. 3. Handling and rectifying issues as requested, and making recommendations from the State Bank of Vietnam, independent audit organizations, and other functional agencies regarding internal audit;

e. Preparing reports on internal audit as prescribed by the State Bank of Vietnam.

f. Reviewing and self-assessing the effectiveness of internal audit;

g. Maintaining confidentiality of documents and information in accordance with the law and the Bank's internal regulations;

h. Being accountable to the Supervisory Board for the performance of assigned tasks.

4. Other responsibilities, powers, and duties of the Internal Audit Board are specifically stipulated in the Regulations on Internal Audit of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank issued in each period.

CHAPTER XII

RESOURCES, FINANCIAL YEAR AND ACCOUNTING SYSTEM

Article 73. Financial Year

The Bank's financial year begins on January 1st and ends on December 31st of the calendar year. The first financial year begins on the date of issuance of the Business Registration Certificate and ends on December 31st of the same year.

Article 74. Capital and Capital Utilization

1. The Bank's capital includes equity capital, mobilized capital, and other capital as prescribed by law.

2. The Bank may use capital for business purposes as prescribed by the Law on Credit Institutions and other relevant laws.

3. The Bank may purchase and invest in fixed assets directly serving its operations, ensuring that the remaining value of fixed assets does not exceed 50% (fifty percent) of the charter capital and the reserve fund for supplementing charter capital recorded in the Bank's accounting books.

Article 75. Establishment and Maintenance of Funds

1. Annually, the Bank must allocate from its after-tax profit to establish and maintain the following funds:

a. The reserve fund for supplementing charter capital or the reserve fund for supplementing allocated capital must be established annually at a rate of 10% (ten percent) of after-tax profit. The maximum amount of this fund shall not exceed the charter capital or allocated capital of the Bank;

b. Financial reserve fund;

c. Other reserve funds as prescribed by law.

2. The Bank may establish the following funds:

a. Fund for investment in business development;

b. Fund for unemployment benefits;

c. Reward Fund;

d. Welfare Fund.

Article 76. Financial Autonomy of the Bank

The Bank is financially autonomous, responsible for its own business operations, and fulfills its obligations and commitments as prescribed by law.

Article 77. Accounting System

1. The accounting standards used by the Bank are the Vietnam Accounting Standards or other accounting standards approved by the Ministry of Finance.

2. The Bank maintains accounting books in Vietnamese. The Bank keeps accounting records according to the type of business activities in which it participates. These records must be accurate, up-to-date, systematic, and sufficient to prove and explain the Bank's transactions.

3. The Bank uses the Vietnamese Dong (or freely convertible foreign currency in cases approved by the competent state authority) as the currency used in accounting.

4. Banks shall maintain accounting records according to the accounting chart of accounts prescribed by the State Bank of Vietnam.

CHAPTER XIII

ANNUAL REPORTS, INFORMATION DISCLOSURE RESPONSIBILITIES, AND PUBLIC NOTIFICATIONS

Article 78. Reporting

1. The Bank must prepare annual financial statements in accordance with the law and the regulations of the State Securities Commission, and periodic operational reports as prescribed by the State Bank of Vietnam. The reports must be audited in accordance with Article 80 of these Charters.

2. Annual financial statements must include an income statement that truthfully and objectively reflects the Bank's profit and loss situation for the fiscal year; a balance sheet that truthfully and objectively reflects the Bank's operating situation up to the time of preparing the report; a cash flow statement; and notes to the financial statements.

3. The Bank must prepare and publish semi-annual and quarterly financial reports in accordance with the regulations of the State Securities Commission and submit them to the relevant tax authorities and the State Bank of Vietnam/business registration authority in accordance with the provisions of the Enterprise Law.

4. The Bank's audited annual financial reports (including the auditor's opinion), semi-annual and quarterly reports must be published on the Bank's website.

5. Interested organizations and individuals have the right to inspect or copy the audited annual financial reports, semi-annual and quarterly reports during the Bank's working hours, at the Bank's head office, and must pay a reasonable fee for copying.

6. In addition to periodic reports, the Bank must immediately report to the State Bank of Vietnam in the following cases:

a. Unusual developments in business operations that may seriously affect the Bank's business situation;

b. Changes in the organization, governance, and financial situation of major shareholders, and other changes that seriously affect the Bank's business operations; buying, selling, and transferring shares or capital contributions of major shareholders;

c. Changes to the name of the Bank's branches; temporary suspension of transactions for less than 05 (five) working days; listing shares on the domestic stock market.

7. Within 90 (ninety) days from the end of the fiscal year, the Bank shall submit annual reports to the State Bank of Vietnam as prescribed by law.

8. Within 120 (one hundred and twenty) days from the end of the fiscal year, the Bank must publicly disclose its financial reports as prescribed by law, except in cases where it is under special supervision.

Article 79. Annual Report, Bank Governance Report

The Bank must prepare and publish an Annual Report and a Bank Governance Report in accordance with the provisions of the law on securities and the securities market.

CHAPTER XIV

BANK AUDIT

Article 80. Auditing

1. The Annual General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of independent auditing firms and decide to select one of these firms to conduct the audit of the Bank's financial statements and internal control system for the following fiscal year based on the terms and conditions agreed upon with the Board of Directors.

2. Within 30 (thirty) days from the date of the decision to select an independent auditing firm, the Bank shall notify the State Bank of Vietnam of the selected independent auditing firm.

3. During the audit process, the Bank is responsible for providing accurate, complete, and timely information as requested by the Auditor. 3. The Bank must prepare and submit to the independent auditing firm the semi-annual financial statements (after the end of the six-month reporting period) and the annual financial statements (after the end of each fiscal year).

4. The Bank's independent auditing firm shall examine, verify, and report on the semi-annual and annual financial statements reflecting the Bank's income and expenses, and shall prepare an audit report and submit it to the Board of Directors within two months from the end of the fiscal year.

5. A copy of the audit report shall be attached to the Bank's semi-annual and annual financial statements.

6. Auditors from independent auditing firms are permitted to attend General Meetings of Shareholders and are entitled to receive notices and other information related to the General Meeting of Shareholders that shareholders are entitled to receive, and to express their opinions at the General Meeting of Shareholders on matters related to the auditors.

7. In cases where the audit report of the Bank's annual financial statements contains significant exceptions, the Bank may invite representatives of the independent auditing firm to attend the annual General Meeting of Shareholders to explain the relevant contents.

8. The specific auditing of the Bank's operations is carried out in accordance with the Law on Credit Institutions, the law on independent auditing, and guiding documents of the State Bank of Vietnam.

CHAPTER XV

EARLY INTERVENTION, SPECIAL CONTROL, TERMINATION OF OPERATIONS AND LIQUIDATION

Article 81. Application of Early Intervention

1. The Bank shall develop a contingency plan in case of early intervention and update and adjust this plan periodically every 02 (two) years. The contingency plan must be approved by the Bank's General Meeting

of Shareholders and submitted to the State Bank of Vietnam within 10 (ten) days from the date of approval.

2. The State Bank of Vietnam shall consider and decide to implement early intervention when the Bank falls under one or more of the following cases:

a. The Bank's accumulated losses exceed 15% (fifteen percent) of the value of its charter capital, contributed capital, and reserve funds as recorded in the most recent audited financial statements or as concluded by inspections and audits of competent state agencies, and violate the minimum capital adequacy ratio stipulated in point b, clause 1, Article 138 of the Law on Credit Institutions;

b. Ranking below average as prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam;

c. Violating the solvency ratio stipulated in point a, clause 1, Article 138 of the Law on Credit Institutions for 30 (thirty) consecutive days;

d. Violating the minimum capital adequacy ratio stipulated in point b, clause 1, Article 138 of the Law on Credit Institutions for 06 (six) consecutive months;

e. Experiencing mass withdrawals and submitting a report to the State Bank of Vietnam.

3. The Bank is responsible for immediately implementing the requirements and restrictive measures in the document issued by the State Bank of Vietnam. If the Bank fails to implement these requirements and restrictive measures, the State Bank of Vietnam will apply one or more additional restrictive measures as prescribed in clause 2, Article 157 of the Law on Credit Institutions.

4. If necessary, the State Bank of Vietnam may require the Bank to hire an independent auditing firm to audit its financial statements and assess its financial situation as a basis for developing a remediation plan.

Article 82. Reporting and Special Control

1. The State Bank of Vietnam may consider and decide to place a Bank under special control when it falls into one of the following cases:

a. The Bank that received early intervention does not submit a remediation plan to the State Bank of Vietnam or does not adjust the remediation plan as requested in writing by the State Bank of Vietnam;

b. Within the time limit for implementing the remediation plan, the Bank that received early intervention is unable to implement the remediation plan;

c. After the time limit for implementing the remediation plan, the Bank fails to remedy the situation that led to the early intervention;

d. Experiencing mass withdrawals and posing a risk to the safety of the credit institution system;

e. The Bank's capital adequacy ratio is less than 04% (four percent) for six consecutive months;

f. The Bank is dissolved and is unable to fully repay its debts during the liquidation of its assets.

2. From the date the Bank is placed under special control, its shareholders must report on the use of their shares; they are not allowed to transfer shares; they are not allowed to use shares as collateral, except at the request of a competent state agency.

3. When under special control, the Bank and its shareholders must fulfill their responsibilities as stipulated in Clause 1, Article 165 of the Law on Credit Institutions; the Board of Directors and the General Director of the Bank must fulfill their responsibilities as stipulated in Clause 2, Article 165 of the Law on Credit Institutions.

Article 83. Dissolution and Termination of Bank Operations

1. The Bank shall be dissolved or cease operations in the following cases:

a. a. Failure to request an extension or requesting an extension but not receiving written approval from the State Bank of Vietnam upon expiration of the operating period.

b. Revocation of the license.

c. Voluntary dissolution if able to pay off all debts and with written approval from the State Bank of Vietnam.

d. Early intervention or special control by a credit institution assumes the entire debt obligation.

2. Upon dissolution or cessation of operations as stipulated in Clause 1 of this Article, the Bank must liquidate its assets under the supervision of the State Bank of Vietnam and according to the asset liquidation procedures prescribed by the Governor of the State Bank of Vietnam.

3. Other procedures and regulations related to the dissolution of the Bank shall be implemented in accordance with relevant laws.

Article 84. Bank Liquidation

1. At least 06 (six) months before the end of the Bank's operating term or after a decision to dissolve the Bank is made, the Board of Directors must establish a Liquidation Committee consisting of 03 (three) members, including two (02) members appointed by the General Meeting of Shareholders and one (1) member appointed by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall prepare its operating regulations. 1. Members of the Liquidation Committee may be selected from among Bank employees or independent experts. All costs related to the liquidation are prioritized for payment by the Bank before other debts of the Bank.

2. The Liquidation Committee is responsible for reporting its establishment date and commencement date to the State Bank of Vietnam/Enterprise Registration Authority. From that point onwards, the Liquidation Committee acts on behalf of the Bank in all matters related to the Bank's liquidation before the Courts and administrative agencies.

3. Proceeds from the liquidation shall be paid in the following order:

a. Liquidation costs;

b. Salaries, severance pay, social insurance and other benefits of employees under collective bargaining agreements and signed employment contracts;

c. Taxes and other payments to the State;

d. Loans (if any);

e. Other debts of the Bank;

f. The remaining balance after all debts from points a to e of this clause have been paid shall be distributed to the shareholders. Preferred shares shall be given priority in payment.

4. During the supervision of the liquidation of the Bank's assets as stipulated in Clause 2 of this Article, if it is discovered that the Bank is unable to fully pay its debts, the State Bank of Vietnam shall issue a decision to terminate the liquidation of assets and require the Bank to submit an application for bankruptcy proceedings for credit institutions as stipulated in Article 204 of the Law on Credit Institutions.

CHAPTER XVI

INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Article 85. Internal Dispute Resolution

1. Whenever a dispute or complaint arises concerning the Bank's work, the rights and obligations of shareholders as stipulated in the Bank's Charter, as prescribed by the Law on Credit Institutions, the Enterprise Law, other legal regulations, or administrative regulations between:

a. Shareholders and Banks; or

b. Shareholders with the Board of Directors, Supervisory Board, General Director, or other executives.

The parties involved will attempt to resolve the dispute through negotiation and mediation. Except in cases involving the Board of Directors or the Chairman of the Board, the Chairman of the Board will preside over the dispute resolution and will request each party to present information related to the dispute within 21 (twenty-one) working days from the date the dispute arises. In cases involving the Board of Directors or the Chairman of the Board, either party may request a competent authority to resolve the dispute.

2. If a mediation decision is not reached within 06 (six) weeks from the start of the mediation process, or if the decision of the mediation center is not accepted by the parties, one party may bring the dispute to Economic Arbitration or the Court for resolution.

3. Each party shall bear its own costs related to the negotiation and mediation process. Payment of court costs shall be made according to the court's judgment.

CHAPTER XVII

AMENDMENTS AND ADDITIONS TO THE CHARTER

Article 86. Amendments and Additions to the Charter

1. Amendments and additions to this Charter must be approved by the General Meeting of Shareholders and submitted to the State Bank of Vietnam as prescribed.

2. In case there are provisions of law related to the Bank's operations not mentioned in this Charter or in case there are new provisions of law different from the provisions in this Charter, those provisions of law shall automatically apply and govern the Bank's operations.

CHAPTER XVIII

IMPLEMENTATION PROVISIONS

Article 87. Implementation Provisions

1. This Charter consists of 18 (eighteen) Chapters and 87 (eighty-seven) Articles.

2. This Charter takes effect from 19./...7./2026.

3. Managers, executives, and other officials of the Bank elected or appointed before the effective date of this Charter who do not meet the standards and conditions stipulated in Articles 41, 42, and 43 of the Law on Credit Institutions shall continue to hold their positions until the end of their term or the end of their election or appointment period.

4. The Board of Directors of the Bank elected before the effective date of this Charter who do not meet the provisions of Clauses 1 and 3 of Article 69 of the Law on Credit Institutions shall continue to operate until the end of the Board of Directors' term.

5. Until the effective date of this Charter, the Bank's Supervisory Board whose number of members does not comply with the provisions of Clause 2, Article 51 of the Law on Credit Institutions shall continue to maintain the current number of members until the end of the term of the Supervisory Board, except in cases where the Bank elects, appoints additional, or replaces members of the Supervisory Board.

6. From the effective date of these Charters, shareholders, shareholders and related parties owning shares exceeding the shareholding ratio stipulated in Article 63 of the Law on Credit Institutions may continue to maintain their shares but may not increase their shareholding until they comply with the shareholding ratio regulations as stipulated in the Law on Credit Institutions, except in the case of receiving dividends in the form of shares.

7. These Charters are made in 05 (five) copies, kept at the Head Office of the Bank, and all copies are equally valid.

8. Copies or extracts of the Bank's Charters are valid when signed by the Chairman of the Board of Directors or at least 1/2 (one-half) of the total number of members of the Board of Directors.

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

LEGAL REPRESENTATIVE

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



DUONG NHAT NGUYEN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
Số: 01/2026/NQ – ĐHĐCĐ

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
NO: 01/2026/ NQ – ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TPHCM, ngày 24 tháng 4 năm 2026
HCMC, April 24, 2026

NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020/ *Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on June 17, 2020;*
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019/ *Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on November 26, 2019;*
- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024/ *Pursuant to the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, 15th Legislature, at its 5th Extraordinary Session on January 18, 2024;*
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)/ *Pursuant to the Charter of Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Private Enterprises (Vietbank);*
- Căn cứ nội dung và kết quả biểu quyết các nội dung đệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/04/2026/ *Pursuant to the content and voting results on the matters submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders at the General Meeting session on April 24, 2026;*

  Đại hội đồng cổ đông thường niên Vietbank năm 2026 nhất trí/ *The 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Vietbank unanimously:*

QUYẾT NGHỊ/ RESOLVES:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Định hướng Kế hoạch kinh doanh năm 2026/ *Approval of the Report on Business Operating Results for 2025 and Business Plan Direction for 2026:*

a. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản như sau/ *Business operating results for 2025 with the following key performance indicators:*

- Chỉ tiêu về quy mô/ *Scale Indicators:*

ĐVT: tỷ đồng, %/ Unit: VND billion, %

Chỉ tiêu *Indicator*	Thực hiện năm 2025 *2025 Actual*	So với kế hoạch 2025 *Compared with 2025 Plan*	
		Kế hoạch năm 2025 *2025 Plan*	% Hoàn thành *% Achieved*
Tổng tài sản/ *Total assets*	196.771	180.000	109%
Tổng dư nợ cấp tín dụng/ *Total credit outstanding*	108.440	112.000	96,8%
Tổng huy động vốn/ *Total capital mobilization*	125.095	132.000	94,8%
Lợi nhuận trước thuế/ *Pre-tax profit*	1.532	1.750	87,5%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT31/NHNN) / *NPL ratio (per Circular 31/NHNN)*	1,76%	≤2,5%	Tuân thủ *Compliant*

- Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh/ *Business performance indicators:*

ĐVT: tỷ đồng, %/ Unit: VND billion, %

Chỉ tiêu *Indicator*	Thực hiện năm 2025 *2025 Actual*	So với kế hoạch 2025 *Compared with 2025 Plan*	
		Kế hoạch năm 2025 *2025 Plan*	% Hoàn thành *% Achieved*
1. Tổng thu nhập hoạt động/ *Total operating income*	3.622,6	4.500	80,5%
2. Tổng chi phí hoạt động/ *Total operating expenses*	1.729,0	2.050	84,3%
3. CP (Hoàn nhập) DPRRTD/ *Credit risk provision expense (reversal)*	362,3	700	51,8%
4. Lợi nhận trước thuế (=1-2-3)/ *Pre-tax profit (=1-2-3)*	1.532,0	1.750	87,5%

- Chỉ số về an toàn hoạt động/ *Safety and soundness ratios:*

STT NO.	Chỉ tiêu *Indicator*	Năm 2025 *2025*	Quy định của NHNN *SBV Regulatory Requirement*
1	Tỷ lệ NPL (Theo TT31/NHNN) / *NPL ratio (per Circular 31/NHNN)*	1,76%	<3%

STT NO.	Chỉ tiêu *Indicator*	Năm 2025 *2025*	Quy định của NHNN *SBV Regulatory Requirement*
2	CAR	13,42%	≥8%
3	LDR	57,81%	≤85%
4	Tỷ lệ nguồn vốn NH cho vay Trung dài hạn/ *Ratio of short-term funding used for medium and long-term lending*	18,54%	≤34%

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2026/ *Business plan for 2026:*

ĐVT: tỷ đồng, %/ Unit: VND billion, %

Chỉ tiêu *Indicator*	Thực hiện 2025 *2025 Actual*	Kế hoạch 2026 *2026 Plan*	
		Số dư *Balance*	Tỷ lệ tăng *Growth Rate*
Tổng tài sản/ *Total assets*	196.771	230.000	16,9%
Tổng dư nợ cấp tín dụng/ *Total credit outstanding*	108.440	134.000 (*)	23,6%
Tổng huy động gồm GTCG/ *Total capital mobilization incl. valuable papers*	125.095	155.000	23,9%
Lợi nhuận trước thuế/ *Pre-tax profit*	1.532	2.100	37,1%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT31 của NHNN)/ *NPL ratio (per Circular 31 of the SBV)*	1,76%	≤ 2,5%	Tuân thủ *Compliant*
Chỉ số ROE/ *ROE*	11,45%	≥ 13,5%	

Ghi chú: (*) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng của Vietbank, thực tế trong năm 2026 sẽ điều chỉnh phù hợp với hạn mức tín dụng được NNHN cấp, căn cứ theo công văn 11686/NHNN-CSTT ngày 31/12/2025 hoặc văn bản thay thế (nếu có)/ Note: (*) Vietbank's credit growth plan; the actual figure for 2026 will be adjusted in line with the credit limit allocated by the SBV, pursuant to Official Dispatch No. 11686/NHNN-CSTT dated December 31, 2025, or any superseding document (if any).

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán với các chỉ tiêu tài chính cơ bản như sau/ *Approval of the Audited 2025 Financial Statements with the following key financial indicators:*

ĐVT: triệu đồng/ Unit: VND million

STT No.	Chỉ tiêu *Indicator*	Năm 2025	
		BCTC riêng đã kiểm toán *Separate Audited Financial Statements*	BCTC hợp nhất đã kiểm toán *Consolidated Audited Financial Statements*
I. Các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh/ *Business-related indicators*			
1	Tổng tài sản/ *Total assets*	196.962.024	196.771.033
2	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác/ *Deposits at and loans to other credit institutions*	51.514.898	51.514.898
3	Tổng dư nợ cấp tín dụng/ *Total credit outstanding*	108.440.447	108.440.447
4	Tiền gửi của KH và phát hành GTCG/ *Customer deposits and issuance of valuable papers*	125.290.220	125.094.683
5	Lợi nhuận trước thuế/ *Pre-tax profit*	1.524.903	1.531.509
II. Các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu/ *Equity-related indicators*			
1	Vốn chủ sở hữu/ *Equity*	12.426.319	12.431.567
2	Vốn điều lệ/ *Charter capital*	10.768.974	10.768.974
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/ *Charter capital supplementary reserve fund*	129.998	129.998
4	Quỹ dự phòng tài chính/ *Financial reserve fund*	527.818	527.818
5	Lợi nhuận chưa phân phối/ *Undistributed earnings*	1.000.302	1.005.550

III. Chi tiết giao dịch với các bên liên quan/ *Details of related-party transactions*

STT *No.*	Nội dung giao dịch	Số tiền *Amount*
1	Số dư tiền gửi KKH/ *Balance of non-term deposits*	22.500
2	Số dư tiền gửi CKH / *Balance of term deposits*	334.504
3	Số dư cho vay / *Loan balance*	30.140
4	Số dư nợ thẻ tín dụng/ *Credit card outstanding balance*	1.231

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị/ *Approval*

of the Report of the Board of Directors on the Performance of Assigned Duties and Powers, Governance and Operating Results of the Board of Directors, and Assessment of the Performance of Members of the Board of Directors, and of the Councils and Committees under the Board of Directors.

4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, về kết quả kinh doanh của Vietbank, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động các thành viên Ban kiểm soát/ *Approval of the Report of the Supervisory Board on the Performance of Assigned Duties and Powers, Vietbank's Business Results, the Operating Results of the Board of Directors and the General Director; Self-Assessment of the Supervisory Board's Performance and Assessment of Supervisory Board Members' Performance.*

5. Thông qua Báo cáo Tiến độ thực hiện tăng vốn điều lệ và việc niêm yết trên thị trường chứng khoán đối với cổ phiếu Vietbank theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025. Theo đó/ *Approval of the Progress Report on the Implementation of Charter Capital Increase and Stock Exchange Listing of Vietbank Shares pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025. Accordingly:*

a. Đối với việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025: trong năm 2025, Vietbank đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ thêm 3.629 tỷ đồng, tương đương mức tăng 51% so với đầu năm, hoàn thành 96% Kế hoạch tăng VĐL theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ *Regarding the charter capital increase pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025: In 2025, Vietbank completed an increase of VND 3,629 billion in charter capital, equivalent to a 51% increase compared to the beginning of the year, achieving 96% of the charter capital increase plan under Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.*

b. Đối với việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Đại hội đồng cổ đông thống nhất/ *Regarding the listing of shares on the stock exchange, the General Meeting of Shareholders unanimously agreed:*

   (i) Chuyển sàn giao dịch cổ phiếu VBB từ hệ thống UPCoM sang niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) vào thời điểm phù hợp, trên cơ sở đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật/ *To transfer the trading of VBB shares from the UPCoM system to official listing on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HSX) at an appropriate time, subject to full compliance with all conditions prescribed by law.*

   (ii) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan đến việc chuyển sàn và niêm yết, bao gồm và không giới hạn ở các nội dung liên quan đến hồ sơ thực hiện đăng ký niêm yết, hồ sơ đăng ký hủy giao dịch Upcom, giá tham chiếu chào sàn niêm yết, thời điểm chào sàn niêm yết trên cơ sở tuân thủ đúng theo quy định hiện hành; đồng thời tổ chức triển khai, chỉ đạo Ban Điều hành và các đơn vị liên quan thực hiện các hồ sơ, thủ tục cần thiết theo đúng quy định pháp luật để hoàn thiện việc chuyển sàn đăng ký niêm yết cổ phiếu VBB tại HSX/ *To authorize the Board of Directors to decide on all matters related to the share transfer and listing, including but not limited to matters pertaining to the filing for listing registration, filing for cancellation of UPCoM trading, reference listing price, and*

listing date, in compliance with applicable regulations; and to organize the implementation, direct the Management Board and relevant units to complete all necessary filings and procedures in accordance with applicable law to finalize the transfer of VBB shares to listing on the HSX.

6. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, cụ thể như sau/ *Approval of the 2025 Profit Distribution Plan, specifically as follows:*

a. Phương án phân phối lợi nhuận/ *Profit distribution plan:*

Đvt: đồng/ Unit: VND

STT *No.*	KHOẢN MỤC *Item*	THUYẾT MINH *Note*	THÀNH TIỀN *Amount*
1	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025/ *Consolidated pre-tax profit for 2025*		1.531.507.925.156
2	Lợi nhuận trước thuế của riêng ngân hàng năm 2025 / *Pre-tax profit of the bank alone for 2025*		1.524.902.069.888
3	Lợi nhuận sau thuế riêng của ngân hàng năm 2025/ *After-tax profit of the bank alone for 2025*		1.204.340.741.601
4	Trích lập các quỹ năm 2025, trong đó/ *Appropriations to funds for 2025, of which:*		273.824.740.904
	- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/ Charter capital supplementary reserve fund		*120.434.074.160*
	- Quỹ dự phòng tài chính/ Financial reserve fund		*108.390.666.744*
	- Quỹ khen thưởng/ Reward fund		*20.000.000.000*
	- Quỹ phúc lợi/ Welfare fund		*5.000.000.000*
	- Quỹ hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát/ BOD and Supervisory Board operating fund		*20.000.000.000*
5	**Lợi nhuận năm 2025 còn lại sau khi trích lập các Quỹ / *Remaining 2025 profit after appropriations to funds***	**= (3)-(4)**	**930.516.000.897**
6	Lợi nhuận năm trước/ *Prior year profit*		24.784.812.994
7	**Tổng lợi nhuận chưa phân phối/ *Total undistributed earnings***	**=(5)+(6)**	**955.300.813.691**
8	**Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/ *Charter capital supplementary reserve fund***		**129.998.078.733**
9	**Tổng lợi nhuận chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/ *Total undistributed earnings and charter capital supplementary reserve fund***	**=(7)+(8)**	**1.085.298.892.424**
10	**Phương án tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trong năm**		**1.076.897.380.000**

STT *No.*	KHOẢN MỤC *Item*	THUYẾT MINH *Note*	THÀNH TIỀN *Amount*
	2026/ *Plan to increase charter capital from undistributed earnings and charter capital supplementary reserve fund in 2026*		
10a	Lợi nhuận chưa phân phối/ *Undistributed earnings*		951.897.380.000
10b	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/ *Charter capital supplementary reserve fund*		125.000.000.000
11	**Tổng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ còn lại sau khi thực hiện phương án tăng vốn/** *Total accumulated undistributed earnings and charter capital supplementary reserve fund remaining after implementation of the capital increase plan*	**=(9)-(10)**	**8.401.512.424**
	Tỷ lệ tăng vốn trên tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành/ *Capital increase ratio to total outstanding ordinary shares*		**10%**

b. Ủy quyền và giao cho Hội đồng quản trị: (i) tổ chức thực hiện phân phối lợi nhuận và quyết định sử dụng lợi nhuận lũy kế giữ lại và các nguồn vốn chủ sở hữu khác trên cơ sở hài hòa quyền lợi của Vietbank, quyền lợi của cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật; (ii) triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 từ nguồn lợi nhuận giữ lại chưa phân phối và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến năm 2025 để thực hiện các thủ tục xin ý kiến chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền/ *To delegate/authorize the Board of Directors to: (i) organize the implementation of profit distribution and decide on the utilization of accumulated retained earnings and other equity sources in a manner that balances the interests of Vietbank and its shareholders, in compliance with applicable laws; (ii) implement the 2026 charter capital increase plan from retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to 2025 in order to carry out the necessary procedures to seek approval from the competent State management authority.*

7. Thông qua Tờ trình Phương án tăng Vốn điều lệ năm 2026, theo đó, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận/ *Approval of the Proposal on the 2026 Charter Capital Increase Plan, whereby the General Meeting of Shareholders approved:*

a. Mức tăng vốn điều lệ/ *Capital increase amount:*

- Vốn điều lệ tại thời điểm 31/12/2025: **10.768.973.840.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười nghìn bảy trăm sáu mươi tám tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)* tương ứng với 1.076.897.384 cổ phần, trong đó/ *Charter capital as at December 31, 2025: VND 10,768,973,840,000 (In words: Ten thousand seven hundred and sixty-eight billion, nine hundred and seventy-three million, eight hundred and forty thousand Vietnamese dong), corresponding to 1,076,897,384 shares, of which:*

  ✓ Cổ phần phổ thông: 1.076.897.384 cổ phần/ *Ordinary shares: 1,076,897,384 shares;*

✓ Cổ phiếu quỹ: 0/ *Treasury shares: 0.*

- Tổng mức vốn điều lệ dự kiến tăng thêm tối đa: **4.778.732.130.000** đồng *(Bằng chữ: Bốn nghìn bảy trăm bảy mươi tám tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)*, trong đó/ *Total expected maximum capital increase: VND 4,778,732,130,000 (In words: Four thousand seven hundred and seventy-eight billion, seven hundred and thirty-two million, one hundred and thirty thousand Vietnamese dong), of which:*
  + **Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 1 là 1.076.897.380.000 đồng** *(Bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn)* thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025). Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm là **107.689.738** cổ phần (tương ứng với tỷ lệ tăng 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành). Vốn điều lệ mới sau khi tăng thêm lần 1: **11.845.871.220.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười một nghìn tám trăm bốn mươi lăm tỷ tám trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)/ Expected first-tranche capital increase of VND 1,076,897,380,000 (In words: One thousand and seventy-six billion, eight hundred and ninety-seven million, three hundred and eighty thousand Vietnamese dong) through the issuance of shares from equity sources (accumulated retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to the end of 2025). The expected number of additional shares to be issued is 107,689,738 shares (corresponding to an increase ratio of 10% of total outstanding ordinary shares). New charter capital after the first-tranche increase: VND 11,845,871,220,000 (In words: Eleven thousand eight hundred and forty-five billion, eight hundred and seventy-one million, two hundred and twenty thousand Vietnamese dong).*
  + **Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 2 là 2.961.467.800.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm sáu mươi mốt tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn)* thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới). Số lượng cổ phần dự kiến chào bán (phát hành) thêm là **296.146.780** cổ phần (tương ứng với **tỷ lệ tăng 25%** so với Vốn điều lệ đã được tăng lần 1). Vốn điều lệ mới sau khi tăng thêm lần 2: **14.807.339.020.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười bốn nghìn tám trăm lẻ bảy tỷ ba trăm ba mươi chín triệu không trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)/ Expected second-tranche capital increase of VND 2,961,467,800,000 (In words: Two thousand nine hundred and sixty-one billion, four hundred and sixty-seven million, eight hundred thousand Vietnamese dong) through the public offering of additional shares to existing shareholders (shareholders contributing new capital). The expected number of additional shares to be offered (issued) is 296,146,780 shares (corresponding to an increase ratio of 25% relative to the charter capital increased in the first tranche). New charter capital after the second-tranche increase: VND 14,807,339,020,000 (In words: Fourteen thousand eight hundred and seven billion, three hundred and thirty-nine million, twenty thousand Vietnamese dong).*
  + **Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 3 là 5%** so với tổng Vốn điều lệ đã được tăng thêm lần 2, tương ứng dự kiến tăng tối đa **là 740.366.950.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)* thông qua

hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2026 (Chương trình ESOP 2026). Theo đó số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm là **74.036.695** cổ phần *(Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi lăm cổ phần)/ Expected third-tranche capital increase of 5% of the total charter capital increased in the second tranche, corresponding to an expected maximum increase of VND 740,366,950,000 (In words: Seven hundred and forty billion, three hundred and sixty-six million, nine hundred and fifty thousand Vietnamese dong) through share issuance under the Employee Stock Ownership Plan for 2026 (ESOP 2026 Program). The expected number of additional shares to be issued is accordingly 74,036,695 shares (In words: Seventy-four million, thirty-six thousand, six hundred and ninety-five shares).*

- **Tổng vốn điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn thành việc tăng vốn: 15.547.705.970.000** đồng *(Bằng chữ: Mười lăm nghìn năm trăm bốn mươi bảy tỷ bảy trăm lẻ năm triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn)/ Total new expected charter capital upon completion of the capital increase: VND 15,547,705,970,000 (In words: Fifteen thousand five hundred and forty-seven billion, seven hundred and five million, nine hundred and seventy thousand Vietnamese dong).*

b. Phương án tăng vốn điều lệ/ *Charter capital increase plan:*

(i) **Phương án tăng vốn điều lệ lần 1 thông qua hình thức phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu/** *First-tranche charter capital increase plan through share issuance from equity sources:*

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm **1.076.897.380.000** đồng *(Bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn)* thông qua việc phát hành **107.689.738** *(Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi tám)* cổ phần phổ thông từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025) (tương ứng với tỷ lệ tăng 10% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành)/ *Expected capital increase of VND 1,076,897,380,000 (In words: One thousand and seventy-six billion, eight hundred and ninety-seven million, three hundred and eighty thousand Vietnamese dong) through the issuance of 107,689,738 (In words: One hundred and seven million, six hundred and eighty-nine thousand, seven hundred and thirty-eight) ordinary shares from equity sources (accumulated retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to the end of 2025) (corresponding to an increase ratio of 10% of total outstanding ordinary shares).*

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật/ *Target issuees: existing shareholders whose names appear on the shareholder register of Vietbank at the record date as prescribed by law;*

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **107.689.738 CP** *(Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi tám)*, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần/ *Expected number of shares to be issued: 107,689,738 shares (In words: One hundred and seven million, six hundred and eighty-nine thousand, seven hundred and thirty-eight), par value VND 10,000 per share;*

- Tổng mệnh giá phát hành: **1.076.897.380.000** đồng *(Bằng chữ: Một nghìn không trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi ngàn đồng chẵn); Total par value of issuance: VND 1,076,897,380,000 (In words: One thousand and seventy-six billion, eight hundred and ninety-seven million, three hundred and eighty thousand Vietnamese dong);*
- Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ: từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025), phù hợp với quy định, trong đó/ *Source of funds for charter capital increase: from equity sources (accumulated retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to the end of 2025), in compliance with applicable regulations, specifically:*

Đơn vị: đồng/ Unit: VND

STT No.	Chỉ tiêu *Indicator*	Số dư theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Consolidated Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số dư theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Separate Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số tiền sử dụng để tăng vốn điều lệ *Amount Used for Charter Capital Increase*
1	**Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/** *Charter capital supplementary reserve fund*	**129.998.078.733**	**129.998.078.733**	**125.000.000.000**
2	**Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối lũy kế** *Accumulated undistributed earnings*	**960.548.932.691**	**955.300.813.691**	**951.897.380.000**
2.1	Lợi nhuận dùng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ *Earnings used to issue shares to increase share capital from equity sources*	951.897.380.000	951.897.380.000	951.897.380.000
2.2	Lợi nhuận lũy kế còn lại/ *Remaining accumulated earnings*	8.651.552.691	3.403.433.691	-
3	**Các quỹ khác/** *Other funds*	**548.311.157.320**	**548.311.157.320**	-
3.1	Quỹ dự phòng tài chính/ *Financial reserve fund*	527.817.338.799	527.817.338.799	-

STT No.	Chỉ tiêu *Indicator*	Số dư theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Consolidated Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số dư theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Separate Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số tiền sử dụng để tăng vốn điều lệ *Amount Used for Charter Capital Increase*
3.2	Quỹ khen thưởng/ *Reward fund*	12.442.365.474	12.442.365.474	-
3.3	Quỹ phúc lợi/ *Welfare fund*	8.051.453.047	8.051.453.047	-
Số tiền được sử dụng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ *Total amount used to increase share capital from equity sources*				**1.078.897.380.000**

- Vốn điều lệ mới sau khi tăng vốn lần 1: **11.845.871.220.000 đồng** *(Bằng chữ: Mười một nghìn tám trăm bốn mươi lăm tỷ tám trăm bảy mươi mốt triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)/ New charter capital after the first-tranche increase: VND 11,845,871,220,000 (In words: Eleven thousand eight hundred and forty-five billion, eight hundred and seventy-one million, two hundred and twenty thousand Vietnamese dong).*
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 05% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn lần 1 – đính kèm/ *List of shareholders and shareholding ratios of shareholders holding 5% or more of voting share capital and of total charter capital at the current time and as expected after the first-tranche capital increase – attached.*
- Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến từ Quý 2 đến Quý 3 năm 2026. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo quy định, phù hợp với điều kiện thị trường/ *Expected issuance timeline and expected completion date: Expected from Q2 to Q3 2026. The specific date shall be decided by the BOD subject to the relevant License/Approval from the competent State management authority and after the State Securities Commission of Vietnam (SSC) notifies the receipt of the share issuance reporting documents as required, and subject to market conditions.*
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng/ *Transfer restriction period: No transfer restrictions;*
- Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ/ *Plan for handling fractional shares:*
  - ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu/ *The number of shares to be issued shall be calculated as whole numbers; fractional portions shall not be rounded up to 1 share;*

✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định/ *Fractional shares arising (if any) shall be decided by the BOD.*

(ii) **Phương án tăng vốn điều lệ lần 2 thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới)**/ *Second-tranche charter capital increase plan through public offering of additional shares to existing shareholders (shareholders contributing new capital):*

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm **2.961.467.800.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm sáu mươi mốt tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn)* thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới). Số lượng cổ phần dự kiến chào bán (phát hành) thêm là **296.146.780** cổ phần (tương ứng với tỷ lệ tăng 25% so với Vốn điều lệ đã được tăng lần 1 tại mục 2.1)/ *Expected capital increase of VND 2,961,467,800,000 (In words: Two thousand nine hundred and sixty-one billion, four hundred and sixty-seven million, eight hundred thousand Vietnamese dong) through the public offering of additional shares to existing shareholders (shareholders contributing new capital). The expected number of additional shares to be offered (issued) is 296,146,780 shares (corresponding to an increase ratio of 25% relative to the charter capital increased in the first tranche under section 7b(i)).*
- Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành/ *Target offerees: existing shareholders whose names appear on the shareholder register at the record date in accordance with applicable law;*
- Số lượng cổ phần dự kiến chào bán: **296.146.780 CP** *(Bằng chữ: Hai trăm chín mươi sáu triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm tám mươi)* cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần/ *Expected number of shares to be offered: 296,146,780 shares (In words: Two hundred and ninety-six million, one hundred and forty-six thousand, seven hundred and eighty) shares, par value VND 10,000 per share;*
- Loại chứng khoán chào bán (phát hành): cổ phiếu phổ thông/ *Type of securities to be offered (issued): ordinary shares;*
- Giá chào bán (phát hành): 10.000 đồng/CP/ *Offering (issuance) price: VND 10,000 per share.*
- Tổng mệnh giá (giá trị) cổ phiếu chào bán: **2.961.467.800.000 đồng** *(Bằng chữ: Hai nghìn chín trăm sáu mươi mốt tỷ bốn trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm ngàn đồng chẵn)/ Total par value of shares to be offered: VND 2,961,467,800,000 (In words: Two thousand nine hundred and sixty-one billion, four hundred and sixty-seven million, eight hundred thousand Vietnamese dong).*
- Số đợt chào bán (phát hành): 01 đợt/ *Number of offering (issuance) tranches: 1 tranche.*
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 05% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn lần 2 – đính kèm/ *List of shareholders and shareholding ratios of shareholders holding 5% or more of voting share capital and of total charter capital at the current time and as expected after the second-tranche capital increase – attached.*

- Thời gian dự kiến chào bán (phát hành) và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến từ Quý 3 đến Quý 4 năm 2026. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường/ *Expected offering (issuance) timeline and expected completion date: Expected from Q3 to Q4 2026. The specific date shall be decided by the BOD subject to the relevant License/Approval from the competent State management authority and subject to market conditions.*

- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng/ *Transfer restriction period: No transfer restrictions;*

- Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết (Số lượng cổ phiếu mà do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần hoặc không nộp tiền mua trong thời hạn quy định; Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu; Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu đã xin phép phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền (nếu có)) được thực hiện như sau/ *Plan for handling unallocated shares (shares for which shareholders have not exercised their subscription rights in whole or in part, or have not made payment within the prescribed period; fractional shares arising from rounding down when calculating shares allocable to existing shareholders; shares representing the difference between the total number of shares approved for issuance and the total number actually issued at the subscription ratio (if any)) shall be handled as follows:*

  ✓ Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết được chào bán cho nhà đầu tư khác theo tiêu chí lựa chọn do Hội đồng quản trị thông qua với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu; Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết khi chào bán cho nhà đầu tư khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Việc phân phối số cổ phiếu không chào bán hết cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung) và các quy định pháp luật liên quan; Trường hợp sau khi chào bán cho nhà đầu tư khác mà vẫn còn dư, Hội đồng quản trị quyết định hủy và và ra quyết định kết thúc đợt phát hành/ *The remaining unallocated shares shall be offered to other investors based on selection criteria approved by the Board of Directors at an offering price of VND 10,000 per share, equal to the offering price for existing shareholders; shares remaining unallocated after offering to other investors pursuant to the Board of Directors' decision shall be subject to transfer restrictions for 1 year from the closing date of the issuance. The distribution of unallocated shares to other investors must satisfy the conditions under the Law on Enterprises 2020, the Law on Securities 2019, Decree No. 155/2020/ND-CP (including amending documents) and related legal regulations; in the event that shares remain unallocated after offering to other investors, the Board of Directors shall decide to cancel and issue a decision to close the issuance;*

  Hoặc/ Or:

  ✓ Hội đồng quản tr ị quyết định hủy và và ra quyết định kết thúc đợt phát hành/ *The Board of Directors shall decide to cancel and issue a decision to close the issuance.*

- Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ/ *Plan for handling fractional shares:*

- ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu chào bán (phát hành) được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu/ *The number of shares to be offered (issued) shall be calculated as whole numbers; fractional portions shall not be rounded up to 1 share;*
- ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định/ *Fractional shares arising (if any) shall be decided by the BOD.*

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ Đợt chào bán: Số tiền thu được từ việc chào bán cổ phiếu sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng/ *Plan for utilization of proceeds from the Offering: The proceeds from the share offering shall be used to supplement business capital for the purpose of increasing the Bank's operating capital base to meet business growth targets for 2026 and subsequent years, in compliance with the Law on Credit Institutions.*

(iii) Phương án tăng vốn điều lệ lần 3 thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động trong năm 2026 (Chương trình ESOP 2026)/ ***Third-tranche charter capital increase plan through share issuance under the Employee Stock Ownership Plan for 2026 (ESOP 2026 Program):***

- Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm lần 3 là **5%** so với tổng Vốn điều lệ đã được tăng thêm lần 2 (tại mục (ii)), tương ứng dự kiến tăng tối đa là **740.366.950.000 đồng** *(Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn)* thông qua hình thức phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho Người lao động năm 2026. Theo đó số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm là **74.036.695 CP** (Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu không trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm chín mươi lăm cổ phần)/ *The third phase of the charter capital increase is proposed at 5% of the total charter capital following the second phase (as referred to in item (ii)), corresponding to a maximum increase of VND 740,366,950,000 (in words: Seven hundred forty billion three hundred sixty-six million nine hundred fifty thousand Vietnamese dong only), to be implemented through the issuance of shares under the Employee Stock Ownership Plan 2026 (ESOP 2026). Accordingly, the total number of shares to be additionally issued is expected to be 74,036,695 shares (in words: Seventy-four million thirty-six thousand six hundred ninety-five shares).*
- Trong trường hợp tại thời điểm phát hành, số lượng cổ phiếu đang lưu hành có thay đổi so với dự kiến trên (do ảnh hưởng của kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng), thì số lượng cổ phiếu phát hành thêm sẽ được xác định bằng 5% trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành thực tế tại thời điểm phát hành. Giao Hội đồng quản trị căn cứ nguyên tắc này để tính toán và quyết định số lượng cổ phiếu phát hành cụ thể./ *In the event that, at the time of issuance, the number of outstanding shares differs from the above estimate (due to the results of the share issuance for charter capital increase from equity sources and/or the results of the public offering of additional shares), the number of additional shares to be issued shall be determined as 5% of the actual number of outstanding shares at the time of issuance. The Board of Directors is authorized to calculate and determine the specific number of shares to be issued in accordance with this principle.*

- Đối tượng phát hành: Cán bộ nhân viên đã ký Hợp đồng lao động chính thức với Ngân hàng, Công ty con tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình ESOP 2026 và được HĐQT phê duyệt trong danh sách tham gia Chương trình ESOP 2026/ *Target issuees: Officers and employees who have signed official labor contracts with the Bank or its subsidiaries as at the time the list is prepared, who meet the eligibility criteria for participation in the ESOP 2026 Program and have been approved by the BOD on the list of participants in the ESOP 2026 Program.*

  Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động: chi tiết theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Vietbank năm 2026 – "Quy chế ESOP") – đính kèm Tờ trình v/v Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026/ *Eligibility criteria for employees to participate in the 2026 ESOP Program and principles for determining the number of shares allocated to each employee: as detailed in the Regulation on Share Issuance under the Employee Stock Ownership Plan of Vietbank for 2026 – "ESOP Regulation" – attached: Proposal on the Approval of Vietbank's 2026 Charter Capital Increase Plan.*

- Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông/ *Type of securities to be issued: ordinary shares;*

- Giá phát hành: 10.000 đồng/CP/ *Issuance price: VND 10,000 per share.*

- Số đợt phát hành: 01 đợt./ *Number of issuance tranches: 1 tranche.*

- Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:/ *Plan to ensure compliance with foreign ownership limits:*

  + Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 30% theo quy định của pháp luật/ *Maximum foreign ownership ratio of 30% as prescribed by law;*

  + Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài thời điểm 31/03/2026 là 0,0198% và dự kiến sau khi tăng vốn điều lệ lần 3 là 0,0188%/ *Total current foreign investor shareholding as at March 31, 2026 is 0.0198% and is expected to be 0.0188% following the third-tranche capital increase;*

- Chuyển nhượng quyền mua: Không được chuyển nhượng quyền mua/ *Subscription rights are non-transferable.*

- Hạn chế chuyển nhượng: theo quy định tại Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Vietbank năm 2026 – "Quy chế ESOP" - đính kèm/ *Transfer restrictions: as prescribed in the Regulation on Share Issuance under the Employee Stock Ownership Plan of Vietbank for 2026 – "ESOP Regulation" – attached.*

- Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết do người lao động không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền, cổ phiếu vượt quá 05% số cổ phần đang lưu hành hoặc các trường hợp khác/ *Plan for handling unallocated shares due to employees not subscribing, or subscribing but failing to make payment or making insufficient payment, shares exceeding 5% of outstanding shares, or other cases:*

  + ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho người lao động khác theo danh sách đã được lựa chọn ban đầu với cùng mức giá phát hành. Số lượng

cổ phiếu được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành/ *The AGMS authorizes the BOD to have full authority to decide and redistribute to other employees on the original selected list at the same issuance price. Redistributed shares shall be subject to transfer restrictions for 1 (one) year from the closing date of the issuance.*

+ Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành/ *In the event the BOD fails to fully distribute such shares, the remaining undistributed shares shall be cancelled and the BOD shall issue a decision to close the issuance.*

- Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến Quý 4 năm 2026 đến Quý 1 năm 2027. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo quy định, phù hợp với điều kiện thị trường/ *Expected issuance timeline and expected completion date: Expected from Q4 2026 to Q1 2027. The specific date shall be decided by the BOD subject to the relevant License/Approval from the competent State management authority and after the SSC notifies the receipt of the share issuance reporting documents as required, and subject to market conditions.*

(iv) Kế hoạch sử dụng vốn thu được/ *Plan for utilization of proceeds:*

Toàn bộ vốn điều lệ dự kiến tăng thêm **4.778.732.130.000 đồng** được dự kiến sử dụng cho việc đầu tư tài sản cố định, hệ thống công nghệ thông tin, bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phát triển mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng/ *The total expected additional charter capital of VND 4,778,732,130,000 is intended to be used for investment in fixed assets and information technology systems, supplementing business capital, expanding the Bank's branch network, ensuring compliance with prudential ratios in operations, and generating returns for the Bank's business activities.*

c. **Các chỉ tiêu tài chính dự kiến sau phát hành/** *Expected financial indicators following issuance:*

Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên, Vietbank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2026 như sau/ *With the above charter capital increase plan and utilization of additional charter capital, Vietbank projects the following key business targets for 2026:*

ĐVT: tỷ đồng/ Unit: VND billion

STT *No.*	Chỉ tiêu *Indicator*	Thực hiện 2025 *2025 Actual*	Kế hoạch năm 2026 *2026 Plan*	
			Chỉ tiêu *Target*	% tăng trưởng *Growth %*
1	Vốn điều lệ/ *Charter capital*	10.769	15.548	44%

STT *No.*	Chỉ tiêu *Indicator*	Thực hiện 2025 *2025 Actual*	Kế hoạch năm 2026 *2026 Plan*	
			Chỉ tiêu *Target*	% tăng trưởng *Growth %*
2	Tổng Tài sản/ *Total assets*	196.771	230.000	17%
3	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)/ *Pre-tax profit (PTP)*	1.532	2.100	37%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)/ *Return on average equity (ROE)*	11,45%	≥ 13,5%	
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA)/ *Return on average total assets (ROA)*	0,67%	0,80%	0,13%
6	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác/ *Other prudential ratios*	Tuân thủ quy định của NHNN *Compliant with SBV regulations*	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN *Ensure compliance with SBV regulations*	

d. Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của các Phương án/ *Approval of the new charter capital amount upon successful implementation of the Plans.*

e. Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc triển khai, thực hiện Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của cổ đông Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau/ *To delegate/authorize the Board of Directors to have full authority to decide on all matters related to the implementation of the 2026 Charter Capital Increase Plan in compliance with applicable law and in the interest of the Bank's shareholders, including but not limited to the following:*

(i) Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông/ *Necessary legal matters and procedures, including amendments and supplements to the Plan when submitted for review and approval by the competent State management authority, based on principles consistent with Vietbank's actual operating conditions; in compliance with applicable laws; and ensuring the interests of shareholders;*

(ii) Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền/ *The issuance date, including the date of suspension of any share issuance tranche, in a manner consistent with actual circumstances and guidance from the competent State management authority;*

(iii) Xử lý số cổ phiếu lẻ/ *Handling of fractional shares;*

(iv) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank/ *Amendments and supplements to the proceeds utilization plan to ensure compliance with applicable laws, consistency with actual business operations, and efficiency for Vietbank;*

(v) Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank/ *Legal procedures for amending and supplementing the Operating License, Charter and other legal documents related to the update of Vietbank's new charter capital.*

(vi) Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích sử dụng, thứ tự ưu tiên; điều chỉnh, bổ sung phương án phù hợp với tình hình thực tế và pháp luật; xây dựng phương án chào bán đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; phương án xử lý cổ phiếu không phân phối hết (trong đó có tiêu chí nhà đầu tư, đảm bảo điều kiện chào bán, giá chào bán,....) đối với các đợt tăng vốn điều lệ theo Tờ trình v/v Thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026/ *Development of a detailed capital utilization plan for each intended use and order of priority; adjustment and supplementation of the plan to align with actual circumstances and applicable law; development of an offering plan ensuring compliance with foreign ownership regulations; plan for handling unallocated shares (including investor criteria, conditions for offering, offering price, etc.) for the charter capital increase tranches as set out in the Proposal on the Approval of Vietbank's 2026 Charter Capital Increase Plan.*

(vii) Xác định các trường hợp mua lại cổ phiếu và phương án bán ra số cổ phiếu được mua lại; phương án phát hành đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với Chương trình ESOP 2026/ *Determination of share repurchase cases and the plan for disposing of repurchased shares; issuance plan ensuring compliance with foreign ownership regulations for the ESOP 2026 Program.*

(viii) Giao/ủy quyền cho HĐQT và đồng ý cho HĐQT được giao/ủy quyền lại cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc toàn quyền quyết định, thực hiện các công việc và thủ tục cần thiết để hoàn tất việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2026 bao gồm/ *To delegate/authorize the BOD and agree to allow the BOD to sub-delegate/sub-authorize the Chairman of the BOD and/or the General Director to have full authority to decide and carry out all necessary tasks and procedures to complete the share issuance under the ESOP 2026 Program, including:*

- Quyết định thời điểm thực hiện Chương trình ESOP 2026/ *Deciding the timeline for implementing the ESOP 2026 Program;*
- Quyết định chi tiết việc thực hiện Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP 2026 và việc sửa đổi, bổ sung Quy chế (nếu có) trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật và của Vietbank và báo cáo lại ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất/ *Deciding in detail the implementation of the Regulation on Share Issuance under the ESOP 2026 Program and amending/supplementing the Regulation (if any) in compliance with applicable law and Vietbank's regulations, and reporting to the AGMS at the nearest session;*

- Xử lý số lượng cổ phần phát hành chưa phân phối hết (nếu có)/ *Handling the number of unissued shares remaining unallocated (if any);*

- Quyết định toàn bộ các vấn đề có liên quan đến Chương trình ESOP 2026 và điều chỉnh những thay đổi của Chương trình ESOP 2026 (nếu có) đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật. Thực hiện các công việc/thủ tục cần thiết cho việc phát hành cổ phiếu theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện thành công Chương trình ESOP 2026;/ *Deciding on all matters related to the ESOP 2026 Program and making adjustments to the ESOP 2026 Program (if any) to ensure compliance with applicable laws; carrying out all necessary tasks/procedures for the share issuance in accordance with the Company's Charter and applicable law to ensure the successful implementation of the ESOP 2026 Program;*

- Bổ sung hoặc sửa đổi Phương án phát hành theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và/hoặc cho mục đích tuân thủ đúng các quy định của pháp luật/ *Supplementing or amending the issuance plan as required by the State Securities Commission and/or for the purpose of ensuring compliance with applicable regulations.*

(ix) Các vấn đề khác phù hợp theo quy định của pháp luật/ *Other matters in compliance with applicable law.*

f. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật/ *In the course of carrying out the above-mentioned duties, the Board of Directors shall have the right to decide on matters within the scope of the delegated authority; to carry out and/or direct and assign Vietbank's business units to perform all necessary tasks in accordance with applicable law; to complete, finalize and sign all relevant documents, papers and records; to liaise with the competent State management authorities and relevant parties; and to carry out all other necessary tasks and procedures to implement the assigned duties in compliance with applicable law.*

8. Thông qua Tờ trình về chủ trương phát hành và niêm yết trái phiếu ra công chúng năm 2026, theo đó, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận/ *Approval of the Proposal on the Policy for Public Issuance and Listing of Bonds in 2026, whereby the General Meeting of Shareholders approved:*

a. Giao và/hoặc ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Phương án phát hành trái phiếu ra Công chúng trong giai đoạn từ tháng 04/2026 đến tháng 04/2027/ *To delegate and/or authorize the BOD to approve the Plan for Public Bond Issuance during the period from April 2026 to April 2027.*

b. Thống nhất phê duyệt việc Niêm yết toàn bộ các trái phiếu do Vietbank phát hành ra công chúng trong giai đoạn từ tháng 04/2026 đến tháng 04/2027 theo Phương án được Hội đồng quản trị phê duyệt tại mục 8.a nêu trên/ *Unanimous approval of the listing of all bonds issued by Vietbank to the public during the period from April 2026 to April 2027 in accordance with the Plan approved by the Board of Directors as stated in section 8a above.*

c. Giao và/hoặc ủy quyền cho HĐQT tổ chức chỉ đạo thực hiện và quyết định các vấn đề cần thiết liên quan để thực hiện việc niêm yết trái phiếu theo nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua tại mục 8.b nêu trên và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật/ *To delegate and/or authorize the BOD to organize and direct the implementation and decide on all necessary matters related to the listing of bonds in accordance with the resolutions adopted by the AGMS as stated in section 8b above and in compliance with applicable laws.*

9. Thông qua Báo cáo các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 Luật Các TCTD/ *Approval of the Report on Credit Extensions to Entities Stipulated under Clause 1, Article 135 of the Law on Credit Institutions.*

10. Thông qua Tờ trình thông qua mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, và ngân sách hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát năm 2026, cụ thể/ *Approval of the Proposal on Remuneration, Bonuses and Other Benefits for Members of the Board of Directors, Members of the Supervisory Board, and the Operating Budget for Members of the Board of Directors and Members of the Supervisory Board for 2026, specifically:*

a. Tổng ngân sách và thù lao hoạt động của HĐQT và BKS năm 2026 là **70.000.000.000 đồng** *(Bảy mươi tỷ đồng chẵn)/ Total operating budget and remuneration for the BOD and Supervisory Board for 2026 is VND 70,000,000,000 (Seventy billion Vietnamese dong).*

b. Ngân sách hoạt động bao gồm công tác phí; vé máy bay, chi phí hội nghị, hội thảo, lễ tân, khánh tiết; chi bưu phí và điện thoại, chi phí tiếp khách, chi phí quà tặng đối tác dịp lễ, Tết; công cụ, dụng cụ làm việc...)/ *The operating budget includes business travel expenses; airfares, conference and workshop costs, reception and hospitality expenses; postage and telephone charges, client entertainment expenses, partner gift expenses on holidays and Tet; work tools and supplies, etc.*

c. Giao HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể đối với từng thành viên HĐQT, thành viên Ban KS; giao Thường trực HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT và 01 Thành viên HĐQT do HĐQT phân công sẽ thực hiện phê duyệt chi tiết về các khoản chi phí của HĐQT, Ban KS. Thẩm quyền quyết định/phê duyệt tại điểm này sẽ áp dụng cho năm 2026 và giữa hai phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 và 2027/ *To assign the BOD to decide on the specific remuneration for each BOD member and Supervisory Board member; to assign the Standing Committee of the BOD or the Chairman of the BOD and 1 BOD member designated by the BOD to approve the detailed expenses of the BOD and Supervisory Board. The authority to decide/approve set out in this paragraph shall apply for 2026 and between the 2026 and 2027 annual general meetings.*

11. Thông qua Tờ trình v/v chọn tổ chức kiểm toán độc lập (theo quy định tại Điều 59 của Luật Các TCTD), cụ thể/ *Approval of the Proposal re: Selection of an Independent Auditing Organization (pursuant to Article 59 of the Law on Credit Institutions), specifically:*

a. Thông qua kết quả công tác kiểm toán độc lập đã nêu tại Tờ trình/ *Approval of the results of independent audit activities as described in the Proposal.*

b. Chấp thuận việc chọn công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY) thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc lập và trình bày

Báo cáo tài chính của Vietbank và công ty Vietbank AMC cho năm tài chính 2027/ *Approval of the selection of Ernst & Young Vietnam (EY) as the independent auditing firm to conduct the independent audit of the Financial Statements and the internal control system with respect to the preparation and presentation of the Financial Statements of Vietbank and Vietbank AMC for the fiscal year 2027.*

c. Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi do yếu tố khách quan về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập (bao gồm nội dung, phạm vi kiểm toán hiện hữu và/hoặc phát sinh thêm do Luật định), giao cho HĐQT quyết định lựa chọn trên cơ sở đề nghị của BKS và báo cáo kết quả trong kỳ Đại hội cổ đông liền kề/ *In the event of objective changes during the implementation process with respect to the selection of the independent auditing firm (including the current scope and content of the audit and/or any additional scope arising by operation of law), the BOD shall be authorized to decide on the selection based on the Supervisory Board's proposal and report the results at the immediately following general meeting of shareholders.*

d. Các nội dung khác liên quan đến công tác kiểm toán độc lập vẫn được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua/ *Other matters related to the independent audit shall continue to be implemented in accordance with Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025 as approved by the General Meeting of Shareholders.*

12. Thông qua Báo cáo về kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, kết quả sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN/ *Approval of the Report on Results of Loan Classification, Off-Balance Sheet Commitments, Risk Provision Appropriation, and the Utilization of Provisions for Risk Management pursuant to Clause 3, Article 13 of Circular No. 31/2024/TT-NHNN.*

13. Thông qua Tờ trình về Bộ Quy định về tổ chức, Quản trị, Kiểm soát của Vietbank cập nhật cho phù hợp theo Thông tư số 83/2025/TT-NHNN, các quy định của pháp luật có liên quan và thực tế hoạt động của Vietbank: Điều lệ Ngân hàng; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy định tổ chức, hoạt động HĐQT; Quy định tổ chức, hoạt động Ban KS, cụ thể/ *Approval of the Proposal on the set of Regulations on Organization, Governance, and Control of Vietbank, updated in compliance with Circular No. 83/2025/TT-NHNN, relevant legal regulations, and Vietbank's actual operations: the Bank's Charter; the Internal Corporate Governance Regulation; the Regulation on the Organization and Operation of the BOD; the Regulation on the Organization and Operation of the Supervisory Board, specifically:*

a. Chấp thuận thông qua Bộ quy định về tổ chức, quản trị, kiểm soát, bao gồm: (i) Điều lệ về tổ chức, hoạt động; (ii) Quy chế nội bộ về quản trị công ty; (iii) Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị; (iv) Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở các nội dung sửa đổi, bổ sung theo trình bày tại Tờ trình và (các) Phụ lục bảng so sánh nội dung sửa đổi kèm theo/ *Approval of the Governance and Control Regulatory Framework, comprising: (i) Charter on Organization and Operations; (ii) Internal Corporate Governance Regulation; (iii) Regulation on the Organization and Operation of the Board of Directors; (iv) Regulation on*

the Organization and Operation of the Supervisory Board, based on the amendments and supplements as presented in the Proposal and the attached comparative table annex(es).

b. Giao Văn phòng HĐQT, Ban Pháp chế phối hợp cùng Ban Kiểm soát rà soát hoàn thiện Bộ quy định để trình Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trưởng Ban Kiểm soát ký ban hành có hiệu lực phù hợp theo quy định (chậm nhất ngày 01/7/2026)/ *To assign the BOD Office and the Legal Division to coordinate with the Supervisory Board to review and finalize the Regulatory Framework for submission to the Chairman of the Board of Directors and the Head of the Supervisory Board for signing and promulgation with an effective date in accordance with applicable regulations (no later than July 1, 2026).*

14. Thông qua Báo cáo kết quả xây dựng và triển khai Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Vietbank theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025, cụ thể/ *Approval of the Report on the Results of Formulating and Implementing the Anticipated Remediation Plan in the Event of Early Intervention at Vietbank pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025, specifically:*

a. Thông qua Báo cáo về kết quả xây dựng và triển khai Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm tại Vietbank theo nội dung trình bày tại Báo cáo/ *Approval of the Report on the Results of Formulating and Implementing the Anticipated Remediation Plan in the Event of Early Intervention at Vietbank as presented in the Report.*

b. Giao/ủy quyền Hội đồng quản trị chủ động điều chỉnh, bổ sung, thay đổi các nội dung liên quan đến Phương án khắc phục tùy vào tình hình thực tế khách quan hoặc yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết)/ *To delegate/authorize the Board of Directors to proactively adjust, supplement and modify the content of the Remediation Plan subject to actual objective circumstances or requirements of the competent State authority (if necessary).*

c. Hội đồng quản trị báo cáo kết quả thực hiện cho ĐHĐCĐ trong kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên tiếp theo/ *The Board of Directors shall report the implementation results to the AGMS at the next annual general meeting.*

15. Thông qua Tờ trình về chủ trương tham gia tái cơ cấu Quỹ tín dụng nhân dân, theo đó, Đại hội đồng cổ đông thống nhất/ *Approval of the Proposal on the Policy for Participation in the Restructuring of People's Credit Funds, whereby the General Meeting of Shareholders unanimously agreed:*

a. Vietbank tiếp tục tham gia xử lý, hỗ trợ phục hồi các Quỹ Tín dụng nhân dân, đồng thời ủy quyền cho HĐQT trong việc lựa chọn và quyết định phương án tham gia trình NHNN xem xét, phê duyệt/ *Vietbank shall continue to participate in the resolution and recovery support of People's Credit Funds, and authorize the BOD to select and decide on the participation plan for submission to the SBV for consideration and approval.*

b. HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần tiếp theo/ *The BOD shall report the implementation results to the AGMS at the next annual general meeting.*

16. Thông qua Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện việc nhận chuyển nhượng bất động sản làm trụ sở hoạt động của Ngân hàng theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ/ *Approval of the Report to the General Meeting of Shareholders on the Results of the Acquisition of Real Estate for Use as the Bank's Operating Premises pursuant to Resolution No. 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ.*

17. Giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các đơn vị liên quan trong toàn hệ thống triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông nêu trên và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông các quyết định chưa hoàn tất triển khai thực hiện và/hoặc các quyết định có nội dung yêu cầu phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông/ *To assign the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director and all relevant units across the entire system to implement the above resolutions of the General Meeting of Shareholders and to report back to the General Meeting of Shareholders on resolutions that have not yet been fully implemented and/or resolutions requiring a report to the General Meeting of Shareholders.*

Nơi nhận/ *Recipients:*
- Cổ đông/ *Shareholders;*
- NHNN/ *SBV;*

Lưu Thư ký HĐQT/ *Filed: BOD Secretary.*

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN/ *DUONG NHAT NGUYEN*

VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
No: 01/2026/BBH-ĐHĐCĐ

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness
Ho Chi Minh City, April 24, 2026

MINUTES OF THE 2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

ENTERPRISE NAME: Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Private Enterprises (Vietbank);

Address: No. 47 Tran Hung Dao, Phu Loi Ward, Can Tho City.

Enterprise Registration Certificate No.: 2200269805, issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province on January 12, 2007, amended for the 28th time on August 28, 2023.

Establishment and Operating License No. 05/GP-NHNN dated February 24, 2023 issued by the State Bank of Vietnam to Vietbank; License No. 55/GP-NHNN dated September 10, 2017 issued by the State Bank of Vietnam for gold bar trading and dealing activities; Decision No. 1381/QĐ-QLGS5 dated June 24, 2025 of the State Bank of Vietnam on supplementing business activities to the Establishment and Operating License of Vietbank; Decision No. 1949/QĐ-QLGS5 of the State Bank of Vietnam dated August 8, 2025 on amending the registered head office address in the Establishment and Operating License of Vietbank; Decision No. 05/QĐ-QLGS5 dated February 3, 2026 of the State Bank of Vietnam on supplementing business activities to the Establishment and Operating License of Vietbank; Decision No. 179/QĐ-NHNN dated February 5, 2026 on amending the charter capital content in the Establishment and Operating License of Vietbank.
Time: **08:30 a.m., April 24, 2026.**

Meeting format: **Online.**

Main venue: Conference Hall, 7th Floor - Lim 2 Building, No. 62A CMT8 Street, Xuan Hoa Ward, District 3, Ho Chi Minh City.

ATTENDEES:

- Shareholders, representatives and duly authorized proxies of shareholders;
- Board of Directors (BOD), Supervisory Board, General Director's Management Board (GM Board);
- Senior Advisors to the BOD, Advisors to the BOD, Members of the Scientific Advisory Council; Advisors to the General Director;
- Distinguished guests:

✓ Representatives of the State Bank of Vietnam (SBV):

+ Mr. Tran Quoc Ha - Acting Director of the State Bank of Vietnam, Regional Branch No. 14;

+ Ms. Nguyen Thi Dieu Linh - Representative of the Supervisory and Inspection Department, State Bank of Vietnam.

✓ Representatives of the Independent Auditing Firm conducting the audit of Vietbank's 2025 Financial Statements:

+ Mr. Pham Anh Thu - Audit Manager - Ernst & Young Vietnam Co., Ltd.

PROCEEDINGS OF THE GENERAL MEETING:

I. CEREMONIAL PROCEEDINGS:

1. The Credentials Verification Committee presented the Credentials Verification Report:

As of the time of reporting, the General Meeting had shareholders in attendance representing 1,027,728,425 shares, accounting for 95.4342% of the total voting shares.

Pursuant to the Law on Enterprises, the Law on Credit Institutions (LCI), the Law on Securities, the Charter and the Internal Corporate Governance Regulation of Vietbank, the General Meeting of Shareholders is duly qualified to convene.

2. Ms. Le Thi Tuyet Chinh - Chief of the BOD Office cum Secretary of the Board of Directors:

Presented the Rules of Procedure for the General Meeting (the draft of which had been disclosed to shareholders on Vietbank's website) and **the General Meeting voted to approve as follows:**

Total ballots issued: 47 ballots representing 1,028,555,993 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots collected: 40 ballots representing 1,027,649,480 voting shares, accounting for 99.9119% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots not collected: 07 ballots representing 906,513 voting shares, accounting for 0.0881% of the total voting shares of attending shareholders;

Total valid ballots: 40 ballots representing 1,027,649,480 voting shares, accounting for 99.9119% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 39 ballots representing 1,027,649,317 voting shares, accounting for 99.9118% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 1 ballot representing 163 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

Accordingly, the Rules of Procedure for the General Meeting were unanimously approved by shareholders with a consent rate of 99.9118% by electronic voting.

3. Introduction of the Presiding Panel, Secretary, Ballot Counting Committee and Approval of the Meeting Agenda:

3.1. Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD - Chairperson of the General Meeting introduced the Presiding Panel comprising:

- Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD;
- Mr. Nguyen Huu Trung - Vice Chairman of the BOD;
- Mr. Hua Ngoc Nghia - Head of the Supervisory Board.
- Ms. Quach To Dung - Member of the BOD;
- Mr. Le Thanh Quy Ngoc - Acting General Director.

3.2. Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD - Chairperson of the General Meeting introduced the Secretaries comprising Ms. Le Thi Tuyet Chinh - Chief of the BOD Office cum Secretary of the Board of Directors **and Ms. Hoang Thi Thu** - Senior Specialist of the BOD Office.

The Presiding Panel was voted on and approved by the General Meeting as follows:

Total ballots issued: 48 ballots representing 1,028,582,364 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

Total ballots collected: 41 ballots representing 1,028,468,855 voting shares, accounting for 99.9890% of the total voting shares of attending shareholders.

Total ballots not collected: 7 ballots representing 113,509 voting shares, accounting for 0.0110% of the total voting shares of attending shareholders;

Total valid ballots: 41 ballots representing 1,028,468,855 voting shares, accounting for 99.9890% of the total voting shares of attending shareholders;

- Total affirmative votes: 41 ballots representing 1,028,468,855 voting shares, accounting for 99.9890% of the total voting shares of attending shareholders.
- Total dissenting votes: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.
- Total abstentions: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

Accordingly, the Presiding Panel was unanimously approved by shareholders with a consent rate of 99.9890% by electronic voting.

3.3. Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD - Chairperson of the General Meeting introduced the Ballot Counting Committee:

- Mr. Nguyen Kim Dien - Vice Chairman of the Vietbank Trade Union: Chairperson
- Ms. Nguyen Ai Nha Uyen - Senior Specialist of the BOD Office: Member
- Mr. Nguyen Minh Tuan - Senior Specialist of the BOD Office: Member
- Ms. Le Van - Deputy Head of the Debt Settlement Center: Member.

The Ballot Counting Committee was voted on and approved by the General Meeting as follows:

Total ballots issued: 48 ballots representing 1,028,582,364 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots collected: 42 ballots representing 1,027,676,051 voting shares, accounting for 99.9119% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots not collected: 6 ballots representing 906,313 voting shares, accounting for 0.0881% of the total voting shares of attending shareholders;

Total valid ballots: 42 ballots representing 1,027,676,051 voting shares, accounting for 99.9119% of the total voting shares of attending shareholders;

- Total affirmative votes: 42 ballots representing 1,027,676,051 voting shares, accounting for 99.9119% of the total voting shares of attending shareholders.
- Total dissenting votes: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.
- Total abstentions: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

Accordingly, the General Meeting unanimously approved the Ballot Counting Committee with a consent rate of 99.9119% by electronic voting.

3.4. Approval of the Meeting Agenda: Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD - Chairperson of the General Meeting introduced the Meeting Agenda (the draft agenda had been disclosed to shareholders on Vietbank's website).

The Meeting Agenda was voted on and approved by the General Meeting as follows:

Total ballots issued: 49 ballots representing 1,028,582,367 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots collected: 43 ballots representing 1,028,469,058 voting shares, accounting for 99.9890% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots not collected: 6 ballots representing 113,309 voting shares, accounting for 0.0110% of the total voting shares of attending shareholders;

Total valid ballots: 43 ballots representing 1,028,469,058 voting shares, accounting for 99.9890% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 43 ballots representing 1,028,469,058 voting shares, accounting for 99.9890% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

Accordingly, the General Meeting unanimously approved the Meeting Agenda with a consent rate of 99.9890% by electronic voting.

II. SUBSTANTIVE PROCEEDINGS:

1. Presentations to the General Meeting of Shareholders:

1.1. Mr. Le Thanh Quy Ngoc - Acting General Director presented the Report on Business Operating Results for 2025 and Business Plan Direction for 2026 (attached Report).

1.2. Mr. Ta Thu Tin - Deputy Director in charge of the Finance Division presented the Proposal on Approval of the Audited 2025 Financial Statements (attached Proposal).

1.3. Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD presented the Report of the Board of Directors on the performance of assigned duties and powers, on governance and the operating results of the Board of Directors, and on the assessment of the performance of members of the Board of Directors, and of the Councils and Committees under the Board of Directors (attached Report).

1.4. Mr. Hua Ngoc Nghia - Head of the Supervisory Board presented the Report of the Supervisory Board on the performance of assigned duties and powers, on Vietbank's business results, on the operating results of the Board of Directors and the General Director; a self-assessment of the Supervisory Board's performance and assessment of the performance of Supervisory Board members (attached Report).

1.5. Mr. Nguyen Huu Trung - Vice Chairman of the BOD presented the Progress Report on the Implementation of Charter Capital Increase and Stock Exchange Listing of Vietbank Shares pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025 (attached Report).

1.6. Ms. Nguyen Thi Thuy Minh - Chief Accountant presented the Proposal on the 2025 Profit Distribution Plan (attached Proposal);

1.7. Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD presented the Proposal re: Approval of the 2026 Charter Capital Increase Plan (attached Proposal);

1.8. Mr. Ta Thu Tin - Deputy Director in charge of the Finance Division presented the Proposal on Approval of the Policy for Public Issuance and Listing of Bonds in 2026 (attached Proposal).

1.9. Mr. Le Thanh Quy Ngoc - Acting General Director presented the Report on Credit Extensions to Entities Stipulated under Clause 1, Article 135 of the Law on Credit Institutions (attached Report).

1.10. Mr. Le Thanh Quy Ngoc - Acting General Director presented the Report on the Results of Loan Classification, Off-Balance Sheet Commitments, Risk Provision Appropriation, and the Utilization of Provisions for Risk Management pursuant to Clause 3, Article 13 of Circular No. 31/2024/TT-NHNN (attached Report).

1.11. Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD presented the Proposal on Approval of Remuneration, Bonuses and Other Benefits for Members of the Board of Directors, Members of the Supervisory Board, and the Operating Budget for Members of the Board of Directors and Members of the Supervisory Board for 2026 (attached Proposal).

1.12. Mr. Mac Huu Danh - Member of the Supervisory Board presented the Proposal re: Selection of an Independent Auditing Organization (pursuant to Article 59 of the Law on Credit Institutions) (attached Proposal).

1.13. Ms. Le Thi Tuyet Chinh – Chief of the BOD Office presented the Proposal on Approval of Vietbank's updated Governance and Control Regulatory Framework in compliance with Circular No. 83/2025/TT-NHNN, relevant legal regulations, and Vietbank's actual operations: the Bank's Charter; the Internal Corporate Governance Regulation; the Regulation on the Organization and Operation of the BOD; the Regulation on the Organization and Operation of the Supervisory Board (attached Report);

1.14. Mr. Le Thanh Quy Ngoc - Acting General Director presented the Report on the Results of Formulating and Implementing the Anticipated Remediation Plan in the Event of Early Intervention at Vietbank pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025 (attached Report).

1.15. Mr. Le Thanh Quy Ngoc - Acting General Director presented the Proposal on the Policy for Participation in the Restructuring of People's Credit Funds (attached Proposal).

1.16. Mr. Nguyen Huu Trung - Vice Chairman of the BOD presented the Report to the General Meeting of Shareholders on the Results of the Acquisition of Real Estate for Use as the Bank's Operating Premises pursuant to Resolution No. 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ (attached Report).

2. Discussion:

No.	Shareholder	Question	Response
1	HALIM CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY	- According to the Bank's disclosed data, Vietbank's capital adequacy ratio (CAR) in 2025 has improved significantly. I consider this a key highlight of the Bank's performance over the past year. - However, in the broader context where banks continue to strengthen their capital base, does Vietbank have any specific plans to leverage its	We would like to sincerely thank our shareholders for their positive remarks on the Bank's improvement in capital adequacy over the past year. - The consolidated CAR of 13.42% and Tier 1 capital ratio of 9.38% reflect the Bank's sustained efforts, together with the trust and support of our shareholders in successfully completing the 2025 charter capital increase plan. - In the context where the banking sector continues to strengthen its capital base to meet prudential standards and support growth, the Bank considers CAR not merely as a compliance metric, but as a strategic advantage to be proactively leveraged in a well-directed manner.

		CAR as a strategic advantage?	- Regarding the capital increase plan, the Bank intends to continue implementing its roadmap through retained earnings and new share issuances, with the target of increasing charter capital to approximately VND 15,000 billion. A stronger capital base will provide important headroom for the Bank to: o Expand credit growth in a prudent and selective manner; o Focus on target customer segments and strategically prioritized sectors; o Enhance resilience against market volatility; o Gradually align with advanced risk management standards in line with international best practices. - In parallel, the Bank aims to manage its CAR in a flexible manner, closely aligned with its business strategy and risk appetite in each period, to optimize capital efficiency while maintaining capital buffers above the regulatory minimum requirements. - With an increasingly solid capital foundation, the Bank expects to translate this advantage into tangible momentum—supporting sustainable growth while enhancing long-term shareholder value. Specific initiatives will be implemented in line with market developments and submitted to the competent authorities for approval as appropriate.
2	MAI ANH DAO	- According to the 2025 financial statements, the Bank's non-performing loan (NPL) ratio stands at 2.92%, an increase of 0.17 percentage points	- The reported NPL ratio of 2.92% is calculated based on outstanding loans in Market 1 (excluding corporate bonds). However, the NPL ratio as defined under Circular No. 31/2024/TT-NHNN is 1.76%, which remains within the Bank's targeted control threshold.

		compared to 2024. What are the reasons for this increase, and what measures will be taken to manage NPLs in 2026?	- 2025 remained a challenging year for the economy, with lingering impacts from natural disasters, adverse weather conditions, and global geopolitical tensions. Consumer sentiment remained cautious, leading to restrained spending, while the real estate market was subdued and had not fully recovered. These factors significantly affected both credit quality and the Bank's ability to recover collateral. In line with the directives of the State Bank of Vietnam to accelerate NPL resolution, Vietbank has made strong efforts to manage and recover bad debts and overdue loans in order to keep the NPL ratio under control. - For 2026, with the economic outlook still subject to uncertainties and a continued risk of loan deterioration, Vietbank is implementing a combination of customer support measures alongside enhanced NPL resolution strategies, including: o Strengthening portfolio monitoring to detect early signs of potential NPLs and take timely remedial actions; o Enhancing specialized debt recovery teams with strong expertise to accelerate case resolution; o Establishing incentive and enforcement mechanisms to promote effective debt recovery; o Conducting thorough borrower assessments to determine appropriate resolution approaches; o Proactively applying a full range of recovery measures, including collateral repossession and disposal, legal proceedings, and other enforcement actions, to actively reduce NPLs.

			- In parallel, Vietbank continues to prioritize improvements in asset quality to prevent the formation of new NPLs. Risk early-warning systems, credit appraisal standards, and post-disbursement monitoring are being further strengthened, with strict control over loan utilization and asset quality remaining a top priority.
3	NGUYEN THI THUY DIEM	- In 2025, the Bank successfully increased its charter capital to over VND 10,000 billion. At this year's General Meeting of Shareholders, the Bank targets raising its charter capital to VND 15,000 billion. How does the Board of Directors assess the likelihood of successfully implementing this capital increase plan?	- In 2025, with strong support from shareholders, Vietbank successfully completed its capital increase plan, raising its charter capital to over VND 10,000 billion. Notably, the rights issue to existing shareholders achieved 94.4% of the targeted plan. The Board of Directors would like to express its sincere appreciation to the General Meeting of Shareholders for their strong support in enabling the Bank to fulfill its capital increase commitments. - At this General Meeting, the Board of Directors submits for approval a plan to increase the Bank's charter capital to VND 15,547,705,970,000 (an increase of VND 4,778,732,130,000 compared to the current charter capital), with the following implementation roadmap: o First phase: An increase of VND 1,076,897,380,000 through a bonus share issuance from equity sources (retained earnings and the reserve fund for charter capital supplementation as of end-2025). This plan will be implemented very rapidly as it utilizes equity sources, including retained earnings and the supplementary reserve fund for charter capital through the end of 2025. o Second phase: An increase of VND 2,961,467,800,000 through a rights

			issue to existing shareholders (including new capital contributions); We look forward to receiving the same support from our shareholders as in 2025 to ensure the success of this Plan. o Third phase: An increase of VND 740,366,950,000 through an employee share ownership plan (ESOP 2026). This approach is common in bank recapitalization to create employee welfare programs and retain high-quality human resources. - With the priority given to utilizing internal equity sources in the first phase, together with the planned migration of the Bank's shares to the main exchange, and the continued support from shareholders and employees for strengthening the Bank's financial capacity, the Board of Directors is confident that the Bank will successfully complete its capital increase plan in 2026.
4	DANG THI BICH CHI	- How does the Supervisory Board oversee the Board of Directors (BOD) and the Management (Executive Management) to ensure compliance with applicable laws and effective risk control? - How does the Supervisory Board oversee the Board of Directors (BOD) and the Management (Executive Management) to	- **The Supervisory Board performs its oversight through:** o Reviewing periodic and ad hoc reports of the Board of Directors and Executive Management; o Attending meetings of the Board of Directors and Executive Management (where necessary) to closely monitor the Bank's operations; o Assessing the internal control system, risk management, and compliance through internal audit activities, and providing recommendations and advisory opinions to the Board of Directors and Executive Management to ensure the Bank's operations are transparent, aligned with its risk

		ensure compliance with applicable laws and effective risk control?	appetite, and In compliance with internal regulations and applicable laws. - **The Supervisory Board performs its reporting function through:** o Preparing periodic supervisory reports for submission to the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the State Bank of Vietnam; o Reporting material findings and significant violations (as prescribed) to the Board of Directors and/or the State Bank of Vietnam; o Providing recommendations to improve corporate governance and the internal control system to the Board of Directors and Executive Management.
5	NGUYEN LE NGOC PHUC	- Could the Bank provide an update on its plan to list its shares on HOSE this year?	- In implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors has taken steps to transfer the listing of Vietbank shares (ticker: VBB), specifically: - On July 11, 2025, the Board of Directors issued Resolution No. 111/2025/NQ-HĐQT approving the plan to list Vietbank shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE). Accordingly, the Bank completed the listing dossier and submitted it to HOSE in March 2026. - However, amid increasingly complex global geopolitical developments—particularly the escalation of tensions in the Middle East—financial markets both globally and domestically have been negatively affected. The VN-Index has recorded consecutive declines compared to the period prior to these developments.

			- Based on a prudent assessment, the Bank's management believes that proceeding with the listing at this time may entail elevated risks and may not represent the optimal timing to maximize shareholder value. Accordingly, Vietbank plans to reassess and select a more appropriate listing window, expected in Q2 or Q3 2026, subject to market conditions and approval by the Ho Chi Minh Stock Exchange.

The General Meeting has concluded the discussion session. Any remaining questions and/or questions arising thereafter will be addressed by the Bank's Management in writing or through other appropriate means.

3. The Presiding Panel solicited shareholders' votes and election results on the matters at the General Meeting by electronic ballot.

- Mr. Nguyen Kim Dien - Chairperson of the Ballot Counting Committee briefed and guided shareholders in conducting the vote and election by electronic ballot.
- Shareholders carried out voting and election by electronic ballot.

4. The General Meeting adjourned for a recess and resumed after 15 minutes.

5. Results of ballot counting for votes and elections on matters at the General Meeting:

Mr. Nguyen Kim Dien - Chairperson of the Ballot Counting Committee announced the ballot counting results, as follows:

Number of Ballots for Voting:

- Total ballots issued: 50 ballots representing 1,028,833,948 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Total ballots collected: 46 ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Total ballots not collected: 4 ballots representing 334,607 voting shares, accounting for 0.0325% of the total voting shares of attending shareholders;

5.1. Report on Business Operating Results for 2025 and Business Plan Direction for 2026:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.2. Proposal on Approval of the Audited 2025 Financial Statements:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.3. Report of the Board of Directors on the Performance of Assigned Duties and Powers, Governance and Operating Results of the Board of Directors, and Assessment of the Performance of BOD Members, and of Councils and Committees under the Board of Directors:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.4. Report of the Supervisory Board on the Performance of Assigned Duties and Powers, Vietbank's Business Results, the Operating Results of the Board of Directors and the General Director; Self-Assessment of the Supervisory Board's Performance and Assessment of Supervisory Board Members' Performance:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.5. Progress Report on the Implementation of Charter Capital Increase and Stock Exchange Listing of Vietbank Shares pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.6. Proposal on the 2025 Profit Distribution Plan:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.7. Proposal re: Approval of the 2026 Charter Capital Increase Plan:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.8. Proposal on Approval of the Policy for Public Issuance and Listing of Bonds in 2026:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.9. Report on Credit Extensions to Entities Stipulated under Clause 1, Article 135 of the Law on Credit Institutions:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.10. Proposal on Approval of Remuneration, Bonuses and Other Benefits for Members of the Board of Directors, Members of the Supervisory Board, and the Operating Budget for Members of the Board of Directors and Members of the Supervisory Board for 2026:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

  Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.11. Proposal re: Selection of an Independent Auditing Organization (pursuant to Article 59 of the Law on Credit Institutions):

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,494,975 voting shares, accounting for 99.9671% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 4,366 voting shares, accounting for 0.0004% of the total voting shares of attending shareholders;

  Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.12. The Report on Results of Loan Classification, Off-Balance Sheet Commitments, Risk Provision Appropriation, and the Utilization of Provisions for Risk Management pursuant to Clause 3, Article 13 of Circular No. 31/2024/TT-NHNN:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

  Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.13 Proposal on the Approval of the Updated Regulations on Organization, Governance, and Control of Vietbank in compliance with Circular No. 83/2025/TT-NHNN, relevant legal regulations, and Vietbank's actual operations: the Bank's Charter; the Internal Corporate Governance Regulation; the Regulation on the Organization and Operation of the BOD; the Regulation on the Organization and Operation of the Supervisory Board:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.14. Report on the Results of Formulating and Implementing the Anticipated Remediation Plan in the Event of Early Intervention at Vietbank pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,494,975 voting shares, accounting for 99.9671% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 4,366 voting shares, accounting for 0.0004% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.15. Proposal on the Policy for Participation in the Restructuring of People's Credit Funds:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,494,975 voting shares, accounting for 99.9671% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 4,366 voting shares, accounting for 0.0004% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

5.16. Report to the General Meeting of Shareholders on the Results of the Acquisition of Real Estate for Use as the Bank's Operating Premises pursuant to Resolution No. 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ:

Total valid ballots representing 1,028,499,341 voting shares, accounting for 99.9675% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 1,028,494,975 voting shares, accounting for 99.9671% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 4,366 voting shares, accounting for 0.0004% of the total voting shares of attending shareholders;

  Total invalid ballots: 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

6. Remarks from guests:

Mr. Tran Quoc Ha - Acting Director of the State Bank of Vietnam, Regional Branch No. 14:

Congratulations on the successful organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, with a high approval rate for the submitted resolutions. The State Bank of Vietnam (SBV) also expresses its strong agreement with the 2025 business performance reports and the 2026 business plan presented by Vietbank at today's meeting.

In 2025, both domestic and global macroeconomic conditions posed significant challenges to the banking sector. The industry continued to face pressures related to asset quality control, enhancement of risk management in line with international standards, increasing competition, as well as the need to accelerate digital transformation and promote sustainable development.

As the state regulatory authority, the SBV highly appreciates the achievements of Vietbank in 2025. The Board of Directors, Executive Management, and all staff of Vietbank have made considerable efforts to overcome challenges and comprehensively fulfill key performance targets, maintain positive growth momentum, and further strengthen the Bank's financial foundation and governance capacity. Key financial indicators, including total assets, outstanding loans, mobilized funds, and profit, recorded solid growth, marking the third consecutive year of strong profit expansion. The non-performing loan (NPL) ratio was effectively controlled at 1.76%, reflecting proactive and efficient risk management, ensuring operational safety, and demonstrating the Bank's strong commitment to capital enhancement, financial strengthening, improved governance, and development in a safe, transparent, and sustainable manner.

Regarding Vietbank's 2026 business plan, we consider these targets to be ambitious yet achievable, provided that the Bank continues to maintain its growth momentum, enhance governance quality, and effectively capitalize on market opportunities.

Based on the results achieved in 2025 and the strategic orientation for 2026, the SBV expresses its support and confidence in the business plan presented by Vietbank to the General Meeting of Shareholders. To further build on these achievements, the SBV recommends that Vietbank focus on several key priorities going forward:(i) Strictly comply with Directive No. 01 of the SBV, ensuring effective, safe, and transparent operations; (ii) Continue to strengthen and enhance its financial capacity; (iii) Ensure that credit is allocated to priority sectors in line with the needs of the economy; minimize emerging risks and maintain strict control over overdue and non-performing loans; continue to accelerate digital transformation, develop digital products to enhance customer experience, increase fee-based income, support customers, and actively engage in social responsibility initiatives.

The SBV will continue to accompany and support Vietbank in its development journey. With the implementation of appropriate business strategies and the continued support of shareholders, the Board of Directors, the Supervisory Board, and Executive Management, the SBV is confident that Vietbank will maintain stable and sustainable growth.

7. Closing remarks by Mr. Duong Nhat Nguyen - Chairman of the BOD:

- Vietbank highly appreciates the positive feedback, constructive assessments, and insightful guidance provided by the State Bank of Vietnam regarding the Bank's performance in 2025.
- Vietbank acknowledges and will earnestly implement the orientations and recommendations of the State Bank of Vietnam concerning credit quality control, enhancement of risk management capabilities, strengthening of the internal control system, as well as the promotion of digital transformation, growth in fee-based income, improvement of financial capacity, and development of products to enhance customer experience and ensure sustainable growth.
- Vietbank fully acknowledges and commits to strictly adhering to all directives and guidance from the State Bank of Vietnam, while continuing to align closely with the policy directions of the Government and the State Bank of Vietnam, ensuring that business operations go hand in hand with system safety, legal compliance, and adherence to international governance standards.
- Vietbank remains committed to fulfilling its role as a commercial bank by supporting the broader banking system and continuing to implement social responsibility initiatives.
- Vietbank respectfully requests the State Bank of Vietnam to continue its supervision, guidance, and support throughout the Bank's operations and development process.

III. RESOLUTIONS APPROVED BY THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Based on the results of voting and elections, the 2026 Annual General Meeting of Shareholders has resolved to approve the following:

1. Approval of the Report on Business Operating Results for 2025 and Business Plan Direction for 2026:

1.1. Business operating results for 2025 with the following key performance indicators:

- Scale indicators: *Unit: VND billion, %*

Indicator	2025 Actual	Compared with 2025 Plan	
		2025 Plan	% Achieved
Total assets	196,771	180,000	109%
Total credit outstanding	108,440	112,000	96.8%
Total capital mobilization	125,095	132,000	94.8%
Pre-tax profit	1,532	1,750	87.5%
NPL ratio (per Circular 31/NHNN)	1.76%	≤2.5%	Compliant

- Business performance indicators: *Unit: VND billion, %*

Indicator	2025 Actual	Compared with 2025 Plan	
		2025 Plan	% Achieved
1. Total operating income	3,622.6	4,500	80.5%
2. Total operating expenses	1,729.0	2,050	84.3%
3. Credit risk provision expense (reversal)	362.3	700	51.8%
4. Pre-tax profit (=1-2-3)	1,532.0	1,750	87.5%

- Safety and soundness ratios:

No.	Indicator	2025	SBV Regulatory Requirement
1	NPL ratio (per Circular 31/NHNN)	1.76%	<3%
2	CAR	13.42%	≥8%
3	LDR	57.81%	≤85%
4	Ratio of short-term funding used for medium and long-term lending	18.54%	≤34%

1.2. Business plan for 2026:

Unit: VND billion

Indicator	2025 Actual	2026 Plan	
		Balance	Growth Rate
Total assets	196,771	230,000	16.9%
Total credit outstanding	108,440	134,000 (*)	23.6%
Total capital mobilization incl. valuable papers	125,095	155,000	23.9%
Pre-tax profit	1,532	2,100	37.1%
NPL ratio (per Circular 31 of the SBV)	1.76%	≤ 2.5%	Compliant
ROE	11.45%	≥ 13.5%	

Note: (*) Vietbank's credit growth plan; the actual figure for 2026 will be adjusted in line with the credit limit allocated by the SBV, pursuant to Official Dispatch No. 11686/NHNN-CSTT dated December 31, 2025, or any superseding document (if any).

2. Approval of the Audited 2025 Financial Statements with the following key financial indicators:

Unit: VND million

No.	Indicator	2025	
		Separate Audited Financial Statements	Consolidated Audited Financial Statements
I. Business-related indicators			
1	Total assets	196.962.024	196.771.033
2	Deposits at and loans to other credit institutions	51.514.898	51.514.898
3	Total credit outstanding	108.440.447	108.440.447
4	Customer deposits and issuance of valuable papers	125.290.220	125.094.683
5	Pre-tax profit	1.524.903	1.531.509
II. Equity-related indicators			
1	Equity	12.426.319	12.431.567
2	Charter capital	10.768.974	10.768.974
3	Charter capital supplementary reserve fund	129.998	129.998
4	Financial reserve fund	527.818	527.818
5	Undistributed earnings	1.000.302	1.005.550

III. Details of related-party transactions

No.	Transaction details	Amount
1	Balance of non-term deposits	22.500
2	Balance of term deposits	334.504
3	Loan balance	30.140
4	Credit card outstanding balance	1.231

3. Approval of the Report of the Board of Directors on the Performance of Assigned Duties and Powers, Governance and Operating Results of the Board of Directors, and Assessment of the Performance of BOD Members, and of Councils and Committees under the Board of Directors.

4. Approval of the Report of the Supervisory Board on the Performance of Assigned Duties and Powers, Vietbank's Business Results, the Operating Results of the Board of Directors and the General Director; Self-Assessment of the Supervisory Board's Performance and Assessment of Supervisory Board Members' Performance.

5. Approval of the Progress Report on the Implementation of Charter Capital Increase and Stock Exchange Listing of Vietbank Shares pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025. Accordingly:

5.1. Regarding the charter capital increase pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025: in 2025, Vietbank completed an increase of VND 3,629 billion in charter capital, equivalent to a 51% increase compared to the beginning of the year, achieving 96% of the charter capital increase plan under Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.

5.2. Regarding the listing of shares on the stock exchange, the General Meeting of Shareholders unanimously agreed:

(i) To transfer the trading of VBB shares from the UPCoM system to official listing on the Ho Chi Minh Stock Exchange (HSX) at an appropriate time, subject to full compliance with all conditions prescribed by law.

(ii) To authorize the Board of Directors to decide on all matters related to the share transfer and listing, including but not limited to matters pertaining to the filing for listing registration, filing for cancellation of UPCoM trading, reference listing price, and listing date, in compliance with applicable regulations; and to organize the implementation, direct the Management Board and relevant units to complete all necessary filings and procedures in accordance with applicable law to finalize the transfer of VBB shares to listing on the HSX.

6. Approval of the 2025 Profit Distribution Plan, specifically as follows:

6.1. Profit distribution plan:

Unit: VND

No.	Item	Note	Amount
1	Consolidated pre-tax profit for 2025		1.531.507.925.156
2	Pre-tax profit of the bank alone for 2025		1.524.902.069.888
3	After-tax profit of the bank alone for 2025		1.204.340.741.601
4	Appropriations to funds for 2025, of which:		273.824.740.904
	- Charter capital supplementary reserve fund		120.434.074.160
	- Financial reserve fund		108.390.666.744
	- Reward fund		20.000.000.000
	- Welfare fund		5.000.000.000
	- BOD and Supervisory Board operating fund		20.000.000.000
5	**Remaining 2025 profit after appropriations to funds**	**= (3)-(4)**	**930.516.000.697**
6	Prior year profit		24.784.812.994
7	**Total undistributed earnings**	**=(5)+(6)**	**955.300.813.691**
8	**Charter capital supplementary reserve fund**		**129.998.078.733**

No.	Item	Note	Amount
9	**Total undistributed earnings and charter capital supplementary reserve fund**	**=(7)+(8)**	**1.085.298.892.424**
10	**Plan to increase charter capital from undistributed earnings and charter capital supplementary reserve fund in 2026**		**1.076.897.380.000**
10a	Undistributed earnings		951.897.380.000
10b	Charter capital supplementary reserve fund		125.000.000.000
11	**Total accumulated undistributed earnings and charter capital supplementary reserve fund remaining after implementation of the capital increase plan**	**=(9)-(10)**	**8.401.512.424**
	Capital increase ratio to total outstanding ordinary shares		**10%**

6.2. To delegate/authorize the Board of Directors to: (i) organize the implementation of profit distribution and decide on the utilization of accumulated retained earnings and other equity sources in a manner that balances the interests of Vietbank and its shareholders, in compliance with applicable laws; (ii) implement the 2026 charter capital increase plan from retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to 2025 in order to carry out the necessary procedures to seek approval from the competent State management authority.

7. Approval of the Proposal on the 2026 Charter Capital Increase Plan, whereby the General Meeting of Shareholders approved:

7.1. Capital increase amount:

- Charter capital as at December 31, 2025: **VND 10,768,973,840,000** *(In words: Ten thousand seven hundred and sixty-eight billion, nine hundred and seventy-three million, eight hundred and forty thousand Vietnamese dong),* corresponding to 1,076,897,384 shares, of which:
  - ✓ Ordinary shares: 1,076,897,384 shares;
  - ✓ Treasury shares: 0.
- Total expected capital increase: **VND 4,778,732,130,000** *(In words: Four thousand seven hundred and seventy-eight billion, seven hundred and thirty-two million, one hundred and thirty thousand Vietnamese dong),* of which:
  + **Expected first-tranche capital increase of VND 1,076,897,380,000** *(In words: One thousand and seventy-six billion, eight hundred and ninety-seven million, three hundred and eighty thousand Vietnamese dong)* through the issuance of shares from equity sources (retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to the end of 2025). The expected number of additional shares to be issued is **107,689,738 shares** (corresponding to **an increase ratio of 10%** of total outstanding ordinary shares). New charter capital after the first-tranche increase: **VND 11,845,871,220,000** *(In words: Eleven thousand eight hundred and*

forty-five billion, eight hundred and seventy-one million, two hundred and twenty thousand Vietnamese dong).

+ **Expected second-tranche capital increase of VND 2,961,467,800,000** *(In words: Two thousand nine hundred and sixty-one billion, four hundred and sixty-seven million, eight hundred thousand Vietnamese dong)* through the issuance of shares to existing shareholders (shareholders contributing new capital). The expected number of additional shares to be issued is **296,146,780 shares** (corresponding to an **increase ratio of 25%** relative to the charter capital increased in the first tranche). New charter capital after the second-tranche increase: **VND 14,807,339,020,000** *(In words: Fourteen thousand eight hundred and seven billion, three hundred and thirty-nine million, twenty thousand Vietnamese dong).*

+ **Expected third-tranche capital increase of 5%** of the total charter capital increased in the second tranche, corresponding to an expected maximum increase of **VND 740,366,950,000** *(In words: Seven hundred and forty billion, three hundred and sixty-six million, nine hundred and fifty thousand Vietnamese dong)* through share issuance under the Employee Stock Ownership Plan for 2026 (ESOP 2026 Program). The expected number of additional shares to be issued is accordingly **74,036,695** shares (*In words: Seventy-four million, thirty-six thousand, six hundred and ninety-five shares).*

- **New expected charter capital upon completion of the capital increase: VND 15,547,705,970,000** *(In words: Fifteen thousand five hundred and forty-seven billion, seven hundred and five million, nine hundred and seventy thousand Vietnamese dong).*

7.2. Charter capital increase plan:

(i) First-tranche charter capital increase plan through share issuance from equity sources:

+ **Expected capital increase of VND 1,076,897,380,000** *(In words: One thousand and seventy-six billion, eight hundred and ninety-seven million, three hundred and eighty thousand Vietnamese dong)* through the issuance **of 107,689,738** (*In words: One hundred and seven million, six hundred and eighty-nine thousand, seven hundred and thirty-eight)* ordinary shares from equity sources (retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to the end of 2025) (corresponding to an **increase ratio of 10%** of total outstanding ordinary shares).

- Target issuees: existing shareholders whose names appear on the shareholder register of Vietbank at the record date as prescribed by law;
- Expected number of shares to be issued: **107,689,738** *shares (In words: One hundred and seven million, six hundred and eighty-nine thousand, seven hundred and thirty-eight),* par value VND 10,000 per share;
- Total par value of issuance: **VND 1,076,897,380,000** *(In words: One thousand and seventy-six billion, eight hundred and ninety-seven million, three hundred and eighty thousand Vietnamese dong);*
- Source of funds for charter capital increase: from equity sources (retained earnings and the charter capital supplementary reserve fund up to the end of 2025), in compliance with applicable regulations, specifically:

Unit: VND

No.	Indicator	Balance per Consolidated Audited Financial Statements at 31/12/2025	Balance per Separate Audited Financial Statements at 31/12/2025	Amount Used for Charter Capital Increase
1	**Charter capital supplementary reserve fund**	**129.998.078.733**	**129.998.078.733**	**125.000.000.000**
2	**Accumulated undistributed earnings**	**960.548.932.691**	**955.300.813.691**	**951.897.380.000**
2.1	Earnings used to issue shares to increase share capital from equity sources	951.897.380.000	951.897.380.000	951.897.380.000
2.2	Remaining accumulated earnings	8.651.552.691	3.403.433.691	-
3	**Other funds**	**548.311.157.320**	**548.311.157.320**	-
3.1	Financial reserve fund	527.817.338.799	527.817.338.799	-
3.2	Reward fund	12.442.365.474	12.442.365.474	-
3.3	Welfare fund	8.051.453.047	8.051.453.047	-
Total amount used to increase share capital from equity sources				**1.076.897.380.000**

- New charter capital after the first-tranche increase: **VND 11,845,871,220,000** (*In words: Eleven thousand eight hundred and forty-five billion, eight hundred and seventy-one million, two hundred and twenty thousand Vietnamese dong).*
- List of shareholders and shareholding ratios of shareholders holding 5% or more of voting share capital and of total charter capital at the current time and as expected after the first-tranche capital increase - attached.
- Expected issuance timeline and expected completion date: Expected from Q2 to Q3 2026. The specific date shall be decided by the BOD subject to the relevant License/Approval from the competent State management authority and market conditions.
- Transfer restriction period: No transfer restrictions;
- Plan for handling fractional shares:
  - ✓ The number of shares to be issued shall be calculated as whole numbers; fractional portions shall not be rounded up to 1 share;
  - ✓ Fractional shares arising (if any) shall be decided by the BOD.

(ii) Second-tranche charter capital increase plan through share issuance to existing shareholders (shareholders contributing new capital):

- Expected capital increase of **VND 2,961,467,800,000** *(In words: Two thousand nine hundred and sixty-one billion, four hundred and sixty-seven million, eight hundred thousand Vietnamese dong)* through the issuance of shares to existing shareholders (shareholders contributing new capital). The expected number of additional shares to be issued is **296,146,780 shares** (corresponding to an **increase ratio of 25%** relative to the charter capital increased in the first tranche under section 7.2(i)).
- Target issuees: existing shareholders whose names appear on the shareholder register at the record date in accordance with applicable law;
- Expected number of shares to be issued: **296,146,780 shares** (in words: Two hundred and ninety-six million, one hundred and forty-six thousand, seven hundred and eighty) shares, par value VND 10,000 per share;
- Type of securities to be issued: ordinary shares;
- Issuance price: VND 10,000 per share.
- Total value of shares to be issued: **VND 2,961,467,800,000** (*In words: Two thousand nine hundred and sixty-one billion, four hundred and sixty-seven million, eight hundred thousand Vietnamese dong).*
- Number of issuances: 1 tranche.
- List of shareholders and shareholding ratios of shareholders holding 5% or more of voting share capital and of total charter capital at the current time and as expected after the second-tranche capital increase - attached.
- Expected issuance timeline and expected completion date: Expected from Q3 to Q4 2026. The specific date shall be decided by the BOD subject to the relevant License/Approval from the competent State management authority and market conditions.
- Transfer restriction period: No transfer restrictions;
- Plan for handling unallocated shares (shares for which shareholders have not exercised their subscription rights in whole or in part, or have not made payment within the prescribed period; fractional shares arising from rounding down when calculating shares allocable to existing shareholders; shares representing the difference between the total number of shares approved for issuance and the total number actually issued at the subscription ratio (if any)) shall be handled as follows:
  - ✓ The remaining unallocated shares shall be offered to other investors based on selection criteria approved by the Board of Directors at an offering price of VND 10,000 per share, equal to the offering price for existing shareholders; shares remaining unallocated after offering to other investors pursuant to the Board of Directors' decision shall be subject to transfer restrictions for 1 year from the closing date of the issuance. The distribution of unallocated shares to other investors must satisfy the conditions under the Law on Enterprises 2020, the Law on Securities 2019, Decree No. 155/2020/ND-CP (including

amending documents) and related legal regulations; in the event that shares remain unallocated after offering to other investors, the Board of Directors shall decide to cancel and issue a decision to close the issuance;

Or:

✓ The Board of Directors shall decide to cancel and issue a decision to close the issuance.

- Plan for handling fractional shares:

✓ The number of shares to be offered (issued) shall be calculated as whole numbers; fractional portions shall not be rounded up to 1 share;

✓ Fractional shares arising (if any) shall be decided by the BOD.

Plan for utilization of proceeds from the Offering: The proceeds from the share offering shall be used to supplement business capital for the purpose of increasing the Bank's operating capital base to meet business growth targets for 2026 and subsequent years, in compliance with the Law on Credit Institutions.

(iii) Third-tranche charter capital increase plan through share issuance under the Employee Stock Ownership Plan for 2026 (ESOP 2026 Program):

– The third phase of the charter capital increase is proposed at 5% of the total charter capital following the second phase (as referred to in item (ii)), corresponding to a maximum increase of VND 740,366,950,000 (in words: Seven hundred forty billion three hundred sixty-six million nine hundred fifty thousand Vietnamese dong only), to be implemented through the issuance of shares under the Employee Stock Ownership Plan 2026 (ESOP 2026). Accordingly, the total number of shares to be additionally issued is expected to be 74,036,695 shares (in words: Seventy-four million thirty-six thousand six hundred ninety-five shares).

– In the event that, at the time of issuance, the number of outstanding shares differs from the above estimate (due to the results of the share issuance for charter capital increase from equity sources and/or the results of the public offering of additional shares), the number of additional shares to be issued shall be determined as 5% of the actual number of outstanding shares at the time of issuance. The Board of Directors is authorized to calculate and determine the specific number of shares to be issued in accordance with this principle.

– Target issuees: Officers and employees who have signed official labor contracts with the Bank or its subsidiaries as at the time the list is prepared, who meet the eligibility criteria for participation in the ESOP 2026 Program and have been approved by the BOD on the list of participants in the ESOP 2026 Program.

Eligibility criteria for employees to participate in the 2026 ESOP Program and principles for determining the number of shares allocated to each employee: as detailed in the Regulation on Share Issuance under the Employee Stock Ownership Plan of Vietbank for 2026 – "ESOP Regulation" – attached: Proposal on the Approval of Vietbank's 2026 Charter Capital Increase Plan.

– Type of securities to be issued: ordinary shares;

– Issuance price: VND 10,000 per share.

- Number of Issuance tranches: 1 tranche.
- Plan to ensure compliance with foreign ownership limits:
    + Maximum foreign ownership ratio of 30% as prescribed by law;
    + Total current foreign investor shareholding as at March 31, 2026 is 0.0198% and is expected to be 0.0188% following the third-tranche capital increase;
- Subscription rights are non-transferable.
- Transfer restrictions: as prescribed in the Regulation on Share Issuance under the Employee Stock Ownership Plan of Vietbank for 2026 – "ESOP Regulation" – attached.
- Plan for handling unallocated shares due to employees not subscribing, or subscribing but failing to make payment or making insufficient payment, shares exceeding 5% of outstanding shares, or other cases:
    + The AGMS authorizes the BOD to have full authority to decide and redistribute to other employees on the original selected list at the same issuance price. Redistributed shares shall be subject to transfer restrictions for 1 (one) year from the closing date of the issuance.
    + In the event the BOD fails to fully distribute such shares, the remaining undistributed shares shall be cancelled and the BOD shall issue a decision to close the issuance.
- Expected issuance timeline and expected completion date: Expected from Q4 2026 to Q1 2027. The specific date shall be decided by the BOD subject to the relevant License/Approval from the competent State management authority and after the SSC notifies the receipt of the share issuance reporting documents as required, and subject to market conditions.

(iv) Plan for utilization of proceeds:

The total expected additional charter capital of **VND 4,778,732,130,000** is intended to be used for investment in fixed assets and information technology systems, supplementing business capital, expanding the Bank's branch network, ensuring compliance with prudential ratios in operations, and generating returns for the Bank's business activities.

7.3. Business performance on the basis of new charter capital:

With the above charter capital increase plan and utilization of additional charter capital, Vietbank projects the following key business targets for 2026:

Unit: VND billion

No.	Indicator	2025 Actual	2026 Plan	
			Target	Growth %
1	Charter capital	10.769	15.548	44%
2	Total assets	196.771	230.000	17%
3	Pre-tax profit (PTP)	1.532	2.100	37%

No.	Indicator	2025 Actual	2026 Plan	
			Target	Growth %
4	Return on average equity (ROE)	11,45%	≥ 13,5%	
5	Return on average total assets (ROA)	0,67%	0,80%	0,13%
6	Other prudential ratios	Compliant with SBV regulations	Ensure compliance with SBV regulations	

7.4. Approval of the new charter capital amount upon successful implementation of the Plan.

7.5. To delegate/authorize the Board of Directors to have full authority to decide on all matters related to the implementation of the 2026 Charter Capital Increase Plan in compliance with applicable law and in the interest of the Bank's shareholders, including but not limited to the following:

(i) Necessary legal matters and procedures, including amendments and supplements to the Plan when submitted for review and approval by the competent State management authority, based on principles consistent with Vietbank's actual operating conditions; in compliance with applicable laws; and ensuring the interests of shareholders;

(ii) The issuance date, including the date of suspension of any share issuance tranche, in a manner consistent with actual circumstances and guidance from the competent State management authority;

(iii) Handling of fractional shares;

(iv) Amendments and supplements to the proceeds utilization plan to ensure compliance with applicable laws, consistency with actual business operations, and efficiency for Vietbank;

(v) Legal procedures for amending and supplementing the Operating License, Charter and other legal documents related to the update of Vietbank's new charter capital.

(vi) Development of a detailed capital utilization plan for each intended use and order of priority; adjustment and supplementation of the plan to align with actual circumstances and applicable law; development of an offering plan ensuring compliance with foreign ownership regulations; plan for handling unallocated shares (including investor criteria, conditions for offering, offering price, etc.) with respect to each tranche of capital increase under this Proposal.

(vii) Determination of share repurchase cases and the plan for disposing of repurchased shares; issuance plan ensuring compliance with foreign ownership regulations for the ESOP 2026 Program.

(viii) To delegate/authorize the BOD and agree to allow the BOD to sub-delegate/sub-authorize the Chairman of the BOD and/or the General Director to have full authority to decide and

carry out all necessary tasks and procedures to complete the share issuance under the ESOP 2026 Program, including:

- Deciding the timeline for implementing the ESOP 2026 Program;
- Deciding in detail the implementation of the Regulation on Share Issuance under the ESOP 2026 Program and amending/supplementing the Regulation (if any) in compliance with applicable law and Vietbank's regulations, and reporting to the AGMS at the nearest session;
- Handling the number of unissued shares remaining unallocated (if any);
- Deciding on all matters related to the ESOP 2026 Program and making adjustments to the ESOP 2026 Program (if any) to ensure compliance with applicable laws; carrying out all necessary tasks/procedures for the share issuance in accordance with the Company's Charter and applicable law to ensure the successful implementation of the ESOP 2026 Program;
- Supplementing or amending the issuance plan as required by the State Securities Commission and/or for the purpose of ensuring compliance with applicable regulations.

(ix) Other matters in compliance with applicable law.

7.6. In the course of carrying out the above-mentioned duties, the Board of Directors shall have the right to decide on matters within the scope of the delegated authority; to carry out and/or direct and assign Vietbank's business units to perform all necessary tasks in accordance with applicable law; to complete, finalize and sign all relevant documents, papers and records; to liaise with the competent State management authorities and relevant parties; and to carry out all other necessary tasks and procedures to implement the assigned duties in compliance with applicable law.

8. Approval of the Proposal on the Policy for Public Issuance and Listing of Bonds in 2026, whereby the General Meeting of Shareholders approved:

8.1. To delegate and/or authorize the BOD to approve the Plan for Public Bond Issuance during the period from April 2026 to April 2027.

8.2. Unanimous approval of the listing of all bonds issued by Vietbank to the public during the period from April 2026 to April 2027 in accordance with the Plan approved by the Board of Directors as stated in section 8.1 above.

8.3. To delegate and/or authorize the BOD to organize and direct the implementation and decide on all necessary matters related to the listing of bonds in accordance with the resolutions adopted by the AGMS as stated in section 8.2 above and in compliance with applicable laws.

9. Approval of the Report on Credit Extensions to Entities Stipulated under Clause 1, Article 135 of the Law on Credit Institutions.

10. Approval of the Proposal on Remuneration, Bonuses and Other Benefits for Members of the Board of Directors, Members of the Supervisory Board, and the Operating Budget for Members of the Board of Directors and Members of the Supervisory Board for 2026, specifically:

10.1. Total operating budget and remuneration for the BOD and Supervisory Board for 2026 is VND **70,000,000,000** (Seventy billion Vietnamese dong).

10.2. The operating budget includes business travel expenses; airfares, conference and workshop costs, reception and hospitality expenses; postage and telephone charges, client entertainment expenses, partner gift expenses on holidays and Tet; work tools and supplies, etc.

10.3. To assign the BOD to decide on the specific remuneration for each BOD member and Supervisory Board member; to assign the Standing Committee of the BOD or the Chairman of the BOD and 1 BOD member designated by the BOD to approve the detailed expenses of the BOD and Supervisory Board. The authority to decide/approve set out in this paragraph shall apply for 2026 and between the 2026 and 2027 annual general meetings.

11. Approval of the Proposal re: Selection of an Independent Auditing Organization (pursuant to Article 59 of the Law on Credit Institutions), specifically:

11.1. Approval of the independent audit results as described in the Proposal.

11.2. Approval of the selection of Ernst & Young Vietnam (EY) as the independent auditing firm to conduct the independent audit of the Financial Statements and the internal control system with respect to the preparation and presentation of the Financial Statements of Vietbank and Vietbank AMC for the fiscal year 2027.

11.3. In the event of objective changes during the implementation process with respect to the selection of the independent auditing firm (including the current scope and content of the audit and/or any additional scope arising by operation of law), the BOD shall be authorized to decide on the selection based on the Supervisory Board's proposal and report the results at the immediately following general meeting of shareholders.

11.4. Other matters related to the independent audit shall continue to be implemented in accordance with Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025 as approved by the General Meeting of Shareholders.

12. Approval of the Report on Results of Loan Classification, Off-Balance Sheet Commitments, Risk Provision Appropriation, and the Utilization of Provisions for Risk Management pursuant to Clause 3, Article 13 of Circular No. 31/2024/TT-NHNN.

13. Approval of Vietbank's updated Governance and Control Regulatory Framework in compliance with Circular No. 83/2025/TT-NHNN, relevant legal regulations, and Vietbank's actual operations: the Bank's Charter; the Internal Corporate Governance Regulation; the Regulation on the Organization and Operation of the BOD; the Regulation on the Organization and Operation of the Supervisory Board, specifically:

13.1. Approval of the Governance and Control Regulatory Framework, comprising: (i) Charter on Organization and Operations; (ii) Internal Corporate Governance Regulation; (iii) Regulation on the Organization and Operation of the Board of Directors; (iv) Regulation on the Organization and Operation of the Supervisory Board, based on the amendments and supplements as presented in the Proposal and the attached comparative table(s) of amended contents.

13.2. To assign the BOD Office and the Legal Division to coordinate with the Supervisory Board to review and finalize the Regulatory Framework for submission to the Chairman of the Board of Directors and the Head of the Supervisory Board for signing and promulgation with an effective date in accordance with applicable regulations (no later than July 1, 2026).

14. Approval of the Report on the Results of Formulating and Implementing the Anticipated Remediation Plan in the Event of Early Intervention at Vietbank pursuant to Resolution No. 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ dated April 26, 2025, specifically:

14.1. Approval of the Report on the Results of Formulating and Implementing the Anticipated Remediation Plan in the Event of Early Intervention at Vietbank as presented in the Report.

14.2. To delegate/authorize the Board of Directors to proactively adjust, supplement and modify the content of the Remediation Plan subject to actual objective circumstances or requirements of the competent State authority (if necessary).

14.3. The Board of Directors shall report the implementation results to the AGMS at the next annual general meeting.

15. Approval of the Proposal on the Policy for Participation In the Restructuring of People's Credit Funds, whereby the General Meeting of Shareholders unanimously agreed:

15.1. Vietbank shall continue to participate In the resolution and recovery support of People's Credit Funds, and authorize the BOD to select and decide on the participation plan for submission to the SBV for consideration and approval.

15.2. The BOD shall report the implementation results to the AGMS at the next annual general meeting.

16. Approval of the Report to the General Meeting of Shareholders on the Results of the Acquisition of Real Estate for Use as the Bank's Operating Premises pursuant to Resolution No. 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ.

17. To assign the Board of Directors, the Supervisory Board, the General Director and all relevant units across the entire system to implement the above resolutions of the General Meeting of Shareholders and to report back to the General Meeting of Shareholders on resolutions that have not yet been fully implemented and/or resolutions requiring a report to the General Meeting of Shareholders.

IV. ADJOURNMENT OF THE GENERAL MEETING

The Minutes of the General Meeting and the Resolution of the General Meeting were approved with the following vote count:

Total ballots issued: 50 ballots representing 1,028,833,948 voting shares, accounting for 100.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots collected: 46 ballots representing 1,017,309,998 voting shares, accounting for 98.8799% of the total voting shares of attending shareholders;

Total ballots not collected: 4 ballots representing 11,523,950 voting shares, accounting for 1.1201% of the total voting shares of attending shareholders;

Total valid ballots: 46 ballots representing 1,017,309,998 voting shares, accounting for 98.8799% of the total voting shares of attending shareholders;

- Affirmative votes: 46 ballots representing 1,017,309,998 voting shares, accounting for 98.8799% of the total voting shares of attending shareholders;
- Dissenting votes: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;
- Abstentions: 01 ballot representing 6 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders;

Total invalid ballots: 0 ballots representing 0 voting shares, accounting for 0.0000% of the total voting shares of attending shareholders.

Accordingly, the minutes of the General Meeting and the Resolution of the General Meeting were approved by unanimous consent of 98.8799% by electronic voting.

SECRETARY		CHAIRPERSON
HOANG THI THU	LE THI TUYET CHINH	DUONG NHAT NGUYEN

VIETNAM THUONG TIN JOINT STOCK COMMERCIAL BANK

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Can Tho, 21st April 2026

2026 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

PROPOSAL

REGARDING THE APPROVAL OF THE VIETBANK CHARTER CAPITAL INCREASE PLAN FOR 2026

To: The General Meeting of Shareholders

- *Pursuant to the Law on Credit Institutions of 2024 and all amendments and supplemented documents;*
- *Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly on June 17, 2020; and all amendments and supplemented documents;*
- *Pursuant to the Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly on November 26, 2019; and all amendments and supplemented documents;*
- *Pursuant to Circular No. 50/2025/TT-NHNN dated December 24, 2025, regulating the procedures for approving certain changes for commercial banks and foreign bank branches;*
- *Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, issued by the Ministry of Finance, regarding guidelines for the public offering, securities issuance, share repurchase; and all amendments and supplemented documents;*
- *Pursuant to the Charter of Vietnam Thuong Tin Joint Stock Commercial Bank (Vietbank);*
- *Pursuant to the business plan for 2026 presented to the General Meeting of Shareholders for approval.*

The Board of Directors respectfully presents the following matters for the approval of the General Meeting of Shareholders regarding the Capital Increase Plan for Vietbank in 2026, specifically:

I. THE NEED FOR CAPITAL INCREASE:

Increasing Vietbank's charter capital in 2026 is necessary and significant, aiming to enhance the bank's financial capacity, operational capabilities, and competitiveness in order to achieve Vietbank's strategic objectives. Specifically:

- Ensure strict compliance with safety standards in banking operations as stipulated by the State Bank of Vietnam, as well as enhance risk management capacity in banking operations.
- Enhance operational capacity by investing in and developing information technology systems oriented towards modern digital banking and bank card systems, in order to serve business operations, bank management, and the provision of new banking products and services.
- Enhancing the scalability and development of the Bank's operational network.
- Supplement capital for other profitable business activities of the bank.

II. CHARTER CAPITAL INCREASE PLAN:

1. Charter Capital Increase Amount:

- Charter capital as of December 31, 2025: **VND 10.768.973.840.000** *(In words: Ten thousand seven hundred sixty-eight billion nine hundred seventy-three million eight hundred forty thousand VND)* corresponding to 1.076.897.384 shares, of which:

- ✓ Common shares: 1.076.897.384 shares;
- ✓ Treasury shares: 0 shares;

- Proposed charter capital increase: **VND 4.778.732.130.000** *(In words: Four thousand seven hundred seventy-eight billion seven hundred thirty-two million one hundred thirty thousand VND)*, of which:
  + **The first capital increase will be VND 1.076.897.380.000** *(In words: One thousand seventy-six billion eight hundred ninety-seven million three hundred eighty thousand VND)* through issuing shares from undistributed profits and Capital supplementary reserve fund (up to the end of 2025). The number of shares to be issued is **107.689.738** shares (**equivalent to 10%** of the total currently circulating shares). The new charter capital after the first increase will be **VND 11.845.871.220.000** *(In words: Eleven trillion eight hundred forty-five billion eight hundred seventy-one million two hundred twenty thousand VND).*
  + **The second capital increase will be VND 2.961.467.800.000** *(In words: Two thousand nine hundred sixty-one billion four hundred sixty-seven million eight hundred thousand VND)* through issuing shares to existing shareholders (new capital contributors). The number of shares to be issued is **296.146.780 shares (equivalent to a 25%** increase from the charter capital after the first increase). The new charter capital after the second increase will be **VND 14.807.339.020.000** *(In words: Fourteen trillion eight hundred and seven billion three hundred and thirty-nine million twenty thousand VND).*
  + **The planned third increase in charter capital is 5%** of the total charter capital already increased in the second phase, corresponding to a maximum expected increase of **VND 740.366.950.000** *(In words: Seven hundred forty billion three hundred sixty-six million nine hundred fifty thousand VND)* through issuing shares under the Employee Stock Ownership Program 2026 (ESOP 2026 Program). Accordingly, the number of shares expected to be issued additionally is 74.036.695 shares. *(In words: Seventy-four million thirty-six thousand six hundred ninety-five shares)*
  + **Total new charter capital expected after completion of the capital increase**: **VND 15.547.705.970.000** *(In words: Fifteen thousand five hundred forty-seven billion seven hundred five million nine hundred seventy thousand VND).*

2. Capital Increase Plans

2.1 First Capital Increase via Issuing Shares from Owners Equity:

- The charter capital is expected to increase by **VND 1.076.897.380.000** *(In words: One thousand seventy-six billion eight hundred ninety-seven million three hundred eighty thousand VND)* through issuing **107.689.738** shares *(In words: One hundred and seven million six hundred and eighty-nine thousand seven hundred and thirty-eight shares)* shares from equity capital (undistributed accumulated profits and the capital reserve fund until the end of 2025) (**corresponding to a 10%** increase in the total number of outstanding common shares).
- Issuance object: Existing shareholders are those whose names are included in the Vietbank shareholder list at the time of closing the shareholder list as stipulated by law.
- The number of shares to be issued: **107.689.738** shares *(In words: One hundred and seven million six hundred and eighty-nine thousand seven hundred and thirty-eight shares)*, with a face value of 10,000 VND per share;
- Total face value of the issuance: **1.076.897.380.000 VND** (*In words: One thousand seventy-six billion eight hundred ninety-seven million three hundred eighty thousand VND*);
- The source to be used for increasing charter capital: from equity capital (undistributed accumulated profits and the capital reserve fund until the end of 2025), in accordance with regulations, of which:

Unit: VND

No.	Key Indicators:	The balance according to the audited consolidated financial statements as of December 31, 2025	The balance according to the audited standalone financial statements as of December 31, 2025	The amount used to increase the charter capital.
1	**Supplementary charter capital reserve fund**	**129.998.078.733**	**129.998.078.733**	**125.000.000.000**
2	**Accumulated udistributed profits**	**960.548.932.691**	**955.300.813.691**	**951.897.380.000**
2.1	Profits are used to issue share to increase equity capital from owner's equity.	951.897.380.000	951.897.380.000	951.897.380.000
2.2	Retained profit	8.651.552.691	3.403.433.691	-
3	**Other funds**	**548.311.157.320**	**548.311.157.320**	-
3.1	Financial reserve fund	527.817.338.799	527.817.338.799	-
3.2	Reward fund	12.442.365.474	12.442.365.474	-
3.3	Welfare fund	8.051.453.047	8.051.453.047	-
The funds were used to increase the share capital from equity capital				**1.076.897.380.000**

- The new charter capital after the first capital increase: **VND 11.845.871.220.000** (*In words: Eleven trillion eight hundred forty-five billion eight hundred seventy-one million two hundred twenty thousand VND*).
- The list of shareholders and the percentage of shares held by shareholders with a stake of 5% or more in relation to the voting shares and the current and projected charter capital after the first capital increase – attached.
- The expected issuance period and expected completion time: from Q2 to Q3 2026. The specific timing will be decided by the Board of Directors based on compliance with the License/Approval of the competent State management agency, and after The State Securities Commission receives the stock issuance report documents as required and in accordance with market conditions.
- Transfer restriction period: No transfer restrictions.
- The plan for handling fractional shares:
  - ✓ The number of shares issued will be calculated in whole numbers, and decimal fractions will not be rounded up to one share.
  - ✓ The handling of any fractional shares (if any) will be decided by the Board of Directors.

2.2 The plan for the second capital increase through the issuance of shares to existing shareholders (new capital contributors):

- The projected increase in charter capital is **VND 2.961.467.800.000** (*In words: Two thousand nine hundred sixty-one billion four hundred sixty-seven million eight hundred thousand VND)* through the issuance of shares to existing shareholders (new capital contributors). The number of additonal shares to be offered (issued) is 296,146,780 shares (corresponding to a 25% increase compared to the charter capital that was increased in the first instance as described in section 2.1).
- Offerees: Existing shareholders whose names appear on the shareholder register as of the record date, in accordance with applicable laws and regulations.
- The number of shares expected to be issued: **296.146.780 shares** (*In words:* Two hundred ninety-six million one hundred forty-six thousand seven hundred eighty*shares*), with a face value of VND 10,000 per share.
- Type of securities issued: common shares.
- Issue price: VND 10,000 per share.
- Total face value (value) of shares to be issued: **VND 2.961.467.800.000** (*In words: Two thousand nine hundred sixty-one billion four hundred sixty-seven million eight hundred thousand VND).*
- Number of issuance rounds: 01 round.
- The list of shareholders and the percentage of shares held by shareholders with a stake of 5% or more in relation to the voting shares and the current and projected charter capital after the second capital increase – attached.
- The expected issuance period and expected completion time: from Q3 to Q4 of 2026. The specific timing will be decided by the Board of Directors based on the approval/authorization from the competent regulatory authority and market conditions.
- Transfer restriction period: No transfer restrictions.
- The method for handling unsold shares (the number of shares that shareholders did not exercise their right to purchase in full, or only partially, or did not pay for within the specified time; fractional shares arising from rounding down when calculating the shares to be purchased by existing shareholders; the difference between the total number of shares authorized for issuance and the total number of shares actually issued with the exercise ratio (if any) is as follows:
  - ✓ Any remaining undistributed shares will be offered to other investors according to selection criteria approved by the Board of Directors at an offering price of VND 10,000 per share, the same as the offering price to existing shareholders; Any remaining undistributed shares offered to other investors as decided by the Board of Directors will be subject to a one-year transfer restriction from the date the issuance ends. The distribution of undistributed shares to other investors must comply with the conditions stipulated in the 2020 Enterprise Law, the 2019 Securities Law, Decree No. 155/2020/ND-CP (including amendments and supplements), and other relevant legal regulations; In case there are still remaining shares after the offering to other investors, the Board of Directors will decide to cancel the offering and issue a decision to end the issuance.

    Or

- ✓ The Board of Directors decided to cancel and terminate the issuance.

- The method for handling fractional shares and stock certificate:
  - ✓ The number of shares offered (issued) is calculated as an integer; the decimal part will not be rounded to 1 share.
  - ✓ The handling of any resulting fractional shares (if any) will be decided by the Board of Directors.

- Plan for using capital raised from the issuance: The proceeds from the share issuance will be used to supplement working capital to increase the Bank's operating capital to meet business growth targets for 2026 and subsequent years, in accordance with the provisions of the Law on Credit Institutions.

2.3 The plan for the second capital increase through issuing shares under the Employee Stock Ownership Program in 2026 (ESOP 2026 Program):

- The planned third increase in charter capital is 5% of the total charter capital that was increased in the second round (at section 2.2), corresponding to a maximum expected increase of **VND 740.366.950.000** *(In words: Seven hundred forty billion three hundred sixty-six million nine hundred fifty thousand VND)* through issuing shares under the Employee Stock Ownership Program 2026 (ESOP 2026 Program). Accordingly, the number of shares expected to be issued additionally is **74.036.695** shares *(In words: Seventy-four million thirty-six thousand six hundred ninety-five shares)*.

- In the event that the number of outstanding shares at the time of issuance differs from the projected number (due to the impact of the share issuance to increase equity capital from equity sources and the results of the additional share offering to the public), the number of additional shares to be issued will be determined as 5% of the total number of outstanding shares at the time of issuance. The Board of Directors shall use this principle to calculate and decide on the specific number of shares to be issued.

- Issuance objects: Employees who have signed official employment contracts with the Bank or its subsidiaries at the time of compiling the list, meet the criteria for participation in the 2026 ESOP program, and have been approved by the Board of Directors in the list of participants in the 2026 ESOP program.

- Eligibilty criteria for employees to paricipate in the ESOP program in 2026 and the principles for determining the number of shares to distributed to each employee: detail as per Appendix 01 (Regulations on the issuance of shares under the Vietbank Employee Stock Ownership Program in 2026 – "ESOP Regulations") attached.

- Type of securities issued: common shares.

- Issue price: VND 10,000 per share.

- Number of issuance rounds: 01 round

- Plan to ensure compliance with regulations on foreign ownership ratios:
  - + The maximum foreign ownership ratio is 30% as stipulated by law;
  - + The total shareholding of foreign investors as of March 31,2026 is 0,0198%, and is expected to reach 0,0188% after the third capital increase.

- Transfer of purchase rights: The rights to purchase is not transferable.

- Transfer restrictions: According to the regulations on the issuance shares under the Vietbank Employee Stock Ownership Program in 2026 – "ESOP Regulations") attached.
- The method for handling unsold shares due to employees not registering to purchase, registering but not paying, or paying insufficient funds, shares exceeding 5% of the outstanding shares, or other cases:
  + The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to have full authority to decide and redistribute shares to other employees according to the initially selected list at the same issuance price. The number of redistributed shares will be subject to a transfer restriction for 01 (one) year from the date of completion of the issuance.
  + If the Board of Directors does not distribute all of these shares, the remaining unissued shares will be canceled, and the Board of Directors will decide to terminate the issuance.
- Estimated release date and estimated completion date: Expected quarter 4 2026 to quarter 1 2027. The specific timing will be decided by the Board of Directors based on compliance with the License/Approval from the competent State management agency and after the State Securities Commission receives the stock issuance report documents as required and in accordance with market conditions.

3. Plan for the use of raised capital

The entire proposed increase in charter capital of **VND 4.778.732.130.000** is expected to be used for investments in fixed assets, information technology systems, supplementing business capital, developing and expanding the Bank's operational network, ensuring compliance with safety ratios in operations, and generating profits for the Bank's business activities.

III. PROJECTED FINANCIAL INDICATORS AFTER ISSUANCE

For the planned increase in charter capital and the use of the additional capital as outlined above, Vietbank anticipates the following key business targets for 2026 as follows:

Unit: Billion VND, %

No.	Key Indicators:	2025 Actual	2025 Plan	
			Key Indicators	Growth %
1	Charter Capital	10.769	15.548	44%
2	Total Assets	196.771	230.000	17%
3	Profit before tax	1.532	2.100	37%
4	Return on equity (ROE)	11,45%	≥ 13,5%	
5	Return on assets (ROA)	0,67%	0,80%	0.13%
6	Other safety ratios	Compliance with regulations of the State Bank of Vietnam (SBV).	Ensure compliance with the regulations of the State Bank of Vietnam (SBV).	

IV. RECOMMENDATIONS:

Board of Directors respectfully submits to the General Meeting of Shareholders for approval:

1. Approving the new charter capital level based on the successful implementation of the proposed plans.

2. The Board of Directors is hereby authorized to make all decisions regarding the implementation of the 2026 Capital Increase Plan in accordance with the law and ensuring the interests of the Bank's shareholders, including but not limited to the following matters:

2.1 Necessary legal procedures, including amendments and updates to the plan, to be submitted to the relevant regulatory authorities for review and approval, based on principles that align with the operational realities of Vietbank, comply with legal regulations, and ensure shareholder interests;

2.2 The timing of the share issuance, including when to stop the share issuance, in accordance with practical conditions and the guidance of the relevant regulatory authorities;

2.3 Handling of fractional shares;

2.4 Amending and supplementing the capital utilization plan to ensure compliance with legal regulations, align with business realities, and generate positive outcomes for Vietbank;

2.5 Carrying out the necessary legal procedures to amend and supplement the business license, the charter, and other legal documents related to updating Vietbank's new charter capital.

2.6 Develop a detailed capital utilization plan for each purpose, prioritizing it; adjust and supplement the plan to suit the actual situation and legal requirements; develop a public offering plan that meets regulations on foreign ownership ratios; and develop a plan for handling unsold shares (including investor criteria, ensuring offering conditions, offering price, etc.) for each capital increase as outlined in this Proposal.

2.7 Identify cases for share buybacks and plans for selling the repurchased shares; and issuance plans that comply with regulations on foreign ownership ratios for the ESOP 2026 Program.

2.8 Authorize/delegate to the Board of Directors and agree to allow the Board of Directors to further delegate/delegate to the Chairman of the Board of Directors and/or the General Director the full authority to decide and carry out the necessary tasks and procedures to complete the issuance of shares under the ESOP 2026 Program, including:

- Decision on the Implementation timeline for the ESOP Program 2026;
- Decide on the details of implementing the Regulations on the issuance of shares under the ESOP Program 2026 and any amendments or additions to the Regulations (if any), based on compliance with the law and Vietbank regulations, and report back to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting;
- Handling any unsold issued shares (if any);
- Decide on all matters related to the 2026 ESOP Program and adjust any changes to the 2026 ESOP Program (if any) to ensure compliance with legal regulations. Carry out the necessary tasks/procedures for the issuance of shares in accordance with the Company's Charter and legal regulations to ensure the successful implementation of the 2026 ESOP Program;
- Supplement or amend the issuance plan as required by the State Securities Commission and/or for the purpose of complying with legal regulations.

2.9 Other matters in accordance with the provisions of law.

3. During the implementation of the above tasks, the Board of Directors has the authority to decide on matters within the scope of the tasks authorized; to execute and/or direct and assign Vietbank's units to carry out necessary tasks in compliance with legal regulations; to finalize, complete, and sign related documents, papers, and materials; to liaise with relevant regulatory authorities and stakeholders; and to perform any other necessary work and procedures to implement the assigned tasks, in accordance with legal requirements.

Respectfully reported and submitted to the General Meeting of Shareholders.

Sincerely./.

On behalf of the Board of Directors
Chairman



DUONG NHAT NGUYEN

REGULATION

ISSUANCE OF SHARES UNDER THE EMPLOYEE STOCK OPTION PROGRAM OF VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK IN 2026

(Attachment: Proposal on the Approval of Vietbank's Charter Capital Increase Plan for 2026)

Chapter I

GENERAL PROVISIONS

Article 1. Subjects and Scope of Application

1. This Regulation applies to the issuance of shares under the Employee Stock Option Plan of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank) in 2026.
2. This Regulation applies to all employees of Vietbank and all employees of its subsidiary (One-member limited liability company Debt Management and Asset Exploitation Viet Nam Thuong Tin Bank).

Article 2. Definitions and Abbreviations

In this Regulation, the following terms and abbreviations shall have the meanings set forth below:

1. **SSC:** State Securities Commission of Vietnam.
2. **CI:** Credit institution.
3. **Vietbank:** Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
4. **GMS:** General Meeting of Shareholders.
5. **BOD:** Board of Directors.
6. **ESOP 2026 Program:** Employee Stock Ownership Plan – issuance of shares under the employee stock option plan of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank in 2026.
7. **Share(s):** Securities certifying the legal rights and interests of the holder to a portion of the charter capital of the issuing organization.
8. **ESOP shares:** Shares issued under the ESOP Program.
9. **AMC:** One-member limited liability company Debt Management and Asset Exploitation Viet Nam Thuong Tin Bank.
10. **Employees/Staff:** Employees of Vietbank and AMC.
11. **Trade Union:** Vietbank Trade Union.
12. **ESOP Participant:** Employees who satisfy the eligibility criteria of the ESOP Program.
13. **Subscription closing date:** The date on which the collection of payment for ESOP shares from employees is completed as decided by the Board of Directors.

14. **Submission:** Submission to the General Meeting of Shareholders for the approval of the Vietbank charter capital increase plan for 2026

Article 3. Objectives of the ESOP 2026 Program

1. To recognize and appropriately reward employees with outstanding performance;
2. To align employees' interests with Vietbank's business performance;
3. Attracting and retaining employees.

Article 4. ESOP Executive Committee

1. The ESOP Executive Committee shall consist of the following members:
   - Chairman of the Board of Directors, Chairman of the Human Resources Committee: Head of the Committee
   - Chief Executive Officer/Acting Chief Executive Officer: Member
   - Chief Accountant: Member
   - Chairperson of the Executive Committee of the Trade Union: Member
   - Deputy Chief Executive Officer in charge of Human Resources / Head of Human Resources Division: Member
   - Chief of the Board of Directors Office: Member
   - Director / Deputy Director in charge of the Human Resources Center: Secretary
2. Duties and powers of the ESOP Executive Committee:
   - To implement the ESOP in accordance with the issuance plan approved by the General Meeting of Shareholders and in compliance with this Regulation.
   - To prepare and submit to the Board of Directors for approval: (i) the list of eligible employees participating in the ESOP, together with the number of shares allocated to each employee based on the eligible criteria, standards, and allocation principles approved by the General Meeting of Shareholders; (ii) updates, amendments, and adjustments to the list of ESOP participants, including termination of ESOP membership; (iii) other matters related to the ESOP in accordance with regulations.
3. The ESOP Executive Committee shall take effect from the date this Regulation comes into force and shall automatically terminate upon completion of its duties as stated in Clause 2 of this Article.

Chapter II

CONTENT OF THE ESOP PROGRAM

Article 5. Information on ESOP Shares

1. Issuing organization: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
2. Stock name: Shares of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.
3. Stock code: VBB.

4. Type of shares: Ordinary shares.
5. Par value: VND 10,000 per share.
6. Expected number of shares to be issued: 5% of the charter capital after the second capital increase as approved in the Proposal, corresponding to a maximum expected issuance of 74,036,695 shares (In words: Seventy-four million thirty-six thousand six hundred and ninety-five shares).
7. Total par value of the expected share issuance: 5% of the charter capital after the second capital increase as approved in the Proposal, corresponding to a maximum expected increase of VND 740,366,950,000 (In words: Seven hundred forty billion three hundred sixty-six million nine hundred fifty thousand Vietnamese dong).

   In the event that, at the time of issuance, the number of outstanding shares differs from the above estimate (due to the results of share issuance for capital increase from equity and/or additional public offerings), the number of newly issued shares shall be determined as 5% of the actual total number of outstanding shares at the time of issuance. The Board of Directors shall be authorized to base on this principle to calculate and decide the specific number of shares to be issued.Issue price: equal to par value (VND 10,000 per share).
8. Form of issuance: issuance of shares under the ESOP Program.
9. Expected issuance period: from the fourth quarter of 2026 to the first quarter of 2027. The specific timing shall be decided by the Board of Directors in accordance with the License/Approval of the competent State authority and market conditions.

Article 6. Eligibility and Selection Criteria for Participation in the ESOP Program

The eligible participants for purchasing shares under the ESOP Program are Vietnamese employees who meet the following criteria:

1. Having been officially employed for at least one (01) year up to the time of preparing the list of employees participating in the ESOP Program;
2. Having a performance rating of "Needs Improvement" or higher for the year 2025;
3. Not falling under any of the following cases:

- Having submitted a resignation letter and awaiting approval, or having been proposed in writing by the managing unit for termination of the employment contract;
- Having taken unpaid leave for a continuous period of six (06) months or more within one (01) year up to the time of preparing the ESOP participant list;
- Having had their employment contract suspended, or being temporarily suspended from work/duties/position by a competent authority decision, or being absent from work without a valid reason;
- Being under disciplinary consideration based on a written request from a competent authority, or having a disciplinary council established, or currently under disciplinary action, or having been subject to disciplinary measures of warning or higher within one (01) year up to the time of preparing the ESOP participant list.

- Cases assessed as non-compliant with the Bank's internal regulations; cases involving operational errors, compliance breaches, etc., as identified through inspections and controls conducted by Internal Audit, Internal Control and/or competent regulatory authorities; and cases subject to warnings or reprimands by management. The Board of Directors shall determine the specific cases.

Article 7. Principles for determining the number of shares allocated to each employee

1. Total number of shares allocated to each position group:

Group	Position	Total number of shares allocated
1	Chief Executive Officer (CEO)	60% of the total number of shares to be issued
	Deputy Chief Executive Officer	
	Senior Manager – group 2	
	Senior Manager – group 1	
	Middle Manager – group 2	
	Middle Manager – group 1	
2	Unit Manager	40% of the total number of shares to be issued
	Professional Staff – group 2	
	Professional Staff – group 1	

2. The number of shares allocated to each employee shall be determined according to the following formula:

$$\text{Number of shares allocated to each employee} = \text{Allocation factor} * \frac{\text{Total number of shares allocated to the employee group}}{\text{Total allocation factors of the employee group}}$$

3. The allocation factor for each employee shall be determined based on: (1) Job position group; (2) Individual performance rating in 2025; and (3) Years of service.

Allocation factor = (a_1) * (b_1) * (c_1). Where:

- Position factor (a1): based on the job title at the time of finalizing the list of employees participating in the ESOP

No.	Position	Position factor (a_1)
1	Chief Executive Officer (CEO)	14.0
2	Deputy Chief Executive Officer	10.0
3	Senior Manager – group 2	7.0
4	Senior Manager – group 1	5.0
5	Middle Manager – group 2	4.0
6	Middle Manager – group 1	3.0
7	Unit Manager	2.5
8	Professional Staff – group 2	1.5
9	Professional Staff – group 1	1.0

- Individual rating factor (b1): based on the employee's performance rating in 2025; in cases where the 2025 rating is not yet available, it shall be based on the performance results for the first six months of 2026:

2025 Individual Performance Rating	Needs Improvement	Completed	Good Performance	Excellent Performance
Factor (b_1)	*0,8*	*1*	*1,05*	*1,1*

- Seniority factor (including probationary and apprenticeship periods) as of the time of finalizing the list of employees participating in the ESOP (c1):

Years of service (N)	01 ≤ N < 05	05 ≤ N < 10	10 ≤ N < 15	15 ≤ N
Factor (c_1)	*1,00*	*1,05*	*1,10*	*1,15*

4. Rounding principle: The number of shares allocated to each employee shall be determined according to the formula specified in Clause 1 of this Article and shall be rounded down to the nearest whole share.

5. Foreign ownership limit compliance plan: The Board of Directors is authorized to approve measures to ensure compliance with applicable laws and Vietbank's internal regulations regarding the maximum foreign ownership ratio.

Article 8. Rights upon Participation in the ESOP Program

Employees participating in the ESOP Program shall have the following rights:

1. To purchase shares in accordance with the selection criteria set out in this Regulation;
2. To have full discretion to purchase or refuse to purchase all or part of the shares allocated under the ESOP Program;
3. To enjoy all rights and obligations of ordinary shareholders in accordance with applicable laws, except for the transfer restrictions specified in Clause 2, Article 10 of this Regulation.

Article 9. Share Allocation

1. The ESOP Executive Committee shall assess employees in accordance with Article 6 of this Regulation to select eligible employees for participation in the ESOP Program.
2. The ESOP Executive Committee shall prepare the list of selected employees and the number of shares eligible for purchase by ESOP participants in accordance with Article 7 of this Regulation, based on the criteria, standards, and allocation principles approved by the General Meeting of Shareholders, and submit it to the Board of Directors for approval.
3. Vietbank shall allocate shares to ESOP participants within the prescribed timeline after receiving written approval from the State Securities Commission of Vietnam regarding the receipt of complete issuance documentation for Vietbank's employee share issuance program.

Article 10. Transfer Restrictions

1. Transfer of ESOP share purchase rights: Eligible employees under the ESOP Program shall not be allowed to transfer their share purchase rights.

2. Shares issued under the ESOP 2026 Program shall be subject to a 100% transfer restriction in the first year from the completion date of the issuance. From the second year onwards, shareholders may transfer up to 30% of their ESOP shares in the second year, up to 30% in the third year, and up to 40% in the fourth year. Exceptions apply to cases where shares are repurchased in accordance with the ESOP issuance regulations and to additional shares arising from dividends paid on ESOP shares.

Article 11. Handling of Unsold Shares and Fractional Shares

1. In case employees refuse to purchase or do not purchase all allocated shares, or in case employees no longer meet eligibility criteria from the time the Board of Directors approves the ESOP 2026 participant list until the time the State Securities Commission confirms receipt of complete issuance documents, the Board of Directors shall have full discretion to allocate such shares and fractional shares (resulting from rounding down under the allocation formula) to other eligible employees.

2. The offering price and transfer restrictions of such shares shall be the same as those applicable to ESOP shares offered to employees under the ESOP 2026 Program.

3. In case the Board of Directors does not fully allocate such shares, the unissued shares shall be cancelled and the issuance shall be completed.

Article 12. Repurchase of ESOP Shares

1. Cases of share repurchase:

a. During the restricted transfer period, an employee shall be terminated from ESOP participation and all of his/her shares shall be repurchased (the ESOP participant shall be required to sell back all shares) if any of the following cases occurs:

- Violation of laws, internal labor regulations, or Vietbank's regulations, and Vietbank has issued a disciplinary decision;

- Termination of employment with Vietbank for any reason (including expiry of labor contract without renewal), except for:
  + Internal transfer or reassignment decided by Vietbank;
  + Retirement in accordance with applicable laws;
  + Accident, illness, or loss of working capacity;
  + Death of the ESOP participant (all rights and obligations shall be inherited in accordance with law).

2. Depending on each specific case as stipulated in Point a, Clause 1 of this Article, the Board of Directors shall decide whether to terminate or not terminate the ESOP participant's status, and whether to repurchase or not repurchase part or all of the ESOP shares held by such participant.

3. Repurchase price: Equal to the issue price.

4. Handling of repurchased shares:

Vietbank or the Trade Union shall repurchase shares in accordance with Clause 1 of this Article and handle as follows:

- If repurchased by Vietbank: procedures shall comply with Clause 6, Article 36 of the Securities Law 2019. Repurchased shares that are still under transfer restriction shall no longer be restricted; Vietbank may resell such shares in accordance with applicable laws.
- If repurchased by the Trade Union: Vietbank shall transfer ownership of ESOP shares to the Trade Union. The Trade Union may reallocate such shares to other employees who are ESOP participants, subject to continued application of existing restrictions.
- The resale of repurchased shares shall be conducted in accordance with applicable securities laws at each point in time.

Article 13. Obligations of Employees Participating in the ESOP Program

Employees participating in the ESOP Program shall comply with obligations of ordinary shareholders and shareholding limits under Articles 62 and 63 of the Law on Credit Institutions 2024 and other relevant laws, including but not limited to:

1. Capital source compliance obligations:

- To be legally responsible for the legitimacy of capital sources used for purchasing ESOP shares;
- Not to use credit granted by credit institutions or corporate bond proceeds to purchase ESOP shares;
- Not to purchase shares under nominee arrangements, except where permitted by law.

2. Shareholding limit compliance obligations:

- To comply with shareholding limits under the Law on Credit Institutions 2024;
- To comply with regulations on major shareholders and related persons.

3. Other obligations:

- To fully pay for committed shares within the timeline prescribed by Vietbank;
- Not to withdraw contributed capital in any form that reduces Vietbank's charter capital, except as provided by law;
- To comply with Vietbank's Charter and internal regulations;
- To implement resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;
- To be personally liable for any unlawful acts conducted in the name of Vietbank for self-interest or third-party benefit;
- To maintain confidentiality of information provided by Vietbank;
- To fulfill disclosure obligations in accordance with law (if applicable);
- To pay applicable taxes and fees;
- To independently assess information and make decisions at their own discretion.

Article 14. Procedures for Share Registration and Payment

Employees shall complete share subscription and payment procedures in accordance with the notice issued by the Board of Directors after Vietbank receives confirmation from the State Securities Commission of Vietnam regarding complete issuance documentation.

Chapter III

TERMS OF IMPLEMENTATION

Article 15. Responsibilities

1. Human Resources Center:

- To prepare and propose the list of employees participating in the ESOP in accordance with the allocation principles.
- To be responsible for monitoring and updating relevant units on the list of employees falling under the cases specified in Clause 1, Article 12 of this Regulation.
- To communicate the objectives and significance of the program and address employee inquiries related to the program.

2. Board of Directors Office:

- To carry out legal procedures with competent authorities in relation to the issuance of ESOP shares.
- To support employees in share subscription and transfer under the ESOP program.

3. Employees:

- To fully understand and comply with the provisions of this Regulation.
- To complete the declaration and registration for ESOP share purchase and provide written commitments to comply with all obligations stipulated in this Regulation.
- To recognize the ESOP program as a goodwill initiative and positive support from Vietbank aimed at rewarding employees' contributions and commitment. Accordingly, each employee is encouraged to further strive for personal development, improve work performance, and actively contribute to the sustainable growth and development of Vietbank.

Article 16. Implementation

1. This Regulation shall take effect from the date of approval by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.

2. Any reference to legal provisions shall include amendments, supplements, or replacements thereof. In case any provision of this Regulation becomes invalid due to changes in law, the remaining provisions shall remain in full force and effect.

3. Where legal provisions are amended, supplemented, or newly issued after the effective date of this Regulation and differ from this Regulation, such legal provisions shall prevail until this Regulation is amended accordingly.

4. Any matters not covered in this Regulation shall be governed by relevant laws and Vietbank's internal regulations.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN

DUONG NHAT NGUYEN

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Share capital: VND 10.768.973.840.000 VND.
Voting share capital: VND 10.768.973.840.000.
Total number of shares: 1.076.697.384 shares.
Par value: VND 10.000.

LIST OF SHAREHOLDERS AND SHARE OWNERSHIP RATIOS OF SHAREHOLDERS HOLDING 5% OR MORE OF THE VOTING SHARE CAPITAL AND CHARTER CAPITAL PRIOR TO THE CAPITAL INCREASE (AS AT MARCH 31, 2026)

No.	Shareholder name	Name of related person of the shareholder	Nationality (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and shareholders' related persons)	Registered office address of the institutional shareholder	Business registration number of the shareholder and its related institutional persons	Identity card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, and place of issue (or personal identification number) of Vietnamese nationals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and	Passport for foreign individuals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of shareholders who are foreign nationals)	Legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	ID card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, place of issue, or personal identification number of the legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	Relationship between the shareholder and the related person	Shareholding of the shareholder and related persons in the Reporting credit institution	
											Number of shares	Percentage (%) of total shares
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Shareholders holding 5% or more of the voting share capital and charter capital prior to the capital increase												
1	None											

Can Tho, 11 April 2026
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 2200268... NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN CHI NHÁNH THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DUONG NHAT NGUYEN

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Share capital: VND 11.845.871.220.000.
Voting share capital: VND 11.845.871.220.000.
Total number of shares: 1.184.587.122 shares.
Par value: VND 10.000.

LIST OF SHAREHOLDERS AND THEIR OWNERSHIP PERCENTAGES OF SHARES HELD BY SHAREHOLDERS OWNING 5% OR MORE OF THE VOTING SHARE CAPITAL AND CHARTER CAPITAL AFTER THE FIRST CAPITAL INCREASE

No.	Shareholder name	Name of related person of the shareholder	Nationality (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and shareholders' related persons)	Registered office address of the institutional shareholder	Business registration number of the shareholder and its related institutional persons	Identity card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, and place of issue (or personal identification number) of Vietnamese nationals (including shareholders, legal representatives of institutional	Passport for foreign individuals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of shareholders who are foreign	Legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	ID card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, place of issue, or personal identification number of the legal representative (in case the shareholder/relat	Relationship between the shareholder and the related person	Shareholding of the shareholder and related persons in the Reporting credit institution	
											Number of shares	Percentage (%) of total shares
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Shareholders holding 5% or more of the voting share capital and charter capital prior to the capital increase												
1	None											

Can Tho, 21. April 2026
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 2200268... NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DUONG NHAT NGUYEN

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Share capital: VND 11.845.871.220.000.
Voting share capital: VND 11.845.871.220.000.
Total number of shares: 1.184.587.122 shares.
Par value: VND 10.000.

LIST OF SHAREHOLDERS AND SHAREHOLDING PERCENTAGES OF SHAREHOLDERS HOLDING 5% OR MORE OF THE VOTING SHARE CAPITAL AND CHARTER CAPITAL PRIOR TO THE CAPITAL INCREASE

No.	Shareholder name	Name of related person of the shareholder	Nationality (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and shareholders' related persons)	Registered office address of the institutional shareholder	Business registration number of the shareholder and its related institutional persons	Identity card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, and place of issue (or personal identification number) of Vietnamese nationals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and	Passport for foreign individuals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of shareholders who are foreign nationals)	Legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	ID card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, place of issue, or personal identification number of the legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	Relationship between the shareholder and the related person	Shareholding of the shareholder and related persons in the Reporting credit institution	
											Number of shares	Percentage (%) of total shares
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Shareholders holding 5% or more of the voting share capital and charter capital prior to the capital increase												
1	None											

Can Tho, 24 April 2026
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

DUONG NHAT NGUYEN

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Share capital: VND 14.807.339.020.000.
Voting share capital: VND 14.807.339.020.000.
Total number of shares: 1.480.733.902 shares.
Par value: VND 10.000.

LIST OF SHAREHOLDERS AND SHAREHOLDING PERCENTAGES OF SHAREHOLDERS HOLDING 5% OR MORE OF THE VOTING SHARE CAPITAL AND CHARTER CAPITAL AFTER THE SECOND CAPITAL INCREASE

No.	Shareholder name	Name of related person of the shareholder	Nationality (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and shareholders' related persons)	Registered office address of the institutional shareholder	Business registration number of the shareholder and its related institutional persons	Identity card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, and place of issue (or personal identification number) of Vietnamese nationals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and	Passport for foreign individuals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of shareholders who are foreign nationals)	Legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	ID card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, place of issue, or personal identification number of the legal representative (in case the shareholder/related person is an	Relationship between the shareholder and the related person	Shareholding of the shareholder and related persons in the Reporting credit institution	
											Number of shares	Percentage (%) of total shares
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Shareholders holding 5% or more of the voting share capital and charter capital prior to the capital increase												
1	None											

Can Tho, 21 April 2026
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

M.S.D.N: 2200262... NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DUONG NHAT NGUYEN

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Share capital: VND 14.807.339.020.000.
Voting share capital: VND 14.807.339.020.000.
Total number of shares: 1.480.733.902 shares
Par value: VND 10.000.

LIST OF SHAREHOLDERS AND SHAREHOLDING PERCENTAGES OF SHAREHOLDERS HOLDING 5% OR MORE OF THE VOTING SHARE CAPITAL AND CHARTER CAPITAL PRIOR TO THE CAPITAL INCREASE

No.	Shareholder name	Name of related person of the shareholder	Nationality (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and shareholders' related persons)	Registered office address of the institutional shareholder	Business registration number of the shareholder and its related institutional persons	Identity card/Citizen Identity card/Passport number, date of issue, and place of issue (or personal identification number) of Vietnamese nationals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and	Passport for foreign individuals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of shareholders who are foreign nationals)	Legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	ID card/Citizen Identity card/Passport number, date of issue, place of issue, or personal identification number of the legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	Relationship between the shareholder and the related person	Shareholding of the shareholder and related persons in the Reporting credit institution	
											Number of shares	Percentage (%) of total shares
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Shareholders holding 5% or more of the voting share capital and charter capital prior to the capital increase												
1	None											

Can Tho, 21 April 2026
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

DUONG NHAT NGUYEN

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Share capital: VND 15.547.705.970.000.
Voting share capital: VND 15.547.705.970.000.
Total number of shares: 1.554.770.597 shares.
Par value: VND 10.000.

LIST OF SHAREHOLDERS AND SHAREHOLDING PERCENTAGES OF SHAREHOLDERS HOLDING 5% OR MORE OF THE VOTING SHARE CAPITAL AND CHARTER CAPITAL AFTER THE THIRD CAPITAL INCREASE

No.	Shareholder name	Name of related person of the shareholder	Nationality (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and shareholders' related persons)	Registered office address of the institutional shareholder	Business registration number of the shareholder and its related institutional persons	Identity card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, and place of issue (or personal identification number) of Vietnamese nationals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of	Passport for foreign individuals (including shareholders, legal representatives of institutional shareholders, and related persons of shareholders who are foreign nationals)	Legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	ID card/Citizen identity card/Passport number, date of issue, place of issue, or personal identification number of the legal representative (in case the shareholder/related person is an organization)	Relationship between the shareholder and the related person	Shareholding of the shareholder and related persons in the Reporting credit institution	
											Number of shares	Percentage (%) of total shares
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Shareholders holding 5% or more of the voting share capital and charter capital prior to the capital increase												
1	None											

Can Tho, 24 April 2026
LEGAL REPRESENTATIVE
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

DUONG NHAT NGUYEN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
	Independence – Freedom – Happiness
Số: 86/2026/NQ-HĐQT	*TP. Cần Thơ, ngày 13 tháng 5 năm 2026*
No.: 86/2026/NQ-BOD	*Can Tho City, 13 May 2026*

NGHỊ QUYẾT/ RESOLUTION

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
BOARD OF DIRECTORS
VIET NAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XV kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;/ *Pursuant to the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 passed by the 15th National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam at its 5th Extraordinary Session on 18 January 2024, and its amendments and supplements;*
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);/ *Pursuant to the Charter of Viet Nam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank);*
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2026;/ *Pursuant to Resolution No. 01/2026/NQ-AGM dated 24 April 2026 of Vietbank's 2026 Annual General Meeting of Shareholders;*
- Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Vietbank;/ *Pursuant to the Regulation on the organization and operation of Vietbank's Board of Directors;*
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT ngày 13/5/2026,/ *Pursuant to the Minutes of the Board of Directors' meeting dated 13th May 2026,*

QUYẾT NGHỊ:/RESOLVES:

Điều 1. */ Article 1.* Thống nhất triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank) đã được Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2026 thông qua, chi tiết như sau:/ *To approve the implementation of the 2026 charter capital increase plan of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank), as approved by the Annual General Meeting of Shareholders of Vietbank in 2026, with the details as follows:*

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín.

  Share name: Shares of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank.

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

  Type of shares: Ordinary shares.

- Loại tiền phát hành: Đồng Việt Nam (VND).

  Currency of issuance: Vietnam Dong (VND).

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

  Par value: VND 10,000 per share.

- Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 477.873.213 cổ phiếu.

  Total expected number of shares to be issued: 477,873,213 shares.

- Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 4.778.732.130.000 đồng.

  Total expected issuance value (at par value): VND 4,778,732,130,000.

- Vốn điều lệ dự kiến tăng từ mức **10.768.973.840.000 đồng** lên mức **15.547.705.970.000 đồng.**

  The charter capital is expected to increase from VND 10,768,973,840,000 to VND 15,547,705,970,000.

- Trình tự phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ:

  Sequence of share issuances for the purpose of increasing charter capital:

- Vietbank thực hiện các thủ tục phát hành theo trình tự sau:

  Vietbank shall carry out the issuance procedures in the following order:

  ✓ Lần 1: Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu (lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025);*/Phase 1: Issuance of shares for charter capital increase from equity sources (including accumulated undistributed profits and the reserve fund for supplementation of charter capital as of the end of 2025);*

  ✓ Lần 2: Phát hành cổ phiếu để tăng điều lệ thông qua hình thức chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới);*/Phase 2: Issuance of additional shares to increase charter capital by way of a public offering to existing shareholders (new subscribing shareholders);*

  ✓ Lần 3: Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn người lao động năm 2026 (Chương trình ESOP năm 2026).*/Phase 3: Issuance of shares under the 2026 employee stock ownership plan (2026 ESOP).*

  Thời gian dự kiến phát hành của 03 đợt phát hành cổ phiếu nêu trên dự kiến từ Quý 2/2026 và hoàn thành việc tăng vốn điều lệ dự kiến Quý 1/2027. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường./ *The three above-mentioned share issuance tranches are expected to commence from Quarter 2 of 2026, and the charter capital increase is expected to be completed in Quarter 1 of 2027. The specific implementation timeline shall be decided by the Board of Directors, subject to the licenses/approvals of the competent State authorities and prevailing*

market conditions.

- Phương án phát hành cụ thể như sau:

  The detailed issuance plan is as follows:

  (i) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: */ Issuance of shares to increase share capital from equity sources:*

  ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Vietbank: 1.076.897.384 cổ phiếu.

  Number of Vietbank's outstanding shares: 1,076,897,384 shares.

  ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 107.689.738 cổ phiếu.

  Expected number of shares to be issued: 107,689,738 shares.

  ✓ Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 1.076.897.380.000 đồng.

  Expected issuance value (at par value): VND 1,076,897,380,000.

  ✓ Tỷ lệ phát hành: 10%

  Issuance ratio: 10%.

  ✓ Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành./ *Eligible offerees: existing shareholders whose names appear on Vietbank's shareholder register as of the record date determined in accordance with applicable laws.*

  ✓ Nguồn vốn phát hành: từ lợi nhuận lũy kế chưa phân phối và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến hết năm 2025 phù hợp với quy định căn cứ trên Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán của Vietbank, cụ thể như sau:/ *Source of issuance capital: from accumulated undistributed profits and the reserve fund for supplementation of charter capital as of the end of 2025, in accordance with applicable regulations and based on Vietbank's audited 2025 financial statements, specifically as follows:*

Đơn vị: đồng/ Unit: VND

STT No.	Chỉ tiêu *Indicator*	Số dư theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Consolidated Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số dư theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Separate Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số tiền sử dụng để tăng vốn điều lệ *Amount Used for Charter Capital Increase*
1	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ/ *Charter capital*	129.998.078.733	129.998.078.733	125.000.000.000

STT No.	Chỉ tiêu *Indicator*	Số dư theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Consolidated Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số dư theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Separate Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số tiền sử dụng để tăng vốn điều lệ *Amount Used for Charter Capital Increase*
	supplementary reserve fund			
2	**Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối lũy kế** *Accumulated undistributed earnings*	**960.548.932.691**	**955.300.813.691**	**951.897.380.000**
2.1	Lợi nhuận dùng để phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ *Earnings used to issue shares to increase share capital from equity sources*	951.897.380.000	951.897.380.000	951.897.380.000
2.2	Lợi nhuận lũy kế còn lại/ *Remaining accumulated earnings*	8.651.552.691	3.403.433.691	-
3	**Các quỹ khác/** *Other funds*	**548.311.157.320**	**548.311.157.320**	-
3.1	Quỹ dự phòng tài chính/ *Financial reserve fund*	527.817.338.799	527.817.338.799	-
3.2	Quỹ khen thưởng/ *Reward fund*	12.442.365.474	12.442.365.474	-

STT No.	Chỉ tiêu *Indicator*	Số dư theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Consolidated Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số dư theo Báo cáo tài chính riêng lẻ đã kiểm toán tại 31/12/2025 *Balance per Separate Audited Financial Statements at 31/12/2025*	Số tiền sử dụng để tăng vốn điều lệ *Amount Used for Charter Capital Increase*
3.3	Quỹ phúc lợi/ *Welfare fund*	8.051.453.047	8.051.453.047	-
Số tiền được sử dụng để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu/ *Total amount used to increase share capital from equity sources*				**1.076.897.380.000**

- ✓ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các cổ đông được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ./*Treatment of fractional shares: the additional shares distributable to shareholders shall be rounded down to the nearest whole share. Any fractional shares resulting from such rounding down (if any) shall be cancelled.*
- ✓ Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến từ Quý 2 đến Quý 3 năm 2026. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và sau khi UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo quy định, phù hợp với điều kiện thị trường./*Expected issuance timeline: expected from Quarter 2 to Quarter 3 of 2026. The specific timing shall be decided by the Board of Directors on the basis of compliance with the licenses/approvals granted by the competent State authorities and after the State Securities Commission of Vietnam has confirmed receipt of the share issuance report dossier in accordance with regulations, subject to market conditions.*
- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: 1.184.587.122 cổ phiếu./*Expected number of outstanding shares upon completion of the share issuance for capital increase from equity sources: 1,184,587,122 shares.*

(ii) Phát hành (chào bán) thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (cổ đông góp vốn mới):/*Additional public offering of shares to existing shareholders (new subscribing shareholders):*

- ✓ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Vietbank: 1.076.897.384 cổ phiếu.

  Number of Vietbank's outstanding shares: 1,076,897,384 shares.
- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán: 296.146.780 cổ phiếu.

  Expected number of shares to be offered: 296,146,780 shares.

- ✓ Giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán (theo mệnh giá): 2.961.467.800.000 đồng.

  Expected total value of shares to be offered (at par value): VND 2,961,467,800,000.

- ✓ Tỷ lệ phát hành: 25% so với vốn Điều lệ tăng lần 1 nêu trên.

  Issuance ratio: 25% of the charter capital as increased in the first tranche as stated above.

- ✓ Đối tượng chào bán: cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành./ *Eligible offerees: existing shareholders whose names appear in Vietbank's shareholder register as of the record date determined in accordance with applicable laws.*

- ✓ Loại chứng khoán chào bán (phát hành): cổ phiếu phổ thông.

  Type of securities offered (issued): ordinary shares.

- ✓ Giá chào bán (phát hành): 10.000 đồng/CP.

  Offering (issuance) price: VND 10,000 per share.

- ✓ Số đợt chào bán (phát hành): 01 đợt.

  Number of offering (issuance) tranche(s): 01 tranche.

- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi hoàn tất phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ đợt chào bán: 1.480.733.902 cổ phiếu./*Expected number of outstanding shares upon completion of the share issuance for capital increase through the offering tranche: 1,480,733,902 shares.*

- ✓ Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: số cổ phiếu phát hành thêm khi chia cho các cổ đông được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ được hủy bỏ./*Treatment of fractional shares: the additional shares distributable to shareholders shall be rounded down to the nearest whole share. Any fractional shares resulting from such rounding down (if any) shall be cancelled.*

- ✓ Thời gian dự kiến chào bán (phát hành) và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến từ Quý 3 đến Quý 4 năm 2026. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường./*Expected offering (issuance) timeline and completion timeline: expected from Quarter 3 to Quarter 4 of 2026. The specific timing shall be decided by the Board of Directors on the basis of compliance with the licenses/approvals of the competent State authorities and subject to market conditions.*

(iii) Phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2026/ *Issuance of shares under the 2026 Employee Stock Ownership Plan (ESOP):*

- ✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 05% so với tổng Vốn Điều lệ được tăng Lần 2 tương ứng tối đa là 74.036.695 cổ phiếu.

Expected number of shares to be issued: 5% of the total charter capital as increased in the second tranche, equivalent to a maximum of 74,036,695 shares.

✓ Giá trị cổ phiếu dự kiến phát hành (theo mệnh giá): 740.366.950.000 đồng.

Expected issuance value of shares (at par value): VND 740,366,950,000.

✓ Tỷ lệ phát hành: 5% so với tổng Vốn Điều lệ được tăng Lần 2 nêu trên.

Issuance ratio: 5% of the total charter capital as increased in the second tranche as stated above.

Việc phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026 đảm bảo tại thời điểm phát hành phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội, cụ thể: *"2. Tổng số cổ phiếu phát hành theo chương trình trong mỗi 12 tháng không được vượt quá 5% số cổ phiếu đang lưu hành của công ty."/ The issuance of shares under the 2026 ESOP shall, at the time of issuance, ensure compliance with Clause 2, Article 64 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26 November 2019 of the National Assembly, specifically as follows: "2. The total number of shares issued under such program(s) within each period of 12 months must not exceed 5% of the company's outstanding shares."*

✓ Loại chứng khoán phát hành: cổ phiếu phổ thông.

Type of securities issued: ordinary shares.

✓ Giá phát hành: bằng mệnh giá (10.000 đồng/cổ phiếu).

Issuance price: at par value (VND 10,000/share).

✓ Đối tượng phát hành: Cán bộ nhân viên đã ký Hợp đồng lao động chính thức với Ngân hàng, Công ty con tại thời điểm lập danh sách, đáp ứng tiêu chuẩn người lao động tham gia chương trình ESOP 2026 và được HĐQT phê duyệt trong danh sách tham gia Chương trình ESOP 2026./ *Eligible recipients: employees who have entered into official labor contracts with the Bank or its subsidiaries at the time of preparation of the list, satisfy the eligibility criteria for participation in the 2026 ESOP, and are approved by the Board of Directors in the list of participants in the 2026 ESOP.*

✓ Tiêu chuẩn người lao động được tham gia Chương trình ESOP năm 2026 và nguyên tắc xác định số lượng cổ phiếu phân phối cho từng người lao động: chi tiết theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo Chương trình lựa chọn cho người lao động của Vietbank năm 2026 (Quy chế ESOP năm 2026) đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua./ *Eligibility criteria for employees participating in the 2026 ESOP and the principles for determining the number of shares to be allocated to each employee: as detailed in the Regulation on Share Issuance under Vietbank's 2026 Employee Stock Ownership*

Plan (the 2026 ESOP Regulation) as approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.

- ✓ Hạn chế chuyển nhượng: Điều 10 Quy chế ESOP năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua./ *Transfer restrictions: Article 10 of the 2026 ESOP Regulation as approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.*
- ✓ Mục đích phát hành: Ghi nhận và khen thưởng xứng đáng cho người lao động có thành tích vượt trội. Gắn kết lợi ích của người lao động với kết quả hoạt động của Vietbank. Thu hút và giữ chân người lao động./ *Purpose of the issuance: to duly recognize and reward employees with outstanding performance; to align employees' interests with Vietbank's business performance; and to attract and retain talent.*
- ✓ Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết do người lao động không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp tiền hoặc nộp không đủ tiền, cổ phiếu vượt quá 05% số cổ phần đang lưu hành hoặc các trường hợp khác:/ *Treatment of unsubscribed shares in cases where employees do not register to purchase, or register to purchase but fail to make payment or make insufficient payment, where the number of shares exceeds 5% of the outstanding shares, or in other cases:*
  - ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT toàn quyền quyết định, phân phối lại cho người lao động khác theo danh sách đã được lựa chọn ban đầu với cùng mức giá phát hành. Số lượng cổ phiếu được phân phối lại sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành./ *The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to make all decisions regarding the re-allocation of such shares to other employees from the initially selected list at the same issuance price. The re-allocated shares shall be subject to transfer restrictions for a period of 01 (one) year from the completion date of the issuance.*
  - Trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng cổ phiếu còn dư không phát hành hết sẽ được hủy bỏ và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt phát hành./ *In the event that the Board of Directors is unable to distribute all such shares, the remaining undistributed shares shall be cancelled, and the Board of Directors shall issue a decision to close the issuance.*

(Chi tiết theo quy định tại Điều 11 Quy chế ESOP năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua). (For details, please refer to Article 11 of the 2026 ESOP Regulation as approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders).

- ✓ Điều khoản mua lại cổ phiếu và xử lý cổ phiếu mua lại: chi tiết theo Quy chế ESOP năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua./ *Provisions on share repurchase and treatment of repurchased shares: as detailed in the 2026 ESOP Regulation approved by the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.*
- ✓ Thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến hoàn thành: Dự kiến Quý 4 năm 2026 đến Quý 1 năm 2027. Thời điểm cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và sau khi

UBCKNN thông báo về việc nhận được tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu theo quy định, phù hợp với điều kiện thị trường./ *Expected issuance timeline and completion timeline: expected from Quarter 4 of 2026 to Quarter 1 of 2027. The specific timing shall be decided by the Board of Directors on the basis of compliance with the licenses/approvals of the competent State authorities and after the State Securities Commission of Vietnam has confirmed receipt of the share issuance report dossier in accordance with regulations, subject to market conditions.*

✓ Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP của Vietbank trong 12 tháng gần nhất: Không có./ *Information on Vietbank's ESOP share issuance(s) in the most recent 12 months: None.*

✓ Số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành sau khi hoàn tất đợt phát hành: phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP năm 2026 (sau khi phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ đông hiện hữu - cổ đông góp vốn mới): **1.554.770.597 cổ phiếu**./ *Expected number of outstanding shares upon completion of the issuance under the 2026 ESOP (following the share issuance for capital increase from equity sources and the offering to existing shareholders/new subscribing shareholders): 1,554,770,597 shares.*

- Chấp thuận các nội dung và hồ sơ tăng vốn, thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật (bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung công việc: xin chấp thuận với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN), báo cáo, đăng ký chào bán với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán với VSDC, đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán, cập nhật Giấy phép thành lập và hoạt động về mức vốn điều lệ và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Vietbank).

  To approve the contents of the capital increase dossier and the procedures for increasing charter capital in accordance with law (including, without limitation, seeking approval from the State Bank of Vietnam ("SBV"), reporting to and registering the offering with the State Securities Commission of Vietnam ("SSC"), amending the securities registration certificate with VSDC, registering additional listing/trading with the Stock Exchange, updating the License for Establishment and Operation in respect of the charter capital amount, and carrying out other procedures in accordance with applicable laws and Vietbank's Charter).

- Giao Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật của Vietbank và/hoặc Người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền ký các văn bản, hồ sơ liên quan đến thủ tục tăng vốn điều lệ năm 2026 phù hợp theo quy định của pháp luật và Vietbank.

  To authorize the Chairman of the Board of Directors, being the legal representative of Vietbank, and/or the person duly authorized by the legal representative, to sign all documents and dossiers relating to the procedures for the 2026 charter capital increase in accordance with applicable laws and Vietbank's internal regulations.

- Giao Chủ tịch HĐQT chỉ đạo triển khai thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ năm 2026 phù

hợp theo quy định của pháp luật và Vietbank.

To assign the Chairman of the Board of Directors to direct the implementation of the procedures for the 2026 charter capital increase in compliance with applicable laws and Vietbank's regulations.

Điều 2. */ Article 2.* Hội đồng quản trị có trách nhiệm: (i) Triển khai thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu; chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ii) Báo cáo kết quả tăng vốn điều lệ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần tiếp theo của Ngân hàng TMCP Vietbank./ *The Board of Directors shall be responsible for: (i) organizing the implementation of the share issuance to increase share capital from equity sources, the offering of shares to existing shareholders, and the issuance of shares under the employee stock ownership plan; and (ii) reporting the results of the charter capital increase at the next Annual General Meeting of Shareholders of Vietbank Commercial Joint Stock Bank.*

Điều 3./ *Article 3.* Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 13/5/2026. / *This Resolution shall take effect from 13 May 2026.*

Điều 4./ *Article 4.* Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Văn phòng HĐQT, các Khối/Trung tâm/Phòng/Ban Hội sở và các đơn vị trong toàn hệ thống Vietbank chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./ *Members of the Board of Directors, the Executive Management, the Chief Accountant, the Office of the Board of Directors, all Divisions/Centers/Departments/Units at the Head Office, and all entities across Vietbank's system shall be responsible for implementing this Resolution.*

Nơi nhận:
- Như Điều 4/ *As stated in Article 4;*
- Sao kính gửi/ *Copied to:* Ban Kiểm soát (để biết)/ *Supervisory Board (for information);*
- Lưu Thư ký HĐQT/ *filed at: Board of Directors' Secretariat.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH/ *CHAIRMAN*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN/DUONG NHAT NGUYEN

VIETNAM THUONG TIN COMMMERCIAL
JOINT STOCK BANK
No. 87/2026/NQ-HĐQT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
Can Tho, May, 13 2026

RESOLUTION
BOARD OF DIRECTORS OF
VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

- Based on the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated January 18, 2024 and its guiding documents on guiding documents on amendments and supplements;
- Based on the Charter of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank) ;
- Based on Resolution No. 01/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026, of the Vietbank's 2026 Annual General Meeting of Shareholders;
- Based on the Regulations on the organization and operation of the Board of Directors of Vietbank;
- Based on the Minutes of the Board of Directors' Meeting dated May 13, 2026,

RESOLUTION:

Article 1: To approve the proposal of the Office of the Board of Directors set out in Submission No. 91/2026/TT-VP.HDQT, whereby the Board of Directors unanimously agreed on the following specific tasks:

1. Approval of the implementation of the Plan for the 2026 Charter Capital Increase of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank), which has been approved by the Vietbank 2026 Annual General Meeting of Shareholders.
2. Assign the Standing Board of Directors to:
   - Decide on the selection of a securities company (including any change of securities company) to provide advisory services on the charter capital increase dossier in accordance with the law on securities.
   - Approve the detailed allocation of work relating to the implementation of the 2026 charter capital increase.
3. Assign the Office of the Board of Directors to act as the focal point in coordinating with relevant units to prepare and submit the dossier, and to apply for approval, for the charter capital increase, and to complete the related procedures so as to finalize the 2026 charter capital increase in accordance with the law and Vietbank's regulations (including, without limitation, applying for approval from the State Bank of Vietnam, reporting to the State Securities Commission (SSC), amending the securities registration certificate with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC), registering additional listing/trading with the Stock Exchange, updating and amending the Operating License, disclosing information, and carrying out other procedures as required by regulations).
4. Assign the Human Resources Division and the Office of the Board of Directors to coordinate with relevant units in preparing the List of eligible Vietbank officers and employees, together with the number of shares to be allocated to each officer/employee, based on the eligible subjects, criteria, and principles for determining the number of shares for each officer/employee already approved by the General Meeting of Shareholders under the Plan

for the Issuance of Shares under the Employee Stock Ownership Program for 2026 (2026 ESOP Program) pursuant to Resolution No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 24, 2026 (including updating, supplementing, and amending this List).

5. Assign the Chairman of the Board of Directors – the legal representative of Vietbank, and/or a person authorized by the legal representative, to sign the documents and dossiers relating to the procedures for the 2026 charter capital increase in accordance with the law and Vietbank's regulations.
6. Assign the Chairman of the Board of Directors to direct the implementation of the procedures for the 2026 charter capital increase in accordance with the law and Vietbank's regulations.

Article 2. This Resolution is valid from May 13, 2026.

Article 3. The members of the Board of Directors, the General Management Board, the Chief Accountant, the Board of Directors' Office, the Divisions/Centers/Departments/Sections, the Head Office, and all related units within the Vietbank system shall be responsible for the implementation of this Resolution.

ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN

M.S.D.N: 2200269805 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DUONG NHAT NGUYEN

Recipient:
- *As specified in Article 3.*

Copied to:
- *Board of Supervisors (for information);*

File by the Secretary of the Board of Directors.

VIETNAM THUONG TIN COMMMERCIAL
JOINT STOCK BANK
No 165/2026/NQ-HĐQT

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
Can Tho, August, 12 2026

RESOLUTION

Regarding: Approving the plan for the public offering of shares

BOARD OF DIRECTORS OF VIETNAM THUONG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

- Based on the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated January 18, 2024 and its guiding documents on guiding documents on amendments and supplements;
- Based on the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and its guiding documents on amendments and supplements;
- Based on Law No. 56/2024/QH15 dated November 29, 2024, amending and supplementing a number of articles of the Law on Securities, the Law on Accounting, the Law on Independent Auditing, the Law on State Budget, the Law on Management and Use of Public Assets, the Law on Tax Management, the Law on Personal Income Tax, the Law on National Reserves, and the Law on Handling Administrative Violations;
- Based on the Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and guiding documents;
- Based on Official Letter No. 4677/NHNN-QLGS dated June 2, 2026, from the State Bank of Vietnam regarding the Governor of the State Bank of Vietnam's approval of Vietbank's increase in charter capital;
- Based on the Charter of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (Vietbank) ;
- Based on the Regulations on the organization and operation of the Board of Directors of Vietbank;
- Based on Resolution No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 24, 2026, of the Vietbank's 2026 Annual General Meeting of Shareholders;
- Based on the Board of Directors Meeting Minutes No. 147/2026/BBH-HĐQT dated 12/8/2026,

RESOLUTION:

Article 1: The Board of Directors agreed:

1. Approval of the continued implementation of the Plan for Public Offering of additional shares in accordance with the Vietbank Charter Capital Increase Plan for 2026, which was approved by the General Meeting of Shareholders in Resolution No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 24, 2026.
2. Approval of the Plan for Public Offering of additional shares to increase charter capital as per Resolution No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ of the Annual General Meeting of Shareholders 2026 dated April 24, 2026 as attached to this Resolution.

Article 2: Approval of the delegation of authority to the Chairman of the Board of Directors - the legal representative and/or a person authorized by the legal representative - to carry out the following specific tasks:

1. Prepare, approve, and sign the documents, papers, commitments, and reports included in the application dossier for a public offering of additional shares submitted to the State

Securities Commission (SSC) to request Certificate of Registration for the public offering of additional shares as prescribed.

2. Prepare, approve, edit, supplement, update, and sign documents, papers, commitments, and reports to explain, supplement, and complete the application dossier for the public offering of additional shares as required by the State Securities Commission, ensuring compliance with legal regulations in order to obtain the Certificate of Registration for the public offering of additional shares.

3. Implement the issuance plan after receiving the Certificate of Registration for the public offering of additional shares from the State Securities Commission, including but not limited to the following tasks:

- Disclose information; sign all relevant documents, records, and materials in accordance with the law and guidelines of competent authorities to implement and finalize the contents approved by the Board of Directors;
- Organize, implement, and execute the issuance of shares to shareholders, announce the issuance, and distribute securities in accordance with regulations;
- Organize and implement the reporting of Vietbank's issuance results to the State Securities Commission as required;
- Carry out the legal procedures to adjust Vietbank's establishment and operation license according to the new charter capital after the completion of the issuance;
- Approve and sign all relevant documents, files, and materials for the registration of additional securities at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC);
- Organize and implement the registration for the listing of all newly issued shares on the Ho Chi Minh City Stock Exchange in accordance with the law.

Article 3: The Chairman of the Board of Directors is hereby authorized to direct the implementation of the Board's approved contents in accordance with the law and the bank's charter when carrying out procedures to obtain permits from competent authorities for the issuance of shares, ensuring compliance with regulations.

Article 4: This Resolution is valid from the date of signing. The members of the Board of Directors, the General Management Board, the Chief Accountant, the Board of Directors' Office, the Divisions/Centers/Departments/Sections, the Head Office, and all related units of Vietbank are responsible for implementing this Resolution.

ON BEHALF OF BOARD OF DIRECTORS

CHAIRMAN

M.S.D.N: 2200209805-C.T.C.
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

DUONG NHAT NGUYEN

Recipient:
- As specified in Article 4.

Copied to:
- Board of Supervisors (for information);

File by Office of the BOD
the Office Administration.

PLAN FOR THE PUBLIC OFFERING OF ADDITIONAL SHARES

(Attached is Resolution No. 165/2026/NQ-HĐQT dated 12/08/2026 of the Board of Directors of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank)

1. **General information:**

- Security code: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank (VBB)
- Charter capital before issuance: VND 11,845,866,040,000 *(In words: Eleven trillion eight hundred forty five billion eight hundred sixty six million forty thousand dong)*.
- Number of shares before issuance: 1,184,586,604 shares (including 107,689,220 shares were issued as a result of the 2026 share issuance from equity capital).
- Treasury shares: 0 shares.
- Number of outstanding shares: 1,184,586,604 shares (including 107,689,220 shares were issued as a result of the 2026 share issuance from equity capital).
- Expected number of shares to be issued: 296,146,651 shares (a decrease of 129 shares compared to the projected figure in Resolution No. 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ dated April 24, 2026, of the Vietbank General Shareholders' Meeting, due to the handling of fractional shares in the 2026 capital increase from equity).
- Issuance value at face value : 2,961,466,510,000 VND;
- Registered capital after issuance: 14,807,332,550,000 VND *(In words: Fourteen trillion eight hundred and seven billion three hundred and thirty two million five hundred and fifty thousand dong)* ;
- Implementation period: During Q3 and Q4 of 2026, after the State Securities Commission grants the Certificate of Registration for Public Offering of shares as per regulations.
- Target audience: Existing shareholders showned on the shareholder list are eligible to exercise their right to purchase shares. Shareholders have the right to transfer their right to purchase shares to another person within the specified time period, and this transfer is only permitted once.
- Issuance method:

- Shares issued to existing shareholders will be distributed through the exercise of subscription rights.
- Issuance ratio: 100:25 (Each shareholder holding 1 share at the time of the shareholder list closing will be entitled to 1 purchase right; for every 100 purchase rights, 25 newly issued shares can be purchased).
- The number of shares issued is calculated as an integer; the decimal portion will not be rounded to 1 share. Any fractional shares (if any) shall be handled in accordance with Section 2 "Method for Handling Remaining Undistributed Shares" of this Plan[1].

[1] *Amendment to the contents of the plan for handling fractional shares arising from the public offering of additional shares to existing shareholders in 2026, as set out in Item (ii), Article 1 of Resolution No. 86/2026/NQ-HĐQT dated May 13, 2026 of Vietbank's Board of Directors regarding the implementation of the 2026 Charter Capital Increase Plan.*

Example: Shareholder A owns 2.79 shares on the record date. Shareholder A will receive the right to purchase 279 new shares. When exercising the right at a ratio of 100:25, Shareholder A will be entitled to purchase an additional 69.75 new shares. However, according to the rounding principle, the shareholder is only entitled to purchase 69 new shares. The fractional part of 0.75 shares shall be handled in accordance with Section 2 of this Plan.

- Issuance price: 10,000 VND/share .
- Characteristics of issued shares:
  - Shareholders have the right to attend and express their opinions at General Meetings of Shareholders and to exercise their voting rights directly or through an authorized representative. Each common share has one voting right.
  - Shareholders are entitled to receive dividends at the rate determined by the General Meeting of Shareholders.
  - Shareholders have the right to prioritize purchasing newly offered shares in proportion to their own common shareholding in the bank; they also have the right to transfer their priority right to purchase shares to others.
  - Shares and purchase rights may be transferred to other shareholders of the Bank or other organizations and individuals in accordance with the provisions of Vietbank's Charter, in compliance with the Law on Credit Institutions, the Law on Enterprises, the Law on Securities, and other relevant legal provisions.
  - Shareholders have the right to receive information on the Bank's operations as stipulated in the Vietbank Charter; to review, search, and obtain copies of their names and contact addresses in the List of Shareholders with Voting Rights and request corrections to inaccurate information; and to review, search, obtain copies, or make photocopies of the Bank's Charter, the minutes of the General Meeting of Shareholders, and the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders.
  - Shareholders have the right to authorize in writing to another person to exercise their rights and obligations (including authorizing another person to directly attend the General Meeting of Shareholders) in accordance with the Bank's Charter; the authorized person may not re-authorize and may not run for election in their own capacity.
  - When a bank is dissolved or goes bankrupt, the holder is entitled to receive a portion of the remaining assets corresponding to the number of shares contributed to the bank, as stipulated by the laws on dissolution and bankruptcy.
  - Shareholders have the right to nominate and stand for election for the Board of Directors and the Supervisory Board in accordance with the Bank's Charter or, if not specified in the Charter, by law. The list of candidates must be submitted to the Board of Directors within the timeframe stipulated by the Board of Directors.
  - Shareholders have the right to be treated fairly. Each share of the same class confers equal rights, obligations, and benefits on the shareholder. In the case of preferred shares, the rights and obligations associated with those preferred shares are approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to the shareholders.
  - Shareholders have the right to have full access to periodic and extraordinary information disclosed by the Bank in accordance with the law.

- Shareholders have the right to protect their legitimate interests. If a resolution of the General Meeting of Shareholders violates the law or the Bank's charter, or if a decision of the Board of Directors is contrary to the law or the Bank's charter and causes damage to the Bank, shareholders have the right to request the annulment or suspension of that resolution or decision in accordance with the provisions of the Enterprise Law.
- Other rights as stipulated by law and the Vietbank Charter.

- Proposed plan of proceeds from the issuance:

The proceeds from the share issuance, expected to be VND 2,961,466,510,000 , will be used to supplement working capital, meet credit needs, and expand the Bank's operating capital to achieve business growth targets in 2026 and subsequent years, in accordance with the legal regulations governing credit institutions.

Based on the current market situation, the Board of Directors of Vietbank approved the plan for using the capital raised from the offering. The entire amount expected to be raised will be used as follows:

	Content	Value (VND)	Estimated disbursement time
	Supplementing business capital		
1	Personal loans	1,011,466,510,000	Fourth quarter of 2026 to 2027
2	Lending to SME business customers	850,000,000,000	
3	Lending to large corporate clients	1,100,000,000,000	
	Total	**2,961,466,510,000**	

If the proceeds from the share offering to existing shareholders are insufficient to cover all the purposes mentioned above, the priorities will be in descending order as follows:

- Priority 1: Lending to individual customers ;
- Priority 2: Lending to SME business customers ;
- Priority 3: Lending to large corporate clients .

The General Meeting of Shareholders authorized the Board of Directors to amend and supplement the Offering Plan, whereby the Board of Directors decided to adjust the allocation of the proceeds from the offering to the approved capital uses and/or change the purpose of the capital used from the offering to suit the actual situation, ensuring compliance with the law, and will report to the next General Meeting of Shareholders on the adjustments related to this capital use plan.

In the event that, at the end of the issuance period for offering shares to existing shareholders, Vietbank does not sell all the registered shares, and the proceeds from the offering are insufficient to meet expectations, depending on the actual situation, the Board of Directors will implement the following solutions:

- Request an extension of the offering period to continue offering all remaining shares in accordance with legal regulations.

- Furthermore, if Vietbank fails to raise the expected amount of funds from the offering, it will utilize other sources of capital in accordance with the law and Vietbank's internal regulations to implement its planned objectives .

2. **Method for handling remaining unsold shares:**

- The remaining undistributed shares ("Remaining Shares") consist of:
  - The number of shares that shareholders did not exercise their right to purchase in full, or only exercised their right to purchase in part, or did not pay for within the specified time limit.
  - The fractional shares arising from rounding down the number of shares that existing shareholders are entitled to purchase.
  - The difference between the total number of shares expected to be issued and the total number of shares actually issued at the subscription ratio of 100:25 (if any).
- Pursuant to the authorization granted by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors shall consider and decide whether to close the offering or to continue offering the Remaining Shares to other investors at an offering price of VND 10,000 per share, which is the same as the offering price applicable to existing shareholders.
- In the event that the Remaining Shares are offered to other investors, the selection of investors, distribution and handling of the Remaining Undistributed Shares shall be carried out in accordance with the decision of the Board of Directors and applicable laws, specifically as follows:

  The Board of Directors shall approve the criteria for selecting investors to whom the Remaining Undistributed Shares will be offered, as follows:

  - Domestic organizations and individuals have expressed interest, desire, and sufficient financial capacity to invest in Vietbank shares.
  - Investors have the potential to contribute to the development of Vietbank.
  - These investors do not have business activities that affect the interests of Vietbank.

  Any remaining undistributed shares mentioned above, when offered to other parties as decided by the Board of Directors, will be subject to a transfer restriction for one year from the date the offering ends.

  The distribution of remaining unsold shares to other investors must meet the conditions stipulated in the 2020 Enterprise Law, the 2019 Securities Law, Decree No. 155/2020/ND-CP, and other relevant legal regulations, including but not limited to the following conditions:

  - In compliance with Clause 2, Article 195 of the 2020 Enterprise Law: "Subsidiary companies are not allowed to invest in or purchase shares in their parent company. Subsidiary companies of the same parent company are not allowed to simultaneously contribute capital or purchase shares to create cross-ownership among themselves."
  - Ensure compliance with the offering conditions stipulated in Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP issued by the Government on December 31, 2020, detailing the implementation of certain provisions of the Securities Law.

3. **Ensuring the share issuance complies with regulations on foreign ownership ratios**

Through a plan to ensure the issuance of shares complies with the regulations on foreign ownership ratio as stipulated in Clause 2, Article 12 of Government Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law, as follows:

Based on Official Letter No. 2294/UBCK-PTTT dated May 25, 2021, from the State Securities Commission, the maximum foreign ownership ratio in Vietbank is 30%.

Based on the shareholder list as of July 30, 2026, provided by VSDC to VIETBANK, the foreign ownership ratio in VIETBANK is 0.02%. To ensure that the share issuance complies with the regulations on foreign ownership ratio, accordingly:

- Existing shareholders may only transfer their right to purchase shares to domestic organizations or individuals.
- Any remaining shares, if further distributed, will only be allocated to domestic organizations and individuals .

4. **The deadline and method for refunding the deposit for shares in case the number of shares subscribed does not reach the minimum requirement:**

The minimum successful offering rate for this offering: Not applicable, as the Issuer is offering shares to existing shareholders in proportion to their respective shareholdings. Therefore, in the event that the number of registered shares does not reach the minimum level, Vietbank is not obligated to refund money to investors who exercised their right to purchase shares according to the allocation list of Vietbank share purchase rights issued on the last registration date for exercising the right to purchase additional shares for existing shareholders provided by VSDC.

In the event that an investor pays more than the amount required to exercise their rights according to the allocation list of additional share issuance rights for existing shareholders provided by VSDC, Vietbank will refund the excess amount after the offering ends. Vietbank will report the offering results to the State Securities Commission (SSC), and the SSC will notify the SSC in writing that it has received Vietbank's offering results report.

5. **Additional listing registration:**

The Board of Directors approved the registration for the listing of the entire additional number of Vietbank shares issued on the Ho Chi Minh City Stock Exchange with the following details:

- Number of additional shares to be listed: The entire number of additional shares issued by Vietbank after the completion of the additional share offering to existing shareholders to increase charter capital in 2026.
- Expected time for supplementary listing registration: First Quarter of 2027.

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2024



Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Consolidated financial statements

For the year ended 31 December 2024

CONTENT

	Pages
General information	1 - 2
Report of the Board of Management	3
Independent auditors' report	4 - 5
Consolidated Statement of financial position	6 - 8
Consolidated income statement	9
Consolidated cash flow statement	10 - 11
Notes to the consolidated financial statements	12 - 76

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

GENERAL INFORMATION

THE BANK

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") is a joint stock commercial bank incorporated in the Socialist Republic of Vietnam.

The Bank is established under Operation License No. 2399/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam ("the State Bank" or "the SBV") on 15 December 2006 and Business Registration Certificate No. 2200269805, amended the 28th on 28 August 2023, issued by Department of Planning Investment of Soc Trang Province. The Bank's Operation License No. 2399/QD/NHNN was replaced by the Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN issued by the SBV on 24 February 2023. The Bank is established under Establishment and Operation License No. 1900/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam ("the State Bank" or "the SBV") on 12 September 2024 and Establishment and Operation License No. 2758/QD-NHNN issued by the SBV on 25 December 2024. The operating duration of the Bank is 50 years from 15 December 2006.

The current principal operations of the Bank during the year are to provide banking services including mobilizing and receiving short, medium and long-term deposits from various organizations and individuals; providing short, medium and long-term loans to various organizations and individuals based on the nature and capacity of the Bank's capital resources; foreign exchange, gold bar trading; international trade financing services; discount of commercial papers, bonds and other valuable papers; providing factoring services, cash management services, banking consultancy, finance, asset management, lease of the safe box; government bond, corporate bond trading; providing entrustingand entrusted loans; insurance agency; lease of part of offices, which are not fully used and owned by the Bank; settlement services and other banking services as allowed by the SBV.

Charter capital

The Bank's charter capital as at 31 December 2024 is VND7,139,413 million (31 December 2023: VND4,776,827 million).

Operational network

The Bank's head office is located at 47 Tran Hung Dao, Ward 3, Soc Trang City, Soc Trang Province, Vietnam. As at 31 December 2024, the Bank has one (1) head office, thirty (30) branches, one hundred and two (102) transaction offices in provinces and cities nationwide.

Subsidiary

As at 31 December 2024, the Bank has one (1) directly owned subsidiary as follow:

Subsidiary	*Operating License*	*Nature of Business*	*Share capital*	*Ownership*
Vietnam Thuong Tin Bank Asset Management Limited (Vietbank AMC)	Decision No. 3158/QĐ-NHNN issued by the SBV on 29 December 2010 and initial Business Registration Certificate No. 0310898270 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the sixth time on 12 June 2021.	Asset and liabilities management	VND5 billion	100%

The principal operations of the subsidiary during the year are managing the loans; managing and exploiting collaterals; managing collateral documents; restructuring the loans; trading the loans with other credit institutions.

GENERAL INFORMATION (Continued)

BOARD OF DIRECTORS

Members of Board of Directors during the year and as at the date of this report are as follows:

Name	*Position*	*Date appointment*
Mr. Duong Nhat Nguyen	Chairman	Appointed on 26 April 2021
Mr. Nguyen Huu Trung	Vice Chairman cum Independent member	Appointed on 26 April 2021
Ms. Le Thi Xuan Lan	Member	Appointed on 26 April 2021
Ms. Luong Thi Huong Giang	Member	Appointed on 26 April 2021
Ms. Quach To Dung	Member	Appointed on 26 April 2021

BOARD OF SUPERVISORS

Members of Board of Supervisors during the year and as at the date of this report are as follows:

Name	*Position*	*Date appointment*
Mr. Hua Ngoc Nghia	Chief Supervisor	Appointed on 26 April 2021
Ms. Nguyen Do Xuan Dung	Specialized member	Appointed on 26 April 2021
Mr. Mac Huu Danh	Specialized member	Appointed on 26 April 2021

BOARD OF MANAGEMENT AND CHIEF ACCOUNTANT

Members of Board of Management and Chief Accountant during the year and as at the date of this report are as follows:

Name	*Position*	*Date appointment/ resignation re-appointment/Resignation*
Ms. Tran Tuan Anh	General Director	Appointed on 14 August 2023
Ms. Pham Thi My Chi	Deputy General Director	Re-appointed on 7 November 2024
	Chief Accountant	Appointed on 28 June 2024
Mr. Nguyen Tien Sy	Deputy General Director	Re-appointed on 1 April 2024
Mr. Pham Linh	Deputy General Director	Appointed on 15 January 2025
Mr. Pham Danh	Deputy General Director	Re-appointed on 1 February 2025
Ms. Ngo Tran Doan Trinh	Deputy General Director	Resigned on 23 October 2024
Mr. Do Khoa Hiep	Deputy General Director	Resigned on 31 May 2024
Mr. Nguyen Trong Phuc	Deputy General Director	Resigned on 15 April 2024
Ms. Tran Thi Lam	Deputy General Director	Resigned on 26 March 2024
Mr. Le Huy Dung	Deputy General Director	Resigned on 12 February 2024
Ms. Vo Nguyen Thanh Nhien	Chief Accountant	Resigned on 28 June 2024

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Bank during the year up to the date of this report is Ms. Tran Tuan Anh, General Director.

AUDITORS

The auditor of the Bank is Ernst & Young Vietnam Limited.

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") is pleased to present its report and the consolidated financial statements of the Bank and its subsidiary for the year then ended 31 December 2024.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management of the Bank is responsible for the consolidated financial statements of each financial year which give a true and fair view of the consolidated financial position of the Bank and its subsidiary and of the results of their consolidated operation and their consolidated cash flows for the year. In preparing these consolidated financial statements, the Board of Management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the consolidated financial statements; and
- prepare the consolidated financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Bank and its subsidiary will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the consolidated financial position of the Bank and its subsidiary and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Bank and its subsidiary and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Bank and its subsidiary have complied with the above requirements in preparing the accompanying consolidated financial statements for the financial year ended 31 December 2024.

STATEMENT BY THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of the Bank does hereby state that, in its opinion, the accompanying consolidated financial statements give a true and fair view of the consolidated financial position of the Bank and its subsidiary as at 31 December 2024, the results of their consolidated operations and their consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

Ms. Tran Tuan Anh
General Director

Soc Trang City, Vietnam

31 March 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Building a better working world

Reference: 12857966/68461453-HN

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") and its subsidiary as prepared on 31 March 2025 and set out on pages 6 to 76, which comprise of the consolidated statement of financial position as at 31 December 2024, the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

Board of Management of the Bank is responsible for the preparation and fair presentation of these consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal control as Board of Management of the Bank determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider the Bank's internal control relevant to the Bank and its subsidiary's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Bank's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY
Building a better working world

Audit opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Bank and its subsidiary as at 31 December 2024, and the results of their consolidated operations and their consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of consolidated financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited

Vu Tien Dung Deputy General Director Audit Practicing Registration Certificate No. 3221-2025-004-1	Hoang Thi Hong Minh Auditor Audit Practicing Registration Certificate No. 0761-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

31 March 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
as at 31 December 2024

B02/TCTD-HN

	Notes	Ending balance VND million	Beginning balance VND million
ASSETS			
Cash	**5**	**548,602**	**535,889**
Balances with the State Bank of Vietnam ("SBV")	**6**	**7,024,700**	**9,408,855**
Due from and loans to other credit institutions		**35,921,200**	**26,547,538**
Due from other credit institutions	7.1	34,021,200	26,547,538
Loans to other credit institutions	7.2	1,900,000	-
Held-for-trading securities		**340,337**	**1,076,343**
Held-for-trading securities	8	340,337	1,076,343
Derivatives and other financial assets	**9**	**89,061**	**19,848**
Loans to customers		**92,493,074**	**79,976,558**
Loans to customers	10	93,637,036	80,754,430
Provision for credit losses	11	(1,143,962)	(777,872)
Investment securities		**22,417,404**	**16,440,405**
Available-for-sale securities	12.1	2,729,322	346,650
Held-to-maturity securities	12.2	19,688,082	16,093,755
Provision for investment securities	12.2	-	-
Long-term investments		-	-
Other long-term investments		-	1,400
Provision for long-term investments		-	(1,400)
Fixed assets		**698,874**	**808,768**
Tangible fixed assets	*13*	*543,433*	*601,342*
Cost		1,125,997	1,146,737
Accumulated depreciation		(582,564)	(545,395)
Intangible fixed assets	*14*	*155,441*	*207,426*
Cost		385,100	398,979
Accumulated amortization		(229,659)	(191,553)
Other assets		**3,322,080**	**3,443,869**
Receivables	15.1	617,707	569,392
Interest and fees receivable	15.2	2,560,595	2,707,549
Other assets	15.3	157,326	177,936
Provision for other assets	15.4	(13,548)	(11,008)
TOTAL ASSETS		**162,855,332**	**138,258,073**

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued) B02/TCTD-HN
as at 31 December 2024

	Notes	Ending balance VND million	Beginning balance VND million
LIABILITIES			
Borrowings from the Government and the SBV	**16**	**222,891**	**9,020**
Due to and borrowings from other credit institutions		**38,416,167**	**26,621,774**
Due to other credit institutions	17.1	33,042,361	23,139,484
Borrowings from other credit institutions	17.2	5,373,806	3,482,290
Due to customers	**18**	**94,841,470**	**89,995,715**
Valuable papers issued	**19**	**17,678,260**	**11,551,170**
Other liabilities		**2,995,491**	**3,184,735**
Interests and fees payable	20.1	2,568,503	2,929,598
Other payables	20.2	426,988	255,137
TOTAL LIABILITIES		**154,154,279**	**131,362,414**
OWNERS' EQUITY			
Share capital	**22.1**	**7,139,413**	**4,776,827**
Share premium	**22.1**	**(237)**	**-**
Statutory reserves	**22.1**	**675,985**	**495,800**
Undistributed profit	**22.1**	**885,892**	**1,623,032**
TOTAL OWNERS' EQUITY		**8,701,053**	**6,895,659**
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		**162,855,332**	**138,258,073**

CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued) B02/TCTD-HN
as at 31 December 2024

CONSOLIDATED OFF-BALANCE-SHEET ITEMS

	Notes	*Ending balance VND million*	*Beginning balance VND million*
Guarantee for loans		50	50
Foreign exchange commitments	34.1	35,401,945	18,310,221
- *Spot foreign exchange commitments - buy*		*3,330,715*	*1,405,237*
- *Spot foreign exchange commitments - sell*		*83,194*	*1,405,388*
- *Swap commitments*		*31,988,036*	*15,499,596*
Letters of Credit	34.2	21,773	(2,654)
Other guarantees	34.2	825,609	1,030,439
Other commitments	34.2	8,804,949	6,707,990
Interest and receivable fees not yet collected	34.3	930,391	740,310
Written-off debts	34.4	381,176	404,171
Assets and other documents	34.5	212,919	410,669
TOTAL		**46,578,812**	**27,601,196**

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT
for the year ended 31 December 2024

B03/TCTD-HN

	Notes	*Current year VND million*	*Previous year VND million*
Interest and similar income	24	9,721,857	9,760,915
Interest and similar expenses	25	(6,910,284)	(7,761,017)
Net interest and similar income		**2,811,573**	**1,999,898**
Fee and commission income		231,629	189,796
Fee and commission expenses		(94,903)	(86,448)
Net fee and commission income	**26**	**136,726**	**103,348**
Net gain from trading of foreign currencies	**27**	**80,215**	**65,295**
Net gain from trading of investment securities	**28**	**19,009**	**77,648**
Other operating income		463,620	161,312
Other operating expenses		(9,780)	(10,665)
Net gain from other operating activities	**29**	**453,840**	**150,647**
TOTAL OPERATING INCOME		**3,501,363**	**2,396,836**
Personnel expenses		(759,118)	(666,384)
Depreciation and amortization charges		(101,538)	(98,915)
Other operating expenses		(704,570)	(704,424)
TOTAL OPERATING EXPENSES	**30**	**(1,565,226)**	**(1,469,723)**
Net operating profit before provision for credit losses		**1,936,137**	**927,113**
Provision expense of provision for credit losses	11	(804,839)	(115,168)
PROFIT BEFORE TAX		**1,131,298**	**811,945**
Current corporate income tax expense	21.1	(230,373)	(165,079)
PROFIT AFTER TAX		**900,925**	**646,866**
Basic earnings per share (VND/share)	**23**	**1,656**	**1,033**

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT
for the year ended 31 December 2024

B04/TCTD-HN

	Notes	Current year VND million	Previous year VND million
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Interest and similar receipts		9,868,811	8,704,639
Interest and similar payments		(7,271,379)	(6,895,930)
Net fee and commission receipts	26	136,726	103,348
Net receipts from dealing in foreign currencies, gold and securities		99,224	142,943
Other income		(9,335)	4,066
Recoveries from bad debts previously written-off	29	463,175	149,750
Payments for operating and salary expenses		(1,358,889)	(1,329,279)
Corporate income tax paid during the year	21	(247,156)	(108,743)
Net operating cash flows before changes in operating assets and liabilities		**1,681,177**	**770,794**
Changes in operating assets			
Decrease/(Increase) in due from and loans to other credit institutions		(1,900,000)	200,000
(Increase)/Decrease in investment securities		(2,240,993)	5,963,455
Decrease in derivatives and other financial assets		(69,213)	(229)
Increase in loans to customers		(12,882,606)	(17,121,464)
Decrease in allowance for credit losses		(463,175)	-
Decrease in other assets		56,675	1,648,609
Changes in operating liabilities			
Decrease in due to Government and the SBV		213,871	(1,257,369)
Increase/(Decrease) in due to and borrowings from other credit institutions		11,794,393	6,237,066
Increase in customer deposits		4,845,755	14,007,491
Increase/(Decrease) in valuable papers issued		6,127,090	6,429,000
(Decrease)/Increase in other liabilities		447,358	(7,028)
Net cash flows from operating activities		**7,610,332**	**16,870,325**
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Purchase of fixed assets		(443,142)	(125,221)
Proceeds from disposal of investment properties		324	-
Net cash flows used in investing activities		**(442,818)**	**(125,221)**

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT (continued)
for the year ended 31 December 2024

B04/TCTD-HN

	Notes	Current year VND million	Previous year VND million
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Increase in share capital from capital contributions and/or share issuance		934,706	-
Net cash flows from financing activities		**934,706**	**-**
Net cash flows during the year		**8,102,220**	**16,745,104**
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	**31**	**36,492,282**	**19,747,178**
Cash and cash equivalents at the end of the year	**31**	**44,594,502**	**36,492,282**

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

1. THE BANK'S INFORMATION

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") is a joint stock commercial bank incorporated and registered in the Socialist Republic of Vietnam.

The bank was established under License No. 2399/QD/NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 15 December 2006, and Business Registration Certificate No. 2200269805 issued by the Department of Planning and Investment of Soc Trang Province on January 12, 2007, with the 28th amendment made on 28 August 2023. License No. 2399/QD/NHNN of the bank has been replaced and supplemented by Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 24 February 2023. The Bank was established under Establishment and Operation License No. 1900/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 12 September 2024 and Establishment and Operation License No. 2758/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 25 December 2024. The bank's operating period is 50 years from 15 December 2006.

The current principal operations of the Bank during the year are to provided banking services including mobilizing and receiving short, medium and long-term deposits from various organizations and individuals; providing short, medium and long-term loans to various organizations and individuals based on the nature and capacity of the Bank's capital resources; foreign exchange, gold bar trading; international trade financing services; discount of commercial papers, bonds and other valuable papers; providing factoring services, cash management services, banking consultancy, finance, asset management, lease of the safe box; government bond, corporate bond trading; providing entrusting and entrusted loans; insurance agency; lease of part of offices, which are not fully used and owned by the Bank; settlement services and other banking services as allowed by the SBV.

Charter capital

The Bank's charter capital as at 31 December 2024 is VND7,139,413 million (31 December 2023: VND4,776,827 million).

Operation network

The Bank's head office is located at 47 Tran Hung Dao, 3rd Ward, Soc Trang City, Soc Trang Province, Vietnam. As at 31 December 2024, the Bank has one (1) head office, thirty (30) branches, one hundred and two (102) transaction offices in provinces and cities nationwide.

Employees

The Bank and its subsidiary have 2,864 employees as at 31 December 2024 (31 December 2023: 2,555 employees).

Subsidiary

As at 31 December 2024, the Bank has one (1) directly owned subsidiary as follow:

Subsidiary	*Operating License*	*Nature of Business*	*Share capital*	*Ownership*
Vietnam Thuong Tin Bank Asset Management Limited ("Vietbank AMC")	Decision No. 3158/QĐ-NHNN issued by the SBV on 29 December 2010 and initial Business Registration Certificate No. 0310898270 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the sixth on 12 June 2021.	Asset and liabilities management	VND5,000 million	100%

The principal operations of the subsidiary during the year are managing the loans; managing and exploiting collaterals; managing collateral documents; restructuring the loans; trading the loans with other credit institutions.

2. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

2.1 *Fiscal year*

Fiscal year applicable for the preparation of the Bank' consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.2 *Accounting currency*

The consolidated financial statements are prepared in Vietnam dong ("VND") which is also the Bank's currency. For the purpose of preparing these consolidated financial statements as at 31 December 2024, the data is rounded to millions and expressed in millions of Vietnam dong ("VND million"). This presentation does not impact the views of the readers of the financial statements on the consolidated statement of financial position, the consolidated income statement and the consolidated cash flows.

3. APPLIED ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

3.1 *Statement of compliance*

The Board of Management of the Bank confirms that the accompanying consolidated financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of consolidated financial statements.

3.2 *Accounting standards and system*

The consolidated financial statements of the Bank and its subsidiary have been prepared in accordance with the accounting system applicable to credit institutions required under Decision No. 479/2004/QD-NHNN issued on 29 April 2004, Circular No. 10/2014/TT-NHNN dated 20 March 2014 and Circular No. 22/2017/TT-NHNN dated 29 December 2017 amending and supplementing Decision No. 479/2004/QD-NHNN; Decision No. 16/2007/QD-NHNN dated 18 April 2007, Circular No. 49/2014/TT-NHNN amending and supplementing a number of articles of the financial reporting regime applicable to credit institution required under Decision No. 16/2007/QD-NHNN and others Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series No. 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series No. 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series No. 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series No. 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series No. 5).

3. APPLIED ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM (continued)

3.2 *Accounting standards and system* (continued)

Accordingly, the accompanying the consolidated financial statements and their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the consolidated financial position, consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

Items or balances required by Decision No. 16/2007/QĐ-NHNN dated 18 April 2007 and Circular No. 49/2014/TT-NHNN dated 31 December 2014 and Circular No. 27/2021/TT-NHNN dated 31 December 2021 on the financial reporting regime for credit institutions issued by the State Bank of Vietnam, which includes items with zero balances.

3.3 *Basis of consolidation*

The consolidated financial statements include the financial statements of the Bank and its subsidiary as at 31 December 2024.

The financial statements of the Bank and its subsidiary are prepared for the same reporting period and using consistent accounting policies.

All intra-group balances, income and expenses and unrealized profits/losses resulting from intra-group transactions are eliminated in full.

The financial statements of subsidiary are fully consolidated from the date when the control is transferred to the Bank. The control is achieved when the Bank has the power, directly or indirectly, to govern the financial and operating polices of subsidiary so as to obtain economic benefits from their activities. Business operating results of subsidiary acquired or disposed during the year are accounted appropriately in the consolidated income statement from the date of acquisition or up to the date of disposal.

3.4 *Basis of assumptions and uses of estimates*

The preparation of the consolidated financial statements requires the Board of Management make estimates and assumptions that affect the reported amount of assets and liabilities and disclosure of contingent liabilities. These estimates and assumptions also affect the income, expenses and the resultant provisions. Such estimates are necessarily based on assumptions involving varying degrees of subjectivity and uncertainty. Therefore, actual results may differ from estimates resulting in future changes in such items.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

4.1 Change in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Bank in the preparation of the separate financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Bank's financial statements for the year ended 31 December 2023, except for the following change in accounting policy:

The Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated 18 January 2024, regulates the establishment, organization, operation, early intervention, special control, reorganization, dissolution and bankruptcy of credit institutions; establishment, organization, operation, early intervention, dissolution and termination of operations of branches of foreign banks; establishment and operation of representative offices in Vietnam of foreign credit institutions and other foreign institutions performing banking operations; settlement of bad debts and collateral of bad debts of credit institutions, branches of foreign banks and wholly state-owned organizations authorized to buy, sell and settle debts. This law takes effect from 1 July 2024.

Decree No. 86/2024/NĐ-CP regulates amounts and methods of establishing risk provisions and use of provisions for management of risks arising from operations of credit institutions and foreign bank branches and cases in which credit institutions allocate forgivable interest ("Decree 86").

Decree 86 takes effect from 11 July 2024, replaces the regulations related to the provisioning levels and methods for risk provisions, as well as the use of provisions to address risks in Circular 11/2021/TT-NHNN ("Circular 11"). The Bank has implemented the provisioning and utilization of risk provisions in accordance with the regulations of Decree 86 during the year.

Circular 31/2024/TT-NHNN ("Circular 31") regulates the classification of assets in the operations of commercial banks, non-bank credit institutions, and foreign bank branches.

Circular 31/2024/TT-NHNN ("Circular 31") regulates the classification of assets in the operations of commercial banks, non-bank credit institutions, and foreign bank branches, effective from 11 July 2024, replacing Circular 11. Circular 31 amends the regulations related to debt classification in Circular 11. The main changes of Circular 31 affect the estimation of provisions as follows: it adds principles for classifying debts arising from letter of credit operations, outright purchase of documents presented under letters of credit, and some other operations.

Circular 21/2024/TT-NHNN ("Circular 21") stipulates the regulations concerning the operations of letters of credit and other business activities related to letters of credit.

Circular 21 take effect from 1 July 2024. The operations of letters of credit are regarded as a form of credit extension through the issuance, confirmation, negotiation, payment, and reimbursement of letters of credit. Contracts and agreements related to this operation signed prior to the effective date of Circular 21 shall continue to be executed until their expiration and the completion of obligations. Amendments, supplements, and extensions may only be made if they are in accordance with Circular 21.

Circular 06/2024/TT-NHNN ("Circular 06") dated 18 June 2024, amends and supplements certain provisions of Circular 02/2023/TT-NHNN ("Circular 02") dated 23 April 2023, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam, which regulates the restructuring of debt repayment terms and the maintenance of debt classification by credit institutions and foreign bank branches to support customers facing difficulties. This Circular shall take effect from 18 June 2024.

Circular 53/2024/TT-NHNN ("Circular 53") dated 4 December 2024, stipulates the restructuring of debt repayment terms by credit institutions and foreign bank branches for customers facing difficulties due to the impacts and damages caused by Storm No. 3, including flooding, landslides, and other related disasters. This Circular shall take effect from 04 December 2024.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.2 *Cash and cash equivalents*

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, current accounts at the SBV, current deposits and placements with banks with an original maturity of three months or less from the transaction date, securities with recovery or maturity of three months or less from date of purchase which can be converted into a known amount of cash and do not bear the liquidity risk.

4.3 *Deposits and loans to other credit institutions*

Due from and loans to other credit institutions are presented at the principal amounts outstanding at the end of the financial year.

The classification of credit risk for deposits and loans to other credit institutions, along with the corresponding provisions, is carried out in accordance with the regulations of Decree 86 and Circular 31, which govern asset classification, provisioning rates, provisioning methods, and the utilization of provisions for risk management in the operations of credit institutions and foreign bank branches.

Accordingly, the Bank and its subsidiary makes a specific provision for placements with (except for current accounts) and loans to other credit institutions in accordance with the method described in *Note 4.5*.

According to Decree 86, the Bank is not required to make general provisions for deposits with and loans to other credit institutions.

According to Circular 31, for deposits held by credit institutions that are under special control as stipulated in Clause 9, Article 174 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, the Bank classifies these deposits as standard debt.

4.4 *Loans to customers*

Loans to customers are presented at the principal amounts outstanding at the end of the financial year. Provisions for credit risk of customer loans shall be accounted for and presented as a consolidated line item on the consolidated financial statements.

Short-term loans are loans with term of less than one year from the date of disbursement. Medium-term loans have term of 1 to 5 years from the date of disbursement. Long-term loans are loans with term of over 5 years from the date of disbursement.

The classification of debt and the establishment of credit risk provisions are carried out in accordance with Decree 86 and Circular 31, as presented in *Note 4.5*.

4.5 *Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank and its subsidiary, loans to customers, entrusted for grant by the Bank and its subsidiary and other credit risk bearing assets*

4.5.1 *Debt classification and credit risk provisioning*

The classification of debt for deposits and loans to other credit institutions, purchases and delegated purchases of unlisted corporate bonds, customer loans, delegated credit facilities, and credit risk assets (collectively referred to as "debts") is carried out using quantitative methods prescribed in Article 10 of Circular 31. According to this method, loans to customers are classified into the following risk categories: Standard Debt, Watchlist Debt, Substandard Debt, Doubtful Debt, and Loss Debt based on delinquency status. Debts classified as Substandard, Doubtful, and Loss are considered non-performing loans.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank and its subsidiary, loans to customers, entrusted for grant by the Bank and its subsidiary and other credit risk bearing assets (continued)

4.5.1 Debt classification and credit risk provisioning (continued)

The general provision as of 31 December 2024, is established at a rate of 0.75% of the total outstanding balance as of 31 December 2024, of debts excluding deposits and loans to other credit institutions and purchases of commercial papers, bonds, deposit certificates, and bonds issued by other domestic branches of foreign banks and credit institutions.

The specific provisions as of 31 December 2024 are determined by multiplying the remaining balance after deducting the value of collateral assets by the provision rate according to the classification of debt groups as of 31 December 2024. The determination of the value and deduction value of each type of collateral asset is specified in Decree 86.

The specific provision rates for each group are presented as follows:

Group		*Quantitative loan classification*	*Provision rate*
1	Current	(a) Current debts are assessed as fully and timely recoverable for both principals and interests; or (b) Debts are overdue for a period of less than 10 days and assessed as fully recoverable for both overdue principals and interests, and fully and timely recoverable for both remaining principals and interests.	0%
2	Special mention	(a) Debts are overdue for a period of between 10 days and 90 days; or (b) Debts of which the repayment terms are restructured for the first time.	5%
3	Sub - Standard	(a) Overdue debts from 91 days to 180 days; or (b) Restructured debts for the first time; or (c) Debts waived or reduced interest due to customers' inability to fully repay according to the agreement; or (d) Debts falling into one of the following cases that have not been recovered within 30 days from the date of the recovery decision: ▪ Debt violating the provisions of Clauses 1, 3, 4, 5, 6 of Article 134 of the Law on Credit Institutions; or ▪ Debt violating the provisions of Clauses 1, 2, 3, 4 of Article 135 of the Law on Credit Institutions; or ▪ Debt violating the provisions of Clauses 1, 2, 5, 9 of Article 136 of the Law on Credit Institutions. (e) Debts within the recovery period according to inspection or examination conclusions; (f) Debts to be recovered according to the pre-maturity recovery decision of a credit institution, foreign bank branch due to customers' violation of credit contracts with the credit institution, foreign bank branch, which have not been recovered within 30 days from the date of the recovery decision; or (g) Upon request by the State Bank of Vietnam based on inspection results, supervision, and related credit information.	20%

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 *Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank and its subsidiary, loans to customers, entrusted for grant by the Bank and its subsidiary and other credit risk bearing assets* (continued)

4.5.1 *Debt classification and credit risk provisioning* (continued)

Group		*Quantitative loan classification*	*Provision rate*
4	Doubtful	(a) Overdue debts from 181 days to 360 days; or (b) Restructured debts with the first overdue payment exceeding 90 days according to the first restructuring period; or (c) Restructured debts with the second restructuring period; or (d) Debts specified in point (d) of Group 3 debts that have not been recovered within 30 to 60 days from the date of the recovery decision; or (e) Debts to be recovered according to inspection or examination conclusions, but exceeding the recovery period stated in the inspection conclusion by up to 60 days and still not recovered. (f) Debts to be recovered according to the pre-maturity recovery decision of a credit institution, foreign bank branch due to customers' violation of the agreement with the credit institution, foreign bank branch, which have not been recovered within 30 to 60 days from the date of the recovery decision; or (g) Upon request by the State Bank of Vietnam based on inspection results, supervision, and related credit information.	50%
5	Loss	*(a)* Overdue debts exceeding 360 days; or *(b)* Restructured debts with the first overdue payment of 91 days or more according to the first restructuring period; or *(c)* Restructured debts with the second restructuring period and overdue according to the second restructuring period; or *(d)* Restructured debts with the third or subsequent restructuring period, whether overdue or not; or *(e)* Debts specified in point (d) of Group 3 debts that have not been recovered within more than 60 days from the date of the recovery decision; or *(f)* Debts to be recovered according to inspection conclusions but exceeding the recovery period stated in the inspection conclusion by more than 60 days and still not recovered; or *(g)* Debts to be recovered according to the pre-maturity recovery decision of a credit institution, foreign bank branch due to customers' violation of the agreement with the credit institution, foreign bank branch, which have not been recovered for more than 60 days from the date of the recovery decision; or *(h)* Debts of customers who are credit institutions announced by the State Bank of Vietnam to be placed under special control or foreign bank branches with frozen capital and assets; or *(i)* Upon request by the State Bank of Vietnam based on inspection results, supervision, and related credit information.	100%

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 *Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank and its subsidiary, loans to customers, entrusted for grant by the Bank and its subsidiary and other credit risk bearing assets* (continued)

4.5.1 Debt classification and credit risk provisioning (continued)

In case a customer has more than one debt with a bank and any of the debts are classified into a higher-risk debt group, the bank will classify the remaining debts of that customer into the corresponding higher-risk debt group based on the level of risk.

In the event that a customer's debt is classified into a lower-risk debt group than the group specified in the list provided by the Credit Information Center of Vietnam State Bank ("CIC"), the bank must adjust the debt classification results according to the debt group provided by CIC.

When a bank participates in lending with co-financing but not as the lead bank, the bank classifies the debts (including co-financing loans) of that customer into a higher-risk group based on the evaluation of both the lead bank and the participating bank.

4.5.2 Restructuring repayment terms, interest waiver or reduction, fee waiver or reduction, maintaining the debt group to support customers:

From 13 March 2020 to 30 June 2022, the Bank implemented a policy for restructuring debt repayment terms, waiving and reducing interest and fees, and maintaining the debt classification for loans that met the conditions of Circular No. 01/2020/TT-NHNN dated 13 March 2020 ("Circular 01"), Circular No. 03/2021/TT-NHNN ("Circular 03") dated 02 April 2021, and Circular No. 14/2021/TT-NHNN ("Circular 14") dated 7 September 2021, issued by the State Bank, which regulates the restructuring of debt repayment terms, waiving and reducing interest and fees, and maintaining debt classification by credit institutions and foreign bank branches to support customers affected by the COVID-19 pandemic.

Disbursement date	*Overdue status*	*Overdue period*	*Principle of maintaining the debt group*
Before 1 August 2021	Within the deadline or overdue by up to 10 days	From 30 March 2020 to 30 June 2022	Maintain the classified debt group at the most recent time before 23 January 2020 or the classified debt group at the most recent time before the first restructuring of the repayment term
Before 23 January 2020	Overdue	From 23 January 2020 to 29 March 2020	Maintain the classified debt group at the most recent time before 23 January 2020
From 23 January 2020, to 10 June 2020		From 23 January 2020 to 17 May 2021	Maintain the classified debt group at the most recent time before the date the debt was classified as overdue
From 10 June 2020 to 1 August 2021		From 17 July 2021 to 7 September 2021	

For loans, which repayment term was restructured, interest and/or fees were exempted or reduced, and loan classification was retained, are overdue under restructured repayment term and not continued to restructure under current regulations, the Bank makes loan classification and provision in accordance with Decree 86 and Circular 31.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 *Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank and its subsidiary, loans to customers, entrusted for grant by the Bank and its subsidiary and other credit risk bearing assets* (continued)

4.5.3 Specific provisions are made for customers with restructured loan balances, interest or fee exemptions or reductions, and maintained debt classification

The Bank makes specific provision for customers with debts that have been restructured on term basis and are subject to loan classification retention according to the following formula:

$$C = A - B$$

In which:

C: Additional specific provision;

A: Specific provision to be made for all outstanding loan balance of customers according to the results of loan classification under Decree 86 and Circular 31 *(Note 4.5.1)*;

B: Total specific provision to be made for the outstanding balance of loans applying loan classification under the policy of loan classification retention *(Note 4.5.2)* and specific provision to be made for remaining loan balances of the customers according to the results of loan classification under Decree 86 and Circular 31 (Note *4.5.1)*.

Additional specific provision (called as C) is made by the Bank when preparing financial statements, ensuring the provisioning at as follows:

- For loans that fall under the policy of loan restructuring and loan classification retention as prescribed in Circular 01, Circular 03 and Circular 14:
  - By 31 December 2022: At least 60% of the additional specific provision must be made;
  - By 31 December 2023: 100% of the additional specific provision must be made.

4.5.4 Write-off bad debts

Provisions are recognized as an expense in the consolidated income statement and are utilized to address bad debts. According to Decree 86 and Circular 31, the Bank establishes a risk settlement committee to handle bad debts if they are classified in group 5 or if the borrower is an organization that is dissolved or bankrupt, or an individual who is deceased or missing.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.6 Securities held for trading

4.6.1 Classification and recognition

Securities held for trading include debt securities purchased for trading purposes. Securities held for trading are initially recognized at cost on transaction date.

4.6.2 Measurement

Periodically, securities held for trading will be assessed for diminution in value.

Securities held for trading are recognized at the lower of book value of the securities and its market value. Provision for diminution in value of securities held for trading is made when book value of the securities is higher than its market value. The provision is not applicable to Government bonds, government-guaranteed bonds, and local government bonds. Provision for diminution is recognized to the consolidated income statement at "Net gain from securities held for trading".

Provision for securities held for trading which is mentioned above is reversed when the recoverable amount of securities held for trading increases after the provision is made as a result of an objective event. Provision is reversed up to the gross value of these securities before the provision is made.

Gains or losses from sales of trading securities are recognized in the consolidated income statement.

Interest derived from securities held for trading are recognized on cash basis in the consolidated income statement.

4.6.3 De-recognition

Securities held for trading are de-recognized when the rights to receive cash flows from these securities are terminated or the Bank transfers substantially all the risks and rewards of ownership of these securities.

4.7 Available-for-sale securities

4.7.1 Classification and recognition

Available-for-sale securities include debt and equity securities acquired by the Bank and its subsidiary for investment and available-for-sale purposes, not regularly traded but can be sold when there is a benefit.

Available-for-sale debt securities are recognized at par value at the purchase date. Accrued interest (for debt securities with interest payment in arrears) and deferred interest (for debt securities with interest payment in advance) is recognized in a separate account. Discount/premium which is the difference between the cost and the amount being the par value plus (+) accrued interest (if any) or minus (-) deferred interest (if any) is also recognized in a separate account.

In subsequent periods, these securities are continuously recorded at par value, and the discount/premium (if any) is amortized to the consolidated income statement on a straight-line basis over the remaining term of securities. Interest received in arrears is recorded as follows: Cumulative interest incurred before the purchasing date is recorded as a decrease in the accrued interest; cumulative interest incurred after the purchasing date is recognized as income based on the accumulated method. Interest received in advance is amortized into the securities investment interest income on a straight-line basis over the term of securities investment.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.7 Securities held for trading (continued)

4.7.2 Measurement

Periodically, securities held for sale will be assessed for potential price reductions.

Securities held for sale are provisioned for price reductions when their carrying value exceeds the market value. The provision does not include Government bonds, Government-guaranteed bonds, and local government bonds. The provision for price reductions is recorded in the consolidated statement of comprehensive income under the item "*Net gain/(loss) from trading of investment securities*".

For corporate bonds that are not listed on the stock market or not traded on the trading market of public unlisted companies, the bank establishes provisions for risk according to Decree 86, as presented in Note 4.5 of the explanatory notes.

4.8 Held-to-maturity securities

Held-to-maturity investment securities are debt securities purchased by the Bank and its subsidiary for the investment purpose of earning dividend and the Bank and its subsidiary have the capability and intention to hold these investments until maturity. Held-to-maturity securities have the determined value and maturity date. In case the securities are sold before the maturity date, these securities will be reclassified to securities held for trading or available-for-sale securities.

Held-to-maturity securities are recognized in the similar as available-for-sale debt securities are presented in *Note 4.7.*

4.9 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises of its purchase price plus any directly attributable costs of bringing the asset to working condition for its intended use.

Cost related to additions, improvements and renewals are capitalized while expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

4.10 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortization.

The cost of an intangible fixed asset comprises of its purchase price plus any directly attributable costs of bringing the asset to working condition for its intended use.

Cost related to additions, improvements and renewals are capitalized while expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement.

When intangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.11 Depreciation and amortization

Depreciation of tangible fixed assets and amortization of intangible fixed assets are calculated under the straight-line method during the estimated useful lives of the assets as follows:

Buildings and structures	3 - 50 years
Transportation vehicles and transmission equipment	3 - 8 years
Machinery and equipment	6 - 10 years
Other tangible fixed assets	4 - 15 years
Computer software	3 - 15 years

Infinite land use rights granted by the Government are not amortized. Definite term land use rights are amortized over the term of use.

4.12 Leased assets

4.12.1 Lessee

Rentals under operating lease contracts are charged to the consolidated income statement as *"Other operating expenses"* on a straight-line basis over the term of the lease.

4.12.2 Lessor

The bank recognizes operating lease assets on the consolidated financial position report. Operating lease revenue is recognized on a straight-line basis in the 'Other Income' item on the consolidated income statement throughout the lease term, regardless of the payment method. Operating lease expenses, including depreciation of leased assets, are recognized as expenses in the year they are incurred.

4.13 Receivables

4.13.1 Receivables classified as credit risk assets

Receivables and outstanding loans sold on credit are classified as credit risk assets and recognized at cost. Overdue receivables are classified and made provision for credit risk by the Bank and its subsidiary in accordance with laws and regulations presented in *Note 4.5.*

4.13.2 Other receivables

Receivables other than receivables classified as credit risk assets are initially recognized at cost.

Provision for receivables is set up based on the aging schedule of overdue receivables or expected losses which may occur in case where the receivables have not been due for payment but an economic organization is bankrupted or liquidated; or individual debtor is missing, run away, being prosecuted, under a trial or serving sentences or dead. Provision expense is recognized into *"Other operating expenses"* for the year.

For overdue receivables, the provision level is determined as follows:

Overdue	*Provision rate*
From six (6) months up to less than one (1) year	30%
From one (1) year up to less than two (2) years	50%
From two (2) years up to less than three (3) years	70%
From three (3) years and above	100%

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.14 Prepaid expenses and deferred expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the consolidated statement of financial position and amortized over the period for which the amount is paid or the period in which economic benefit is generated in relation to these expenses.

4.15 Due to and borrowings from other credit institutions, customers deposits and valuable papers issued

The debts of the State Bank of Vietnam, deposits and borrowings from other credit institutions, customer deposits, and issued risky securities are disclosed and presented based on the principal balance at the end of the accounting period. At the initial recognition, the issuance costs of bonds are deducted from the principal balance of the bonds. The bank gradually allocates these costs to *"Interest expenses and similar costs"* using a straight-line method appropriate to the term of the securities.

4.16 Payables and accruals

Payables and accrued expenses are recorded for amounts owed in the future related to goods and services received, regardless of whether the bank has received invoices from the suppliers or not.

4.17 Classification for off-balance sheet commitments

Off-balance sheet commitments include guarantees, acceptances and non-cancellable loan commitments with specific effective date.

The classification of off-balance sheet commitments is made solely for the purpose of managing and monitoring the quality of credit granting activities in accordance with the classification policy applicable to loans as described in Note 4.5.

According to Circular 31 and Decree 86, banks are not required to make provisions for off-balance sheet commitments.

4.18 Fiduciary assets

Assets held in trust or in a fiduciary capacity are not considered as assets of the Bank and its subsidiary and are not reported in the consolidated financial statements of the Bank and its subsidiary.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.19 Derivatives

The Bank and its subsidiary involve in currency forward contracts and currency swap contracts to facilitate customers to transfer, modify or minimize foreign exchange risk or other market risks, and also for the business purpose of the Bank and its subsidiary.

Currency forward contracts

The currency forward contracts are purchase/sale of foreign currencies commitments to settle in cash on a pre-determined future date based on pre-determined exchange rates. The currency forward contracts are recognized at nominal value at the transaction date and are revalued for the reporting purpose at the exchange rate at the reporting date, unrealized gain or losses are recognized in the *"Foreign exchange differences"* under *"Owners' equity"* in the consolidated statement of financial position and will be transferred to the consolidated income statement at the end of the financial year. The premium or discount derived from the difference between spot rate and forward rate are recorded at contract date as assets if positive or liabilities if negative in consolidated statement of financial position. The difference is amortized to the consolidated income statement on straight-line basis over the forward contract period.

Swap contracts

The swap contracts are commitments to settle in cash on a pre-determined future date based on the difference between pre-determined exchange rates calculated on the notional principal amount. The premium or discount resulting from the difference between the spot rate at the effective date of the contract and the forward rate will be recognized immediately at the effective date of the contract as an asset if positive or a liability if the negative on the consolidated statement of financial position. The difference will be amortized on a straight-line basis over the life of the swap contract to the consolidated income statement.

4.20 Share capital

4.20.1 Ordinary Share

Common stocks are classified as equity capital

4.20.2 Surplus of Share Capital

The bank reflects in the surplus of share capital account the portion of the increase difference resulting from issuing shares at a premium over par value, as well as the increase or decrease difference compared to the repurchase price when reissuing treasury shares. Additional costs directly related to the issuance price of common shares are recorded as a deduction from the surplus of share capital.

4.20.3 Statutory reserves

The Bank creates the following statutory reserves in compliance with Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, Decree No. 93/2017/NĐ-CP and the Bank's Charter as follow:

	Percentage of profit after tax	*Maximum balance*
Capital supplementary reserve	10% from profit after tax	100% of charter capital
Financial reserve	10% from profit after tax	Not regulated

Other funds belonging to owners' equity are appropriated from profit after tax. Appropriation from profit after tax and use of other funds must be approved by the General Meeting of Shareholders. These funds are not regulated by law and allowed to be distributed.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.21 *Recognition of income and expense*

Interest income and interest expense

Interest income and interest expenses are recognized in the consolidated income statement on an accrual basis. The accrued interest of debts which are classified in groups 2 to 5 in compliance with Circular 31 is not recognized in the consolidated income statement. The accrued interest income is reversed and monitored at off-balance sheet and recognized in the consolidated income statement upon actual receipt.

Service fees and commissions

Service fees and commissions are recognized when the services are provided.

Income from investment activities

The revenue from securities investment activities is determined based on the price difference between the selling price and the average cost of securities.

Dividends received in cash from investment activities are recognized as income when the bank's right to receive dividends is established. Dividends received in the form of additional shares and bonus shares are not recognized as income for the bank but are only updated in terms of the quantity of shares.

Other income

Other revenues are recognized based on the actual receipts.

According to Circular 16/2018/TT-BTC dated 7 February 2018, issued by the Ministry of Finance, which provides guidance on financial regulations for credit institutions and foreign bank branches, in cases where receivables that have been previously recognized as income are subsequently assessed as uncollectible or uncollectible at the due date, the bank shall reduce its revenue if it is in the same accounting period or recognize it as an expense if it is in a different accounting period. The bank should monitor these receivables off-balance sheet to facilitate collection. When these amounts are collected, the bank will recognize them as income in the consolidated financial statements.

4.22 *Debts trading operation*

The accounting treatment for debts purchased are recognized in accordance with Circular No. 09/2015/TT-NHNN dated 17 July 2015 and amended by Circular No. 18/2022/TT-NHNN dated 26 December 2022 providing guidance on the sale of debts of credit institutions and foreign bank branches.

Purchase debts

Debts purchased are initially recorded at purchase price and subsequently presented at cost less provision for credit losses. Price of debts purchased or sold is the settlement amount which the seller received under the debt purchase contract.

Debts purchased are initially classified in the risk group which is not lower than the risk group of the debts before the purchase. Subsequently, debts purchased are monitored, classified and provided for credit losses similar to normal loans to customers in accordance with Circular 31.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.22 *Debts trading operation* (continued)

Sale of debts

Revenue and expenses from debt sales are recognized in accordance with Circular No. 09/2015/TT-NHNN issued by the State Bank of Vietnam on 17 July 2015, as amended and supplemented by Circular No. 18/2022/TT-NHNN issued on 26 December 2022, regulating the debt trading activities of credit institutions and branches of foreign banks.

According to Circular No. 09/2015/TT-NHNN, the difference between the prices of debts purchased or sold and their book value are recorded as follows:

- For debts recorded in the consolidated statement of financial position:
  - If the sale price is higher than the book value of the debt, the difference shall be recorded as income of the Bank and its subsidiary in the year.
  - If the sale price is lower than the book value of the debt, the difference shall be used to offset against the indemnity paid by an individual or guarantor (in case such individual or guarantor is determined to be responsible for the damage and obliged to make indemnity under prevailing regulations), or the compensation paid by the insurer, or use of outstanding provision recognized as expense previously. The remaining balance (if any) shall be recognized as an operating expense of the Bank and its subsidiary in the year.
- For debts written-off and monitored off-balance sheet, the proceeds from sale of debts shall be recognized as other income of the Bank and its subsidiary.

Book value of debts sold is the book value of the principal, interest and related financial obligations (if any) of debts recorded in the statement of financial position or off-balance sheet at the date of debts sold; or the book value at the date of writing-off of debts; or the book value of debts written off previously at the date of debts sold.

Price of debts sold is the sum of consideration to be paid by a debt buyer to a debt seller under a debt purchase and sale contract.

4.23 *Foreign currency transactions*

In accordance with the accounting system of the Bank and its subsidiary, all transactions are recorded in original currencies. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated into VND using exchange rates ruling at the consolidated statement of financial position date (Note 40). Income and expenses arising in foreign currencies during the year are converted into VND at rates ruling at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from the translation of monetary assets and liabilities are recognized and followed in the "Foreign exchange differences" under "Owners' equity" in the consolidated statement of financial position and will be transferred to the consolidated income statement at the end of the financial year.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.24 Corporate income tax

Current corporate income tax

Current corporate income tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be paid to (or recovered from) the taxation authorities. The tax rates and tax laws are applied and enacted at the consolidated statement of financial position date.

Current corporate income tax is charged or credited to the consolidated income statement except when it relates to items recognized directly to equity, in this case the current corporate income tax is also recognized in equity.

Current corporate income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Bank and its subsidiary to offset current tax assets against current tax liabilities and when the Bank and its subsidiary intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Tax reports of the Bank and its subsidiary are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to various interpretations, amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination of the tax authorities.

Deferred corporate tax

Deferred corporate tax is provided on temporary differences at the consolidated statement of financial position date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for the financial reporting purposes.

Deferred corporate income tax payable is recognized for temporary taxable differences, except where:

- The deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- Taxable temporary differences associated with investments in subsidiary, associates and joint-ventures where the Bank and its subsidiary have the ability to control the timing of the reversal of the temporary difference and the temporary difference will not be reversed in the foreseeable future.

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except where:

- The deferred tax asset arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- For deductible temporary differences arising from investments in subsidiary, associates and joint ventures, deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that future taxable profits will become available temporary differences will be reversed in the foreseeable future and taxable profit will be available to utilize the temporary difference.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.24 *Taxation* (continued)

Deferred corporate tax (continued)

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each consolidated statement of financial position date and reduced to the extent that it is probable that sufficient taxable profits will be available to allow all or part of the asset to be recovered. Unrecognized deferred tax assets are reassessed at each consolidated statement of financial position date and are recognized to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset realized or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the consolidated statement of financial position date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

The company is only allowed to offset deferred income tax assets and deferred income tax liabilities when it has a legally enforceable right to offset current income tax assets against current income tax liabilities and when these deferred income tax assets and liabilities are related to corporate income tax managed by the same tax authority:

- For the same taxable entity; or
- The company plans to settle current income tax payable and current income tax assets on a net basis or simultaneously with the settlement of the liabilities in each future period when the significant components of the deferred income tax liabilities or deferred income tax assets are settled or realized.

4.25 *Offsetting*

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount is reported in the consolidated statement of financial position of the Bank and its subsidiary if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset financial assets against financial liabilities or vice-versa, and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the asset and settle the liability simultaneously.

4.26 *Employee benefits*

4.26.1 *Post-employment benefits*

Post-employment benefits are paid to retired employees of the Bank and its subsidiary by the Social Insurance Agency which belongs to the Ministry of Labor and Social Affairs. The Bank and its subsidiary are required to contribute to these post-employment benefits by paying social insurance premium to the Social Insurance Agency at the rate of 17.5% of an employee's basic salary and other allowance on a monthly basis. Other than that, the Bank and its subsidiary have no further obligation relating to post-employment benefits.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.26 Employee benefits (continued)

4.26.2 Voluntary resignation benefits

According to the Labor Code, the Bank and its subsidiary have the obligation, to pay allowance arising from voluntary resignation of employees, equal to one-half month's salary for each year of employment up to 31 December 2008 plus salary allowances (if any). From 1 January 2009, the average monthly salary used in this calculation is the average monthly salary of the latest six-month period up to the resignation date.

4.26.3 Unemployment insurance

From 1 January 2009, the Bank is required to contribute to the unemployment insurance fund at a rate of 1% of the wage and salary fund used as the basis for unemployment insurance contributions of employees participating in the scheme. Additionally, the Bank deducts 1% of each employee's monthly wage and salary for unemployment insurance contributions, which are paid simultaneously into the Unemployment Insurance Fund.

4.27 Related parties

The entities are considered related parties of the Bank and its subsidiary if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or significantly influence the other party in financial and operational decisions, or when the Bank, its subsidiary, and the other party are subject to common control or significant joint influence. Related parties can be companies or individuals, including close family members.

4.28 Segment reporting

A segment is a component determined separately by the Bank, which is engaged in providing products or related services (business segment) or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment). Each segment is subject to risks and returns that are different from those of other segments. The business segment of the Bank is derived mainly from the business segment.

4.29 Financial instruments

On 6 November 2009, the Ministry of Finance issued Circular No. 210/2009/TT-BTC ("Circular 210") providing guidance for the adoption of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments with effective from financial years beginning on or after 1 January 2011.

The Circular 210 only regulates the presentation of financial statements and disclosures financial instruments, therefore, the below definitions of financial assets, financial liabilities and other relating definitions are applied solely for the preparation of this note. The Bank and its subsidiary's assets and liabilities are still recognized and recorded in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Accounting System for Credit Institutions, regulations of the SBV and statutory requirements relevant to preparation and presentation of the consolidated financial statements.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.29 *Financial Instruments* (continued)

Financial assets

Under Circular 210, financial assets of the Bank and its subsidiary include cash, gold, precious stones, balances with the SBV and due from other credit institutions, loans to customers and other credit institutions, trading and investment securities, receivables and other financial assets.

Financial assets within the scope of Circular 210, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, are classified into either of the followings:

Financial asset at fair value through profit or loss

Financial asset at fair value through profit and loss is a financial asset that meets either of the following conditions:

a) It is classified as held for trading. A financial asset is classified as held for trading if:
   - ✓ It is acquired or incurred principally for the purpose of reselling or repurchasing it in the near term;
   - ✓ There is evidence of a recent actual pattern of short-term profit-taking; or
   - ✓ It is a derivative (except derivative that is a financial guarantee contract or effective hedging instrument).

b) Upon initial recognition, it is designated by the entity at fair value through profit or loss.

Held-to-maturity investments

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with determinable payments and fixed maturity that an entity has the positive intention and ability to hold to maturity other than:

a) Those that the entity upon initial recognition designates at fair value through profit or loss;

b) Those that the entity designates as available for sale;

c) Those meet the definition of loans and receivables.

Available-for-sale financial assets

Available-for-sale financial assets are those non-derivative financial assets that are designated as available for sale or are not classified as:

a) Loans and receivables;

b) Held-to-maturity investments;

c) Financial assets at fair value through profit or loss.

Loans and receivables:

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or measurable liquidity and are not listed in the market, except:

a) Financial assets which the Bank intends to sell immediately or in the near future are assets held for trading purpose, and are recognized at fair value through profit or loss at the beginning;

b) Financial assets which are classified as available-for-sale by the Bank at the beginning; or;

c) Financial assets which holders may not recover most of original investments, not due to impairment of credit quality and are classified as available-for-sale.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.29 *Financial instruments* (continued)

Financial liabilities

Under Circular 210, financial liabilities of the Bank and its subsidiary include borrowings from the SBV, due to and borrowings from other credit institutions, due to customers, derivatives, other payables and other financial liabilities.

Financial liabilities within the scope of Circular 210, for disclosures in the notes to the consolidated financial statements, are classified into either of the followings:

Financial liability at fair value through profit or loss:

Financial liability at fair value through profit and loss is a financial liability that meets either of the following conditions:

a) It is classified as held for trading. A financial liability is classified as held for trading if:
   - ✓ It is acquired or incurred principally for the purpose of reselling or repurchasing it in the near term;
   - ✓ There is evidence of a recent actual pattern of short-term profit-taking; or
   - ✓ It is a derivative (except derivative that is a financial guarantee contract or effective hedging instrument).

b) Upon initial recognition, it is designated by the entity as at fair value through profit or loss.

Financial liabilities at amortized cost

Financial liabilities that are not classified at fair value through profit or loss are classified at amortized cost.

Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount reported in the statement of financial position if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognized amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the assets and settle the liabilities simultaneously.

4.30 *Dividend income*

The Bank and its subsidiary present basic earnings per share for common shares. Basic earnings per share is calculated by dividing the allocated profit or loss to the shareholders holding common shares of the Bank and its subsidiary (after adjusting for the allocation of bonus and welfare funds) by the weighted average number of common shares outstanding during the year.

If the issuance of shares during the year only results in a change in the number of shares without affecting the capital source, the Bank and its subsidiary will adjust the weighted average number of common shares outstanding presented in the consolidated financial statements accordingly, leading to a corresponding adjustment to the basic earnings per share measure.

5. CASH

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	490,993	481,458
In foreign currencies	57,609	54,431
	548,602	**535,889**

6. BALANCES WITH THE STATE BANK OF VIETNAM ("SBV")

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	6,967,475	9,364,161
In US Dollars ("USD")	57,225	44,694
	7,024,700	**9,408,855**

Deposits at the State Bank of Vietnam (NHNN) include payment deposits and compulsory reserves at the State Bank of Vietnam. The average balance of payment deposits held by the Bank at the State Bank of Vietnam shall not be lower than the amount of required reserves for the month. The amount of required reserves for the month is calculated by multiplying the average balance of each type of deposit subject to compulsory reserves in the previous month by the corresponding reserve ratio.

The compulsory reserve rate regulated by the SBV at the end of the year as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposits and deposits with term of less than 12 months in VND	3.00	3.00
Demand deposits and deposits with term of less than 12 months in foreign currencies	8.00	8.00
Deposits with term of from 12 months and above in VND	1.00	1.00
Deposits with term of from 12 months and above in foreign currencies	6.00	6.00

The actual annual interest rates for deposits at the State Bank of Vietnam (NHNN) are as follows

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Compulsory reserves in VND	0.50	0.50
Compulsory reserves in foreign currency	0.00	0.00
Excess reserves in VND and foreign currency	0.00	0.00

7. DUE FROM AND LOANS TO OTHER CREDIT INSTITUTIONS

7.1 *Due from other credit institutions*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Demand deposits	**1,474,084**	**342,998**
In VND	91,611	52,682
In foreign currencies	1,382,473	290,316
Term deposits	**32,547,116**	**26,204,540**
In VND (*)	28,536,990	23,830,000
In foreign currencies	4,010,126	2,374,540
Total	**34,021,200**	**26,547,538**

Annual interest rates of due from other credit institutions at year-end are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposit		
- In VND	0.00	0.00
- In foreign currencies	0.00	0.00
Term		
- In VND	0.00 - 6.00	0.00 - 3.70
- In foreign currencies	4.75 - 5.10	5.30 - 5.65

(*) Including deposits for a special credit fund controlled with 0% interest rate according to the policy of the SBV Soc Trang Branch with the amount of VND66,000 million (31 December 2023: VND66,000 million).

7.2 *Loans to other credit institutions*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	**1,900,000**	-

The annual interest rates of loans to other credit institutions are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
In VND	5.50	Not application

7. DUE FROM AND LOANS TO OTHER CREDIT INSTITUTIONS (continued)

7.3 *Analysis of term deposits at and loans to other credit institutions by quality*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Current		
Term deposits	32,547,116	26,204,540
Loans to other credit institutions	1,900,000	-
	34,447,116	**26,204,540**

8. TRADING SECURITIES

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debt securities		
Certificates of deposit issued by other domestic credit institutions	-	1,076,343
Debt securities issued by the Government *(i)*	340,337	-
	340,337	**1,076,343**

(i) Government bonds have terms from 10 years to 15 years, bear interest rates from 2.30% p.a. to 2.80% p.a., interest is paid annually, and the principal is paid at maturity.

Listing status of held-for-trading securities as at year-end is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Government bonds		
- Listed	340,337	-
Debt securities issued by other domestic credit institutions		
- Unlisted	-	1,076,343
	340,337	**1,076,343**

9. DERIVATIVES AND OTHER FINANCIAL LIABILITIES

	Total contract nominal value (at contractual exchange rate) VND million	*Total carrying value (at exchange rate as at year-end)*	
		Assets VND million	*Liabilities VND million*
As at 31 December 2024			
Currency swap contracts	-	-	-
Currency forward contracts	14,947,377	89,061	-
	14,947,377	**89,061**	**-**
Net amount		**89,061**	
As at 31 December 2023			
Currency swap contracts	975	5	-
Currency forward contracts	6,286,466	19,843	-
	6,287,441	**19,848**	**-**
Net amount		**19,848**	

10. LOANS TO CUSTOMERS

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Loans to domestic economic entities, households and individuals	93,223,372	80,576,002
Payments on behalf of customers	42,524	2,725
Loans by commercial bill discount and other valuable papers	371,140	175,703
	93,637,036	**80,754,430**

The annual interest rates of loans to customers at the end of the year are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
In VND	0.30 - 29.25	0.30 - 29.25
In foreign currencies	4.00 - 7.40	3.00 - 9.40

10.1 Analysis of loans by quality

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Standard	90,288,767	77,114,842
Special mention	769,999	1,568,456
Substandard	583,717	397,017
Doubtful	496,483	251,044
Loss	1,498,070	1,423,071
	93,637,036	**80,754,430**

10. LOANS TO CUSTOMERS (continued)

10.2 *Analysis of loans by original term*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Short-term	58,480,666	62.45	50,433,686	62.45
Medium-term	17,826,226	19.04	12,850,110	15.92
Long-term	17,330,144	18.51	17,470,634	21.63
	93,637,036	**100**	**80,754,430**	**100**

10.3 *Analysis of loans by types of customers and ownership*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Household business, individuals	44,006,464	47.00	36,019,943	44.60
Other private limited companies	30,861,771	32.96	26,863,238	33.27
Other joint stock companies	17,817,151	19.03	16,588,494	20.54
Foreign direct invested companies	767,020	0.82	913,924	1.13
One-member limited liability companies with the State owning 100% of capital	124,128	0.13	227,058	0.28
Others	60,502	0.06	141,773	0.18
	93,637,036	**100**	**80,754,430**	**100**

10.4 *Analysis of loans by economic sector*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Households services, production of material products and services used by households	44,006,464	47.00	36,019,943	44.60
Real estate	17,228,200	18.40	16,015,253	19.83
Wholesale and retail trade, repair of motor vehicles, motor cycles and personal goods	8,177,995	8.73	8,465,055	10.48
Financial, banking and insurance activities	7,075,900	7.56	1,938,835	2.40
Construction	6,680,198	7.13	3,863,144	4.78
Processing and manufacturing	2,763,520	2.95	3,368,051	4.17
Accommodation and Dining Services	1,831,769	1.96	2,692,589	3.33
Healthcare and social assistance activities	1,511,411	1.61	1,716,476	2.13
Other service activities	4,361,579	4.66	6,675,084	8.28
	93,637,036	**100**	**80,754,430**	**100**

10. LOANS TO CUSTOMERS (continued)

10.5 *Analysis of loans by currency*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	93,267,210	79,974,696
In USD	369,826	779,734
	93,637,036	**80,754,430**

11. PROVISION FOR CREDIT LOSSES

Provision expenses for the year comprised of:

	Note	*Current year VND million*	*Previous year VND million*
Specific provision charged for loans to customers	11	708,782	20,596
General provision charged for loans to customers	11	96,057	131,347
General provision reversed for bonds issued by the local economic entity	12.2	-	(29,307)
Provision reversed for other credit risk assets	15.4	-	(7,468)
		804,839	**115,168**

Results of loan classification as at 31 December 2024 and corresponding provision for loan losses as required by Decree 86, Circular 31 and the Bank's policy on loan classification and provision:

Classification	*Balance VND million*	*Specific provision VND million*	*General provision VND million*	*Total provision VND million*
Standard	90,288,767	-	677,166	677,166
Special mention	769,999	8,977	5,775	14,752
Substandard	583,717	41,035	4,378	45,413
Doubtful	496,483	82,653	3,723	86,376
Loss	1,498,070	320,255	-	320,255
	93,637,036	**452,920**	**691,042**	**1,143,962**

Changes in provision for credit losses on loans to customers for the year ended as at 31 December 2024 are as follows:

	Specific provision VND million	*General provision VND million*	*Total VND million*
Beginning balance	182,887	594,985	777,872
Provision charged for the year	708,782	96,057	804,839
Provision used	(438,749)	-	(438,749)
Ending balance	**452,920**	**691,042**	**1,143,962**

11. PROVISION FOR CREDIT LOSSES (continued)

Changes in provision for credit losses on loans to customers for the year ended 31 December 2023 are as follows:

	Specific provision VND million	*General provision VND million*	*Total provision VND million*
Beginning balance	162,291	463,638	625,929
Provision charged for the year	20,596	131,347	151,943
Ending balance	**182,887**	**594,985**	**777,872**

12. INVESTMENT SECURITIES

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Available-for-sale investment securities	**2,729,322**	**346,650**
Government bonds	298,843	146,650
Bonds issued by other domestic credit institution	2,430,479	200,000
Held-to-maturity investment securities	**19,688,082**	**16,093,755**
Government bonds	8,337,826	8,342,364
Bonds issued by other domestic credit institution	7,500,000	5,100,000
State Treasury	3,000,000	-
Deposit certificates issued by local credit institutions	850,256	2,651,391
	22,417,404	**16,440,405**

12.1 Available-for-sale investments securities

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debt securities		
Government bonds (i)	298,843	146,650
Deposit certificates issued by other domestic credit institutions (ii)	2,430,479	200,000
	2,729,322	**346,650**

(i) Government bonds have terms from 10 years to 15 years, bear interest rates from 2.30% p.a. to 2.80% p.a., interest is paid annually, and the principal is paid at maturity.

(ii) Deposit certificates issued by other domestic credit institutions have terms from 7 months to 1 years, bear interest rates from 4.30% p.a. to 6.00% p.a., interest is paid annually and the principal is paid at maturity.

12. INVESTMENT SECURITIES (continued)

12.1 Available-for-sale investments securities (continued)

Listing status of available-for-sale debt securities as at year-end is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Government bonds		
- Listed	298,843	146,650
Debt securities issued by other domestic credit institutions		
- Unlisted	2,430,479	200,000
	2,729,322	**346,650**

12.2 Other held-to-maturity investment securities

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debt securities		
Government bonds *(i)*	8,337,826	8,342,364
Deposit certificates issued by other domestic credit institutions *(ii)*	7,500,000	5,100,000
State treasury *(iii)*	3,000,000	-
Bond issued by the local economic entity *(iv)*	850,256	2,651,391
	19,688,082	**16,093,755**

(i) Government bonds have terms from 10 years to 20 years, bear interest rate from 2.10% p.a to 3.60% p.a, interest is paid annually and the principal is paid at maturity.

(ii) Deposit certificates issued by other domestic credit institutions have terms from 6 months to 1 year, bear interest rate from 5.90% p.a. to 7.50% p.a, interest is paid annually and the principal is paid at maturity.

(iii) State treasury issued by the State Bank of Vietnam's Trading Center with a maturity of 28 days, bear interest rate from 3.99% p.a to 4.00% p.a, interest is paid at the beginning annually and the principal is paid at maturity.

(iv) Bond issued by other domestic financial institutions with maturities ranging from 3 months to 15 months, fixed/float interest rates from 3.00% per annum to 5.875% per annum, interest payments made annually, with principal repayment on the maturity date.

In which, the Bank is using the number of Government bonds and bonds issued by other domestic credit institutions with a total value of VND1,200,000 million and VND28,000 million to ensure borrowings other credit institutions and granted limits for transactions conducted with the SBV *(Note 33.2)*.

12. INVESTMENT SECURITIES (continued)

12.2 Other held-to-maturity investment securities (continued)

Listing status of other held-to-maturity investment securities as at year-end is as follows:

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Face value VND million	*Book value VND million*	*Face value VND million*	*Book Value VND million*
Government bonds	**8,290,000**	**8,337,826**	**8,290,000**	**8,342,364**
- *Listed*	8,290,000	8,337,826	8,290,000	8,342,364
Certificates of deposit	**7,500,000**	**7,500,000**	**5,100,000**	**5,100,000**
- *Unlisted*	7,500,000	7,500,000	5,100,000	5,100,000
Bonds issued by other domestic credit institutions	**838,000**	**850,256**	**2,638,000**	**2,651,391**
- *Listed*	538,000	550,256	538,000	551,391
- *Unlisted*	300,000	300,000	2,100,000	2,100,000
State Treasury	**3,000,000**	**3,000,000**	**-**	**-**
- *Unlisted*	3,000,000	3,000,000	-	-
	19,628,000	**19,688,082**	**16,028,000**	**16,093,755**

Movement of provision for held-to-maturity investment securities for the year is as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	-	29,307
Provision reversed for the year	-	(29,307)
Ending balance	**-**	**-**

Listing status of held-to-maturity securities (excluding special bonds issued by government, State Treasury) is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Standard		
Available-for-sale debt securities	2,430,479	200,000
Held-to-maturity investment securities	8,350,256	7,751,391
	10,780,735	**7,951,391**

13. TANGIBLE FIXED ASSETS

Movement of tangible fixed assets during the year are as follows:

	Buildings and structures VND million	*Office equipment VND million*	*Transportation vehicles VND million*	*Other tangible fixed assets VND million*	*Total VND million*
Cost					
Beginning balance	655,139	298,964	160,548	32,086	1,146,737
Purchased in the year	412	3,356	-	-	3,768
Transferred from construction in progress	2,508	12,462	8,780	-	23,750
Disposals	(33,866)	(10,726)	(2,622)	(1,044)	(48,258)
Ending balance	624,193	304,056	166,706	31,042	1,125,997
Accumulated depreciation					
Beginning balance	246,795	138,754	132,366	27,480	545,395
Depreciation charge for the year	23,371	33,962	5,287	674	63,294
Disposals	(13,139)	(10,726)	(1,216)	(1,044)	(26,125)
Ending balance	257,027	161,990	136,437	27,110	582,564
Net book value					
Beginning balance	408,344	160,210	28,182	4,606	601,342
Ending balance	367,166	142,066	30,269	3,932	543,433

Cost of tangible fixed assets fully depreciated but still in use as at 31 December 2024 is VND276,925 million (as at 31 December 2023: VND265,843 million).

14. INTANGIBLE FIXED ASSETS

Movements of intangible fixed assets during the year are as follows:

	Land use rights VND million	*Computer software VND million*	*Total VND million*
Cost			
Beginning balance	59,600	339,379	398,979
Transferred from construction in progress	-	4,591	4,591
Disposals	(16,469)	-	(16,469)
Other decreases	-	(2,001)	(2,001)
Ending balance	43,131	341,969	385,100
Accumulated amortization			
Beginning balance	-	191,553	191,553
Amortization charge for the year	-	38,244	38,244
Other decreases	-	(138)	(138)
Ending balance	-	229,659	229,659
Net book value			
Beginning balance	59,600	147,826	207,426
Ending balance	43,131	112,310	155,441

Cost of intangible fixed assets fully depreciated but still in use as at 31 December 2024 is VND2,380 million (31 December 2023: VND2,380 million).

15. OTHER ASSETS

15.1 Receivables

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Constructions in progress *(i)*	330,020	35,834
Deposits for office rental	62,273	55,228
Advance to employees	56,898	25,192
Collateral, mortgage, and pledge *(ii)*	52,384	51,222
Receivables from remittance operation	31,890	19,551
Advance payment to supplier	22,914	9,490
Foreclosed assets not yet transferred to the Bank	12,300	12,300
Shortage of assets awaiting resolution	10,416	10,796
Advances for resolving of collaterals	10,188	10,188
Receivables from deferred payment letters of credit with immediate payment terms	-	309,805
Other receivables	28,424	29,786
	617,707	**569,392**
Provision for receivables	(13,548)	(11,008)
	604,159	**558,384**

15. OTHER ASSETS (continued)

15.1 *Receivables* (continued)

(i) Constructions in progress include:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Land use rights at Tan Binh District, Ho Chi Minh City	86,800	-
Land use rights at District 3, Ho Chi Minh City	80,027	-
Land use rights at Binh Tri Dong Ward, Binh Tan District	50,020	-
Land use rights at An Cu Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City	39,800	-
Renovation costs	34,700	8,714
Computer software	14,990	23,104
Land use rights at Highway 13, Quarter 2, My Phuoc Ward, Ben Cat, Binh Duong	9,870	-
Purchase of transportation vehicles	7,168	-
Other assets	6,645	4,016
	330,020	**35,834**

Changes in purchase of fixed assets for the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	35,834	17,739
Increase in the year	439,375	113,695
Transfer to tangible fixed assets	(23,750)	(30,500)
Transfer to intangible fixed assets	(4,591)	(12,900)
Transfer to prepaid expenses	(116,848)	(52,200)
Ending balance	**330,020**	**35,834**

(ii) Collateral, mortgage and pledge:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Visa deposit	50,779	50,011
Other deposit	1,605	1,211
	52,384	**51,222**

15. OTHER ASSETS (continued)

15.2 *Interest and fees receivable*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Interest receivable from loans to customers	2,053,697	2,264,204
Interest receivable from investment securities	345,606	339,131
Interest receivable from deposits	155,747	103,176
Interest and fees receivable from currency swap transactions	5,545	1,038
	2,560,595	**2,707,549**

15.3 *Other assets*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Prepaid expenses *(i)*	91,372	119,499
Foreclosed assets *(ii)*	13,576	13,576
Tools and equipment	12,557	8,824
Others	39,821	36,037
	157,326	**177,936**

(i) Movement of prepaid expenses during the year is as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	119,499	130,567
Increase in the year	569,397	811,760
Allocate in the year	(597,534)	(822,828)
Ending balance	**91,362**	**119,499**

(ii) Detail of foreclosed assets are real estates which the ownership was fully transferred to the Bank and its subsidiary and is awaiting for resolving

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Real estate	**13,576**	**13,576**

15. OTHER ASSETS (continued)

15.4 Provision for other assets

The balance of provisions for other assets includes:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Provision for other assets		
- Advances for resolving of collaterals	10,188	10,188
- Shortage of assets awaiting resolution	2,540	-
- Provision for other assets	820	820
	13,548	**11,008**

Movement of provision for other assets during the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	**11,008**	**18,476**
Provision charged/(reversed) for credit risk assets	2,540	(7,468)
Ending balance	**13,548**	**11,008**

16. BORROWINGS FROM THE GOVERNMENT AND THE SBV

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Borrowings from discounting valuable papers *(i)*	215,774	-
Refinancing loans to support housing loans *(ii)*	7,117	9,020
	222,891	**9,020**

(i) Borrowings from discounting valuable papers at the year-end represent the sale of bonds to the SBV with a 14-day term, bearing an interest rate of 4% p.a.

(ii) Borrowings from the SBV at the year-end represent refinancing loans under the VND 30,000 billion real estate support package, bearing an interest rate of 3.30% p.a. (31 December 2023: 3.50% p.a.).

17. DUE TO AND BORROWINGS FROM OTHER CREDIT INSTITUTIONS

17.1 Due to other credit institutions

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Demand deposits	**1,297**	**1,144**
In VND	1,297	1,144
Term deposits	**33,041,064**	**23,138,340**
In VND	28,871,025	20,763,800
In USD	4,170,039	2,374,540
	33,042,361	**23,139,484**

Annual interest rate of due to other credit institutions at year-end is as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposits in VND	0.00	0.00 - 0.30
Term deposits in VND	3.80 - 6.00	0.50 - 3.65
Term deposits in USD	4.75 - 5.10	5.10 - 5.70

17.2 Borrowings from other credit institutions

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	5,300,000	3,001,953
In USD	73,806	480,337
	5,373,806	**3,482,290**

The annual interest rates of borrowings from other credit at the end of the year are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
In VND	5.50 - 6.20	5.92 - 6.57
In USD	5.05 - 5.38	5.99 - 6.89

18. DUE TO CUSTOMERS

18.1 *Analysis by products*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Demand deposits	**4,596,959**	**7,411,858**
Demand deposits in VND	4,549,855	7,333,797
Demand deposits in foreign currencies	47,104	78,061
Term deposits	**7,974,942**	**8,183,181**
Term deposits in VND	7,937,252	8,113,084
Term deposits in foreign currencies	37,690	70,097
Saving deposits	**82,167,416**	**74,295,928**
Saving deposits in VND	81,662,846	73,971,001
Saving deposits in foreign currencies	504,570	324,927
Margin deposits	**95,918**	**91,550**
Margin deposits in VND	95,910	91,542
Margin deposits in foreign currencies	8	8
Deposits for specific purposes	**6,235**	**13,198**
Deposits for specific purposes in VND	633	635
Deposits for specific purposes in foreign currencies	5,602	12,563
	94,841,470	**89,995,715**

Annual interest rates of due to customers at year-end are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposits in VND	0.00 - 0.50	0.00 - 0.50
Demand deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Term deposits in VND	0.30 - 9.85	0.00 - 11.80
Term deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Term saving deposits in VND	0.30 – 11.8	0.50 - 12.50
Term saving deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Margin deposits in VND	0.00 – 7.10	0.00 - 10.70
Margin deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Deposits for specific purposes in VND	0.00 - 0.30	0.00 - 0.30
Deposits for specific purposes in foreign currencies	0.00	0.00

18. DUE TO CUSTOMERS (continued)

18.2 Analysis by type of customers and by type of entities

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Economic entities	**7,757,034**	**8.18**	**10,794,346**	**11.99**
Other joint-stock companies	4,017,289	4.24	4,655,181	5.17
Other private limited companies	1,639,999	1.73	3,529,950	3.92
State-owned companies	496,593	0.52	961,829	1.07
Operation administration entities, the Party, unions, and associations	562,878	0.59	689,489	0.76
Foreign direct invested enterprises	200,482	0.21	213,975	0.24
Co-operatives and unions of co-operatives	63,181	0.07	139,886	0.16
Two or more members limited liability companies with the State owning over 50% of capital or controlled by the State	76,199	0.08	67,117	0.07
One-member limited liability companies with the State owning 100% of capital	15,627	0.02	35,119	0.04
Private enterprises	2,903	0.00	1,326	0.00
Joint-stock companies with the State owning over 50% of capital or ordinary shares; or controlled by the State	12,237	0.01	288	0.00
Partnership companies	1,527	0.00	685	0.00
Others	668,119	0.70	499,501	0.56
Individuals	**87,084,436**	**91.82**	**79,201,369**	**88.01**
	94,841,470	**100**	**89,995,715**	**100**

19. VALUABLE PAPERS ISSUED

Valuable papers issued by type of maturity are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Certificate of deposits less than 1 year	13,215,000	8,020,000
Certificate of deposits over 5 year	771,090	-
Bonds having term over 5 years	3,692,170	3,531,170
	17,678,260	**11,551,170**

The annual interest rates applicable to valuable papers issued are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Certificates of deposit less than 1 year	5.50 - 6.20	5.80 - 10.50
Certificates of deposit over 1 year	7.80	Not applicable
Bonds having term over 5 years	7.18 - 7.80	7.45 - 10.10

20. OTHER LIABILITIES

20.1 Interest and fees payable

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Interest payables for deposits	2,033,740	2,460,277
Interest payable from valuable papers issued	419,475	432,258
Interest payables for borrowings	113,535	17,767
Interest and fees payable related to currency swap transactions	1,753	19,296
	2,568,503	**2,929,598**

20.2 Other liabilities

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Internal payables	**104,799**	**107,567**
Payables to employees	91,651	35,284
Bonus and welfare fund *(i)*	13,148	72,283
External payables	**322,189**	**147,570**
Tax and other statutory obligations	70,055	82,503
Payments pending in payment operations	188,555	45,288
Unearned guarantee fee	16,434	11,177
Payable for remittance operation	46,374	5,252
Other payables	771	3,350
	426,988	**255,137**

20. OTHER LIABILITIES (continiued)

20.2 *Other liabilities* (continiued)

(i) The increase/(decrease) of the bonus and welfare fund during the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	**72,283**	**61,271**
Appropriation in year	30,000	18,000
Utilization during the year	(89,135)	(6,988)
Ending balance	**13,148**	**72,283**

21. TAXES AND OTHER OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET

	Beginning balance VND million	*Movement during the year*		*Ending balance VND million*
		Payables VND million	*Paid VND million*	
Value added tax	1,874	21,756	(22,182)	1,448
Corporate income tax	77,444	230,373	(247,156)	60,661
Personal income tax	3,185	55,543	(50,782)	7,946
Other taxes	-	*7,562*	*(7,562)*	-
	82,503	**315,234**	**(327,682)**	**70,055**

21.1 *Corporate income tax*

The Bank and its subsidiary have the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 20% of taxable profits.

The Bank and its subsidiary's tax reports are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amount reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

Current corporate income tax payables are determined based on taxable income of the year. Taxable income differs from the one reported in the consolidated income statement since taxable income excludes incomes which are taxable or expenses which are deducted in prior periods due to the differences between the Bank and its subsidiary's accounting policies and the tax regulations and excludes tax exempted income and non-deductible expenses. The current corporate income tax payable of the Bank and its subsidiary is calculated based on the statutory tax rates applicable at the year-end.

21. TAXES AND OTHER OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET (continued)

21.1 Corporate income tax (continued)

Provision for corporate income tax expense is computed as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Total profits before tax	**1,131,298**	**811,945**
Estimated income tax expense using tax rate applicable for the Bank and its subsidiary (20%)	226,260	162,389
Adjustments to increase	***3,933***	***2,690***
Non-deductible expenses	3,933	2,690
Adjustments to decrease	***(29)***	**-**
Income from real estate transfer	(15)	-
Loss carried forward from subsidiaries	(14)	-
Corporate income tax expense from business activities	**230,164**	**165,079**
Income from real estate transfer activities	75	-
Corporate income tax expense from real estate transfer activities	**15**	**-**
Additional tax payment from previous years	194	-
Current corporate income tax expense	**230,373**	**165,079**

22. CAPITAL AND RESERVES

22.1 *Movements of changes in owners' equity*

Movements of changes in owners' equity of the Bank and its subsidiary during the year are as follows:

Item	*Charter capital VND million*	*Financial reserve VND million*	*Capital supplementary reserve VND million*	*Financial reserve fund VND million*	*Undistributed profit VND million*	*Total VND million*
Beginning balance	**4,776,827**	**-**	**166,465**	**329,335**	**1,623,032**	**6,895,659**
Capital contribution increase during the year	934,706	(237)	-	-	-	934,469
Capital contribution increase from undistributed profits	1,427,880	-	-	-	(1,427,880)	-
Net profit during the year	-	-	-	-	900,925	900,925
Appropriation to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(30,000)	(30,000)
Appropriation to reserves	-	-	90,093	90,092	(180,185)	-
Ending balance	**7,139,413**	**(237)**	**256,558**	**419,427**	**885,892**	**8,701,053**

During the year, the Bank made the bonus and welfare fund according to the approval of the profit distribution plan for 2023 on 22 April 2024.

For the fiscal year ending 31 December 2024, the Bank has issued additional: (i) 93,470,601 shares to increase its capital from the existing shareholders and (ii) 142,788,059 shares to increase its capital from the owner's equity source. Accordingly, the Bank has recorded an increase in charter capital of an additional 2,362,586,600,000 VND from 4,776,826,690,000 VND to 7,139,413,290,000 VND.

22.2 *Share capital*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Quantity of shares	*Value VND million*	*Quantity of shares*	*Value VND million*
Approved share capital	**713,941,329**	**7,139,413**	**477,682,669**	**4,776,827**
Issued share capital	**713,941,329**	**7,139,413**	**477,682,669**	**4,776,827**
Common shares	713,941,329	7,139,413	477,682,669	4,776,827
Outstanding shares	**713,941,329**	**7,139,413**	**477,682,669**	**4,776,827**
Common shares	713,941,329	7,139,413	477,682,669	4,776,827

As at 31 December 2024, par value of each common share is VND10,000.

23. BASIC EARNINGS PER SHARE

Basic earnings per share amounts are calculated by dividing net profit after tax for the year attributable to ordinary shareholders of the Bank and its subsidiary (after adjusting for the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Information for basic earnings per share calculation of the Bank and its subsidiary are as follows:

	Current year	*Previous year Restated*
Profit attributable to ordinary shareholders (VND million)	900,925	646,866
Adjustment to decrease due to deduction of bonus and welfare fund (million VND)	-	(30,000)
Profit distribution for common shares (million VND)	900,925	616,866
Weighted average number of outstanding ordinary shares in the year (unit)	544,036,681	597,103,375
Basic earnings per share (VND/unit)	1,656	1,033

As of December 31, 2024, the par value of each common share of the Bank is 10,000 Vietnamese dong

The profit or loss after tax allocated to shareholders of common shares of the Bank is the adjusted figure for the allocation of reward and welfare funds. As of the accounting period ending on 31 December 2024, these figures do not deduct the allocation of reward and welfare funds as there has been no decision from the Shareholders' General Meeting yet.

24. INTEREST AND SIMILAR INCOME

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Interest income from loans to customers	7,647,911	7,883,096
Interest income from securities investments	848,415	888,460
Interest income from deposits	1,126,668	898,762
Income from guaranteed service	9,620	8,661
Other income from credit activities	89,243	81,936
	9,721,857	**9,760,915**

25. INTEREST AND SIMILAR EXPENSES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Interest expense on deposits	5,811,306	7,057,019
Interest expense on valuable papers issued	890,831	625,097
Interest expense on borrowings	203,962	69,309
Other credit activities expenses	4,185	9,592
	6,910,284	**7,761,017**

26. NET FEE AND COMMISSION INCOME

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Fees and commission incomes	**231,629**	**189,796**
Income from settlement services	126,652	79,728
Income from card services	62,098	67,568
Income from service activity	15,708	15,423
Other incomes	27,171	27,077
Fees and commission expenses	**(94,903)**	**(86,448)**
Expense from card services	(55,611)	(61,033)
Expense from payment services	(24,943)	(17,068)
Expense on consultant fee	(9,089)	(6,853)
Other expenses	(5,260)	(1,494)
Net profit from service operations	**136,726**	**103,348**

27. NET GAIN FROM TRADING OF FOREIGN CURRENCIES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Income from trading of foreign currencies	**179,588**	**197,562**
Income from spot foreign exchange trading	99,860	73,172
Income from currency derivative financial instruments	79,728	124,390
Expense from trading of foreign currencies	**(99,373)**	**(132,267)**
Expense from spot foreign exchange trading	(31,017)	(51,800)
Expense from currency derivative financial instruments	(68,356)	(80,467)
	80,215	**65,295**

28. NET GAIN FROM TRADING OF INVESTMENT SECURITIES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Income from trading of investment securities	21,212	79,782
Expense on trading of investment securities	(2,203)	(2,134)
	19,009	**77,648**

29. NET GAIN FROM OTHER OPERATING ACTIVITIES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Other incomes	**463,620**	**161,312**
Income from recovery of written-off bad debts	463,175	149,750
Income from deposit for asset transfer	-	8,604
Income from disposal of fixed assets	324	1,966
Other incomes	121	992
Other expenses	**(9,780)**	**(10,665)**
Other operating expenses	(8,801)	(10,637)
Expenses from disposal of fixed assets	(979)	(28)
	453,840	**150,647**

30. OPERATING EXPENSES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Employee expenses	**759,118**	**666,384**
- Salary and allowances	621,966	527,705
- Salary related expenses	62,792	57,724
- Other allowances	74,360	80,955
Expenses relating to asset	**409,192**	**422,160**
- Expense on assets rental	196,052	183,125
- Expense on repairing and maintenance	98,292	126,522
- Depreciation and amortization expenses	101,538	98,915
- Expense on tools and equipment	12,102	12,027
- Expense from assets insurance	1,208	1,571
Other operating expenses	**396,916**	**381,179**
- Expense on deposit insurance	125,258	101,773
- Expense on advertising and marketing	44,582	57,953
- Expense on postal and communication	21,222	31,469
- Expense on meeting, conference and protocol	37,608	28,229
- Electricity and water expenses	30,584	26,449
- Non-deductible value added tax expense	16,073	17,547
- Business trip expense	9,491	9,525
- Materials and printing expense	7,127	7,596
- Oil and gas expense	5,795	6,235
- Other operating expenses	96,636	94,403
- Provision expense for other assets	2,540	-
	1,565,226	**1,469,723**

31. CASH AND CASH EQUIVALENTS

Cash and cash equivalents as referred to in the consolidated cash flow statement comprise of the following items in the consolidated statement of financial position:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Cash	548,602	535,889
Balances with the SBV	7,024,700	9,408,855
Demand deposit at other credit institutions	1,474,084	342,998
State Treasury	3,000,000	-
Deposits at other credit institution with term not exceeding three (3) months	32,547,116	26,204,540
	44,594,502	**36,492,282**

32. EMPLOYEES' INCOME

	Current year	*Previous year*
I. Total average number of employees (person)	**2,667**	**2,561**
II. Employees' Income *(VND million)*		
1. Total salary fund and bonus	621,966	527,705
2. Other income	74,360	80,955
3. Total Income (1+2)	**696,326**	**608,660**
4. Average salary per capita	19.43	17.17
5. Average income per capita	21.76	19.81

33. COLLATERALS AND MORTAGES

33.1 *Assets, valuable papers received for mortgage and pledge*

The table below presents the types and collateral values of customer loans based on the book value as of the end of the year as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Real estate properties	147,620,415	110,069,910
Valuable papers	22,163,111	11,355,585
Movable assets	5,159,176	2,469,402
Other assets	8,473,847	9,745,106
	183,416,549	**133,640,003**

33. COLLATERALS AND MORTAGES (continued)

33.2 *Assets, valuable papers used for mortgage and pledge*

The face value of the pledged and collateralized documents of the Bank and its subsidiary as of the end of the year is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Bonds issued by other domestic credit institutions	28,000	228,000
Government bonds	1,200,000	1,469,000
	1,228,000	**1,697,000**

34. OFF-BALANCE-SHEET COMMITMENTS

34.1 *Foreign exchange commitments*

Foreign exchange commitments present settlements which the Bank and its subsidiary will perform according to agreed foreign exchange commitments.

A spot foreign exchange transaction is an exchange of an amount of a foreign currency for VND or another foreign currency at the spot exchange rate and be settled within two working days from the transaction date.

Currency swap is a transaction between two parties which involves buying and selling of an amount of foreign currency and VND or another foreign currency on different days at different exchange rates on each day determined at the transaction date.

Details of foreign exchange commitments of the Bank and its subsidiary at year-end are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Foreign exchange commitments		
- Spot foreign exchange commitments - buy	3,330,715	1,405,237
- Spot foreign exchange commitments - sell	83,194	1,405,388
- Swap commitments	31,988,036	15,499,596
	35,401,945	**18,310,221**

34. OFF-BALANCE-SHEET COMMITMENTS (continued)

34.2 Trade finance commitments

In the normal course of business, the Bank and its subsidiaries engage in financial instruments recorded outside the consolidated financial statements. These financial instruments primarily include foreign exchange commitments, guarantee commitments, and letters of credit. These instruments also expose the Bank and its subsidiaries to credit risks in addition to the credit risks recognized on the balance sheet.

The credit risk of off-balance-sheet financial instruments is defined as the potential to pose credit risk to the bank and its subsidiaries when one of the parties involved in that financial instrument fails to fulfill the terms of the contract.

Financial guarantees are conditional commitments issued by the Bank and its subsidiaries to guarantee a customer's obligations to a third party, including guarantees for borrowings, settlements, contract performance, and bidding. The credit risk associated with issuing guarantees is essentially the same as that involved in extending credit facilities to customers.

Commercial sight letters of credit represent a financing transaction by the Bank and its subsidiaries to their customers, where the customer is usually the buyer/importer of goods, and the beneficiary is typically the seller/exporter. The credit risk is generally limited, as the shipped goods serve as collateral for the transaction.

Deferred payment letters of credit represent the amounts at risk if the contract is fully executed but the client fails to repay the beneficiary. Deferred payment letters of credit that are defaulted by clients are recognized by the Bank and its subsidiaries as compulsory loans, with corresponding liabilities representing the financial obligations of the Bank and its subsidiaries to pay the beneficiaries and fulfill their guarantor obligations.

The Bank and its subsidiaries require margin deposits to secure credit-related financial instruments when necessary. The margin deposit required varies from 0% to 100% of the commitment value, depending on the creditworthiness of the clients as assessed by the Bank and its subsidiaries.

Details of contingent liabilities and commitments at year-end are as follows:

	Ending balance			*Beginning balance*		
	Contract value - gross VND million	*Margin deposit VND million*	*Contract value - net VND million*	*Contract value - gross VND million*	*Margin deposit VND million*	*Contract value - net VND million*
Guarantee for loans	**50**	**-**	**50**	**50**	**-**	**50**
Letters of Credit	25,743	(3,970)	21,773	8,414	(11,068)	(2,654)
Other guarantees	842,478	(16,869)	825,609	1,039,763	(9,324)	1,030,439
Other commitments	8,804,949	-	8,804,949	6,707,990	-	6,707,990
Off balance sheet commitments	**9,673,170**	**(20,839)**	**9,652,331**	**7,756,167**	**(20,392)**	**7,735,775**
	9,673,220	**(20,839)**	**9,652,381**	**7,756,217**	**(20,392)**	**7,735,825**

34. OFF-BALANCE-SHEET COMMITMENTS (continued)

34.2 *Trade finance commitments* (continued)

Classification the off-balance sheet according to Circular 31 and the debt classification policy of the Bank and and its subsidiary are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Standard		
In which:		
- *Letters of credit*	*21,773*	*(2,654)*
- *Other guarantees*	*825,609*	*1,030,439*

34.3 *Accrued interest on loans and fees receivable not yet collected*

The details of accrued interest on loans and fees receivable not yet collected as of the end of the year are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Accrued interest on loans receivable	**930,391**	**740,310**

34.4 *Bad debts already handled*

The details of the resolved bad debts as of the end of the year are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
The debt with resolved risks currently under monitoring		
Principal debt	370,600	393,557
Interest debt	10,576	10,614
	381,176	**404,171**

34.5 *Other assets and documents*

The details of other assets and documents as of the end of the year are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
The identified value of other held-to-maturity assets	187,844	383,369
Collateral assets assumed to substitute for fulfilling the obligations of the guarantor pending resolution	12,300	12,300
Precious metals, gemstones held in custody	12,775	15,000
	212,919	**410,669**

35. RELATED PARTY TRANSACTIONS

Related party transactions include all transactions undertaken with other entities to which the Bank and its subsidiary is related. Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. A party is deemed a related party to the Bank and its subsidiary if:

(a) Directly, or indirectly through one or more intermediaries, the party:

- control or is controlled by, or is under common control with, the Bank and its subsidiary (including parents and subsidiary);
- has an interest (owning 5% or more of the charter capital or voting share capital) in the Bank and its subsidiary that gives it significant influence over the Bank and its subsidiary; or
- has joint control over the Bank and its subsidiary;

(b) The party is a joint venture, associate in which the Bank and its subsidiary are a venture, associate (owning over 11% of the charter capital or voting share capital, but is not a subsidiary of the Bank and its subsidiary);

(c) The party is a member of the key management personnel of the Board of Management;

(d) The party is a close member of the family of any individual referred to in (a) or (c); or

(e) The party is an entity that is controlled, jointly controlled or significantly influenced by, or for which significant voting power in such entity resides with, directly or indirectly, any individual referred to in (c) or (d).

Significant transactions with related parties during the year are as follows:

Related party	*Transactions*	*Current year VND million*	*Previous year VND million*
Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Deposit taken on demand deposit account	328,357	427,569
	Deposit taken on deposit account	52,519	55,112
	Deposit disbursed on demand deposit account	345,477	407,883
	Deposit disbursed on deposit account	50,807	67,332
	Interest payment on demand deposits	29	129
	Interest payment on deposits account	1,487	3,127
	Other pending payments	-	782
Remuneration for members of the Board of Directors	Mr Duong Nhat Nguyen - Chairman	13,500	9,556
	Mr Nguyen Huu Trung - Vice Chairman cum Independent member	4,083	2,766
	Ms Le Thi Xuan Lan - Member	744	778
	Ms Luong Thi Huong Giang - Member	842	848
	Ms Quach To Dung - Member	911	933

35. RELATED PARTY TRANSACTIONS (continued)

Significant transactions with related parties at the year-end are as follows:

Related party	*Transactions*	*Current year VND million*	*Previous year VND million*
Remuneration for members of the Board of Supervision		1,969	2,155
Salary and allowances of the Board of Management	General Director (*)	10,120	2,154
	Members of the Board of Management	15,271	17,176
Related parties with the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Deposit taken on demand deposit account	3,809,870	7,372,005
	Deposit taken on deposit account	313,221	279,466
	Deposit disbursed on demand deposit account	3,796,103	7,375,357
	Deposit disbursed on deposit account	306,651	301,138
	Interest payment on demand deposits	7,809	585
	Interest payment on deposits	1,919	6,578
	Loan	376,808	482,440
	Interest income from loans	6,076	532,923
	Interest payment on loans	41,995	99,599
	Payment purchase real estate	130,047	-

(*) Mr. Nguyen Huu Trung, Vice Chairman of the Board of Directors appointed as Acting General Director from 15 October 2021 to 14 August 2023, has received remuneration from the Board of Directors, so he does not receive the General Director's salary.

Receivables and payables balance with related parties at the year-end are as follows:

		Receivables/(payables)	
Related party	*Transactions*	*Ending balance VND million*	*Beginning balance VND million*
Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Demand deposits	(6,009)	(66,254)
	Term deposit	(33,540)	(6,311)
	Accrued interest payable on term deposit	(407)	(782)
	Loan balance	824	1,285
	Accrued interest payable on loan	-	82
Related party with the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Demand deposit	(34,155)	(115,128)
	Term deposit	(40,710)	(36,551)
	Accrual interest payable on demand deposit	(1)	-
	Accrual interest payable on term deposit	(571)	(84)
	Loan balance	136,696	692,599
	Accrual interest receivable on loan	4,204	-

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES

Risk is inherent in the Bank and its subsidiary's activities but is managed through a process of ongoing identification, measurement and monitoring, subject to risk limits and other controls. This process of risk management is critical to the Bank and its subsidiary's continuing profitability and individual employees of the Bank who are accountable for the risk exposures relating to their responsibilities. The Bank and its subsidiary are exposed to credit risk, liquidity risk and market risk (the latter being subdivided into trading and non-trading risks). It is also exposed to operational risk.

The independent risk control process does not include business risks such as changes in the environment, technology and industry. The Bank and its subsidiary's policy is to monitor those business risks through the Bank and its subsidiary's strategic planning process.

The Bank and its subsidiary established and had policies about organization structure and operation of Risk management committee ("RMC") as detail bellow:

(i) RMC responsibilities:

- Advises the Board of Directors in the promulgation of procedures and policies under their jurisdiction relating to risk management in the Bank and its subsidiary's activities under the law of Vietnam and the Bank's charter;
- Analyses and provides warnings on the potential risks that may affect the Bank and its subsidiary's operation and preventive measures in the short term as well as long term;
- Reviews and evaluates the appropriateness and effectiveness of the risk management procedures and policies of the Bank and its subsidiary to make recommendations to the Board of Directors on the improvement of procedures, policies and operational strategies;
- Advise to the Board of Directors on the approval for investments, related transactions, management policies and risk management plans within the scope of assigned task and duties.

(ii) RMC reports to the Board of Directors and may hold periodic meetings or extraordinary meetings, but at least once per 6 months.

Credit risk is the risk that the Bank and its subsidiary will incur a loss because its customers or counterparties fail or unable to discharge their contractual obligations.

In the credit risk management process, the Bank and its subsidiary had issued credit policies as well as guidelines for the standardization of credit operations.

The Bank and its subdiary manage and control credit risk by setting limits on the amount of risk it is willing to accept for individual counterparties and for geographical and industry concentrations, and by monitoring exposures in relation to such limits. Counterparty's limits are established by the use of a credit rating system, which assigns each counterparty a risk rating. Risk ratings are subject to regular revision with SBV.

The Bank and its subsidiary have established a credit quality review process that allows for early prediction of changes in the financial position and repayment capacity of partners based on qualitative and quantitative factors.

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.1 Credit risk

The maximum exposure to credit risk at year-end of the Bank and its subsidiary is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Credit risk exposure relating to on-balance-sheet items		
Balance with the SBV	7,024,700	9,408,855
Due from and loans to other credit institutions	35,921,200	26,547,538
Held-for-trading securities	340,337	1,076,343
Derivatives financial instruments	89,061	19,848
Loans to customers - gross	93,637,036	80,754,430
Investment securities		
- *Debt securities - available-for-sale - gross*	*2,729,322*	*346,650*
- *Debt securities - held-to-maturity - gross*	*19,688,082*	*16,093,755*
Fee and interest receivables	2,560,595	2,707,549
Other financial assets - gross	84,274	380,578
	162,074,607	**137,335,548**
Off-balance-sheet items		
Guarantee for loans	50	50
Letters of Credit	21,773	(2,654)
Other guarantees	825,609	1,030,439
	847,432	**1,027,835**
Total credit risk exposure	**162,922,039**	**138,363,381**

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.1 *Credit risk* (continued)

The classification of financial assets subject to credit risk as of 31 December 2024, is presented as follows.:

	Neither overdue nor impaired VND million	*Overdue but not impaired VND million*	*Overdue and impaired VND million*	*Total VND million*
Banlance with SBV	7,024,700	-	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	35,921,200	-	-	35,921,200
Held-for-trading securities	340,337	-	-	340,337
Derivatives financial instruments	89,061	-	-	89,061
Loans to customers - gross	90,288,767	1,882,962	1,465,307	93,637,036
Available-for-sale securities - gross	2,729,322	-	-	2,729,322
Held-to-maturity securities - gross	19,688,082	-	-	19,688,082
Fee and interest receivable	2,560,595	-	-	2,560,595
Other financial assets - gross	84,274	-	-	84,274
Credit risk off-balance-sheet items	847,432	-	-	847,432
	159,573,770	**1,882,962**	**1,465,307**	**162,922,039**

The Bank and its subsidiary's financial assets which are neither past due nor impaired include loans to customers classified as Group 1 in accordance with Circular 02, Circular 09, securities, receivables and other financial assets which are not past due and no provision is required in accordance with Circular 228 and Circular 89. The Bank and its subsidiary believe that it can recover fully and timely these financial assets in the near future.

Loans to customer and other financial assets are overdue but not impaired are overdue loans but not required to make provision due to the Bank held adequate collaterals such as deposits, properties, movable properties, valuable papers and other types of collateral to recover for credit.

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.2 Market risk

(a) Interest rate risk

Interest rate risk arises from the possibility that changes in interest rates will affect the fair values of financial instruments. The Bank and its subsidiary are exposed to interest rate risk as a result of mismatches of maturity dates or dates of interest rate re-pricing in respect of assets, liabilities and off-balance sheet instruments over a certain period.

The interest rates set by the Bank and its subsidiary for loans to customers and customer deposits are respectively presented in *Note 10* and *Note 18*.

Analysis of assets and liabilities based on interest rate re-pricing date

The real interest rate re-pricing term is the remaining period from the date of preparation of the financial statements to the most recent interest re-pricing period or the marturity date of the items on the statement of financial position whichever is earlier.

The following assumptions and conditions have been adopted in the analysis of interest rate re-pricing terms of the assets and liabilities of the Bank and its subsidiary:

- Cash, long-term investments, derivatives and other financial assets, other assets (including fixed assets, receivables and other assets) and other payables are classified as non-interest-bearing items.
- Balances with the SBV are considered as current and the re-pricing term is therefore considered within one (1) month.
- The re-pricing period of interest rate of investment securities are determined based on the maturity date of securities at date of the consol financial statements.
- The re-pricing term of borrowings from Government and the SBV, due from and loans to other credit institutions, loans to customers, receivables from sale of debts, due to and borrowings from other credit institutions, due to customers and valuable papers issued is determined as follows:
  - Items which bear fixed interest rate for the entire contractual term: The re-pricing term is determined based on the remaining contractual term from the consolidated statement of financial position date.
  - Items which bear floating interest rate: The re-pricing term is determined based on the nearest interest re-pricing date from the consolidated statement of financial position date or remaining period, depended on which is the earlier element.

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.2 *Market risk* (continued)

(a) Interest rate risk (continued)

Below table shows an analysis of the interest re-pricing period of assets and liabilities as at 31 December 2024:

			Interest re-pricing period						
	Overdue VND million	*Non-interest bearing VND million*	*Up to 1 month VND million*	*From 1 to 3 months VND million*	*From 3 to 6 months VND million*	*From 6 to 12 months VND million*	*From 1 to 5 years VND million*	*Over 5 years VND million*	*Total VND million*
Assets									
Cash	-	548,602	-	-	-	-	-	-	548,602
Balances with the SBV	-	4,208,040	2,816,660	-	-	-	-	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	-	-	17,211,532	16,809,668	-	1,900,000	-	-	35,921,200
Held-for-trading securities	-	-	-	-	-	-	65,463	274,874	340,337
Derivatives and other financial assets	-	89,061	-	-	-	-	-	-	89,061
Loans to customers - gross	3,348,269	-	24,407,031	23,625,182	11,906,517	17,279,728	13,006,118	64,191	93,637,036
Investment securities - gross	-	-	3,700,000	1,200,000	6,711,762	1,618,717	-	9,186,925	22,417,404
Fixed assets	-	698,874	-	-	-	-	-	-	698,874
Other assets - gross	21,424	3,314,204	-	-	-	-	-	-	3,335,628
Total assets	**3,369,693**	**8,858,781**	**48,135,223**	**41,634,850**	**18,618,279**	**20,798,445**	**13,071,581**	**9,525,990**	**164,012,842**
Liabilities									
Borrowings from the Government and the SBV	-	-	215,774	-	-	-	-	7,117	222,891
Due to and borrowings from other credit institutions	-	-	16,218,852	16,823,509	2,073,806	3,300,000	-	-	38,416,167
Due to customers	-	-	46,952,772	16,840,742	18,192,218	12,218,324	637,414	-	94,841,470
Valuable papers issued	-	-	-	515,000	3,500,000	9,200,000	292,170	4,171,090	17,678,260
Other liabilities	-	2,995,491	-	-	-	-	-	-	2,995,491
Total liabilities	**-**	**2,995,491**	**63,387,398**	**34,179,251**	**23,766,024**	**24,718,324**	**929,584**	**4,178,207**	**154,154,279**
Interest sensitivity gap	**3,369,693**	**5,863,290**	**(15,252,175)**	**7,455,599**	**(5,147,745)**	**(3,919,879)**	**12,141,997**	**5,347,783**	**9,858,563**

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.2 *Market risk* (continued)

(a) Interest rate risk (continued)

Interest rate sensitivity

The Bank and its subsidiary have not made the analysis on the interest rate sensitivity as at 31 December 2024 there is lack of sufficient data system and information.

(b) Currency risk

Currency risk management is the risk that the value of financial instruments will fluctuate due to changes in foreign exchange rates.

The Bank and its subsidiary were incorporated and operated in Vietnam, so VND is the reporting currency and the major currency in which the Bank transacts is VND. The Bank and its subsidiary's financial assets and financial liabilities mainly denominated in VND with the remainder mainly in USD and EUR. However, some of the Bank and its subsidiary's other assets are in currencies other than the reporting currency of VND, USD and EUR. The Bank and its subsidiary's management has set limits on position for each currency. Currency positions are monitored on a daily basis and hedging strategies used to ensure positions are maintained within established limits.

Exchange rates of major currencies as at the reporting date are presented in *Note 40*.

The following table presents assets and liabilities in foreign currencies translated into VND as at 31 December 2024:

	USD equivalent VND million	*EUR equivalent VND million*	*Other currencies equivalent VND million*	*Total VND million*
Assets				
Cash	46,294	3,471	7,844	57,609
Balances at the SBV	57,225	-	-	57,225
Due from and loans to other credit institutions	4,719,197	8,485	664,917	5,392,599
Derivative financial instruments and other financial assets	(2,928,297)	-	(521,230)	(3,449,527)
Loan to customers - gross	369,826	-	-	369,826
Other assets - gross	71,967	5	4,713	76,685
Total assets	**2,336,212**	**11,961**	**156,244**	**2,504,417**
Liabilities				
Due to and borrowings from other credit institutions	4,243,845	-	-	4,243,845
Due to customers	583,867	2,998	8,109	594,974
Other liabilities	39,265	-	123,247	162,512
Total liabilities	**4,866,977**	**2,998**	**131,356**	**5,001,331**
Net on-statement of financial position	**(2,530,765)**	**8,963**	**24,888**	**(2,496,914)**
Net off-balance sheet position	**-**	**-**	**-**	**-**
Net position	**(2,530,765)**	**8,963**	**24,888**	**(2,496,914)**

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.2 *Market risk* (continued)

(b) Currency risk (continued)

Currency sensitivity

The Bank and its subsidiary have not made the analysis on the currency sensitivity as at 31 December 2024 since there is lack of sufficient data system and information.

(c) Liquidity risk

Liquidity risk is the risk which the Bank and its subsidiary have difficulties in meeting the obligations of financial liabilities. Liquidity risk occurs when the Bank and its subsidiary cannot afford to settle debt obligations at the due dates in the normal or stress conditions. To manage the liquidity risk exposure, the Bank and its subsidiary have diversified the mobilization of deposits from various sources in addition to its basic capital resources. In addition, the Bank and its subsidiary have established policy for control of liquidity assets flexibly; monitor the future cash flows and daily liquidity. The Bank and its subsidiary have also evaluated the estimated cash flows and the availability of current collateral assets in case of obtaining more deposits.

Liquidity risk exposure is managed by maintaining not limited to cash and cash equivalent by Nostro account, balance with SBV and other credit institutions and other valuable papers. Safety ratios related to risk are used to manage liquidity risk.

The maturity term of assets and liabilities is the remaining period of assets and liabilities as calculated from the statement of financial position date to the settlement date in accordance with contractual terms and conditions.

The following assumptions and conditions are applied in the maturity analysis of the Bank and its subsidiary's assets and liabilities:

- Balances with the SBV are classified as demand deposits which include compulsory deposits;
- The maturity term of investment securities is determined based on the maturity date of each kind of securities;
- The maturity term of borrowings to Government and the SBV, due from and loans to other credit institutions and loans to customers is determined on the maturity date as stipulated in contracts. The actual maturity term may be altered because loan contracts may be extended;
- The maturity term of long-term investments is considered as more than five years because these investments do not have specific maturity date;
- Vostro account and demand deposits are transacted as required by customers, and therefore, being classified as current accounts. The maturity term of due to and borrowings from other credit institutions, derivative and other financial assets, customer deposits, valuable papers issued and other payable are determined based on features of these items or the maturity date as stipulated in contracts. The maturity term of borrowings and term deposits is determined based on the maturity date in contracts. In fact, these amounts may be rotated, and therefore, they last beyond the original maturity date;
- The maturity term of fixed assets and other assets is determined on the remaining useful life of assets.

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.2 *Market risk* (continued)

(c) Liquidity risk (continued)

Below table presents the analysis of the remaining maturity of assets and liabilities of the Bank and its subsidiary according to groups corresponding to the remaining constractual period calculated from the consolidated statement of financial position date to the settlement date:

	Overdue		*Current*					
	Above 3 months VND million	*Up to 3 months VND million*	*Up to 1 month VND million*	*From 1 to 3 months VND million*	*From 3 to 12 months VND million*	*From 1 to 5 years VND million*	*Over 5 years VND million*	*Total VND million*
Assets								
Cash	-	-	548,602	-	-	-	-	548,602
Balances at the SBV	-	-	7,024,700	-	-	-	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	-	-	17,211,532	16,809,668	1,900,000	-	-	35,921,200
Held-for-trading securities	-	-	-	-	340,337	-	-	340,337
Derivatives financial instruments and other financial assets	-	-	89,061	-	-	-	-	89,061
Loans to customers - gross	1,465,307	1,882,962	4,544,178	13,924,312	39,372,974	17,217,360	15,229,943	93,637,036
Investment securities - gross	-	-	6,130,479	1,200,000	5,900,000	-	9,186,925	22,417,404
Fixed assets	-	-	-	-	-	187,905	510,969	698,874
Other assets - gross	21,424	-	3,314,204					3,335,628
Total assets	**1,486,731**	**1,882,962**	**38,862,756**	**31,933,980**	**47,513,311**	**17,405,265**	**24,927,837**	**164,012,842**
Liabilities								
Borrowings from the Government and the SBV	-	-	215,774	-	-	-	7,117	222,891
Due to and borrowings from other credit institutions	-	-	16,218,852	16,823,509	5,373,806	-	-	38,416,167
Due to customers	-	-	23,780,274	26,484,609	43,292,298	1,284,289	-	94,841,470
Valuable paper issued	-	-	-	-	13,215,000	-	4,463,260	17,678,260
Other liabilities	-	-	2,568,503	426,988	-	-	-	2,995,491
Total liabilities	-	-	**42,783,403**	**43,735,106**	**61,881,104**	**1,284,289**	**4,470,377**	**154,154,279**
Net liquidity gap	**1,486,731**	**1,882,962**	**(3,920,647)**	**(11,801,126)**	**(14,367,793)**	**16,120,976**	**20,457,460**	**9,858,563**

36. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

36.2 *Market risk* (continued)

(d) Other market price risk

Other than the assets and liabilities presented above, the Bank and its subsidiary are not exposed to other market price risks with risk levels accounting for 5% of the Bank's net income or with value of relating assets/liabilities accounting for 5% of the Bank and its subsidiary's total assets.

37. CONCENTRATION OF ASSETS, LIABILITIES AND OFF-BALANCE SHEET ITEMS BY GEOGRAPHICAL REGIONS

	Domestic VND million	*Overseas VND million*	*Total VND million*
Asset			
Cash	548,602	-	548,602
Balance with the SBV	7,024,700	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	35,209,469	711,731	35,921,200
Held-for-trading securities	340,337	-	340,337
Derivatives financial instruments	89,061	-	89,061
Loans and advance to customers - gross	93,637,036	-	93,637,036
Investment securities - gross	22,417,404	-	22,417,404
Receivables - gross	3,335,628	-	3,335,628
Liabilities			
Borrowings from the Government and the SBV	222,891	-	222,891
Due to and borrowings from other credit institutions	38,416,167	-	38,416,167
Due to customers	94,779,971	61,499	94,841,470
Valuable papers issued	17,678,260	-	17,678,260
Other liabilities	2,995,491	-	2,995,491
Off balance sheet commitments	**847,432**	-	**847,432**

37 SEGMENT REPORT

37.1 *Main segment report by geographical region*

Information of income, expenses, assets and liabilities of the divisions by geographical area of the Bank and its subsidiary during the year as follows:

	Northern VND million	*Central VND million*	*Southern VND million*	*Total segment VND million*	*Eliminations VND million*	*Total VND million*
I. Income	**2,731,052**	**1,839,326**	**19,662,834**	**24,233,212**	**(13,615,306)**	**10,617,906**
Interest income	2,685,956	1,819,514	18,831,693	23,337,163	(13,615,306)	9,721,857
Income from service operations	44,741	19,685	167,203	231,629	-	231,629
Other operating income	355	127	663,938	664,420	-	664,420
II. Expense	**2,500,407**	**1,719,471**	**18,077,197**	**22,297,075**	**(13,615,306)**	**8,681,769**
Interest expense	2,280,981	1,545,933	16,698,676	20,525,590	(13,615,306)	6,910,284
Depreciation expense	11,289	5,743	84,506	101,538	-	101,538
Other direct operating expense	208,137	167,795	1,294,015	1,669,947	-	1,669,947
Profits before provision for credit loss expenses	**230,645**	**119,855**	**1,585,637**	**1,936,137**	**-**	**1,936,137**
Provision/(Revert) expense for credit loss expenses	(46,270)	4,832	(763,401)	(804,839)	-	(804,839)
Operating results before tax by segment	**184,375**	**124,687**	**822,236**	**1,131,298**	**-**	**1,131,298**

37. SEGMENT REPORT (continued)

37.1 Main segment report by geographical region (continued)

The information regarding asset and liability items of the Bank and its subsidiary by geographical regions as of 31 December 2024, and for the fiscal year ending on the same date is as follows:

	Northern VND million	*Central VND million*	*Southern VND million*	*Eliminations VND million*	*Total VND million*
I. Asset					
1. Cash	137,726	99,523	311,353	-	548,602
2. Balances at the SBV	2,043	11,431	7,011,226	-	7,024,700
3. Due from and loans to other credit institutions	8,293	882	35,912,025	-	35,921,200
4. Held for tranding securities	-	-	340,337	-	340,337
5. Derivatives financial instruments and other financial assets	-	-	89,061	-	89,061
6. Loans to customers	11,510,216	9,752,958	72,373,862	-	93,637,036
7. Investment securities	-	-	22,417,404	-	22,417,404
8. Fixed assets	17,618	17,653	663,603	-	698,874
9. Other assets	268,123	120,315	2,969,747	(22,557)	3,335,628
Total assets	**11,944,019**	**10,002,762**	**142,088,618**	**(22,557)**	**164,012,842**
II. Liabilities					
1. Borrowings from the Government and the SBV	-	-	222,891	-	222,891
2. Due to from and borrowings other credit institutions	1	1,037	38,415,129	-	38,416,167
3. Due to customers	29,727,338	19,526,419	45,587,713	-	94,841,470
4. Valuable papers issued	236,760	84,050	17,357,450	-	17,678,260
5. Other liabilities	716,036	407,706	1,894,306	(22,557)	2,995,491
Total liabilities	**30,680,135**	**20,019,212**	**103,477,489**	**(22,557)**	**154,154,279**

38. SUPPLEMENTARY NOTES ON FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES

38.1 Book value and fair value of financial assets and financial liabilities

Carrying value and fair value of the Bank and its subsidiary's financial asset and liabilities as at 31 December 2024 are presented as follows:

	Carrying value						
	Trading VND million	*Held-to-maturity VND million*	*Loans and receivables VND million*	*Available-for-sale VND million*	*Other assets and liabilities at amortized cost VND million*	*Total VND million*	*Fair value VND million*
Cash	-	-	-	-	548,602	548,602	548,602
Balances at the SBV	-	-	-	-	7,024,700	7,024,700	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	-	-	-	-	35,921,200	35,921,200	*(a)*
Held-for-trading securities	340,337	-	-	-	-	340,337	*(a)*
Derivatives financial instruments and other financial assets	-	-	-	-	89,061	89,061	*(a)*
Loans to customers	-	-	92,493,074	-	-	92,493,074	*(a)*
Available-for-sale securities	-	-	-	2,729,322	-	2,729,322	*(a)*
Held-to-maturity securities	-	19,688,082	-	-	-	19,688,082	*(a)*
Other financial assets	-		2,644,494	-	-	2,644,494	*(a)*
Total assets	**340,337**	**19,688,082**	**95,137,568**	**2,729,322**	**43,583,563**	**161,478,872**	
Liabilities							
Borrowings from the Government and the SBV	-	-	-	-	222,891	222,891	*(a)*
Due to and borrowings from other credit institutions	-	-	-	-	38,416,167	38,416,167	*(a)*
Due to customers	-	-	-	-	94,841,470	94,841,470	*(a)*
Valuable papers issued	-	-	-	-	17,678,260	17,678,260	*(a)*
Other financial liabilities	-	-	-	-	2,773,964	2,773,964	*(a)*
Total liabilities	**-**	**-**	**-**	**-**	**153,932,752**	**153,932,752**	

(a) The fair value of these financial assets and financial liabilities cannot be determined as there are currently no specific guidelines and regulations of the SBV and the authorities to determine the fair value of financial instruments.

39. COMMITMENTS AND FIDUCIARY ASSETS

39.1 *Capital expenditure commitments*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Commitments on capital expenditure for office building and purchase of fixed assets	**86,860**	**32,348**

39.2 *Operating lease commitments*

The Bank and its subsidiary rent offices for some branches under operating lease contracts. The future lease fee under terms of rental contracts as at the consolidated statement of financial position date is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Non-cancellable lease commitments	**607,390**	**567,594**
In which:		
- Due within one (1) year	185,414	171,952
- Due from one (1) to five (5) years	358,651	343,791
- Due after five (5) years	63,325	51,851

39.3 *Lease commitments*

The Bank and its subsidiary use some its assets to provide operating lease services to the clients. The future leasing fees under terms of rental contracts as at the consolidated statement of financial position date are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Non-cancellable operating lease commitments	**11,352**	**1,189**
In which:		
- Due within one (1) year	8,658	89
- Due from one (1) to five (5) years	2,694	1,100

40. EXCHANGE RATES OF APPLICABLE FOREIGN CURRENCIES AGAINST VIETNAM DONG AT THE END OF THE FINANCIAL YEAR

	Ending balance VND	*Beginning balance VND*
USD	24,602	24,230
EUR	26,595	26,823
GBP	32,055	30,942
CAD	17,797	18,322
AUD	15,919	16,574
SGD	18,787	18,384
JPY	163	172
CHF	28,206	28,760
CNY	3,550	3,550
KRW	19	19

41. EVENTS AFTER THE CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since the consolidated statement of financial position date that requires adjustment or disclosure in the consolidated financial statement.

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Separate financial statements

For the year ended 31 December 2024

Building a better working world

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

Separate financial statements

For the year ended 31 December 2024

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

CONTENTS

	Pages
General information	1 - 2
Report of the Board of Management	3
Independent auditors' report	4 - 5
Separate Statement of financial position	6 - 8
Separate income statement	9
Separate cash flow statement	10 - 11
Notes to the separate financial statements	12 - 76

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

GENERAL INFORMATION

THE BANK

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") is a joint stock commercial bank incorporated in the Socialist Republic of Vietnam.

The Bank is established under Operation License No. 2399/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam ("the State Bank" or "the SBV") on 15 December 2006 and Business Registration Certificate No. 2200269805, amended the 28th on 28 August 2023, issued by Department of Planning Investment of Soc Trang Province. The Bank's Operation License No. 2399/QD/NHNN was replaced by the Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN issued by the SBV on 24 February 2023, the Establishment and Operation License No. 1900/QD-NHNN issued by the SBV on 12 September 2024 and the Establishment and Operation License No. 2758/QD-NHNN issued by the SBV on 25 December 2024. The operating duration of the Bank is 50 years from 15 December 2006.

The current principal operations of the Bank during the year are to provide banking services including mobilizing and receiving short, medium and long-term deposits from various organizations and individuals; providing short, medium and long-term loans to various organizations and individuals based on the nature and capacity of the Bank's capital resources; foreign exchange, gold bar trading; International trade financing services; discount of commercial papers, bonds and other valuable papers; providing factoring services, cash management services, banking consultancy, finance, asset management, lease of the safe box; government bond, corporate bond trading; providing entrusting and entrusted loans; insurance agency; lease of part of offices, which are not fully used and owned by the Bank; settlement services and other banking services as allowed by the SBV.

Charter capital

The Bank's charter capital as at 31 December 2024 is VND7,139,413 million (31 December 2023: VND4,776,827 million).

Operational network

The Bank's head office is located at 47 Tran Hung Dao, Ward 3, Soc Trang City, Soc Trang Province, Vietnam. As at 31 December 2024 the Bank has one (1) head office, thirty (30) branches, one hunred and two (102) transaction offices in provinces and cities nationwide.

BOARD OF DIRECTORS

Members of Board of Directors during the year and as at the date of this report are as follows:

Name	*Position*	*Date appointment*
Mr. Duong Nhat Nguyen	Chairman	Appointed on 26 April 2021
Mr. Nguyen Huu Trung	Vice Chairman and Independent member	Appointed on 26 April 2021
Ms. Le Thi Xuan Lan	Member	Appointed on 26 April 2021
Ms. Luong Thi Huong Giang	Member	Appointed on 26 April 2021
Ms. Quach To Dung	Member	Appointed on 26 April 2021

GENERAL INFORMATION (continued)

BOARD OF SUPERVISORS

Members of Board of Supervisors during the year and as at the date of this report are as follows:

Name	*Position*	*Date appointment*
Mr. Hua Ngoc Nghia	Chief Supervisor	Appointed on 26 April 2021
Ms. Nguyen Do Xuan Dung	Specialized member	Appointed on 26 April 2021
Mr. Mac Huu Danh	Specialized member	Appointed on 26 April 2021

BOARD OF MANAGEMENT AND CHIEF ACCOUNTANT

Members of Board of Management and Chief Accountant during the year and as at the date of this report are as follows:

Name	*Position*	*Date appointment/ resignation re-appointment/Resignation*
Ms. Tran Tuan Anh	General Director	Appointed on 14 August 2023
Ms. Pham Thi My Chi	Deputy General Director And Chief Accountant	Re-appointed on 7 November 2024 Appointed on 28 June 2024
Mr. Nguyen Tien Sy	Deputy General Director	Re-appointed on 1 April 2023
Mr. Pham Linh	Deputy General Director	Appointed on 15 January 2025
Mr. Pham Danh	Deputy General Director	Re-appointed on 1 February 2025
Ms. Ngo Tran Doan Trinh	Deputy General Director	Resigned on 23 October 2024
Mr. Do Khoa Hiep	Deputy General Director	Resigned on 31 May 2024
Mr. Nguyen Trong Phuc	Deputy General Director	Resigned on 15 April 2024
Ms. Tran Thi Lam	Deputy General Director	Resigned on 26 March 2024
Mr. Le Huy Dung	Deputy General Director	Resigned on 12 February 2024
Ms. Vo Nguyen Thanh Nhien	Chief Accountant	Resigned on 28 June 2024

LEGAL REPRESENTATIVE

The legal representative of the Bank from during the year up to the date is Ms. Tran Tuan Anh, General Director.

AUDITORS

The auditor of the Bank is Ernst & Young Vietnam Limited.

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") is pleased to present its report and the separate financial statements of the Bank and for the year ended 31 December 2024.

MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE SEPARATE FINANCIAL STATEMENTS

The Board of Management of the Bank is responsible for the separate financial statements of each financial year which give a true and fair view of the separate financial position of the Bank and of the separate results of their operation and their separate cash flows for the year. In preparing these separate financial statements, the Board of Management is required to:

- select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- state whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the separate financial statements; and
- prepare the separate financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Bank will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that proper accounting records are kept which disclose, with reasonable accuracy at any time, the separate financial position of the Bank and to ensure that the accounting records comply with the applied accounting system. It is also responsible for safeguarding the assets of the Bank and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirmed that it has complied with the above requirements in preparing the accompanying separate financial statements for the fiscal year ending 31 December 2024, as attached.

STATEMENT BY THE BOARD OF MANAGEMENT

The Board of Management of the Bank does hereby state that, in its opinion, the accompanying separate financial statements give a true and fair view of the separate financial position of the Bank as at 31 December 2024, the separate results of its operations and its separate cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of separate financial statements.

The Bank has prepared these separate financial statements to meet disclosure requirements, specifically in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC - Guidelines on information disclosure in the securities market. The Bank has also prepared the consolidated financial statements for the year ended 31 December 2024. Users of the separate financial statements should read them together with the consolidated financial statements to obtain complete information on the consolidated financial position, consolidated income statement and consolidated cash flows of the Bank and its subsidiary.

Ms. Tran Tuan Anh
General Director

Soc Trang City, Vietnam

31 March 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Building a better working world

Reference: 12857966/68461453

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: The Shareholders of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

We have audited the accompanying separate financial statements of Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank ("the Bank") as prepared on 31 March 2025 and set out on pages 6 to 76, which comprise the separate statement of financial position as at 31 December 2024, the separate income statement and the separate cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

Board of Management of the Bank is responsible for the preparation and fair presentation of these separate financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the separate financial statements, and for such internal control as Board of Management of the Bank determines is necessary to enable the preparation and presentation of the separate financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these separate financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the separate financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the separate financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the separate financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider the Bank's internal control relevant to the Bank's preparation and fair presentation of the separate financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Bank's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the management, as well as evaluating the overall presentation of the separate financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

EY

Building a better working world

Opinion

In our opinion, the separate financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the separate financial position of the Bank as at 31 December 2024, and of the results of its separate operations and its separate cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the separate financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited

Vu Tien Dung
Deputy General Director
Audit Practicing Registration
Certificate No. 3221-2025-004-1

Hoang Thi Hong Minh
Auditor
Audit Practicing Registration
Certificate No. 0761-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

31 March 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION
as at 31 December 2024

B02/TCTD

	Notes	*Ending balance VND million*	*Beginning balance VND million*
ASSETS			
Cash	**5**	**548,602**	**535,889**
Balances with the State Bank of Vietnam ("SBV")	**6**	**7,024,700**	**9,408,855**
Due from and loans to other credit institutions		**35,921,200**	**26,547,538**
Due from other credit institutions	7.1	34,021,200	26,547,538
Loans to other credit institutions	7.2	1,900,000	-
Held-for-trading securities		**340,337**	**1,076,343**
Held-for-trading securities	8	340,337	1,076,343
Derivatives and other financial assets	**9**	**89,061**	**19,848**
Loans to customers		**92,493,074**	**79,976,558**
Loans to customers	10	93,637,036	80,754,430
Provision for credit losses	11	(1,143,962)	(777,872)
Investment securities		**22,417,404**	**16,440,405**
Available-for-sale securities	12.1	2,729,322	346,650
Held-to-maturity securities	12.2	19,688,082	16,093,755
Provision for investment securities	12.2	-	-
Long-term investment	**13**	**4,126**	**4,014**
Investment in subsidiary		5,000	5,000
Other long-term investments		-	1,400
Provision for long-term investments		(874)	(2,386)
Fixed assets		**698,874**	**808,768**
Tangible fixed assets	*14.1*	*543,433*	*601,342*
Cost		1,125,997	1,146,737
Accumulated depreciation		(582,564)	(545,395)
Intangible fixed assets	*14.2*	*155,441*	*207,426*
Cost		385,100	398,979
Accumulated amortization		(229,659)	(191,553)
Other assets		**3,322,053**	**3,443,869**
Receivables	15.1	617,690	569,392
Interest and fees receivable	15.2	2,560,595	2,707,549
Other assets	15.3	157,316	177,936
Provision for other assets	15.4	(13,548)	(11,008)
TOTAL ASSETS		**162,859,431**	**138,262,087**

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued) B02/TCTD
as at 31 December 2024

	Notes	Ending balance VND million	Beginning balance VND million
LIABILITIES			
Borrowings from Government and the SBV	**16**	**222,891**	**9,020**
Due to and borrowings from other credit institutions		**38,416,167**	**26,621,774**
Due to other credit institutions	17.1	33,042,361	23,139,484
Borrowings from other credit institutions	17.2	5,373,806	3,482,290
Due to customers	**18**	**94,845,677**	**90,000,811**
Valuable papers issued	**19**	**17,678,260**	**11,551,170**
Other liabilities		**2,995,383**	**3,183,653**
Interest and fees payable	20.1	2,568,503	2,929,598
Other payables	20.2	426,880	254,055
TOTAL LIABILITIES		**154,158,378**	**131,366,428**
OWNERS' EQUITY			
Share capital	**22.1**	**7,139,413**	**4,776,827**
Share premium	**22.1**	**(237)**	**-**
Statutory reserves	**22.1**	**675,985**	**495,800**
Undistributed profits	**22.1**	**885,892**	**1,623,032**
TOTAL OWNERS' EQUITY		**8,701,053**	**6,895,659**
TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		**162,859,431**	**138,262,087**

SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (continued) B02/TCTD
as at 31 December 2024

SEPARATE OFF-BALANCE-SHEET ITEMS

	Notes	*Ending balance VND million*	*Beginning balance VND million*
Guarantee for loans	33.2	50	50
Foreign exchange commitments	33.1	35,401,945	18,310,221
- Spot foreign exchange commitments - buy		*3,330,715*	*1,405,237*
- Spot foreign exchange commitments - sell		*83,194*	*1,405,388*
- Swap commitments		*31,988,036*	*15,499,596*
Letters of Credit	33.2	21,773	(2,654)
Other guarantees	33.2	825,609	1,030,439
Other commitments	33.2	8,804,949	6,707,990
Interest and receivable fees not yet collected	33.3	930,391	740,310
Written-off debts	33.4	381,176	404,171
Assets and other documents	33.5	212,919	410,669
TOTAL		**46,578,812**	**27,601,196**

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank

SEPARATE INCOME STATEMENT
for the year ended 31 December 2024

B03/TCTD

	Notes	Current year VND million	Previous year VND million
Interest and similar income	23	9,721,857	9,760,915
Interest and similar expenses	24	(6,910,347)	(7,761,081)
Net interest and similar income		**2,811,510**	**1,999,834**
Fee and commission income		231,629	189,796
Fee and commission expenses		(100,674)	(95,857)
Net fee and commission income	**25**	**130,955**	**93,939**
Net gain from trading of foreign currencies	**26**	**80,215**	**65,295**
Net gain from trading of investment securities	**27**	**19,009**	**77,648**
Other operating income		463,620	161,312
Other operating expenses		(9,780)	(10,665)
Net gain from other operating activities	**28**	**453,840**	**150,647**
TOTAL OPERATING INCOME		**3,495,529**	**2,387,363**
Personnel expenses		(753,924)	(660,895)
Depreciation and amortization charges		(101,538)	(98,915)
Other operating expenses		(703,930)	(700,440)
TOTAL OPERATING EXPENSES	**29**	**(1,559,392)**	**(1,460,250)**
Net operating profit before provision for credit losses		**1,936,137**	**927,113**
Provision expense of provision for credit losses	11	(804,839)	(115,168)
PROFIT BEFORE TAX		**1,131,298**	**811,945**
Current corporate income tax expense	21.1	(230,373)	(165,079)
PROFIT AFTER TAX		**900,925**	**646,866**

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT
for the year ended 31 December 2024

B04/TCTD

	Notes	Current year VND million	Previous year VND million
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Interest and similar receipts		9,868,811	8,704,639
Interest and similar payments		(7,271,442)	(6,895,995)
Net fee and commission receipts	25	130,955	93,939
Net receipts from dealing in foreign currencies, gold and securities		99,224	142,943
Other income		(9,335)	897
Recoveries from bad debts previously written-off	28	463,175	149,750
Payments for operating and salary expenses		(1,353,167)	(1,334,636)
Corporate income tax paid during the year	21	(247,156)	(108,743)
Net operating cash flows before changes in operating assets and liabilities		**1,681,065**	**752,794**
Changes in operating assets			
(Increase)/decrease in due from and loans to other credit institutions		(1,900,000)	200,000
(Increase)/decrease in investment securities		(2,240,993)	5,963,455
Increase in derivatives and other financial assets		(69,213)	(229)
Increase in loans to customers		(12,882,606)	(17,121,464)
Increase in allowance for credit losses		(463,175)	-
Decrease in other assets		56,702	1,648,608
Changes in operating liabilities			
Increase/(decrease) in due to the SBV and borrowings from Government		213,871	(1,257,369)
Increase in due to and borrowings from other credit institutions		11,794,393	6,237,066
Increase in customer deposits		4,844,866	14,012,001
Increase in valuable papers issued		6,127,090	6,429,000
Increase in other liabilities		448,332	6,463
Net cash flows from operating activities		**7,610,332**	**16,870,325**
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for purchases of fixed assets		(443,142)	(125,221)
Proceeds from disposals of fixed assets		324	-
Net cash flows used in investing activities		**(442,818)**	**(125,221)**

SEPARATE CASH FLOW STATEMENT (continued)
for the year ended 31 December 2024

B04/TCTD

	Notes	Current year VND million	Previous year VND million
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITY			
Increase in charter capital from capital contribution and/or share issuance		934,706	-
Cash flows from financing activity		**934,706**	**-**
Net cash flows during the year		**8,102,220**	**16,745,104**
Cash and cash equivalents at the beginning of the year	**30**	**36,492,282**	**19,747,178**
Cash and cash equivalents at the end of the year	**30**	**44,594,502**	**36,492,282**

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director

1. THE BANK'S INFORMATION

Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank is a joint stock commercial bank incorporated in the Socialist Republic of Vietnam.

The Bank is established under Operation License No. 2399/QD-NHNN issued by the State Bank of Vietnam ("the State Bank" or "the SBV") on 15 December 2006 and Business Registration Certificate No. 2200269805, amended the 28th on 28 August 2023, issued by Department of Planning Investment of Soc Trang Province. The Bank's Operation License No. 2399/QD/NHNN was replaced by the Establishment and Operation License No. 05/GP-NHNN issued by the SBV on 24 February 2023, the Establishment and Operation License No. 1900/QD-NHNN issued by the SBV on 12 September 2024 and the Establishment and Operation License No. 2758/QD-NHNN issued by the SBV on 25 December 2024. The operating duration of the Bank is 50 years from 15 December 2006.

The current principal operations of the Bank during the year are to provided banking services including mobilizing and receiving short, medium and long-term deposits from various organizations and individuals; providing short, medium and long-term loans to various organizations and individuals based on the nature and capacity of the Bank's capital resources; foreign exchange, gold bar trading; international trade financing services; discount of commercial papers, bonds and other valuable papers; providing factoring services, cash management services, banking consultancy, finance, asset management, lease of the safe box; government bond, corporate bond trading; providing entrusting and entrusted loans; insurance agency; lease of part of offices, which are not fully used and owned by the Bank; settlement services and other banking services as allowed by the SBV.

Charter capital

The Bank's charter capital as at 31 December 2024 is VND7,139,413 million (31 December 2023: VND4,776,827 million).

Operation network

The Bank's head office is located at 47 Tran Hung Dao, 3rd Ward, Soc Trang City, Soc Trang Province, Vietnam. As at 31 December 2024, the Bank has one (1) head office, thirty (30) branches, one hundred and two (102) transaction offices in provinces and cities nationwide.

Employees

The Bank has 2,855 employees as at 31 December 2024 (31 December 2023: 2,547 employees).

1. THE BANK'S INFORMATION (continued)

Subsidiary

As at 31 December 2024, the Bank has one (1) directly owned subsidiary as follow:

Subsidiary	*Operating License*	*Nature of Business*	*Share capital*	*Ownership*
Vietnam Thuong Tin Bank Asset Management Limited ("Vietbank AMC")	Decision No. 3158/QĐ-NHNN issued by the SBV on 29 December 2010 and initial Business Registration Certificate No.0310898270 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the sixth times on 12 June 2021.	Assets and liabilities management	VND5 billion	100%

The current principal operations of the subsidiary during the year are managing the loans; managing and exploiting collaterals; managing collateral documents; restructuring the loans; trading the loans with other credit institutions.

2. FISCAL YEAR AND ACCOUNTING CURRENCY

2.1 *Fiscal year*

Fiscal year applicable for the preparation of the Bank' separate financial statement starts on 1 January and ends on 31 December.

2.2 *Accounting currency*

The separate financial statements are prepared in Vietnam dong ("VND") which is also the Bank's currency. For the purpose of preparing these separate financial statements as at 31 December 2024, the data is rounded to millions and expressed in millions of Vietnam dong ("VND million"). This presentation does not impact the views of the readers of the financial statements on the separate statement of financial position, the separate income statement, and the separate cash flows statement.

3. APPLIED ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM

3.1 *Statement of compliance*

The Board of Management of the Bank confirms that the accompanying separate financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Accounting System for Credit Institutions and statutory requirements relevant to the preparation and presentation of separate financial statements.

3.2 *Purpose of preparation of separate financial statements*

The Bank has a subsidiary as disclosed in Note 1 and Note 13. The Bank prepared these separate financial statements to meet the prevailing requirements in relation to disclosure of information, specifically the Circular 27/2021/TT-NHNN dated 31 December 2021 by the SBV, Decision 49/2014/TT-NHNN dated 31 December 2014 by the SBV, Decision 16/2007/QD-NHNN dated 18 April 2007 by the SBV and Circular 96/2020/TT-BTC on disclosure of information on the securities market. In addition, as required by these regulations, the Bank has also prepared the consolidated financial statements of the Bank and its subsidiary for the year ended 31 December 2024.

3. APPLIED ACCOUNTING STANDARDS AND SYSTEM (continued)

3.2 *Purpose of preparation of separate financial statements* (continued)

The users of separate financial statements should read these separate financial statements together with the consolidated financial statements in order to have adequate information about the consolidated financial position, results of consolidated operations and consolidated cash flows statement of the Bank and its subsidiary.

3.3 *Accounting standards and system*

The separate financial statements of the Bank have been prepared in accordance with the accounting system applicable to credit institutions required under Decision No. 479/2004/QD-NHNN issued on 29 April 2004 and Circular No. 10/2014/TT-NHNN dated 20 March 2014, Circular No. 22/2017/TT-NHNN dated 29 December 2017 and Circular No. 27/2021/TT-NHNN dated 31 December 2021 amending and supplementing Decision No. 479/2004/QĐ-NHNN; of the financial reporting regime applicable to credit institute required under Decision No. 16/2007/QD-NHNN dated 18 April 2007, Circular No. 49/2014/TT-NHNN amending and supplementing a number of articles of Decision No. 16/2007/QĐ-NHNN and the chart of account system for Credit Institutions issued in connection with Decision No. 479/2004/QĐ-NHNN by the SBV and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series No. 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series No. 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series No. 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series No. 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series No. 5).

Accordingly, the accompanying the separate financial statements and their utilization are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the separate financial position, separate results of operations and separate cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

Items or balances required by Decision No. 16/2007/QĐ-NHNN dated 18 April 2007 and Circular No. 49/2014/TT-NHNN dated 31 December 2014 issued by the SBV stipulating the financial statements reporting mechanism for credit institutions that are not shown in these separate financial statements indicate nil balance.

3.4 *Basis of assumptions and uses of estimates*

The preparation of the separate financial statements requires the Board of Management of the Bank makes estimates and assumptions that affect the reported amount of assets and liabilities and disclosure of contingent liabilities. These estimates and assumptions also affect the income, expenses and the resultant provisions. Such estimates are necessarily based on assumptions involving varying degrees of subjectivity and uncertainty and actual results may differ, resulting in future changes in such provisions.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

4.1 Change in accounting policies and disclosures

The accounting policies adopted by the Bank in preparation of the financial statements are consistent with those followed in the preparation of the Bank's financial statements for the year ended 31 December 2023, except for the following change in the accounting policies:

The Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 dated 18 January 2024, stipulates the establishment, organization, operation, early intervention, dissolution, and termination of activities of foreign bank branches; the establishment and operation of representative offices in Vietnam of foreign credit institutions and other foreign organizations engaged in banking activities; the handling of bad debts and collateral assets of bad debts of credit institutions, foreign bank branches, and organizations wholly owned by the State with the function of buying, selling, and handling debts. This law takes effect from 1 July 2024.

Decree No. 86/2024/ND-CP regulates the level of provision, methods of establishing risk provisions, the use of provisions to address risks in the operations of credit institutions, foreign bank branches, and cases where credit institutions allocate receivables and must write off ("Decree 86").

Decree 86 will take effect from 11 July 2024, replacing the provisions related to risk provisions in Circular 11. The bank has made provisions and utilized risk provisions in accordance with the regulations of Decree 86 during the year.

Circular 31/2024/TT-NHNN ("Circular 31") stipulates the classification of assets in the operations of commercial banks, non-bank credit institutions, and foreign bank branches.

Circular 31/2024/TT-NHNN ("Circular 31") regulates the classification of assets in the operations of commercial banks, non-bank credit institutions, and foreign bank branches, effective from 11 July 2024, replacing Circular 11/2021/TT-NHNN ("Circular 11"). Circular 31 modifies the regulations on debt classification, the level of provisioning, and the methods of provisioning for risk, as well as the use of provisions to address risks. The main changes of Circular 31 affect the estimation of provisions as follows: it adds principles for debt classification concerning debts arising from letter of credit transactions, outright purchase of documents presented under letters of credit, and several other transactions.

Circular 21/2024/TT-NHNN ("Circular 21") regulates the operations of letters of credit and other business activities related to letters of credit.

Circular 21 takes effect from 1 July 2024, and the letter of credit operation is considered a form of credit issuance through the issuance, confirmation, negotiation of payment, and repayment of letters of credit. Contracts and agreements related to this operation signed before the effective date of Circular 21 will continue to be executed until expiration and the obligations are fulfilled. Amendments, supplements, and extensions may only be made if they comply with Circular 21.

Circular 06/2024/TT-NHNN ("Circular 06") dated 18 June 2024, amends and supplements several provisions of Circular 02/2023/TT-NHNN ("Circular 02") dated 23 April 2023, issued by the Governor of the State Bank of Vietnam regarding credit institutions and foreign bank branches restructuring the repayment period and maintaining the debt group to support customers facing difficulties. This circular takes effect from 18 June 2024.

Circular 53/2024/TT-NHNN ("Circular 53") dated 4 December 2024, stipulates the restructuring of repayment terms for credit institutions and foreign bank branches for customers facing difficulties due to the impacts and damages caused by storm number 3, flooding, landslides following storm number 3. This circular takes effect from 4 December 2024.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.2 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, current accounts at the SBV, State treasury, current deposits and placements with banks with an original maturity of three months or less from the transaction date, which can be converted into a known amount of cash and do not bear the liquidity risk.

4.3 Deposits and loans to other credit institutions

Due from and loans to other credit institutions are presented at the principal amounts outstanding at the end of the financial year.

The classification of credit risk for deposits and loans of other credit institutions and the corresponding provision for risks is carried out in accordance with the regulations set forth in Decree 86 and Circular 31, which stipulate the classification of assets, the level of provisioning, the methods of provisioning for risks, and the use of provisions to address risks in the operations of credit institutions and foreign bank branches.

Accordingly, the Bank makes a specific provision for placements with (except for current accounts) and loans to other credit institutions in accordance with the method described in *Note 4.5*.

According to Decree 86, banks are not required to set aside general provisions for deposits at and loans to other credit institutions.

According to Circular 31, for deposits at credit institutions that are under special control as stipulated in Article 9, Article 174 of the Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15, the bank classifies these deposits as standard debt.

4.4 Loans to customers

Loans to customers are presented at the principal amounts outstanding at the end of the financial year.

The provision for credit losses of loans to customers is presented separately as one (1) line in the separate statement of financial position.

Short-term loans are loans with term of less than one year from the date of disbursement. Medium-term loans have term of 1 to 5 years from the date of disbursement. Long-term loans are loans with term of over 5 years from the date of disbursement.

The classification of loans and provision for credit losses are made in accordance with Decree 86 and Circular 31 is presented in *Note 4.5*.

4.5 Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank, loans to customers and other credit risk bearing assets

4.5.1 Loan classification and provision for credit losses

The classification of due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and trusted for purchase by the Bank, loans to customers and trusted for credit granting by the Bank and other credit risk bearing assets (collectively called "debts") is made on the basis of quantitative method as prescribed in Article 10 of Circular 31. Accordingly, loans to customers are classified into the following levels of risk: Current, Special mention, Substandard, Doubtful, and Loss, based on their overdue status. Debts classified as Substandard, Doubtful and Loss are considered bad debt.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 *Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and entrusted for purchase by the Bank, loans to customers and other credit risk bearing assets* (continued)

4.5.1 *Loan classification and provision for credit losses*

The Bank makes general provision as at 31 December 2024 at the rate of 0.75% of the total oustanding balance as at 31 December 2024 of debts classfied from Group 1 to 4 excluding due from and loans to other banks, promissory notes and bills; certificates of deposit, bonds issued by other credit institutions and foreign bank branches; repo on government bonds.

Specific provision as at 31 December 2024 is made based on the outstanding principal balance less discounted value of collaterals multiplied by provision rates which are determined based on the debt classification as at 31 December 2024. The basis for value and discounted value determination for each type of collateral is specified in Circular 86.

The debt classification and specific provision rate for each loan group are as follows:

Group		*Description*	*Provision rate*
1	Current	a) Current debts are assessed as fully and timely recoverable for both principals and interests; or b) Debts are overdue for a period of less than 10 days and assessed as fully recoverable for both overdue principals and interests, and fully and timely recoverable for both remaining principals and interests.	0%
2	Special mention	a) Debts are overdue for a period of between 10 days and 90 days; or b) Debts of which the repayment terms are restructured for the first time.	5%
3	Sub - Standard	a) Debts are overdue for a period of between 91 days and 180 days; or b) Debts which the repayment terms are extended for the first time; or c) Debts which interests are exempted or reduced because customers do not have sufficient capability to repay all interests under credit contracts; or d) Debts under one of the following cases which have not been recovered in less than 30 days from the date of the recovery decision: ▪ Debts violating Clause 1, 3, 4, 5, 6 under Article 134 of Law on Credit Institutions; or ▪ Debts violating Clause 1, 2, 3, 4 under Article 135 of Law on Credit Institutions; or ▪ Debts violating Clauses 1, 2,5 and 9 under Article 136 of Law on Credit Institutions e) Debts are required to be recovered according to regulatory inspection conclusions. f) Debts are required to be recovered according to credit institutions, foreign bank branches' decisions on early payment due to customers' breach of agreements but have not yet been recovered in 30 days from the issuance date of the decision; or g) At the request of the SBV based on the inspection, supervision conclusions and relevant credit information.	20%

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and trusted for purchase by the Bank, loans to customers and other credit risk bearing assets (continued)

4.5.1 Loan classification and provision for credit losses (continued)

Group		*Description*	*Provision rate*
4	Doubtful	a) Debts are overdue for a period of between 181 days and 360 days; or b) Debts of which the repayment terms are restructured for the first time but still overdue for a period of 90 days under that restructured repayment term; or c) Debts of which the repayment terms are restructured for the second time; or d) Debts are specified in point (d) of Loan group 3 and overdue for a period of between 30 days and 60 days after decisions of recovery have been issued; or e) Debts are required to be recovered according to regulatory inspection conclusions but still outstanding with an overdue period up to 60 days since the recovery date as required by regulatory inspection conclusions; or f) Debts are required to be recovered according to credit institutions, foreign bank branches' decisions on early payment due to customers' breach of agreements but have not yet been recovered for a period between 30 days to 60 days from the issuance date of the decision; or g) At the request of the SBV based on the inspection, supervision conclusions and relevant credit information.	50%
5	Loss	a) Debts are overdue for a period of more than 360 days; or b) Debts of which the repayment terms are restructured for the first time but still overdue for a period of 91 days or more under that first restructured repayment term; or c) Debts of which the repayment terms are restructured for the second time but still overdue under that second restructured repayment term; or d) Debts of which of which the repayment terms are restructured for the third time or more, regardless of being overdue or not; or e) Debts are specified in point (d) of Loan group 3 and overdue for a period of more than 60 days after decisions on recovery have been issued; or f) Debts are required to be recovered under regulatory inspection conclusions but still outstanding with an overdue period of more than 60 days since the recovery date as required by regulatory inspection conclusions; or g) Debts are required to be recovered according to credit institutions, foreign bank branches' decisions on early payment due to customers' breach of agreements but have not yet been recovered for a period of more than 60 days from the issuance date of the decision; or h) Debts of credit institutions under special control as announced by the SBV, or debts of foreign bank branches whose capital and assets are blocked; or i) At the request of the SBV based on the inspection, supervision conclusions and relevant credit information.	100%

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 *Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and trusted for purchase by the Bank, loans to customers and other credit risk bearing assets* (continued)

4.5.1 Loan classification and provision for credit losses (continued)

If a customer has more than one debt with the Bank and any of the outstanding debts is classified into a higher risk group, the entire remaining debts of such customer should be classified into the corresponding higher risk group.

If a customer is classified into a debt group with lower risk than the debt group in CIC list, the Bank must adjust the debt classification results according to the CIC list.

When the Bank participate in a syndicated loan as a participant, they should classify loans (including syndicated loans) of the customer into the group of higher risk between the assessment of the leading bank and the Bank..

4.5.2 Loan restructuring and loan classification retention support borrowers facing financial difficulties

From 13 March 2020 to 30 June 2022, the Bank implemented a policy for restructuring debt repayment terms, waiving and reducing interest and fees, and maintaining the classification of debts for loans that met the conditions set forth in Circular No. 01/2020/TT-NHNN dated 13 March 2020 ("Circular 01"), Circular No. 03/2021/TT-NHNN ("Circular 03") dated 2 April 2021, and Circular No. 14/2021/TT-NHNN ("Circular 14") dated 7 September 2021, issued by the State Bank of Vietnam, which regulates the restructuring of debt repayment terms, waiving and reducing interest and fees, and maintaining the classification of debts to support customers affected by the COVID-19 pandemic.

The time of debt occurrence	*Overdue status*	*The period of overdue occurrence*	*Principle of maintaining the debt group*
Before 1 August 2021	Within the deadline or overdue by up to 10 days	From 30 March 2020 to 30 June 2022	Maintain the debt group that was classified at the most recent time before 23 January 2020, or the debt group that was classified at the most recent time before the date of the first restructuring of the repayment term
Before 23 January 2020	Overdue	From 23 January 2020 to 29 March 2020	Maintain the debt group that was classified at the most recent time before 23 January 2020
From 23 January 2020, to 10 June 2020		From 23 January 2020 to 17 May 2021	Maintain the debt group that was classified at the most recent time before the date the debt was transferred to overdue
From 10 June 2020 to 1 August 2021		From 17 July 2021 to 7 September 2021	

For loans, which repayment term was restructured, interest and/or fees were exempted or reduced, and loan classification was retained, are overdue under restructured repayment term and not continued to restructure under current regulations, the Bank makes loan classification and provision in accordance with Decree 86 and Circular 31.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.5 Loan classification and provision for credit losses applied to due from and loans to other credit institutions, unlisted corporate bonds purchased and trusted for purchase by the Bank, loans to customers and other credit risk bearing assets (continued)

4.5.3 Specific provision for customers with debts that have been restructured on term basis and are subject to loan classification retention

The Bank makes specific provision for customers with debts that have been restructured on term basis and are subject to loan classification retention according to the following formula:

$$C = A - B$$

In which:

C: Additional specific provision;

A: Specific provision to be made for all outstanding loan balance of customers according to the results of loan classification under Circular 31 and Decree 86 *(Note 4.5.1)*;

B: Total specific provision to be made for the outstanding balance of loans applying loan classification under the policy of loan classification retention *(Note 4.5.2)* and specific provision to be made for remaining loan balances of the customers according to the results of loan classification under Circular 31 and Decree 86 *(Note 4.5.1)*.

Additional specific provision (called as C) is made by the Bank when preparing financial statements, ensuring the provisioning at as follows:

- For loans that fall under the policy of loan restructuring and loan classification retention as prescribed in Circular 01, Circular 03 and Circular 14
  - By 31 December 2022: At least 60% of the additional specific provision must be made,
  - By 31 December 2023: 100% of the additional specific provision must be made.

4.5.4 Write-off bad debts

Provisions are recognized as an expense in the separate income statement and are utilized to address bad debts. According to Decree 86 and Circular 31, the Bank establishes a risk settlement committee to handle bad debts if they are classified in group 5 or if the borrower is an organization that is dissolved or bankrupt, or an individual who is deceased or missing.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.6 Securities held for trading

4.6.1 Classification and recognition

Securities held for trading include debt securities purchased for trading purposes. Securities held for trading are initially recognized at cost on transaction date.

4.6.2 Measurement

Periodically, securities held for trading will be assessed for diminution in value.

Securities held for trading are recognized at the lower of book value of the securities and its market value. Provision for diminution in value of securities held for trading is made when book value of the securities is higher than its market value. The provision is not applicable to Government bonds, government-guaranteed bonds, and local government bonds. Provision for diminution is recognized to the separate income statement at "Net gain from securities held for trading".

Provision for securities held for trading which is mentioned above is reversed when the recoverable amount of securities held for trading increases after the provision is made as a result of an objective event. Provision is reversed up to the gross value of these securities before the provision is made.

Gains or losses from sales of trading securities are recognized in the separate income statement.

Interest derived from securities held for trading are recognized on cash basis in the separate income statement.

4.6.3 De-recognition

Securities held for trading are de-recognized when the rights to receive cash flows from these securities are terminated or the Bank transfers substantially all the risks and rewards of ownership of these securities.

4.7 Available-for-sale securities

4.7.1 Classification and recognition

Available-for-sale securities include debt and equity securities acquired by the Bank for investment and available-for-sale purposes, not regularly traded but can be sold when there is a benefit.

Available-for-sale debt securities are recognized at par value on the purchase date. Accrued interest (for debt securities with interest payment in arrears) and deferred interest (for debt securities with interest payment in advance) is recognized in a separate account. Discount/premium which is the difference between the cost and the amount being the par value plus (+) accrued interest (if any) or minus (-) deferred interest (if any) is also recognized in a separate account.

In subsequent periods, these securities are continuously recorded at par value, and the discount/premium (if any) is amortized to the separate income statement on a straight-line basis over the remaining term of securities. Interest received in arrears is recorded as follows: cumulative interest incurred before the purchasing date is recorded as a decrease in the accrued interest; cumulative interest incurred after the purchasing date is recognized as income based on the accumulated method. Interest received in advance is amortized into the securities investment interest income on a straight-line basis over the term of securities investment.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.7 Available-for-sale securities (continued)

4.7.2 Measurement

Periodically, available-for-sale securities will be considered for diminution in value.Available-for-sale securities are recognized on the principle of lower value between book value and market value. The provision for diminution in value is recorded under "Net gain/loss from investment securities" in the separate income statement.

For corporate bonds that have not yet been listed on the securities market or have not been registered for trading on unlisted public companies, the Bank shall make provisions for those bonds in accordance with Decree 86 as presented in *Note 4.5.*

4.8 Held-to-maturity securities

Held-to-maturity investment securities are debt securities purchased by the Bank for the investment purpose of earning dividend and the Bank has the capability and intention to hold these investments until maturity. Held-to-maturity securities have the determined value and maturity date. In case the securities are sold before the maturity date, these securities will be reclassified to securities held for trading or available-for-sale securities.

Held-to-maturity securities are recognized and measured in the similar as available-for-sale debt securities are presented in Note 4.7.

4.9 Investments in subsidiary

Investment in subsidiary is recognized for under the cost method on the separate financial statements of the Bank. Dividends distributed from the after-tax profits of the subsidiary are recognized as income in the separate income statement.

Provision for losses on investment in subsidiary is made for cash loss-making investments and reviewed at the end of the financial year. The Bank makes provision for investments in subsidiary if an investment is lost due to loss of subsidiary. Increases or decreases to the provision balance are recorded as *"Other operating expenses"*.

4.10 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises of its purchase price plus any directly attributable costs of bringing the asset to working condition for its intended use.

Cost related to additions, improvements and renewals are capitalized while expenditures for maintenance and repairs are charged to the separate income statement.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the separate income statement.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.11 Intangible fixed assets

The intangible fixed assets are recorded at their original cost less accumulated depreciation.

The original cost of intangible fixed assets includes all expenses that the Bank must incur to acquire the intangible fixed assets up to the point of putting those intangible fixed assets into use as planned.

Costs for upgrading and renewing intangible fixed assets are added to the original cost of the intangible fixed assets, while other expenses are accounted for in the separate income statement when they arise.

When intangible fixed assets are sold or liquidated, any gains or losses arising from the liquidation of the assets (which is the difference between the net cash received from the sale of the assets and the remaining value of the assets) are recorded in the separate income statement.

4.12 Depreciation and amortization

Depreciation of tangible fixed assets and amortization of intangible fixed assets are calculated under the straight-line method during the estimated useful lives of the assets as follows:

Buildings and structures	3 - 50 years
Machinery and equipment	3 - 8 years
Transportation vehicles and transmission equipment	6 - 10 years
Other tangible fixed assets	4 - 15 years
Computer software	3 - 15 years

Infinite land use rights granted by the Government are not amortized. Definite term land use rights are amortized over the term of use.

4.13 Leased assets

4.13.1 Lessee

Rentals under operating lease contracts are charged to the separate income statement as *"Other operating expenses"* on a straight-line basis over the term of the lease.

4.13.2 Lessor

The Bank recognized the assets used for operating lease in the separate statement of financial position. Income from lease of assets is recognized in the *"Fee and Commission Income"* account of the separate income statement under the straight-line method over the term of the lease, not depends on method payment. The rental operating expenses, including the depreciation of leased assets, are recognized as expenses in the year incurred.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.14 Receivables

4.14.1 Receivables classified as credit risk assets

Receivables and outstanding loans sold on credit are classified as credit risk assets and recognized at cost. Overdue receivables are classified and made provision for credit risk by the Bank in accordance with regulations presented in Note 4.5.

4.14.2 Other receivables

Receivables other than receivables classified as credit risk assets are initially recognized at cost.

Provision for receivables is determined based on the overdue status of debts or expected loss of current debts. This provision is made when the debts are not yet due for payment, but the corporate debtors have fallen into bankruptcy or are in the process of dissolution, or when individual debtors are missing, having escaped, are being prosecuted, on trial, or deceased. The provision expense incurred is recorded into *"Other operating expenses"* of the separate income statement for the year.

The provision for overdue debts is made as follows:

Overdue	*Provision rate*
From six (6) months up to under one (1) year	30%
From one (1) year up to under two (2) years	50%
From two (2) years up to under three (3) years	70%
From three (3) years and above	100%

4.15 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses on the separate statement of financial position and amortized over the period for which the amount is paid or the period in which economic benefit is generated in relation to these expenses.

4.16 Due to and borrowings from the SBV, other credit institutions, customers deposits and valuable papers issued

Due to and borrowings from the SBV, other credit institutions, customer deposits and valuable papers issued are presented at the principal amounts outstanding at the date of separate financial statements. At initial recognition, issuance costs are deducted from the cost of the valuable papers. These costs are allocated on a straight-line method during the lifetime of the valuable papers to "Interest and similar expenses".

4.17 Payables and accruals

Payables and accruals are recognized for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Bank.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.18 Classification for off-balance sheet commitments

Off-balance sheet commitments include guarantees, acceptances and non-cancellable loan commitments with specific effective date.

The classification of off-balance sheet commitments is made solely for the purpose of managing and monitoring the quality of credit granting activities in accordance with the classification policy applicable to loans as described in *Note 4.5*.

According to Decree 86 and Circular 31, the Bank do not need to make provisions for off-balance sheet commitments

4.19 Fiduciary assets

Assets held in a fiduciary capacity, unless recognition criteria are met, are not recognized in the Bank's separate financial statements, as they are not assets of the Bank.

4.20 Derivatives

The Bank involves in currency forward contracts and currency swap contracts to facilitate customers to transfer, modify or minimize foreign exchange risk or other market risks, and also for the business purposes of the Bank.

Currency forward contracts

The currency forward contracts are purchase/sale of foreign currencies commitments to settle in cash on a pre-determined future date based on pre-determined exchange rates. The currency forward contracts are recognized at nominal value at the transaction date and are revalued for the reporting purpose at the exchange rate at the reporting date, unrealized gain or losses are recognized in the *"Foreign exchange differences"* under *"Owners' equity"* in the separate statement of financial position and will be transferred to the separate income statement at the end of the financial year. The premium or discount derived from the difference between spot rate and forward rate are recorded at contract date as assets if positive or liabilities if negative in separate statement of financial position. The difference is amortized to the separate income statement on straight-line basis over the forward contract period.

Swap contracts

The swap contracts are commitments to settle in cash on a pre-determined future date based on the difference between pre-determined exchange rates calculated on the notional principal amount. The premium or discount resulting from the difference between the spot rate at the effective date of the contract and the forward rate will be recognized immediately at the effective date of the contract as an asset if positive or a liability if the negative on the separate statement of financial position. The difference will be amortized on a straight-line basis over the life of the swap contract to the separate income statement.

4.21 Share capital

4.21.1 Ordinary Share

Common stock is classified as owner's equity.

4.21.2 Share premium

The Bank records the difference between the par value and issue price of shares if the issue price is higher than par value, and the difference between the price of repurchasing of treasury stocks and the re-issue price of treasury stocks to the share premium account. The expense related to issuing shares will be recorded as a deductible share premium.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.21 Share capital (continued)

4.21.3 Statutory reserves

The Bank creates the following statutory reserves in compliance with Law on Credit Institutions No. 32/2024/QH15 and Decree No. 93/2017/ND-CP and the Bank's Charter as follows:

	Percentage of profit after tax	*Maximum balance*
Capital supplementary reserve	10% of profit after tax	100% of charter capital
Financial reserve	10% of profit after tax	Not regulated

Other funds are appropriated from profit after tax. Appropriation from profit after tax and use of other funds must be approved by the General Meeting of Shareholders. These funds are not regulated by law and are allowed to be fully distributed.

4.22 Recognition of income and expense

Interest income and interest expenses

Interest income and interest expenses are recognized in the Income statement on accrual basis. The recognition of accrued interest income arising from loans classified in Groups 2 to 5 in accordance with Circular 31 and loans with repayment term restructuring and loan classification retention according to regulations will not be recognized in the separate income statement. Suspended interest income is reversed and monitored off-balance sheet and recognized in the separate income statement upon actual receipt.

Fees and commissions

Fees and commissions are recognized when service is suppied.

Income from investment

Income from investments is recognized based on the difference between the selling price and average cost of the securities sold.Cash dividends from investment are recognized in the separate income statement when the Bank's right to receive the payment is established. For stock dividends and bonus shares, the number of shares is updated, and no dividend income is recognized in the separate income statement.

Other income

Other income is recognized on cash basis.

According to Circular 16/2018/TT-BTC, issued by the Ministry of Finance on 7 February 2018, which provides guidance on financial regulations for credit institutions and branches of foreign banks, In the event that accounts receivable, previously recorded as income, are deemed uncollectible or are not received when due, the Bank and should recognize a reduction in revenue if it occurs within the same accounting period. If the reduction does not happen in the same accounting period, they should recognize such receivables as expenses and remove them from the statement of financial position to facilitate collection. Once the accounts receivable is eventually collected, the Bank and should record them as income in the separate income statement.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.23 Debts trading operation

The accounting treatment for debts purchased are recognized in accordance with Circular No. 09/2015/TT-NHNN dated 17 July 2015 and amended by Circular No. 18/2022/TT-NHNN dated 26 December 2022 providing guidance on the sale of debts of credit institutions and foreign bank branches.

Purchase debts

Debts purchased are initially recorded at purchase price and subsequently presented at cost less provision for credit losses. Price of debts purchased or sold is the settlement amount which the seller received under the debt purchase contract.

Debts purchased are initially classified in the risk group which is not lower than the risk group of the debts before the purchase. Subsequently, debts purchased are monitored, classified and provided for credit losses similar to normal loans to customers in accordance with Circular 31.

Sale of debts

Income and expenses from the sale of debts are recognized in accordance with Circular No. 09/2015/TT-NHNN dated 17 July 2015 and amended by Circular No. 18/2022/TT-NHNN dated 26 December 2022 providing guidance on the sale of debts of credit institutions and foreign bank branches.

According to Circular No. 09/2015/TT-NHNN, the difference between the prices of debts purchased or sold and their book value are recorded as follows:

- For debts recorded in the separate statement of financial position:
  - If the sale price is higher than the book value of the debt, the difference shall be recorded as income of the Bank in the year.
  - If the purchase or sale price is lower than the book value of the debt, the difference shall be used to offset against the indemnity paid by an individual or guarantor (in case such individual or guarantor is determined to be responsible for the damage and obliged to make indemnity under prevailing regulations), or the compensation paid by the insurer, or use of outstanding provision recognized as expense previously. The remaining balance (if any) shall be recognized as an operating expense of the Bank in the year.
- For debts written off and monitored off-balance sheet, the proceeds from sale of debts shall be recognized as other income of the Bank.

Book value of debts sold is the book value of the principal, interest and related financial obligations (if any) of debts recorded in the statement of financial position or off-balance sheet at the date of debts sold; or the book value at the date of writing-off of debts; or the book value of debts written off previously at the date of debts sold.

Price of debts sold is the sum of consideration to be paid by a debt buyer to a debt seller under a debt purchase and sale contract.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.24 *Foreign currency transactions*

In accordance with the accounting system of the Bank, all transactions are recorded in original currencies. Monetary assets and liabilities denominated in foreign currencies are translated into VND using exchange rates ruling at the separate statement of financial position date (*Note 40*). Income and expenses arising in foreign currencies during the year are converted into VND at rates ruling at the transaction dates. Foreign exchange differences arising from the translation of monetary assets and liabilities are recognized and followed in the *"Foreign exchange differences"* under *"Owners' equity"* in the separate statement of financial position and will be transferred to the separate income statement at the end of the financial year.

4.25 *Corporate income tax*

Current corporate income tax

Current corporate income tax assets and liabilities for the current and prior periods are measured at the amount expected to be paid to (or recovered from) the taxation authorities. The tax rates and tax laws are applied and enacted at the separate statement of financial position date.

Current corporate income tax is charged or credited to the separate income statement except when it relates to items recognized directly to equity, in this case the current corporate income tax is also recognized in equity.

Current corporate income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Bank to offset current tax assets against current tax liabilities and when the Bank intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Tax reports of the Bank are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to various interpretations, amounts reported in the separate financial statements could be changed at a later date upon final determination of the tax authorities.

Deferred corporate income tax

Deferred corporate income tax is provided on temporary differences at the separate statement of financial position date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for the separate financial reporting purposes.

Deferred corporate income tax payable is recognized for temporary taxable differences, except where:

- The deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- Taxable temporary differences associated with investments in subsidiaries, associates and joint ventures where the Bank has the ability to control the timing of the reversal of the temporary difference and the temporary difference will not be reversed in the foreseeable future.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.26 Taxation (continued)

Deferred corporate income tax (continued)

Deferred tax assets are recognized for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be utilized, except where:

- The deferred tax asset arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction affects neither the accounting profit nor taxable profit or loss.
- For deductible temporary differences arising from investments in subsidiaries, associates and joint ventures, deferred tax assets are recognized to the extent that it is probable that future taxable profits will become available temporary differences will be reversed in the foreseeable future and taxable profit will be available to utilize the temporary difference.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each statement of financial position date and reduced to the extent that it is probable that sufficient taxable profits will be available to allow all or part of the asset to be recovered. Unrecognized deferred tax assets are reassessed at each separate statement of financial position date and are recognized to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the year when the asset realized, or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the separate statement of financial position date.

Deferred tax is charged or credited to the separate income statement, except when it relates to items recognized directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Company to off-set current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on:

- Either the same taxable entity; or
- When the Company intends either settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.26 Offsetting

Financial assets and financial liabilities are offset and the net amount is reported in the separate statement of financial position of the Bank if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset financial assets against financial liabilities or vice-versa, and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the asset and settle the liability simultaneously.

4.27 Employee benefits

4.27.1 Post-employment benefits

Post-employment benefits are paid to retired employees of the Bank by the Social Insurance Agency which belongs to the Ministry of Labor and Social Affairs. The Bank is required to contribute to these post-employment benefits by paying social insurance premium and accident insurance the rate of 17,5% of an employee's basic salary monthly. Other than that, the Bank has no further obligation relating to post-employment benefits.

4.27.2 Voluntary resignation benefits

According to the Labor Code, the Bank has the obligation, to pay allowance arising from voluntary resignation of employees, equal to one-half month's salary for each year of employment up to 31 December 2008 plus salary allowances (if any). From 1 January 2009, the average monthly salary used in this calculation is the average monthly salary of the latest six-month period up to the resignation date.

4.27.3 Unemployment insurance

According to current regulations, the Bank is obliged to pay unemployment insurance at a rate of 1.0% of its salary fund used for unemployment insurance purposes and required to deduct 1.0% of each employee's salary to pay simultaneously to the Unemployment Insurance Fund.

4.28 Related parties

The parties are considered related parties of the Bank if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or to significantly influence the other party in making financial and operational decisions, or when the Bank and the other party are under common control or significant common influence. Related parties may include companies or individuals, including their close family members.

4.29 Segment information

A segment is a component determined separately by the Bank which is engaged in providing products or related services (business segment) or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments. Management defines the Bank's geographical segments to be based on the business segment of the Bank.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.30 Financial instruments

On 6 November 2009, the Ministry of Finance issued Circular No. 210/2009/TT-BTC ("Circular 210") providing guidance for the adoption of the International Financial Reporting Standards on presentation and disclosures of financial instruments with effective from financial years beginning on or after 1 January 2011.

The Circular 210 only regulates the presentation of financial statements and disclosures financial instruments, therefore, the below definitions of financial assets, financial liabilities and other relating definitions are applied solely for the preparation of this note. The Bank's assets and liabilities are still recognized and recorded in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Accounting System for Credit Institutions, regulations of the SBV and statutory requirements relevant to preparation and presentation of the separate financial statements.

Financial assets

Under Circular 210, financial assets of the Bank include cash, gold, precious stones, balances with the SBV and due from other credit institutions, loans to customers and other credit institutions, receivables and other financial assets.

Financial assets within the scope of Circular 210, for disclosures in the notes to the separate financial statements, are classified into either of the followings:

Financial asset at fair value through profit or loss

Financial asset at fair value through profit and loss is a financial asset that meets either of the following conditions:

a) It is classified as held for trading. A financial asset is classified as held for trading, if:
   - ✓ It is acquired or incurred principally for the purpose of reselling or repurchasing it in the near term;
   - ✓ There is evidence of a recent actual pattern of short-term profit-taking; or
   - ✓ It is a derivative (except derivative that is a financial guarantee contract or effective hedging instrument).

b) Upon initial recognition, it is designated by the entity at fair value through profit or loss.

Held-to-maturity investments:

Held-to-maturity investments are non-derivative financial assets with determinable payments and fixed maturity that an entity has the positive intention and ability to hold to maturity other than:

a) Those that the Bank upon initial recognition designates at fair value through profit or loss;

b) Those that the Bank designates as available for sale;

c) Those that meet the definitions of loans and receivables.

Available-for-sale financial assets

Available-for-sale financial assets are those non-derivative financial assets that are designated as available for sale or are not classified as:

a) Loans and receivables;

b) Held-to-maturity investments;

c) Financial assets at fair value through profit or loss.

4. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES (continued)

4.30 Financial instruments (continued)

Financial assets (continued)

Financial assets within the scope of Circular 210, for disclosures in the notes to the separate financial statements, are classified into either of the followings: (continued)

Loans and receivables:

Loans and receivables are non-derivative financial assets with fixed or measurable liquidity and are not listed in the market, except:

a) Financial assets which the Bank intends to sell immediately or in the near future are assets held for trading purpose, and are recognized at fair value through profit or loss at the beginning;

b) Financial assets which are classified as available-for-sale by the Bank at the beginning; or;

c) Financial assets which holders may not recover most of original investments, not due to impairment of credit quality and are classified as available-for-sale.

Financial liabilities

Under Circular 210, financial liabilities of the Bank include borrowings from the SBV, due to and borrowings from other credit institutions, due to customers, derivatives and other financial liabilities.

Financial liabilities within the scope of Circular 210, for disclosures in the notes to the separate financial statements, are classified into either of the followings:

- *Financial liability at fair value through profit or loss:*

  Financial liability at fair value through profit and loss is a financial liability that meets either of the following conditions:

  a) It is classified as held for trading. A financial liability is classified as held for trading if:
     - ✓ It is acquired or incurred principally for the purpose of reselling/repurchasing it in the near term;
     - ✓ There is evidence of a recent actual pattern of short-term profit-taking; or
     - ✓ It is a derivative (except derivative that is a financial guarantee contract or effective hedging instrument).

  b) Upon initial recognition, it is designated by the entity as at fair value through profit or loss.

- *Financial liability at amortized cost*

Financial liabilities that are not classified at fair value through profit or loss are classified at amortized cost.

Offsetting of financial instruments

Financial assets and financial liabilities are offset, and the net amount reported in the separate statement of financial position if, and only if, there is a currently enforceable legal right to offset the recognized amounts and there is an intention to settle on a net basis, or to realize the assets and settle the liabilities simultaneously.

5. CASH

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	490,993	481,458
In foreign currencies	57,609	54,431
	548,602	**535,889**

6. BALANCES WITH THE STATE BANK OF VIETNAM ("SBV")

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	6,967,475	9,364,162
In foreign currencies	57,225	44,693
	7,024,700	**9,408,855**

Balances with the State Bank of Vietnam include settlement and compulsory reserves. The average balances of the Bank with the State Bank of Vietnam are not less than the compulsory reserve in any given month. The compulsory reserve is calculated by multiplying the average deposit balances of the previous month by the compulsory reserve rates.

The compulsory reserve rate regulated by the SBV at the end of the year as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balanc % p.a*
Demand deposits and deposits with term of less than 12 months in VND	3.00	3.00
Demand deposits and deposits with term of less than 12 months in foreign currencies	8.00	8.00
Deposits with term of from 12 months and above in VND	1.00	1.00
Deposits with term of from 12 months and above in foreign currencies	6.00	6.00

The actual annual interest rates on deposits with the SBV are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balanc % p.a*
Within compulsory reserve in VND	0.50	0.50
Within compulsory reserve in foreign currencies	0.00	0.00
Over compulsory reserve in VND and foreign currencies	0.00	0.00

7. DUE FROM AND LOAN TO OTHER CREDIT INSTITUTIONS

7.1 *Due from other credit institutions*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Demand deposits	**1,474,084**	**342,998**
In VND	91,611	52,682
In foreign currencies	1,382,473	290,316
Term deposits	**32,547,116**	**26,204,540**
In VND (*)	28,536,990	23,830,000
In foreign currencies	4,010,126	2,374,540
	34,021,200	**26,547,538**

Annual interest rates of due from other credit institutions at year-end are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposits		
In VND	0.00	0.00
In foreign currencies	0.00	0.00
Term deposits		
In VND (*)	0.00 - 6.00	0.00 - 3.70
In foreign currencies	4.75 - 5.10	5.30 - 5.65

(*) Including deposits for a special credit fund controlled with 0% interest rate according to the policy of the SBV Soc Trang Branch with the amount of VND66,000 million (31 December 2022: VND66,000 million).

7.2 *Loans to other credit institutions*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	**1,900,000**	**-**

The annual interest rates of loans to other credit institutions at the end of the year are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
In VND	5.50	Not applicable

7. DUE FROM AND LOAN TO OTHER CREDIT INSTITUTIONS (continued)

7.3 *Analysis of term deposits at and loans to other credit institutions by quality*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Standard		
Term deposits	32,547,116	26,204,540
Loans to other credit institutions	1,900,000	-
	34,447,116	**26,204,540**

8. HELD-FOR-TRADING SECURITIES

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debt securities		
Deposit certificates issued by local credit institutions	-	1,076,343
Government debt securities *(i)*	340,337	-
	340,337	**1,076,343**

(i) Government bonds have term from 10 years to 15 years, with an interest rate ranging from 3.80% p.a to 8.80% p.a, interest is paid annually and principal is paid on the maturity date.

Listing status of held-for-trading securities as at year-end is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Government bonds		
- Listed	340,337	-
Bonds issued by other domestic credit institution		
- Unlisted	-	1,076,343
	340,337	**1,076,343**

9. DERIVATIVES AND OTHER FINANCIAL ASSETS

	Total contract nominal value (at contractual exchange rate) VND million	*Total carrying value (at exchange rate as at year-end)*	
		Assets VND million	*Liabilities VND million*
As at 31 December 2024			
Currency forward contracts	-	-	-
Currency swap contracts	14,947,377	89,061	-
Total	**14,947,377**	**89,061**	**-**
Net amount		**89,061**	
As at 31 December 2023			
Currency forward contracts	975	5	-
Currency swap contracts	6,286,466	19,843	-
Total	**6,287,441**	**19,848**	**-**
Net amount		**19,848**	

10. LOANS TO CUSTOMERS

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Loans to domestic economic entities and individuals	93,223,372	80,576,002
Payments on behalf of customers	42,524	2,725
Loans by commercial bill discount and other valuable papers	371,140	175,703
	93,637,036	**80,754,430**

The annual interest rates of loans to customers at the end of the year are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
In VND	0.30 - 29.25	0.30 - 29.25
In foreign currencies	4.00 - 7.40	3.00 - 9.40

10.1 Analysis of loans by quality

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Standard	90,288,767	77,114,842
Special mention	769,999	1,568,456
Substandard	583,717	397,017
Doubtful	496,483	251,044
Loss	1,498,070	1,423,071
	93,637,036	**80,754,430**

10. LOANS TO CUSTOMERS (continued)

10.2 *Analysis of loans by original term*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Short-term	58,480,666	62.45	50,433,686	62.45
Medium-term	17,826,226	19.04	12,850,110	15.92
Long-term	17,330,144	18.51	17,470,634	21.63
	93,637,036	**100**	**80,754,430**	**100**

10.3 *Analysis of loans by types of customers and ownership*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND millio*	*%*
Household business, individuals	44,006,464	47.00	36,019,94:	44.60
Other private limited companies	30,861,771	32.96	26,863,23	33.27
Other joint stock companies	17,817,151	19.03	16,588,49	20.54
Foreign direct invested companies	767,020	0.82	913,92	1.13
One-member limited liability companies with the State owning 100% of capital	124,128	0.13	227,05	0.28
Others	60,502	0.06	141,77:	0.18
	93,637,036	**100**	**80,754,43**	**100**

10.4 *Analysis of loans by economic sector*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Households services, production of material products and services used by households	44,006,464	47.00	36,019,943	44.60
Real estate	17,226,200	18.40	16,015,253	19.83
Wholesale and retail trade, repair of motor vehicles, motorcycles and personal goods	8,177,995	8.73	8,465,055	10.48
Financial, banking and insurance activities	7,075,900	7.56	1,938,835	2.40
Construction	6,680,198	7.13	3,863,144	4.78
Processing and manufacturing	2,763,520	2.95	3,368,051	4.17
Accommodation services	1,831,769	1.96	2,692,589	3.33
Healthcare and social assistance activities	1,511,411	1.61	1,716,476	2.13
Other industries	4,361,579	4.66	6,675,084	8.28
	93,637,036	**100**	**80,754,430**	**100**

10. LOANS TO CUSTOMERS (continued)

10.5 Analysis of loans by currency

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	93,267,210	79,974,696
In foreign currencies	369,826	779,734
	93,637,036	**80,754,430**

11. PROVISION FOR CREDIT LOSSES

Provision expenses for the year comprised of:

	Note	*Current year VND million*	*Previous year VND million*
Specific provision charged for loans to customers	11	708,782	20,596
General provision charged for loans to customers	11	96,057	131,347
General provision reversed for bonds issued by the local economic entity	12.2	-	(29,307)
Provision reversed for other credit risk assets	15.4	-	(7,468)
		804,839	**115,168**

Results of loan classification as at 31 December 2024 and corresponding provision for loan losses as required by Decree 86, Circular 31 and the Bank's policy on loan classification and provision:

Classification	*Balance VND million*	*Specific provision VND million*	*General provision VND million*	*Total provision VND million*
Standard	90,288,767	-	677,166	677,166
Special mention	769,999	8,977	5,775	14,752
Substandard	583,717	41,035	4,378	45,413
Doubtful	496,483	82,653	3,723	86,376
Loss	1,498,070	320,255	-	320,255
	93,637,036	**452,920**	**691,042**	**1,143,962**

Changes in provision for credit losses on loans to customers for the year ended as at 31 December 2024 are as follows:

	Specific provision VND million	*General provision VND million*	*Total VND million*
Beginning balance	182,887	594,985	777,872
Provision charged for the year	708,782	96,057	804,839
Provison used	(438,749)	-	(438,749)
Ending balance	**452,920**	**691,042**	**1,143,962**

11. PROVISION FOR CREDIT LOSSES (continued)

Changes in provision for credit losses on loans to customers for the year ended as at 31 December 2023 are as follows:

	Specific provision VND million	*General provision VND million*	*Total VND million*
Beginning balance	162,291	463,638	625,929
Provision charged for the year	20,596	131,347	151,943
Ending balance	**182,887**	**594,985**	**777,872**

12. INVESTMENT SECURITIES

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Available-for-sale investment securities	**2,729,322**	**346,650**
Government bonds	298,843	146,650
Bonds issued by other domestic credit institution	2,430,479	200,000
Held-to-maturity investment securities	**19,688,082**	**16,093,755**
Government bonds	8,337,826	8,342,364
Bonds issued by other domestic credit institution	7,500,000	5,100,000
State Treasury	3,000,000	-
Deposit certificates issued by local credit institutions	850,256	2,651,391
	22,417,404	**16,440,405**

12.1 Available-for-sale investment securities

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debt securities		
Government bonds *(i)*	298,843	146,650
Deposit certificates issued by local credit institutions *(ii)*	2,430,479	200,000
	2,729,322	**346,650**

(i) Government bonds have terms from 10 years to 15 years, bear interest rate from 2.30% p.a to 2.80% p.a, interest is paid annually and the principal is paid at maturity.

(ii) Deposit certificates issued by local credit institutions have a term of 7 months to 1 year, with an interest rate ranging from 4.30% p.a to 6.00% p.a, interest is paid annually and principal paid on the maturity date.

12. INVESTMENT SECURITIES (continued)

12.1 *Available-for-sale investment securities* (continued)

Listing status of available-for-sale debt securities as at year-end is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Government bonds		
- Listed	298,843	146,650
Bonds issued by other domestic credit institution		
- Unlisted	2,430,479	200,000
	2,729,322	**346,650**

12.2 *Other held-to-maturity investment securities*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debt securities		
Government bonds *(i)*	8,337,826	8,342,364
Deposit certificates issued by local credit institutions *(ii)*	7,500,000	5,100,000
State treasury *(iii)*	3,000,000	-
Bond issued by the local economic entity *(iv)*	850,256	2,651,391
	19,688,082	**16,093,755**

(i) Government bonds have terms from 10 years to 20 years, bear interest rate from 2.10% p.a to 3.60% p.a, interest is paid annually and the principal is paid at maturity.

(ii) Deposit certificates issued by local credit institutions have terms from 6 months to 1 year, bear interest rate from 5.90% p.a. to 7.50% p.a, interest is paid annually and the principal is paid at maturity.

(iii) State treasury issued by the State Bank of Vietnam's Transaction Office have a term of 28 days with an interest rate ranging from 3.99% p.a to 4.00% p.a, with interest paid at the beginning annually and principal repaid on the maturity date.

(iv) Bonds issued by other domestic credit institutions have a term of 3 to 15 years, an fixed/float interest rate ranging from 3.00% p.a to 5.875% p.a, with interest paid annually and principal repaid in a lump sum on the maturity date.

In which, the Bank is using the number of Government bonds and bonds issued by other domestic credit institutions with a total value of VND1,200,000 million and VND28,000 million to ensure borrowings other credit institutions and granted limits for transactions conducted with the SBV (*Note 32.2*).

12. INVESTMENT SECURITIES (continued)

12.2 Other held-to-maturity investment securities (continued)

Listing status of other held-to-maturity investment securities as at year-end is as follows:

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Face value VND million	*Book value VND million*	*Face value VND million*	*Book value VND million*
Government bonds	**8,290,000**	**8,337,826**	**8,290,000**	**8,342,364**
- Listed	8,290,000	8,337,826	8,290,000	8,342,364
Certificates of deposit	**7,500,000**	**7,500,000**	**5,100,000**	**5,100,000**
- Unlisted	7,500,000	7,500,000	5,100,000	5,100,000
Bonds issued by other domestic credit	**838,000**	**850,256**	**2,638,000**	**2,651,391**
- Listed	538,000	550,256	538,000	551,391
- Unlisted	300,000	300,000	2,100,000	2,100,000
State Treasury	**3,000,000**	**3,000,000**	**-**	**-**
- Unlisted	3,000,000	3,000,000	-	-
	19,628,000	**19,688,082**	**16,028,000**	**16,093,755**

Movement of provision for held-to-maturity investment securities for the year is as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	-	29,307
Provision reversed for the year	-	(29,307)
Ending balance	**-**	**-**

Listing status of investment securities (excluding special bonds, State treasury issued by government) is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Standard		
Available-for-sale debt securities	2,430,479	200,000
Held-to-maturity investment securities	8,350,256	7,751,391
	10,780,735	**7,951,391**

13. LONG TERM INVESTMENTS

Details for long-term investment as at 31 December 2024 are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Investment in subsidiary	5,000	5,000
Other long-term investments	-	1,400
	5,000	**6,400**
Provision for long-term investments	(874)	(2,386)
	4,126	**4,014**

Movements of provision for long-term investments during the year is as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	**2,386**	**6,284**
Provision reserved for the year	(112)	(3,898)
Provison used	(1,400)	-
Ending balance	**874**	**2,386**

14. FIXED ASSETS

14.1 Tangible fixed assets

Movements of tangible fixed assets during the year are as follows:

	Buildings and structures VND million	*Office equipment VND million*	*Transportation vehicles VND million*	*Other tangible fixed assets VND million*	*Total VND million*
Cost					
Beginning balance	655,139	298,964	160,548	32,086	1,146,737
Purchased in the year	412	3,356	-	-	3,768
Transferred from construction in progress	2,508	12,462	8,780	-	23,750
Disposals	(33,866)	(10,726)	(2,622)	(1,044)	(48,258)
Ending balance	624,193	304,056	166,706	31,042	1,125,997
Accumulated depreciation					
Beginning balance	246,795	138,754	132,366	27,480	545,395
Depreciation charge for the year	23,371	33,962	5,287	674	63,294
Disposals	(13,139)	(10,726)	(1,216)	(1,044)	(26,125)
Ending balance	257,027	161,990	136,437	27,110	582,564
Net book value					
Beginning balance	408,344	160,210	28,182	4,606	601,342
Ending balance	367,166	142,066	30,269	3,932	543,433

Cost of tangible fixed assets fully depreciated but still in use as at 31 December 2024 is VND276,925 million (as at 31 December 2023: VND265,843 million).

14. FIXED ASSETS (continued)

14.2 *Intangible fixed assets*

Movements of intangible fixed assets during the year are as follows:

	Land use rights VND million	*Computer software VND million*	*Total VND million*
Cost			
Beginning balance	59,600	339,379	398,979
Transferred from construction in progress	-	4,591	4,591
Disposals	(16,469)	-	(16,469)
Other decrease	-	(2,001)	(2,001)
Ending balance	43,131	341,969	385,100
Accumulated amortization			
Beginning balance	-	191,553	191,553
Amortization charge for the year	-	38,244	38,244
Other decrease	-	(138)	(138)
Ending balance	-	229,659	229,659
Net book value			
Beginning balance	59,600	147,826	207,426
Ending balance	43,131	112,310	155,441

Cost of intangible fixed assets fully depreciated but still in use as at 31 December 2024 is VND2,380 million (31 December 2023: VND2,380 million).

15. OTHER ASSETS

15.1 *Receivables*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Constructions in progress (i)	330,020	35,834
Deposits for office rental	62,273	55,228
Advance payment to employees	56,881	25,192
Collateral, mortgage and pledge (ii)	52,384	51,222
Receivables from remittance operation	31,890	19,551
Adnvance payment to suppliers	22,914	9,490
Foreclosed assets not yet transferred to the Bank	12,300	12,300
Shortage of assets awaiting resolution	10,416	10,796
Advances for resolving of collaterals	10,188	10,188
Receivables from card payment activities	-	309,805
Other receivables	28,424	29,786
	617,690	**569,392**
Provision for receivables	(13,548)	(11,008)
	604,142	**558,384**

15. OTHER ASSETS (continued)

15.1 Receivables (continued)

(i) Constructions in progress as of the end of the year:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Land use rights at Tan Binh District, Ho Chi Minh City	86,800	-
Land use rights at District 3, Ho Chi Minh City	80,027	-
Land use rights at Binh Tri Dong Ward, Binh Tan District, Ho Chi Minh City	50,020	-
Land use right at An Cu Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City	39,800	-
Renovation costs	34,700	8,714
Computer software	14,990	23,104
Land use rights at Highway 13, Quarter 2, My Phuoc Ward, Ben Cat, Binh Duong	9,870	-
Procurement of Transport	7,168	-
Other assets	6,645	4,016
	330,020	**35,834**

Changes in construction in progress for the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	35,834	17,739
Increase in the year	439,375	113,695
Transfer to tangible fixed assets	(23,750)	(30,500)
Transfer to intangible fixed assets	(4,591)	(12,900)
Transfer to prepaid expenses	(116,848)	(52,200)
Ending balance	**330,020**	**35,834**

(ii) Collateral, mortgage and pledge:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Visa deposit	50,779	50,011
Other deposit	1,605	1,211
	52,384	**51,222**

15. OTHER ASSETS (continued)

15.2 *Interest and fees receivable*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Interest receivable from loans to customers	2,053,697	2,264,204
Interest receivable from investment securities	345,606	339,131
Interest receivable from deposits and loans to other credit institution	155,747	103,176
Interest and fees receivable from currency swap transactions	5,545	1,038
	2,560,595	**2,707,549**

15.3 *Other assets*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Prepaid expenses *(i)*	91,362	119,499
Foreclosed assets *(ii)*	13,576	13,576
Tools and equipment	12,557	8,824
Others	39,821	36,037
	157,316	**177,936**

(i) Movement of prepaid expenses during the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	119,499	130,567
Increase in the year	569,397	811,760
Allocate in the year	(597,534)	(822,828)
Ending balance	**91,362**	**119,499**

(ii) Detail of foreclosed assets are real estates which the ownership was fully transferred to the Bank and is waiting for resolving.

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Real estate	**13,576**	**13,576**

15. OTHER ASSETS (continued)

15.4 Provision for other assets

The balance of provisions for other assets includes:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Provision for other receivables		
- Advances for debts collection	10,188	10,188
- Shortage of assets awaiting resolution	2,540	-
- Other receivables	820	820
	13,548	**11,008**

Movement of provision for other assets during the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	**11,008**	**18,476**
Provision charged/(reversed) for credit risk assets	2,540	(7,468)
Ending balance	**13,548**	**11,008**

16. BORROWINGS FROM THE GOVERNMENT AND THE SBV

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Borrowing through discount of valuable papers *(i)*	215,774	-
Refinancing borrowings to support housing loans *(ii)*	7,117	9,020
	222,891	**9,020**

(i) The discount borrowings for valuable papers at the end of the year is the sale of bonds to the State Bank with a term of 14 days at an interest rate of 4% per year.

(ii) The refinancing borrowings to support housing loans at the end of the year is the SBV's loan under the package of VND 30,000 billion to support real estate with an interest rate of 3.50% p.a (as of December 31, 2023: 3.50% p.a).

17. DUE TO AND BORROWINGS FROM OTHER CREDIT INSTITUTIONS

17.1 Due to other credit institutions

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Demand deposits	**1,297**	**1,144**
In VND	1,297	1,144
Term deposits	**33,041,064**	**23,138,340**
In VND	28,871,025	20,763,800
In USD	4,170,039	2,374,540
	33,042,361	**23,139,484**

Annual interest rates of due to other credit institutions at the year-end is as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposits in VND	0.00	0.00 - 0.30
Term deposits in VND	3.80 - 6.00	0.50 - 3.65
Term deposits in USD	4.75 - 5.10	5.10 - 5.70

17.2 Borrowings from other credit institutions

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
In VND	5,300,000	3,001,953
In USD	73,806	480,337
	5,373,806	**3,482,290**

The annual interest rates of borrowings from other credit at the end of the year are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
In VND	5.50 - 6.20	5.92 - 6.57
In USD	5,05 - 5.38	5.99 - 6.89

18. DUE TO CUSTOMERS

18.1 *Analysis by products*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Demand deposits	**4,599,655**	**7,412,937**
Demand deposits in VND	4,552,551	7,334,876
Demand deposits in foreign currencies	47,104	78,061
Term deposits	**7,976,453**	**8,187,198**
Term deposits in VND	7,938,763	8,117,101
Term deposits in foreign currencies	37,690	70,097
Saving deposits	**82,167,416**	**74,295,928**
Term saving deposits in VND	81,662,846	73,971,001
Term saving deposits in foreign currencies	504,570	324,927
Margin deposits	**95,918**	**91,550**
Margin deposits in VND	95,910	91,542
Margin deposits in foreign currencies	8	8
Deposits for specific purposes	**6,235**	**13,198**
Deposits for specific purposes in VND	633	635
Deposits for specific purposes in foreign currencies	5,602	12,563
	94,845,677	**90,000,811**

Annual interest rates of due to customers at year-end are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Demand deposits in VND	0.00 - 0.50	0.00 - 0.50
Demand deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Term deposits in VND	0.30 - 9.85	0.00 - 11.80
Term deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Term saving deposits in VND	0.30 - 11.80	0.50 - 12.50
Term saving deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Margin deposits in VND	0.00 - 7.10	0.00 - 10.70
Margin deposits in foreign currencies	0.00	0.00
Deposits for specific purposes in VND	0.00 - 0.30	0.00 - 0.30
Deposits for specific purposes in foreign currencies	0.00	0.00

18. DUE TO CUSTOMERS (continued)

18.2 Analysis by type of customers and by type of entities

	Ending balance		*Beginning balance*	
	VND million	*%*	*VND million*	*%*
Economic entities	**7,761,241**	**8.18**	**10,799,442**	**12.00**
Other joint-stock companies	4,017,289	4.24	4,655,181	5.17
Other private limited companies	1,644,206	1.73	3,535,046	3.93
State-owned companies	496,593	0.52	961,829	1.07
Operation administration entity, the Party, unions and associations	562,878	0.59	689,489	0.77
Foreign direct invested enterprises	200,482	0.21	213,975	0.24
Co-operatives and unions of co-operative	63,181	0.07	139,886	0.16
Two or more members limited liability companies with the State owning over 50% of capital or controlled by the State	76,199	0.08	67,117	0.07
One-member limited liability companies with the State owning 100% of capital	15,627	0.02	35,119	0.04
Private enterprises	2,903	0.00	1,326	0.00
Partnership companies	1,527	0.00	685	0.00
Joint stock companies with the State owning over 50% of capital or ordinary shares; or controlled by the State	12,237	0.01	288	0.00
Others	668,119	0.70	499,501	0.55
Individuals	**87,084,436**	**91.82**	**79,201,369**	**88.00**
	94,845,677	**100**	**90,000,811**	**100**

19. VALUABLE PAPERS ISSUED

Valuable papers issued by type of maturity are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Certificate of deposits less than 1 year	13,215,000	8,020,000
Certificate of deposits over 5 years	771,090	-
Bonds having term over 5 years	3,692,170	3,531,170
	17,678,260	**11,551,170**

The annual interest rates applicable to valuable papers issued are as follows:

	Ending balance % p.a	*Beginning balance % p.a*
Certificates of deposit less than 1 year	5.50 - 6.20	5.80 - 10.50
Certificates of deposit over 5 years	7.80	Not applicable
Bonds having term over 5 years	7.18 - 7.80	7.45 - 10.10

20. OTHER LIABILITIES

20.1 Interest and fees payable

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Interest payables for deposits	2,033,740	2,460,277
Interest payable from valuable papers issued	419,475	432,258
Interest payables for borrowings	113,535	17,767
Other interest and fees payable	1,753	19,296
	2,568,503	**2,929,598**

20.2 Other payables

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Internal payables	**104,799**	**107,207**
Payables to employees	91,651	34,924
Bonus and welfare fund *(i)*	13,148	72,283
External payables	**322,081**	**146,848**
Tax and other statutory obligations	69,505	81,811
Payments pending in payment operations	189,027	45,288
Unearned guarantee fee	16,434	11,177
Payable for remittance operation	46,374	5,252
Other payables	741	3,320
	426,880	**254,055**

20. OTHER LIABILITIES

20.2 Interest and fees payable (continued)

(i) The increase/(decrease) of the bonus and welfare fund during the year are as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Beginning balance	**72,283**	**61,271**
Appropriation in year	30,000	17,999
Utilization during the year	(89,135)	(6,987)
Ending balance	**13,148**	**72,283**

21. TAXES AND OTHER OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET

	Beginning balance VND million	*Movement during the year*		*Ending balance VND million*
		Payable VND million	*Paid VND million*	
Value added tax	1,370	21,179	(21,413)	1,136
Corporate income tax	77,444	230,373	(247,156)	60,661
Personal income tax	2,997	54,508	(49,797)	7,708
Other taxes and fees	-	7,559	(7,559)	-
	81,811	**313,619**	**(325,925)**	**69,505**

21.1 Corporate income tax

The Bank has the obligation to pay corporate income tax ("CIT") at the rate of 20% of taxable profits.

The Bank's tax reports are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations to many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amount reported in the separate financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

Current corporate income tax payables are determined based on taxable income of the current year. Taxable income differs from the one reported in the income statement since taxable income excludes incomes which are taxable or expenses which are deducted in prior years due to differences between the Bank's accounting policies and the tax regulations and excludes tax exempted income and non-deductible expenses. The current corporate income tax payables of the Bank are calculated based on the statutory tax rates applicable up to the year end.

21. TAXES AND OTHER OBLIGATIONS TO THE STATE BUDGET (continued)

21.1 Corporate income tax (continued)

Provision for corporate income tax expense during the year is computed as follows:

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Profit before tax	**1,131,298**	**811,945**
Income tax expense using tax rate applicable for the Bank (20%)	226,260	162,389
Adjustments to increase	***3,919***	***2,690***
Non-deductible expense	3,919	2,690
Adjustments to decrease	***(15)***	**-**
Income from real estate transfer	(15)	-
CIT expense for business operations	**230,164**	**165,079**
Income from real estate transfer	75	-
CIT expenses from real estate transfer	**15**	**-**
Adjustment to CIT for previous years	194	-
CIT expenses for the year	**230,373**	**165,079**

22. CAPITAL AND RESERVES

22.1 *Movements of changes in owners' equity*

Movements of changes in owners' equity of the Bank during the year are as follows:

	Charter capital VND million	*Share premium VND million*	*Capital supplementary reserve VND million*	*Financial reserve VND million*	*Undistributed profit VND million*	*Total VND million*
Beginning balance	**4,776,827**	**-**	**166,465**	**329,335**	**1,623,032**	**6,895,659**
Increase in the year	934,706	(237)	-	-	-	934,469
Increase capital contribution from undistributed profits	1,427,880	-	-	-	(1,427,880)	-
Net profit for the year	-	-	-	-	900,925	900,925
Appropriation to bonus and welfare funds	-	-	-	-	(30,000)	(30,000)
Appropriation to reserves	-	-	90,093	90,092	(180,185)	-
Ending balance	**7,139,413**	**(237)**	**256,558**	**419,427**	**885,892**	**8,701,053**

During the year, the Bank made the bonus and welfare fund according to the approval of the profit distribution plan for 2023 on 22 April 2024.

For the fiscal year ending 31 December 2024, the Bank has issued additional: (i) 93,470,601 shares to increase its capital from the existing shareholders and (ii) 142,788,059 shares to increase its capital from the owner's equity source. Accordingly, the Bank has recorded an increase in charter capital of an additional 2,362,586,600,000 VND from 4,776,826,690,000 VND to 7,139,413,290,000 VND.

22.2 *Share capital*

	Ending balance		*Beginning balance*	
	Quantity of shares	*Value VND million*	*Quantity of shares*	*Value VND million*
Approved share capital	**713,941,329**	**7,139,413**	**477,682,669**	**4,776,827**
Issued share capital	**713,941,329**	**7,139,413**	**477,682,669**	**4,776,827**
Common shares	713,941,329	7,139,413	477,682,669	4,776,827
Outstanding shares	**713,941,329**	**7,139,413**	**477,682,669**	**4,776,827**
Common shares	713,941,329	7,139,413	477,682,669	4,776,827

Par value of each common share of the Bank is VND10,000.

23. INTEREST AND SIMILAR INCOME

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Interest income from loans to customers	7,647,911	7,883,096
Interest income from securities investments	848,415	888,460
Interest income from deposits	1,126,668	898,762
Income from guarantee service	9,620	8,661
Other income from credit activities	89,243	81,936
	9,721,857	**9,760,915**

24. INTEREST AND SIMILAR EXPENSES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Interest expense on deposits	5,811,369	7,057,083
Interest expense on valuable paper issued	890,831	625,097
Interest expense on borrowings	203,962	69,309
Other credit activities expenses	4,185	9,592
	6,910,347	**7,761,081**

25. NET FEE AND COMMISSION INCOME

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Fee and commission income	**231,629**	**189,796**
Income from settlement services	126,652	79,728
Income from card services	62,098	67,568
Income from service activities	15,708	15,423
Other incomes	27,171	27,077
Fee and commission expenses	**(100,674)**	**(95,857)**
Expense from card services	(55,611)	(61,033)
Expense from settlement service	(24,943)	(17,068)
Expense on consultant fee	(9,089)	(6,853)
Expense from postal and communication	(210)	(193)
Other expenses	(10,821)	(10,710)
Net income from services	**130,955**	**93,939**

26. NET GAIN FROM TRADING OF FOREIGN CURRENCIES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Income from trading of foreign currencies	**179,588**	**197,562**
Income from spot foreign exchange trading	99,860	73,172
Income from currency derivative financial instruments	79,728	124,390
Expense from trading of foreign currencies	**(99,373)**	**(132,267)**
Expense from spot foreign exchange trading	(31,017)	(51,800)
Expense from currency derivative financial instruments	(68,356)	(80,467)
	80,215	**65,295**

27. NET GAIN FROM TRADING OF INVESTMENT SECURITIES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Income from trading of investment securities	21,212	79,782
Expense from trading of investment securities	(2,203)	(2,134)
	19,009	**77,648**

28. NET GAIN FROM OTHER OPERATING ACTIVITIES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Other incomes	**463,620**	**161,312**
Income from recovery of written off bad debts	463,175	149,750
Income from deposit to purchase of real estate	-	8,604
Income from disposal fixed assets	324	1,966
Other incomes	121	992
Other expenses	**(9,780)**	**(10,665)**
Other expenses	(8,801)	(10,637)
Expense from fixed assets disposals	(979)	(28)
	453,840	**150,647**

29. OPERATING EXPENSES

	Current year VND million	*Previous year VND million*
Employee expenses	**753,924**	**660,895**
Salary and allowances	617,059	522,527
Salary related expenses	62,606	57,501
Other allowances	74,259	80,867
Operating expense relating to assets	**409,192**	**422,160**
Expense on assets rental	196,052	183,125
Depreciation and amortization expenses	101,538	98,915
Expense on repairing and maintenance	98,292	126,522
Expense on tools and equipment	12,102	12,027
Expense from assets insurance	1,208	1,571
Other operating expenses	**396,276**	**377,195**
Expense on deposit insurance	125,258	101,773
Expense on advertising and marketing	44,582	57,953
Expense on meeting, conference and protocol	37,608	31,469
Electricity and water expenses	30,584	28,229
Postal and communication expense	21,222	26,449
Non-deductible value added tax expense	16,073	17,547
Business trip expense	9,490	9,489
Materials and printing expense	7,114	7,595
Oil and gas expense	5,795	6,235
Other expenses	96,122	94,354
Expense on provision (excluding provision for credit risks, securities risks)		
Provision charged for other receivables	2,540	-
Provision reversed for long term investment	(112)	(3,898)
	1,559,392	**1,460,250**

30. CASH AND CASH EQUIVALENTS

Cash and cash equivalents as referred to in the separate cash flow statement comprise of the following items in the separate statement of financial position:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Cash	548,602	535,889
Balances with the SBV	7,024,700	9,408,855
Demand deposit at other credit institutions	1,474,084	342,998
State Treasury	3,000,000	-
Deposits at other credit institutions with term not exceeding three (3) months	32,547,116	26,204,540
	44,594,502	**36,492,282**

31. EMPLOYEES' INCOME

	Current year	*Previous year*
I. Total average number of employees (person)	**2,659**	**2,552**
II. Employees' Income (VND million)		
1. Total salary fund and bonus	617,059	522,527
2. Other income	74,259	80,865
3. Total income (1+2)	**691,318**	**603,392**
4. Average salary per capita	19.34	17.06
5. Average income per capita	21.67	19.70

32. COLLATERALS AND MORTAGES

32.1 Assets, valuable papers received for mortgage and pledge

Types and book value of collaterals of customers for loans at the year-end are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Real estate properties	147,620,415	110,069,910
Valuable papers	22,163,111	11,355,585
Movable assets	5,159,176	2,469,402
Other assets	8,473,847	9,745,106
	183,416,549	**133,640,003**

32.2 Assets, valuable papers used for mortgage and pledge

Types and value of collaterals of the Bank used for mortgage and pledge at the end of the year are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Government bonds	28,000	228,000
Bonds issued by other domestic credit intuitions	1,200,000	1,469,000
	1,228,000	**1,697,000**

33. OFF BALANCE SHEET COMMITMENTS

33.1 Foreign exchange commitments

Foreign exchange commitments present settlements which the Bank will perform according to agreed foreign exchange commitments.

A spot foreign exchange transaction is an exchange of an amount of a foreign currency for VND or another foreign currency at the spot exchange rate and be settled within two working days from the transaction date.

Currency swap is a transaction between two parties which involves buying and selling of an amount of foreign currency and VND or another foreign currency on different days at different exchange rates on each day determined at the transaction date.

Details of foreign exchange commitments of the Bank at year-end are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Foreign exchange commitments		
- Spot foreign exchange commitments - buy	3,330,715	1,405,237
- Spot foreign exchange commitments - sell	83,194	1,405,388
- Swap commitments	31,988,036	15,499,596
	35,401,945	**18,310,221**

33.2 Trade finance commitments

In the normal course of business, the Bank is parties to financial instruments that are recorded off-statement of financial position. These financial instruments mainly comprise foreign exchange commitments, guarantee commitments and commercial letters of credit. These instruments involve elements of credit risk for the Bank, which are not reflected in the items recognized in the separate statement of financial position.Credit risk for off-statement of financial position financial instruments is defined as the possibility of sustaining a loss for the Bank if any other party to a financial instrument fails to perform in accordance with the terms of the contract.

Financial guarantees are conditional commitments issued by the Bank to guarantee the performance of a customer to a third-party including guarantee for borrowings, settlement, and performing contracts and bidding. The credit risk involved in issuing guarantees is essentially the same as that involved in extending loans to customers.

Commercial at sight letters of credit represent a financing transaction by the Bank to its customer where the customer is usually the buyer/importer of goods and the beneficiary is typically the seller/exporter. Credit risk is limited as the merchandise shipped serves as collaterals for the transaction.

Deferred payment letters of credits represent the amounts at risk should the contract be fully affected but the client defaults in repayment to the beneficiary. Deferred payment letters of credit that defaulted by clients are recognized by the Bank as granting of a compulsory loan with a corresponding liability representing the financial obligation of the Bank to pay the beneficiaries and to fulfill the guarantor obligation.

33. OFF BALANCE SHEET COMMITMENTS (continued)

33.2 *Trade finance commitments* (continued)

The Bank requires margin deposits to support credit-related financial instruments when it is deemed necessary. The margin deposit required varies from nil to 100% of the value of a commitment granted, depending on the creditworthiness of clients as assessed by the Bank.

Details of contingent liabilities and commitments of the Bank at year-end are as follows:

	Ending balance			*Beginning balance*		
	Contract value - gross VND million	*Margin deposit VND million*	*Contract value - net VND million*	*Contract value - gross VND million*	*Margin deposit VND million*	*Contract value - net VND million*
Guarantee for loans	**50**	**-**	**50**	**50**	**-**	**50**
Letters of Credit	25,743	(3,970)	21,773	8,414	(11,068)	(2,654)
Other guarantees	842,478	(16,869)	825,609	1,039,763	(9,324)	1,030,439
Other commitments	8,804,949	-	8,804,949	6,707,990	-	6,707,990
Off balance sheet commitments	**9,673,170**	**(20,839)**	**9,652,331**	**7,756,167**	**(20,392)**	**7,735,775**
	9,673,220	**(20,839)**	**9,652,381**	**7,756,217**	**(20,392)**	**7,735,825**

Classification the off-balance sheet according to Circular 31 and the debt classification policy of the Bank are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Current		
In which:		
- Letters of credit	*21,773*	*(2,654)*
- Other guarantees	*825,609*	*1,030,439*

33.3 *Interest and receivable fees not yet collected*

Details of outstanding interest and receivable fees not yet collected at the year-end are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Interest and receivable fees not yet collected	**930,391**	**740,310**

33. OFF BALANCE SHEET COMMITMENTS (continued)

33.4 *Written-off debts*

Details of outstanding written-off debts at the year-end are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Debts that have been written-off and under monitoring		
Principal	370,600	393,557
Interest	10,576	10,614
	381,176	**404,171**

33.5 *Assets and other documents*

Details of outstanding assets and other documents at the year-end are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Other assets kept for customers	187,844	383,369
Security assets received as replacement for performance of the securing party's obligation awaiting resolution	12,300	12,300
Other valuable assets being preserved	12,775	15,000
	212,919	**410,669**

34. RELATED PARTY TRANSACTIONS

Related party transactions include all transactions undertaken with other entities which the Bank is related. Parties are considered to be related if one party has the ability to control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. A party is deemed a related party to the Bank if:

(a) Directly, or indirectly through one or more intermediaries, the party:

- controls, is controlled by, or is under common control with, the Bank (including parents and subsidiaries);
- has an interest (owning 5% or more of the charter capital or voting share capital) in the Bank that gives it significant influence over the Bank; or
- has joint control over the Bank;

(b) The party is a joint venture, associate in which the Bank is a venture, associate (owning over 11% of the charter capital or voting share capital, but is not a subsidiary of the Bank);

(c) The party is a member of the key management personnel of the Board of Management;

(d) The party is a close member of the family of any individual referred to in (a) or (c); or

(e) The party is an entity that is controlled, jointly controlled or significantly influenced by, or for which significant voting power in such entity resides with, directly or indirectly, any individual referred to in (c) or (d).

34. RELATED PARTY TRANSACTIONS (continued)

Significant transactions with related parties during the year are as follows:

Related party	*Transactions*	*Current year VND million*	*Previous year VND million*
Vietbank AMC Company	Deposit taken on demand deposit account	11,961	19,400
	Deposit taken on deposit account	3,500	9,526
	Deposit disbursed on demand deposit account	10,348	18,403
	Deposit disbursed on deposit account	6,066	6,013
	Interest payment on demand deposits	4	4
	Interest payment on deposits	60	59
	Expense on fiduciary duties to resolve debts	5,770	9,409
Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Deposit taken on demand deposit account	328,357	427,569
	Deposit taken on deposit account	52,519	55,112
	Deposit disbursed on demand deposit account	345,477	407,883
	Deposit disbursed on deposit account	50,807	67,332
	Interest payment on demand deposits	29	129
	Interest payment on deposits account	1,487	3,127
	Other pending payments	-	782
Remuneration for members of the Board of Directors	Mr Duong Nhat Nguyen - Chairman	13,500	9,556
	Mr Nguyen Huu Trung - Vice Chairman cum Independent member	4,083	2,766
	Ms Le Thi Xuan Lan - Member	744	778
	Ms Luong Thi Huong Giang - Member	842	848
	Ms Quach To Dung - Member	911	933
Remuneration for members of the Board of Supervision		1,969	2,155
Salary and allowances of the Board of Management	General Director (*)	10,120	2,154
	Members of the Board of Management	15,271	17,176
Related parties with the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Deposit taken on demand deposit account	2,977,463	7,372,005
	Deposit taken on deposit account	228,221	279,466
	Deposit disbursed on demand deposit account	2,962,599	7,375,357
	Deposit disbursed on deposit account	231,200	301,138
	Interest payment on demand deposits	7,795	585
	Interest payment on deposits	1,468	6,578
	Loan	335,758	482,440
	Interest income from loans	5,609	532,923
	Interest payment on loans	38,239	99,599
	Payment purchase real estate	130,047	-

(*) Mr. Nguyen Huu Trung, Vice Chairman of the Board of Directors appointed as Acting General Director from 15 October 2021 to 14 August 2023, has received remuneration from the Board of Directors, so he does not receive the General Director's salary.

34. RELATED PARTY TRANSACTIONS (continued)

Receivables and payables balance with related parties at the year-end are as follows:

		Receivables/(payables)	
Related party	*Transactions*	*Ending balance VND million*	*Beginning balance VND million*
Vietbank AMC Company	Demand deposits	(2,696)	(1,079)
	Term deposit	(1,511)	(4,017)
	Accrued interest payable on demand deposit	(4)	(6)
	Other payables	(472)	
Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Demand deposits	(6,009)	(66,254)
	Term deposit	(33,540)	(6,311)
	Accrued interest payable on term deposit	(407)	(782)
	Loan balance	824	1,285
	Accrued interest payable on loan	-	82
Related party with the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	Demand deposit	(34,155)	(115,128)
	Term deposit	(40,710)	(36,551)
	Accrual interest payable on demand deposit	(1)	-
	Accrual interest payable on term deposit	(571)	(84)
	Loan balance	136,696	692,599
	Accrual interest receivable on loan	4,204	-

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES

Risk is inherent in the Bank's activities but is managed through a process of ongoing identification, measurement and monitoring, subject to risk limits and other controls. This process of risk management is critical to the Bank's continuing profitability and individual employees of the Bank who are accountable for the risk exposures relating to their responsibilities. The Bank is exposed to credit risk, liquidity risk and market risk (the latter being subdivided into trading and non-trading risks). It is also exposed to operational risk.

The independent risk control process does not include business risks such as changes in the environment, technology and industry. The Bank's policy is to monitor those business risks through the Bank's strategic planning process.

The Bank established and had policies about organization structure and operation of Risk management committee ("RMC") as detail bellow:

(i) RMC responsibilities:

- Advises the Board of Directors in the promulgation of procedures and policies under their jurisdiction relating to risk management in the Bank's activities under the law of Vietnam and the Bank's charter;
- Analyses and provides warnings on the potential risks that may affect the Bank's operation and preventive measures in the short term as well as long term;
- Reviews and evaluates the appropriateness and effectiveness of the risk management procedures and policies of the Bank to make recommendations to the Board of Directors on the improvement of procedures, policies and operational strategies;
- Advise to the Board of Directors on the approval for investments, related transactions, management policies and risk management plans within the scope of assigned task and duties.

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

The Bank established and had policies about organization structure and operation of Risk management committee ("RMC") as detail bellow: (continued)

(ii) RMC reports to the Board of Directors and may hold periodic meetings or extraordinary meetings, but at least once per 6 months.

35.1 Credit risk

Credit risk is the risk that the Bank will incur a loss because its customers or counterparties fail or unable to discharge their contractual obligations.

In the credit risk management process, the Bank had issued credit policies as well as guidelines for the standardization of credit operations.

The Bank manages and controls credit risk by setting limits on the amount of risk it is willing to accept for individual counterparties and for geographical and industry concentrations, and by monitoring exposures in relation to such limits. Counterparty's limits are established by the use of a credit rating system, which assigns each counterparty a risk rating. Risk ratings are subject to regular revision with SBV.

The maximum exposure to credit risk at year-end of Bank is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Credit risk exposure on-balance-sheet items		
Balances with the SBV	7,024,700	9,408,855
Due from and loans to other credit institutions	35,921,200	26,547,538
Held-for-trading securities	340,337	1,076,343
Derivatives financial instruments	89,061	19,848
Loans to customers - gross	93,637,036	80,754,430
Investment securities		
- *Available for sale – gross*	*2,729,322*	*346,650*
- *Held to maturity – gross*	*19,688,082*	*16,093,755*
Fee and interest receivables	2,560,595	2,707,549
Other financial assets – gross	84,274	380,578
	162,074,607	**137,335,546**
Off-balance-sheet items		
Guarantee for loans	50	50
Letters of Credit	21,773	(2,654)
Other guarantees	825,609	1,030,439
	847,432	**1,027,835**
Total credit risk exposure	**162,922,039**	**138,363,381**

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.1 Credit risk (continued)

The maximum credit risk exposure for each class of financial assets is equal to the carrying amount of that financial asset group in the separate statement of financial position as follows:

	Neither overdue nor impaired VND million	*Overdue but not impaired VND million*	*Overdue and impaired VND million*	*Total VND million*
Balances with the SBV	7,024,700	-	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	35,921,200	-	-	35,921,200
Held-for-trading securities	340,337	-	-	340,337
Derivatives financial instruments	89,061	-	-	89,061
Loans to customers - gross	90,288,767	1,882,962	1,465,307	93,637,036
Available-for-sale securities - gross	2,729,322	-	-	2,729,322
Held-to-maturity securities - gross	19,688,082	-	-	19,688,082
Fee and interest receivables	2,560,595	-	-	2,560,595
Other financial assets - gross	84,274	-	-	84,274
Credit risk off-balance-sheet items	847,432	-	-	847,432
	159,573,770	**1,882,962**	**1,465,307**	**162,922,039**

The Bank's financial assets which are neither past due nor impaired include loans to customers classified as Group 1 in accordance with Circular 31; securities, receivables and other financial assets which are not past due and no provision is required under Circular 48 and Circular 24. The Bank believes that it can recover fully and timely these financial assets in the near future.

Loans to customer and other financial assets are overdue but not impaired are overdue loans but not required to make provision due to the Bank held adequate collaterals such as deposits, properties, movable properties, valuable papers and other types of collateral to recover for credit.

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.2 Market risk

(a) Interest rate risk

Interest rate risk arises from the possibility that changes in interest rates will affect the fair values of financial instruments. The Bank are exposed to interest rate risk as a result of mismatches of maturity dates or dates of interest rate re-pricing in respect of assets, liabilities and off-balance sheet instruments over a certain period.

The interest rates set by the Bank for loans to customers and customer deposits are respectively presented in *Note 10* and *Note 18*.

Analysis of assets and liabilities based on interest rate re-pricing date

The real interest rate re-pricing term is the remaining period from the date of preparation of the financial statements to the most recent interest re-pricing period or the maturity date of the items on the separate statement of financial position whichever is earlier.

The following assumptions and conditions have been adopted in the analysis of interest rate re-pricing terms of the assets and liabilities of the Bank:

- Cash, long-term investments, derivatives and other financial assets, other assets (including fixed assets, receivables and other assets) and other payables are classified as non-interest-bearing items.
- Balances with the SBV are considered as current and the re-pricing term is therefore considered within one (1) month.
- The re-pricing period of interest rate of investment securities are determined based on the maturity date of securities at date of the separate financial statements.
- The re-pricing term of borrowings from Government and the SBV, due from and loans to other credit institutions, loans to customers, receivables from sale of debts, due to and borrowings from other credit institutions, due to customers and valuable papers issued is determined as follows:
  - Items which bear fixed interest rate for the entire contractual term: The re-pricing term is determined based on the remaining contractual term from the separate statement of financial position date.
  - Items which bear floating interest rate: The re-pricing term is determined based on the nearest interest re-pricing date from the separate statement of financial position date.

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.2 *Market risk* (continued)

(a) Interest rate risk (continued)

Below table shows an analysis of the interest re-pricing period of assets and liabilities as at 31 December 2024:

			Interest re-pricing period						
	Overdue *VND million*	*Non-interest bearing* *VND million*	*Up to 1 month* *VND million*	*From 1 to 3 months* *VND million*	*From 3 to 6 months* *VND million*	*From 6 to 12 months* *VND million*	*From 1 to 5 years* *VND million*	*Over 5 years* *VND million*	*Total* *VND million*
Assets									
Cash	-	548,602	-	-	-	-	-	-	548,602
Balances with the SBV	-	4,208,040	2,816,660	-	-	-	-	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	-	-	17,211,532	16,809,668	-	1,900,000	-	-	35,921,200
Held-for-trading securities	-	-	-	-	-	-	65,463	274,874	340,337
Derivatives and other financial assets	-	89,061	-	-	-	-	-	-	89,061
Loans to customers - gross	3,348,269	-	24,407,031	23,625,182	11,906,517	17,279,728	13,006,118	64,191	93,637,036
Investment securities - gross	-	-	3,700,000	1,200,000	6,711,762	1,618,717	-	9,186,925	22,417,404
Long-term investments - gross	-	5,000	-	-	-	-	-	-	5,000
Fixed assets	-	698,874	-	-	-	-	-	-	698,874
Other assets - gross	21,424	3,314,177	-	-	-	-	-	-	3,335,601
Total assets	**3,369,693**	**8,863,754**	**48,135,223**	**41,634,850**	**18,618,279**	**20,798,445**	**13,071,581**	**9,525,990**	**164,017,815**
Liabilities									
Borrowings from the Government and the SBV	-	-	215,774	-	-	-	-	7,117	222,891
Due to and borrowings from other credit institutions	-	-	16,218,852	16,823,509	2,073,806	3,300,000	-	-	38,416,167
Due to customers	-	-	46,955,468	16,842,253	18,192,218	12,218,324	637,414	-	94,845,677
Valuable papers issued	-	-	-	515,000	3,500,000	9,200,000	292,170	4,171,090	17,678,260
Other liabilities	-	2,995,383	-	-	-	-		-	2,995,383
Total liabilities	**-**	**2,995,383**	**63,390,094**	**34,180,762**	**23,766,024**	**24,718,324**	**929,584**	**4,178,207**	**154,158,378**
Interest sensitivity gap	**3,369,693**	**5,868,371**	**(15,254,871)**	**7,454,088**	**(5,147,745)**	**(3,919,879)**	**12,141,997**	**5,347,783**	**9,859,437**

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.2 *Market risk* (continued)

(a) Interest rate risk (continued)

Interest rate sensitivity

The Bank has not made the analysis on the interest rate sensitivity as at 31 December 2024 due to lack of sufficient data system and information.

(b) Currency risk

Currency risk management is the risk that the value of financial instruments will fluctuate due to changes in foreign exchange rates.

The Bank was incorporated and operated in Vietnam, so VND is the reporting currency and the major currency in which the Bank transacts is VND. The Bank's financial assets and financial liabilities mainly denominated in VND with the remainder mainly in USD, EUR and other currencies. However, some of the Bank's other assets are in currencies other than the reporting currency of VND, USD, EUR and other currencies. The Bank's management has set limits on position for each currency. Currency positions are monitored on a daily basis and hedging strategies used to ensure positions are maintained within established limits.

Exchange rates of major currencies as at the reporting date are presented in *Note 40*.

The following table presents assets and liabilities in foreign currencies translated into VND as at 31 December 2024:

	USD equivalent VND million	*EUR equivalent VND million*	*Other currencies equivalent VND million*	*Total VND million*
Assets at as 31 December 2024				
Cash	46,294	3,471	7,844	57,609
Balances at the SBV	57,225	-	-	57,225
Due from and loans to other credit institutions	4,719,197	8,485	664,917	5,392,599
Derivative financial instruments and other financial assets	(2,928,297)	-	(521,230)	(3,449,527)
Loan to customers - gross	369,826	-	-	369,826
Other assets - gross	71,967	5	4,713	76,685
Total assets	**2,336,212**	**11,961**	**156,244**	**2,504,417**
Liabilities at as 31 December 2024				
Due to and borrowings from other credit institutions	4,243,845	-	-	4,243,845
Due to customers	583,867	2,998	8,109	594,974
Other liabilities	39,265	-	123,247	162,512
Total liabilities	**4,866,977**	**2,998**	**131,356**	**5,001,331**
Net on statement of financial position	**(2,530,765)**	**8,963**	**24,888**	**(2,496,914)**
Net off balance sheet position	-	-	-	-
Net position	**(2,530,765)**	**8,963**	**24,888**	**(2,496,914)**

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.2 Market risk (continued)

(c) Liquidity risk

Liquidity risk is the risk which the Bank has difficulties in meeting the obligations of financial liabilities. Liquidity risk occurs when the Bank cannot afford to settle debt obligations at the due dates in the normal or stress conditions. To manage the liquidity risk exposure, the Bank has diversified the mobilization of deposits from various sources in addition to its basic capital resources. In addition, the Bank has established policy for control of liquidity assets flexibly; monitor the future cash flows and daily liquidity. The Bank has also evaluated the estimated cash flows and the availability of current collateral assets in case of obtaining more deposits.

Liquidity risk exposure is managed by maintaining not limited to cash and cash equivalent by Nostro account, balance with SBV and other credit institutions and other valuable papers. Safety ratios related to risk are used to manage liquidity risk.

The maturity term of assets and liabilities is the remaining period of assets and liabilities as calculated from the separate statement of financial position date to the settlement date in accordance with contractual terms and conditions.

The following assumptions and conditions are applied in the maturity analysis of the Bank's assets and liabilities:

- Balances with the SBV are classified as demand deposits which include compulsory deposits;
- The maturity term of held for trading securities and investment securities is determined based on the maturity date of each kind of securities;
- The maturity term of borrowings to Government and the SBV, due from and loans to other credit institutions and loans to customers is determined on the maturity date as stipulated in contracts. The actual maturity term may be altered because loan contracts may be extended;
- The maturity term of long-term investments is considered as more than five years because these investments do not have specific maturity date;
- Vostro account and demand deposits are transacted as required by customers, and therefore, being classified as current accounts. The maturity term of due to and borrowings from other credit institutions, derivative and other financial assets, customer deposits, valuable papers issued and other payable are determined based on features of these items or the maturity date as stipulated in contracts. The maturity term of borrowings and term deposits is determined based on the maturity date in contracts. In fact, these amounts may be rotated, and therefore, they last beyond the original maturity date;
- The maturity term of fixed assets and other assets is determined on the remaining useful life of assets.

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.2 Market risk (continued)

(c) Liquidity risk (continued)

Below table presents the analysis of the remaining maturity of assets and liabilities of the Bank according to groups corresponding to the remaining contractual period calculated from the separate statement of financial position date up to the settlement date:

	Overdue		*Current*					
	Above 3 months VND million	*Up to 3 months VND million*	*Up to 1 month VND million*	*From 1 to 3 months VND million*	*From 3 to 12 months VND million*	*From 1 to 5 years VND million*	*Over 5 years VND million*	*Total VND million*
Assets								
Cash	-	-	548,602	-	-	-	-	548,602
Balances at the SBV	-	-	7,024,700	-	-	-	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	-	-	17,211,532	16,809,668	1,900,000	-	-	35,921,200
Held-for-trading securities	-	-	-	-	340,337	-	-	340,337
Derivatives financial instruments and other financial assets	-	-	89,061	-	-	-	-	89,061
Loans to customers – gross	1,465,307	1,882,962	4,544,178	13,924,312	39,372,974	17,217,360	15,229,943	93,637,036
Investment securities – gross	-	-	6,130,479	1,200,000	5,900,000	-	9,186,925	22,417,404
Long term investments – gross	-	-	-	-	-	-	5,000	5,000
Fixed assets	-	-	-	-	-	187,905	510,969	698,874
Other assets – gross	21,424	-	3,314,177	-	-	-	-	3,335,601
Total assets	**1,486,731**	**1,882,962**	**38,862,729**	**31,933,980**	**47,513,311**	**17,405,265**	**24,932,837**	**164,017,815**
Liabilities								
Borrowings from the Government and the SBV	-	-	215,774	-	-	-	7,117	222,891
Due to and borrowings from other credit institutions	-	-	16,218,852	16,823,509	5,373,806	-	-	38,416,167
Due to customer	-	-	23,784,481	26,484,609	43,292,298	1,284,289	-	94,845,677
Valuable paper issued	-	-	-	-	13,215,000	-	4,463,260	17,678,260
Other liabilities	-	-	-	2,995,383	-	-	-	2,995,383
Total liabilities	**-**	**-**	**40,219,107**	**46,303,501**	**61,881,104**	**1,284,289**	**4,470,377**	**154,158,378**
Net liquidity gap	**1,486,731**	**1,882,962**	**(1,356,378)**	**(14,369,521)**	**(14,367,793)**	**16,120,976**	**20,462,460**	**9,859,437**

35. FINANCIAL RISK MANAGEMENT POLICIES (continued)

35.2 Market risk (continued)

(d) Other market price risks

Other than the assets and liabilities presented above, the Bank has no other market price risks which have risk level accounting for 5% or more of net profit or the value of assets, liabilities accounting for 5% or more of total assets.

36. CONCENTRATION OF ASSETS, LIABILITIES AND OFF-BALANCE SHEET ITEMS BY GEOGRAPHICAL REGIONS

	Domestic VND million	*Overseas VND million*	*Total VND million*
Asset as at 31 December 2024			
Cash	548,602	-	548,602
Balance with the SBV	7,024,700	-	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	35,209,469	711,731	35,921,200
Held-for-trading securities	340,337	-	340,337
Derivatives financial instruments and other financial assets (total contract nominal value)	89,061	-	89,061
Loans and advance to customers - gross	93,637,036	-	93,637,036
Investment securities - gross	22,417,404	-	22,417,404
Long-term investments - gross	5,000	-	5,000
Other assets - gross	3,335,601	-	3,335,601
Liabilities as at 31 December 2024			
Borrowings from the Government and the SBV	222,891	-	222,891
Due to and borrowings from other credit institutions	38,416,167	-	38,416,167
Due to customers	94,784,178	61,499	94,845,677
Valuable papers issued	17,678,260	-	17,678,260
Other liabilities	2,995,383	-	2,995,383
Off balance sheet commitments At as 31 December 2024	**847,432**	**-**	**847,432**

37. SEGMENT REPORT

37.1 Main segment report by geographical region

Information of income, expenses, assets and liabilities of the divisions by geographical area of the Bank during the year as follows:

	Northern VND million	*Central VND million*	*Southern VND million*	*Total segment VND million*	*Eliminations VND million*	*Total VND million*
I. Income	**2,731,052**	**1,839,326**	**19,662,834**	**24,233,212**	**(13,615,306)**	**10,617,906**
Interest income	2,685,956	1,819,514	18,831,693	23,337,163	(13,615,306)	9,721,857
Other services income	44,741	19,685	167,203	231,629	-	231,629
Other operating income	355	127	663,938	664,420	-	664,420
II. Expense	**2,500,407**	**1,719,471**	**18,077,197**	**22,297,075**	**(13,615,306)**	**8,681,769**
Interest expense	2,280,981	1,545,933	16,698,739	20,525,653	(13,615,306)	6,910,347
Depreciation expense	11,289	5,743	84,506	101,538	-	101,538
Other direct operating expense	208,137	167,795	1,293,952	1,669,884	-	1,669,884
Profits before provision for credit loss expenses	**230,645**	**119,855**	**1,585,637**	**1,936,137**	**-**	**1,936,137**
(Provision expense)/reversal for credit loss expenses	(46,270)	4,832	(763,401)	(804,839)	-	(804,839)
Operating results before CIT	**184,375**	**124,687**	**822,236**	**1,131,298**	**-**	**1,131,298**

37. SEGMENT REPORT (continued)

Information of income, expenses, assets and liabilities of the divisions by geographical area of the Bank during the year as follows:

	Northern VND million	*Central VND million*	*Southern VND million*	*Eliminations VND million*	*Total VND million*
I. Asset					
1. Cash	137,726	99,523	311,353	-	548,602
2. Balances at the SBV	2,043	11,431	7,011,226	-	7,024,700
3. Due from and loans to other credit institutions	8,293	882	35,912,025	-	35,921,200
4. Held-for-trading securities	-	-	340,337	-	340,337
5. Derivatives financial instruments and other financial assets	-	-	89,061	-	89,061
6. Loans to customers	11,510,216	9,752,958	72,373,862	-	93,637,036
7. Investment securities	-	-	22,417,404	-	22,417,404
8. Long-term investments	-	-	5,000	-	5,000
9. Fixed assets	17,618	17,653	663,603	-	698,874
10. Other assets	268,123	120,315	2,969,720	(22,557)	3,335,601
Total assets	**11,944,019**	**10,002,762**	**142,093,591**	**(22,557)**	**164,017,815**
II. Liabilities					
1. Borrowings from the Government and the SBV	-	-	222,891	-	222,891
2. Due to from and borrowings other credit institutions	1	1,037	38,415,129	-	38,416,167
3. Due to customers	29,727,338	19,526,419	45,591,920	-	94,845,677
4. Valuable papers issued	236,760	84,050	17,357,450	-	17,678,260
5. Other liabilities	716,036	407,707	1,894,197	(22,557)	2,995,383
Total Liabilities	**30,680,135**	**20,019,213**	**103,481,587**	**(22,557)**	**154,158,378**

38. SUPPLEMENTAL NOTES ON FINANCIAL ASSETS AND FINANCIAL LIABILITIES

38.1 Carrying value and fair value of financial assets and financial liabilities

Carrying value and fair value of the Bank's financial asset and liabilities as at 31 December 2024 are presented as follows:

	Carrying value						
	Trading VND million	*Held-to-maturity VND million*	*Loans and receivables VND million*	*Available-for-sale VND million*	*Other assets and liabilities at amortized cost VND million*	*Total VND million*	*Fair value VND million*
Assets							
Cash	-	-	-	-	548,602	548,602	548,602
Balances at the SBV	-	-	-	-	7,024,700	7,024,700	7,024,700
Due from and loans to other credit institutions	-	-	-	-	35,921,200	35,921,200	*(a)*
Held-for-trading securities	340,337	-	-	-	-	340,337	*(a)*
Derivatives financial instruments and other financial assets	-	-	-	-	89,061	89,061	*(a)*
Loans to customers	-	-	92,493,074	-	-	92,493,074	*(a)*
Available-for-sale securities	-	-	-	2,729,322	-	2,729,322	*(a)*
Held-to-maturity securities	-	19,688,082	-	-	-	19,688,082	*(a)*
Other financial assets	-	-	2,644,494	-	-	2,644,494	*(a)*
Total assets	**340,337**	**19,688,082**	**95,137,568**	**2,729,322**	**43,583,563**	**161,478,872**	
Liabilities							
Borrowings from Government and the SBV	-	-	-	-	222,891	222,891	*(a)*
Due to and borrowings from other credit institutions	-	-	-	-	38,416,167	38,416,167	*(a)*
Due to customers	-	-	-	-	94,845,677	94,845,677	*(a)*
Valuable papers issued	-	-	-	-	17,678,260	17,678,260	*(a)*
Other financial liabilities	-	-	-	-	2,821,079	2,821,079	*(a)*
Total liabilities	**-**	**-**	**-**	**-**	**153,984,074**	**153,984,074**	

(a) The fair value of these financial assets and financial liabilities cannot be determined as there are currently no specific guidelines and regulations of the SBV and the authorities to determine the fair value of financial instruments.

39. COMMITMENTS AND FIDUCIARY ASSETS

39.1 *Capital expenditure commitments*

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Commitments on capital expenditure for office building and purchase of fixed assets	**86,860**	**32,348**

39.2 *Operating lease commitments*

The Bank rents offices for some branches under operating lease contracts. The future rental fee under terms of lease contracts as at the separate statement of financial position date is as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Non-cancellable lease commitments	**607,390**	**567,594**
In which:		
- Due within one (1) year	185,414	171,952
- Due from one (1) to five (5) years	358,651	343,791
- Due after five (5) years	63,325	51,851

39.3 *Lease commitments*

The Bank uses some its assets to provide operating lease service to the clients. The future leasing fees under terms of lease contracts as at the separate statement of financial position date are as follows:

	Ending balance VND million	*Beginning balance VND million*
Non-cancellable operating lease commitments	**11,352**	**1,189**
In which:		
- Due within one (1) year	8,658	89
- Due from one (1) to five (5) years	2,694	1,100

40. EXCHANGE RATES OF APPLICABLE FOREIGN CURRENCIES AGAINST VIETNAM DONG AT THE END OF THE FINANCIAL YEAR

	Ending balance VND	*Beginning balance VND*
USD	24,602	24,230
EUR	26,595	26,823
GBP	32,055	30,942
CAD	17,797	18,322
AUD	15,919	16,574
SGD	18,787	18,384
JPY	163	172
CHF	28,206	28,760
CNY	3,550	3,550
KRW	19	19

41. EVENTS AFTER THE SEPARATE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION DATE

There is no matter or circumstance that has arisen since the separate statement of financial position date that requires adjustment or disclosure in the separate financial statement.

Soc Trang City, Vietnam
31 March 2025

Prepared by:	Reviewed by:	Approved by:
Ms. Tran Thi Minh Chau	Ms. Pham Thi My Chi	Ms. Tran Tuan Anh
General Accountant	Chief Accountant	General Director